

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI TÌM KIẾM KHÁC

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	28
1 Ca hát - Kinh KHỐC THAN – Tăng I, 472 ...	33
2 Ca hát - Kinh THUYẾT PHÁP VỚI GIỌNG CA – Tăng II, 713	34
3 Cam lồ - Kinh Sukkà – Tương I, 468	35
4 Can thiệp vào việc không có thẩm quyền - Kinh ĐI ĐẾN CÁC GIA ĐÌNH – Tăng II, 529	37
5 Canh một, canh giữa, canh cuối - chúng 3 mình - Kinh VERANJÀ – Tăng III, 518	39
6 Cha đối con vui thích - Kinh Vui Thích – Tương I, 20	51
7 Chao đảo - Kinh KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHẬN – Tăng II, 565	52
8 Che đây - Kinh KHÔNG CÓ CHE ĐÂY – Tăng III, 391	62
9 Chia rẽ và hoà hợp - Kinh THỜI GIAN ĐỀ TINH CẦN – Tăng II, 411	65

- 10 Chia sẻ công đức với chư Thiên tại chỗ ấy - Kinh
ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539.....68
- 11 Chim - Tương ứng Kim Xí Điều – Tương III,
399.....222
- 12 Chim Kim xí điều - Kinh Tương Ứng Kim Xí
Điều – Tương III, 399.....228
- 13 Chiếc bè - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung
I, 295 234
- 14 Chiếc gương chánh pháp - Kinh Giảng Đường
Bằng Gạch 1 – Tương V, 524.....264
- 15 Chiếc gương chánh pháp - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT
BÀN – 16 Trường I, 539 271
- 16 Chiếc thuyền bị mắc cạn - Kinh SỰ TU TẬP –
Tăng III, 454 401
- 17 Chiến sĩ - 5 hạng chiến sĩ - Kinh NGƯỜI
CHIẾN SĨ 1 – Tăng II, 450 405
- 18 Chiến trận giữa chư Thiên và Asura - Kinh CHƯ
THIÊN – Tăng IV, 187.....425
- 19 Chiều tu tập, sáng hôm sau chứng đắc - Kinh BỒ
ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565 430

20	Chánh giác phần - Kinh CHÁNH GIÁC – Tăng IV, 64	441
21	Chánh giác phần - Kinh TÔN GIẢ MEGHIYA – Tăng IV, 69	446
22	Chánh giác phần - Pháp đưa đến chánh giác - Kinh TÔN GIẢ MEGHIYA – Tăng IV, 69 .	453
23	Chánh tông - Con chánh tông của Thế Tôn - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153.....	460
24	Chánh tông - Con chánh tông của Thế Tôn - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387.....	468
25	Chánh tông - Ta là con chánh tông của Thế Tôn - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153	493
26	Chánh tông - Ta là con chánh tông của Thế Tôn - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387.....	501
27	Chánh đạo - Định nghĩa - Kinh Con Đường – Tương II, 14	526
28	Chân lý - Thế nào là hộ trì chân lý - Kinh CANKI – 95 Trung II, 715	528

- 29 Chân thật - Tín, ít bệnh, chân thật, tấn, tuệ - Kinh MỤC ĐÍCH 1 – Tăng II, 557 551
- 30 Chân đế - Thế nào là Chân đế - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541.....555
- 31 Châu báu - 5 châu báu - Kinh BÀLAMÔN PINGIYÀNI – Tăng II, 693.....572
- 32 Châu báu - 5 châu báu khó tìm được ở đời - Kinh TẠỊ ĐỀN SÀRANDADA – Tăng II, 583 575
- 33 Chín bất thời bất tiết - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....579
- 34 Chín chỗ an trú của loài hữu tình - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 582
- 35 Chín chỗ cư trú của các loài hữu tình - Kinh CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141 584
- 36 Chín có vẻ như chưa chín - Kinh CÁI GHÈ – Tăng II, 14.....587
- 37 Chín cửa - Kinh Bốn Bánh Xe – Tương I, 41 597
- 38 Chín cửa hôi thúi - Kinh MỘT UNG NHỌT – Tăng IV, 116 598

- 39 Chín hạng người khi chết có dư y, được thoát khỏi địa ngục... - Kinh TISSA – Tăng III, 379 599
- 40 Chín muối - Giải thoát được chín muối - Kinh TẠI MỖI PHƯƠNG HƯỚNG – Tăng II, 555 612
- 41 Chín thanh tịnh tinh cần chi - Kinh THẬP THUỞNG – 34 Trường II, 653 615
- 42 Chín thứ đoạn diệt - Kinh CHÍNH THỨ ĐỆ DIỆT – Tăng IV, 152 616
- 43 Chín thứ đề trú - Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 1 – Tăng IV, 154 618
- 44 Chín thứ đề trú - Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 – Tăng IV, 155 620
- 45 Chín thứ đệ diệt - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....628
- 46 Chín thứ đệ trú - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....629
- 47 Chín trú xứ của Thức - Kinh ĐẠI DUYÊN – 15 Trường I, 511 630

- 48 Chín xung đột sự - Kinh PHÚNG TỤNG – 33
Trường II, 567.....654
- 49 Chính khát ái này dẫn đến tái sanh - Kinh Hữu
Thân – Tương III, 283 656
- 50 Chính khát ái này dẫn đến tái sanh - Kinh Khô –
Tương III, 282.....659
- 51 Chính tự mình thấy - Kinh CHÍNH THỰC
MÌNH THẤY 1 – Tăng IV, 220 661
- 52 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông
phải... - Kinh GIÁC NGỘ – Tăng I, 549.....663
- 53 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông
phải... - Kinh Minh 1 – Tương V, 625 665
- 54 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông
phải... - Kinh MẶT TRỜI – Tăng III, 418 ...667
- 55 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông
phải... - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16
Trường I, 539.....676
- 56 Chính xác - Thế Tôn trả lời chính xác vấn đề -
Kinh CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ BÊN KIA –
Tăng III, 193 806

- 57 Chó -- 5 cựa Balamôn - Kinh VÍ DỤ CON CHÓ
– Tăng II, 668 811
- 58 Chó -- Kinh HẠNH CON CHÓ – 57 Trung II,
115.....814
- 59 Chăn bò - 11 pháp của người chăn bò - Kinh
NGƯỜI CHĂN BÒ – Tăng IV, 691.....825
- 60 Chấn động - Tôi là, là một chấn động - Kinh Bó
Lúa – Tương IV, 325 838
- 61 Cháp ngã - 108 chấp ngã - Kinh ÁI – Tăng II,
225.....845
- 62 Cháp thủ - Không bị chấp thủ quấy rối - Kinh
GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541 849
- 63 Cháp thủ - Pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ
- Kinh Liễu Tri – Tương IV, 59.....866
- 64 Cháp thủ - Thế nào là bị chấp thủ quấy rối -
Kinh TỔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT –
138 Trung III, 513.....868
- 65 Cháp thủ vi tế cuối cùng - Kinh BẤT ĐỘNG
LỢI ÍCH – 106 Trung III, 97.....881
- 66 Chắc chắn đã giác hiểu là Kiền-Trần-Như - Kinh
Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610.....889

- 67 Chặt tay chân - Ví dụ người bị chặt tay chân -
Kinh SANDAKA – 76 Trung II, 377 896
- 68 Chế ngự căn - Kinh TÔN GIẢ NANDA – Tăng
III, 510 918
- 69 Chế ngự căn - Kinh XẤU HỒ – Tăng III, 417
.....922
- 70 Chế ngự căn - Thức ăn của Không chế ngự căn
là Không chánh niệm tg - Kinh VÔ MINH –
Tăng IV, 391 925
- 71 Chế ngự thân khẩu ý - Kinh VAPPA – Tăng II,
196.....933
- 72 Chế ngự thân lời ý là chỗ quy y - Kinh HAI
NGƯỜI 1 – Tăng I, 277.....941
- 73 Chế ngự tâm - Không nên chế ngự ý về mọi mặt
- Kinh Chế Ngự Tâm – Tương I, 37.....944
- 74 Chế ngự, đoạn tận là mục đích của Phạm hạnh
này - Kinh PHẠM HẠNH – Tăng I, 597 945
- 75 Chỉ có cách như thật quán - Kinh ĐOẠN GIẢM
– 8 Trung I, 97 947
- 76 Chỉ có mắt, chớ không có cảm thọ.. - Kinh TÔN
GIẢ ÀNANDA – Tăng IV, 179 965

- 77 Chỉ có một vị là vị giải thoát - Kinh ATULA PAHÀRÀDA – Tăng III, 557.....969
- 78 Chỉ cần có 7 ngày - Kinh UÙ-ĐÀM-BÀ-LA SU TỦ HỒNG – 25 Trường II, 319.....979
- 79 Chỉ là danh từ của thế gian - Kinh POTTHAPADA – 9 Trường I, 311 1009
- 80 Chỉ là một âm thanh ở đời - Kinh MUDHURA – 84 Trung II, 549.....1045
- 81 Chỉ nhìn một cách thản nhiên - Kinh ĐÁNG GHÊ TỎM – Tăng I, 224.....1060
- 82 Chỉ trong đạo Phật mới có - 10 chánh đạo - Kinh CÁC PHÁP THANH TỊNH – Tăng IV, 564 1065
- 83 Chỉ trong đạo Phật mới có - 4 Thánh quả - Kinh VỊ SAMÔN – Tăng II, 269.....1071
- 84 Chỉ trong đạo Phật mới có - 4 Thánh quả - TIÊU Kinh SU TỦ HỒNG – 11 Trung I, 151 1073
- 85 Chỉ trong đạo Phật mới có - 8 chánh đạo - Kinh Sanh Khởi 2 – Tương V, 29 1083

- 86 Chỉ trích - Muốn chỉ trích người khác cần an trú tâm 5 pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....1085
- 87 Chỉ trích, phê bình - Kinh CÁC SỨC MẠNH – Tăng I, 102.....1086
- 88 Chỉ được Ta biết mà thôi - Kinh THIÊN SÚ – 130 Trung III, 425.....1100
- 89 Chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295 1118
- 90 Chỉ ở đây là có Samôn thứ nhất - Kinh VỊ SAMÔN – Tăng II, 269.....1148
- 91 Chỉ ở đây là có Samôn thứ nhất - TIỂU Kinh SỰ TỬ HỒNG – 11 Trung I, 151.....1150
- 92 Chịu đựng - Kinh BIẾT NGHE – Tăng II, 573 1160
- 93 Chịu đựng - Kinh KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565.....1165
- 94 Chịu đựng - Kinh ĂN CÁC ĐỒ THỰC VẬT – Tăng II, 564.....1175
- 95 Chỗ bắt đầu tu tập - Kinh Ý NGHĨA GÌ – Tăng IV, 236 1177

96	Chỗ cần phải xúc động mạnh - Kinh XÚC ĐỘNG – Tăng II, 44.....	1186
97	Chỗ để giải thoát - Kinh GIẢI THOÁT XÚ – Tăng II, 335.....	1187
98	Chớ - Chớ bỏ mất bất tử - Kinh Bất Tử – Tương V, 287.....	1192
99	Chớ - Chớ có buông lung trí tuệ - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541.....	1193
100	Chớ - Chớ có cãi lộn với nhau, phải học tất cả - Kinh NGHĨ NHƯ THẾ NÀO – 103 Trung III, 55.....	1210
101	Chớ - Chớ có hành trì tự kỷ khổ hạnh - Kinh VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT – 139 Trung III, 527.....	1219
	101.1 – Bài kinh số 139 – Trung III, 527.....	1219
102	Chớ - Chớ có mạng chung với tâm còn ái luyến - Kinh CHA MẸ CỦA NAKULA 1 – Tăng III, 33.....	1237
103	Chớ - Chớ có nói vạ - Kinh XUẤT LY GIỚI – Tăng III, 25	1243

104 Chớ - Chớ có sợ, này Mahanama - Kinh Mahànàma 1 – Tương V, 539.....	1247
105 Chớ - Chớ có tin vì nghe... - Kinh BHADDIYA – Tăng II, 184	1252
106 Chớ - Chớ có tin vì nghe... - Kinh CÁC VỊ Ở KESAPUTTA – Tăng I, 336	1262
107 Chớ - Chớ có tin vì nghe... - Kinh SÀLHÀ – Tăng I, 347	1273
108 Chớ - Chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thời giờ - Kinh Voi – Tương II, 469	1281
109 Chớ - Chớ kiêu mạn về vấn đề này - Kinh TÔN GIẢ SAMIDDHI – Tăng IV, 113.....	1284
110 Chớ - Chớ nói như vậy - Kinh XUẤT LY GIỚI – Tăng III, 25	1288
111 Chớ - Chớ nương tựa một gì khác - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539	1293
112 Chớ - Chớ thành người tối hậu sau Ta - Kinh MAKHADEVA – 83 Trung II, 531	1423
113 Chớ cá - ồn ào bị Thế Tôn đuổi đi - Kinh CATUMA – 67 Trung II, 253	1439

114	Chợ cá - ồn ào như chợ cá - Kinh TÔN GIẢ NÀGITA – Tăng III, 100.....	1451
115	Các bước tu tập - Kinh UPÀLI – Tăng IV, 515	1456
116	Các hành là vô thường - Kinh MẶT TRỜI – Tăng III, 418	1468
117	Các hành là vô thường - Kinh ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG – 17 Trường II, 9	1477
118	Các hành là vô thường, không kiên cố và bất an - Kinh Núi Vepulla – Tương II, 330.....	1516
119	Các học giới không phải là rỗng không - Kinh BẢN TỤNG ĐỌC 1 – Tăng I, 422	1521
120	Các học giới không phải là rỗng không - Kinh HỮU HỌC 2 – Tăng I, 420	1525
121	Các pháp Thế Tôn đã thuyết giảng - Kinh LÀNG SAMA – 104 Trung III, 65.....	1529
122	Cách chọn thầy, bạn - Kinh CẦN PHẢI THÂN CẬN – Tăng I, 221	1543
123	Cách chọn thầy, bạn - Kinh CẦN PHẢI THÂN CẬN – Tăng IV, 84	1546

- 124 Cách chọn thầy, bạn - Kinh TỨ SÁT – 47 Trung I, 693 1554
- 125 Cách chọn thầy, bạn - Kinh TỊNH CHỈ – Tăng IV, 368 1562
- 126 Cách chọn thầy, chọn chỗ tu tập - Kinh KHU RỪNG – 17 Trung I, 239.....1570
- 127 Cách chọn thầy, chọn đạo - Người trí suy xét ntn - Kinh SANDAKA – 76 Trung II, 377.....1578
- 128 Cách sống của người cư sĩ tại gia - Kinh GIÁO THỌ THI-CÁ-LA-VIỆT – 31 Trường II, 529 1599
- 129 Cách tu tập - Kinh UPÀLI – Tăng IV, 515 1620
- 130 Cách tu tập - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502 1632
- 131 Cách tu tập - Kinh ƯỚC NGUYỄN – Tăng IV, 412.....1637
- 132 Cách tu tập Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm gth - Kinh ANALUẬT – 127 Trung III, 365 1641
- 133 Cách tu tập của Bạc hữu học - Kinh HỮU HỌC – 53 Trung II, 39 1653

- 134 Cách tu tập của Bạc hữu học - Kinh THÀNH TRÌ – Tăng III, 426.....1666
- 135 Cách tu tập của Bồ-tát và sự giải thoát của Ngài - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379 1677
- 136 Cách tu tập tâm - Kinh VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325 1694
- 137 Cách tu tập để không bao lâu đạt được 4 vô ngại giải - Kinh VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325 1696
- 138 Cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ chúng - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295 1698
- 139 Cái gì là LỖI CÂY, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301 1728
- 140 Cái gì là nhiều hơn - Kinh Tương ưng vô thí – Tương II, 309 1742
- 141 Cái gì là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích... - Kinh Khoảng Ba Mươi – Tương II, 324 1774

- 142 Cái gì là nhiều hơn, ít đất trong đầu ngón tay của Ta hay là.. - Kinh Núi Sineru Tu Di – Tương V, 662.....1778
- 143 Cái gì ta tư niệm, tư lường, cái ấy làm sở duyên cho thức an trú, do thức an trú nên... Kinh Tư Tâm Sở – Tương II, 119 1782
- 144 Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong khổ đau - Kinh Kalàra – Tương II, 93.....1787
- 145 Cái gì được thấy, được nghe... Cái ấy là thường hay vô thường - Kinh Gió – Tương III, 349 1799
- 146 Cái gương - Mục đích là để phản tỉnh - Kinh GIÁO GIỚI LAHÀULA Ở RỪNG AMBÀLA – 61 Trung II, 171 1803
- 147 Cái trông Anaka - Kinh Cái Chốt Trông – Tương II, 466.....1815
- 148 Cái tôi - 108 ngã chấp - Kinh ÁI – Tăng II, 225 1817
- 149 Cái tôi - 4 cách được ngã tánh - Kinh ĐƯỢC NGÃ TÁNH – Tăng II, 118 1821
- 150 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Kappa – Tương III, 301 1825

- 151 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận -
Kinh Kappa – Tương III, 302 1827
- 152 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận -
Kinh Ràdha – Tương III, 149 1829
- 153 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận -
Kinh Ràhula – Tương III, 244 1831
- 154 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận -
Kinh Suràdha – Tương III, 150 1833
- 155 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận -
Kinh Tỳ Miên – Tương II, 441 1835
- 156 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận -
Kinh Viên Ly – Tương II, 442.....1837
- 157 Cái tôi - Biết thế nào, Tà kiến, thân kiến, ngã
kiến được đoạn trừ - Kinh Tà Kiến – Tương IV,
242.....1839
- 158 Cái đó chẳng đáng gì, nhưng... - Kinh VÍ DỤ
CON CHIM CÁY – 66 Trung II, 235 1841
- 159 Cái đập thứ bảy - Kinh Bó Lúa – Tương IV, 325
.....1859
- 160 Cán búa bị hao mòn - Kinh SỰ TU TẬP – Tăng
III, 454 1866

- 161 Câṃ ngọṇg - Kinh CHUỐṄG NGẠI – Tăng III,
250.....1870
- 162 Câṃ nhắḥ - Câṃ nhắḥ khi chọn thầy, bạn - Kinh
CẦN PHẢI THÂN CẶN – Tăng IV, 84 1874
- 163 Câṃ nhắḥ - Câṃ nhắḥ khi đặt lòng tin - Kinh
CANKI – 95 Trung II, 715 1882
- 164 Câṃ nhắḥ - Câṃ nhắḥ nói hay không nên nói -
Kinh ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 145.1905
- 165 Câṃ nhắḥ - Câṃ nhắḥ trong hành động - Kinh
NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ –
114 Trung III, 191.....1908
- 166 Câṃ nhắḥ - Cặn nhắḥ khi tán thán hay tín nhiệm
- Kinh MẮT GỐC – Tăng I, 552 1932
- 167 Câṃ nhắḥ - Nên hay không nên - Kinh CẶN
PHẢI THÂN CẶN – Tăng I, 221.....1935
- 168 Câṃ nhắḥ - Nên hay không nên - Kinh CẶN
PHẢI THÂN CẶN – Tăng IV, 84.....1938
- 169 Câu hỏi - 4 cách trả lời - Kinh PHÚṄG TỤNG
– 33 Trường II, 567.....1946
- 170 Câu hỏi - 4 cách trả lời câu hỏi - Kinh CÁC CẬU
HỎI – Tăng I, 637.....1947

- 171 Câu hỏi - 5 lý do đặt câu hỏi - Kinh NHỮNG
CÂU HỎI – Tăng II, 621.....1949
- 172 Câu hỏi - Kinh CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI
ĐẾN – Tăng I, 355.....1951
- 173 Câu hỏi lớn - 10 câu hỏi lớn - Kinh NHỮNG
CÂU HỎI LỚN 1 – Tăng IV, 304.....1957
- 174 Câu phần giải thoát - Giải thích - Kinh
KITAGIRI – 70 Trung II, 291 1971
- 175 Câu phần giải thoát - Kinh CÁC HẠNG NGƯỜI
– Tăng III, 288 1988
- 176 Câu phần giải thoát - Kinh ĐẠI DUYÊN – 15
Trường I, 511 1990
- 177 Cây - 4 loại người ví với 4 loại cây - Kinh CÁC
CÂY – Tăng II, 21 2014
- 178 Cây - Cây bàng chúa - cây pháp - Kinh
DHAMMIKA – Tăng III, 143 2017
- 179 Cây - Cây gậy quăng lên hư không... - Kinh Cái
Gậy – Tương V, 638 2029
- 180 Cây - cây Kimsukà - Kinh Phải Gọi Là Gì –
Tương IV, 312 2031

- 181 Căn - 3 căn là nam căn, nữ căn, mạng căn - Kinh
Mạng – Tương V, 319 2037
- 182 Căn - 5 căn khác - Kinh PHÚNG TỤNG – 33
Trường II, 567.....2038
- 183 Căn bản - Căn bản của sự tu tập - Kinh ĐẠI-
CA-CHIÊN-DIÊN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ –
133 Trung III, 453.....2039
- 184 Căn bản - Căn bản của tất cả pháp - 8 pháp -
Kinh CỘI RỄ CỦA SỰ VẬT – Tăng IV, 47
.....2052
- 185 Căn bản - Căn bản tu tập - Kinh MAHÀNÀMA
1 – Tăng IV, 665 2055
- 186 Căn bản - Căn bản tu tập - Kinh PHÂN BIỆT
SÁU XỨ – 137 Trung III, 499 2067
- 187 Căn bản - Căn bản địa của bậc Hiền trí - Kinh
AJITA – Tăng IV, 553.....2080
- 188 Căn bản - Căn được thành tựu là gì - Kinh Căn
– Tương IV, 233 2084
- 189 Căn bản - Kinh PHÁP MÔN CĂN BỒN – 1
Trung I, 9 2086

- 190 Căn cơ - 4 hạng người có căn cơ - Kinh GẬY THÚC NGỰA – Tăng II, 31 2097
- 191 Căn cơ - Căn trí của con người - Kinh LỜI CẢM HỨNG – Tăng III, 197 2103
- 192 Căn cơ - Căn tánh sai khác - ĐẠI Kinh MALUNKYAPUTTA – 64 Trung II, 205 .2115
- 193 Cạn và sâu - 4 hạng người - Kinh CÁI GHÈ – Tăng II, 14.....2125
- 194 Cả hai phương diện đều có lợi - Kinh KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG – 60 Trung II, 145 2135
- 195 Cả thế giới được giải thoát phải không - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502 2160
- 196 Cảm hoá là sức mạnh của bậc Hiền trí - Kinh SỨC MẠNH 1 – Tăng III, 587.....2165
- 197 Cảm thọ - Kinh MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH – Tăng III, 209 2166
- 198 Cảm thọ quả dị thực - Kinh HẠT MUỐI – Tăng I, 451 2179
- 199 Cảm thọ tham ái được đoạn tận... - Kinh NIẾT BÀN – Tăng I, 283 2188

200	Cảm thọ tâm khổ, tâm ưu - Kinh VỊ BÀLAMÔN – Tăng I, 280	2190
201	Cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh nên.. - Kinh Pàrileyya – Tương III, 174	2196
202	Cảm xúc không có tổn hại.. - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259.....	2205
203	Cát chứa như khi còn tại gia - Kinh DU SĨ SUTAVÀ – Tăng IV, 90.....	2209
204	Cầu nhiễm - tham cầu nhiễm, sân cầu nhiễm, si cầu nhiễm - Kinh Phảo Tầm Cầu – Tương V, 86.....	2212
205	Cầu uế - 4 hạng người biết và không biết cầu uế - Kinh KHÔNG UẾ NHIỄM – 5 Trung I, 59	2232
206	Cầu uế - 8 cầu uế - Kinh CÁC CẦU UẾ – Tăng III, 553	2251
207	Cầu uế - Cầu uế của tâm - Kinh VÍ DỤ TẮM VẢI – 7 Trung I, 87	2253
208	Cầu uế - Kinh KHÔNG UẾ NHIỄM – 5 Trung I, 59	2262

- 209 Cần nhiệt tình làm mạnh - Kinh NHIỆT TÌNH
TÌNH TẤN – Tăng I, 273.....2281
- 210 Cần phải - 5 sự kiện cần phải quan sát - Kinh SỰ
KIỆN CẦN PHẢI QUAN SÁT – Tăng II, 421
.....2283
- 211 Cần phải - Cần phải biết - Kinh PHÂN BIỆT
SÁU XỨ – 137 Trung III, 499 2290
- 212 Cần phải - Cần phải chứng ngộ bằng thân, niệm,
mắt, trí tuệ - Kinh CHỨNG NGỘ – Tăng II, 167
.....2303
- 213 Cần phải - Cần phải trọn đời ghi nhớ - Kinh BA
CHỖ – Tăng I, 189 2305
- 214 Cầu bất đắc khổ - Định nghĩa - Kinh PHÂN
BIỆT VỀ SỰ THẬT – 141 Trung III, 559.2307
- 215 Cầu bất đắc khổ là gì - Kinh PHÂN BIỆT VỀ
SỰ THẬT – 141 Trung III, 559 2315
- 216 Cầu mong - 5 pháp thành tựu ước nguyện - Kinh
ƯỚC NGUYỆN – Tăng IV, 412 2323
- 217 Cầu mong - 6 pháp đưa đến chứng đắc - Kinh
CHỨNG ĐẮC – Tăng III, 243 2327

218 Cầu mong - 7 thù diệu sự - Kinh SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295	2329
219 Cầu mong - Thánh cầu, phi Thánh cầu - Kinh THÁNH CẦU – 26 Trung I, 361.....	2331
220 Cầu nguyện - Cầu nguyện có được gì không - Kinh BỐN NGHIỆP CÔNG ĐỨC – Tăng I, 676	2361
221 Cầu nguyện - Cầu nguyện có được gì không - Kinh PHÁP LƯỢC THUYẾT – Tăng III, 683	2368
222 Cầu nguyện - Họ nghĩ Ta là người họ cần phải đi theo - Kinh PHÁP LƯỢC THUYẾT – Tăng III, 683	2374
223 Cầu nguyện - Không có thần lực nào để ra lệnh.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435.....	2380
224 Cầu nguyện - Không phải do cầu xin mà được - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379.....	2383
225 Cầu nguyện - Không phải do cầu xin mà được - Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401.....	2387
226 Cầu nguyện - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565	2412

- 227 Cầu nguyện - Như Lai chỉ là Người chỉ đường -
Kinh GANAKA MOGGALLANA – 107 Trung
III, 107 2423
- 228 Cầu nguyện - Tu đúng cách mới có kết quả, cầu
xin làm sao được - Kinh Cán Búa – Tương III,
272.....2434
- 229 Cầu nguyện - Tu đúng cách mới có kết quả, cầu
xin làm sao được - Kinh PHÙ-DI – 126 Trung
III, 353 2440
- 230 Cầu nguyện - Tu đúng cách mới có kết quả, cầu
xin làm sao được - Kinh SỰ TU TẬP – Tăng III,
454.....2451
- 231 Cầu nguyện - Đức Phật có độ được cả thế giới
không - Kinh Người Đất Phương Tây hay
Người Đã Chết – Tương IV, 488.....2455
- 232 Cầu nguyện - Đức Phật có độ được hết thế giới
không - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502 2460
- 233 Cầu phước cho gia đình - Kinh UJJAYA – Tăng
I, 629 2465
- 234 Cầu tịch tịnh - Kinh Thời Gian Trôi Qua –
Tương I, 12 2468

235 Cầu tịch tịnh - Kinh Đưa Đến Đoạn Tận – Tương I, 11	2469
236 Cần thận khen chê - Con người được sanh ra với búa trong miệng - Kinh Kokàlika – Tương I, 329	2471
237 Cần thận khen chê - Con người được sanh ra với búa trong miệng - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327	2478
238 Cần thận khen chê - Con người được sanh ra với búa trong miệng - Kinh TỶ KHEO KOKÀLIKA – Tăng IV, 467	2481
239 Cần thận khen chê - Kinh GANH TỊ – Tăng II, 536.....	2489
240 Cần thận khen chê - Kinh KHÔNG TÁN THÁN TƯƠNG XÚNG – Tăng II, 736	2493
241 Cần thận khen chê - Kinh MẤT GỐC – Tăng I, 552.....	2495
242 Cần thận khen chê - Kinh SÁT SANH – Tăng I, 546.....	2498
243 Cần thận khen chê - Kinh TRI KIẾN – Tăng II, 537.....	2500

244	Cẩn thận khen chê - Kinh TÁN THÁN – Tăng I, 713	2503
245	Cẩn thận khen chê - Kinh TÁN THÁN – Tăng II, 534.....	2506
246	Cẩn thận khen chê - Kinh XAN THAM 1 – Tăng II, 738.....	2508
247	Câu thả - Kinh CHÚNG NHÂN – Tăng III, 235	2512
248	Câu thả - Kinh SỨC MẠNH – Tăng III, 237	2514
249	Cận tử nghiệp - Kinh PHAGGUNA – Tăng III, 163.....	2516
250	Cận tử nghiệp - Kinh ĐẠI NGHIỆP PHÂN BIỆT – 136 Trung III, 483.....	2522

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Ca hát - Kinh KHỐC THAN – Tăng I, 472

KHỐC THAN – Tăng I, 472

- Này các Tỷ-kheo, đây được xem là **khốc than** trong giới luật bậc Thánh, tức là ca vịnh.
- Này các Tỷ-kheo, đây được xem là **điên loạn** trong giới luật bậc Thánh, tức là múa nhảy.
- Này các Tỷ-kheo, đây được xem là **trẻ con** trong giới luật bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng.

Do vậy, này các Tỷ-kheo:

→ *Hãy phá cây cầu đi đến hát.*

→ *Hãy phá cây cầu đi đến múa.*

→ *Thật là vừa đủ, nếu các Thầy được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để tỏ là các Thầy được hoan hỷ.*

2 Ca hát - Kinh THUYẾT PHÁP VỚI GIỌNG CA – Tăng II, 713

THUYẾT PHÁP VỚI GIỌNG CA – *Tăng II*, 713

1. - **Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại với người thuyết pháp với giọng ca kéo dài.**

2. Thế nào là năm?

- Tự mình say đắm trong âm giọng ấy;
- Người khác say đắm trong âm giọng ấy;
- Các người gia chủ phê bình: "Như chúng ta hát, cũng vậy, các Sa-môn Thích tử này ca hát."
- Vì vị ấy cố gắng rèn luyện cho âm thanh điều luyện nên định bị gián đoạn;
- Các thế hệ sau bắt chước."

Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại với người thuyết pháp với giọng ca kéo dài.

3 Cam lồ - Kinh Sukkà – Tương I, 468

Sukkà – Tương I, 468

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sukkà, có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp.
- 3) Rồi một Dạ-xoa có lòng tịnh tín đối với Tỳ-kheo-ni Sukkà, đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Ràjagaha, và ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

*Này người Vương Xá thành,
Các Người đã làm gì,
Mà nay lại nằm dài,
Như say vì rượu ngọt.
Không hầu hạ Sukkà,
Đang thuyết pháp bất tử?
Pháp ấy không trở lui,
Cam lồ không lưng vơi.
Ta nghĩ người trí tuệ
Uống nước (cam lồ) ấy,
Chẳng khác một đám mưa,
Đối với kẻ lữ hành.*

4 Can thiệp vào việc không có thẩm quyền - Kinh ĐI ĐẾN CÁC GIA ĐÌNH – Tăng II, 529

ĐI ĐẾN CÁC GIA ĐÌNH – Tăng II, 529

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, **không được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập.**

2. Thế nào là năm?

- Vị ấy thân mật với người không thân tín,
- Can thiệp vào việc không có thẩm quyền,
- Ra vào với các phần tử chống đối,
- Nói riêng một bên tai,
- Xin quá nhiều.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, không được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, **được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập.**

Thế nào là năm?

- Vị ấy **không** thân mật với người không thân tín,
- Không can thiệp vào việc không có thẩm quyền,
- Không ra vào với các phần tử chống đối,
- Không nói riêng một bên tai,
- Không xin quá nhiều.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập.

5 Canh một, canh giữa, canh cuối - chứng 3 minh - Kinh VERANJÀ – Tăng III, 518

VERANJÀ – *Tăng III*, 518

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi Bà-la-môn Veranjà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói nên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Veranjà bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Sa-môn Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời".

Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy: "Tôn giả Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời". Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, như vậy là không đầy đủ.

- Nay Bà-la-môn, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, trong thế giới Ác ma, trong thế giới Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người mà ta có thể đánh lễ người ấy, đứng dậy hay mời ghé ngôi. Nay Bà-la-môn, *nếu Như Lai đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời ngồi ai, thời đầu người ấy bị bể tan.*

2. - Tôn giả Gotama, thật thiếu ý vị!

- Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nay Bà-la-môn, *các sắc vị, thanh vị, hương vị, vị vị, xúc vị, các vị ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng,* chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

3. "Tôn giả Gotama thiếu tài sản ".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản ". Nay Bà-la-môn, *các sắc tài sản, thanh tài sản, hương tài sản, vị tài sản,*

xúc tài sản, các tài sản ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sinh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

4. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết không hành động".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nay Bà-la-môn, *Ta nói không hành động về thân làm ác, về lời nói ác, về ý nghĩ ác. Ta nói không hành động về các pháp ác, bất thiện*. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

5. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt". Nay Bà-la-môn, *Ta tuyên bố đoạn diệt tham, sân, si. Ta*

tuyên bố đoạn diệt các ác, bất thiện pháp. Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

6. "Tôn giả Gotama là người nhàm chán".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán". Đây Bà-la-môn, *Ta nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện.* Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

7. "Tôn giả Gotama là người chủ trương hư vô chủ nghĩa".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô". Đây Bà-la-môn, *Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện.* Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-

môn Gotama là người chủ trương hư vô". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

8. "Tôn giả Gotama là người khổ hạnh".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh ". Này Bà-la-môn, *Ta tuyên bố rằng cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.* Này Bà-la-môn, với ai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Bà-la-môn, với Như Lai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đã được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

9. "Tôn giả Gotama chủ trương không nhập thai".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Này Bà-la-môn, với ai mà khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai đã đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy chủ trương không nhập thai. Này Bà-la-môn, *Như Lai đã đoạn tận khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai* đã đoạn tận, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây tala, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

Ví như, này Bà-la-môn, có tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái, được con gà mái khéo ấp nằm, ấp nóng và ấp dưỡng, và con gà nào trong những con gà con ấy, đầu tiên hết, lấy chân, móng, đầu, miệng hay mổ phá vỡ vỏ trứng gà, ra ngoài một cách an toàn, con ấy được gọi là con trưởng hay con trẻ nhất?

- Thừa Tôn giả Gotama, con ấy phải được gọi là con trưởng. Thật vậy, thừa Tôn giả Gotama, con ấy là con trưởng trong tất cả các con gà ấy.

10. - Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi Ta, vì chúng sanh bị vô minh chi phối, như sanh ra từ trứng, bị bao trùm, đã phá vỡ vỏ trứng vô minh, một mình chúng được vô thượng Chánh Đẳng Giác ở đời. Này Bà-la-môn, thật sự **Ta là vị đệ nhất, tối thắng ở đời.**

Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta tinh cần tinh tấn, không biếng nhác. Ta trú niệm, không có thất niệm, thân được khinh an, không có tháo động, định tĩnh, nhất tâm.

11. Này Bà-la-môn, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta đã chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ Ta trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ, mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Ta chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

Xả lạc, xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.

12. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Túc mạng minh**. Ta nhớ đến đời sống quá khứ, một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh một*, Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất*

sinh thứ nhất của Ta, như con gà con sinh ra khỏi vỏ trứng.

13. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Trí tuệ về sanh tử của chúng sanh.**

Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Những hạng chúng sanh này thành tựu thân làm ác, thành tựu miệng nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn những hạng chúng sanh nào, thành tựu thân làm lành, thành tựu miệng nói lành, thành tựu ý nghĩ lành, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh giữa*, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ hai của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

14. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Lậu tận trí**. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là khổ tập", biết như thật: "Đây là Khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Do biết như vậy, thấy như vậy, tâm của ta thoát khỏi lậu dục, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã

thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa".

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh cuối*, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ ba của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

15. Được nghe nói như vậy, Bà-la-môn Veranja bạch Thế Tôn:

- Đệ nhất là Tôn giả Gotama!

Tôi thắng là Tôn giả Gotama!

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng dậy những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

6 Cha đối con vui thích - Kinh Vui Thích – Tương I, 20

Vui Thích – *Tương I, 20*

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Cha đối con vui thích ,
Chủ với bò vui thích,
Người sanh y, vui thích ,
Không sanh y, không vui.*

(Thế Tôn):

*Cha đối con sầu muộn ,
Chủ với bò sầu muộn,
Người sanh y, sầu muộn,
Không sanh y, không sầu.*

7 Chao đảo - Kinh KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565

KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không xứng đáng cho vua, không là tài sản của vua không được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua:

- Không kham nhẫn các sắc,
- Không kham nhẫn các tiếng,
- Không kham nhẫn các hương,
- Không kham nhẫn các vị,
- Không kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các sắc?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi đi đến chiến trận, thấy đoàn voi hay thấy đoàn ngựa, hay thấy đoàn xe, hay thấy đoàn bộ binh đã chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn đối với các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các tiếng?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **nghe** tiếng voi, nghe tiếng ngựa, nghe tiếng xe, nghe tiếng bộ binh, hay nghe tiếng trống lớn, thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các hương?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi đó **ngửi** mùi phân và nước tiểu của các con voi của vua thuộc loại quý chủng đã quen chiến trận, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các vị?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi đi đến chiến trận, **chán ngấy một máng cỏ và nước**, hay chán ngấy hai, ba, bốn hay năm máng cỏ và nước,

liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các xúc?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, **khi bị trúng một mũi tên**, hay hai, hay ba, hay bốn, hay năm mũi tên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua không xứng đáng của vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm pháp không đáng cung kính, không đáng tôn trọng, không đáng cúng dường, không đáng chấp tay, không còn là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo **không kham nhẫn** các **sắc**,

- Không kham nhãn các tiếng,
- Không kham nhãn các hương,
- Không kham nhãn các vị,
- Không kham nhãn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhãn các sắc?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc liền tham đắm các sắc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhãn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhãn các tiếng?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng liền tham đắm các tiếng khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhãn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhãn các hương?

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi hương liền tham đắm các hương khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhãn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị?

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi lưỡi nếm vị liền tham đắm các vị khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc?

13. Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm xúc liền tham đắm các xúc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được cung kính, không đáng được tôn trọng, không đáng được cúng dường, không đáng được chấp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời.

14. **Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua.** Thế nào là năm?

15. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhận các sắc, kham nhận các tiếng, kham nhận các hương, kham nhận các vị, kham nhận các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhận các sắc?

16. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **thấy** đoàn voi hay khi thấy đoàn ngựa, hay khi thấy đoàn xe, hay khi thấy đoàn bộ binh, liền không chùn chân, rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhận các sắc.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhận các tiếng?

17. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **nghe** tiếng voi, hay khi nghe tiếng ngựa, hay khi nghe tiếng xe, hay khi nghe tiếng bộ binh, hay khi nghe tiếng trống lớn, thanh la, tù và, trống nhỏ, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhận các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhận các hương?

18. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, đối với các con voi của vua thuộc loại quý chủng, quen thuộc chiến trận, khi nó **ngửi** mùi phân và nước tiểu của những con voi ấy, nó không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các vị?

19. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, **khinh miệt** một máng cỏ và nước, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn hoặc năm máng cỏ và nước, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các xúc?

20. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi **bị một mũi tên bắn trúng**, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được gọi là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

21. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc?

22. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***khi mắt thấy sắc, không tham đắm các sắc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh.*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng?

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***khi tai nghe tiếng, không tham đắm các tiếng khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh.*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các hương?

24. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **mũi** ngửi các hương, không tham đắm các hương khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị?

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **lưỡi** nếm các vị, không tham đắm các vị khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các vị.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc?

26. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **thân** cảm các xúc, không tham đắm các xúc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

8 Che đây - Kinh KHÔNG CÓ CHE ĐÂY – Tăng III, 391

KHÔNG CÓ CHE ĐÂY – Tăng III, 391

1. - *Này các Tỷ-kheo, có bốn điều Như Lai không phải che đây, và đối với ba điều, Ngài không có phạm lỗi.*

Thế nào là bốn điều Như Lai không phải che đây?

2. Này các Tỷ-kheo, thân hành của Như Lai là thanh tịnh. Như Lai không có thân ác hành, khiến Như Lai phải che đây: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!".

Này các Tỷ-kheo, khẩu hành của Như Lai là thanh tịnh. Như Lai không có khẩu ác hành, khiến Như Lai phải che đây: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!".

Này các Tỷ-kheo, ý hành của Như Lai là thanh tịnh. Như Lai không có ý ác hành, khiến Như Lai phải che đây: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!".

Này các Tỷ-kheo, mạng sống của Như Lai là thanh tịnh. Như Lai không có tà mạng, khiến Như Lai phải

che đây: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!".

Bốn điều này, Như Lai không phải che đây.

Thế nào là ba điều Như Lai không có phạm lỗi?

3. Nay các Tỷ-kheo, *pháp được Như Lai khéo thuyết*. Ở đây, chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay Thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội một cách đúng pháp: "Ở đây, pháp không được Ngài khéo thuyết". Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Nay các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được không hoảng sợ.

Nay các Tỷ-kheo, *con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử được Ta làm cho khéo rõ biết*. Nhờ thực hành con đường như vậy, các đệ tử của Ta do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ thắng trí, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ở đây chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay Thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội một cách đúng pháp: "Ở đây, con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử không được Ngài làm cho khéo rõ biết. Nhờ thực hành con đường như vậy,

các đệ tử của Ngài do diệt tận các lậu hoặc... và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát". Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Nay các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được không hoảng sợ.

Nay các Tỷ-kheo, *có đến hàng trăm hội chúng đệ tử của Ta do diệt tận các lậu hoặc, ... chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.* Ở đây chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay Thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội một cách đúng pháp: "Như vậy, Ngài không có hàng trăm hội chúng đệ tử, do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.". Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Nay các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được không hoảng sợ. Đối với ba điều này, Ta không có phạm lỗi.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn điều này, Như Lai không phải che đậy, và đối với ba điều này, Ngài không có phạm lỗi.

9 Chia rẽ và hoà hợp - Kinh THỜI GIAN ĐỀ TINH CẦN – Tăng II, 411

THỜI GIAN ĐỀ TINH CẦN – *Tăng II, 411*

- 1.- Có năm phi thời đề tinh cần, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?
2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo già yếu, bị già chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ nhất đề tinh cần.
3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bệnh hoạn, bị bệnh hoạn chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ hai đề tinh cần.
4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi có nạn đói, mất mùa, đồ ăn khát thực khó được, không dễ gì để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Này các Tỷ-kheo, đây là thời gian phi thời thứ ba đề tinh cần.
5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có sự sợ hãi về giặc cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe đi trốn. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ tư đề tinh cần.
6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự

kết tội lẫn nhau, có sự tấn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín, không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đôi khác. Nay các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ năm để tinh cần.

Các pháp này, nay các Tỷ-kheo, là năm phi thời để tinh cần.

7. **Này các Tỷ-kheo, có năm đúng thời này để tinh cần.** Thế nào là năm?

8. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo còn trẻ, niên thiếu**, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Nay các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ nhất để tinh cần.

9. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo ít bệnh, ít nã**, sự tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn. Nay các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ hai để tinh cần.

10. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, **khi ăn uống được đầy đủ**, được mùa, đồ ăn khát thực kiếm được thật dễ dàng để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Nay các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ ba để tinh cần.

11. Lại nữa, nay các Tỷ kheo, các Thầy **sống với nhau thuận** hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa

hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Đây các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ tư để tinh cần.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **chúng Tăng hòa hợp**, cùng nhau hòa hợp, không tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Đây các Tỷ-kheo, giữa chúng Tăng hòa hợp, không có mắng nhiếc lẫn nhau, không có kết tội lẫn nhau, không có sự tản xuất lẫn nhau. Ở đây, những ai không có tịnh tín, tìm được tịnh tín, những ai có tịnh tín, được tăng trưởng nhiều hơn. Đây các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ năm để tinh cần.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm đúng thời để tinh cần.

10 Chia sẻ công đức với chư Thiên tại chỗ ấy - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
(*MAHA PARINIBBANA SUTTA*)
– Bài kinh số 16 – Trường I, 53

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakùta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajàtasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjì (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong".

2. Rồi Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu

bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Rājagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước

Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vắn an ngài có thiếu bệnh, thiếu nã, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì **thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?***

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì *thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau*, thời này Ananda, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì **tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?***

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm

việc trong niệm đoàn kết.

- Nay Ananda, khi nào nghe dân Vajjì *tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết*, nay Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống* của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng*

lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thời, này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ*

phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở,

ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàlì tại tự miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp bất thối này**. Nay Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảy pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Ràjagaha (Vương Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

► **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

1. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tu học và tu học đồng đẳng với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu học trong niềm đoàn kết, giải tán trong niềm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niềm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
3. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc

Tỷ-kheo thương toạ những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lập trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Đây các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Đây các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
7. Đây các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào **bảy pháp bất thối** này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các

Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

1. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
3. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo

không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bận bẻ ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
7. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *có tín tâm, có tà, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ*, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác*

chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị

suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *sáu pháp bất thối*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

1. Nay các, Tỷ-kheo khi nào các vị Tỷ-kheo **đôi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa**, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo **đôi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa**...
3. ... **gìn giữ ý nghiệp từ hòa** tại chỗ đông người và vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào **các vị Tỷ-kheo phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn**

chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uestrước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thời này

được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thời này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: **"Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu"**.

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về

phương diện chánh giác.

- Nay Sàriputta, lời nói của Người thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Người thật đã rống tiếng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác".

Nay Sàriputta, có phải Người đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Người đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Người: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, có phải Người đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Người đã biết tâm những vị này với tâm của Người: "Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, có phải Người biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Người đã biết tâm Ta với tâm của Người. "Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, như vậy Người không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, nay Sàriputta, vì sao Người lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều

kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

- Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về chánh pháp.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí

tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalanda, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalanda cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi

xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa và bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- Nay các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ,

địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có *năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?*

- Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối

loan. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Này các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bấy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhĩ, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở Pataligama?
- Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Này Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

- Nay Ananda ở đây với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pataligama.
- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung tâm thương mãi.
- Nhưng nay Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn:

"Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.

Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng). Lúc bấy giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến

nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- **Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?**

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu**, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, **thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà

gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn

cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

- Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhút lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.
- Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Kalinga... Nay Ananda cư sĩ Nikata... Nay Ananda, cư sĩ Katissabha...

Này Ananda, cư sĩ Tuttha... Này Ananda, cư sĩ Santuttha... Này Ananda, cư sĩ Bhadada... Này Ananda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

- Này Ananda, hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Này Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Này Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Này Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai. Này Ananda, vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt

pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, nga quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, nga quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?

- Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật:** "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp:** "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến đê mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng:** "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu

hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

- **Cu tức giới hạnh**, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiên định".

Này Ananda, **chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, naga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục

lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?*
Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Ngươi.

14. Lúc bảy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dâm nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapali được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thắt các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với dâm nữ Ambapàli:

- Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với

gọng xe?

- Nay quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

- Nay Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đôi lấy một trăm ngàn.

- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:

- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi **Tam thập tam thiên**, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."

Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bấy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ

Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dâm nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: "**Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ**".

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quyến thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức*

ting tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống". Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. *Này Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Này Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì này Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).*

- *Này Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là*

vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

- Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng:** "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?"

- Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chẳng chứt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chống đỡ dây chẳng.

- Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, nay Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ**

nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.

Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời.

Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.**

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Càpàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Càpàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền

vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn**, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla!" Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật

chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda hãy đi và làm những gì Ngươi nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

*"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào **những Tỷ-kheo của Ta** chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".*

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy,

nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu*". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu*". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến,*

quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: ***"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ"***.

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

***Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như tháo áo giáp đang mang mặc.***

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa

rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?".

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

→ *Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?*

13. - Này Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Này Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vì ấy

có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, **có tám chúng**. Thế nào là tám?

- Chúng Sát-đế-Ly,
- Chúng Bà-la-môn,
- Chúng Cư sĩ,
- Chúng Sa-môn,
- Chúng Bốn Thiên vương,
- Chúng Tam thập tam thiên,
- Chúng Ma,
- Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, **Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần**. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại

bắt đầu, dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?".

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư Thiên chăng, là

Người chẳng? " Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc

xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ,

ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Đây Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Đây Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

- Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.
- Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.
- Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.
- Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng

khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**; đó là sự giải thoát thứ tư.

- Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**; đó là giải thoát thứ năm.
- Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.
- Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.
- Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapàlanigrodha khi Ta mới thành đạo.** Này Ananda, lúc bảy giờ Ấc ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ấc ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Nay Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn

chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này

Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau:

"Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho

loài Trời và loài Người.

- Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Này Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, này Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "**Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến

một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Nay Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Nay Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Nay Ananda, **nếu Người thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời.** Nay Ananda như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thứu! Nay Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo thời, nếu*

người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc

Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jìvakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. *Này Ananda, tại đây Ta nói: "Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàrāma, khả ái thay Corapapāta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kāla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasandika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodārāma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jìvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!*

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".*

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:
"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho

chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".**

45. Này Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, này Ananda, Ta cũng nói. "Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời,**

vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Này Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Này Ananda, **hôm nay tại điện thờ Càpàla, Ta nói với người:** "Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Càpàla. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy,**

này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

48. Này Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trạng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "*Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ*". Nói rằng Như

Lại vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

→ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương

**tướng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc
cho loài Trời và loài Người.**

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

**- Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các
Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên
để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau
ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.**

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ
lại nói thêm:

***Ta đã già, dư mạng chẳng còn
bao,
Từ biệt các Người, Ta đi một
mình.
Tự mình làm sở y cho chính
mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ
giới luật,
Nhiếp thức ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ
đau.***

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các **Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.**

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Nay các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng

*Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng
Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh
lạc.*

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

→ Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này **không phải là lời Thế Tôn**, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai*

lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Ngươi hãy thọ trì.

9. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.
- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các Ngươi có thể kết

luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Ngươi hãy thọ trì.

10. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ

lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.

- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Người hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Người hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của **Cunda, một người thợ sắt.**

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với

chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Người hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lý huyết, đau đốn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tĩnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ
sắt Cunda.*

*Con bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần
như chết đến nơi.*

Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

*Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:
"Ta đi đến thành Kusinàra".*

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda,

Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay

Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ

Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallà thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallà, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".

- "Tôn giả có nghe tiếng không?"

- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".

- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
- "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"
- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".
- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".
- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. **Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?**

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Nay Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa**. Lúc bảy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết**. Nay Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Nay Pukkusa, lúc bảy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Nay Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có

hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"

- "Này Hiền giả, phải".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy,

cũng không nghe gì".

- Nay Hiền giả, phải như vậy".

33. Nay Pukkusa, người ấy liên tục nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, đầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, *nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn*.

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế

Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến

tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này **đặt trên thân Thế Tôn**, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, **màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi**. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, **có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói**. Thế nào là hai?

◎ Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác

◎ Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

*Cặp áo kim sắc này.
Pukkusa mang đến.
Đắp áo kim sắc này,
Da Đạo Sư sáng chói.*

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, **xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài** và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

41. Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:

"Hãy gấp tư áo lại,
Trai áo cho ta nằm.
Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho
thọ sắt Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật
không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho
Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi
cúng dường và nhập diệt".

Này Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối
hận ấy của thọ sắt Cunda: "*Này Hiền giả, thật là
công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn
cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.*

*Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự
thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự
cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một
di thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?*

- Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô

thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

- *Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử.*

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng an lạc;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng cõi trời,*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ: nay Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như đang nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bảy giờ, cây sàlā song thọ trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.

- Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

- Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

- Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài,

- Nhạc trời trên hư không trôi dạt để cúng dường Như Lai.

- Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

→ Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai.**

→ Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp,** **thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thương.**

→ Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạt Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: *"Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta."*

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?"

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?"

- Nay Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Nay Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, **không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp.**

Nay Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
*"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay **Tỷ-kheo có oai lực này** lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng".* Nay Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Nay Ananda, có hạng **chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục**, những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: ***"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên***

đời quá sớm".

- Nay Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thể tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".
- Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thưở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích **tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.**

8. - Nay Ananda, **có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?**

◎ **"Đây là chỗ Như Lai đản sanh"** . Nay Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải

chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

➔ **Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng**

chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **phải an trú chánh niệm.**

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

→ Nay Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

→ Nay Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ.**

→ Đây Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai** như thế nào?

- Đây Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân Thánh vương như thế nào?

- Đây Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới xong, lại được vắn thêm với vải gai bện.
- Sau khi vắn vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới, và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
- Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đẩy

kín.

- Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.
- Nay Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

→ Nay Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy.

→ Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.

→ Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

12. Nay Ananda, **bốn hạng người sau này đáng được xây tháp**. Thế nào là bốn?

- Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng

đáng xây tháp.

- **Độc Giác Phật** xứng đáng xây tháp.
- **Đệ tử Thanh Văn** của Như Lai xứng đáng xây tháp.
- **Chuyển luân Thánh vương** xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, **tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến:** "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Này Ananda,

tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "*Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Nay Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

→ Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

→ Nay Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh

biệt, tử biệt và dị biệt.

→ Nay Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt? " Không thể có sự kiện như vậy được.

→ Nay Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

→ Nay Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta.

- Nay Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "*Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn!*"

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, nay các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.
- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời này các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, vị Chuyển luân Thánh vương có

bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm thỉnh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh, thời này các Tỷ-kheo chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to

lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiêu-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Nay Ananda, chớ có nói như vậy, nay Ananda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyển luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô

Kusàvatì này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Này Ananda, kinh đô Kusàvatì này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: " Hãy uống đi, hãy ăn đi ".

19. Này Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "*Này các Vàsetthà, **đêm nay, vào canh cuối cùng**, Như Lai sẽ diệt độ*".

- Này Vàsetthà, các Người hãy đến. Này Vàsetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai*".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài cộng sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vasetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana, khu rừng Sàlà của dòng họ Mallà và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallà đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc ".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallà này với vợ con, đồ chúng, bèn đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bảy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: " Tội nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: " Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta ".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. -

- ◎ *Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-*

môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.

◎ *Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.*

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.*

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhất); cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào

trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đánh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.

Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thọ độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, nếu trong các Ngươi có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Nay Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi.**

2. Nay Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy.

- Nay Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc **bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.**

- Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là **Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.**

3. Nay Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Nay Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội

Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Nay Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... . Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các Người:
"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ
có phóng dật".

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

- Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.
- Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.
- Xuất Nhị thiền Ngài nhập Tam thiền.
- Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.
- Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.
- Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ.
- Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ.
- Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thừa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.
- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tướng định.

9.

- Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định.
- Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định.
- Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định.
- Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định.
- Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiên.
- Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Sơ thiên.
- Xuất Sơ thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Tứ thiên.

- Xuất Tứ thiên, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại địa chấn động khùng khiếp, râu tóc dựng ngược, sấm trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

*Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ **thân ngũ uẩn**
Bậc đạo sư cũng vậy,
Đáng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ
Như Lai đã diệt độ.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Không phải thở ra vào

*Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lẫn lộn qua lại: "**Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, *Pháp nhẫn biến mất ở trên đời quá sớm***".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: "**Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy.**"

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: **Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.**

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: **“ Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy ”.** Nay các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lẫn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".
- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao,

khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

- Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư: “ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại. Rồi tôn giả Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vasetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi

đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Này Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.”

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: *“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chớ thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”*

Lúc bảy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng khiêng không nổi được. Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai, nhưng không khiêng nổi được?

- Nay Vasetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vasetthà, ý định của các Người như sau:
“ Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chớ thân xá-lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”

Nay các Vasetthà, ý định của chư Thiên như sau:
“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đóng bụi, đóng rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ,

cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vasetthà:

- Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải

gai bện.

- Sau khi vắn với vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
 - Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.
 - Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,
 - Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.
- Nay các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

→ Nay các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đẩy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một gốc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đằng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng tôi không?

- Nay Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thê Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thê nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ". Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẩn nại suy tư: " Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này**. Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: "***Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi***". Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.**

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- Nay các vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau:
" Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu dẫn**

lễ Thế Tôn "

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khi đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cúi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, **thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy.**

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, **thấy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.**

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân

hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vảy gai bên, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlā) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallā ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallā xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

1. Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gửi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

2. Những người Licchavi ở Vesali nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".
3. Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".
4. Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".
5. Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế

Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

6. Bà-la-môn Vethadìpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

7. Các người Mallà ở Pàvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi,

chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

*Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mời phụng thờ Pháp
nhân...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đồng chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại ". **Rồi các vị này lấy than tro còn lại.**

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng

dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Malla ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pipphalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

28. *Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng*
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudìpa.
Một phần Long vương cúng.
Tại Ràmagàma.
Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đấng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.

*Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.*

11 Chim - Tương ứng Kim Xí Điều – Tương III, 399

Tương Ứng Kim Xí Điều – *Tương* III, 399

I. Chủng Loại – *Tương* III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?**

- *Loại Kim xí điều từ **trứng** sanh,*
- *Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,*
- *Loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh,*
- *Loại Kim xí điều **hóa** sanh.*

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

II. Mang Đi – *Tương* III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?**

- Loại Kim xí điều từ **trúng** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh,
- Loại Kim xí điều **hóa** sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

4) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **trúng** sanh chỉ mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, **không** mang đi các loại Nàga từ thai sanh, từ ấm ướt sanh và hóa sanh.

5) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **thai** sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh và các loại Nàga từ thai sanh, **không** mang đi các loại Nàga từ ấm ướt sanh và các loại hóa sanh.

6) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, các loại từ thai sanh và các loại từ ấm ướt sanh, **không** mang đi các loại Nàga hóa sanh.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều **hóa** sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, từ thai sanh, từ ấm ướt sanh và các loại hóa sanh.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều về sanh chủng.

III. Làm Hai Hạnh – Tương III, 400

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "*Loại Kim xí điều từ trùng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc*".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "*Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh!*" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh.

6) **Do nhân này, do duyên này**, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

IV. Làm Hai Hạnh – Tương III, 401

*(Như kinh trước, chỉ thế vào các loại Kim xí điều từ thai sanh, từ **âm** uớt sanh và các loại hóa sanh).*

V. Ủng Hộ Bồ Thí – Tương III, 402

1-3) Nhân duyên ở Sàvathi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh?

4) -- **Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim xí điều từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".**

5) Chúng suy nghĩ như sau: "*Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh!*"

6) **Chúng bố thí đồ ăn.** Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

Chúng **bố thí đồ uống...** Chúng **bố thí vải mặc...** Chúng **bố thí hương liệu xoa bóp...** Chúng **bố thí ngọa cụ...** Chúng **bố thí nhà cửa...** Chúng **bố thí đèn dầu.** Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

7) **Do nhân này, do duyên này,** này Tỷ-kheo, ở đây một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

VI. Ủng Hộ Bố Thí (S.iii,248) – Tương III, 403

*(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Kim
xí điều còn lại và câu trả lời được nói lên theo mỗi
trường hợp).*

12 Chim Kim xí điều - Kinh Tương Ưng Kim Xí Điều – Tương III, 399

Tương Ưng Kim Xí Điều – *Tương* III, 399

I. Chủng Loại – *Tương* III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?**

- *Loại Kim xí điều từ **trứng** sanh,*
- *Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,*
- *Loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh,*
- *Loại Kim xí điều **hóa** sanh.*

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

II. Mang Đi – *Tương* III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?**

- Loại Kim xí điều từ **trúng** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh,
- Loại Kim xí điều **hóa** sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

4) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **trúng** sanh chỉ mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, **không** mang đi các loại Nàga từ thai sanh, từ ấm ướt sanh và hóa sanh.

5) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **thai** sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh và các loại Nàga từ thai sanh, **không** mang đi các loại Nàga từ ấm ướt sanh và các loại hóa sanh.

6) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, các loại từ thai sanh và các loại từ ấm ướt sanh, **không** mang đi các loại Nàga hóa sanh.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều **hóa** sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, từ thai sanh, từ ấm ướt sanh và các loại hóa sanh.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều về sanh chủng.

III. Làm Hai Hạnh – *Tương III, 400*

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "*Loại Kim xí điều từ trùng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc*".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "*Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh!*" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh.

6) **Do nhân này, do duyên này**, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

IV. Làm Hai Hạnh – Tương III, 401

*(Như kinh trước, chỉ thế vào các loại Kim xí điều từ thai sanh, từ **âm** uớt sanh và các loại hóa sanh).*

V. Ủng Hộ Bồ Thí – Tương III, 402

1-3) Nhân duyên ở Sàvathi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh?

4) -- **Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim xí điều từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".**

5) Chúng suy nghĩ như sau: "*Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh!*"

6) **Chúng bố thí đồ ăn.** Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

Chúng **bố thí đồ uống...** Chúng **bố thí vải mặc...** Chúng **bố thí hương liệu xoa bóp...** Chúng **bố thí ngọa cụ...** Chúng **bố thí nhà cửa...** Chúng **bố thí đèn dầu.** Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

7) **Do nhân này, do duyên này,** này Tỷ-kheo, ở đây một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

VI. Ủng Hộ Bố Thí (S.iii,248) – Tương III, 403

*(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Kim
xí điều còn lại và câu trả lời được nói lên theo mỗi
trường hợp).*

13 Chiếc bè - Kinh VÍ DỤ CON RẰN – 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẰN (*Alaggadupamasuttam*)

– Bài kinh số 22 – *Trung I*, 295

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Arittha*, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì*".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm

nghe huấn luyện chim ưng như sau:

– Nay Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chương ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó thuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hồ than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được

ví như lò thít... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, náo nhiễu và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-

kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

"– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chẳng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất ván, nạn ván lý do, thảo luận:

– "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được chúng con cất vắn, nạn vắn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim

ung, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đang ngồi xuống một bên:

– *Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?*

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chướng ngại gì.

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng từ đủ bị chướng ngại?*

– *Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hừng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ*

nhieu, nảo nhieu, và do vậy nguy hiểm càng nhieu hơn.

- *Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– *Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông*

qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?*

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ

nhiều, nãu nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, nãu nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, *và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. **Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.**

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước.

Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và

không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, **nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?**

– Bạch Thế Tôn, không.

– *Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?* Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc*

bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn". Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem **sắc** pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **cảm thọ**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **tưởng**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các **hành**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì **được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái

này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi",

xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã

là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đắm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đắm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chi mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đăm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ

ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ **Ngã luận thủ** nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có **kiến y** nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu,

bì, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến

mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **cảm thọ** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **tường** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **các hành** là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, **thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là

tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, **bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.** Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vứt bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các

thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lè khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chướng ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ **vô minh**, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chướng ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **tái sinh và sự luân chuyển sanh tử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhổ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ

khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lều khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **năm hạ phần kiết sử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lều khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **ngã mạn**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đệ thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-**

kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết**".

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn **xuyên tạc** Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phần nộ.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.

- Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- Chư Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thọ** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **tưởng** không phải của các Ông, hãy từ bỏ tưởng. Các Ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **các hành** không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chẳng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ.

➤ Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh**

tử) của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dư lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này **sẽ hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vấp quẩn cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

14 Chiếc gương chánh pháp - Kinh Giảng Đường Bằng Gạch 1 – Tương V, 524

Giảng Đường Bằng Gạch – *Tương V*, 524

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nátika, trong ngôi giảng đường bằng gạch.

2) Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến...
bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlha đã mạng chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Nànda mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào?*

3) -- Tỷ-kheo Sàlha, này Ànanda, đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Tỷ-kheo-ni Nànda, này Ànanda, mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui thế giới này.

Cư sĩ Sudatta, này Ànanda, do đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau.

Nữ cư sĩ Sujàtā, này Ànanda, mạng chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Này Ànanda, *thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời này Ànanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai.* Này Ànanda, *vì vậy Ta sẽ giảng pháp môn **Pháp kính (gương Chánh pháp)** để vị Thánh đệ tử sau khi thành tựu pháp môn này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau:* "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khổi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã **chứng quả Dự lưu**, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

5) Này Ànanda, pháp môn Pháp kính ấy là gì mà Thánh đệ tử thành tựu pháp môn ấy, nếu muốn, sẽ tự

mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục... Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ"?

6) Ở đây, này Ānanda,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: *"Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: *"Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: *"Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời"*.
- Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát,

được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

7) Đây là **pháp môn Pháp kính**, này Ànanda, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử **nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình** như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

8) (Kinh này và hai kinh sau đều cùng một nhân duyên).

Giảng Đường Bằng Gạch – *Tương V*, 527

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Asokà đã mệnh chung... Nam cư sĩ Asokà đã mệnh chung... Nữ cư sĩ Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

3-6) -- Này Ànanda, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự

mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát... (như kinh trên 8, đoạn số 3 với Tỷ-kheo-ni Asokà, nam cư sĩ Asokà và nữ cư sĩ Asokà) ...

7) Nay Ænanda, đây là pháp môn Pháp kính, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngã quý, ta đã đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

Ngôi Nhà Bằng Gạch – *Tương V*, 528

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ænanda bạch Thế Tôn:

-- *Cư sĩ ở Nàtika tên Kakkata đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtika tên Kàlinga, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtika tên Nikata... Cư sĩ Katissaha... Cư sĩ Tuttha... Cư sĩ Santuttha... Cư sĩ Dhadda... Cư sĩ Subhadda ở Nàtika, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?*

3) -- Cư sĩ Kakkata, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Kàlinga, này Ànanda... Cư sĩ Nikata, này Ànanda... Cư sĩ Katissaha, này Ànanda... Cư sĩ Tuttha, này Ànanda... Cư sĩ Santuttha, này Ànanda... Cư sĩ Bhadda, này Ànanda... Cư sĩ Subhadda, này Ànanda, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Tất cả đều cùng một sanh thú.

4) Hơn năm mươi cư sĩ ở Nàtika, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa.

Hơn chín mươi nam cư sĩ ở Nàtika, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm cho muội lược tham, sân, là bậc Nhứt Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau.

Năm trăm lẻ sáu nam cư sĩ ở Sàkata, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5-7) Này Ànanda, thật không có gì lạ vắn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người

mệnh chung, Ông lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này; thời này Ànanda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai... (xem trên 9, đoạn số 4,5,6,7) ... quyết chắc chứng quả giác ngộ.

15 Chiếc gương chánh pháp - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (*MAHA PARINIBBANA SUTTA*) – Bài kinh số 16 – Trường I, 539

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakūṭa (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjī (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong".

2. Rồi Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và

khánh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khánh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Ràjagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta

quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

- Này Ananda, khi nào nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết, này Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống* của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thôi, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì

khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàli tại tự miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảo pháp bất thối này**. Nay Bà-la-môn, khi nào bảo pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảo pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảo pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con

phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Rājagaha (Vương Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

***Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.***

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niêm đoàn kết, giải tán trong niêm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lap trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiên chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiên chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói: Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sư, không hoan hỷ làm thế sư, không đam mê làm thế sư, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban bè ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đáo những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tâm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này

các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *sáu pháp bất thối*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này

các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh,
không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với
các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và
vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa...

... gìn giữ ý nghiệp từ hòa tại chỗ đông người và
vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo
sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo phân phối
không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới
đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp,
cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời
này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường
thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với
các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người,
trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn
hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị
sứt mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trước, những
giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán
thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những
giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo,
chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy
giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với
các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người,
trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn

hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào **sáu pháp bất thối này** được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: "**Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu**".

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

- Này Sàriputta, lời nói của Người thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Người thật đã rống tiếng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ

đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện
chánh giác".

Này Sàriputta, có phải Người đã biết tất cả những
Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ,
Người đã biết tâm những Vị này nói với tâm của
Người: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức
như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy,
có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Người đã biết tất cả những
Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai,
Người đã biết tâm những vị này với tâm của Người:
"Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như
vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có
hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Người biết Ta là bậc Ứng
Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Người đã biết tâm
Ta với tâm của Người. "Thế Tôn có giới đức như
vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có
hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, như vậy Người không có tha tâm
thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở
quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này
Sàriputta, vì sao Người lại thốt ra những lời đại
ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử:

"Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nổi hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về **chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã

chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.

Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalandà, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalandà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- **Này các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?**

Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sông phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đê Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bồi rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bồi rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiên thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Nay các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bảy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa

ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn
và nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở
Pataligama?

- Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại
thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở
Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Nay Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị
thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở
Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì
ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

Nay Ananda ở đây với thiên nhãn, thanh tịnh, siêu
nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú
địa ở Pataligama.

Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị
ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai
lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy
khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung
hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị
này **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần bậc hạ
đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào
các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một
thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung
tâm thương mãi.

Nhưng này Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về **lửa**, về **nước** hay **chia rẽ bất hòa**.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn: "Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo".

Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần thứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

*Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.
Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.*

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng).

Lúc bây giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người

cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- **Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.**

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.

Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, cư sĩ Kalinga... Này Ananda cư sĩ Nikata... Này Ananda, cư sĩ Katissabha... Này Ananda, cư sĩ Tuttha... Này Ananda, cư sĩ Santuttha... Này Ananda, cư sĩ Bhadada... Này Ananda, **cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, **hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.

Này Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Này Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ananda, **vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** *"Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa*

xú, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xú, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?
Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật**: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".

Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

Cu tức giới hạnh, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiền định".

Này Ananda, **chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?*
Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

14. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi

xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dân nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dân nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn im lặng nhận lời. Dân nữ Ambapàli được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thắng các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bảy giờ đêm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với đêm nữ Ambapàli:
- Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe?

- Này quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.
- Này Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đôi lấy một trăm ngàn.
- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:
- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phổng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cởi xe cho đến chỗ còn có thể cởi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế

Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."

Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bảy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dân nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: **"Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ"**.

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống"*. Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân

con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì nay Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời nay Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng:** "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chằng đỡ dây chằng.

Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chúng

và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân
Nhu Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, này Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.**
Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương**

tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Càpàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Càpàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn**, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla!" Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo.

Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda hãy đi và làm những gì Người nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên.

Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đã

văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: *"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi*

học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế

Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách*

khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ.

Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: ***"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người".*** Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: ***"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ".***

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như thảo áo giáp đang mang mặc.*

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?"

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?

13. - Này Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Này Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, có tám chúng. Thế nào là tám?

Chúng Sát-đế-Ly,
Chúng Bà-la-môn,
Chúng Cư sĩ,
Chúng Sa-môn,
Chúng Bốn Thiên vương,
Chúng Tam thập tam thiên,
Chúng Ma,
Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại

bắt đầu, **dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy.** Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*".

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất đó là ai, là chư*

Thiên chẳng, là Người chẳng? " Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các

loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt lóng tron màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Nay Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Nay Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapālanirodha khi Ta mới thành đạo**. Này

Ananda, lúc bấy giờ Ác ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thế hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Này Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và

giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy

trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần

diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hành phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

- Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Này Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, này Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ananda, **những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Này Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Này Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:**

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, **nếu Người thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời**. Này Ananda như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thú (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thú! Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".* **Dẫu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại

Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jìvakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. *Này Ananda, tại đây Ta nói: "Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàràma, khả ái thay Corapapàta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kàla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodàràma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jìvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!*

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Đâu vậy, này Ananda, Người không***

thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn: *"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Ngươi".* **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".**

45. Này Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, này Ananda, Ta cũng nói. *"Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".*

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: *"Bạch*

Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thế hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Này Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Này Ananda, **hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ta nói với người:** "*Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Cápàla. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như*

Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:

"Bach Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

48. Này Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ". Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường
Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng
đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế
Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở
gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị
Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường,
rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một
bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch
Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch
Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp
thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên
chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các
vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng
ngộ và giảng dạy cho các Người, các Người phải
khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng
để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì
hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng

sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,

**Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thức ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.**

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma.

Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

***Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng
Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh lạc.***

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Người hãy thọ trì.

9. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi

câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Người hãy thọ trì.

10. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: *"Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư"*.

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "**Chắc**

*chấn những lời này **không phải là lời của Thế Tôn,** và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm".* Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "***Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh***". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Ngươi hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của Cunda, một người thợ sắt.

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Nay Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- **Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Nay Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ sắt Cunda.
Cơn bệnh khóc liệt bỗng khởi lên, gần như chết đến
nơi.*

Sau khi cùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:

"Ta đi đến thành Kusinàra".

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc
cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy
mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo
Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với
Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda,
Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ
xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành
nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn,
sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ

chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy

nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bảy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallà thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallà, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".
- "Tôn giả có nghe tiếng không?"
- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".
- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"
- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
- "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"
- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".
- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".
- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. ***Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?***

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Nay Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa**. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết**. Nay Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Nay Pukkusa, lúc bấy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Nay Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"
 - "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"
 - "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".
 - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"
 - "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
 - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"
 - "Này Hiền giả, phải".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy, cũng không nghe gì".
 - Này Hiền giả, phải như vậy".
33. Này Pukkusa, người ấy liên tự nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, **nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn.**

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Nay Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này đặt trên thân Thế Tôn, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai?

Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác

Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy

đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

Cặp áo kim sắc này.

Pukkusa mang đến.

Đắp áo kim sắc này,

Da Đạo Sư sáng chói.

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo
Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như
dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh
niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi
phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế
Tôn.

41. *Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho ta nằm.*

*Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.*

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho
thọ sát Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật
không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho
Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi
cúng dường và nhập diệt".

Nay Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối
hận ấy của thọ sát Cunda: "*Này Hiền giả, thật là
công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn
cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.*

*Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự
thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự
cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một
dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?
Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác,*

*Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn
giới, không còn di hưởng sanh tử.*

*Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị
thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác.*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
tuổi thọ;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
sắc đẹp;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
an lạc;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
danh tiếng;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
cõi trời,*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu
tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt
lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,*

*Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ: nay Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ.

Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân đề lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bấy giờ, cây sàlà song thọ **trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.**

Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi
trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi
xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như
Lai để cúng dường Ngài.

Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi
lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để
cúng dường Ngài,

Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường
Như Lai.

Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường
Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở
hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này
rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để
cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư
không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên
thân Như Lai để cúng dường. Bột trời chiên đàn từ
trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung
vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên
hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca
trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính
trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính
Như Lai.**

Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng.**

Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạt Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: "*Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.*"

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt

Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quả trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?

- Này Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, **không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp.**

Này Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng". Này Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

Này Ananda, có hạng **chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục,** những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lẫn lộn qua lại:
"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt

quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Này Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích **tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.**

8. - Này Ananda, **có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?**

"Đây là chỗ Như Lai đản sanh" . Này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Này Ananda, **phải an trú chánh niệm.**

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

Này Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề
cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

Này Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn
hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn,
chuyên hướng về tự độ.**

Này Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những
học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín
Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng
dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai**
như thế nào?

- Này Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh
Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai
như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân
Thánh vương như thế nào?

Này Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương
được vấn tròn với vải mới.

Sau khi vấn vải mới xong, lại được vấn thêm với
vải gai bên.

Sau khi vấn vải gai bên, lại vấn thêm với vải mới,
và tiếp tục như vậy cho đến **năm trăm lớp cả hai**
loại vải.

Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt,
hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.

Này Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

Này Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.

Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

12. Này Ananda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn?

Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng đáng xây tháp.

Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp.

Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ

đến: "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật". " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

Này Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, **dựa trên cột cửa và đứng khóc:** *"Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

Này Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.

Này Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt?" Không thể có sự kiện như vậy được.

Này Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

Này Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta. Này Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vị thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy. Này các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "*Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng*

thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn! "

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?

Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, nay các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời nay các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, vì Chuyển luân Thánh vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-lỵ... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói

*chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm
thinh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức
tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo...
chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư
sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ
vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết
pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp,
và nếu Ananda làm thỉnh, thời này các Tỷ-kheo
chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu,
hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế
Tôn:

- Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị
nhỏ bé này**, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ
thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to
lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương
Xá), Sāvattthi (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambi
(Kiêu-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn
hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-
đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia
chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường
thân xá-lợi Như Lai.

- Này Ananda, chớ có nói như vậy, này Ananda,
chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu,
đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyên luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy uống đi, hãy ăn đi".

19. Nay Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "*Này các Vàsetthà, **đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ***".

- Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như*

Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài cộng sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vàsetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana,

khu rừng Sàlā của dòng họ Mallā và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallā ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallā đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallā ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallā này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallā ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàlā của dân Mallā, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiều
Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả
Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền
nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda,
hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai.
Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ
không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả
lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách
mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo
Subhadda:

- Này Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho
phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn,
nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi
ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ
ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là
những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo
hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái,
được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana
Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali,
Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta,
Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải
là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất

cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ". Này Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. -

Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.

Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.

Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. **Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.**

**Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống
chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-
la-hán.**

**Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.**

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhứt);
cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-
môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những
hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-
môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn
chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda
bach Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu
thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại
những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì
bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem
đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có
thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế
Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích.
Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp
và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia
với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đảnh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao

lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.
Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thế độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:
- Nay Ananda, nếu trong các Người có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Nay Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người.**
2. Nay Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy.

Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

3. Này Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Này Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Này Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... . Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo,

các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: " Bạch Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn ".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các
Người: "**Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh
tấn, chớ có phóng dật**".

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.

Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền Ngài nhập Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.

Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô
biên xứ.

Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu
xứ.

Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi
phi tưởng xứ.

Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt
thọ tướng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.

- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài
mới nhập Diệt thọ tướng định.

9.

Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tưởng
phi phi tưởng xứ định.

Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Vô sở
hữu xứ định.

Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ
định.

Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên
xứ định.

Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ
thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Sơ thiền.

Xuất Sơ thiền, Ngài nhập định Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Tứ thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại
địa chấn động khủng khiếp, râu tóc dựng ngược,
sấm trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng
lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

Chúng sanh ở trên đời,

*Từ bỏ **thân ngũ uẩn***

Bậc đạo sư cũng vậy,

Đáng Tuyệt luân trên đời.

Bậc Đại hùng Giác ngộ

Như Lai đã diệt độ.

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Không phải thở ra vào
Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải
thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi
cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất,
lăn lộn qua lại: "**Thế Tôn nhập diệt quá sớm,**

Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư:

"Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy."

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: **Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.**

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy:

" Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy ". Này các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thưa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lẫn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư:
“ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. **Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại.** Rồi tôn giả

Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.”

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư

cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.*”

Lúc bảy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng khiêng không nổi được. Các vị Mallà ở Kuisnàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá- lợi Như Lai, nhưng không khiêng nổi được?

- Nay Vàsetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vàsetthà, ý định của các Người như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chở thân xá- lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.*”

Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng*

đường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đông bụi, đông rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vasetthà:

Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.

Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải gai bền.

Sau khi vắn với vải gai bền, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.

Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,

Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.

Này các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

Này các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đặt hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một góc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ
đàng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng
ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng
tôi không?

- Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt
độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa
Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có
vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì
khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại:
" Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thế nhập diệt
quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị
này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại suy tư: "
Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện
ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã
lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này.**

Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với
những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc
than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại
Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với
những lời: "*Làm như thế này không hợp với các
Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi* ".

Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm,

những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.**

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- **Này các vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau:** " Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu đánh lễ Thế Tôn** ".

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khí đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cởi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn. Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bốc lửa cháy.

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, thầy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vải gai bện, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế

Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlā) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallà ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallà xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

Những người Licchavì ở Vesàlì nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các

người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".

Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

Bà-la-môn Vethadīpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

Các người Mallà ở Pāvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở

Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

*Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp nhẫn...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đông chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại".

Rồi các vị này lấy than tro còn lại.

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.
Những người Mallà ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pippalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

*28. Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudìpa.
Một phần Long vương cúng.*

*Tại Ràmagàma.
Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đẳng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.
Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.*

16 Chiếc thuyền bị mắc cạn - Kinh SỰ TU TẬP – Tầng III, 454

SỰ TU TẬP – Tầng III, 454

1. - *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!". Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

*Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? - Không có tu tập **Bốn niệm xứ**, không có tu tập **Bốn chánh cần**, không có tu tập **Bốn như ý túc**, không có tu tập **Năm căn**, không có tu tập **Năm lực**, không có tu tập **Bảy Bồ-đề phần**, không có tu tập **Thánh đạo tám ngành**.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn", tuy vậy, các con gà con

ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn! Vì có sao? - Nay các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy **không được** con gà mái nằm ấp **một cách đúng đắn**, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

2. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần, có tu tập Bốn như ý túc, có tu tập Năm căn, có tu tập Năm lực, có tu tập Bảy Bồ-đề phần, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!", tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay từng ấy cán búa của

ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, có đầy đủ cột buồm và dây buồm bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông, các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng. Rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát.

17 Chiến sĩ - 5 hạng chiến sĩ - Kinh NGƯỜI CHIẾN SĨ 1 – Tăng II, 450

NGƯỜI CHIẾN SĨ 1 – *Tăng II*, 450

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **năm hạng chiến sĩ** này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?
2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người chiến sĩ chỉ thấy bụi mù dấy lên đã chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, nay các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Nay các Tỷ-kheo, đây là người chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu ở đời.
3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, nay các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ ở đời. Nay các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt, hiện hữu ở đời.
4. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tham

gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ ba có mặt, hiện hữu ở đời.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dưng lên, chịu đựng tiếng la hét, nhưng khi bị thương trong chiến trận, liền thất kinh, thất đảm. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ tư có mặt, hiện hữu ở đời.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dưng lên, chịu đựng tiếng la hét, chịu đựng cuộc xáp chiến. Vì vậy, sau khi thắng trận, dự phần vào chiến thắng, cầm đầu trong chiến thắng. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng chiến sĩ. Đây là hạng người chiến sĩ thứ năm, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

Năm hạng người chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

7. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với năm hạng chiến sĩ này, có **năm hạng người có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo**. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. *Thế nào là bụi mù dấy lên đối với vị ấy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo được nghe**: "Tại một làng hay một thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen". *Khi được nghe vậy, vị ấy liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa bụi mù dấy lên đối với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy, khi mới thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tham dự chiến trận. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ nhất có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.*

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dưng lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không

có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. *Thế nào là cờ xí dựng lên đối với vị ấy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nghe: "Tại một làng hay thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen", *nhưng vị ấy tự mình thấy một phụ nữ hay một thiếu nữ đẹp đẽ*, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen. Vị ấy, sau khi thấy người phụ nữ hay người thiếu nữ ấy, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa cờ xí dựng lên đối với vị ấy. *Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể ra trận xáp chiến.* Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt, hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. *Thế nào là tiếng la hét đối với vị ấy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, *một nữ nhân đi đến vị Tỷ-kheo tại ngôi rừng, dưới một gốc cây hay tại ngôi nhà trống, cười nhạo Tỷ-kheo, nói mon trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhả.* Tỷ-kheo bị nữ nhân cười nhạo, nói mon trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhả, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự hèn yếu trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa của tiếng la hét đối với vị ấy. *Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể ra trận xáp chiến. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.*

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dưng lên, chịu đựng được tiếng la hét, nhưng bị thương trong khi xáp chiến lâm trận liền thất kinh thất đảm. *Thế nào là xáp chiến lâm trận đối với vị ấy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, *một nữ nhân đến Tỷ-kheo ấy, ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mơn trớn. Tỷ-kheo ấy được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, được vuốt ve mơn trớn, không từ bỏ học tập, không biểu lộ sự yếu kém trong học tập, hành dâm (với nữ nhân)*. Đây là nghĩa xáp chiến lâm trận đối với vị ấy. *Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dưng lên, chịu đựng được tiếng la hét, nhưng khi lâm trận xáp chiến, bị thương, thất kinh, thất đảm. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ tư có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.*

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dưng lên, chịu đựng được tiếng la hét, chịu đựng được xáp chiến lâm trận. Vị ấy sau khi chiến thắng chiến trận

ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. ***Thế nào là sự chiến thắng trong chiến trận đối với vị ấy?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo đi đến ngôi nhà rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, có nữ nhân đi đến vị ấy, ngồi xuống sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mạn trón. Vị ấy, *khi được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mạn trón, liền gỡ mình ra, gỡ thoát ra, và ra đi chỗ nào mình muốn.*

Và vị ấy đi đến một chỗ trống trải, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, khe đá, hang núi, nghĩa địa, cao nguyên, ngoài trời, đồng rơm. Rồi vị ấy đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết già, lưng thẳng và để niệm trước mặt.

Vị ấy:

- Sau khi đoạn tận tham, an trú với tâm ly tham, gột sạch tâm khỏi tham,
- Sau khi đoạn tận sân, an trú với tâm ly sân, có lòng thương tưởng đến tất cả loài hữu tình và chúng sanh, gột sạch tâm khỏi sân hận;
- Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, an trú với tâm ly thụy miên hôn trầm, với tưởng ánh sáng,

chánh niệm, tỉnh giác, gột sạch tâm khỏi hôn trầm thụy miên;

- Sau khi đoạn tận trao cử hồi quá, an trú không trao cử, nội tâm tịch tịnh, gột sạch tâm khỏi trao cử hồi quá;
- Sau khi đoạn tận nghi, an trú với tâm vượt khỏi nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Vị ấy, sau khi **đoạn tận năm triền cái** này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, ly các tùy phiền mao, nhu nhuyến, kham nhẫn, kiên trì, bất động, **hướng tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc**. Vị ấy như thật rõ biết: "Đây là Khổ; như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến khổ diệt"; như thật rõ biết: "Những pháp này là những lậu hoặc"; như thật rõ biết: "Đây là lậu hoặc tập khởi" như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt". Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận,

Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, nay không còn trở lui trạng thái này nữa". Đây là sự chiến thắng trong trận chiến đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cò xí dưng lên, chịu đựng được các tiếng la hét, chịu đựng được sự xáp chiến. Vị ấy, sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng đầu trong trận chiến ấy. Vị ấy, sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ năm có mặt, hiện hữu ở đời.

Những người này, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với năm chiến sĩ có mặt, hiện hữu ở giữa các vị Tỷ-kheo.

NGƯỜI CHIẾN SĨ 2 – Tăng II, 459

- ❖ Có **năm người chiến sĩ** này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Người ấy trong trận chiến ấy nỗ lực hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực và hăng hái như vậy, đánh người ấy và áp đảo người ấy. Như vậy, ở đây này các Tỷ-kheo, có hạng người chiến sĩ như vậy. Đây là hạng chiến sĩ thứ nhất có mặt, hiện hữu ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho các người ấy bị thương, khiêng người ấy đi, chở người ấy đến các bà con. Khi chở người ấy đi và chưa đến các bà con, người ấy mệnh chung ở giữa đường. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng chiến sĩ như vậy. Đây là hạng chiến sĩ thứ hai, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận ấy, nỗ lực hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương và khiêng người ấy đi, chở người ấy đến các bà con. Và những người bà con săn sóc và nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, trong khi được các người

bà con săn sóc và nuôi dưỡng, bị mệnh chung vì vết thương ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người chiến sĩ như vậy. Đây gọi là hạng người chiến sĩ thứ ba có mặt, hiện hữu ở đời.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương, và khiêng người ấy đi, chở người ấy đến các người bà con. Và những người bà con nuôi dưỡng và săn sóc người ấy. Người ấy, trong khi được các người bà con săn sóc và nuôi dưỡng, được chữa lành các vết thương ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chiến sĩ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng chiến sĩ thứ tư có mặt, hiện hữu ở đời.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong chiến trận ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng chiến sĩ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng chiến sĩ thứ năm có mặt, hiện hữu ở đời.

Năm hạng chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

7. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những hạng người được ví dụ với **năm hạng chiến sĩ này có mặt, hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo**. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào ngôi làng hay thị trấn. Vị ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khát thực, **không phòng hộ thân, không phòng hộ lời, không phòng hộ tâm, niệm không an trú, các căn không được bảo vệ.**

Vị ấy ở đây **thấy một nữ nhân** ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo. Được thấy nữ nhân ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo, **tham dục tấn công tâm vị ấy**. Tâm bị tham dục tấn công, không từ bỏ học tập, không biểu lộ sự yếu kém trong học pháp, **vị ấy rơi vào hành dâm.**

Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, cầm gươm và mâu, đeo cung và tên tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy trong trận chiến ấy nỗ lực hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực hăng hái như vậy, đánh người ấy và áp đảo người ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với hạng chiến sĩ thứ nhất có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay thị trấn. Vị ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực, **với thân không phòng hộ, với lời nói không phòng hộ, với tâm không phòng hộ, với niệm không an trú, với các căn không được bảo vệ.**

Ở đây, vị ấy thấy một nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo. Được thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Vị ấy, **với tâm bị tham dục tấn công nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu cháy.** Vị ấy nghĩ: "Ta hãy đi về khu vườn (chỗ Tăng ở) báo tin cho các Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh, tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, tôi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi trở về với đời sống thế tục". Vị ấy, trên con đường đi đến khu vườn, còn ở giữa đường, biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, trở về đời sống thế tục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực hăng hái như vậy, làm cho người ấy bị thương, khiêng người ấy đi, chở người ấy, và đưa người ấy

đến các bà con, người ấy mệnh chung giữa đường. Đây các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố này giống với ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ hai có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn ấy để khát thực, **thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không được bảo vệ.**

Vị ấy ở đấy thấy nữ nhân ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công vị ấy. Vị ấy với tham dục bị tấn công, nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu cháy. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến khu vườn báo tin cho các Tỷ-kheo: *"Này các Hiền giả, **tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu hiện sự yếu kém trong học tập, tôi từ bỏ học pháp, sẽ trở về với đời sống thế tục**"*.

Các vị đồng Phạm hạnh giáo giới, khuyên bảo như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói: "Các dục vị ngọt ít, khổ nhiều, náo nhiễu, sự nguy hại ở đây nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một khúc xương,

khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như miếng thịt, khổ nhiều, nã nhiều, nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như bó đuốc bằng cỏ, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một hố than hồng, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một cơn mộng, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như vật dụng mượn dùng, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như quả của cây, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như lò thịt, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như cây gậy nhọn, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như đầu rắn, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn". Tôn giả hãy tìm sự thoải mái trong Phạm hạnh! Tôn giả chớ biểu hiện sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp và trở lui đời sống thế tục".

Vị ấy được các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy, khuyên bảo như vậy, liền nói như sau: "Này các Hiền giả, dầu cho Thế Tôn có nói các dục ngọt ít, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn,

nhưng tôi có thể tiếp tục sống Phạm hạnh. Sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi sẽ trở về đời sống thế tục". Sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, sau khi từ bỏ học pháp, vì ấy trở lui đời sống thế tục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ ấy, sau khi cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến khốc liệt. Vị ấy, trong chiến trận ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác trong khi có nỗ lực, hăng hái như vậy, làm cho người bị thương, khiêng người ấy đi, chở người ấy, và đưa người ấy đến các người bà con. Các người bà con săn sóc nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, tuy được các người bà con săn sóc nuôi dưỡng nhưng bị mệnh chung vì vết thương ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này được ví như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa vào làng hay thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào ngôi làng hay thị trấn ấy để khát thực, với thân không phòng hộ, với lời không phòng hộ, với niệm không an trú, với các căn không được bảo vệ.

Vị ấy ở đây, thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo. Sau khi thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham dục tấn công, nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu đốt. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến khu vườn, báo tin cho các Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham bị tham dục ám ảnh. Tôi không thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh. Tôi tuyên bố sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, trở về với đời sống thế tục". Vị ấy đi đến khu vườn, báo tin cho các Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi trở về với đời sống thế tục". Các vị đồng Phạm hạnh giáo giới như sau: "Này hiền giả, Thế Tôn đã nói: "Các dục ngọt ít, đắng nhiều, nảo nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn... Các dục được Thế Tôn ví như đầu rắn, khổ nhiều, nảo nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn". Tôn giả hãy tìm sự thoải mái trong Phạm hạnh. Hiền giả chớ biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp và trở lui đời sống thế tục".

Vị ấy được các đồng giáo giới như vậy, khuyên bảo như vậy, nói như vậy: **"Thưa các Hiền giả, tôi sẽ nỗ lực. Thưa các Hiền giả, tôi sẽ cố gắng. Thưa các Hiền**

giả, tôi sẽ sống thoải mái. Nay tôi không biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, trở lui về đời sống thế tục".

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ ấy cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy trong trận chiến ấy, nỗ lực hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực hăng hái như vậy, làm cho người ấy bị thương, khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các bà con. Các người bà con săn sóc người ấy, nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, nhờ các bà con săn sóc nuôi dưỡng, được chữa lành khỏi vết thương. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như vậy. Người này, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với chiến sĩ thứ tư có mặt, hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng đắp y, cầm bát y, vào làng hay thị trấn ấy để khát thực, với thân được phòng hộ, với lời được phòng hộ, với tâm được phòng hộ, với niệm được an trú, với các căn được bảo vệ.

Vị ấy khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu

bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Vị ấy, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến một chỗ sàng tọa trống trải, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, khe núi, hang núi, bãi tha ma, cao nguyên, ngoài trời, đồng rơm. Vị ấy đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-gà, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Vị ấy đoạn tận tham ở đời, an trú với tâm ly tham... (xem trang #125)... chúng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định tĩnh, trong sáng, không cấu uế, các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyễn, kham nhẫn, kiên trì, bất động, hướng tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đi đến khổ diệt"... (xem trang #125)... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ ấy cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Người ấy, sau khi chiến thắng trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng đầu trong chiến trận ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Đây là hạng người được ví dụ với chiến sĩ thứ năm, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người được ví dụ với năm người chiến sĩ này, có mặt, hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo.

18 Chiến trận giữa chư Thiên và Asura - Kinh CHƯ THIÊN – Tăng IV, 187

CHƯ THIÊN – Tăng IV, 187

1. - Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến kịch liệt giữa chư Thiên và các loài Asura. Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, **các Asura thắng**, chư Thiên bị bại trận. Chư Thiên thất trận bỏ chạy, các Asura mặt hướng về phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên suy nghĩ sau: "Các Asura đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ hai với các Asura".

2. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, chư Thiên đánh với các Asura. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, **các Asura lại thắng trận**, chư Thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư Thiên thất trận sợ hãi bỏ chạy, các Asura mặt hướng về phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên suy nghĩ như sau: "Các Asura đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với các Asura".

3. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư Thiên đánh với các Asura. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, **các Asura lại thắng trận**, chư Thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư Thiên thất trận sợ hãi chạy vào thành phố chư

Thiên. Và này các Tỷ-kheo, chư Thiên đi vào trong thành của chư Thiên và suy nghĩ như sau: "*Nay chúng ta hãy đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với chúng ta, không có gì phải làm với các Asurà*". Này các Tỷ-kheo, các Asurà cũng suy nghĩ như sau: "Này chư Thiên đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với chúng nó, không có gì phải làm với chúng ta."

4. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư Thiên và các loài Asurà. Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, **chư Thiên thắng**, các Asurà bị bại trận. Các Asurà thất trận bỏ chạy, chư Thiên mặt hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các Asurà suy nghĩ như sau: "Chư Thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh trận thứ hai với chư Thiên".

5. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, các Asurà đánh trận với chư Thiên. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, **chư Thiên thắng trận**, các Asurà bại trận. Này các Tỷ-kheo, các Asurà thất trận sợ hãi bỏ chạy, chư Thiên mặt hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các Asurà suy nghĩ như sau: "Chư Thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với chư Thiên".

6. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, các Asurà đánh với chư Thiên. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, **chư Thiên thắng trận**, các Asurà bại trận. Này các Tỷ-kheo, các Asurà thất trận sợ hãi bỏ chạy vào thành phố Asurà. Rồi này các Tỷ-kheo, các Asurà đi vào trong thành của các Asurà suy nghĩ như sau: "*Nay chúng ta đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với chúng ta, không có gì phải làm với chư Thiên*". Này các Tỷ-kheo, chư Thiên cũng suy nghĩ như sau: "Này các Asurà đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với chúng nó, không có gì phải làm với chúng ta."

7. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục... chúng đạt và an trú **sơ Thiền**, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "*Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với Màra*". Và này các Tỷ-kheo, chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, Tỷ-kheo sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với ta".

8. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Tỷ-kheo diệt các tầm và tứ... chúng đạt và an trú **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư**, trong khi ấy này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không

có việc gì phải làm với Màra". Và này các Tỷ-kheo, chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náo của sợ hãi, Tỷ-kheo sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với ta".

9. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý đến các tướng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là *Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Màra, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về.*

10. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ...**

Vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì" chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ...**

Vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Phi tướng phi phi tướng xứ...**

Trong khi Tỷ-kheo vượt Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ**

tướng định, vị ấy thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Màra, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về.
Vị ấy đã vượt qua triền phược ở đời.

19 Chiều tu tập, sáng hôm sau chứng đắc - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565

KINH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ (*Bodhirajakumara sutta*)

– *Bài kinh số 85 – Trung II, 565*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, tại Sunsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển.

Lúc bấy giờ, vwang tử Bodhi có một ngôi lâu đài tên Kokanada dựng lên không bao lâu và chưa được một Sa-môn, một Bà-la-môn hay một hạng người nào ở cả. Rồi vương tử Bodhi gọi thanh niên

Sanjikaputta và nói:

– Này Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít ñảo, khinh an, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít ñảo, khinh an, lạc trú, và bạch như sau: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Sanjikaputta vâng đáp vương tử Bodhi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Sanjikaputta đang ngồi một bên và bạch Thế Tôn:

– Thừa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thanh niên Sanjikaputta, sau khi biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến vương tử Bodhi, sau khi đến, thưa với vương tử Bodhi:

– Chúng tôi đã nhân danh Tôn giả, bạch lên Thế Tôn Gotama như sau: "Thừa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo". Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

Rồi vương tử Bodhi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xá của mình cho sửa soạn các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và cho trải vải trắng lâu đài

Kokanada cho đến tầm cấp thấp nhất (pacchima),
rồi gọi thanh niên Sanjikaputta:

– Này Thanh niên Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy báo giờ cho Thế Tôn được biết: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng". Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xá của vương tử Bodhi. Lúc bảy giờ, vương tử Bodhi chờ đón Thế Tôn đến, đang đứng ở cửa ngoài. Vương tử Bodhi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền tiến đến đón, đánh lễ Thế Tôn, đi đầu hướng dẫn đến lầu đài Kokanada. Rồi Thế Tôn đứng sát vào tầm cấp thấp nhất. Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng. Lần thứ hai, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để cho con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn im lặng. Lần thứ ba, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ... (như trên)... an lạc lâu dài.
Rồi Thế Tôn nhìn Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda thưa với vương tử Bodhi:

– Thừa vương tử, hãy cho cuộn lại tấm vải, Thế Tôn không có đi bộ trên vải, Như Lai còn nghĩ đến những người thấp kém.

Rồi vương tử Bodhi cho cuộn lại tấm vải, cho sửa soạn các chỗ ngồi tại tầng trên lầu Kokanada. Rồi Thế Tôn bước lên lầu đài Kokanada, và ngồi trên ghế đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Rồi vương tử Bodhi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Bodhi, khi Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ".

– Nay Vương tử, **trước khi giác ngộ, thành bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là vị Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ.** Và Ta, nay Vương tử, sau một thời gian, khi còn niên thiếu, non trẻ, tóc đen nhánh...(như Tập I, Kinh Thánh Cầu, từ trang 367 đến trang 373, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn".

Nhưng nay Vương tử, có thí dụ khởi lên nơi Ta..., (như Tập I, Đại Kinh Saccaka, từ trang 529 đến

trang 543, thay thế "Này Aggivesana" với "Này Vương tử")... sống nhiệt tâm, tinh cần".

Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được thật thâm sâu... (như Tập I, Kinh Thánh Cầu từ 374 đến trang 386, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... Sáu người sống, với các đồ ăn mà hai Tỷ Kheo này khát thực đem về. Như vậy, này Vương tử, chúng năm vị Tỷ-kheo được Ta giáo giới như vậy, giáo huấn như vậy, không bao lâu chúng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà con cháu các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến.

Khi được nói vậy, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– ***Độ bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được mục đích tối cao... (như trên)... và an trú?***

– Này Vương tử, ở đây, Ta sẽ hỏi Vương tử. Tùy theo Vương tử có thể kham nhẫn, Vương tử hãy trả lời. Này vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? **Vương tử có thiện xảo trong nghề cưỡi voi và trong kỹ thuật dùng câu móc không?**

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn, con thiện xảo trong nghề cưỡi voi và kỹ thuật dùng câu móc.

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây **có người đến và nói:** "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật

cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".

Nếu người ấy không có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.

Nếu người ấy hiều bệnh, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.

Nếu người ấy gian trá, xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy không đạt được.

Nếu người ấy biếng nhác, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy không đạt được.

Nếu người ấy có liệt tuệ, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy không đạt được.

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu thành tựu chỉ một đức tánh, người ấy cũng không có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh!

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây, **có người đến và nói**: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".

Nếu người ấy có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **ít bệnh**, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **không gian trá, không xảo trá**, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **tinh tấn, cần mẫn**, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **có trí tuệ**, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy đạt được.

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu cho thành tựu chỉ một đức tánh, cũng có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh.

– Cũng vậy, này Vương tử, **có năm tinh tấn chi này**. Thế nào là năm?

Ở đây, này Vương tử, vị Tỷ-kheo **có lòng tin**, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Vị ấy **ít bệnh**, ít nã, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn.

Vị ấy **không gian trá**, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đời với bậc Đạo sư, đời với các vị có trí hay đời với các vị đồng Phạm hạnh.

Vị ấy **sống tinh cần**, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đời với các thiện pháp.

Vị ấy **có trí tuệ** thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt (của các pháp), với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Này Vương Tử, như vậy là **năm tinh cần chi**. Này Vương tử, vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy năm.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy năm, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)...

và an trú sáu năm... (như trên)... năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm. Này Vương tử, đừng nói chi một năm, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú bảy tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú ngay trong sáu tháng... (như trên)... trong

năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi nửa tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú trong bảy đêm ngày. Này Vương tử, đừng nói chi bảy đêm ngày, Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này sáu đêm ngày... (như trên)... năm đêm ngày, bốn đêm ngày, ba đêm ngày, hai đêm ngày, một đêm ngày.

Này Vương tử, đừng nói chi một đêm ngày, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng, thời sẽ chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! Nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng thời chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Sanjikaputta thưa với Vương tử Bodhi:

– Như vậy, Tôn giả Bodhi này đã nói: "Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! " Nhưng Vương tử không nói thêm: "Tôi quy

y Tôn giả Gotama này, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng".

– Này Sanjikaputta, chớ có nói như vậy! Này Sanjikaputta, chớ có nói như vậy!

Này Sanjikaputta, mặt trước mặt đối diện với mẫu thân của ta, ta tự nghe như sau: "Một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại tu viện Ghosita. Mẫu thân ta đang mang thai, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, mẫu thân ta bạch với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, đưa con này của con, dù là con trai hay con gái, cũng xin quy y với Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận nó làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, nó trọn đời quy ngưỡng*".

Lại một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại Sumsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Rồi người vú của ta, ẵm ta bên hông, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, người vú của ta bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận vương tử này làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, xin trọn đời quy ngưỡng*".

Và nay, này Sanjikaputta, lần thứ ba ta quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. "*Mong*

*Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng
chung, con trọn đời quy ngưỡng".*

20 Chánh giác phần - Kinh CHÁNH GIÁC – Tăng IV, 64

CHÁNH GIÁC – *Tăng IV, 64*

1. - Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo,"

- "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "*Thưa chư Hiền, các pháp chánh giác phần lấy gì làm sở y để tu tập?*". Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Thật lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "*Thưa chư Hiền, các pháp chánh giác phần, lấy gì làm sở y để tu tập?*" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

"Ở đây, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo **làm bạn với thiện**, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện. Này chư Hiền, đây là sở y thứ nhất để tu tập các pháp chánh giác phần".

4. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo **có giới**, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này chư Hiền, đây là sở y thứ hai để tu tập các pháp chánh giác phần.

5. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo **có định**, câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, hướng thượng

đưa đến tâm được rộng mở như *luận về ít dục, luận về biết đủ, luận về viễn ly, luận về không tụ hội, luận về tinh tấn tinh cần, luận về giới, luận về định, luận về tuệ, luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến, những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức*. Đây chư Hiền, đây là sở y thứ ba để tu tập các pháp chánh giác phần.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ***tinh cần tinh tấn*** để đoạn tận các pháp bất thiện, để thành tựu các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Đây chư Hiền, đây là sở y thứ tư để tu tập các pháp chánh giác phần.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***có trí tuệ***, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, với Thánh thể nhập (quyết trạch) đi đến con đường đoạn tận khổ đau. Đây chư Hiền... đây là sở y thứ năm để tu tập các pháp chánh giác phần.

8. Đây các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo ***làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, thời được chờ đợi như sau: sẽ giữ giới***, sẽ sống được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, thời được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm rộng mở, như luận về ít dục...* những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, thời được chờ đợi như sau: sẽ sống tinh cần tinh tấn* để đoạn tận các pháp bất thiện... trong các thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, thời được chờ đợi như sau: sẽ có trí tuệ*, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, với Thánh thể nhập đi đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo ấy đã trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập:

1. Cần phải tu tập **tướng bất tịnh để đoạn tận tham ái.**
2. Cần phải tu tập **từ tâm để đoạn tận sân.**
3. Cần phải tu tập **niệm hơi thở vô, hơi thở ra để cắt đứt tâm.**
4. Cần phải tu tập **tướng vô thường để phá hoại ngã mạn.**

- Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo có tướng vô thường, tướng vô ngã được an trú.
- Với Tỷ-kheo có tướng vô ngã, ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại, đạt được Niết-bàn.

21 Chánh giác phần - Kinh TÔN GIẢ MEGHIYA – Tăng IV, 69

TÔN GIẢ MEGHIYA – *Tăng IV, 69*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà. Lúc bấy giờ, Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn đi vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

2. Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng Jantu để khát thực. Sau khi khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàlà, trong khi bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông Kimikàlà, Tôn giả Meghiya thấy một rừng xoài đẹp dễ khả ái. Thấy vậy Tôn giả suy nghĩ: "Rừng xoài này thật là đẹp dễ khả ái. Vậy thật là vừa đủ để cho thiện nam tử ưa thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận, ta sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần".

3. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên. Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát và đi vào làng Jantu để khát thực. Đi khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà. Bạch Thế Tôn, khi con bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy một rừng xoài đẹp đẽ khả ái. Thấy vậy, con suy nghĩ như sau: "Rừng xoài này thật đẹp đẽ, khả ái. Vậy thật là vừa đủ cho thiện nam tử ưa thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận ta, ta sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần".

- Hãy chờ đợi này Meghiya cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt, vì chúng ta chỉ có một mình.

4. Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì nữa cần phải làm thêm, không có cái gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Còn con, bạch Thế Tôn, có sự việc cần phải làm thêm, còn có việc cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần.

- Hãy chờ đợi này Maghiya, cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt, vì chúng ta chỉ có một mình.

5. Lần thứ ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không có gì nữa cần phải làm thêm, không có cái gì cần phải thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận con, con sẽ đi đến rừng xanh xoài ấy để tinh cần.

- *Này Meghiya, khi Thầy đã nói tinh cần, thời chúng ta có thể còn nói gì nữa? Vậy này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.*

6. Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, ra đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài, rồi ngồi nghỉ ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng tức là dục tâm, sân tâm và hại tâm. Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau:

"Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay. Ta vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng ba ác bất thiện tâm này xâm nhập tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm".

7. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, khi con sống tại rừng xoài ấy, ba ác bất thiện tâm hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng ba ác bất thiện tâm này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm".

- Nay Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến thuần thực.

Thế nào là năm?

8. Ở đây, này Meghiya, Tỷ-kheo *làm bạn với thiện*, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ nhất đưa đến thuần thực.

9. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo *có giới*, sống được bảo vệ sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ hai đưa đến thuần thực.

10. Lại nữa, này Meghiya, *câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, hướng thượng, đưa đến tâm được rộng mở, như luận về ít dục, luận về biết đủ, luận về*

viễn ly, luận về không tụ hội, luận về tinh tấn tinh cần, luận về giới, luận về định, luận về tuệ, luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến. Những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Nay Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ ba đưa đến thuần thực.

11. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo sống *tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện*, để được đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Nay Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ tư đưa đến thuần thực.

12. Lại nữa, này Meghiya, *có trí tuệ*, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, với Thánh thể nhập đi đến con đường đoạn tận khổ đau. Nay Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ năm đưa đến thuần thực.

13. Nay Meghiya, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: sẽ sống có giới*, được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này Meghiya, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm* (hướng thượng?) như luận về ít dục... Những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này Meghiya, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ sống tinh cần tinh tấn...* không từ bỏ trách nhiệm trong các thiện pháp.

Này Meghiya, Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ có trí tuệ...* chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Và này Meghiya, khi Tỷ-kheo ấy đến trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập:

1. Tu tập **tưởng bất tịnh** để đoạn tận tham ái.
2. Tu tập **từ bi** để đoạn tận sân.
3. Tu tập **niệm hơi thở vô hơi thở ra** để cắt đứt **tâm**.
4. Tu tập **tưởng vô thường** để phá hoại ngã mạn.

→ *Này Meghiya, với Tỷ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được tồn tại.*

→ Với Tỷ-kheo có tướng vô ngã, thời ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại đạt được Niết-bàn.

22 Chánh giác phần - Pháp đưa đến chánh giác - Kinh TÔN GIẢ MEGHIYA – Tăng IV, 69

TÔN GIẢ MEGHIYA – *Tăng IV, 69*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà. Lúc bấy giờ, Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn đi vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

2. Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng Jantu để khát thực. Sau khi khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàlà, trong khi bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông Kimikàlà, Tôn giả Meghiya thấy một rừng xoài đẹp đẽ khả ái. Thấy vậy Tôn giả suy nghĩ: "Rừng xoài này thật là đẹp đẽ khả ái. Vậy thật là vừa đủ để cho thiện nam tử ưa

thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận, ta sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần".

3. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên. Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát và đi vào làng Jantu để khát thực. Đi khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà. Bạch Thế Tôn, khi con bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy một rừng xoài đẹp để khả ái. Thấy vậy, con suy nghĩ như sau: "Rừng xoài này thật đẹp để, khả ái. Vậy thật là vừa đủ cho thiện nam tử ưa thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận ta, ta sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần".

- Hãy chờ đợi này Meghiya cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt, vì chúng ta chỉ có một mình.

4. Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì nữa cần phải làm thêm, không có cái gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Còn con, bạch Thế Tôn, có sự việc cần phải làm thêm, còn có việc cần phải làm

thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần.

- Hãy chờ đợi này Maghiya, cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt, vì chúng ta chỉ có một mình.

5. Lần thứ ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không có gì nữa cần phải làm thêm, không có cái gì cần phải thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận con, con sẽ đi đến rừng xanh xoài ấy để tinh cần.

- *Này Meghiya, khi Thầy đã nói tinh cần, thời chúng ta có thể còn nói gì nữa? Vậy này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.*

6. Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, ra đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài, rồi ngồi nghỉ ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng tức là dục tâm, sân tâm và hại tâm. Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau:

"Thật vì diệu thay, thật hy hữu thay. Ta vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng ba ác bất thiện tâm này xâm nhập tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm".

7. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, khi con sống tại rừng xoài ấy, ba ác bất thiện tâm hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng ba ác bất thiện tâm này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm".

- Nay Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến thuần thực.

Thế nào là năm?

8. Ở đây, này Meghiya, Tỷ-kheo *làm bạn với thiện*, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ nhất đưa đến thuần thực.

9. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo *có giới*, sống được bảo vệ sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ hai đưa đến thuần thực.

10. Lại nữa, này Meghiya, *câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, hướng thượng, đưa đến tâm được rộng mở, như luận về ít dục, luận về biết đủ, luận về viễn ly, luận về không tự hại, luận về tinh tấn tinh cần, luận về giới, luận về định, luận về tuệ, luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến.* Những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ ba đưa đến thuần thực.

11. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo sống *tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện*, để được đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ tư đưa đến thuần thực.

12. Lại nữa, này Meghiya, *có trí tuệ*, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, với Thánh thể nhập đi đến con đường đoạn tận khổ đau. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thực, đây là pháp thứ năm đưa đến thuần thực.

13. Này Meghiya, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: sẽ sống có giới*, được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh

hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này Meghiya, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm* (hướng thượng?) như luận về ít dục... Những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này Meghiya, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ sống tinh cần tinh tấn...* không từ bỏ trách nhiệm trong các thiện pháp.

Này Meghiya, Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ có trí tuệ...* chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Và này Meghiya, khi Tỷ-kheo ấy đến trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập:

5. Tu tập *tướng bất tịnh để đoạn tận tham ái.*
6. Tu tập *từ bi để đoạn tận sân.*
7. Tu tập *niệm hơi thở vô hơi thở ra để cắt đứt tầm.*
8. Tu tập *tướng vô thường để phá hoại ngã mạn.*

- *Này Meghiya, với Tỷ-kheo có tướng vô thường, tướng vô ngã được tồn tại.*
- *Với Tỷ-kheo có tướng vô ngã, thời ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại đạt được Niết-bàn.*

23 Chánh tông - Con chánh tông của Thế Tôn - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153

KINH BÁT ĐOẠN (Anupada sutta)

– Bài kinh số 111 – Trung III, 153

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hiền trí;
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Đại tuệ;
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quảng tuệ;
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hỷ tuệ
(Hasupanna);
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Tiệp tuệ
(javanapanna);
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Lợi tuệ
(tikkhapanna);

Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quyết trạch tuệ (nibbedhikapanna).

Này các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sariputta quán bất đoạn pháp quán. Này các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sariputta.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; các pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được

Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi an trú, được Sariputta biết đến khi đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai

như nội tỉnh, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba, như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn

chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư, như xả, bất khổ bất lạc thọ, thọ (passivedana?), vô quán niệm tâm (Cetaso anabhogo), thanh tịnh nhờ niệm, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; **những pháp ấy được**

Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được

Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết:

"Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa". Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không, vô biên xứ tưởng, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả,

tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như **Thức vô biên xứ tướng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý**; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Và những pháp thuộc

về Vô sở hữu xứ, như **Vô sở hữu xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý**; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết:

"Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và an trú

Diệt thọ tướng (định). Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. **Sariputta biết: "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sariputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa".**

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát. Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "**Sariputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát**".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người

này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất". Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: ***"(Sariputta) là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất"***.

Sariputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

24 Chánh tông - Con chánh tông của Thế Tôn - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387

KINH KHỞI THỂ NHÂN BỒN – *Bài kinh số 27 – Trường II, 387*

Như vậy tôi nghe:

1. Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá vệ), Pubbàrama (Thành Tín Viên lâm), ở lầu của Migàramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bấy giờ, Vasettha và Bhàradvaja sống giữa các vị Tỷ kheo và muốn trở thành Tỷ kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu.

2. Vasettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi ngôi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy Vasettha nói với Bhàradvaja:

- Nay bạn Bhàradvaja, Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Nay bạn Bhàradvaja, chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn. Rất có thể chúng ta được nghe thời pháp từ Thế Tôn.

- Thừa vâng, Hiền giả!

Bhàradvāja vâng theo lời Vàsettha. Rồi cả Vàsettha và Bhàradvāja cùng đến gần Thế Tôn, khi đến xong đánh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

3. Rồi Thế Tôn nói với Vàsettha:

- **Này Vàsettha, Người sanh trưởng là Bà la môn và thuộc gia tộc Bà la môn, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bà la môn. Này Vàsettha, người Bà la môn có chỉ trích Người, phỉ báng Người chăng?**

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

- Này Vàsettha, các vị Bà la môn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các Người, phỉ báng các Người, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các Người đã từ bỏ giai cấp tối

thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện - giai cấp các Sa môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp, khi các Người từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Bà la môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân". Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà la môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

4. - Nay Vasettha, **các người Bà la môn thật đã quên quá khứ khi họ nói:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện. Chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

Nay Vasettha, **các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà la môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà la môn ấy chính do thai sanh lại nói rằng:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

5. Nay Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Sudda Thủ-đà-la.

Này Vasettha, có người Sát đế ly sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

Này Vasettha có người Bà la môn...

Này Vasettha có người Phệ xá...

Này Vasettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Này Vasettha:

Có người Sát đế ly không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và

được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

Này Vasettha, có người Bà la môn...

Này Vasettha, có người Phệ xá...

Này Vasettha, có người Thủ đà la không sát sanh...

không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

7. Này Vasettha, vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà la môn nào nói rằng: "*Bà la môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy; chỉ có Bà la*

môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên." Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Nay Vasettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một vị Tỷ kheo, một vị A la hán, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, vị ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp. Nay Vasettha, Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

8. Nay Vasettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

Nay Vasettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sàkyà, tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa-môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa-môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có đáng

mặt đẹp đẽ, còn ta có đáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?"

Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala **tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, đánh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp** nên vua tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vasettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

9. Này Vasettha, các Người, sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các Người cần trả lời: "**Chúng tôi là Sa-môn, dưới sự lãnh đạo của Thích ca tử**".

Này Vasettha, **ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trí, có căn để an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của Pháp."**

Vì sao vậy? Này Vasettha, **vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.**

10. Này Vasettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này**

chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loài hữu tình phần lớn **sinh qua cõi Àbhassara** (Quang Âm thiên). Ở tại đây, nhữnh loài chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

Này Vàsettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành.** Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên **thác sanh qua tại đây.** Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gia khá dài.

11. Này Vàsettha, lúc bấy giờ:

Vạn vật trở thành một thế giới toàn nước đen sẫm,
một màu đen khiến mắt phải mù.

Mặt trăng, mặt trời không hiện ra;

Sao và chòm sao không hiện ra;

Không có ngày đêm;

Không có tháng và nửa tháng;

Không có năm và thời tiết;

Không có đàn bà, đàn ông.

Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi.

Này Vàsettha, đối với các loài hữu tình ấy, **sau một thời gian rất lâu,** vị đất tan ra trong nước. Như bọt

nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy **đất hiện ra**. **Đất này có màu sắc, có hương và có vị**. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

12. Nay Vasettha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", **lấy ngón tay ném vị của đất**. Khi lấy ngón tay ném vị của đất, **vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên**. Nay Vasettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay ném vị của đất. Khi lấy ngón tay ném vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. **Rồi các hữu tình kia bắt đầu thưởng thức vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất**.

Khi ánh sáng của họ biến mất, mặt trăng mặt trời hiện ra.

Khi mặt trăng, mặt trời hiện ra, thì sao và chòm sao hiện ra.

Khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra.

Khi ngày và đêm hiện ra, thì nửa tháng và tháng hiện ra.

Khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra.

Như vậy, nay Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

13. Nay Vasettha, những hữu tình ấy, thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân của họ trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp.

Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất.

Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!", như ngày nay, khi loài Người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

14. Nay Vasettha, khi **vị đất** đã biến mất với các hữu tình ấy, thì một loại **nấm đất** hiện ra. Như hình con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của đất như mật ong thuần tính.

Nay Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm

chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức nắm đất, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên **thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của chúng lại càng sai biệt**. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta". **Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nắm đất biến mất.**

Khi **nắm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra**. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

15. Này Vasettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các

hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến đi!"; như ngày nay khi loài Người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Nay Vasettha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời **lúa xuất hiện** tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và bột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng, lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Nay Vasettha, những hữu tình ấy thường thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại

càng sai biệt. Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện. Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyến đối với thân thể bắt đầu. Do sự ái luyến, họ làm các hạnh dâm.

Này Vasettha, lúc bấy giờ những chúng sanh ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?"; như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

17. Này Vasettha, lúc bấy giờ việc làm được xem là phi pháp này được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã ấp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ chỉ trích mau chóng, vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lâu, làm nhà để che dấu những hành động phi pháp của họ.

Này Vasettha, có loài hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỗi một bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho

buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vasettha, loài hữu tình ấy tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình này và nói:

- Này Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Này Bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vasettha, vị này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

- Này Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

- Này Bạn chúng ta hãy đi tìm lúa.

- Này Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

- Này Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

- Này Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Này Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày!

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

- Này Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, những vị hữu tình kia, bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cày bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn; và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

18. Này Vasettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

- Này các Bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất. Vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào quang biến mất. Vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra. Vì mặt trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chùm sao hiện ra. Vì các sao và chùm sao hiện ra, nên đêm, ngày hiện ra. Vì đêm, ngày hiện ra, nên nửa tháng và tháng hiện ra. Vì nửa tháng và tháng hiện ra, nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thưởng thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất

làm món ăn trong một thời gian khá dài. Khi ác bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất, nên nắm đất hiện ra. Nắm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức nắm đất ấy, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nắm đất biến mất. Vì nắm đất biến mất, nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất, nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy vào buổi chiều, lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thưởng thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, cám bắt đầu bọc hột lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa trơn nhẵn; và các cây lúc bị cắt không lớn lên được; và như

vậy có sự gián đoạn. Và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

19. Này Vasettha, có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thương thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thương thức phần ấy. Nhà Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

- Thưa Bạn, vâng!

Này Vasettha, người này vâng theo lời nói của những người ấy. Này Vasettha, một lần thứ hai...

Này Vasettha một lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thương thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm điều ác, vì Ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thương thức phần ấy... Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Này Vasettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất

hiện, quả trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

20. Nay Vasettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

- Nay Tôn giả, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quả trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người.

Người ấy sẽ tức giận khi đáng phải tức giận, khiến trách khi đáng phải khiển trách, hãy tản xuất khi đáng phải tản xuất. Chúng tôi sẽ dành cho Người một phần lúa của chúng tôi.

- Xin vâng, các Tôn giả!

Nay Vasettha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu tình kia, tức giận khi đáng tức giận, khiến trách khi đáng khiến trách, tản xuất khi đáng tản xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

21.

Nay Vasettha, *được lựa chọn bởi đại chúng*, tức là **Mahà-sammato**. Danh từ Mahà-sammato là danh từ đầu tiên được khởi lên.

Nay Vasettha, "*Vị chủ của ruộng vườn*" tức là **Khattiyà**, là danh từ thứ hai được khởi lên".

"*Làm cho các người khác hoan hỷ bởi Pháp*", tức là **Ràja** (vị vua). Ràja là danh từ thứ ba được khởi lên.

Này Vasettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, **một cách đúng pháp tắc (dhamma)**, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

22. Này Vasettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

- Này các Tôn giả, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiển trách, nói láo, hình phạt, tàn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Vác vị ấy **loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Bràhmanà (Bà-la-môn), và chữ Bràhmanà là danh từ đầu tiên được khởi lên**. Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đồ được dập tắt, khói được tiêu tan, cội và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi họ xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

- Này các Tôn giả, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đồ được dập tắt, khói được tiêu tan, cội và chày rơi ngã

nghiên, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Nay

Vàsettha, họ "**Jhàyanti**", tu thiền, tức là họ suy tu **Jhàyakà**. **Jahàyakà** là danh từ thứ hai được khởi lên.

23. Nay Vàsettha, một số loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

*"Này các Tôn giả, **những loài hữu tình này, không thể tu thiền** trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền.*

Nay Vàsettha, "**Nadānima Jhàyanti**" tức là **ajjhàyaka**, và **ajjàyakà** là chữ thứ ba được khởi lên (**Các vị lập lại các tập Vedà**). Nay Vàsettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp. Nay họ xem là cao thượng nhất.

Như vậy, này Vàsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Bà-la-môn, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp.

Nay Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

24. Nay Vàsettha, một số loài hữu tình này, theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác

(Vissuta). Nay Vāsettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên.

Như vậy, nay Vāsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Vessā, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vāsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

25. Nay Vāsettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, nay Vāsettha, được gọi là Suddā. Và danh từ Suddā được khởi lên.

Như vậy, nay Vāsettha, là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Suddā, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vāsettha như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

26.

Nay Vāsettha, một thời có vị Khattiya (Sát đế ly) tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

Vị Bà la môn, tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn".

Vị Vessà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

Vị Suddà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

Này Vàsettha, giai cấp Samana (Sa-môn) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp.

Này Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

27. Này Vàsettha, vị Khattiya, làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Vàsettha, vị Bà la môn... Này Vàsettha, vị Vessà... Này Vàsettha, vị Suddà làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

28. Này Vàsettha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có

chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nay Vasettha, vị Bà la môn...
Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới.

29. Nay Vasettha, vị Khattiya, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến, có tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

30. Nay Vasettha, vị Khattiya, ché ngự về thân, ché ngự về miệng, ché ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại. Nay Vasettha, vị Bà la môn... vị Vessà... Nay Vasettha vị Suddà, ché ngự về thân, ché ngự về miệng, ché ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại.

31. *Này Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ kheo, là bậc A la hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.*

32. Này Vasettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) tuyên thuyết:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát đế lý tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Này Vasettha, bài kệ này được Phạm thiên Sanamkumàra, khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vasettha, Ta cũng nói như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát đế lý tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Vasettha và
Bhàradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng Thế Tôn.

25 Chánh tông - Ta là con chánh tông của Thế Tôn - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153

KINH BÁT ĐOẠN (Anupada sutta)

– Bài kinh số 111 – Trung III, 153

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hiền trí;
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Đại tuệ;
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quảng tuệ;
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hỷ tuệ
(Hasupanna);
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Tiệp tuệ
(javanapanna);
Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Lợi tuệ
(tikkhapanna);

Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quyết trạch tuệ (nibbedhikapanna).

Này các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sariputta quán bất đoạn pháp quán. Này các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sariputta.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; các pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được

Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi an trú, được Sariputta biết đến khi đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai

nghĩa như nội tâm, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba, như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn

chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư, như xả, bất khổ bất lạc thọ, thọ (passivedana?), vô quán niệm tâm (Cetaso anabhogo), thanh tịnh nhờ niệm, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; **những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn**, các pháp ấy được

Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết:

"Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa". Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không, vô biên xứ tưởng, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả,

tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú **Thức vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như **Thức vô biên xứ tướng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý**; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú **Vô sở hữu xứ**. Và những pháp thuộc

về Vô sở hữu xứ, như **Vô sở hữu xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý**; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và an trú

Diệt thọ tướng (định). Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. **Sariputta biết: "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sariputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa".**

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được cứu cánh trong Thánh giải thoát. Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "**Sariputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát**".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người

này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất". Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: ***"(Sariputta) là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất"***.

Sariputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

26 Chánh tông - Ta là con chánh tông của Thế Tôn - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387

KINH KHỞI THỂ NHÂN BỒN – *Bài kinh số 27 – Trường II, 387*

Như vậy tôi nghe:

1. Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá vệ),
Pubbàrama (Thành Tín Viên lâm), ở lầu của Migà
ramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bấy giờ,
Vàsettha và Bhàradvaja sống giữa các vị Tỷ kheo
và muốn trở thành Tỷ kheo. Thế Tôn vào buổi
chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu,
đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu.

2. Vàsettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền
tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi ngôi lầu, đi qua lại
giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy Vàsettha
nói với Bhàradvaja:

- Nay bạn Bhàradvaja, Thế Tôn vào buổi chiều, từ
thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại
giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Nay bạn Bhàradvaja,
chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn. Rất có thể
chúng ta được nghe thời pháp từ Thế Tôn.

- Thừa vâng, Hiền giả!

Bhàradvāja vâng theo lời Vàsettha. Rồi cả Vàsettha và Bhàradvāja cùng đến gần Thế Tôn, khi đến xong đánh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

3. Rồi Thế Tôn nói với Vàsettha:

- **Này Vàsettha, Người sanh trưởng là Bà la môn và thuộc gia tộc Bà la môn, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bà la môn. Này Vàsettha, người Bà la môn có chỉ trích Người, phỉ báng Người chăng?**

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

- Này Vàsettha, các vị Bà la môn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các Người, phỉ báng các Người, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các Người đã từ bỏ giai cấp tối

thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện - giai cấp các Sa môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp, khi các Người từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Bà la môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân". Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà la môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

4. - Nay Vasettha, **các người Bà la môn thật đã quên quá khứ khi họ nói:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện. Chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

Nay Vasettha, **các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà la môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà la môn ấy chính do thai sanh lại nói rằng:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

5. Nay Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Sudda Thủ-đà-la.

Này Vasettha, có người Sát đế ly sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

Này Vasettha có người Bà la môn...

Này Vasettha có người Phệ xá...

Này Vasettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Này Vasettha:

Có người Sát đế ly không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và

được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

Này Vasettha, có người Bà la môn...

Này Vasettha, có người Phệ xá...

Này Vasettha, có người Thủ đà la không sát sanh...

không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

7. Này Vasettha, vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà la môn nào nói rằng: "*Bà la môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy; chỉ có Bà la*

môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên." Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Nay Vasettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một vị Tỷ kheo, một vị A la hán, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, vị ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp. Nay Vasettha, Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

8. Nay Vasettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

Nay Vasettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sàkyà, tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa-môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa-môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có đáng

mặt đẹp đẽ, còn ta có đáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?"

Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala **tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, đánh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp** nên vua tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vasettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

9. Này Vasettha, các Người, sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các Người cần trả lời: "**Chúng tôi là Sa-môn, dưới sự lãnh đạo của Thích ca tử**".

Này Vasettha, **ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trí, có căn để an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của Pháp."**

Vì sao vậy? Này Vasettha, **vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.**

10. Này Vasettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này**

chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loài hữu tình phần lớn **sinh qua cõi Àbhassara** (Quang Âm thiên). Ở tại đây, nhữnh loài chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

Này Vàsettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành.** Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên **thác sanh qua tại đây.** Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gia khá dài.

11. Này Vàsettha, lúc bấy giờ:

Vạn vật trở thành một thế giới toàn nước đen sẫm,
một màu đen khiến mắt phải mù.

Mặt trăng, mặt trời không hiện ra;

Sao và chòm sao không hiện ra;

Không có ngày đêm;

Không có tháng và nửa tháng;

Không có năm và thời tiết;

Không có đàn bà, đàn ông.

Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi.

Này Vàsettha, đối với các loài hữu tình ấy, **sau một thời gian rất lâu,** vị đất tan ra trong nước. Như bọt

nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy **đất hiện ra**. **Đất này có màu sắc, có hương và có vị**. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

12. Nay Vasettha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", **lấy ngón tay ném vị của đất**. Khi lấy ngón tay ném vị của đất, **vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên**. Nay Vasettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay ném vị của đất. Khi lấy ngón tay ném vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. **Rồi các hữu tình kia bắt đầu thưởng thức vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất**.

Khi ánh sáng của họ biến mất, mặt trăng mặt trời hiện ra.

Khi mặt trăng, mặt trời hiện ra, thì sao và chòm sao hiện ra.

Khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra.

Khi ngày và đêm hiện ra, thì nửa tháng và tháng hiện ra.

Khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra.

Như vậy, nay Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

13. Nay Vasettha, những hữu tình ấy, thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân của họ trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp.

Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất.

Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!", như ngày nay, khi loài Người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

14. Nay Vasettha, khi **vị đất** đã biến mất với các hữu tình ấy, thì một loại **nấm đất** hiện ra. Như hình con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của đất như mật ong thuần tính.

Nay Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm

chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức nắm đất, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên **thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của chúng lại càng sai biệt**. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta". **Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nắm đất biến mất**.

Khi **nắm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra**. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

15. Này Vasettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các

hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến đi!"; như ngày nay khi loài Người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Nay Vasettha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời **lúa xuất hiện** tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và bột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng, lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Nay Vasettha, những hữu tình ấy thường thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại

càng sai biệt. Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện. Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyến đối với thân thể bắt đầu. Do sự ái luyến, họ làm các hạnh dâm.

Này Vasettha, lúc bấy giờ những chúng sanh ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?"; như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

17. Này Vasettha, lúc bấy giờ việc làm được xem là phi pháp này được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã ấp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ chỉ trích mau chóng, vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lâu, làm nhà để che dấu những hành động phi pháp của họ.

Này Vasettha, có loài hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỗi một bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho

buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vasettha, loài hữu tình ấy tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình này và nói:

- Này Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Này Bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vasettha, vị này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

- Này Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

- Này Bạn chúng ta hãy đi tìm lúa.

- Này Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

- Này Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

- Này Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Này Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày!

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

- Này Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, những vị hữu tình kia, bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cày bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn; và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

18. Này Vasettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

- Này các Bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất. Vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào quang biến mất. Vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra. Vì mặt trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chùm sao hiện ra. Vì các sao và chùm sao hiện ra, nên đêm, ngày hiện ra. Vì đêm, ngày hiện ra, nên nửa tháng và tháng hiện ra. Vì nửa tháng và tháng hiện ra, nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thưởng thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất

làm món ăn trong một thời gian khá dài. Khi ác bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất, nên nắm đất hiện ra. Nắm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức nắm đất ấy, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nắm đất biến mất. Vì nắm đất biến mất, nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất, nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy vào buổi chiều, lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thưởng thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, cám bắt đầu bọc hột lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa trơn nhẵn; và các cây lúc bị cắt không lớn lên được; và như

vậy có sự gián đoạn. Và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

19. Này Vasettha, có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thương thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thương thức phần ấy. Nhà Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

- Thưa Bạn, vâng!

Này Vasettha, người này vâng theo lời nói của những người ấy. Này Vasettha, một lần thứ hai...

Này Vasettha một lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thương thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm điều ác, vì Ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thương thức phần ấy... Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Này Vasettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất

hiện, quả trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

20. Nay Vasettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

- Nay Tôn giả, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quả trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người.

Người ấy sẽ tức giận khi đáng phải tức giận, khiến trách khi đáng phải khiển trách, hãy tản xuất khi đáng phải tản xuất. Chúng tôi sẽ dành cho Người một phần lúa của chúng tôi.

- Xin vâng, các Tôn giả!

Nay Vasettha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu tình kia, tức giận khi đáng tức giận, khiến trách khi đáng khiến trách, tản xuất khi đáng tản xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

21.

Nay Vasettha, *được lựa chọn bởi đại chúng*, tức là **Mahà-sammato**. Danh từ Mahà-sammato là danh từ đầu tiên được khởi lên.

Nay Vasettha, "*Vị chủ của ruộng vườn*" tức là **Khattiyà**, là danh từ thứ hai được khởi lên".

"*Làm cho các người khác hoan hỷ bởi Pháp*", tức là **Ràja** (vị vua). Ràja là danh từ thứ ba được khởi lên.

Này Vasettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, **một cách đúng pháp tắc (dhamma)**, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

22. Này Vasettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

- Này các Tôn giả, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiển trách, nói láo, hình phạt, tàn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Vác vị ấy **loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Bràhmanà (Bà-la-môn), và chữ Bràhmanà là danh từ đầu tiên được khởi lên**. Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đồ được dập tắt, khói được tiêu tan, cội và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi họ xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

- Này các Tôn giả, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đồ được dập tắt, khói được tiêu tan, cội và chày rơi ngã

nghiên, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Nay

Vàsettha, họ **"Jhàyanti", tu thiền, tức là họ suy tư Jhàyakà. Jhàyakà là danh từ thứ hai được khởi lên.**

23. Nay Vàsettha, một số loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

*"Này các Tôn giả, **những loài hữu tình này, không thể tu thiền** trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền.*

Nay Vàsettha, **"Nadānima Jhàyanti" tức là ajjhàyaka, và ajjàyakà là chữ thứ ba được khởi lên (Các vị lập lại các tập Vedà).** Nay Vàsettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp. Nay họ xem là cao thượng nhất.

Như vậy, này Vàsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Bà-la-môn, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp.

Nay Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

24. Nay Vàsettha, một số loài hữu tình này, theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác

(Vissuta). Nay Vāsettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên.

Như vậy, nay Vāsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Vessā, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vāsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

25. Nay Vāsettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, nay Vāsettha, được gọi là Suddā. Và danh từ Suddā được khởi lên.

Như vậy, nay Vāsettha, là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Suddā, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vāsettha như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

26.

Nay Vāsettha, một thời có vị Khattiya (Sát đế ly) tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

Vị Bà la môn, tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn".

Vị Vessà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

Vị Suddà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

Này Vàsettha, giai cấp Samana (Sa-môn) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp.

Này Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

27. Này Vàsettha, vị Khattiya, làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Vàsettha, vị Bà la môn... Này Vàsettha, vị Vessà... Này Vàsettha, vị Suddà làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

28. Này Vàsettha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có

chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới.

29. Nay Vasettha, vị Khattiya, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến, có tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

30. Nay Vasettha, vị Khattiya, ché ngự về thân, ché ngự về miệng, ché ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại. Nay Vasettha, vị Bà la môn... vị Vessà... Nay Vasettha vị Suddà, ché ngự về thân, ché ngự về miệng, ché ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại.

31. *Này Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ kheo, là bậc A la hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.*

32. Này Vasettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) tuyên thuyết:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát đế lý tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Này Vasettha, bài kệ này được Phạm thiên Sanamkumàra, khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vasettha, Ta cũng nói như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát đế lý tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Vasettha và
Bhàradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng Thế Tôn.

27 Chánh đạo - Định nghĩa - Kinh Con Đường – Tương II, 14

Con Đường – Tương II, 14

1)... Trú ở Sàvatthi... (như trên).

2) Nay các Tỷ-kheo, **Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo**. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

3) Và nay các Tỷ-kheo, *thế nào là tà đạo?*

Nay các Tỷ-kheo, **vô minh duyên hành**; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là **tà đạo**.

4) Và nay các Tỷ-kheo, *thế nào là chánh đạo?*

Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là **chánh đạo**.

28 Chân lý - Thế nào là hộ trì chân lý - Kinh CANKI – 95 Trung II, 715

KINH CANKI (Canki sutta)

– Bài kinh số 95 – Trung II, 715

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala, tên là Opasada. Thế

Tôn trú tại Opasada, tại rừng chur Thiên (Devavana), rừng cây sala (salavana), phía Bắc làng

Opasada. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Canki trú ở Opasada, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Pasenadi, vua nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada

được nghe: "Sa-môn Gotama... (như kinh

Ratthapala, số 82, trang 497-498 thay chữ Thullakotthita bằng chữ Opasada)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn gia

chủ ở Opasada, từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra

khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chur Thiên, rừng cây sala. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Canki đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Canki thấy

các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư Thiên, rừng cây sala. Thấy vậy, Bà-la-môn Canki bèn gọi người gác cửa:

– Này người Gác cửa, vì sao các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala như vậy?

– Thưa Tôn giả Canki, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đang du hành trong nước Kosala... (như kinh Ratthapala số 82, trang 497) Phật, Thế Tôn. Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này người Gác cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn gia chủ: "Bà-la-môn Canki có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi. Bà-la-môn Canki sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama".

Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn, từ nhiều địa phương khác nhau, đến tại Opasada vì một vài công vụ. Những Bà-la-môn nghe: "Bà-la-môn Canki sẽ đi yết kiến Sa-môn Gotama". Những Bà-la-môn ấy đến Bà-la-môn Canki, khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Canki:

– Có phải Tôn giả Canki sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Nay các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Canki, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki. Lại nữa, Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Canki.

Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà giàu có, đại phú, sung túc... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Tôn giả Canki đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng điều cao thương. Tôn giả Canki có giới hạnh, trưởng thành trong giới

hạnh, thành tựu sự trưởng thành trong giới hạnh. Tôn giả Canki thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả Canki là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật. Tôn giả Candi được vua Pasenadi xứ Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki được Bà-la-môn Pokkarasati kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki sống ở Opasada, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Pasenadi nước Kosala. Vì rằng Tôn giả Canki sống ở Opasada... (như trên)... Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả hãy nghe ta giải thích, vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh

cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có giới hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa

minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư các hàng Tôn sư của nhiều người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama **đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động của tâm.**

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama **chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện** khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn Thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisara nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị từng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị từng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasati cùng với các con, vợ, thị giả đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Opasada, nay đang ở tại Opasada về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Opasada, hiện ở tại Opasada, về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

Này các Hiền giả, chỉ với một ưu điểm thôi, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta; thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Vậy tất cả chúng ta hãy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Rồi Bà-la-môn Canki, cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những người chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi và nói lên với những Bà-la-môn trưởng thượng những lời thân hữu về vấn đề này, vấn đề khác. Khi ấy có thanh niên Bà-la-môn tên Kapathika, trẻ tuổi, đầu cao troc, mới có mười sáu tuổi, từ khi sanh, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngũ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng, thanh niên này đang ngồi giữa hội chúng ấy. Thanh niên này thỉnh thoảng cắt đứt cuộc đàm luận giữa Thế Tôn và các vị Bà-la-môn trưởng thượng. Rồi Thế Tôn khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika:

– Hiền giả Bharadvaja, chớ có cắt ngang cuộc đàm luận của các Bà-la-môn trưởng thượng. Hiền giả Bharadvaja hãy chờ cho đến khi câu chuyện chấm dứt.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chớ có khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là Thiện nam tử. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc đa văn. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika phát ngôn thiện xảo. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc có trí. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika có thể đàm luận với Tôn giả Gotama trong vấn đề này.

Thế Tôn nghĩ như sau: "Thật sự thanh niên Bà-la-môn Kapathika này đã thông hiểu ba tập Veda, và các Bà-la-môn tôn trọng người này". Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika nghĩ như sau: "*Khi nào Sa-môn Gotama lấy mắt nhìn con mắt ta, ta sẽ hỏi Sa-môn Gotama*".

Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của thanh niên Bà-la-môn Kapathika liền lấy mắt nhìn thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika suy nghĩ: "Sa-môn Gotama chăm chú nhìn ta, vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama một câu hỏi". Rồi thanh niên Bà-la-môn Kapathika bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, câu chú thuật (mantapadam) của các cổ Bà-la-môn y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng. Và ở đây, các vị Bà-la-môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Ở đây, Tôn giả Gotama đã nói gì?

– Nhưng này Bharadvaja, có một Bà-la-môn nào giữa các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, cho đến vị Tôn sư của các vị Tôn sư trở lui cho đến bảy đời, các vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, thuở xưa những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy này Bharadvaja, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy với một Bà-la-môn: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Không có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, một vị Đại Tôn sư, cho đến bảy đời, vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú và nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng đã hát lên, nói lên giống như các vị trước đã làm. Như là Attaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy không có nói như sau: "Chúng tôi biết việc này, chúng tôi thấy việc này. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ta đều là sai lầm".

Ví như này, Bharadvaja, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Cũng vậy, này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng, lời nói của các Bà-la-môn cũng giống như chuỗi người mù: người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Này Bharadvaja, Ông nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải **lòng tin của các vị Bà-la-môn trở thành không có căn cứ?**

– Thừa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không phải chỉ dựa trên lòng tin, các Bà-la-môn ở đây còn dựa trên điều nghe (tùy văn: anussava).

– **Trước hết, này Bharadvaja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn.**

Này Bharadvaja, **năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.** Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cân nhắc suy tư các lý do, và chấp nhận quan điểm. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.

Tuy vậy, này Bharadvaja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy hỷ... (như trên)

... được khéo tùy văn... (như trên)

... được khéo cân nhắc suy tư... (như trên)

... được khéo chấp nhận có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận có thể là thật, chân, không thay đổi.

Hộ trì chân lý, này Bharadvaja không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

*Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về **hộ trì chân lý**.*

– Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý.

Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý.

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỷ...

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy văn...

Này Bharadvaja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do...

Này Bharadvaja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý.

Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama,

chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý.

Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý?

– Ở đây, này Bharadvaja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ **đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp**, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp.

Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không, do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy," hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài".

Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

"Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.

Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham.

Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

"Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.

Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân.

Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận,

pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu tôn giả ấy có si pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.

Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy.

Với lòng tin sanh, người này đến gần,
Khi đến gần liền thân cận giao thiệp,
Do thân cận giao thiệp, nên lóng tai,
Do lóng tai, người ấy nghe pháp,
Sau khi nghe, liền thọ trì pháp,
Rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì;
Trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ
chấp nhận;
Khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn
sanh,
Khi ước muốn sanh, liền cố gắng,
Sau khi cố gắng liền cân nhắc,
Sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần.

Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối
thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí
tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, này Bharadvaja là sự giác ngộ
chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác
ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương
sự giác ngộ chân lý, nhưng như vậy chưa phải là
chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là giác
ngộ chân lý, cho đến như vậy, chân lý được giác
ngộ, và cho đến như vậy chúng con thấy giác ngộ
chân lý.

*Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào
là chứng đạt được chân lý, cho đến mức độ nào*

chân lý được chứng đạt. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chứng đạt chân lý.

– Này Bharadvaja, **chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt.**

Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy chân lý được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chứng đạt chân lý.

Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự **chứng đạt chân lý**, này Bharadvaja, **tinh cần được hành trì nhiều.** Nếu không tinh cần (theo đuổi) chân lý thì không thể chứng đạt chân lý. Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý. Do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, này Bharadvaja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần (theo đuôi) chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, này Bharadvaja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng này Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng, do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, này Bharadvaja, **hoan hỷ chấp nhân** pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bharadvaja, **tìm hiểu ý nghĩa** được hành trì nhiều. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, **tho trì pháp** được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Trong sự thọ trì*

pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thọ trì pháp, này Bharadvaja, nghe pháp được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự nghe pháp, này Bharadvaja, lóng tai được hành trì nhiều. Nếu không có lông tai thì không có nghe pháp. Và vì có lông tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lông tai được hành trì nhiều.

– *Trong sự lông tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lông tai, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự lông tai, này Bharadvaja, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lông tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lông tai; do vậy, trong sự lông tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

– *Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con*

hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, này Bharadvaja, **đi đến gần** được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến gần nên có thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

– *Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự đi đến gần, này Bharadvaja, **lòng tin** được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không đi đến gần. Và vì lòng tin không sanh nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

– Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận, và do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lý. Chúng con đã tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt

chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Trong sự chứng đạt chân lý, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lý, Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ điều gì, Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết (sự phân biệt) như sau: "Và ai là những Sa-môn trọc đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên (?) và ai là những người hiểu biết Chánh Pháp". **Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tin kính Sa-môn đối với các Sa-môn.**

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ... (như trên)... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

29 Chân thật - Tín, ít bệnh, chân thật, tấn, tuệ - Kinh MỤC ĐÍCH 1 – Tăng II, 557

MỤC ĐÍCH 1 – *Tăng II*, 557

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh có hy vọng về quốc độ.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh;
- Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen,
- Được cha mẹ thương yêu ưa thích,
- Được dân chúng quốc độ thị trấn thương yêu ưa thích;
- Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như nghề voi, ngựa, xe, cung và chuôi gươm, vị ấy hoàn toàn được huấn luyện.

Vì ấy suy nghĩ như sau:

- "Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Ta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Ta được cha mẹ thương yêu ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Ta được dân chúng quốc độ thị trấn thương yêu ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh như nghề voi, ngựa xe, cung và chuỗi gươm ta hoàn toàn được huấn luyện, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?"

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào quốc độ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc.

3. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo **có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai**: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn".
- Tỷ-kheo ấy **ít bệnh, ít nã**, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.
- Tỷ-kheo ấy **không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư**, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.
- Tỷ-kheo ấy **sống tinh cần tinh tấn**, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu với các thiện pháp.
- Tỷ-kheo ấy **có trí tuệ**, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt các pháp, thành tựu sự thể nhập thuộc bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Vị ấy suy nghĩ như sau:

- **"Ta có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán,...Phật, Thế Tôn". Tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?**

- Ta ít bệnh, ít nã, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?
- Ta không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?
- Ta sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?
- Ta có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt của các pháp, thành tựu sự thể nhập thuộc bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?"

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đặt hy vọng và sự đoạn diệt các lậu hoặc.

30 Chân đế - Thế nào là Chân đế - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT (**Dhatuvibhanga sutta**) – *Bài kinh số 140 – Trung III, 541*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm

Bhaggava:

– **Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.**

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati;

sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thừa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm.

Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "**Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy**". Rồi Thế Tôn nói với

Tôn giả Pukkusati:

– *Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?*

– Thừa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thừa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "**Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy**". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– *Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.*

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu giới**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.** Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu xúc xứ**", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có mười tám ý hành**", do duyên gì được nói đến như vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có bốn thắng xứ**", do duyên gì được nói đến như vậy? Tuê thắng xứ, đế thắng xứ, huệ thí thắng xứ, tịch tịnh thắng xứ. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?

Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.**

Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thân, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. **Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.** Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất

lòng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, ném, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm tư từ bỏ phong giới. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được ném, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được ném, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được ném và được

tổng xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Nay Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới.

Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vì ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vì ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng**. *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc*

xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. **Người ấy tuệ tri như sau:** "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong

trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri:*** "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy
cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác khô thọ, không có hệ phược, vị
ấy cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ
phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu,
vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là
tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh
mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm
thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "**Sau
khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở
nơi đây trở thành thanh lương**".

*Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy
đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và
không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu
ấy bị diệt tắt...*

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm
thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác
một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác
một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ
tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm
tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng
chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành
thanh lương". Do vậy, **Tỷ-kheo thành tựu như vậy
là thành tựu với tôi thắng TUỆ THẮNG XỨ này.**

Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ. Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh huệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phần nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước

của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Nay Tỷ-kheo, như vậy là **tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham sân si.**

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", chính do duyên này được nói đến như vậy.

*Khi được nói đến "**Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Nay Tỷ-kheo, **khi**

vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh.

Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu.**

Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được?

Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sáu giới.

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: **"Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!"** Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Nay Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xung hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng nay Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng nay Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Nay Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Nay Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh

chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống
tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam
tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy
pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện
tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia
nam tử Pukkusati, **sau khi đoạn trừ năm hạ phần
kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn,
không phải trở lui đời ấy nữa.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

31 Châu báu - 5 châu báu - Kinh BÀLAMÔN PINGIYÀNI – Tăng II, 693

BÀLAMÔN PINGIYÀNI – Tăng II, 693

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàlì, tại Mahàvana, chỗ giảng đường có nóc nhọn, có khoảng 500 người Licchavi hầu hạ Thế Tôn. Một số người Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Một số người Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Một số người Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Một số người Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng. Nhưng thật sự Thế Tôn đã chói sáng với dung sắc và sự huy hoàng.

Rồi Bà-la-môn Pingiyàni từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn! Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn!
- Hãy nói lên, này Pingiyàni!

Thế Tôn nói như vậy. Rồi Bà-la-môn Pingiyàni trước mặt Thế Tôn, nói lên bài kệ thích đáng:

*Như loại hoa sen hồng,
Buổi sáng hương ngào ngạt,
Khi đóa hoa càng nở,
Hương thơm càng ngát hương.
Xem Angìrasa,
Chiếu hào quang sáng chói,
Chói sáng thật rực rỡ,
Như mặt trời trên không.*

Rồi các người Licchavi ấy đem 500 thượng y dâng đắp cho Bà-la-môn Pingiyàni. Và Bà-la-môn Pingiyàni đem 500 thượng y ấy dâng đắp cho Thế Tôn. Thế Tôn nói với các vị ấy:

2. - **Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm châu báu khó tìm được ở đời.**

3. Thế nào là năm?

- **Sự xuất hiện của Như Lai**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời.
- **Người thuyết được Pháp Luật** do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời.
- **Người hiểu được Pháp Luật** do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời.

- **Người thực hành pháp** và tùy pháp, sau khi đã hiểu rõ lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời.
- **Người biết ơn, nhớ ơn** khó tìm được ở đời.

Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm loại châu báu này khó tìm được ở đời.

32 Châu báu - 5 châu báu khó tìm được ở đời - Kinh TẠİ ĐỀN SÀRANDADA – Tầng II, 583

TẠİ ĐỀN SÀRANDADA – Tầng II, 583

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàlì, tại Đại Lâm, chỗ giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vesàlì để khát thực.

Lúc bấy giờ, khoảng 500 người Licchavì đang ngồi tụ họp tại đền Sàrandada, và câu chuyện sau đây được khởi lên:

2. "Sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Thế nào là năm?

- Sự hiện hữu của voi báu khó tìm được ở đời;
- Sự hiện hữu của ngựa báu khó tìm được ở đời;
- Sự hiện hữu của ngọc báu khó tìm được ở đời;
- Sự hiện hữu của nữ báu khó tìm được ở đời;
- Sự hiện hữu của cư sĩ báu khó tìm được ở đời.

Sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở đời".

3. Rồi các người Licchavì ấy đặt một người ở trên đường và nói:

- Nay Bạn, khi nào Bạn thấy Thế Tôn đi đến, hãy báo cho chúng tôi biết.

Người ấy thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, liền đi đến các người Licchavì và nói:

- Thưa Quý vị, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy đã đến. Nay Quý vị hãy làm những gì Quý vị nghĩ là hợp thời!

Rồi các người Licchavì ấy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, các người Licchavì ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến đền Sàrandada vì lòng thương tưởng chúng con!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến đền Sàrandada, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các người Licchavì ấy:

- Nay các Licchavì, hôm nay các Ông ngồi tụ họp, nói đến vấn đề gì? Và vấn đề gì giữa các Ông đã bị gián đoạn?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đang ngồi tụ họp, vấn đề này được khởi lên: "Sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Thế nào là năm? Sự hiện hữu của voi báu khó tìm được ở đời; Sự hiện hữu của ngựa báu khó tìm được ở đời; Sự hiện hữu của ngọc báu khó tìm được ở đời; Sự hiện hữu của nữ báu khó tìm được ở đời; Sự hiện hữu của cư sĩ báu khó tìm được ở đời. Sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở đời!".

4. - Đối với các Ông, người Licchavi đang thiên nặng về dục, cuộc nói chuyện y cứ trên dục được khởi lên.

Này các Licchavi, **sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở đời.** Và thế nào là năm?

- **Sự hiện hữu của Như Lai**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời.
- **Hạng người có thể thuyết giảng Pháp và Luật** do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời.
- **Người hiểu** được lời thuyết giảng về Pháp là Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời.
- **Người đem thực hành** các pháp và tùy pháp được hiểu từ lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời.
- **Người biết ơn, và nhớ ơn** khó tìm được ở đời.

Sự hiện hữu của năm châu báu này, này các Licchavi,
khó tìm được ở đời.

33 Chín bất thời bất tiết - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– *Bài kinh số 33 – Trường II, 567*
(Trích đoạn)

Phạm hạnh trú, chín bất thời bất tiết:

Này các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.

... sanh vào ngã quỷ...

...sanh vào hàng A tu la...

... sanh vào hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài...

... sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Nam

cư sĩ, Nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.

Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy được sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế, không có quả báo các hành vi thiện ác, không có đời này, không có các loài hóa sanh, không có các vị Sa môn, Bà la môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực thành chơn chánh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ bảy.

Này các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sinh vào tại các nước trung quốc, nhưng ác huệ, ngu si, đố kỵ, ngạo, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám.

Này các Hiền giả, lại nữa Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, nhưng Pháp không được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị, và

người ấy sanh vào tại các nước trung quốc nhưng có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ chín.

34 Chín chỗ an trú của loài hữu tình - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– *Bài kinh số 33 – Trường II, 567*
(Trích đoạn)

Chín chỗ an trú của loài hữu tình:

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tướng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên, một số ở tại các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tướng đồng nhất, như Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

Này các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tướng sai biệt như chư Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

Này các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tướng đồng nhất như chư Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tướng, không có thọ, như chư Vô Tướng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tướng, không có tác ý sai biệt tướng, chứng được

Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

35 Chín chỗ cư trú của các loài hữu tình - Kinh CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141

CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141

1. - *Này các Tỷ-kheo, có chín chỗ cư trú của loài hữu tình.*

2. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng sai biệt*, như loài **Người**, một số chư Thiên, một số ở các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

3. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng đồng nhất*, chư **Phạm Chúng thiên**, khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

4. Này các Tỷ-kheo, có loại hữu tình, *thân đồng nhất, tướng sai biệt* như **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

5. Nay các Tỷ-kheo, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tướng đồng nhất*, như **Tịnh Cư thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

6. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình *không có tướng, không có thọ* như **Vô Tướng thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

7. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các đối ngại tướng, không có tác ý sai biệt tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng được *Không vô biên xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

8. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, vượt khỏi hư Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng được *Thức vô biên xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

9. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có gì tất cả", chứng được *Vô sở hữu xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

10. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng *Phi tướng phi phi tướng xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín chỗ cư trú của các loài hữu tình.

36 Chín có vẻ như chưa chín - Kinh CÁI GHÈ – Tăng II, 14

CÁI GHÈ – Tăng II, 14

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại ghè** này. Thế nào là bốn?

- Trống và bịt;
- Đầy và mở;
- Trống và mở;
- Đầy và bịt.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại ghè này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví như các loại ghè này có mặt, hiện hữu ở đời**. Thế nào là bốn?

- Trống và bịt,
- Đầy và mở,
- Trống và mở,
- Đầy và bịt.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và bịt?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có thái độ khả ái, khi đi tới đi lui**, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, bình bát và y,
- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè trống và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và mở?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có thái độ dễ thương**, khi đi tới đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, bình bát và y,
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và mở. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè đầy và mở ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và mở?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có thái độ dễ thương**, khi đi tới đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, bình bát và y,
- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và mở, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

6. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và bít?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có thái độ dễ thương**, khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, mang y bát.
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và bít. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè đầy và bít ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người giống như các loại ghè này có mặt, hiện hữu ở đời.

HỒ NƯỚC 1 – Tầng II, 16

❖ Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn?

- Cạn nhưng có vẻ sâu,
- Sâu nhưng thấy cạn,
- Cạn và thấy cạn,
- Sâu và thấy sâu.

Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này...

CÁC HỒ NƯỚC 2 – Tầng II, 17

1. - Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn?

- Cạn có vẻ sâu,
- Sâu có vẻ cạn,
- Cạn có vẻ cạn,
- Sâu có vẻ sâu.

Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này.

2. Cũng vậy, đây các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với hồ nước này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Cạn có vẻ sâu,
- Sâu có vẻ cạn.
- Cạn có vẻ cạn,
- Sâu có vẻ sâu.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cạn có vẻ sâu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ khả ái... (như kinh 103, từ số 3 cho đến số 6).

CÁC TRÁI XOÀI – Tăng II, 17

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn loại xoài này. Thế nào là bốn?

- Chưa chín có vẻ chín,
- Chín có vẻ chưa chín,
- Chưa chín có vẻ chưa chín,
- Chín có vẻ chín,

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại xoài này.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với bốn loại xoài này. Thế nào là bốn (như kinh 103, từ số 3 đến số 6).

CÁC LOẠI CHUỘT – Tăng II, 18

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại chuột** này. Thế nào là bốn?

- Đào hang không ở,
- Ở không đào hang,
- Không đào hang không ở,
- Có đào hang có ở.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại chuột này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại chuột này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Đào hang không ở,
- Ở không đào hang,
- Không đào hang không ở,
- Có đào hang có ở.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có đào hang, nhưng không ở?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thuộc lòng Pháp** như Khê kinh... Quảng thuyết.
- Vị ấy **không như thật quán tri: "Đây là Khổ"**... "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đào hang, nhưng không ở. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại chuột có đào hang, nhưng không ở ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có ở, không đào hang? (xem như kinh 102).

MÂY MƯA 2 – *Tăng II, 11*

1. - Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại mây mưa** này. Thế nào là bốn?

- Có sấm, không có mưa;
- Có mưa, không có sấm;
- Không có sấm không có mưa;
- Có sấm và có mưa.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví dụ như các loại mây mưa này, có mặt, hiện hữu ở đời**. Thế nào là bốn?

- Hạng người có sấm, không có mưa;
- Hạng người có mưa, không có sấm;
- Hạng người không có sấm, không có mưa;
- Hạng người có sấm và có mưa.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm, không có mưa?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thuộc lòng Pháp**, Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Quảng thuyết.
- Vị ấy **không như thật quán tri: "Đây là Khổ"**..., không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có học thuộc lòng Pháp**, như Khế kinh, Ứng tụng, ... Quảng thuyết.
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

5. *Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người không có sấm và không có mưa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không học thuộc lòng Pháp** như Khế kinh... Quảng thuyết.
- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sấm, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây không có sấm, không có mưa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

6. *Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có sấm và có mưa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **học thuộc lòng Pháp** như Khế kinh... Quảng thuyết.

- Người ấy như thật quán tri: "Đây là Khô"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khô diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như loại mây này có mặt, hiện hữu ở đời.

37 Chín cửa - Kinh Bốn Bánh Xe – Tương I, 41

Bốn Bánh Xe – Tương I, 41

Bốn bánh xe, **chín** cửa,
Đầy uest, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bần nhơ,
Ôi, thừa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?

(Thế Tôn):

Cắt **hỷ** và buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.

38 Chín cửa hôi thúi - Kinh MỘT UNG NHỌT – Tăng IV, 116

MỘT UNG NHỌT – Tăng IV, 116

1. - *Ví như, này chư Hiền, một ung nhọt đã trải nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.*

5. Ung nhọt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân này do bốn đại tác thành, do cha mẹ sinh ra, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, hoại diệt, có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy nhàm chán thân này.

39 Chín hạng người khi chết có dư y, được thoát khỏi địa ngục... - Kinh TISSA – Tăng III, 379

TISSA – *Tăng III*, 379

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại núi Gijjihakuta (Linh Thứu). Bấy giờ có hai Thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjihakuta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một Thiên nhân bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát.

Thiên nhân khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y.

Các Thiên nhân ấy nói như vậy. Bạc Đạo Sư chấp nhận. Rồi các Thiên nhân ấy, sau khi được biết: "Bạc Đạo Sư đã chấp nhận", đánh lễ Thế Tôn, thân bên

hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm này, này các Tỷ-kheo, có hai Thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjihakuta, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một Thiên nhân bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát". Thiên nhân khác bạch với Ta: "bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y". Này các Tỷ-kheo, các Thiên nhân ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, các Thiên nhân ấy đánh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàmoggallàna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna suy nghĩ như sau: "Những Thiên nhân nào có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"."

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Tissa mạng chung không bao lâu và được sanh lên một Phạm thiên giới. Tại đấy, họ được biết vị ấy là Phạm thiên Tissa, có đại thần lực, có đại uy lực.

Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna, như người lực sĩ đuổi cánh đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra;

cũng vậy, biến mất ở Gijjhakuta và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. **Phạm thiên Tissa** thấy Tôn giả Mahàmoggallàna từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Hiền giả Moggallàna, hãy đến đây! Thiện lai Hiền giả Moggallàna! Đã lâu, Hiền giả Moggallàna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Hãy ngồi, Hiền giả Moggallàna, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Tôn giả Mahàmoggallàna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Phạm thiên Tissa đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahàmoggallàna nói với Phạm thiên Tissa đang ngồi xuống một bên:

- Những Thiên nhân nào có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"?

- Thừa Hiền giả Moggallàna, **Phạm chúng thiên có trí** như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

- Nay Tissa, có phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"?

3. - Thừa Hiền giả, không phải tất cả chư thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

→ Thừa Hiền giả Moggallàna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên *bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, không như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy*. Những vị ấy không có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

→ Và thừa Hiền giả Moggallàna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên, *không bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, không bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy*; những vị ấy có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

4. Ở đây, thừa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo được giải thoát cả hai phần**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này được giải thoát cả hai phần*". Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài Người không thấy được vị ấy. Như vậy, thừa Hiền giả Moggallàna,

các Thiên nhân ấy, có trí như sau: "[Không có dư y](#) là không có dư y".

5. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo được tuệ giải thoát**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này được tuệ giải thoát*". Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài Người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các Thiên nhân và loài Người không thấy được vị ấy. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: "[Không có dư y](#) là không có dư y".

6. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo thân chứng**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này là vị thân chứng. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chọn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: "[Có dư y](#) là có dư y".

7. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo kiến chí... tín giải thoát... tùy pháp hành**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này là vị tùy pháp hành. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng*

tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: "Hay trong các vị có dư y, vị ấy là vị có dư y".

8. Rồi Tôn giả Moggallàna hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa. Như một người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang đuổi ra; cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra ở núi Gijjhakùta. Rồi Tôn giả, Mahàmoggallàna đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna, đem câu chuyện nói với Phạm thiên Tissa như thế nào, tường thuật hết tất cả cho Thế Tôn nghe.

- Nhưng này Moggallàna, Phạm thiên Tissa không nói cho Thấy về hạng người vô tướng trú thứ bảy.

- Bạch Thế Tôn, nay là thời, bạch Thiện Thệ, nay là thời để Thế Tôn nói về người trú vô tướng thứ bảy. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Này Moggallàna, hãy lắng nghe.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahàmoggallàna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

9. - Ở đây, này Moggallàna, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng đạt vô tướng tâm định và an trú. Các Thiên nhân ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này, do không tác ý tất cả tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Rất có thể Tôn giả này do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Như vậy, này Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí ấy như sau: "Có dư y là có dư y".

KHÔNG CÓ DƯ Y – 103tc4

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, rồi Tôn giả Sàriputta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Tôn giả Sàriputta suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sàvatthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến

khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Tôn giả Sàriputta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

2. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: *"Thưa chư Hiền, ai chết có dư ý, tất cả không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi bàng sinh, không được giải thoát nạ quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ"*.

3. Rồi Tôn giả Sàriputta *không hoan hỷ, không chỉ trích* lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy, không hoan hỷ, không chỉ trích, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, với ý nghĩ: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn". Rồi Tôn giả Sàriputta khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sàvatthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, con nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón, hỏi thăm, sau

khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: "Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả người ấy không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ". Rồi bạch Thế Tôn, con không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy. Không hoan hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, với ý nghĩ rằng: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn".

4. - Nay Sàriputta, một số các du sĩ ngoại đạo là những kẻ ngu si, không thông minh, một số sẽ biết: "Người có dư y là người có dư y", hay sẽ biết: "Người không có dư y là người không có dư y".

Này Sàriputta, có chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sinh, được giải thoát khỏi nạ quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Thế nào là chín?

5. Ở đây, này Sàriputta, có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định, nhưng không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là *vị Trung gian Bát-niết-bàn*. Nay Sàriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư

y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi
nga quỷ... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

6. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên
mãn trong các giới, viên mãn trong định, nhưng
không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận
năm hạ phần kiết sử, **là vị Tổn hại Bát-niết-bàn...**

... là vị Vô hành Bát-niết-bàn...

... là vị Hữu hành Bát-niết-bàn...

... là vị Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh thiên, này
Sàriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư
y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi
loài bàng sanh... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú,
đọa xứ.

7. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên
mãn trong các giới, **không** viên mãn trong định,
không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba
kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, **là vị Nhất Lai, còn
đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau**.
Này Sàriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có
dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát
khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

8. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, *là vị Nhất chủng, còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, *là vị Gia gia, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ tám, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

10. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, *là vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển, tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài Người, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi

bàng sanh, được giải thoát khỏi nga quý, được giải thoát khỏi cỗi dữ, ác thú, đọa xứ.

Này Sàriputta, một số người du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số người sẽ biết: "Có dư y là có dư y" hay một số người sẽ biết: "Không có dư y là không dư y".

Này Sàriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi nga quý, được giải thoát khỏi cỗi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này Sàriputta, cho đến nay, pháp môn này chưa được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì có sao? Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không đem lại phóng dật. Lại nữa, này Sàriputta, **pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.**

40 Chín muôi - Giải thoát được chín muôi - Kinh TẠİ MỖI PHƯƠNG HƯỚNG – Tăng II, 555

TẠİ MỖI PHƯƠNG HƯỚNG – *Tăng II, 555*

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, **vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh sống tại phương hướng nào, vị ấy sống trong lĩnh vực mình chiếm đoạt được.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh;
- Là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, ngân khố, kho lúa sung mãn;
- Có uy lực, đầy đủ bốn loại binh chủng trung thành và sẵn sàng tuân lệnh.
- Vị tư lệnh là bậc Hiền trí, tinh luyện, sáng suốt và có suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại.
- Và bốn pháp này khiến danh xưng vị ấy được chín muôi.

Thành tựu với pháp danh xưng thứ năm này, tại phương hướng nào vị ấy trú ở, vị ấy sống trong lãnh vực mình chiếm đoạt được. Vì sao? Vì như vậy là địa hạt của những người thắng trận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo sống tại phương hướng nào, vị ấy sống với tâm giải thoát.

3. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **có giới**, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhiệm, chấp nhận, và học tập trong các học pháp. Như vậy giống như vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ về thọ sanh.
- Vị ấy là **bậc nghe nhiều**, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, đối với các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì, được ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến. Giống như vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, giàu có, đại phú, sung túc tài sản, ngân khô, kho lúa sung mãn,

- **Sống tinh cần tinh tấn** đoạn trừ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Giống như vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ uy lực,
- **Có trí tuệ**, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập thuộc bậc Thánh vào con đường đưa đến đoạn tận khổ đau. Giống như vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ với vị tư lệnh.
- Bốn pháp này khiến sự **giải thoát của vị ấy được chín muồi**.

Thành tựu với pháp giải thoát thứ năm này, vị ấy trú tại phương hướng nào, vị ấy trú với tâm giải thoát. Vì sao? Vì như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là (địa hạt) của những tâm giải thoát.

41 Chín thanh tịnh tinh cần chi - Kinh THẬP THUỢNG – 34 Trường II, 653

KINH THẬP THUỢNG
– *Bài kinh số 34 – Trường II, 653*
(Trích đoạn)

Chín thanh tịnh tinh cần chi:

Giới hạnh thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
Tâm thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
Kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
Đoạn nghi thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
(thiếu đoạn: Đạo tri kiến thanh tịnh- Kinh Tràm Xe
-24Trung)

Tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
Tuệ thanh tịnh thanh tịnh cần chi,
Giải thoát thanh tịnh thanh tịnh cần chi. Như vậy là
chín pháp cần được tu tập.

42 Chín thứ đoạn diệt - Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT – Tăng IV, 152

CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT – Tăng IV, 152

1. - Nay các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ diệt.

2. Thế nào là chín?

1. Thành tựu sơ Thiên thì các đục tướng bị đoạn diệt.
2. Thành tựu đệ nhị Thiên thì các tâm tứ bị đoạn diệt.
3. Thành tựu đệ tam Thiên thì hỷ bị đoạn diệt.
4. Thành tựu đệ tứ Thiên thì hơi thở vào, hơi thở ra bị đoạn diệt.
5. Thành tựu Không vô biên xứ thì sắc tướng bị đoạn diệt.
6. Thành tựu Thức vô biên xứ thì Không vô biên xứ tướng bị đoạn diệt.
7. Thành tựu Vô sở hữu xứ thì Thức vô biên xứ bị đoạn diệt.
8. Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ thì Vô sở hữu xứ bị đoạn diệt.
9. Thành tựu Diệt thọ tướng định thì các tướng và các cảm thọ bị đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ diệt.

43 Chín thứ đệ trú - Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 1 – Tăng IV, 154

THỨ ĐỆ TRÚ 1 – Tăng IV, 154

1. - **Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ trú này.**

2. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo:

1. *Ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm và tứ.*
2. *Diệt tầm và tứ... đệ nhị Thiền...*
3. *...đệ tam Thiền...*
4. *...chứng và trú Thiền thứ tư.*
5. *Sau khi vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.*
6. *Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ.*

7. *Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có sự gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ.*
8. *Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.*
9. *Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.*

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ trú.

44 Chín thứ đệ trú - Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 – Tăng IV, 155

THỨ ĐỆ TRÚ 2 – Tăng IV, 155

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín Thiên chúng thứ đệ trú này. Hãy lắng nghe...*
2. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là chín thứ đệ trú Thiên chúng?*

*Chỗ nào các **dục** đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ấy".*

*Chỗ nào các **dục** được đoạn diệt?*

*Những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú: "Ta không biết vậy, Ta không thấy vậy", **ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau:** "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly các dục... chứng và an **trú Thiên thứ nhất**. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành

thay". Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay" người ấy sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

3. *Chỗ nào các **tâm và tứ** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tâm và tứ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ấy".*

*Chỗ nào các **tâm và tứ** được đoạn diệt?*

Những ai sau khi đoạn diệt tâm và tứ sống an trú: "Ta không biết vậy, Ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... chứng và trú **Thiền thứ hai**. Tại đây, các tâm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt tâm và tứ, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

4. *Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ấy".*

Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú. "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Tại đây, hỷ được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt hỷ, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

5. Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".

Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ,... chứng và trú **Thiền thứ tư**. Tại đây, xả lạc được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt xả lạc, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không giả dối, không lường gạt sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

6. *Chỗ nào sắc tướng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tướng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ấy".*

Chỗ nào sắc tướng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tướng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý các sai biệt tướng, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú "Không vô biên xứ". Ở đây, các sắc tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt các sắc tướng, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

7. Chỗ nào Không vô biên xứ tướng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tướng, sống an trú, Ta nói rằng: "*Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ấy*".

Chỗ nào Không vô biên xứ tướng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tướng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ tướng một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú "Thức vô biên xứ". Tại đây, Không vô biên xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Không vô biên xứ tướng, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hậu hạ.

8. Chỗ nào Thức vô biên xứ tướng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tướng, sống an trú, Ta nói rằng: "*Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ấy*".

Chỗ nào Thức vô biên xứ tướng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tướng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tướng một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú "Vô sở biên xứ". Tại đây, Thức vô biên xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Thức vô biên xứ tướng, sống an trú".

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hậu hạ.

9. Chỗ nào Vô sở hữu xứ tướng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tướng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".

Chỗ nào Vô sở hữu xứ tướng được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tướng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như

sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ". Tại đây, Vô sở hữu xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau đoạn diệt Vô sở hữu xứ tướng, sống an trú.

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hậu hạ.

10. Chỗ nào Phi tướng phi phi tướng xứ tướng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiên chi ái".

Chỗ nào **Phi tướng phi phi tướng xứ tướng** được đoạn diệt?

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tướng phi phi tướng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tướng định". Tại đây, Phi tướng phi phi tướng xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi

đoạn diệt Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, sống an trú.

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đánh lễ, chấp tay và hậu hạ.

Này các Tỷ-kheo, đây chín là thứ đệ trú Thiên chúng.

45 Chín thứ đệ diệt - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG – *Bài kinh số 33 – Trường II, 567* (Trích đoạn)

Chín thứ đệ diệt:

Thành tựu Sơ thiền, các dục tướng bị đoạn diệt;

Thành tựu đệ Nhị thiền, các tầm tứ bị đoạn diệt;

Thành tựu đệ Tam thiền, hỷ bị đoạn diệt;

Thành tựu đệ Tứ thiền, hơi thở vào hơi thở ra bị
đoạn diệt;

Thành tựu Hư không vô biên xứ, sắc tướng bị đoạn
diệt;

Thành tựu Thức vô biên xứ, Hư không vô biên xứ
tướng bị đoạn diệt;

Thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tướng bị
đoạn diệt;

Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu
xứ tướng bị đoạn diệt;

Thành tựu Diệt thọ tướng (định), các tướng và các
thọ bị đoạn diệt.

46 Chín thứ đệ trú - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG – *Bài kinh số 33 – Trường II, 567* (Trích đoạn)

Chín thứ đệ trú:

Này các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Thiền thứ nhất, có tâm có tứ có hỷ lạc do ly dục sanh.

Diệt tâm diệt tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba...
chứng và trú vào Thiền thứ tư.

Sau khi vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tượng, không có tác ý với các sai biệt tướng, chứng và trú Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên".

Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Vô sở hữu xứ: "Không có sự vật gì tất cả".

Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.

Sau khi vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tướng định.

47 Chín trú xứ của Thức - Kinh ĐẠI DUYÊN – 15 Trường I, 511

KINH ĐẠI DUYÊN (MAHA NIDANA SUTTA) – Bài kinh số 15 – Trường I, 511

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trụ tại bộ lạc Kuru (Câu-lâu), ở ấp Kuru tên là Kammassadhamma (Kiếm-ma-sất-đàm). Tôn giả Ananda (A Nan) đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, **giáo pháp Duyên khởi** này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng.

- Nay Ananda, chớ có nói vậy! Nay Ananda chớ có nói vậy! Nay Ananda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Nay Ananda, **chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la), không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.**

2. Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "**Già và chết** do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gì?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên **sanh**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thủ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thủ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thủ do duyên **ái**".

~~Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu**".~~

~~Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**". (2 đoạn này dư)????~~

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Ái có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Ái do duyên gì?" Hãy đáp: "Ái do duyên **tho**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thọ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thọ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thọ do duyên **xúc**".

Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Xúc có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Xúc do duyên gì?" Hãy đáp: "Xúc do duyên danh sắc"????.

(Xúc do duyên Sáu nhập)

(Thiếu Sáu nhập do duyên Danh sắc)????

Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Danh sắc có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Danh sắc do duyên gì? Hãy đáp: **"Danh sắc do duyên thức"**.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Thức có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thức do duyên gì?" Hãy đáp: **"Thức do duyên danh sắc"**.

3. Này Ananda, như vậy do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, xúc sanh, (~~??? do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh~~); do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão tử sanh, do duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu não sanh. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

4. Trước đã nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh?"

Này Ananda, **nếu sanh không có bất cứ loại nào**, bất cứ chỗ nào, như chư Thiên hay Thiên giới, Càn-thát-bà hay Càn-thát-bà-giới, Dạ-xoa hay Dạ Xoa giới. Quỷ thần hay Quỷ thần giới, loài Người hay

Nhân giới, loại bốn chân hay tứ túc giới, loài chim hay điều giới, loài trùng xà hay trùng xà giới. Nay Ananda, *nếu không có sanh cho tất cả, do sanh diệt, thời lão tử có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lão tử, tức là sanh.

5. Trước đã nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra?"

Nay Ananda, **nếu hữu không có bất cứ loại nào, giới nào, bất cứ chỗ nào xứ nào, như dục hữu, sắc hữu hay vô sắc hữu.** *Nếu không có hữu cho tất cả, do hữu diệt, thời sanh có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của sanh, tức là hữu.

6. Trước đã nói: "Do duyên thủ, hữu sanh". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu hỏi: "Do duyên thủ, hữu sanh?"

Nay Ananda, **nếu thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ hay ngã chấp thủ.** *Nếu không có thủ cho tất cả, do thủ diệt, thời hữu có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hữu, tức là thủ.

7. Trước đã nói: "Do duyên ái, thủ sanh". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, thủ sanh".

Nay Ananda, nếu ái không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái hay pháp ái. *Nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ, tức là ái.

8. Trước đã nói: "Do duyên thọ, ái sanh". Nay Ananda, nếu thọ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ. *Nếu không có thọ cho tất cả, nếu thọ diệt thời ái có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của ái, tức là thọ.

9. Nay Ananda, như vậy do duyên thọ, ái sanh;
Do duyên ái, tìm cầu sanh;

Do duyên tìm cầu, **lợi** sanh;
Do duyên lợi, **quyết định** (sở dụng của lợi) sanh;
Do duyên quyết định, **tham dục** sanh;
Do duyên tham dục, **đam trước** sanh;
Do duyên đam trước, **chấp thủ** sanh;
Do duyên chấp thủ, **hà tiện** sanh;
Do duyên hà tiện, **thủ hộ** sanh;
Do duyên thủ hộ, **phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu**, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.

10. Trước đã nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ". *Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ"?*

Này Ananda, nếu thủ hộ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có thủ hộ cho tất cả, *nếu thủ hộ diệt, thời một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của một

số ác, bất thiện pháp như chấp trọng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ, tức là thủ hộ.

11. Trước đã nói: "**Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hà tiện thủ hộ sanh"?

Này Ananda, ***nếu hà tiện không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có hà tiện, cho tất cả, nếu hà tiện diệt thời thủ hộ có thể hiện hữu không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ hộ, tức là hà tiện.

12. Trước đã nói: "**Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh**". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh"?

Này Ananda, ***nếu chấp thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không chấp thủ cho tất cả, nếu chấp thủ diệt thời hà tiện có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hà tiện, tức là chấp thủ.

13. Trước đã nói: "**Do duyên đam trước, chấp thủ sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên đam trước, chấp thủ sanh"?

Này Ananda, ***nếu đam trước không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có đam trước cho tất cả, nếu đam trước diệt thời chấp thủ có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của chấp thủ, tức là đam mê.

14. Trước đã nói: "**Do duyên tham dục, đam trước sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên tham dục, đam trước sanh"?

Này Ananda, ***nếu tham dục không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có tham dục cho tất cả, nếu tham dục diệt, thời đam trước có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của đam trước, tức là tham dục.

15. Trước đã nói: "**Do duyên quyết định, tham dục sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên quyết định tham dục sanh"?

Này Ananda, ***nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho***

*tất cả, nếu quyết định diệt, thời tham dục có thể
hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,
như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của
tham dục tức là quyết định.

16. Trước đã nói: "**Do duyên lợi, quyết định sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do
duyen lợi quyết định sanh"?

Này Ananda, *nếu lợi không có bất cứ loại nào,
bất cứ chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả, nếu
lợi diệt thời quyết định có thể hiện hữu được
không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,
như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của
quyết định, tức là lợi.

17. Trước đã nói: "**Do duyên tìm cầu, lợi sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do
duyen tìm cầu, lợi sanh"?

Này Ananda, *nếu tìm cầu không có bất cứ loại
nào, bất cứ chỗ nào, nếu tìm cầu không có cho tất
cả, nếu tìm cầu diệt, thời lợi có thể hiện hữu được
không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lợi, tức là tầm cầu.

18. Trước đã nói: "**Do duyên ái, tầm cầu sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, tầm cầu sanh"?

Nay Ananda, ***nếu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả, nếu ái diệt thời, tầm cầu có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tầm cầu, tức là ái.

Nay Ananda, như vậy hai phương diện (của ái) tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ (làm duyên sanh).

19. Trước đã nói: "**Do duyên xúc, thọ sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên xúc, thọ sanh"?

Nay Ananda, ***nếu xúc không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả, nếu xúc diệt, thời thọ có thể hiện hữu không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thọ, tức là xúc.

20. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, xúc sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh"?

Này Ananda, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao, **nhờ đó mà danh thân và sắc thân thi thiết**; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thì danh mục xúc trong sắc thân có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy nhờ đó mà sắc thân được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thì hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thì danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao nhờ đó mà danh sắc được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có thì xúc có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của xúc, tức là danh sắc.

21. Trước đã nói: "**Do duyên thức, danh sắc sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh"?

Này Ananda, ***nếu thức không đi vào trong bụng*** của người mẹ, thời danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không?

- Bạch Thế Tôn, không!

Này Ananda, ***nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt***, thời danh sắc có thể hình thành trạng thái này, trạng thái khác không?

- Bạch Thế Tôn, không!

Này Ananda, ***nếu thức bị đoạn trừ trong đũa con nít***, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thời danh sắc có thể lớn hơn, trưởng thành và thành mãn được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của danh sắc, tức là thức.

22. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, thức sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh sắc thức sanh"?

Này Ananda, *nếu thức không an trú được trong danh sắc, thời trong tương lai, có thể hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử*, khô tập không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thức, tức là danh sắc.

- **Này Ananda, trong giới hạn con người được sanh, con người được già, con người được chết, con người được diệt, hay con người được tái sanh, trong giới hạn ấy là danh mục đạo, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ đạo, trong giới hạn ấy là thi thiết đạo, trong giới hạn ấy là tuệ giới, trong giới hạn ấy là lưu chuyển luân hồi hiện hữu trạng thái này trạng thái khác nghĩa là danh sắc và thức.**

23. **Này Ananda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã?**

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi **không có sắc và vô lượng**".

24. Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai... hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có**

sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Nay Ananda, như vậy, là có bấy nhiêu lời tuyên bố về ngã.

25. **Này Ananda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã?**

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng".

26. Này Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có

sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này.

"Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uồn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uồn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uồn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã.

27. **Nay Ananda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm?**

Này Ananda, **ngã được quan niệm như thọ** trong câu: "*Ngã của tôi là thọ*". Hay trái lại: "*Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ*".

Này Ananda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: "*Ngã của tôi không phải là thọ, cũng không phải là không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ*". Như vậy, này

Ananda, ngã được quan niệm.

28. Này Ananda, **ai nói: "ngã của tôi là thọ"**.

Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ngã?"

Này Ananda, **khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi.**

Này Ananda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một khổ thọ thôi.

Này Ananda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một khổ thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất khổ bất lạc thọ thôi.

29. Lại nữa, này Ananda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp biến hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

Này Ananda, khổ thọ là **vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.**

Này Ananda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi lạc thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Khi cảm giác một khổ thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi khổ thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Vậy những ai nói rằng: "Ngã của tôi là thọ", người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại, cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, này Ananda, không thể chấp nhận quan niệm "Ngã của tôi là thọ".

30. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".** *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là "Tôi có" được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, **không thể chấp nhận quan niệm** "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".

31. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ"**. *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả nếu tất cả mọi loại cảm thọ đều đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả, khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói: "Tôi là như vậy" chăng?"*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, **không thể chấp nhận quan niệm** "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ".

32. Này Ananda, **khi có một vị Tỷ-kheo không quan niệm ngã là thọ**, không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ", **khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt**. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nữa.

Này Ananda, **với vị Tỷ-kheo có tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vị Tỷ-kheo ấy có tà kiến như sau:** "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" **thời thật hoàn toàn phi lý.** Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. **Tại sao vậy? Này Ananda, ví dầu có bao nhiêu danh mục, bao nhiêu danh mục đạo, dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu ngôn ngữ đạo, dầu có bao nhiêu thi thiết, bao nhiêu thi thiết đạo, dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giới, dầu có bao nhiêu luân chuyển, bao nhiêu vận hành, với thắng trí hiểu biết tất cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát.** Với vị Tỷ-kheo thắng trí giải thoát như vậy mà nói rằng vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là một sự phi lý.

33. Này Ananda, **có bảy trú xứ của thức và hai xứ.** Thế nào là bảy?

Này Ananda, có những loại hữu tình, **thân dị loại và tướng dị loại**, như loài Người, một số chư Thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, **thân dị loại nhưng tướng nhất loại**, như các vị **Phạm Chúng**

thiên được sanh vào cõi ấy, nhờ sơ Thiên. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại nhưng tướng dị loại*, như các vị **Quang Âm thiên (Abhassarà)**. Đó là trú xứ thứ ba của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại và tướng cũng nhất loại*, như các vị **Biến Tịnh thiên (Subhakinna)**. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, vượt ra khỏi tất cả sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tượng, không suy tư đến mọi dị loại tướng, chỉ có tướng "Hư không là vô biên", được sanh vào cõi Hư Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tướng "Thức là vô biên", được sanh vào cõi **Thức vô biên xứ**. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng "Vô sở hữu", được sanh vào cõi **Vô sở hữu xứ**. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Hai xứ là **Vô tướng hữu tình xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ**.

34. Này Ananda, trong thức trú xứ thứ nhất có thân dị loại và tướng dị loại này, như loài Người, một số chư Thiên và một số hữu tình trong địa ngục. *Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được*

*sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị
ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất
ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan
hỷ ưa thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

... (như trước)...

- Nay Ananda, trong thức trú xứ thứ bảy, hoàn toàn
vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng "Vô sở
hữu", được sanh vào cõi Vô sở hữu xứ. *Này*

*Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được
sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được sự
tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt,
hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của
trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa
thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, với Vô tướng hữu tình xứ này, này
Ananda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được
sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị
ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất
ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan
hỷ ưa thích trú xứ này không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, với Phi tướng phi phi tướng xứ này,
này Ananda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu
được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu
được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được

sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, **bởi bảy thức trú xứ và hai xứ này, nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được tập khởi, đoạn trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly của chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát.**

Nay Ananda, **vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát.**

35. Nay Ananda, **có tám giải thoát.** Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc pháp. Đó là giải thoát thứ nhất.

Không biết tự mình có sắc, thấy các sắc ngoài tự thân. Đó là giải thoát thứ hai.

Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh. Đó là giải thoát thứ ba.

Hoàn toàn vượt khỏi mọi sắc tướng, đoạn diệt mọi hữu đối tượng, không suy tư đến mọi tướng dị biệt, với tư tưởng: "Hư không là vô biên", chứng và an trú Hư không vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ tư.

Hoàn toàn vượt khỏi Hư không vô biên xứ, với tư tưởng: "Thức là vô biên", chứng và an trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.

Hoàn toàn vượt khỏi Thức vô biên xứ, với tư tưởng: "Vô sở hữu" chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Đó là giải thoát thứ sáu.

Hoàn toàn vượt khỏi Vô sở hữu xứ, chúng và an trú
Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là giải thoát thứ
bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ,
chúng và an trú Diệt thọ tướng định. Đó là giải
thoát thứ tám. Nay Ananda, như vậy là tám giải
thoát.

36. Nay Ananda, khi một vị Tỷ-kheo thuận thứ thể
nhập tám giải thoát này, có thể nhập và có thể xuất
khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ
nào mình muốn và dài bao lâu mình muốn - và với
các lậu hoặc được đoạn trừ, vị Tỷ-kheo chúng và
an trú trong tám giải thoát và **tuệ** giải thoát, không
còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại, tự mình thấu
đạt và chứng ngộ. Nay Ananda, không còn có một
Câu giải thoát nào khác cao hơn và thù thắng hơn
Câu giải thoát này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda
hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

48 Chín xung đột sự - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG – Bài kinh số 33 – Trường II, 567 (Trích đoạn)

Chín xung đột sự:

"Người ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên.

"Người ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên.

"Người ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên.

"Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến"...

"Người ấy đang làm hại..."

"Người ấy sẽ làm hại..."", xung đột khởi lên.

"Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến..."

"Người ấy đang làm lợi..."

"Người ấy sẽ làm lợi..."", xung đột khởi lên.

Chín sự điều phục xung đột:

"Người ấy đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

"Người ấy đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?". Nhờ vậy xung đột được điều phục.

"Người ấy sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục.

"Người ấy đã làm hại người tôi thương,

Người ấy đang làm hại...
Người ấy sẽ làm hại người tôi thương, người tôi
mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy
xung đột được điều phục.
"Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương,
không mến...
Người ấy đang làm lợi...
Người ấy sẽ làm lợi... Có ích lợi gì mà nghĩ như
vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

49 Chính khát ái này dẫn đến tái sanh - Kinh Hữu Thân – Tương III, 283

Biên Kinh – Tương III, 281

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Có bốn biên này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Hữu thân biên, hữu thân tập khởi biên, hữu thân đoạn diệt biên, hữu thân đoạn diệt đạo biên.

4) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân biên?*

Phải trả lời là **năm thủ uẩn**. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thủ uẩn.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi biên?*

Chính là **khát ái** này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi biên.

6) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt biên?*

Chính là **sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái** ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt biên.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt đạo biên?*

Chính là **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt đạo biên.

Hữu Thân – Tương III, 283

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về hữu thân, hữu thân tập khởi, hữu thân đoạn diệt, con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt. Hãy lắng nghe.**

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân?*

Phải trả lời rằng chính là **năm thủ uẩn**. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn,

hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi?*

Chính là **khát ái** này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt?*

Chính là **sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái** ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt?*

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt.

50 Chính khát ái này dẫn đến tái sanh - Kinh Khổ – Tương III, 282

Khổ – *Tương* III, 282

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về Khổ, Khổ tập khởi, Khổ đoạn diệt, Con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.**

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ?*

Phải trả lời là **năm thủ uẩn**. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Đây gọi là Khổ, này các Tỷ-kheo.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ tập khởi?*

Chính là **khát ái** này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ tập khởi.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ đoạn diệt?*

Chính là **sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái** ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ đoạn diệt.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Con đường đưa đến khổ đoạn diệt?*

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

51 Chính tự mình thấy - Kinh CHÍNH THỰC MÌNH THẤY 1 – Tăng IV, 220

CHÍNH THỰC MÌNH THẤY 1 – Tăng IV, 220

- "Pháp là chính thực mình thấy, pháp là chính thực mình thấy", này Hiền giả, được nói đến như vậy. *Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là Pháp là chính thực mình thấy?*

2. - Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú **sơ Thiên**. *Cho đến như vậy, này Hiền giả, pháp là chính thực mình thấy được Thế Tôn nói đến với pháp môn.*

Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... **Thiên thứ hai... Thiên thứ ba... Thiên thứ tư...**

... chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ...**

... chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ...**

... chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ ...**

... chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ ...**

3. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn,

chúng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được tận. Cho đến như vậy, này Hiền giả, pháp là chính thực mình thấy được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

52 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông phải... - Kinh GIÁC NGỘ – Tăng I, 549

GIÁC NGỘ – Tăng I, 549

Như vậy, tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Bhanda. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.- Nay các Tỷ-kheo, **do không giác ngộ, không thể nhập bốn pháp, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy!**

3. Thế nào là bốn?

- Nay các Tỷ-kheo, *do không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giới**, như vậy phải chạy dài, phải*

luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy.

- *Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập **Thánh định**, ...*
- *...**Thánh tuệ**, ...*
- *...**Thánh giải thoát**, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy.*

4. Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh giới này được giác ngộ, được thể nhập; Thánh tuệ được giác ngộ, được thể nhập; Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập; hữu ái được chặt đứt, dây cột của hữu được đoạn tận, nay không còn tái sanh.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm:

*Giới, Thiên định, Trí tuệ
Với giải thoát vô thượng
Gotama danh xưng
Giác ngộ những pháp này
Đức Phật thắng tri chúng
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo
Đạo sư đoạn tận khổ
Bậc Tuệ nhãn tịch tịnh.*

53 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông phải... - Kinh Minh 1 – Tương V, 625

Minh 1 – Tương V, 625

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa các dân chúng Vajji, tại Kotigàma.

2) Tại đây, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, *do không giác ngộ, do không thông đạt bốn Thánh đế mà Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này*. Thế nào là bốn?

3) Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, nay các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.

... Thánh đế về Khổ tập...

... Thánh đế về Khổ diệt...

Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, nay các Tỷ-kheo, nên

Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.

4) Nay các Tỷ-kheo, Nhưng nay, Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ, đã được thông đạt, Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sanh (bhavanetti). Nay không còn tái sanh nữa.

5) Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Do không như thật thấy,
Bốn sự thật bậc Thánh,
Phải lâu ngày luân chuyển,
Trải qua nhiều đời sống.
Khi chúng được thấy rõ,
Mâm tái sanh nhỏ sạch,
Gốc khổ được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

54 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông phải... - Kinh MẶT TRỜI – Tăng III, 418

MẶT TRỜI –Tăng III, 428

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Vesàlì, tại rừng Ambapàli. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.

- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường.*
- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố.*
- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn.*
- ➔ *Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.*

- ❖ Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài 84 ngàn do tuần, rộng 84 ngàn do tuần, chìm xuống biển lớn 84 ngàn do tuần, nổi lên trên biển lớn 84 ngàn do tuần. Này các Tỷ-kheo, *rồi có thời, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm*

ngàn năm, trời không mưa. Khi không có mưa, các loài chủng tử, các loài thực vật, các rừng rậm được thảo đều khô héo cần cỗi không có tồn tại.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ hai hiện ra.

3. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ hai có mặt, thời tất cả sông nhỏ, ao nhỏ khô cạn, khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra.

4. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng, sông Yamunà, Aciravatì, Sarabhù, Mahì, các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các

Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra, thời các biển hồ lớn, từ đáy các sông lớn chảy ra, ví như Anotattà, Sìhapapàtā, Rathakārā, Kannamunda, Kunālā, Chaddantā, Mandākini, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra.

6. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm có mặt, thời nước các biển lớn rút lui một trăm do tuần, nước các biển lớn rút lui hai trăm do tuần, các nước biển lớn rút lui ba trăm do tuần... Nước các biển lớn rút lui bảy trăm do tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây sàla, sáu cây sàla, năm cây sàla, bốn cây sàla, ba cây sàla, hai cây sàla, chỉ một cây sàla. Nước biển lớn dừng lại, sâu đến bảy đầu người, sáu đầu người, năm đầu người, bốn đầu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của

người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người.

Ví như này các Tỷ-kheo, vào mùa thu khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái, có những vũng nước nhỏ đọng lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại, chỗ này chỗ kia.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, **nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra.

7. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru, sanh khói lên, thối khói lên, phun khói lên.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên, phun khói lên.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thối khói lên, phun khói lên.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra.

8. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa. Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chóp ngọn của núi Sineru, cao đến một, hai, ba, bốn, năm trăm do tuần, khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liền sụp đổ xuống.

Sau khi quả đất lớn và núi Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

➔ Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là **vô thường**.
Này các Tỷ-kheo, các hành là **không có kiên cố**.
Này các Tỷ-kheo, các hành là **không an ổn**. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm

chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ai là người có thể nghĩ rằng, ai là người có thể tin rằng: "Quả đất này và núi chúa Sineru sẽ bị đốt cháy, sẽ bị hủy hoại, sẽ không còn tồn tại nữa", trừ những người đã được chứng kiến.

9. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có *Đạo Sư Sunetta thuộc ngoại đạo, được ly tham trong các dục*. Này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta có hàng trăm người đệ tử. Đạo Sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới.

Và tất cả những ai nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời thuyết dạy của Sunetta, về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới, khi thân hoại mạng chung, họ được sanh lên thiện thú Phạm thiên giới.

Những ai không nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời dạy của Sunetta, sau khi thân hoại mạng chung, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha hóa Tự tại, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Đâu-suất Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Dạ-ma Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Thiên giới Ba mươi ba, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Bốn

Thiên vương, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Sát-đế-ly, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Bà-la-môn, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình gia chủ.

10. Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta suy nghĩ như sau: *"Thật không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sanh thú giống như sanh thú của các đệ tử. Vậy ta hãy tu tập tối thượng từ bi"*.

Rồi này các Tỷ-kheo, *bậc Đạo sư Sunetta trong bảy năm tu tập từ tâm.*

- Sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, vị ấy không trở lui lại thế giới này.
- Trong kiếp thành của thế giới, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến thế giới của Abhassara (Quang Âm thiên).
- Trong kiếp hoại của thế giới, vị ấy được sanh trong Phạm cung trống không. Tại đây này các Tỷ-kheo, vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc chiến thắng, bậc vô năng, bậc biến tri, bậc tự tại.
- Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, vị ấy là Thiên chủ Sakka.
- Nhiều lần bảy lần, vị ấy là vị Chuyển luân Thánh vương theo Chánh pháp, là vị pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình

cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có hơn một ngàn người con trai, là những bậc anh hùng, dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và vị ấy chiến thắng quả đất này xa cho đến hải biên, trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đúng với Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta ấy, dầu cho thọ mạng lâu dài như vậy, sống lâu dài như vậy, nhưng không được thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy chưa giải thoát khỏi khổ. Vì có sao? Vì rằng vị ấy chưa giác ngộ, chưa thể nhập bốn pháp.

11. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giới**; vì không có giác ngộ, không thể nhập **Thánh định**; vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh trí tuệ**; vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giải thoát**.

Này các Tỷ-kheo, sự kiện là như sau: Khi Thánh giới được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh trí tuệ được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập, **cắt đứt là hữu ái; sợi dây đưa đến sanh hữu được đoạn tận, nay không có tái sanh.**

Thế Tôn nói như vậy. Bạc Thiện Thệ nói xong, bậc
Đạo Sư lại nói thêm:

*Vô thượng giới và định,
Trí tuệ và giải thoát,
Gotama danh tiếng,
Giác ngộ những pháp này.
Đức Phật với thắng trí,
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo,
Bậc Đạo sư đoạn khổ,
Bậc Pháp nhãn tịch tịnh.*

55 Chính vì không giác ngộ... mà Ta và các ông phải... - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (*MAHA PARINIBBANA SUTTA*) – Bài kinh số 16 – Trường I, 539

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakūṭa (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjī (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong".

2. Rồi Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu bệnh, thiếu nã, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an

Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và
khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu
Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục
dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân
Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta
quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta
sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời
khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các
bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha
vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua
nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự
mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra
khỏi Ràjagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu,
đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ
đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào
đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống
một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn
Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua
nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả
Gotama, vấn an ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh
an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu
Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục
dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân
Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta

quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

- Này Ananda, khi nào nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết, này Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống* của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thôi, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phé các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phé các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phé các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì

khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàli tại tư miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảo pháp bất thối này.** Nay Bà-la-môn, khi nào bảo pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảo pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảo pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con

phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bồn
phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người
nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha
hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi
đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế
Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất
cả những vị Tỷ-kheo sống gần Rājagaha (Vương
Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập
hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá
rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, đứng một bên và
bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế
Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.
Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng
đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với
các vị Tỷ-kheo:

***Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.***

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn
giảng như sau:

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niêm đoàn kết, giải tán trong niêm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lap trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiên chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiên chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói: Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sư, không hoan hỷ làm thế sư, không đam mê làm thế sư, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban bè ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đáo những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *có tín tâm, có tà, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ*, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi*, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này

các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *sáu pháp bất thối*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này

các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh,
không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với
các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và
vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa...

... gìn giữ ý nghiệp từ hòa tại chỗ đông người và
vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo
sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo phân phối
không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới
đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp,
cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời
này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường
thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với
các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người,
trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn
hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị
sứt mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trước, những
giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán
thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những
giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo,
chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy
giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với
các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người,
trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn

hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào **sáu pháp bất thối này** được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: "*Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu*".

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

- Này Sàriputta, lời nói của Người thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Người thật đã rống tiếng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ

đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện
chánh giác".

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những
Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ,
Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của
Ngươi: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức
như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy,
có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những
Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai,
Ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của Ngươi:
"Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như
vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có
hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi biết Ta là bậc Ứng
Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Ngươi đã biết tâm
Ta với tâm của Ngươi. "Thế Tôn có giới đức như
vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có
hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, như vậy Ngươi không có tha tâm
thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở
quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này
Sàriputta, vì sao Ngươi lại thốt ra những lời đại
ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử:

"Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nổi hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về **chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đăng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã

chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.

Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalandà, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalandà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- **Này các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?**

Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sông phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đê Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bồi rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bồi rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Nay các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bảy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa

ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn
và nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở
Pataligama?

- Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại
thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở
Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Nay Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị
thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở
Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì
ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

Nay Ananda ở đây với thiên nhãn, thanh tịnh, siêu
nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú
địa ở Pataligama.

Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị
ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai
lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy
khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung
hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị
này **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần bậc hạ
đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào
các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một
thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung
tâm thương mãi.

Nhưng này Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về **lửa**, về **nước** hay **chia rẽ bất hòa**.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn: "Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo".
Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần thứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

*Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.
Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.*

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng).

Lúc bây giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người

cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- **Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.**

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.

Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, cư sĩ Kalinga... Này Ananda cư sĩ Nikata... Này Ananda, cư sĩ Katissabha... Này Ananda, cư sĩ Tuttha... Này Ananda, cư sĩ Santuttha... Này Ananda, cư sĩ Bhadada... Này Ananda, **cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, **hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.

Này Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Này Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ananda, **vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** *"Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa*

xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?
Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật**: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".

Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

Cu tức giới hạnh, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiền định".

Này Ananda, **chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, ngã quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Nay các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?*
Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Nay các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

14. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi

xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dân nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dân nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn im lặng nhận lời. Dân nữ Ambapàli được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thắt các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bảy giờ đêm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với đêm nữ Ambapàli:
- Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe?

- Này quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.
- Này Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đôi lấy một trăm ngàn.
- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:
- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cởi xe cho đến chỗ còn có thể cởi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế

Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."
Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bảy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dân nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: "**Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ**".

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống"*. Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân

con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì nay Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời nay Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng:** "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chằng đỡ dây chằng.

Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chúng

và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân
Nhu Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, này Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.**
Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương**

tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Cápàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Cápàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn**, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla!" Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo.

Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda hãy đi và làm những gì Người nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên.

Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đã

văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: *"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi*

học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế

Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách*

khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ.

Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: ***"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người".*** Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: ***"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ".***

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như thảo áo giáp đang mang mặc.*

11. Lúc bảy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?"

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?

13. - Này Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Này Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai **chuyển bánh xe Pháp**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, **có tám chúng**. Thế nào là tám?

Chúng Sát-đế-Ly,
Chúng Bà-la-môn,
Chúng Cư sĩ,
Chúng Sa-môn,
Chúng Bốn Thiên vương,
Chúng Tam thập tam thiên,
Chúng Ma,
Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, **Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần**. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại

bắt đầu, **dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy.** Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*".

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Samôn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất đó là ai, là chư*

Thiên chẳng, là Người chẳng? " Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các

loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt lóng trôn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Nay Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Nay Ananda, **có tám giải thoát**. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**; đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**; đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapālanigrodha khi Ta mới thành đạo**. Này

Ananda, lúc bấy giờ Ác ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thế hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Này Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và

giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy

trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần

diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hành phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

- Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Này Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, này Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ananda, **những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Này Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Này Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:**

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, **nếu Người thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời**. Này Ananda như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thú (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thú! Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".* **Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại

Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jìvakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. *Này Ananda, tại đây Ta nói: "Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàràma, khả ái thay Corapapàta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kàla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodàràma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jìvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!*

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Đầu vậy, này Ananda, Người không***

thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn: *"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Ngươi".* **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".**

45. Này Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, này Ananda, Ta cũng nói. *"Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".*

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: *"Bạch*

Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thế hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Này Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Này Ananda, **hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ta nói với người:** "*Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Cápàla. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như*

Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

48. Này Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ". Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường
Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng
đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế
Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở
gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị
Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường,
rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một
bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch
Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch
Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp
thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên
chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các
vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng
ngộ và giảng dạy cho các Người, các Người phải
khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng
để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì
hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng

sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,

**Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thức ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.**

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma.

Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

***Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng
Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh lạc.***

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Người hãy thọ trì.

9. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi

câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Người hãy thọ trì.

10. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: *"Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư".*

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "**Chắc**

*chấn những lời này **không phải là lời của Thế Tôn,** và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm".* Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "***Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh***". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Ngươi hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của **Cunda, một người thợ sắt.**

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Nay Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- **Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Nay Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ sắt Cunda.
Cơn bệnh khóc liệt bỗng khởi lên, gần như chết đến
nơi.*

Sau khi cùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:

"Ta đi đến thành Kusinàra".

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc
cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy
mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo
Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với
Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda,
Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ
xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành
nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn,
sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ

chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy

nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bảy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallà thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallà, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".
- "Tôn giả có nghe tiếng không?"
- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".
- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"
- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
- "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"
- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".
- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".
- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. ***Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?***

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Nay Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa**. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết**. Nay Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Nay Pukkusa, lúc bấy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Nay Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"
 - "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"
 - "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".
 - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"
 - "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
 - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"
 - "Này Hiền giả, phải".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy, cũng không nghe gì".
 - Này Hiền giả, phải như vậy".
33. Này Pukkusa, người ấy liên tự nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, **nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn.**

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Nay Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này **đặt trên thân Thế Tôn**, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, **màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi**. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai?

Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đăng Giác

Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy

đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

Cặp áo kim sắc này.

Pukkusa mang đến.

Đắp áo kim sắc này,

Da Đạo Sư sáng chói.

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo
Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như
dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh
niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi
phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế
Tôn.

41. *Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho ta nằm.*

*Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.*

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho
thọ sát Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật
không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho
Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi
cúng dường và nhập diệt".

Này Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối
hận ấy của thọ sát Cunda: "*Này Hiền giả, thật là
công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn
cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.*

*Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự
thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự
cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một
dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?
Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác,*

*Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn
giới, không còn di hưởng sanh tử.*

*Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị
thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác.*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
tuổi thọ;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
sắc đẹp;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
an lạc;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
danh tiếng;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
cõi trời,*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu
tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt
lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,*

*Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ: nay Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ.

Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân đề lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bấy giờ, cây sàlà song thọ **trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.**

Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi
trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi
xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như
Lai để cúng dường Ngài.

Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi
lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để
cúng dường Ngài,

Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường
Như Lai.

Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường
Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở
hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này
rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để
cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư
không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên
thân Như Lai để cúng dường. Bột trời chiên đàn từ
trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung
vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên
hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca
trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính
trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính
Như Lai.**

Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng.**

Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạt Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: "*Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.*"

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt

Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quả trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?

- Này Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, **không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp.**

Này Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng". Này Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

Này Ananda, có hạng **chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục,** những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lẫn lộn qua lại:
"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt

quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Này Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích **tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.**

8. - Này Ananda, **có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?**

"Đây là chỗ Như Lai đản sanh" . Này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Này Ananda, **phải an trú chánh niệm.**

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

Này Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề
cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

Này Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn
hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn,
chuyên hướng về tự độ.**

Này Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những
học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín
Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng
dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai**
như thế nào?

- Này Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh
Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai
như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân
Thánh vương như thế nào?

Này Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương
được vấn tròn với vải mới.

Sau khi vấn vải mới xong, lại được vấn thêm với
vải gai bên.

Sau khi vấn vải gai bên, lại vấn thêm với vải mới,
và tiếp tục như vậy cho đến **năm trăm lớp cả hai**
loại vải.

Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt,
hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.

Này Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

Này Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.

Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

12. Này Ananda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn?

Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng đáng xây tháp.

Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp.

Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ

đến: "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật". " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

Này Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, **dựa trên cột cửa và đứng khóc:** *"Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

Này Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.

Này Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt?" Không thể có sự kiện như vậy được.

Này Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

Này Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta. Này Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vị thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy. Này các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "**Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng**

thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn! "

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?

Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, nay các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời nay các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, vì Chuyển luân Thánh vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-lỵ... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói

*chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm
thinh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức
tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo...
chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư
sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ
vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết
pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp,
và nếu Ananda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo
chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu,
hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế
Tôn:

- Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị
nhỏ bé này**, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ
thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to
lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương
Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi
(Kiêu-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn
hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-
đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia
chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường
thân xá-lợi Như Lai.

- Này Ananda, chớ có nói như vậy, này Ananda,
chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu,
đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyên luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy uống đi, hãy ăn đi".

19. Nay Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "*Này các Vàsetthà, **đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ***".

- Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như*

Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài cộng sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vàsetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana,

khu rừng Sàlà của dòng họ Mallà và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallà đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallà này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàlà của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiều
Nhu Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả
Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền
nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda,
hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Nhu Lai.
Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ
không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả
lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách
mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo
Subhadda:

- Này Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho
phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn,
nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi
ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ
ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là
những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo
hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái,
được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana
Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali,
Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta,
Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải
là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất

cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. -

Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.

Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.

Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. **Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.**

**Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống
chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-
la-hán.**

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.*

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhứt); cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda
bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đánh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao

lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.
Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thế độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:
- Nay Ananda, nếu trong các Người có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Nay Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người.**
2. Nay Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy.

Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

3. Này Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Này Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Này Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo,

các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: " Bạch Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn ".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các
Người: "**Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh
tấn, chớ có phóng dật**".

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.

Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền Ngài nhập Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.

Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô
biên xứ.

Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu
xứ.

Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi
phi tưởng xứ.

Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt
thọ tướng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.

- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài
mới nhập Diệt thọ tướng định.

9.

Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tưởng
phi phi tưởng xứ định.

Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Vô sở
hữu xứ định.

Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ
định.

Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên
xứ định.

Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ
thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Sơ thiền.

Xuất Sơ thiền, Ngài nhập định Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Tứ thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại
địa chấn động khủng khiếp, râu tóc dựng ngược,
sấm trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng
lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

Chúng sanh ở trên đời,

*Từ bỏ **thân ngũ uẩn***

Bậc đạo sư cũng vậy,

Đáng Tuyệt luân trên đời.

Bậc Đại hùng Giác ngộ

Như Lai đã diệt độ.

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Không phải thở ra vào
Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải
thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi
cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất,
lăn lộn qua lại: "**Thế Tôn nhập diệt quá sớm,**

Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư:

"Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy."

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: **Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.**

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy:

" Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy ". Này các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lẫn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư:
“ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. **Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại.** Rồi tôn giả

Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.”

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư

cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.*”

Lúc bảy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng khiêng không nổi được. Các vị Mallà ở Kuisnàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá- lợi Như Lai, nhưng không khiêng nổi được?

- Nay Vàsetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vàsetthà, ý định của các Người như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chở thân xá- lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.*”

Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng*

đường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đông bụi, đông rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vasetthà:

Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.

Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải gai bền.

Sau khi vắn với vải gai bền, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.

Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,

Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.

Này các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

Này các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đặt hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một góc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ
đàng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng
ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng
tôi không?

- Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt
độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa
Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có
vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì
khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại:
" Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thế nhập diệt
quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị
này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẩn nại suy tư: "
Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện
ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã
lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này.**

Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với
những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc
than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại
Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với
những lời: "*Làm như thế này không hợp với các
Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi* ".

Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm,

những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.**

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vasetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- **Này các vasetthà, ý định của chư Thiên như sau:** " Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu đánh lễ Thế Tôn** ".

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khí đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cởi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn. Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bốc lửa cháy.

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, thầy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vải gai bện, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế

Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlà) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallà ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallà xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

Những người Licchavì ở Vesàlì nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các

người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".

Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

Bà-la-môn Vethadīpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

Các người Mallà ở Pāvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở

Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

*Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp nhẫn...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đông chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại".

Rồi các vị này lấy than tro còn lại.

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpa cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.
Những người Malla ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pippalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

28. Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng

Xá-lợi phân tám phần.

Bảy phần được cúng dường.

Tại Jambudìpa.

Một phần Long vương cúng.

*Tại Ràmagàma.
Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đáng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.
Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.*

56 Chính xác - Thế Tôn trả lời chính xác vấn đề - Kinh CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ BÊN KIA – Tăng III, 193

CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ BÊN KIA – *Tăng III*,

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, vườn Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn, và câu chuyện sau đây được khởi lên:

- Nay chư Hiền, Thế Tôn đã nói như sau trong "Con đường đến bờ bên kia" trong câu hỏi của Metteyya:

*Ai biết hai cực đoan,
Giữa bậc Trí không nhiễm,
Ta gọi bậc Đại nhân,
Đây, vượt người dật vại.*

- Thưa Hiền giả, thế nào là một cực đoan? Thế nào là cực đoan thứ hai? Thế nào là chặng giữa? Thế nào là người dật vại?

2. Được nói vậy, một Tỷ-kheo thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Thưa chư Hiền, **Xúc** là một cực đoan. Xúc tập khởi là cực đoan thứ hai. Xúc diệt là chặng giữa. **Ái** là người thợ dệt; vì rằng ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

3. Được nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- **Quá khứ**, thưa chư Hiền, là một cực đoan. Tương lai là cực đoan thứ hai. Hiện tại là chặng giữa. **Ái** là người dệt vải. Do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri... vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

4. Được nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- **Lạc**, thưa chư Hiền, là một cực đoan. Khổ là cực đoan thứ hai. Không khổ không lạc là chặng giữa. **Ái** là người dệt vải. Do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này... có thể chấm dứt khổ đau.

5. Được nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Danh, thừa chư Hiền, là một cực đoan. Sắc là cực đoan thứ hai. Thức là chặng giữa. Ái là người dết vãi. Do ái dết... có thể chấm dứt khổ đau.

6. Được nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Sáu nội xứ, thừa chư Hiền, là một cực đoan. Sáu ngoại xứ là cực đoan thứ hai. Thức là chặng giữa. Ái là người dết vãi. Do ái dết... có thể chấm dứt khổ đau.

7. Được nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Thân, thừa chư Hiền, là một cực đoan. Thân tập khởi là cực đoan thứ hai. Thân kiến diệt là chặng giữa. Ái là người dết vãi. Do ái dết... có thể chấm dứt khổ đau.

8. Được nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Thừa chư Hiền, tất cả chúng tôi đã trả lời tùy theo sự hiểu biết của chúng tôi. Thừa chư Hiền, chúng ta sẽ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ thọ trì như vậy.

- Thừa vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo trưởng lão vâng đáp Tỷ-kheo ấy. Rồi các trưởng lão đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đánh

lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo trưởng lão thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện đã xảy ra và thưa:

- *Bạch Thế Tôn, ai là người đã khéo nói?*

- *Này các Tỷ-kheo, Tất cả các Thầy đều khéo nói theo phương pháp của mình. Nhưng, đây là vấn đề Ta nói về con đường đi đến bờ bên kia trong các câu hỏi của Metteyya.*

*Ai biết hai cực đoan,
Giữa bậc Trí không nhiễm,
Ta gọi bậc Đại nhân,
Đây, vượt người dật vãi.*

Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo trưởng lão vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Xúc là một cực đoan.*
- *Xúc tập khởi là cực đoan thứ hai.*
- *Xúc diệt là chặng giữa.*
- *Ái là người dật vãi; vì rằng ái dật nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này.*

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu

*tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị
ấy có thể chấm dứt khổ đau.*

57 Chó -- 5 cừu Bàlamôn - Kinh VÍ DỤ CON CHÓ – Tầng II, 668

VÍ DỤ CON CHÓ – Tầng II, 668

1. Có năm cừu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo, nay được thấy giữa các con chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thế nào là năm?

2. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn, không đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực chỉ đi đến con chó cái, không đi đến không phải con chó cái. Đây là cừu Bà-la-môn pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không thấy được giữa các Bà-la-môn.

3. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn trong thời có thể thụ thai, không có đi trong thời kỳ không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn trong thời có thể thụ thai và cũng trong thời không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực chỉ đi đến con chó cái trong thời có thể thụ thai, không đi đến trong thời kỳ không thể thụ

thai. Đây là cữ Bà-la-môn pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không thấy được giữa các Bà-la-môn.

4. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, **các nam Bà-la-môn không mua, không bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa.** Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn mua và bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực không mua, không bán con chó cái cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Đây là cữ Bà-la-môn pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

5. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, **các Bà-la-môn không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng.** Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các loài chó không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Đây là cữ Bà-la-môn pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

6. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, **các Bà-la-môn vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng.** Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-

la-môn ăn cho đến no nê thỏa bụng, rồi lấy các đồ ăn còn lại và mang đi. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó, vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

Năm cựu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo, nay được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

58 Chó -- Kinh HẠNH CON CHÓ – 57 Trung II, 115

KINH HẠNH CON CHÓ
(Kukkuravatika sutam)

– Bài kinh số 57 – *Trung II, 115*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Koliya
Haliddavasana là tên một thị trấn của dân chúng
Koliya.

Rồi Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, và lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, cùng đi đến Thế Tôn. Sau khi đến Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Còn lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, nói lời hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên lời hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên, ngồi chỗ hỏ như con chó. Sau khi ngồi một bên, Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lõa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, thực hành những hạnh khó hành, ăn đồ ăn quăng xuống đất, chấp nhận và hành trì hạnh con chó trong một thời gian dài, vậy sanh thú ông ấy thế nào, vân mạng ông ấy thế nào?

- Thôi vừa rồi Punna, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lỏa thể Seniya hành trì hạnh con chó, thực hành những hạnh khó hành, ăn đồ ăn quảng dưới đất, chấp nhận và hành trì hạnh con chó trong một thời gian dài, vậy sanh thú ông ấy thế nào, vận mạng ông ấy thế nào?

- Nay Punna, thật sự Ta đã không chấp nhận (câu hỏi) của Ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Punna, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa". Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho Ông:

Ở đây, này Punna, người nào hành trì hạnh con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì giới con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì tâm con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì uy nghi con chó một cách hoàn toàn viên mãn, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh thân hữu cùng với các loài chó.

Nếu Ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư Thiên này, hay chư Thiên khác", thời này Punna, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh.

Như vậy, này Punna, **nếu hạnh con chó được thành tựu, thời được sanh trong loài chó, nếu**

không được thành tựu, thời được sanh trong địa ngục.

Khi được nói vậy, lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, khóc than chảy nước mắt. Rồi Thế Tôn nói với

Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò:

- Nay Punna, Ta đã không chấp nhận (câu hỏi) của ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Punna, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa".

- Bạch Thế Tôn, con khóc như vậy không phải vì lời Thế Tôn nói về con. Nhưng vì bạch Thế Tôn, con đã chấp nhận và hành trì hạnh con chó này trong một thời gian dài.

- Bạch Thế Tôn, Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò này, đã chấp nhận và hành trì hạnh con bò này, trong một thời gian dài, vậy sanh thú của ông ấy thế nào, vận mạng của ông ấy thế nào?

- Thôi vừa rồi Seniya, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba, lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Punna Koliyaputta này đã chấp nhận và hành trì hạnh con bò này trong một thời gian dài, vậy sanh thú của ông ấy thế nào, vận mạng của ông ấy thế nào?

- Nay Seniya, thật sự Ta đã không chấp nhận (câu hỏi) của Ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Seniya, hãy

dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa". Tuy vậy ta sẽ trả lời cho Ông:

Ở đây, này Seniya, người nào hạnh trì hạnh con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì giới con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì tâm con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì uy nghi con bò một cách hoàn toàn viên mãn, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh thân hữu cùng với các loài bò. Nếu Ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư Thiên này hay chư Thiên khác", thời này Seniya, đôi với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh.

Như vậy, này Seniya, **nếu hạnh con bò được thành tựu, thời được sanh trong loài bò, nếu không được thành tựu, thời được sanh trong địa ngục.**

Khi được nói vậy, Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, khóc than, chảy nước mắt. Rồi Thế Tôn nói với lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó:

- Này Seniya, Ta đã không chấp nhận (câu hỏi) của Ông và đã nói: "Thôi vừa rồi Seniya, hãy dừng lại đây, chớ có hỏi Ta nữa".

- Bạch Thế Tôn, con khóc như vậy không phải vì lời Thế Tôn nói về con. Nhưng vì, bạch Thế Tôn, con đã chấp nhận và hành trì hạnh con bò này trong một thời gian dài.

Bạch Thế Tôn, con có lòng tin tưởng đối với Thế Tôn: Thế Tôn có thể thuyết pháp cho con để con có thể từ bỏ hạnh con bò này và để lừa thê Seniya, hành trì hạnh con chó, có thể bỏ hạnh con chó này.

- Nay Punna, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Punna Koliyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Này Punna có bốn loại nghiệp này, Ta đã tự chứng tri, chứng ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là bốn?

Này Punna, có nghiệp đen (đưa đến) quả báo đen,

Này Punna, có nghiệp trắng (đưa đến) quả báo trắng,

Này Punna, có nghiệp đen trắng (đưa đến) quả báo đen trắng,

Này Punna, có nghiệp không đen trắng (đưa đến) quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp.

Và này Punna, thế nào là nghiệp đen đưa đến quả báo đen?

Ở đây, này Punna có người tạo ra thân hành có tổn hại, tạo ra khẩu hành có tổn hại, tạo ra ý hành có tổn hại.

Sau khi tạo ra thân hành có tổn hại, khẩu hành có tổn hại, ý hành có tổn hại, vì này được sanh vào thế giới có tổn hại.

Vì phải sanh vào thế giới có tổn hại, vị này **cảm xúc những cảm xúc có tổn hại**.

Do cảm xúc những cảm xúc có tổn hại, vị này **cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ thọ, như các chúng sanh trong địa ngục**.

Như vậy, này Punna, ***là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh, chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình, và khi chúng sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích mình***.

Do vậy, này Punna, Ta nói: "***Các chúng sanh là thừa tự hạnh nghiệp (của mình)***".

Như vậy, này Punna, được gọi là nghiệp đen đưa đến quả báo đen.

Và này Punna, thế nào là nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng?

Ở đây, này Punna, có người **làm thân hành không có tổn hại**, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại.

Sau khi làm thân hành không có tổn hại, khẩu hành không có tổn hại, ý hành không có tổn hại, vị này **được sanh vào thế giới không có tổn hại**.

Vì phải sanh vào thế giới không có tổn hại, vị này **cảm xúc những cảm xúc không có tổn hại**.

Do cảm xúc những cảm xúc không có tổn hại, vị này **cảm thọ những cảm thọ không có tổn hại, thuần**

nhất lạc thọ, như chư Thiên Subhakinha (Biển Tịnh thiên).

Như vậy, này Punna, là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh, chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình; và khi chúng sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng sanh ấy.

Do vậy, này Punna, Ta nói: "Các chúng sanh là thừa tự hạnh nghiệp (của mình)".

Như vậy, này Punna, được gọi là nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng.

Và này Punna, thế nào là nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng?

Ở đây, này Punna, có người làm các thân hành có tổn hại và không tổn hại, các khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, các ý hành có tổn hại và không tổn hại.

Sau khi làm các thân hành có tổn hại và không tổn hại, khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, ý hành có tổn hại và không tổn hại, vị này được sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại.

Vì phải sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại, vị này cảm xúc những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại.

Do cảm xúc những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, vị này cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, có lạc thọ khổ thọ xen lẫn, như một

số loài Người, một số chư Thiên và một số chúng
sinh trong đọa xứ.

Như vậy, này Punna là sự sanh khởi của một chúng
sanh tùy thuộc ở chúng sanh, chúng sanh ấy sanh
khởi tùy thuộc hành động của mình; và khi chúng
sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng
sanh ấy.

Do vậy, này Punna, Ta nói: "Các chúng sanh là
thừa tự hạnh nghiệp (của mình)".

Như vậy này Punna, được gọi là nghiệp đen trắng
đưa đến quả báo đen trắng.

***Và này Punna, thế nào là nghiệp không đen
trắng, đưa đến quả báo không đen trắng, nghiệp
đưa đến sự đoạn tận các nghiệp?***

Ở đây, này Punna, chỗ nào có ý chí (Cetana: Tư
tâm sở) đoạn trừ nghiệp đen đưa đến quả báo đen,
chỗ nào có ý chí đoạn trừ nghiệp trắng đưa đến quả
báo trắng, chỗ nào có ý chí đoạn trừ nghiệp đen
trắng đưa đến quả báo đen trắng. Ở đây, này Punna,
chỗ nào có ý chí như vậy, này Punna, được gọi là
nghiệp không đen trắng đưa đến quả báo không đen
trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp.

**Này Punna, bốn loại nghiệp này, Ta đã tự chứng
tri, chứng ngộ và tuyên thuyết.**

Khi được nói vậy, Punna Koliyaputta, hành trì hạnh
con bò bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Còn lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

- Nay Seniya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn

tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy ở đây là tánh con người sai biệt nhau.

- Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, để thành vị Tỷ-kheo, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm. Sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu chư Tỷ-kheo đồng ý, mong chư Tỷ-kheo hãy xuất gia cho con, thọ đại giới cho con để thành vị Tỷ-kheo.

Và lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Seniya sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Và Tôn giả Seniya trở thành một vị A-la-hán nữa.

59 Chăn bò - 11 pháp của người chăn bò - Kinh NGƯỜI CHĂN BÒ – Tăng IV, 691

NGƯỜI CHĂN BÒ – Tăng IV, 691

1. Thành tựu mười một chi phần, này các Tỷ-kheo, một người chăn bò không có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Thế nào là mười một?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò:

1. Không biết sắc.
2. Không thiện xảo trong tướng.
3. Không trừ khử trứng ruồi.
4. Không băng bó vết thương.
5. Không có xông khói.
6. Không biết chỗ nước có thể lội qua.
7. Không biết chỗ nước uống được.
8. Không biết đường.
9. Không thiện xảo chỗ bò có thể ăn.
10. Nặng sữa đến kiệt quệ.
11. Đối với các con bò đực, con bò cha, con bò lãnh đạo, không có đặc biệt kính trọng.

Thành tựu mười một chi phần này, người chăn bò không có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu với mười một pháp, Tỷ-kheo không có thể được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong pháp luật này. Thế nào là mười một?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Không biết sắc.
2. Không thiện xảo trong tướng.
3. Không trừ khử trứng ruồi.
4. Không băng bó vết thương.
5. Không có xông khói.
6. Không biết chỗ nước có thể lội qua.
7. Không biết chỗ nước uống được.
8. Không biết đường.
9. Không thiện xảo chỗ bò có thể ăn.
10. Nặn sữa đến kiệt quệ.
11. Đối với với Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, không có đặc biệt kính trọng.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết sắc?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phạm sắc gì do bốn đại hay do bốn đại tác thành, vị ấy không như thật quán tri sắc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết sắc.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các tướng?*

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật quán tri nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các tướng.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không trừ khử trùng ruồi?*

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với **dục tâm** được khởi lên, chấp nhận, không từ bỏ, không tẩy sạch, không chấm dứt, không đưa đến không thể tái sanh. Đối với **sân tâm** được khởi lên... đối với **hại tâm** được khởi lên, chấp nhận không từ bỏ, không tẩy sạch, không chấm dứt, không đưa đến không thể tái sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không trừ khử trùng các loài ruồi.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có bằng bó vết thương?*

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **khi mắt thấy sắc, nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tham, uơ, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo không tự chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn căn, không thực hành sự hộ trì nhãn căn.** Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương..... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận thức các pháp, vì ấy nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham uơ, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo không chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì ý căn, không thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không băng bó vết thương.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không xông khói?*

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **không thuyết pháp rộng rãi** cho các người khác, như đã được nghe, như đã được hiểu biết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không xông khói.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua?*

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, được trao truyền giáo điển, là bậc

trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Tỷ-kheo thỉnh thoảng đến thăm những vị ấy, nhưng **không đặt câu hỏi**, không thăm vấn: "Thưa Tôn giả, vấn đề này thế nào? Nghĩa là vấn đề này là gì?" Các vị Tôn giả ấy không có khai mở những gì chưa khai mở, không có hiển lộ những gì chưa hiển lộ, không có tẩy sạch sự nghi ngờ đối với các pháp còn chỗ nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lợi qua được.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước uống?*

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi Pháp và Luật được thuyết giảng do Như Lai thuyết giảng, **không được nghĩa tín thọ, không được pháp tín thọ, không được hân hoan liên hệ đến Pháp**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết chỗ nước uống.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết con đường?*

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **không như thật quán tri con đường Thánh đạo tám ngành**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không rõ biết con đường.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ?

13. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **không như thật quán tri Bốn niệm xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo nạn sữa bò cho đến khô kiệt?

14. Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi các tín nam, tín nữ cúng dường, đem lại cúng dường hết sức đầy đủ các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, ở đây Tỷ-kheo không biết thu nhận vừa phải. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo nạn sữa bò đến khô kiệt.

❖ Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, đối với các Tỷ-kheo Trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, không có đặc biệt kính trọng?

15. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào là bậc Trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, với các vị ấy, không có đối xử với từ thân hành, trước mặt và sau lưng... với từ khẩu hành... với từ ý hành, trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo Trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, là bậc cha trong Tăng chúng, là bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy không có đặc biệt tôn kính.

Thành tựu với mười một pháp này, Tỷ-kheo không có thể tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này.

16. Thành tựu với mười một chi phần, này các Tỷ-kheo, người chăn bò có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Thế nào là mười một?

17. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò:

1. Biết sắc.
2. Thiện xảo trong tướng.
3. Trừ khử trứng ruồi.
4. Băng bó vết thương.
5. Có xông khói.
6. Biết chỗ nước có thể lội qua.
7. Biết chỗ nước uống được.
8. Biết đường.
9. Thiện xảo chỗ bò có thể ăn.
10. Không nặn sữa đến kiệt quệ.
11. Đối với các con bò đực, con bò cha, con bò lãnh đạo, có đặc biệt kính trọng.

Thành tựu mười một chi phần này, người chăn bò có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng.

18. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu với mười một pháp, Tỷ-kheo có thể được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một?

19. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. *Biết sắc.*
2. *Thiện xảo trong tướng.*
3. *Trừ khử trứng ruồi.*
4. *Băng bó vết thương.*
5. *Có xông khói.*
6. *Biết chỗ nước có thể lội qua.*
7. *Biết chỗ nước uống được.*
8. *Biết đường.*
9. *Thiện xảo chỗ bò có thể ăn.*
10. *Không nặn sữa đến kiệt quệ.*
11. *Đối với với Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, có đặc biệt kính trọng.*

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sắc?

20. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phạm sắc gì do bốn đại hay do bốn đại tác thành, vị ấy như thật quán tri sắc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết sắc.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thiên xảo trong các tướng?*

21. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thiên xảo trong các tướng.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo trừ khử trùng ruồi?*

22. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với **dục tâm** được khởi lên, không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đưa đến không thể tái sanh. Đối với **sân tâm** được khởi lên... đối với **hại tâm** được khởi lên, không chấp nhận từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đưa đến không thể tái sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử trùng ruồi.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là có băng bó vết thương?*

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tham, uơ, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương..... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận thức các pháp, vì ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn được chế ngự, khiến tham uơ, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo băng bó vết thương.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xông khói?*

24. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp rộng rãi cho các người khác, như đã được nghe, như đã được hiểu biết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo xông khói.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước có thể lội qua?*

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, được trao truyền giáo điển, là bậc

trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Tỷ-kheo thỉnh thoảng đến thăm những vị ấy, **đặt câu hỏi, thăm vấn**: "Thưa Tôn giả, vấn đề này thế nào? Nghĩa là vấn đề này là gì?" Các vị Tôn giả ấy có khai mở những gì chưa khai mở, hiển lộ những gì chưa hiển lộ, tẩy sạch nghi vấn trong những vấn đề còn nghi vấn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết chỗ nước có thể lợi qua được.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống?*

26. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **trong khi Pháp và Luật được thuyết giảng do Như Lai thuyết giảng, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến Pháp**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết con đường?*

27. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật quán tri con đường Thánh đạo tám ngành**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo rõ biết con đường.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiên xảo trong các chỗ bò ăn cỏ?*

28. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật quán tri Bốn niệm xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo năn sữa bò còn để sữa lại?*

29. Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi các tín nam, tín nữ cúng dường, đem lại hết sức đầy đủ các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, ở đây Tỷ-kheo **biết thâm nhận vừa phải**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo năn sữa bò còn để sữa lại.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, đối với các Tỷ-kheo Trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, có đặc biệt kính trọng?*

30. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào là bậc Trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, **bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, với các vị ấy, có đối xử với từ thân hành, trước mặt và sau lưng... với từ khẩu hành... với từ ý hành, trước mặt và sau lưng**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo Trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, là bậc cha trong Tăng chúng, là bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, với các vị ấy, có đặc biệt tôn kính.

Thành tựu với mười một pháp này, Tỷ-kheo có thể
tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và
Luật này.

60 Chấn động - Tôi là, là một chấn động - Kinh Bó Lúa – Tương IV, 325

Bó Lúa – Tương IV, 325

1-2) ...

3) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, **một bó lúa** quăng tại ngã tư đường, rồi sáu người đến, tay cầm cái đập và họ đập bó lúa ấy với sáu cái đập (vyàkkgì). Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy được khéo đập với sáu cái đập ấy. Rồi một người thứ bảy đến, tay cầm cái đập, và người ấy đập bó lúa ấy với cái đập thứ bảy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **bó lúa ấy lại càng được khéo đập với cái đập thứ bảy.***

4) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu bị đập trong con **mắt** bởi những **sắc** khả ái và không khả ái.*

*... bị đập trong **lưỡi** bởi những **vi** khả ái và không khả ái...*

*... bị đập trong **ý** bởi những **pháp** khả ái và không khả ái.*

*Này các Tỷ-kheo, nếu kẻ vô văn phạm phu ấy lại **nghĩ đến tái sanh trong tương lai, như vậy**, này các Tỷ-*

kheo, kẻ ngu si ấy lại càng bị khéo đập hơn nữa. Ví như, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại được đập với cái đập thứ bảy nữa.

5) Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, cuộc chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua A-tu-la gọi các A-tu-la: "Này Thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư Thiên và loài A-tu-la rất là khốc liệt, nếu các A-tu-la thắng và chư Thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong thành của các A-tu-la". Còn Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba: "Này Thân hữu, trong trận chiến giữa chư Thiên và các loài A-tu-la, trận chiến rất là khốc liệt, nếu chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại, hãy trói vua A-tu-la Vepacitti, hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)".

6) Nhưng trận chiến ấy, chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại. Rồi, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba trói vua A-tu-la Vepacitti, trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka trong giảng đường Sudhamma.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vua A-tu-la Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ. Này các Tỷ-kheo, **khí ấy vua A-tu-la Vepacitti suy nghĩ như sau**: "Chư Thiên theo Chánh pháp, còn A-tu-la theo phi pháp. Nay ta đi đến thành của chư Thiên", thời khi ấy vua A-tu-la **tự thấy mình được cởi trói** hai chân, hai tay và thứ năm là cổ, và được hưởng thọ, được thưởng thức đầy đủ năm dục công đức cõi trời.

Và này các Tỷ-kheo, khi vua A-tu-la suy nghĩ như sau: "Các A-tu-la theo Chánh pháp, chư Thiên theo phi pháp. Ở đây, ta sẽ đi đến thành của các A-tu-la", thời khi ấy vua A-tu-la **tự thấy mình bị trói hai tay**, hai chân và thứ năm là cổ, và bị tước bỏ năm dục công đức cõi trời.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, **thật tế nhị là sự trói buộc của Vepacitti, và còn tế nhị hơn là sự trói buộc của Màra. Ai có tư tưởng (Mannamàna), người ấy bị Màra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.**

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một **tư tưởng**.
- "Cái này là tôi", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- "Tôi sẽ là", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- "Tôi sẽ không là", là một tư tưởng.

- "*Tôi sẽ có sắc*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có sắc*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ có tướng*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có tướng*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng*", là một tư tưởng.

Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mục nhọt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "*Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng*".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "*Tôi là*", này các Tỷ-kheo, là một động chuyển (injitam).
- "*Cái này là tôi*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ là*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ không là*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ có sắc*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ có tướng*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ không có tướng*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng*", là một động chuyển.

Động chuyển, này các Tỷ-kheo, là tham. Động chuyển là mut nhot. Động chuyển là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có động chuyển".

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một **chấn động** (phanditam).
- "Cái này là tôi", là một chấn động.
- "Tôi sẽ là", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không là", là một chấn động.
- "Tôi sẽ có sắc", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một chấn động.
- "Tôi sẽ có tưởng", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có tưởng", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một chấn động.

Chấn động, này các Tỷ-kheo, là tham. Chấn động là mut nhot. Chấn động là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không chấn động".

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một hý luận (papancitam).
- "Cái này là tôi", là một hý luận.
- "Tôi sẽ là", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không là", là một hý luận.
- "Tôi sẽ có sắc", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một hý luận.
- "Tôi sẽ có tướng", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có tướng", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một hý luận.

Hý luận, này các Tỷ-kheo, là tham. Hý luận là mut nhot. Hý luận là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có hý luận".

12) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một ngã mạn.
- "Cái này là tôi", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ là", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không là", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ có sắc", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một ngã mạn.

- "Tôi sẽ có tướng", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có tướng", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một ngã mạn.

Ngã mạn, này các Tỷ-kheo, là tham. Ngã mạn là mut nhot. Ngã mạn là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm trừ bỏ ngã mạn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

61 Cháp ngã - 108 chấp ngã - Kinh ÁI – Tăng II, 225

ÁI – Tăng II, 225

1.- Nay các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Thầy về ái, lưới triền khiến cho lưu chuyển được rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trôi buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.** Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2.- Và nay các Tỷ-kheo, *thế nào là ái, thế nào là lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trôi buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử?*

Này các Tỷ-kheo, **mười tám ái hành** này, liên hệ đến nội tâm, có **mười tám ái hành** này liên hệ với ngoại cảnh.

3. Thế nào là mười tám **ái hành** liên hệ đến nội tâm?

- Này các Tỷ-kheo,

1. **Khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ:**
2. "Ta có mặt trong đời này";
3. "Ta có mặt như vậy";
4. "Ta có mặt khác như vậy";
5. **"Ta không phải thường hằng";**
6. "Ta là thường hằng";
7. **"Ta phải có mặt hay không?";**
8. "Ta phải có mặt trong đời này?";
9. "Ta phải có mặt như vậy";
10. "Ta phải có mặt khác như vậy";
11. **"Mong rằng ta có mặt";**
12. "Mong rằng ta có mặt trong đời này";
13. "Mong rằng ta có mặt như vậy!";
14. "Mong rằng ta có mặt khác như vậy!";
15. **"Ta sẽ có mặt";**
16. "Ta sẽ có mặt trong đời này";
17. "Ta sẽ có mặt như vậy";
18. "Ta sẽ có mặt khác như vậy".

Có mười tám ái hành này liên hệ với nội tâm.

4. Thế nào là mười tám ái hành liên hệ với ngoại cảnh?

1. *Khi nào có tư tưởng: "Với cái này, Ta có mặt", thời có những tư tưởng sau:*
2. *"Với cái này, Ta có mặt trong đời này";*
3. *"Với cái này, Ta có mặt như vậy";*
4. *"Với cái này, Ta có mặt khác như vậy";*
5. *"Với cái này, Ta không phải thường hằng";*
6. *"Với cái này, Ta là thường hằng";*
7. *"Với cái này, Ta phải có mặt hay không?";*
8. *"Với cái này, Ta phải có mặt trong thế giới này?";*
9. *"Với cái này, Ta phải có mặt như vậy";*
10. *"Với cái này, Ta phải có mặt khác như vậy";*
11. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt";*
12. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này";*
13. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy!";*
14. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt khác như vậy!";*
15. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt";*
16. *"Với cái này, tôi sẽ có mặt trong đời này";*
17. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt như vậy";*
18. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt khác như vậy".*

Có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.

5. **Mười tám ái hành** này liên hệ với nội tâm, và **mười tám ái hành** này liên hệ đến ngoại cảnh. Đây là các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu ái hành.

- Ba mươi sáu ái hành quá khứ như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành vị lai như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành hiện tại như vậy.

→ Như vậy là **một trăm lẻ tám ái hành**.

6. Đây là các Tỷ-kheo, đây là ái này, lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trời buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

62 Chấp thủ - Không bị chấp thủ quấy rối - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT (**Dhatuvibhanga sutam**) – Bài kinh số 140 – Trung III, 541

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm

Bhaggava:

– **Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.**

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati;

sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm.

Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "**Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy**". Rồi Thế Tôn nói với

Tôn giả Pukkusati:

– *Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?*

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "**Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy**". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành, bốn thắng xú, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu giới**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.** Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu xúc xú**", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có mười tám ý hành**", do duyên gì được nói đến như vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có bốn thắng xú**", do duyên gì được nói đến như vậy? Tuê thắng xú, đê thắng xú, huê thí thắng xú, tịch tịnh thắng xú. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?

Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.**

Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thân, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. **Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.** Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất

lòng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, ném, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và

những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm tư từ bỏ phong giới. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này

Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được

tổng xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Nay Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới.

Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vì ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vì ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng**. *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc*

xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. **Người ấy tuệ tri như sau:** "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong

trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri:*** "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy
cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác khô thọ, không có hệ phược, vị
ấy cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ
phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu,
vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là
tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh
mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm
thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "**Sau
khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở
nơi đây trở thành thanh lương**".

*Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy
đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và
không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu
ấy bị diệt tắt...*

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm
thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác
một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác
một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ
tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm
tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng
chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành
thanh lương". Do vậy, **Tỷ-kheo thành tựu như vậy
là thành tựu với tôi thắng TUỆ THẮNG XỨ này.**

Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ. Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng. Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh huệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y. Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phần nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước

của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Nay Tỷ-kheo, như vậy là **tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham sân si.**

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", chính do duyên này được nói đến như vậy.

*Khi được nói đến "**Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Nay Tỷ-kheo, **khi**

vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh.

Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu.**

Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được?

Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sáu giới.

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: **"Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!"** Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Nay Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xung hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng nay Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thì chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng nay Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Nay Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Nay Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh

chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống
tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam
tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy
pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện
tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia
nam tử Pukkusati, **sau khi đoạn trừ năm hạ phần
kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn,
không phải trở lui đời ấy nữa.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

63 Cháp thủ - Pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ - Kinh Liễu Tri – Tương IV, 59

Liễu Tri – Tương IV, 59 (Parijnna)

1) ...

2) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.**

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ?*

4) **Do duyên **mắt** và các **sắc** khởi lên nhãn **thức**. Do ba pháp này hợp lại có **xúc**. Do duyên xúc có **thọ**. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc, nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "*Ta đã liễu tri chấp thủ*".**

5-8) Do duyên **tai** và các **tiếng** khởi lên **nhĩ thức**... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...

9) Do duyên ý và **các pháp** khởi lên **ý thức**. Do ba pháp này hợp lại có **xúc**. Do duyên xúc có **thọ**. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp, nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc, nhằm chán đối với thọ. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: *"Ta đã liễu tri chấp thủ"*.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ.

64 Chấp thủ - Thế nào là bị chấp thủ quấy rối - Kinh TÔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT – 138 Trung III, 513

KINH TÔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT (Uddesavibhanga sutam) – Bài kinh số 138 – Trung III, 513

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Tông thuyết và Biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.*

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại*

(trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bước vào tịnh xá.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, sau khi đọc lên bài tổng thuyết một cách vắn tắt, không có giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai". Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi phần tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahakaccana có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ

được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahakaccana; sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahakaccana; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahakaccana những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thưa Hiền giả Kaccana, sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi.

Nay không biết có ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi". Rồi này Hiền giả Kaccana, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana này đã được Thế Tôn tán thán.. (như trên).. chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này, Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích cho".

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây,

lá cây... Cũng vậy là việc làm của chư Tôn giả..
Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả
lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi
về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết
những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có
mắt, bậc Trí giả, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc
Thuyết giả, bậc Tuyên thuyết giả, bậc dẫn đến mục
đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Như
Lai. Nay đã đến thời chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn
về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như
thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa Hiền giả Kaccana, chắc chắn Thế Tôn biết
những gì cần biết... Nay đã đến thời chúng tôi đến
hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho
chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì.

Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán
thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng. Tôn
giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi tông
thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một
cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi.

Mong Tôn giả Mahakaccana giải thích cho, nếu
Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ
nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana.
Tôn giả Mahakaccana nói như sau:

– Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá:

"Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi. Này chư Hiền, lời tổng thuyết này được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi", tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, bị tán loạn, bị tản rộng?

Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức truy cầu sắc tướng, bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng, như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng.

Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai ... ngửi hương với mũi ... nếm vị với lưỡi ... cảm xúc với thân ... nhận thức pháp với ý, thức truy cầu pháp tướng, bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức bị tán loạn, tản rộng.

Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, không bị tán loạn, không bị tản rộng?

Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức không truy cầu sắc tướng, không bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, không bị cột chặt bởi vị của sắc tướng; không bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng. Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... ngửi hương với mũi... nếm vị với lưỡi.. cảm xúc với thân.... nhận thức pháp với ý, thức không truy cầu pháp tướng, không bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, không bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức không bị tán loạn, không bị tản rộng.

Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm trú trước nội (trần)?

Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức vì ấy truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái

hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Thức của vị ấy truy tìm hỷ lạc do định sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh; bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy truy tìm xả, bị trói buộc bởi vị xả và lạc, bị cột chặt bởi vị xả và lạc, bị triền phược bởi vị xả và lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy truy tìm không khổ không lạc, bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, bị cột chặt bởi vị không khổ không lạc, bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm không bị trú trước nội (trần)?

Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không

tứ. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh, như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).
Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do định sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).
Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy không truy tìm xả, không bị trói buộc bởi vị xả và lạc, không bị cột chặt bởi vị xả và lạc, không bị triền phược bởi vị xả và lạc, như vậy được gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy không truy tìm không khổ không lạc, không bị trói buộc bởi vị của không khổ không lạc, không bị cột chặt bởi vị của không khổ

không lạc, không bị triền phược bởi kiết sử vì không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Và thế nào, này chư Hiền, là bị chấp thủ quá rồi?

Ở đây, này chư Hiền, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc.

Sắc pháp ấy của nó có biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp ấy của nó, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy.

Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên pháp quá rồi khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại.

Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bức phiền và đầy những khao khát => Và vị ấy bị chấp thủ quá rồi. Vị ấy xem cảm thọ.. tưởng... các hành... thức như là tự ngã hay tự ngã, như là có thức, hay thức như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong thức. Thức ấy của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và

đổi khác trong thức ấy của vị ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bức phiền và đầy những khao khát. Và vị ấy bị chấp thủ, quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là bị chấp thủ, quấy rối.

Và thế nào, này chư Hiền, là *không bị chấp thủ quấy rối*?

Ở đây, này chư Hiền, có Đa văn Thánh đệ tử yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay không thấy sắc như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc.

Sắc pháp của vị ấy biến hoại, đổi khác.

Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp của vị ấy, thức của vị ấy không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy.

Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, không xâm nhập tâm và tồn tại.

Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bức phiền và không đầy những khao khát.

Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy không xem cảm thọ.. tưởng... các hành.. thức như là tự ngã hay tự ngã là có thức, hay không thấy thức như là trong tự ngã hay tự ngã như là trong thức. Thức của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức của vị ấy, thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức, nên các pháp quấy rối không khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bức phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối.

Này chư Hiền, phân tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già chết trong tương lai". Phân tổng thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu như Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahakaccana giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn - Bạch Thế Tôn, sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải thích nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tịnh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai".

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta, không giải nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tịnh xá: "Vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai". Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên)... (như trên)... nay chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi

đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những (chữ) ấy đã được Tôn giả Mahakaccana giải thích cho chúng con với những phương pháp (akara) này, với những câu này, với những chữ này.

– Đây các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Hiền giả. Đây các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc đại trí tuệ. Đây các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy, như Mahakaccana đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

65 Chấp thủ vi tế cuối cùng - Kinh BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH – 106 Trung III, 97

KINH BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH (*Ananjasappaya sutta*)

– *Bài kinh số 106 – Trung III, 97*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammassadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàn) là thị trấn của dân chúng Kuru. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **các dục là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh**. Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào xáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma. Ở đây, các ác bất thiện ý này dẫn đến tham dục, sân hận, khích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Các dục hiện tại và các dục tương lai...

cho Thánh đệ tử học tập. Vậy ta hãy an trú với tâm quang đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới, sau khi xác định vị trí của ý. Khi ta an trú với tâm quang đại, đại hành chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác bất thiện ý: tham dục, sân hận, khích động sẽ không khởi lên. Với các pháp ấy được đoạn trừ, tâm của ta không trở thành hạn hẹp, trái lại thành vô lượng, khéo tu tập". Trong khi ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến (samvattanikam vinnanam) có thể tùy theo đây đạt đến Bất động.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Bất động".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại, và những dục tưởng tương lai, phạm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại chủng và sắc do bốn đại tạo thành". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy,

này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường. Cái gì vô thường thời không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về

trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: "Trống không là tư ngã hay ngã này sở hữu". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, (cho ai) và trong hình thức nào". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ**. Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "*Những dục hiện tại.. và những sắc tướng và những Bất động tướng, và những Vô sở hữu xứ tướng, tất cả các tướng, chỗ nào các tướng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tướng phi phi tướng xứ*". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ ngay trong hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, **thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tướng phi phi tướng xứ.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tướng phi phi tướng xứ.

Khi được nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "*Nếu (trước) không có như vậy, thời có thể không là của ta; nếu (nay) không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có*". Và như vậy vị ấy được xả. Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không?
- Ở đây, này Ananda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng cứu cánh Niết-bàn?

– Ở đây, này Ananda, một Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, thức lệ thuộc xả ấy và thủ trước xả ấy. Có thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước chỗ nào?

– Này Ananda, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng?

– Này Ananda, Vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng. Này Ananda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy,

thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". **Như vậy, vị ấy được xả.**

Vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy. Không thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.

– *Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Chính mười y cứ sự này sự kia, bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát?*

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "**Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những Bất động tướng, những Vô sở hữu xứ tướng, và những Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, cái gì thuộc tự thân, là tự thân. Đây là bất tử tức là tâm giải thoát không thủ trước**".

Này Ananda, đây là đạo lộ về lợi ích Bất động được

Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tướng phi phi tướng xứ được Ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được Ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được Ta thuyết

giảng. Những gì, này Ananda, vị Đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được Ta làm, vì lòng từ mẫn của Ta đối với Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống. **Hãy tu Thiền**, này Ananda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau.

Đây là lời dạy của Ta cho Ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

66 Chắc chắn đã giác hiểu là Kiều-Trần-Như - Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610

Như Lai Thuyết 1 – *Tương V*, 610

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo.

3) Thế nào là hai?

- Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.
- Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.
- Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo**, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) *Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?*

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) *Đây là Thánh đế về **Khổ**, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.*

6) *Đây là Thánh đế về **Khổ tập**, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.*

7) *Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái*

ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ tập, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe,

nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

- Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

11) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải **chứng ngộ**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, đối với các pháp... quang sanh.

12) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải **tu tập**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong **bốn Thánh đế** này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) **Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy**, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa"*.

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, **Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "*Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt*".**

16) Và khi **Pháp luân này** được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên:

"Nay **vô thượng Pháp luân** này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba...

.... chư Thiên Yà mà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động,

chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:
"Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

67 Chặt tay chân - Ví dụ người bị chặt tay chân - Kinh SANDAKA – 76 Trung II, 377

KINH SANDAKA (Sandaka sutta)

– Bài kinh số 76 – Trung II, 377

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi (Kiều-thương-di), tại tu viện Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ, du sĩ Sandaka trú ở hang Pilakka với đại chúng du sĩ, khoảng độ năm trăm du sĩ. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, và nói với các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến Devakatasobbha để xem hang.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Ananda với một số đông Tỷ-kheo đi đến Devakatasobbha. Lúc bấy giờ, du sĩ Sandaka ngồi

với đại chúng du sĩ đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về đồ mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị trấn, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu. Du sĩ Sandaka thấy Tôn giả Ananda từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay đệ tử của Sa-môn Gotama, Sa-môn Ananda đang đến. Khi nào các đệ tử của Sa-môn Gotama trú ở Kosambi, thời Sa-môn Ananda này là một vị trong những vị ấy. Các Tôn giả ấy ưa mến trầm lặng, tu tập trong trầm lặng, tán thán trầm lặng, nếu biết chúng này trầm lặng, có thể ghé tại đây.

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng. Tôn giả Ananda đến chỗ du sĩ Sandaka. Du sĩ Sandaka thưa với Tôn giả Ananda:

– Hãy đến, Tôn giả Ananda! Thiện lai, Tôn giả Ananda! Đã lâu Tôn giả Ananda mới tạo cơ hội này, nghĩa là đến đây. Tôn giả Ananda hãy ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ananda ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sandaka lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda nói với du sĩ Sandaka đang ngồi một bên:

– Nay Sandaka, nay các vị hội họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Tôn giả Ananda, hãy gác một bên vấn đề chúng tôi đang hội họp bàn luận. Lát nữa Tôn giả Ananda nghe lại cũng không khó khăn gì. Lành thay, nếu được Tôn giả Ananda thuyết cho pháp thoại vị Đạo sư của mình.

– Vậy này Sandaka, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng:

– Thưa vâng, Tôn giả.

Du sĩ Sandaka vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

– Nay Sandaka, **bốn pháp phi phạm hạnh** trú này, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, Bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và **bốn pháp bất an phạm hạnh** cũng được tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, **thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.**

❖ *Tôn giả Ananda, **bốn pháp phi phạm hạnh** trú do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện; bốn pháp phi phạm hạnh trú ấy là gì?*

– Ở đây, nay Sandaka, có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi đã tự mình giác ngộ với thắng trí tuyên bố về đời này và đời sau. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh

chung, địa đại quy nhập địa giới, thủy đại quy nhập thủy giới, hỏa đại quy nhập hỏa giới, phong đại quy nhập phong giới, các căn nhập vào hư không. (Bốn) người, gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm gánh người chết mang đi, đến chỗ hỏa táng và thốt ra những lời kể lể, đặc tánh của người chết. Các xương thành màu xám như chim bồ câu, và những vật cứng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bổ thí, lời nói của họ trống không, giả dối, vô ích khi họ chấp thuyết "có sự hiện hữu (Atthikavada)". Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết".

➔ Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau**:

"Vị Tôn sư này, thuyết lý như vậy, quan điểm như vậy: "Không có bổ thí, không có lễ hy sinh... (như trên)... Không còn tồn tại sau khi chết". *Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng ta, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị đoạn diệt, tiêu thất, sẽ không hiện hữu sau khi chết". Thật sự là quá độ hạnh hỏa thế, trọc đầu, tinh tấn ngồi chỗ hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này; trong khi ta sống trong gia đình được con*

cái bao bọc doanh vây, thọ dụng chiêm-đàn Kasi, mang dùng vòng hoa, hương liệu phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc, và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh. Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp đoạt, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác". Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất này, làm thành một đồng thịt, thành

một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy có phước báo, tạo nên phước báo. Bỏ thí, tự điều phục, tự chế ngự, nói thật không có công đức, không tạo nên công đức".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này, có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Tự làm, khiến người làm... (như trên)... không tạo nên công đức". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Hành động cả hai (chúng ta) không tạo ra tội ác". Thật sự là quá độ... (như trên)... mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy,

và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ bị nhiễm ô". Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, không nhân không duyên, các loài hữu tình sẽ được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả chúng sanh, tất cả sanh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn chi phối bởi định mệnh, bởi sự trùng hợp, bởi tự tánh. Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên... (như trên)... họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng tôi, không có nhân, không có duyên sẽ được thanh tịnh". Thật sự là quá độ... (như

trên)... mà ta sẽ sống theo hạnh ấy dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Thế nào là bảy? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc, và thứ bảy là man. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây, không có người giết hại hoặc người bị giết hại, người nghe hoặc

người nói, người biết hoặc người khiến cho biết, khi có một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là 14 trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm 60 một trăm và 6 một trăm. Có 5 một trăm loại nghiệp và có 5 nghiệp (theo 5 căn), lại có 3 nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, 6 giai cấp, 8 nhân địa; 4900 sanh nghiệp, 4900 kẻ du hành, 4900 chỗ ở của loài Naga, 2000 căn, 3000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tướng thai, 7 vô tướng thai, 7 tiết thai (sanh từ đốt, hay ly hệ thai?) 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài Quỷ, 7 hồ nước, 7 pavutas (núi hay hồ nhỏ), 7000 pavutas, 700 papatas (vực thẳm), 7 mộng, 700 mộng có 8.400.000 đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển, luân hồi, sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: "Với giới này, với giới cấm này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã được thuần thực, bởi những nhân thọ liên tục không thể đo lường, khổ và lạc với những vật đo lường, trong luân hồi không có tăng giảm, không có cao thấp. Ví như cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau".

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau**: "Vị Tôn sư này có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này... (như trên)... sẽ chấm dứt khổ đau". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng tôi, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau". Thật sự là quá độ hạnh lỏa thể, trọc đầu, tinh tấn ngồi chỗ hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này, trong khi ta sống trong gia đình, được con cái bao bọc đoanh vây, thọ dụng chiên-đàn Kasi, mang dùng vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc, và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh. Như vậy ta biết gì, ta thấy gì mà ta sẽ sống theo hạnh ấy với vị Đạo sư này?" **Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly theo hạnh ấy và bỏ đi.**

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ tư, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

Này Sandaka, bốn phi phạm hạnh trú này được

Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! Bốn phi phạm hạnh trú này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố là phi phạm hạnh trú, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

❖ *Tôn giả Ananda, thế nào là **bốn pháp bất an phạm hạnh** được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện?*

⇒ Ở đây, này Sandaka, **có bậc Đạo sư nhưt thiết tri nhưt thiết kiến**, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri, kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn". Vị ấy đi vào một nhà trống, không nhận được đồ ăn khát thực, và con chó cắn vị ấy, vị ấy gặp voi dữ, gặp người dữ, gặp bò dữ, và vị

ấy hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, và hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn. Vị ấy được hỏi: "Sao như thế này?", và trả lời: "Ta phải vào một nhà trồng, do vậy ta đã vào; ta phải không nhận được đồ ăn khát thực, do vậy ta đã không nhận được đồ ăn khát thực. (Có người) phải bị chó cắn, do vậy ta đã bị chó cắn. (Có người) phải gặp voi dữ, do vậy ta đã gặp; phải gặp ngựa dữ, do vậy ta đã gặp, phải gặp bò dữ, do vậy ta đã gặp. Có người phải hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, do vậy ta đã hỏi. (Có người) phải hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn, do vậy ta đã hỏi".

➔ Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau:**
"Vị Tôn sư này là nhất thiết tri, nhất thiết kiến... (như trên)... do vậy ta đã hỏi". **Vị ấy sau khi biết:**
"Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là Bất an phạm hạnh thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

⇒ Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, (xem) truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư**: "Vị Tôn sư này y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng. Nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác. **Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.**

Này Sandaka, đây là bất an phạm hạnh thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

⇒ Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là nhà

lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nay Sandaka, nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Ở đây, nay Sandaka, **người có trí suy nghĩ**: "Vị Tôn sư này là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác. Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an" nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Nay Sandaka đây là bất an phạm hạnh thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

⇒ Lại nữa, nay Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là người đần độn, là người ngu si. Vì đần độn ngu si, khi được hỏi về vấn đề này, vấn đề khác, vị ấy dùng

những lời nguy biện trườn uốn như con lươn:
"Theo tôi không phải như vậy, theo tôi không phải
như kia, theo tôi không khác như thế, theo tôi
không phải như thế, theo tôi không không phải
như thế".

Ở đây, này Sandaka **người có trí suy tư**: "Vị
Tôn sư này là người đàn độn, là người ngu si... (như
trên)... theo tôi không phải như thế". Vị ấy sau khi
biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ
đi.

Này Sandaka, đây là bất an phạm hạnh thứ tư,
được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán,
Chánh Đăng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí
không thể tự mình sống theo hạnh ấy và nếu sống thì
không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Này Sandaka, bốn bất an phạm hạnh này được
Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh
Đăng Giác tuyên bố, và ở đây **người có trí không
thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì
không thể thành đạt (chánh) lý, pháp và (chí)
thiện.**

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy
hữu thay, Tôn giả Ananda! Bốn pháp bất an phạm
hạnh này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố là bất an phạm hạnh, và ở đây người trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

❖ *Thưa Tôn giả Ananda, vị Đạo sư ấy dạy những gì, tuyên bố những gì, mà ở đây, người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống, có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện?*

– Ở đây, này Sandaka, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí... lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ... Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy... (như Kinh Kandaraka của tập này, tr. 20 – tr. 25). **Sau khi trừ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.

Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây

người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... Nhị thiền... Tam thiền... chứng đạt và an trú Tứ thiền. Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư... (như trên)... (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện".

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bất động như vậy, vị ấy, hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. *Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.*

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ. *Này*

Sandaka nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Với tâm định tĩnh thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: "Đây là Khổ"... vị ấy như thật biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Vị ấy do biết vậy, do thấy vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". *Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư nào, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.*

❖ *Nhưng, thưa Tôn giả Ananda, một Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vì Tỷ-kheo ấy có thể thọ dụng các dục vọng không?*

– Nay Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, **vị ấy không thể vi phạm năm điều:**

- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể cố ý sát hại mạng sống** chúng sanh;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể lấy của không cho**, được gọi là ăn trộm;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể hành dâm dục**;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể cố ý nói láo**;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể hưởng thọ các dục đối với các vật được tàng trữ như trước khi còn tại gia**.

Nay Sandaka, một vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không có thể vi phạm năm điều này.

❖ *Thưa Tôn giả Ananda, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã*

thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, có phải tri kiến vị ấy được an trú một cách liên tục, không gián đoạn: "Các lậu hoặc của ta đã được đoạn tận"?

– Nay Sandaka, tôi sẽ cho Ông một ví dụ, nhờ ví dụ ở đây, một số người có trí sẽ biết ý nghĩa câu nói. *Ví như, này Sandaka, **một người tay chân bị chặt; khi người ấy đi, đứng, ngủ và thức, tay chân bị chặt một cách liên tục, không gián đoạn, và khi người ấy suy tư về vấn đề này, người ấy biết: "Tay chân của ta bị chặt".***

Cũng vậy, này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, các lậu hoặc được đoạn tận một cách liên tục, không gián đoạn, và khi vị ấy suy tư về vấn đề này, vị ấy biết: "Các lậu hoặc ta đã được đoạn tận".

– Nhưng thưa Tôn giả Ananda, có bao nhiêu vị lãnh đạo tối thắng trong pháp và luật này?

– Nay Sandaka, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, mà còn nhiều vị

lãnh đạo tối thắng hơn nữa trong pháp và luật này.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! **Không có sự tự tán thán pháp của mình, không có sự hủy báng pháp của người khác, nhưng cả hai sự thuyết pháp với các hành trì** (ayatane) và rất nhiều vị lãnh đạo tối thắng như vậy đã được thấy (ở đây). Còn các tà mạn ngoại đạo này là những đứa con của người mẹ không con, họ tự tán thán khen mình chê người, và họ chỉ có ba vị lãnh đạo tối thắng, tức là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca và Makkhali Gosala.

Rồi du sĩ Sandaka nói với đồ chúng của mình:

– Chư Tôn giả, hãy đi và sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama, tuy rằng nay không có dễ gì cho chúng ta từ bỏ quyền lợi, tôn kính và danh tiếng.

Như vậy du sĩ Sandaka đã đưa đồ chúng của mình sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama.

68 Chế ngự căn - Kinh TÔN GIẢ NANDA – Tăng III, 510

TÔN GIẢ NANDA – Tăng III, 510

1. -Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là Thiện nam tử".

Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có sức mạnh".

Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có tịnh tín".

Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có ái dục sắc bén".

Ai khác ngoài Nanda, này các Tỷ-kheo, thành tựu chế ngự các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác? Nhờ vậy, Nanda có thể hành Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *sự chế ngự các căn của Nanda*.

Này các Tỷ-kheo, nếu Nanda phải nhìn về phương Đông, *tập trung tất cả tâm*, Nanda nhìn về hướng Đông và suy nghĩ: "*Như vậy, khi Ta đang nhìn về*

hướng Đông, thời tham, ưu, các ác bất thiện pháp sẽ không có xâm nhập". Như vậy, vị ấy tỉnh giấc.

Này các Tỷ-kheo, nếu Nanda phải nhìn về phương Tây ... nhìn về phương Bắc ... về phương Nam ... ngược nhìn lên Trên ... cúi nhìn về phương Dưới ... hay nhìn về hướng giữa các phương chính, tập trung tất cả tâm, Nanda nhìn về hướng giữa các phương chính và suy nghĩ: "Như vậy, khi ta đang nhìn về hướng giữa các phương chính, thời tham, ưu, các ác bất thiện pháp sẽ không có xâm nhập ". Như vậy, ở đây, vị ấy tỉnh giấc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Nanda chế ngự các căn.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda *tiết độ trong ăn uống*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda với chánh tư duy thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy chúng ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và chúng ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Nanda tiết độ trong ăn uống.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda *chú tâm cảnh giác*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda ban ngày đi kinh hành hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm, canh một đi kinh hành, hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm, canh giữa, Nanda nằm dánh con sư tử, bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến thức dậy lại. Ban đêm, canh cuối thức dậy, đi kinh hành hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Này các Tỷ-kheo, như vậy Nanda chú tâm cảnh giác.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda *chánh niệm tỉnh giác*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda rõ biết khi các **thọ** khởi lên, rõ biết khi các thọ an trú, rõ biết khi các thọ chấm dứt ... rõ biết khi các **tưởng** ... rõ biết khi các **tâm** nổi lên, rõ biết khi các tâm an trú, rõ biết khi các tâm chấm dứt. Này các Tỷ-kheo, đây là Nanda chánh niệm tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, ai khác ngoài Nanda, này các Tỷ-kheo, thành tựu chế ngự các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác? Nhờ

vậy, Nanda có thể hành Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

69 Chế ngự căn - Kinh XẤU HỔ – Tăng III, 417

XẤU HỔ – Tăng III, 417

1. - Nay các Tỷ-kheo,

- ➔ Khi tàm quý không có, với người thiếu tàm quý, chế ngự các căn đi đến hủy diệt.
- ➔ Khi chế ngự các căn không có, với người thiếu chế ngự các căn, giới đi đến hủy diệt.
- ➔ Khi giới không có, với người thiếu giới, chánh định đi đến hủy diệt.
- ➔ Khi chánh định không có, với người không có chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy diệt.
- ➔ Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến hủy diệt.
- ➔ Khi nhàm chán ly tham không có, với người thiếu nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, một cây không có cành và lá, các mầm non của cây ấy không đi đến thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến thành mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tầm quý không có, với người không có tầm quý, chế ngự các căn đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

2. Này các Tỷ-kheo,

- ➔ Khi tầm quý có mặt, với người đầy đủ tầm quý, chế ngự các căn đi đến đầy đủ.
- ➔ Khi chế ngự các căn có mặt, với người đầy đủ chế ngự các căn, giới đi đến đầy đủ.
- ➔ Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ.
- ➔ Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ.
- ➔ Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến đầy đủ.
- ➔ Khi nhàm chán ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến thành mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tầm quý có mặt, với người đầy đủ tầm quý ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

70 Chế ngự căn - Thức ăn của Không chế ngự căn là Không chánh niệm tg - Kinh VÔ MINH – Tăng IV, 391

VÔ MINH – Tăng IV, 391

1. - Nay các Tỷ-kheo, **khởi điểm đầu tiên của vô minh không thể nêu rõ để có thể nói: "Trước điểm này, vô minh không có, rồi sau mới có."** Như vậy, nay các Tỷ-kheo, lời này được nói đến.

Tuy vậy, sự việc này được nêu rõ: "Do duyên này, vô minh (có mặt)".

- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? Năm triền cái, cần phải trả lời như vậy.**
- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng năm triền cái có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho năm triền cái? Ba ác hành, cần phải trả lời như vậy.**
- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng ba ác hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái**

gì là thức ăn cho ba ác hành? **Các căn không chế ngự**, cần phải trả lời như vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, các căn không chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho các căn không chế ngự? **Không chánh niệm tỉnh giác**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng không chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không chánh niệm tỉnh giác? **Phi như lý tác ý**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng phi như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho phi như lý tác ý? **Không có lòng tin**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng không có lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không có lòng tin? **Không nghe diệu pháp**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không nghe diệu pháp? **Không giao thiệp với bậc Chân nhân**, cần phải trả lời như vậy.

2. Như vậy, này các Tỷ-kheo:

1. **Không giao thiệp với bậc Chân nhân** được viên mãn, thời làm viên mãn **không có nghe điều pháp**.
2. Không có nghe điều pháp được viên mãn, thời làm viên mãn **không có lòng tin**.
3. Không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn **phi như lý tác ý**.
4. Phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn **không chánh niệm tỉnh giác**.
5. Không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các **căn không chế ngự**.
6. Các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn **ba ác hành**.
7. Ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn **năm triền cái**.
8. Năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn **vô minh**.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa ấy chảy xuống theo sườn dốc; làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm

đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn; sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ; sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương và như vậy là viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

1. Không giao thiệp với các bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe diệu pháp.
2. Không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin.
3. Không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý.
4. Phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác.
5. Không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự.
6. Các căn không chế được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành.
7. Ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái.
8. Năm triền cái được viên mãn, thời viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn của vô minh, và như vậy là sự viên mãn.

4. Và này các Tỷ-kheo, **Ta nói Minh Giải thoát có thức ăn, không phải không có thức ăn.** Và cái gì là thức ăn cho minh giải thoát? **Bảy giác chi**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng Bảy giác chi có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho bảy giác chi? **Bốn niệm xứ**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ kheo, Ta nói rằng, Bốn niệm xứ có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho Bốn niệm xứ? **Ba thiện hành**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói như rằng ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? **Các căn được chế ngự**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các căn được chế ngự có thức ăn không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho các căn được chế ngự? **Chánh niệm tỉnh giác**, cần phải được như vậy.

Này các Tỷ-kheo, chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho chánh niệm tỉnh giác? **Như lý tác ý**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho như lý tác ý? **Lòng tin**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho lòng tin? **Nghe diệu pháp**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho nghe diệu pháp? **Giao thiệp với bậc Chân nhân**, cần phải trả lời như vậy.

5. Như vậy, này các Tỷ-kheo:

1. *Giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn thời làm viên mãn nghe diệu pháp.*
2. *Nghe diệu pháp được viên mãn thời làm viên mãn lòng tin.*
3. *Lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý.*
4. *Như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác.*

5. Chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự.
6. Các căn được chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành.
7. Ba thiện hành được viên mãn Bốn niệm xứ.
8. Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi.
9. Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn được giải thoát.

Như vậy, đây là thức ăn của thức ăn của mình giải thoát, và như vậy là sự viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn. Sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn. Sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy, là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

1. **Giao thiệp với bậc Chân nhân** được viên mãn, thời làm viên mãn **nghe điều pháp**.

2. Nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin.
3. Lòng tin được viên mãn thời làm viên mãn như lý tác ý.
4. Như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác.
5. Chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự.
6. Các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành.
7. Ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn Bốn niệm xứ.
8. Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi.
9. Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn Minh Giải thoát.

Như vậy là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là viên mãn.

71 Chế ngự thân khẩu ý - Kinh VAPPA – Tăng II, 196

VAPPA – Tăng II, 196

1. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu khu vườn Nigrodha. Rồi thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đi đến Tôn giả Mahàmoggalàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggalàna rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna nói với thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đang ngồi một bên:

*- Ở đây, này Vappa, có thể có người với **thân** chế ngự, với **lời** chế ngự, với **ý** chế ngự, **vô minh** được viễn ly, **minh** được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ **cảm thọ đau khổ** có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?*

- Thừa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thừa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahàmoggallàna và Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà bị bỏ dở.

2. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền Tịnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Nay Mahàmoggallàna, câu chuyện gì được nói đến, khi các Ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện giữa các Ông chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha: "Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, mình được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi người nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha nói với con như sau: "Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!". Bạch Thế Tôn, ở đây là câu chuyện giữa Thích Tử Vappa, đệ tử của Nigantha và chúng con, câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến!

3. Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha:

- Này Vappa, nếu Ông có thể chấp nhận điều Ông có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp Ông không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Ta, nếu Ông hỏi ta thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", thời có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

- Bạch Thế Tôn, con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, con sẽ hỏi Thế Tôn thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

4.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên thân khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm **nghiệp** mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; **con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.**

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

5. - Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên lời khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được lời khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

6.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên ý khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, **còn**

hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

7.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy ***do duyên vô minh khởi lên,*** vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, ***do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.***

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

8.- Như vậy, này Vappa, với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

9. Ví như, này Vappa, duyên một thân cây, bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm các cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước

cuốn đi. Như vậy, này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rễ bị chắm đứt, làm thành như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được.

Cũng vậy, này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

10. Khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha bạch Thế Tôn:

- Ví như, bạch Thế Tôn, một người mong ước được tài sản, lo nuôi dưỡng tài sản của mình, nhưng không được tăng trưởng gì, trái lại chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cầu mong được lợi ích khi con hầu hạ kẻ ngu

Nigantha này. Con đã không được lợi ích gì, trái lại con chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Bắt đầu từ hôm này, bạch Thế Tôn, với lòng tin gì con đã có với kẻ ngu Nigantha, con sẽ sàng lòng tin ấy giữa gió lớn, hay để lòng tin ấy vào dòng nước lạnh cho nước cuốn đi.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

72 Chế ngự thân lời ý là chỗ quy y - Kinh HAI NGƯỜI 1 – Tăng I, 277

HAI NGƯỜI 1 – Tăng I, 277

Có hai vị Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, đi đến Thế Tôn ... ngồi xuống một bên, những Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi, Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi. Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Thật vậy, các Ông là những Bà-la-môn già yếu, ... đã 120 tuổi, nhưng các Ông không làm điều lành... không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Thật vậy, nay các Bà-la-môn, thế giới này đã bị già, bệnh, chết dất dẩn. **Thế giới này đã bị già, bệnh, chết dất dẩn như vậy, thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến cõi chết, phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn**

cù lao (hay ngọn đèn), là chỗ quy y và là đích xứ nó đến.

*Đời sống bị dắt dẫn,
Mạng sống chẳng là bao,
Bị già kéo dẫn đi,
Không có nơi nương tựa.
Hãy luôn luôn quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.
Ở đây chế ngự thân,
Chế ngự lời và ý,
Kẻ ấy dầu có chết,
Cũng được hưởng an lạc,
Vì khi còn đang sống
Đã làm các công đức.*

HAI NGƯỜI 2 – Tăng I, 279

Rồi Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn ... đi đến
Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, đời đã được trải, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi, Tôn giả Gotama

hãy giảng dạy chúng tôi. Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Thật vậy, các Ông là những Bà-la-môn già yếu, ... đã 120 tuổi, nhưng các Ông không làm điều lành... là chỗ quy y và là đích xứ nó đến.

Trong ngôi nhà bị cháy,

Đồ đạc được đem ra,

Đồ ấy lợi cho nó,

Không phải đồ bị cháy,

Cũng vậy đời bị cháy,

Do già chết thiêu đốt,

Nhờ bố thí tự cứu

Khéo cứu đồ bố thí.

Ở đây, chế ngự thân,

Chế ngự lời và ý,

Kẻ ấy dầu có chết,

Cũng được hưởng an lạc,

Vì khi còn đang sống,

Đã làm các công đức.

73 Chế ngự tâm - Không nên chế ngự ý về mọi mặt - Kinh Chế Ngự Tâm – Tương I, 37

Chế Ngự Tâm – Tương I, 37

(Vị Thiên):

Chỗ nào ý chế ngự,
Chỗ ấy đau khổ tận.
Ý chế ngự hoàn toàn,
Thoát đau khổ hoàn toàn.

(Thế Tôn):

Không nên chế ngự ý,
Hoàn toàn về mọi mặt,
Chớ có chế ngự ý,
Nếu tự chủ đạt được.
Chỗ nào ác pháp khởi,
Chỗ ấy chế ngự ý.

74 Chế ngự, đoạn tận là mục đích của Phạm hạnh này - Kinh PHẠM HẠNH – Tăng I, 597

PHẠM HẠNH – Tăng I, 597

1.- Phạm hạnh được sống, này các Tỷ-kheo, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích môn trốn quần chúng, không vì mục đích được lợi ích về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì mục đích được lợi ích thoát khỏi lời phê bình bàn tán, không với ý nghĩ: "Mong quần chúng biết ta như vậy".

Và này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống với mục đích được chế ngự, với mục đích đoạn tận, với mục đích ly tham, với mục đích đoạn diệt.

2. Với mục đích chế ngự,
Với mục đích đoạn tận,
Là đời sống Phạm hạnh,
Tránh xa lời nói suông,
Thế Tôn đã tuyên bố,
Đi đến nhập Niết-bàn,
Con đường này được đi,
Bởi đại nhân, đại sĩ,
Ai dẫn bước thực hành,

*Đúng như lời Phật dạy,
Sẽ chấm dứt khổ đau,
Làm theo Đạo Sư dạy.*

75 Chỉ có cách như thật quán - Kinh ĐOẠN GIẢM – 8 Trung I, 97

KINH ĐOẠN GIẢM (Sallekha sutta)

– Bài kinh số 8 – Trung I, 97

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ, Tôn giả Mahacunda, vào buổi chiều từ chỗ độc cư Thiền tịnh đứng dậy, đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahacunda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những loại sở kiến này khởi lên trên đời, hoặc liên hệ đến ngã luận, hoặc liên hệ đến thế giới luận. Bạch Thế Tôn, đối với một Tỷ-kheo, có tác ý ngay từ ban đầu, thời có thể đoạn trừ những sở kiến ấy hay không, có thể xả ly những sở kiến ấy hay không?

– Nay Cunda, những loại sở kiến này khởi lên

trên đời, hoặc liên hệ đến **ngã luận**, hoặc liên hệ đến **thế giới luận**, chỗ nào những **sở kiến** này tiềm ẩn, và chỗ nào những **sở kiến** này hiện hành, **chỉ có cách** như thật quán sát chúng với trí tuệ rằng: "**Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi**", có vậy thời có sự đoạn trừ những **sở kiến** ấy, có sự xả ly những **sở kiến** ấy.

- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây một Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". **Này Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.**
- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây, một Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Đây Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là **hiện tại lạc trú** trong giới luật của bậc Thánh.
- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây, một

Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Vị ấy có thể nghĩ... (như trên)... *hiện tại lạc trú* trong giới của bậc Thánh.

- Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là *hiện tại lạc trú* trong giới luật của bậc Thánh.

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dục tướng. Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Vị ấy có thể tự nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". *Nay Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú trong giới luật của bậc Thánh.*

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ

rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú **Thức vô biên xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.
- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, ở đây đoạn giảm được các Người thực hiện khi các Người nghĩ:

1. *"Những kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện.*

2. "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", như vậy đoạn giảm được thực hiện.
3. "Những kẻ khác có thể lấy của không cho, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ lấy của không cho", như vậy đoạn giảm được thực hiện.
4. "Những kẻ khác có thể không phạm hạnh, chúng ta ở đây sẽ sống phạm hạnh", như vậy...
5. "Những kẻ khác có thể nói láo, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói láo
6. "Những kẻ khác có thể nói hai lưỡi, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói hai lưỡi",...
7. "Những kẻ khác có thể nói lời độc ác", chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời độc ác", ...
8. "Những kẻ khác có thể nói lời phù phiếm, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời phù phiếm",...
9. "Những kẻ khác có thể tham dục, chúng ta ở đây không tham dục",...
10. "Những kẻ khác có thể có sân tâm, chúng ta ở đây sẽ không có sân tâm",...
11. "Những kẻ khác có thể có tà kiến, chúng ta ở đây sẽ có chánh kiến",...

12. "Những kẻ khác có thể có tà tư duy, chúng ta ở đây sẽ có chánh tư duy",...
13. "Những kẻ khác có thể có tà ngữ, chúng ta ở đây sẽ có chánh ngữ",...
14. "Những kẻ khác có thể có tà nghiệp, chúng ta ở đây sẽ có chánh nghiệp",...
15. "Những kẻ khác có thể có tà mạng, chúng ta ở đây sẽ có chánh mạng",...
16. "Những kẻ khác có thể có tà tinh tấn, chúng ta ở đây sẽ có chánh tinh tấn",...
17. "Những kẻ khác có thể có tà niệm, chúng ta ở đây sẽ có chánh niệm",...
18. "Những kẻ khác có thể có tà định, chúng ta ở đây sẽ có chánh định",...
19. "Những kẻ khác có thể có tà trí, chúng ta ở đây sẽ có chánh trí",...
20. "Những kẻ khác có thể có tà giải thoát, chúng ta ở đây sẽ có chánh giải thoát",...
21. "Những kẻ khác có thể bị hôn trầm thụy miên chi phối, chúng ta ở đây sẽ không có hôn trầm thụy miên chi phối",...
22. "Những kẻ khác có thể có trạo hối, chúng ta ở đây sẽ không có trạo hối",...

23. "Những kẻ khác có thể nghi hoặc, chúng ta ở đây sẽ trừ diệt nghi hoặc",...
24. "Những kẻ khác có thể phần nộ, chúng ta ở đây sẽ không có phần nộ",...
25. "Những kẻ khác có thể oán hận, chúng ta ở đây sẽ không có oán hận",...
26. "Những kẻ khác có thể hư nguy, chúng ta ở đây sẽ không hư nguy",...
27. "Những kẻ khác có thể não hại, chúng ta ở đây sẽ không não hại",...
28. "Những kẻ khác có thể tật đố, chúng ta ở đây sẽ không tật đố
29. "Những kẻ khác có thể xan tham, chúng ta ở đây sẽ không xan tham",...
30. "Những kẻ khác có thể man trá, chúng ta ở đây sẽ không man trá...
31. "Những kẻ khác có thể khi cuống, chúng ta ở đây sẽ không khi cuống",...
32. "Những kẻ khác có thể ngoan cố, chúng ta ở đây không thể ngoan cố",...
(như trên)... cấp tháo... mạn...
33. "Những kẻ khác có thể quá mạn, chúng ta ở đây sẽ không quá mạn",...

34. "Những kẻ khác có thể khó nói (nan thuyết), chúng ta ở đây sẽ dễ nói",...
35. "Những kẻ khác có thể là ác hữu, chúng ta ở đây sẽ là thiện hữu
36. "Những kẻ khác có thể phóng dật, chúng ta ở đây sẽ không phóng dật",... (như trên)...
37. "Những kẻ khác có thể là bất tín, chúng ta ở đây sẽ có tín tâm",...
38. "Những kẻ khác có thể không xấu hổ, chúng ta ở đây sẽ có xấu hổ",...
39. "Những kẻ khác có thể không sợ hãi, chúng ta ở đây sẽ có sợ hãi",...
40. "Những kẻ khác có thể nghe ít, chúng ta ở đây sẽ nghe nhiều"...
41. "Những kẻ khác có thể biếng nhác, chúng ta ở đây sẽ siêng năng...
42. "Những kẻ khác có thể thất niệm, chúng ta ở đây sẽ an trú niệm
43. "Những kẻ khác có thể liệt tuệ, chúng ta ở đây thành tựu tuệ
44. "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không có

*chấp tư kiến, tánh dễ hành xả" như vậy
đoạn giảm được thực hiện.*

*Này Cunda, Ta nói rằng sự khởi tâm rất có lợi
ích cho các thiện pháp, còn nói gì thân nghiệp, khẩu
nghiệp phù hợp (với tâm ý).*

Do vậy, này Cunda:

- "Những kẻ khác có thể làm hại, chúng ta ở đây sẽ không làm hại", *cần phải khởi tâm như vậy.*
- "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", *cần phải khởi tâm như vậy*
- ... (như trên)...
- "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả", *cần phải phát tâm như vậy.*

*Này Cunda, giống như một con đường không
bằng phẳng, có một con đường bằng phẳng khác đôi
tri.*

*Này Cunda, giống như một bến nước không
bằng phẳng, có một bến nước bằng phẳng khác đôi*

Cũng vậy này Cunda:

- Đối với con người làm hại, có sự không làm hại *đối trị*.
- Đối với con người sát sanh, có từ bỏ sát sanh *đối trị*.
- Đối với con người lấy của không cho, có từ bỏ lấy của không cho *đối trị*...,
- ...không phạm hạnh, có phạm hạnh...;
- ...nói láo, có từ bỏ nói láo...;
- ...nói hai lưỡi, có từ bỏ nói hai lưỡi...;
- ...nói ác khẩu, có từ bỏ nói ác khẩu;
- ...nói phù phiếm, có từ bỏ nói phù phiếm...;
- ... tham dục, có không tham dục...;
- ... sân tâm, có không sân tâm...;
- ... tà kiến, có chánh kiến...;
- ... tà tư duy, có chánh tư duy...;
- ... tà ngữ, có chánh ngữ...;
- ... tà nghiệp, có chánh nghiệp...;
- ... tà mạng, có chánh mạng...;

- ... tà tình tấn, có chánh tình tấn...;
- ... tà niệm, có chánh niệm...;
- ... tà định, có chánh định...;
- ... tà trí, có chánh trí...;
- ... tà giải thoát, có chánh giải thoát...;
- ... bị hôn trầm thụy miên chi phối, có không bị hôn trầm thụy miên chi phối...;
- ... trạo hối, có không trạo hối...;
- ... nghi hoặc, có trừ diệt nghi hoặc...;...
phẫn nộ, có không phẫn nộ...;
- ... oán hận, có không oán hận...;
- ... hư nguy, có không hư nguy...;
- ... não hại, có không não hại...;
- ... tật đố, có không tật đố...;
- ... xan tham, có không xan tham...;
- ... mạn trá, có không mạn trá...;
- ... khi cuồng, có không khi cuồng...;
- ... ngoan cố, có không ngoan cố... cấp
tháo... mạn;
- ... quá mạn có không quá mạn...;
- ... khó thuyết, có không khó thuyết...;

- ... ác hữu, có thiện hữu...;
- ... phóng dật, có không phóng dật...;
- ... bất tín, có tín tâm...;
- ... không xấu hổ, có xấu hổ...;
- ... không sợ hãi, có sợ hãi...;
- ... nghe ít, có nghe nhiều...;
- ... biếng nhác, có siêng năng...;
- ... thất niệm, có an trú niệm...;
- ... liệt tuệ, có thành tựu tuệ...;
- đối với con người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, có không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả đối trị.

Này Cunda, ví như các bất thiện pháp, tất cả đều hướng hạ, còn các thiện pháp, tất cả đều hướng thượng.

Cũng vậy, này Cunda:

- con người không làm hại, hướng thượng đối với người làm hại,
- con người từ bỏ sát sanh, hướng thượng đối với người sát sanh,

- con người từ bỏ lấy của không cho, hướng thượng đối với người lấy của không cho
- ... (như trên)...
- con người không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả, hướng thượng đối với người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả.

Này Cunda, con người tự mình bị rơi vào bùn lầy có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy không thể xảy ra.

Này Cunda, con người tự mình không rơi vào bùn lầy, có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy có thể xảy ra.

Này Cunda, con người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện và hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy không xảy ra.

Một người được nhiếp phục, được huấn luyện, được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện, hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy xảy ra.

Cũng vậy, này Cunda:

- đối với người làm hại, không làm hại đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người sát sanh, từ bỏ sát sanh đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người không phạm hạnh, sống phạm hạnh...;
- đối với con người nói láo, từ bỏ nói láo...;
- đối với con người nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi...;
- đối với con người ác khẩu, từ bỏ nói ác khẩu...;
- đối với con người nói phù phiếm, từ bỏ nói phù phiếm...;
- đối với con người có tham dục, không tham dục...;
- đối với con người có sân tâm, không sân tâm...;
- đối với con người có tà kiến, chánh kiến...;
- đối với con người có tà tư duy, chánh tư duy...;

- *đối với con người có tà ngữ, chánh ngữ...;*
- *đối với con người có tà nghiệp, chánh nghiệp...;*
- *đối với con người có tà mạng, chánh mạng...;*
- *đối với con người có tà tinh tấn, chánh tinh tấn...;*
- *đối với con người có tà niệm, chánh niệm...;*
- *đối với con người có tà định, chánh định...;*
- *đối với con người có tà trí, chánh trí...;*
- *đối với con người có tà giải thoát, chánh giải thoát...;*
- *đối với con người bị hôn trầm thụy miên chi phối, không bị hôn trầm thụy miên chi phối...;*
- *đối với con người trạo hối, không trạo hối...;*
- *đối với con người nghi hoặc, không nghi hoặc...;*
- *đối với con người phẫn nộ, không phẫn nộ...;*

- đối với con người oán hận, không oán hận...;
- đối với con người hư nguy, không hư nguy...;
- đối với con người nã hại, không nã hại...;
- đối với con người tật đố, không tật đố...;
- đối với con người xan tham, không xan tham...;
- đối với con người man trá, không man trá...;
- đối với con người khi cuống, không khi cuống...;
- đối với con người ngoan cố, không ngoan cố... cấp tháo... mạn...;
- đối với con người quá mạn, không quá mạn...;
- đối với con người khó nói, dễ nói...;
- đối với con người ác hữu, thiện hữu...;
- đối với con người phóng dật, không phóng dật...;
- đối với con người bất tín, tín tâm...;
- đối với con người không xấu hổ, có xấu

hổ...;

- đối với con người không sợ hãi, có sợ hãi...;
- đối với con người nghe ít, nghe nhiều...;
- đối với con người biếng nhác, siêng năng...;
- đối với con người thất niệm, an trú niệm...;
- đối với con người liệt tuệ, thành tựu trí tuệ...;
- đối với con người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả, đưa đến hoàn toàn giải thoát.

Này Cunda, như vậy Ta đã giảng **PHÁP MÔN ĐOẠN GIẢM**, đã giảng **PHÁP MÔN KHỞI TÂM**, đã giảng **PHÁP MÔN ĐỐI TRỊ**, đã giảng **PHÁP MÔN HƯỞNG THUỘNG**, đã giảng **PHÁP MÔN GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN**.

Này Cunda, những gì bậc Đạo Sư phải làm, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng cho các Người. Này Cunda, đây là những gốc cây, đây là những nhà không tịnh. Này Cunda, hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn

của Ta cho các Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahacunda hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

76 Chỉ có mắt, chứ không có cảm thọ.. - Kinh TÔN GIẢ ÀNANDA – Tăng IV, 179

TÔN GIẢ ÀNANDA – Tăng IV, 179

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Tại đây, Tôn giả Ànanda bảo các Tỷ-kheo:

- Nay chư Hiền Tỷ-kheo.

- Vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

2. - Thật vi diệu thay, thưa các Hiền giả! Thật hi hữu thay, thưa các Hiền giả, như thế nào là con đường thoát ly, thoát khỏi sự trói buộc, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tùy giác để các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sâu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, giác ngộ Niết-bàn.

- Đây sẽ chỉ có **mắt**, chứ không có cảm thọ các sắc ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **tai**, chứ không có cảm thọ các tiếng ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **mũi** chứ không có cảm thọ các hương ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **lưỡi**, chứ không có cảm thọ các vị ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **thân**, chứ không có cảm thọ các xúc ấy và các xứ ấy.

3. Khi được nói vậy, Tôn giả Udàyi nói với Tôn giả Ānanda:

- Này Hiền giả Ānanda, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy **có tưởng hay không có tưởng?**

- Này Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy **có tưởng**, không phải không có tưởng.

Nhưng thưa Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy **tưởng cái gì?**

4. - Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chúng đạt và an trú **Không**

vô biên xứ. Nay Hiền giả, vị ấy có tướng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

5. Lại nữa, nay Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ.** Nay Hiền giả, vị ấy có tướng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

6. Lại nữa, nay Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ.** Nay Hiền giả, vị ấy có tướng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

7. Nay Hiền giả, một thời tôi sống ở Sàketa, rừng Anjanavana tại vườn nai. Rồi nay Hiền giả, có một Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha đến tôi, đảnh lễ tôi và đứng một bên. Đứng một bên, nay các Hiền giả, Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha thưa với tôi:

- Thưa Tôn giả Ànanda, Thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm, trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát, được vững chắc, nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Thưa Tôn giả Ànanda, *Thiền định này được Thế Tôn dạy, có quả gì?"*

Được nói vậy, này Hiền giả, tôi nói với Tỷ-kheo-ni ở Jatilagàha như sau: "- Thừa Chi, Thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm; trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo... Này Chi, Thiền định này được **chánh trí** là quả".

Thế Tôn nói như vậy, này Hiền giả, vị ấy có những tướng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

77 Chỉ có một vị là vị giải thoát - Kinh ATULA PAHÀRÀDA – Tăng III, 557

A-TU-LA PAHÀRÀDA – *Tăng III, 557*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi vua A-tu-la Pahàràda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với vua A-tu-la Pahàràda đang đứng một bên:

- *Này Paràhàda, có phải các A-tu-la thích thú biển lớn?*

- Bạch Thế Tôn, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- *Này Paràhàda, có bao nhiêu sự vi diệu trong biển lớn mà do chúng thấy, các A-tu-la thích thú biển lớn?*

- Bạch Thế Tôn, **có tám vi diệu chưa từng có trong biển lớn** mà do chúng thấy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

2. Bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng bạch Thế Tôn, vì rằng

biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lĩnh như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

3. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

4. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

5. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Vì rằng, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng ... trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn,

đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

6. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy. Vì rằng, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não, bạch Thế Tôn, đây là vi

diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loài chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là vì diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này?

- Nay Pahàrāda, Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này.

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vì diệu chưa từng có mà do thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này?

10. - Nay Pahàrāda, **có tám pháp vi diệu này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này.**

Thế nào là tám?

11. *Ví như, nay Pahàrāda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm.*

Cũng vậy, nay Pahàrāda, trong Pháp và Luật này, **các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể chấp chánh trí thành lình.** Nay Pahàrāda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể chấp chánh trí thành lình, nên nay Pahàrāda, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhất** do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

12. *Ví như, nay Pahàrāda, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ.*

Cũng vậy, nay Pahàrāda, **khi các học pháp được ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua.** Nay Pahàrāda, vì rằng các học pháp được ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của ta, dầu cho vì nhân sinh

mạng, cũng không vượt qua, nên này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

13. Ví như, này Pahàràda, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền.

Cũng vậy, này Pahàràda, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy.

Vì rằng, này Pahàràda, người ấy là ác giới, theo ác pháp, ... tánh tình bất tịnh ... và chúng Tăng sống xa vị ấy, nên này Pahàràda, trong pháp và luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

14. Ví như, này Pahàrāda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn.

Cũng vậy, này Pahàrāda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đa, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, ho từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và ho trở thành những Sa-môn Thích tử.

Này Pahàrāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

15. Ví như, này Pahàrāda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy.

Cũng vậy, này Pahàrāda, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy.

Này Pahàrāda, nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahàrāda,

trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

16. *Ví như, này Pahàrada, biển lớn chỉ có một vi măn.*

Cũng vậy, này Pahàrada, Pháp và Luật cũng chỉ có một vi là vi giải thoát.

Này Pahàrada, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

17. *Ví như, này Pahàrada, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não.*

Cũng vậy, này Pahàrada, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành.

Này Pahàrada, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ ..., Thánh đạo tám ngành,

nên này Pahàràdan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

18. Ví như, này Pahàràda, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần.

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này: bác Dư lưu, bác đã hướng đến chúng ngô Dư lưu quả, bác Nhất Lai, bác đã hướng đến chúng ngô Nhất lai quả, bác Bất lai, bác đã hướng đến chúng ngô Bất lai quả, bác A-la-hán, bác đã hướng đến chúng ngô quả A-la-hán.

Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này ... quả A-la-hán. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này Pahàràda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và luật và do thấy vậy, do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

78 Chỉ cần có 7 ngày - Kinh ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SU' TỬ HỒNG – 25 Trường II, 319

KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA SU' TỬ HỒNG – *Bài kinh số 25 – Trường II, 319*

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), núi Gijjhakùta (Kỳ-xà-quật). Lúc bấy giờ du sĩ Nigrodha (Ni-câu-đà) ở tại vườn của nữ hoàng Udumbarikà (Ưu-đàm-bà-la) dành cho du sĩ đoàn, cùng với đại hội chúng du sĩ, khoảng ba ngàn người.

Gia chủ Sandhana (Tán-đà-na), vào buổi chiều đi ra khỏi thành Vương Xá để yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Sandhana suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang an lặng tịnh cư. Cũng không phải thời để yết kiến chúng Tăng, vì chúng Tăng đang tu tập thiền định. Vậy ta hãy đi đến vườn của nữ hoàng Udumbarika dành cho du sĩ đoàn, để thăm du sĩ Nigrodha." Và gia chủ Sandhana đi đến vườn của nữ hoàng Undumbarika dành cho du sĩ đoàn để thăm du sĩ Nigrodha.

2. Lúc bấy giờ du sĩ Nigrodha đang ngồi với đại hội chúng du sĩ, tất cả đều ồn ào nói chuyện, cao giọng

lớn tiếng, bàn cãi về những phiếm luận vô ích, như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng thế giới, hiện trạng đại dương, câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu.

3. Du sĩ Nigrodha thấy gia chủ Sandhana từ đường xa đến, liền dẫn hội chúng của mình:

- Các Tôn giả hãy giữ im lặng, các Tôn giả chớ có làm ồn! Đệ tử Sa môn Gotama, gia chủ Sandhana đang đi đến. Trong hàng đệ tử Sa môn Gotama, các hàng cư sĩ, mặc áo trắng, trú tại Vương Xá, gia chủ Sandhana là một vị trong đoàn thể ấy. Các vị này ưa sự an tịnh, các vị này được huấn luyện trong sự an tịnh, các vị này tán thán sự an tịnh. Nếu được biết hội chúng này an tịnh, Sandhana có thể đến đây.

Khi nghe nói vậy, các vị du sĩ đều giữ yên lặng.

4. Rồi gia chủ Sandhana đến tại chỗ của du sĩ Nigrodha, khi đến nơi, nói lên những lời chúc tụng, viếng thăm xã giao rồi ngồi với du sĩ Nigrodha:

- Thật sự khác thay, khi các Tôn giả ngoại đạo, các du sĩ này hội họp lại, quy tụ lại, ồn ào, cao giọng lớn tiếng, họ sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện về vua chúa... câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Thật sai khác thay, Thế Tôn an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch, xa vắng, ít tiếng động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt người đời, thích hợp cho sự tĩnh tu.

5. Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha nói với gia chủ Sandhana:

- Gia chủ có biết không? Sa môn Gotama luận đàm với ai? Đối thoại với ai? Với ai đạt được tuệ trí? Trí tuệ của Sa môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa môn Gotama không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài. Cũng vậy, trí tuệ của Sa môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ. Sa môn Gotama không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến vấn đề ngoại biên. Nay gia chủ, nếu Sa môn Gotama đến tại hội chúng này, chỉ có một câu hỏi chúng tôi có thể chặn đứng ngay;

chúng tôi nghĩ, chúng tôi có thể lẫn tròn Sa môn Gotama như lẫn tròn một cái bình không.

6. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh hơn người, nghe được câu chuyện giữa gia chủ Sandhana với du sĩ Nigrodha. Rồi Thế Tôn từ núi Gijjhakùtà bước xuống, đi đến vườn nuôi dưỡng chim khổng tước, bên bờ sông Sumàgaghà, khi đến nơi liền đi qua lại giữa trời. Du sĩ Nigrodha thấy Thế Tôn đi qua lại giữa trời, tại vườn nuôi dưỡng chim khổng tước, trên bờ sông Sumàgadhà, khi thấy vậy liền dẫn dò hỏi chúng:

- Các Tôn giả hãy giữ im lặng; các Tôn giả chớ có làm ồn; Sa môn Gotama này đang đi lại giữa trời, tại vườn nuôi dưỡng chim khổng tước trên bờ sông Sumàgadhà. Vị tôn giả này ưa an tịnh, tán thán sự an tịnh, nếu biết được hội chúng này an tịnh, chúng tôi nghĩ, Sa môn Gotama có thể đến đây. Nếu Sa môn Gotama đến tại hội chúng này, chúng ta sẽ hỏi câu hỏi này: "Bạch Thế Tôn, Pháp gì là Pháp của Thế Tôn? Với Pháp nào Thế Tôn muốn dạy các đệ tử, với Pháp nào các đệ tử của Thế Tôn được huấn dạy, đạt đến tịnh lạc, và xác nhận là căn bản phạm hạnh?"

Khi được nói vậy, các vị du sĩ ấy giữ im lặng.

7. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đến tại chỗ du sĩ Nigrodha ở. Và du sĩ Nigrodha nói với Thế Tôn như sau:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến đây; xin đón mừng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, đã lâu Thế Tôn mới có dịp đến đây; bạch Thế Tôn, xin mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Du sĩ Nigrodha lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Nigrodha đang ngồi xuống một bên:

- Nay Nigrodha, Quý vị đang ngồi bàn luận vấn đề gì? Vấn đề gì đang nói giữa quý vị thì bị dừng lại?

Khi được nói vậy, du sĩ Nigrodha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con thấy Thế Tôn đang đi qua lại, tại vườn nuôi dưỡng chim khổng tước, trên bờ sông Sumagadha. Khi thấy vậy, chúng con nói: "Nếu Sa môn Gotama đến tại hội chúng này, chúng ta sẽ hỏi câu hỏi: "Bạch Thế Tôn, Pháp gì là Pháp của Thế Tôn? Với Pháp nào Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với Pháp nào các đệ tử Thế Tôn được huấn dạy, đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản phạm hạnh?" Bạch Thế Tôn, đó là vấn đề đang được bàn luận giữa chúng con, thì được dừng lại khi Thế Tôn đến.

- Nay Nigrodha, thật khó cho Người, khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu khác, theo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để hiểu được Pháp nào Ta

huấn dạy các đệ tử của Ta, đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản phạm hạnh.

Này Nigrodha, **hãy hỏi về tối thắng khổ hạnh theo truyền thống của Người: "Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu của khổ hạnh, thế nào là sự không thành tựu?"**

Khi nghe nói vậy, các Du sĩ ngoại đạo liền lớn tiếng, cao giọng la: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại thần lực và đại uy lực của Sa môn Gotama! Ngài không đề cập đến giáo lý của mình, lại đề nghị thảo luận giáo lý của người khác."*

8. Du sĩ Nigrodha bảo các du sĩ ấy im lặng rồi bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, chúng con sống thuyết giảng về khổ hạnh, xem khổ hạnh là căn bản, chấp trì khổ hạnh. Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu khổ hạnh? Thế nào là sự không thành tựu khổ hạnh?*

- Này Nigrodha, ở đây có người tu khổ hạnh, sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận lời mời đi ăn, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu,

không giận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống nước nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại nhà hay chỉ nhận ăn một miếng, chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị này chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, ăn nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các khác vải khác, mặc vải tấm liệm đã quăng đi, mặc vải phân tảo y, mặc vải vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhờ râu tóc, là người sống theo tập tục sống nhờ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, không ngồi, là người ngồi chỗ hỏ; sống theo hạnh ngồi chỗ hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông,

sống để bụi và nhóp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời; theo hạnh bạ đâu nằm đấy, sống ăn các uế vật; theo hạnh ăn các uế vật, sống không uống các nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm. **Này Nigrodha, Người nghĩ thế nào? Như vậy có phải là thành tựu các pháp khổ hạnh hay không thành tựu?**

- Bạch Thế Tôn, như vậy là thành tựu các pháp khổ hạnh, không phải không thành tựu.

- Này Nigrodha, sự thành tựu khổ hạnh như vậy, Ta nói rằng sẽ đưa đến nhiều loại cấu uế.

Này Nigrodha, ở đây một vị khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Nhờ tu khổ hạnh này, vị ấy hoan hỷ tâm tư thỏa mãn. Này Nigrodha, vị khổ hạnh do siêng tu khổ hạnh, phát sanh hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị này khen mình chê người. Này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy khen mình chê người. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này trở thành mê say, nhiễm trước, phóng dật. Này Nigrodha, vị tu hành khổ hạnh nào, nhờ khổ hạnh ấy mê say, nhiễm trước,

phóng dật. Nay Nigrodha, như vậy là câu uest cho người khổ hạnh.

10. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh. Do khổ hạnh này, được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng.

Do được cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn.

Này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào; do khổ hạnh ấy được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn. Nay Nigrodha, như vậy đó là câu uest cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh. Do khổ hạnh này, được cúng dường, cung kính, danh vọng.

Do được cúng dường cung kính, danh vọng, nên khen mình chê người.

Này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Do được cúng dường, cung kính, danh vọng.

Do được cúng dường, cung kính, danh vọng này, nên khen mình chê người. Nay Nigrodha, như vậy là câu uest cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh. Do khổ hạnh này, được cúng dường, cung kính, danh vọng.

Do được cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật.

Này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy được cúng dường, cung kính,

danh vọng. Do được cúng dường, cung kính, danh vọng này, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật.

Này Nigrodha, như vậy là câu ướ cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ

hạnh, phân biệt các thức ăn: "Món này thích hợp với ta, món này không thích hợp với ta." Đối với các thức ăn không thích hợp thì cố ý từ bỏ. Đối với các thức ăn thích hợp thì nắm giữ, tham đắm, chấp trước, không thấy các sự nguy hiểm, không phân biệt chúng là không giải thoát, thọ hưởng chúng...

Này Nigrodha, như vậy là câu ướ cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, nhân vì mong mỗi được cúng dường cung kính danh vọng, nghĩ rằng: "Các vua chúa sẽ cung kính ta, cũng vậy các vị đại thần, các vị Sát đế lỵ, các vị Bà la môn, các vị Gia chủ, các vị Giáo chủ các giáo phái". Này Nigrodha, như vậy là câu ướ cho người khổ hạnh.

11. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh chống báng một Sa môn hay Bà la môn khác như sau: "Người này sống ăn uống đủ mọi thứ. Như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh, nhai nghiền chúng tất cả với tầm sét không bánh xe được gọi là xương quai

hàm và người ta gọi vị ấy là một vị Sa môn... Đây Nigrodha, như vậy, là cầu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa này Nigrodha, vị khổ hạnh thấy một Sa môn hay Bà la môn được các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường. Thấy vậy vị ấy nghĩ rằng: "Các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường người sống ăn uống đủ mọi thứ. Các gia đình ấy không cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường ta, một người tu khổ hạnh. Do vậy sanh tật đố ganh ghét đối với các gia đình... Đây Nigrodha, như vậy là cầu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh trở thành người ngồi giữa công chúng. Đây Nigrodha, như vậy là cầu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh, khi đi giữa các gia đình (để khát thực) không cho người ta thấy mình: "Như vậy là khổ hạnh của ta, như vậy là khổ hạnh của ta."... Đây Nigrodha, như vậy là cầu uế cho người khổ hạnh.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh làm bộ có vẻ bí mật. Khi được hỏi: "Có chấp nhận việc này không?", tuy không chấp nhận nhưng trả lời: "Có chấp nhận"; tuy chấp nhận, nhưng trả lời: "Không chấp nhận." Như vậy, vị này cố tình nói láo... Đây Nigrodha, như vậy là cầu uế cho người khổ hạnh.

12. Lại nữa, này Nigrodha, khi Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp và dùng một phương pháp

đáng được chấp nhận thì người khổ hạnh không chấp nhận. Đây Nigrodha, như vậy là câu uest cho người khổ hạnh.

Lại nữa, đây Nigrodha, người khổ hạnh hay tức giận và ôm lòng oán thù. Đây Nigrodha, vì người khổ hạnh hay tức giận và ôm lòng oán thù. Đây Nigrodha, như vậy là câu uest cho người khổ hạnh. Lại nữa, đây Nigrodha, người khổ hạnh thường hay giả dối lừa đảo, tật đố và hà tiện, giao hoạt và nguy trá, cứng cỏi và quá mạn, có ác ý và bi ác ý chi phối, có tà kiến và tư tưởng cực đoan, chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu và khó giải thoát. Đây Nigrodha, vì một người khổ hạnh chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu và khó giải thoát. Đây Nigrodha, như vậy là câu uest cho người khổ hạnh.

Này Nigrodha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì những khổ hạnh có phải là câu uest hay không câu uest?

- Bạch Thế Tôn, những khổ hạnh như vậy thật là câu uest, không phải không câu uest. Sự tình này có thể xảy ra, có người khổ hạnh có đầy đủ tất cả sự câu uest trên, nói gì đến câu có câu uest này hay câu uest khác.

13. - Đây Nigrodha, ở đây người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Nhờ tu khổ hạnh này, vì vậy không hoan

hỷ, tâm tư không thỏa mãn. Nay Nigrodha người khổ hạnh, tu khổ hạnh này, vì khổ hạnh này, vì ấy không hoan hỷ, tâm tư không thỏa mãn. **Như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.**

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Nhờ tu khổ hạnh này, vị ấy không khen mình chê người... Như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Nhờ tu khổ hạnh này, vị ấy không mê say, không nhiễm trước, không phóng dật... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Nhờ tu khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không hoan hỷ; tâm tư không thỏa mãn. Nay Nigrodha, người khổ hạnh... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Do khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không khen mình chê người. Nay Nigrodha, người khổ hạnh... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Do khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không mê say, nhiệm trước, phóng dật. Này Nigrodha, người khổ hạnh... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh, không phân biệt các thức ăn: "Món này thích hợp với ta, món này không hợp với ta." Đối với các thức ăn không thích hợp, vị ấy không cố ý từ bỏ. Đối với các thức ăn thích hợp, vị ấy không nắm giữ, tham đắm, chấp trước, thấy các sự nguy hiểm, phân biệt chúng là không giải thoát, không thọ hưởng chúng. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh siêng tu khổ hạnh. Vị ấy không nghĩ rằng: "Vì mong mỗi được cúng dường, cung kính, danh vọng, các vua chúa sẽ cung kính ta; cũng vậy các vị đại thần, các vị Sát đế ly, các vị Bà la môn, các vị Gia chủ, các vị Giáo chủ các giáo phái." Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

14. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không chông bóng một vị Sa môn hay Bà la môn khác: "Người này sống ăn đủ mọi thứ. Như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ

đốt sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh, nhai nghiền chúng tất cả, với tầm sét không bánh xe được gọi là xương quai hàm. Và người ta gọi vị ấy là vị Sa môn. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh thấy một Sa môn hay Bà là môn được các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường. Thấy vậy, vị ấy không nghĩ rằng: "Các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường người sống ăn uống đủ mọi thứ. Các gia đình ấy không cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường ta, một người tu khổ hạnh." Do vậy vị ấy không sanh tật đố, ganh ghét đối với các gia đình. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không trở thành người ngồi giữa công chúng. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh, khi đi giữa các gia đình (để khát thực, không dấu điểm mà để cho người ta thấy mình: "Như vậy là khổ hạnh của ta, như vậy là khổ hạnh của ta." Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không làm bộ có vẻ bí mật. Khi được hỏi: "Có chấp nhận điều này không?" Nếu không chấp nhận thì trả lời: "Không chấp nhận."; nếu có chấp nhận thì trả lời: "Có chấp

nhận." Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

15. Lại nữa, này Nigrodha, khí Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp và dùng một phương pháp đáng được chấp nhận, thì vị khổ hạnh chấp nhận.

Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không tức giận và không ôm lòng oán thù. Này Nigrodha, vì người khổ hạnh không tức giận và không ôm lòng oán thù, như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không giả dối và lừa đảo, không tật đố và hà tiện, không giáo hoạt và nguy trá, không cứng cỏi và quá mạn, không có ác ý và bị ác ý chí phối, không có tà kiến và tư tưởng cực đoan, không chấp trước kinh nghiệm tự thân, không cứng đầu và khó giải thoát. Vì người khổ hạnh không chấp trước kinh nghiệm tự thân và không cứng đầu khó giải thoát, nên vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Này Nigrodha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh ấy là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì các khổ hạnh ấy là thanh tịnh, không phải phải không thanh

tịnh; các khổ hạnh ấy đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.

- Nay Nigrodha, những khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, **chúng chỉ mới đạt đến vỏ bên ngoài mà thôi.**
-

16. - *Bạch Thế Tôn, như thế nào các khổ hạnh đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản?*

Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp thay, nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của chúng con đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.

- Nay Nigrodha, ở đây, có vị khổ hạnh tu **bốn pháp chế ngự**. Và này Nigrodha, thế nào là bốn pháp chế ngự?

Này Nigrodha, vị khổ hạnh:

Không có tự sát sanh, không có bảo người khác sát sanh, không có tùy hỷ sát sanh;

Không có lấy của không cho, không có khiến người khác lấy của không cho, không có tùy hỷ lấy của không cho,

Không có nói láo, không có khiến người khác nói láo, không có tán thán nói láo;

Không có tham vọng dục tình, không có khiến người khác có tham vọng dục tình, không có tán thán tham vọng dục tình.

Như vậy, này Nigrodha người khổ hạnh ấy tu hành bốn pháp chế ngự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, vì ấy tiến lên, chớ không rơi xuống hạ phẩm.

Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như ngôi rừng, gốc cây, trên khe núi, trong hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, hay đồng rom. Sau khi ăn xong đi khát thực về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy **từ bỏ tham ái** ở đời, an trú với tâm thoát ly tham ái, gột sạch tâm hết tham ái

Từ bỏ sân tâm, an trú với tâm thoát ly sân tâm, khởi lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, gột sạch tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm thụy miên, an trú với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, tưởng niệm đến ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gột sạch tâm hết hôn trầm thụy miên.

Từ bỏ trạo hối, an trú tâm thoát ly trạo hối, nội tâm an tịnh, gột sạch tâm hết trạo hối.

Từ bỏ nghi hoặc, an trú với tâm thoát ly nghi ngờ, không còn nghi hoặc, gột sạch tâm không còn nghi ngờ đối với các thiện pháp.

17. Từ bỏ năm triền cái ấy, **với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm nhẹ,**

Vị ấy **an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy an trú với tâm câu hữu với bi...

Với tâm câu hữu với hỷ...

Biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Này Nigrodha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản.
- Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, **chỉ đạt đến ngoài vô thối**.

18. - *Bạch Thế Tôn, những khổ hạnh phải như thế nào mới đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Lành thay, nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của con đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản.*

- Nay Nigrodha, ở đây một vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Và như thế nào... như vậy, nay Nigrodha, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Nay Nigrodha, do vị khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh của vị ấy là như vậy, vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm.

Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng...

Từ bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú với tâm câu hữu với từ... quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy dẫn tâm hướng đến **Túc mạng minh**. Vị ấy nhớ đến các đời quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như

thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ ấy, ta được sanh ra ở đây." Như vậy vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Nigrodha, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, và đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.
- Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, chúng chỉ đạt đến phía **gỗ xung quanh lõi** mà thôi.

19. - *Bạch Thế Tôn, các khổ hạnh phải như thế nào mới đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của con đạt được tối thượng và đạt đến căn bản.*

- Này Nigrodha, ở đây vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Và thế nào... Như vậy, này Nigrodha, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự, Này Nigrodha, do vị khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, vị ấy tiến lên chứ không rơi xuống hạ phẩm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng... Tà bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú với tâm câu hữu với từ... Vị

ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy dẫn tâm hướng đến Túc mạng minh, vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... Như vậy vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Vị ấy với **Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.** Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phê phán các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, cõi Trời, trên đời này". Như vậy vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Nigrodha, Ngươi nghĩ thế nào? Nếu sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản.

- Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản.

- Này Nigrodha, như Ngươi hỏi Ta: "*Bạch Thế Tôn, Pháp gì là Pháp của Thế Tôn? Với Pháp nào, Thế Tôn muốn dạy các đệ tử? Với Pháp nào các đệ tử của Thế Tôn được huấn dạy, đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản phạm hạnh?*" Này Nigrodha, Ta nói rằng thật là một vấn đề cao thượng hơn và thuần nhất hơn mà Ta huấn dạy các đệ tử, đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản phạm hạnh.

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy lớn tiếng cao giọng ồn ào nói lớn:

- Ở đây, các Tôn sư của chúng hoàn toàn bất lực. Chúng ta không biết gì tốt hơn và cao hơn lời dạy của họ.

20. Khi gia chủ Sandhàna biết được: "*Nay các du sĩ ngoại đạo ấy đã bắt đầu nghe, đã bắt đầu để tai, đã bắt đầu chú tâm vào lời Thế Tôn dạy*", liền nói với du sĩ Nigrodha:

- Nay Tôn giả Nigrodha, Tôn giả nói với tôi như sau: "Gia chủ có biết không? Sa môn Gotama luận đàm với ai. Đối thoại với ai? Với ai đạt được tuệ trí? Trí tuệ của Sa môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa môn Gotama không giỏi để điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài. Cũng vậy, trí tuệ của Sa môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa môn Gotama không giỏi để điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Nay Gia chủ, nếu Sa môn Gotama đến tại hội chúng này, chỉ có một câu hỏi, chúng tôi có thể chặn đứng ngay; chúng tôi nghĩ chúng tôi có thể lăn tròn Sa môn Gotama như lăn tròn một cái bình không."

Nay Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác đã đến đây. Hãy nêu rõ Thế Tôn không thể điều khiển hội chúng, hãy chứng tỏ Thế Tôn như con bò một mắt, chỉ biết đi vòng xung quanh, với một câu hỏi, hãy chặn đứng Thế Tôn lại, và làm cho Thế Tôn lăn tròn, như Tôn giả nghĩ, như một cái bình không.

Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha ngồi im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, gục đầu, ưu tư, câm miệng.

21. Thế Tôn khi biết được du sĩ Nigrodha im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, gục đầu, ưu tư, câm miệng như vậy, liền nói với du sĩ Nigrodha:

- Nay Nigrodha, có phải Ngươi nói như vậy chăng?

- Bạch Thế Tôn, thật sự con có nói như vậy, thật là ngu ngốc, si ám và bất thiện.

- Nay Nigrodha, Ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có bao giờ nghe các vị du sĩ niên cao, trưởng thượng, bậc Tổ sư truyền thống nói như sau: "Các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, các vị Thế Tôn này khi nào hội họp lại, quy tụ lại, ồn ào, cao giọng, lớn tiếng, chung sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích, như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm... câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu, như Ngươi và Sư trưởng của Ngươi hiện nay đang làm? Hay là những bậc Thế Tôn ấy an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch, xa vắng, ít tiếng, ít động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt của người đời, thích hợp cho sự tĩnh tu, như hiện Ta đang sống chăng?

- Bạch Thế Tôn, con được nghe các vị du sĩ niên cao, trưởng thượng, bậc Tổ sư truyền thống nói như sau: "Các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong quá khứ, các vị Thế Tôn này khi nào hội họp lại, quy tụ lại, thời không ồn ào, cao giọng, lớn tiếng, chung sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích, như câu chuyện về vua chúa... câu chuyện về hiện hữu và

không hiện hữu", như con và Sư trưởng của con đang làm. Những bậc Thế Tôn ấy an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch, xa vắng, ít tiếng, ít động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt của người đời, thích hợp cho sự tĩnh tu, như hiện nay Thế Tôn đang sống.

- Nay Nigrodha, Người là bậc có trí và niên trưởng, có bao giờ Người suy nghĩ như sau:

"Đức Phật, **bậc Giác Ngộ**, thuyết giảng giáo pháp đưa đến giác ngộ;

Thế Tôn là **vị đã điều phục**, thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự điều phục;

Thế Tôn **bậc An Chi**, thuyết giảng giáo pháp đưa đến An Chi;

Thế Tôn là **bậc đến bờ bên kia**, thuyết giảng giáo pháp đưa đến bờ bên kia;

Thế Tôn **bậc Tịnh Lạc**, thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự tịnh lạc.

22. Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con đã phạm tội một cách ngu si, mờ ám, bất thiện, khi con nói về Thế Tôn như vậy. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp thuận cho tội ấy là phạm tội, để con ngăn ngừa về sau.

- Nay Nigrodha, thật sự Người đã phạm tội một cách ngu si, mờ ám, bất thiện, khi Người nói về Ta như vậy. Nay Nigrodha, **khi Người đã thấy phạm**

tội là phạm tội và phát lộ đúng với hành động, Ta chấp nhận tội của Người. Nay Nigrodha, như vậy là thông lệ giới luật của bậc Thánh, là ai thấy phạm tội là phạm tội và phát lộ đúng với hành động, thời tương lai sẽ được ngăn ngừa.

Này Nigrodha, Ta nói cho Người như sau: "**Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chân thực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp**".

Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ **tự biết mình** và chứng ngộ ngay trong hiện tại phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các Thiện nam tử, từ bỏ gia đình xuất gia tu đạo. Vị ấy cần có bảy năm.

Này Nigrodha, đâu cần phải bảy năm! Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các Thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, chỉ cần có sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm... chỉ cần bảy tháng, một tháng, nửa tháng.

Này Nigrodha, đâu cần có nửa tháng! Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn thực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại, phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử

từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy chỉ cần có bảy ngày.

23. Này Nigrodha, Ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa môn Gotama nói vậy là muốn có đệ tử." Này Nigrodha, Ngươi chớ có hiểu như vậy. Bôn sư Ngươi là ai, hãy giữ nguyên vị Bôn sư ấy cho Ngươi.

Này Nigrodha, Ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa môn Gotama nói vậy là muốn chúng tôi từ bỏ kinh tụng của chúng tôi." Này Nigrodha, Ngươi chớ có hiểu như vậy. Kinh tụng Ngươi là gì, hãy giữ nguyên kinh tụng ấy cho Ngươi.

Này Nigrodha, Ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa môn Gotama nói như vậy là muốn chúng tôi từ bỏ nghề sống của chúng tôi." Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy. Nghề sống của Ngươi là gì, hãy giữ nguyên nghề sống ấy cho Ngươi.

Này Nigrodha, Ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa môn Gotama nói vậy là muốn xác tín cho chúng tôi đối với các pháp bất thiện mà truyền thống Tổ sư chúng tôi đã xem là bất thiện." Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy. Những pháp bất thiện gì của Ngươi và được xem là bất thiện do Tổ sư truyền thống, hãy giữ chúng nguyên như cũ.

Này Nigrodha, Ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama nói vậy là muốn cho chúng tôi từ bỏ những thiện pháp mà truyền thống Tổ sư chúng tôi đã xem

là thiện pháp". Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy.
Những thiện pháp của Người và được xem là thiện
pháp do Tổ sư truyền thống, hãy giữ chúng nguyên
như cũ.

Này Nigrodha,

Ta nói vậy không phải vì muốn có đệ tử;

Ta nói vậy không phải vì muốn khiến các Người từ
bỏ các kinh tụng,

Ta nói vậy không phải vì muốn khiến các Người từ
bỏ nghề sống;

Ta nói vậy không phải vì muốn xác tín cho các
Người đối với các pháp bất thiện mà truyền thống
Tổ sư đã xem là bất thiện;

Ta nói vậy không phải vì muốn cho các Người từ
bỏ những thiện pháp mà truyền thống Tổ sư đã xem
là thiện pháp.

Và này Nigrodha, có những pháp bất thiện
không được từ bỏ, làm cho cấu uế, đưa đến tái
sanh, đem lại đau khổ, đưa lại quả khổ, đem lại
già, bệnh, chết trong tương lai. Những pháp ấy,
Ta thuyết giảng để diệt trừ chúng. Nếu các
Người thực hành đúng theo lời giảng dạy, thời
các pháp cấu uế của người được trừ diệt, các
pháp thanh tịnh được tăng trưởng, và các người
sẽ tự chứng biết, chứng ngộ, đạt đến an trú ngay
trong hiện tại, trí tuệ cụ túc, viên mãn.

24. Khi được nói vậy, các du sĩ ấy đều ngồi im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, cúi đầu, ưu tư, câm miệng, như tâm của họ bị Ma vương chi phối. Lúc bấy giờ, **Thế Tôn tự nghĩ:** "**Tất cả kẻ ngu si này bị ác ma xâm nhập, không có một ai có ý nghĩ: *"Hãy đến, chúng ta hãy sống đời sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama"*. Còn nói gì đến thời gian bảy ngày!"**

Rồi Thế Tôn rống tiếng rống con sư tử trong ngôi vườn của nữ hoàng Udumbarikà dành cho hàng du sĩ, bay trên hư không, và hạ xuống núi Kỳ xà quật. Còn gia chủ Sandhàna trở vào thành Vương Xá.

79 Chỉ là danh từ của thế gian - Kinh POTTHAPADA – 9 Trường I, 311

KINH POTTHAPADA – *Bài kinh số 9* – Trường I, 311

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Sàvatthi (Xá-vệ), rừng Jetavana (Kỳ viên), vườn Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapada (Bố-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của hoàng hậu Mallika (Mạt-lê-viên) tên là Ekasàlaka có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến.
2. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y cầm bát vào Sàvatthi khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khát thực tại Sàvatthi, Ta hãy đi đến vườn của hoàng hậu Mallika tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Potthapàda". Và Thế Tôn đi đến vườn của hoàng hậu Mallika, tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận về chánh kiến, tà kiến.
3. Lúc bấy giờ du sĩ ngoại đạo Potthapàda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ồn ào, la lối, lớn

tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần; câu chuyện về binh lính; các câu chuyện về hải hùng; câu chuyện về chiến tranh; câu chuyện về đồ ăn; câu chuyện về đồ uống; câu chuyện về đồ mặc; câu chuyện về giường nằm; câu chuyện về vòng hoa; câu chuyện về hương liệu; câu chuyện về bà con; câu chuyện về xe cộ; câu chuyện về làng xóm; câu chuyện về thị trấn; câu chuyện về thành phố; câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà; câu chuyện về đàn ông; câu chuyện về vị anh hùng; câu chuyện bên lề đường; câu chuyện tại chỗ lấy nước; câu chuyện về người đã chết; các câu chuyện tạp thoại; câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

4. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: "Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn. Nay Sa-môn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặng, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tĩnh, Ngài có thể ghé đến đây". Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

5. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Potthapàda. Và du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn: "Thiện lai Thế Tôn! Hoan nghênh Thế Tôn! Đã lâu Thế

Tôn không quá bộ đến đây. Mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn".

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Potthapàda đã ngồi một bên: "Này Potthapàda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận? Vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn?"

6. Khi nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận, bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, thuở xưa xưa lắm, nhiều vị Samôn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp, ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đề sự diệt tận các tầng thượng tướng. *"Này Tôn giả, tầng thượng tướng diệt tận như thế nào?"* Một vài vị trả lời: "Không nhân, không duyên, các tướng của con người sinh và diệt! Khi tướng sanh con người có tướng, khi tướng diệt con người không có tướng". Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, tướng là tự ngã của con người, chính tướng ấy đến và đi. Khi tướng ấy đến thì con người

có tướng, khi tướng ấy đi thì con người không có tướng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Vấn đề này, người khác lại nói như sau:

"Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Đây Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tướng nhập vào trong người và cũng kéo tướng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tướng nhập vào trong người, người ấy có tướng, khi kéo tướng ra ngoài, người ấy không có tướng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau:

"Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Đây Tôn giả, có những vị thiên thần có đại thần thông, có đại oai lực, chính những vị này khiến tướng nhập vào trong người và kéo tướng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tướng nhập vào trong người, người ấy có tướng, khi kéo tướng ra ngoài, người ấy không có tướng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng. **Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ con tướng niệm đến Thế Tôn:** "Mong Thế Tôn có mặt ở đây! Mong Thiện thế có mặt ở đây! Ngài rất tinh thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tầng thượng tướng". *Bạch Thế Tôn, sự diệt tận các tầng thượng tướng như thế nào?*

7. Nay Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Không nhân, không duyên, các tướng của con người sinh và diệt". Những vị này đã sai lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy? Nay Potthapàda, **chính vì có nhân, có duyên, các tướng của con người sinh và diệt.** Chính do sự học tập, một loại tướng sanh, chính do sự học tập, một loại tướng diệt.

Và Thế Tôn nói:

- **Sự học tập ấy là gì?** Nay Potthapàda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như kinh Sa-môn Quả số 40-43 trừ đoạn kết của mỗi đoạn) thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Nay Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ? Ở đây này Potthapàda, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật ... (như kinh Sa-môn Quả số 43-62)... như dùng ảo thuật để yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên... như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

8. Nay Potthapàda, và như vậy Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào

về phương diện hộ trì giới luật. Nay Potthapàda, như một Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, nay Potthapàda, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vì ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, nay Potthapàda, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

9. Nay Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Nay Potthapàda, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vì ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng.

Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Vì ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, nay Potthapàda, Tỷ-kheo hộ trì các căn... (Như kinh Sa-môn Quả số 65-74)...

10. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ.

Dục tưởng xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật do ly dục sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật, do ly dục sanh. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

11. Lại nữa, này Potthapàda, Tỷ-kheo diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú **thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. **Tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do ly dục sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh.** Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

12. "Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và trú **thiền thứ ba**. **Tưởng hỷ lạc chơn thật vi diệu do định sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi**

tướng xả lạc vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng xả lạc vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên và cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

13. Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ, ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiên thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy xả lạc chơn thật vi diệu xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

14. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi sắc tướng, với sự diệt trừ mọi chướng ngại tướng, với sự không tác ý đối với dục tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy sắc tướng xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do sự học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

15. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Thức là vô

biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy **tưởng** Không vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi **tưởng Thức vô biên xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

16. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy **tưởng** Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng Vô sở hữu xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Vô sở hữu xứ vi diệu chơn thật. **Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ.** Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

17. Lại nữa này Potthapàda, ***khi Tỷ-kheo ở nơi đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tưởng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tưởng". Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự***

diệt tận. Như vậy, này Potthapàda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tưởng.

18. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Trước đây người đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tưởng này không?

- Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời nói của Thế Tôn.

- Này Potthapàda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này, khi đứng tại tưởng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn **suy tưởng**, có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên. Vậy ta hãy đừng có suy tưởng". Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác cũng không khởi lên. Vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy này Potthapàda là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tưởng.

19. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tưởng tuyệt đỉnh hay nhiều tưởng tuyệt đỉnh?

- Này Potthapàda, **Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.**

- Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh?

- Nay Potthapàda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận (của một tướng) sau một tướng khác, vị ấy đạt tới nhiều tuyệt đỉnh sai khác, cái này tiếp theo cái kia cho đến tuyệt đỉnh cuối cùng mà Ta nói đến nhiều tướng tuyệt đỉnh. Nay Potthapàda như vậy Ta nói đến một tướng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tướng tuyệt đỉnh.

20. - *Bạch Thế Tôn, tướng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước tướng khởi sau; hay tướng và trí cùng khởi một lần không trước không sau?*

- Nay Potthapàda, **tướng khởi trước trí mới khởi sau, do tướng sanh, trí mới sanh**. Vị ấy tuệ tri: "Do duyên tướng, trí sanh ra nơi ta". Nay Potthapàda, với lời dạy này cần phải hiểu tướng sanh trước trí sanh sau, tướng sanh trí mới sanh.

21. - *Bạch Thế Tôn, tướng có phải là tự ngã của con người hay tướng khác, tự ngã khác?*

- Nay Potthapàda, người hiểu tự ngã như thế nào?

- *Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành, và do đoàn thực nuôi dưỡng.*

- Nay Potthapàda, **nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy này Potthapàda, tướng khác và tự ngã khác**. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu, tướng khác và tự ngã khác. Nay

Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tướng khác của người ấy khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

22. - *Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn.*

- Nay Potthapàda, *nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.* Nay Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tướng khác của người ấy khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

- *Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành.*

23. - Nay Potthapàda, *nếu tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành, với sự nhận thức này Potthapàda, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.* Nay Potthapàda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành, tuy vậy, một vài tướng khác của người khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

24. - *Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng "tưởng là tự ngã của người" hay "tưởng khác, tự ngã khác"?*

- Nay Potthapàda, thật khó cho người biết được "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì người có dị kiến, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác.

25. - *Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được "tưởng là tự ngã của con người", hay "tưởng khác, tự ngã khác" vì con có dị kiến khác, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác, thời bạch Thế Tôn, thế giới có phải là thường còn không? Chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời:** "Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới này là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: Thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

26. - *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng và thân thể là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thật, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Sinh mạng khác, thân thể khác. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

27. - *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Như Lai tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời:** "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

28. - *Bạch Thế Tôn, **vì sao Thế Tôn không trả lời?***

- Nay Potthapàda, **câu hỏi này không thuộc về đích giải thoát**, không thuộc về Pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí,

đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy, Ta không trả lời.

29. - *Bạch Thế Tôn, **vậy Thế Tôn trả lời những gì?***

- Này Potthapàda, **Ta trả lời: "Đây là khổ".**
Ta trả lời: "Đây là khổ tập". "Ta trả lời: "Đây là khổ diệt". Ta trả lời: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

30. - *Bạch Thế Tôn, **vì sao Thế Tôn trả lời?***

- Này Potthapàda, câu hỏi này thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta trả lời.

- Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài làm gì Ngài xem là phải làm.

Và Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Potthapàda và tuôn ra những lời nói mĩa mai gay gắt: "*Potthapàda này là như vậy, những gì Samôn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ như vậy là phải".* Chúng tôi không được biết Samôn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế

giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", "hay Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo
Potthapàda nói với các du sĩ ngoại đạo kia:

- Nay các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". **Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc.** Và khi một vị tuyên bố một phương pháp như thực, chân chánh, chân thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành?

32. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisàriputta và du sĩ ngoại đạo Potthapàda đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến nơi, Citta Hatthisàriputta đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Potthapàda, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung quanh con và tuôn ra những lời nói mĩa mai gay gắt: "Potthapàda này là như vậy. Những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải, Bạch Thiện Thệ như vậy là phải". Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn

đề sau đây: "Thế giới là thường con", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác" hay "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Nhu Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc. Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành?".

33. - Nay Potthapàda, **những du sĩ ngoại đạo ấy là mù, không có mắt, chỉ có người là người có mắt độc nhất giữa chúng.** Nay Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Nay Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

Nay Potthapàda, **những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát?**

"Thế giới là thường còn", nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là vô thường", nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình

bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là hữu biên", này Potthapàda... "Thế giới là vô biên", này Potthapàda... "Sinh mạng và thân thể là một", này Potthapàda... "Sinh mạng khác, thân thể khác", này Potthapàda... "N hư Lai có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda... "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda... "N hư Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda ... "N hư Lai không có tồn tại và cũng không không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy lại được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp này không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết- bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? "Đây là khổ", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ tập", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ

diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp ấy thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

34. Này Potthapàda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: **"Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh".**

Ta đến những vị ấy và hỏi: *"Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh".* Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải.

Ta nói: *"Chư Đại đức có sống và đã biết đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?"*. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

Ta nói với các vị ấy: *"Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay*

trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

Ta nói với các vị ấy: "*Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?*" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không?

Ta nói với các vị ấy: "*Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. "Này các vị, hãy cố gắng khéo thực hành. Này các vị hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thiết hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?*" Khi được hỏi vậy, các vị ấy không trả lời không.

Này Potthapàda, *ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Samôn, Bà-la-môn kia là không chánh xác hợp lý?*

35. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen

sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và ái luyến một người Ông không biết, Ông không thấy?"*** Được hỏi vậy vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

36. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh", Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự nhận cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp

nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không? Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc: "Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Samôn, Bà-la-môn kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, theo lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

37. - Này Potthapàda, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải, Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?"*** Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda người nghĩ thế nào? Sự

kiện là như vậy thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

38. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không? Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc". Nay các vị, hãy cố gắng thực hành! Nay các vị, hãy trực chứng một thế giới

hoàn toàn hạnh phúc. Nay các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc "không?" Khi được nói vậy, các vị ấy trả lời là không. Nay Potthapàda, người nghĩ như thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn, kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh đáng, hợp lý.

39. - Nay Potthapàda, **có ba loại ngã chấp**: **thô phù ngã chấp, ý sở thành ngã chấp, vô sắc ngã chấp.** Nay Potthapàda, thế nào là thô phù ngã chấp? Có sắc, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng là thô phù ngã chấp.

Thế nào ý sở thành ngã chấp? Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đầy đủ, là ý sở thành ngã chấp.

Thế nào là vô sắc ngã chấp? Không có sắc, do tưởng sở thành là vô sắc ngã chấp.

40. Nay Potthapàda, **Ta thuyết pháp để diệt thô phù ngã chấp.** Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ

tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Đây là Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

41. Đây là Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp.** Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Đây là Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Đây là Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, khi ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác là lạc trú sanh.

42. Đây là Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp.** Nếu các người thực hành theo pháp này, thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp

được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiệm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

43. Nay Potthapàda, **có những người ngoài hỏi chúng tôi**: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?"

Khi được chúng hỏi như vậy, chúng tôi trả lời "Này Hiền giả, chính thô phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này, thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

44. Nay Potthapàda, có những người ngoài hỏi:
"Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà
Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người
thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp này được
diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện
tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an
trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này
Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi
thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiết hành
theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh
pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình
giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ
sung mãn quảng đại".

45. Nay Potthapàda, có những người ngoài hỏi
chúng tôi: "Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì
mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các
người thiết hành theo pháp này thời nhiễm pháp
được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay
hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và
an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này
Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi
thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành
theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh
pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình

giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

46. Này Potthapàda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu, từ dưới chân lầu ấy. Người ấy được hỏi: "Này bạn, Ông xây cái thang để leo lên lầu, cái lầu ấy về hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây, hay hướng Bắc? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung bình? Nếu người ấy trả lời: "**Này Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo lên chính tại dưới chân lầu này**". Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp chăng?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

47. - Như vậy, này Potthapàda, và có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời niêm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?" Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy

mà chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

- Nay Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

48. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisàriputta bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Thô phù ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

Bạch Thế Tôn, trong khi sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Ý sở thành ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có ý sở thành ngã chấp? Vô sắc ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

49. - Nay Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp,

không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc
thô phù ngã chấp.

Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp,
thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp,
không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý
sở thành ngã chấp.

Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời
ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không
thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô
sắc ngã chấp.

Này Citta, *nếu có người hỏi Người: "Người
đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Người sẽ tồn tại
ở tương lai hay không? Người có tồn tại ở hiện tại
không?"* Này Citta, *được hỏi vậy, người trả lời như
thế nào?*

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con:

"Người đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Người
sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Người có tồn tại ở
hiện tại hay không?" Bạch Thế Tôn được hỏi vậy,
con sẽ trả lời: "Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không
phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không
phải không không tồn tại; tôi tồn tại ở hiện tại,
không phải không tồn tại". Bạch Thế Tôn, nếu được
hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

50. - Này Citta, nếu có người hỏi lại người: ***"Quá
khứ ngã chấp mà Người đã có, có phải ngã chấp
ấy đối với Người là thật có, ngã chấp tương lai,***

không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại?

Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại?

Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?"

Này Citta, được hỏi vậy, Ngươi trả lời thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Quá khứ ngã chấp mà Ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Quá khứ ngã chấp mà tôi đã có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Hiện tại ngã chấp mà tôi hiện có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp

trương lai không tồn tại". Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời như vậy.

51. - Như vậy này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Nay Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Nay Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

52. Nay Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thực tô, từ thực tô sanh ra đề hồ. **Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, không thuộc đề hồ, chính khi ấy thuộc sữa; khi thành lạc... khi thành sanh tô... khi thành thực tô... khi thành đề hồ thời đề hồ không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.**

53. Như vậy này Citta trong khi có thô phù ngã chấp... Nay Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Nay Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô

sắc ngã chấp. Nay Citta, **chúng chỉ là danh tự thế gian, ngôn ngữ thế gian, danh xưng thế gian, ký pháp thế gian. Như Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.**

54. Được nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

55. Và Citta Hatthisàriputta cũng bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và

quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

56. Citta Hatthisàriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisàriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa. Đại đức Citta Hatthisàriputta hiểu biết như vậy.

Và đại đức Citta Hatthisàriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

80 Chỉ là một âm thanh ở đời - Kinh MUDHURA – 84 Trung II, 549

KINH MUDHURA

– Bài kinh số 84 – Trung II, 549

Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) trú ở Madhura, tại rừng Gunda. Vua Madhura Avantiputta được nghe như sau: "Sa-môn Mahakaccana trú ở Madhura, tại rừng Gunda. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về Tôn giả Kaccana: *"Tôn giả là bậc Hiền giả, bậc Trí giả, thông minh, đa văn, nói năng lưu loát, nhà biện tài lão luyện, bậc trưởng thượng, bậc A-la-hán. Thật tốt lành thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy"*.

Rồi vua Madhura Avantiputta cho thắng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng và đi ra khỏi Madhura với uy vệ của bậc đại vương để yết kiến Tôn giả Mahakaccana. Vua đi xe cho đến chỗ còn có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Mahakaccana, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên,

vua Madhura Avantiputta thưa với Tôn giả Mahakaccana:

- Thưa Tôn giả Kaccana, các vị Bà-la-môn đã nói như sau: *"Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy; các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên. Ở đây, Tôn giả Kaccana đã nói gì?*
- Thưa Đại vương, **đây chỉ là một âm thanh ở đời** (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên". Đây chỉ là một pháp môn, với pháp môn này cần được hiểu như là một âm thanh ở đời. (Câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên".

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có người Khattiya (Sát-đế-lý) sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một vị Vessa (Tỳ-xá) hay người ấy có thể có một Sudda (Thủ-đà) là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Khattiya sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; người ấy cũng có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy

sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một vị Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có **một Vessa** sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành

*mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người,
lời nói kính ái?*

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Vessa sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc; người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một người Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có **người Sudda** sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác, là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?*

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Sudda sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác là người hầu hạ

trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng? Và ở đây Đại vương có ý nghĩ như thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Khattiya sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không,

*hay không phải thác sanh? Hay ở đây Đại vương
nghĩ thế nào?*

– Người Khattiya, thưa Tôn giả Kaccana, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay! lành thay, thưa Đại vương! Lành thay Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Bà-la-môn; ở đây, có người Vessa; ở đây, có người Sudda sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến sau khi thân hoại mạng chung, có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Sudda, thưa Tôn giả Kaccana, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác ngữ, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở

đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ như thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thưa tự Phạm thiên.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Khattiya từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này không, hay không thể thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

- Người Khattiya, thừa Tôn giả Kaccana, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mang chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.
- Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương. Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, ở đây nếu có vị Vessa, ở đây nếu có vị Sudda từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này hay không, hay không thể thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

- Người Sudda, thừa Tôn giả Kaccana, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại

mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy; và như vậy là điều tôi đã nghe các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào?

– Thật vậy thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... là thừa tự Phạm thiên.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, vì Khattiya đột nhập nhà cửa, cướp giết đồ đạc, hành động như kẻ cướp, phục kích các đường lớn hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy và dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn, hãy hình

phạt nó". Hay Đại vương đối xử người ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccana, chúng tôi sẽ chém giết người ấy, hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, chúng tôi sẽ tẩn xuất người ấy hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. **Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Khattiya mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.**

– *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, người Bà-la-môn; ở đây, người Vessa; ở đây, người Sudda đột nhập nhà cửa, hay cướp giết đồ đạc, hay hành động kẻ cướp, hay phục kích các đường lớn, hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy, dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn hãy hình phạt nó". Hay Đại vương đối xử với nó như thế nào?*

– Thưa Tôn giả Kaccana, chúng tôi sẽ chém giết người ấy hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, hay chúng tôi sẽ tẩn xuất người ấy, hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Sudda mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng

đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ gì?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên).... là thừa tự Phạm thiên".

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, vị Khattiya, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, chỉ ăn một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccana, tôi sẽ đánh lễ hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Khattiya mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

– *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, người Bà-la-môn, ở đây người Vessa, ở đây người Sudda sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát*

sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccana, tôi sẽ đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng, như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ, hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Sudda, mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và Đại vương, ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng, chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không phải như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của

Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên".

Khi được nói vậy, vua Madhura Avantiputta thưa với Tôn giả Mahakaccana:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccana! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccana! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccana dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Tôn giả Kaccana, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Kaccana nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
- Thưa Đại vương, Đại vương chớ có quy y tôi, Đại vương hãy quy y Thế Tôn, chính tôi đã quy y Thế Tôn.
- Thưa Tôn giả Kaccana, nay bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu?
- **Bậc Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nay đã nhập Niết-bàn rồi, thưa Đại vương.**
- Thưa Tôn giả Kaccana, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa mười yojana (do tuần), chúng tôi sẽ đi mười yojana để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Kaccana, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa hai mươi yojana,

ba mươi yojana, bốn mươi yojana, năm mươi yojana, chúng tôi sẽ đi năm mươi yojana, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Kaccana, vì rằng Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi, chúng tôi xin quy y Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ấy, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Kaccana nhận con làm Cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

81 Chỉ nhìn một cách thân nhiên - Kinh ĐÁNG GHÊ TỎM – Tăng I, 224

ĐÁNG GHÊ TỎM – Tăng I, 224

1. Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Có hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường.
- Có hạng người, cần phải nhìn một cách thân nhiên, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường.
- Có hạng người, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **ác giới**, tính tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng hiện tướng là Sa-môn, không sống Phạm hạnh,

nhưng hiện tượng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy những tham dục, tánh tình bất tịnh.

- Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Vì rằng, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy, nhưng tiếng xấu được đồn xa về người ấy là có bạn ác, có bằng hữu ác, tôn sùng kẻ ác.
- *Ví như, này các Tỷ-kheo, một con rắn đi vào trong đống phân, dầu nó không cắn ai, nhưng cũng bị (đống phân) làm cho ô uế.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy nhưng tiếng xấu được đồn xa về người ấy là có bạn ác, có bằng hữu ác, tôn sùng kẻ ác.
- Cho nên, hạng người như vậy đáng ghê tởm, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường.

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cần phải nhìn một cách thận trọng, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **phẫn nộ**, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít, cũng

tức tối, phần nộ, sân hận, sùng sộ, hiện rõ phần nộ, sân hận và bực tức.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, một vết thương làm mủ, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời chảy mủ ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phần nộ.....và bực tức.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, một que lửa bằng gỗ tindukà, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời xẹt lửa xẹt khói ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ...
- Ví như, này các Tỷ-kheo, một hố phân được cây gậy hay mảnh sành quậy vào, thời mùi hôi thối lại càng nhiều hơn.
- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phần nộ..... và bực tức. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nhìn với cặp mắt坦然 nhiên, không nên gằn gỏi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Vì nghĩ rằng: "Người ấy có thể nhục mạ ta. Người ấy có thể chửi mắng ta. Người ấy có thể làm hại ta."
- Cho nên, hạng người như vậy cần phải nhìn một cách坦然 nhiên, không nên gằn gỏi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường.

4. *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **giữ giới, tánh tình hiền thiện**.
- Người như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Vì rằng, dầu không thuận theo chút nào tri kiến của người như vậy, nhưng tiếng tốt được đồn xa về người ấy là có bạn lành, là có bằng hữu, là tôn sùng kẻ lành.
- Cho nên, hạng người như vậy, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

*Người gần kẻ hạ liệt,
Rồi cũng bị hạ liệt,
Thân cận người đồng đẳng,
Được khỏi bị thối đọa,
Ai gần bậc thù thắng,
Mau chóng được thăng tấn
Do vậy hãy sống chung,
Bậc ưu thắng hơn mình!*

82 Chỉ trong đạo Phật mới có - 10 chánh đạo - Kinh CÁC PHÁP THANH TỊNH – Tăng IV, 564

CÁC PHÁP THANH TỊNH – *Tăng IV, 564*

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, **chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ**. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, chỉ có trong Luật, của bậc Thiện Thệ.

PHÁP CHƯA KHỎI – *Tăng IV, 564*

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, **chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ**. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thánh.

PHÁP CÓ QUẢ LỚN – Tăng IV, 565

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ.

CỨU CÁNH NHIẾP PHỤC THAM – Tăng IV, 565

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

NHẤT HƯỚNG NHÀM CHÁN – *Tăng IV, 566*

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng

trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

ĐƯỢC TU TẬP 1 – Tăng IV, 566

1.- Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, chưa khởi lên, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, chưa được khởi lên, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ.

ĐƯỢC TU TẬP 2 – Tăng IV, 566

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười:

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

3. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

ĐƯỢC TU TẬP 3 – Tạng IV, 567

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ.

ĐƯỢC TU TẬP 4 – Tăng IV, 567

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

83 Chỉ trong đạo Phật mới có - 4 Thánh quả - Kinh VI SAMÔN – Tăng II, 269

VI SAMÔN – Tăng II, 269

1.- **Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, các Thầy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.**

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ nhất?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là **bạc dục lưu**, không bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn hướng đến giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, người này là Sa-môn thứ nhất.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, do làm cho nhẹ bớt tham và sân, là **bạc Nhất Lai**, còn đi lại thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ hai.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh tại đây, chứng Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ ba.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ tư?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, tự mình với thắng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ tư.

Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, các Thầy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.

84 Chỉ trong đạo Phật mới có - 4 Thánh quả - TIỂU KINH SU' TỬ HỒNG – 11 Trung I, 151

TIỂU KINH SU' TỬ HỒNG
(**Culasihanada sutam**)
– Bài kinh số 11 – *Trung I*, 151

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn,

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau:

– Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, các Ông hãy

chân chánh rỗng tiếng rỗng sư tử như vậy.

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra khi ở đây những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Tôn giả có tin tưởng gì, có sức lực gì mà chư Tôn giả tuyên bố: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn"?

Này các Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư Hiền, vì chúng tôi **tự chánh kiến bốn pháp**, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai; Sa-môn thứ ba; Sa-môn thứ tư". Thế nào là bốn? Chư Hiền, chúng tôi **có lòng tin bậc Đạo Sư, có lòng tin Pháp, có sự thành tựu viên mãn các Giới luật, và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến**. Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là Sa-môn... Sa-môn thứ tư".

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Hiền, chúng tôi cũng có lòng tin bậc Đạo Sư, vị ấy là Đạo Sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin Pháp, Pháp ấy là Pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các Giới luật, những Giới luật ấy là Giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư Hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù gì, có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng tôi?".

Chư Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau:

- "Chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là đa diện?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh là một, cứu cánh không phải đa diện"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có tham, hay cho người không tham?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời:- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có sân, hay cho người không sân?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền,

cứu cánh ấy **cho người không sân**, không phải cho người có sân"

- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si? Nếu trả lời đúng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy **cho người không si**, không phải cho người có si"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có ái, hay cho người không ái?" Nếu trả lời đúng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho **người không ái**, không phải cho người có ái"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có chấp thủ, hay cho người không chấp thủ?" Nếu trả lời đúng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người **không chấp thủ**, không phải cho người chấp thủ".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có trí, hay cho người không có trí?" Nếu trả lời đúng đắn... phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho **người có trí**, không phải cho người không có trí".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người thuận ứng, nghịch ứng hay cho người không thuận ứng, không nghịch ứng?" Nếu trả lời đúng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho **người không thuận ứng, không nghịch ứng**, không phải cho người thuận ứng, nghịch ứng".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người ưa hý luận, thích hý luận hay cho người không ưa hý luận,

không thích hý luận?" Nếu trả lời đúng đắn, các Du sĩ ngoại đạo cần phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người **không ưa hý luận, không thích hý luận**, không phải cho người ưa hý luận, thích hý luận".

Chư Tỷ-kheo, có hai loại tri kiến này: **hữu kiến và phi hữu kiến**.

- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại đối với phi hữu kiến.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước phi hữu kiến, thân thiết phi hữu kiến, cố chấp phi hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào **không như thật tuệ tri** sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của chúng, **những vị này là những vị có tham**, có sân, có si, có ái, có chấp thủ, không có trí, có thuận ứng, có nghịch ứng, có ưa hý luận, có thích hý luận; những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ.

- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào **như thật tuệ tri** sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của chúng; **những vị này là những vị không tham**, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không có thuận ứng, không có nghịch ứng, không ưa hý luận, thích hý luận; những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

Chư Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? **Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.**

- Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy **không như thật tuệ tri ba sự**. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ.

- Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luân thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy **không như thật tuệ tri hai sự**. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chọn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ; nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luân thủ.
- Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chọn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luân thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy **không như thật tuệ tri một sự**. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luân

thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với những pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng, không dẫn đến tịch tịnh, không được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

Và này chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tự xưng liễu tri tất cả thủ, chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Như Lai hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cầm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong một pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự

thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, có hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

- Chư Tỷ-kheo, bốn loại chấp thủ này, lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy **ái** làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy **thọ** làm duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy **xúc** làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy **sáu nhập** làm duyên... lấy sáu nhập làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy **danh sắc** làm duyên... lấy danh sắc làm

nhân.

- Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy **thức** làm duyên... lấy thức làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy **hành** làm duyên... lấy hành làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy **vô minh** làm duyên... lấy vô minh làm nhân.

Và Chư Tỷ-kheo, **khi một Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh sanh khởi, vị ấy do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiến thủ, không chấp thủ giới cấm thủ, không chấp thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không tháo động. Nhờ không tháo động, nên tư thân chứng được Niết-bàn; vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

85 Chỉ trong đạo Phật mới có - 8 chánh đạo - Kinh Sanh Khởi 2 – Tương V, 29

Sanh Khởi 1 – Tương V, 28

1) Ở Sàvatthi...

2) -- Có tám pháp này được tu tập, được làm cho viên mãn, chưa được sanh khởi, có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

3) Thế nào là tám? Tức là **chánh tri kiến... chánh định**. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

Sanh Khởi 2 – Tương V, 29

1) Ở Sàvatthi...

2) -- Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

3) Thế nào là tám? Tức là **chánh tri kiến... chánh định**. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, nếu chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

86 Chỉ trích - Muốn chỉ trích người khác cần an trú tâm 5 pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

**Này các Hiền giả, năm pháp nội tâm một vị Tỷ
kheo cần phải có nếu muốn chỉ trích một vị
khác:**

"Tôi nói đúng thời, không phải phi thời.
Tôi nói đúng sự thật, không sai sự thật.
Tôi nói một cách từ tốn, không nói lời ác khẩu.
Tôi nói lời có lợi ích, không nói lời không có lợi
ích.

Tôi nói lời có lòng từ, không phải lời sân hận".
Này các Hiền giả, như vậy là năm pháp nội tâm một
vị Tỷ kheo cần phải có, nếu muốn chỉ trích một vị
khác.

87 Chỉ trích, phê bình - Kinh CÁC SỨC MẠNH – Tăng I, 102

CÁC SỨC MẠNH – Tăng I, 102

1. *Có hai sức mạnh, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?*

- *Sức mạnh tư sát*
- *Và sức mạnh tu tập.*

➡ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tư sát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tư sát như sau: "Với thân làm ác, quả dị thực là ác, ngay hiện tại và trong đời sau. Với miệng nói ác, quả dị thực là ác, ngay hiện tại và trong đời sau. Với ý nghĩ ác, quả dị thực là ác, ngay hiện tại và trong đời sau".

Vị ấy, tư sát như vậy, từ bỏ thân làm ác, tu tập thân làm thiện, từ bỏ miệng nói ác, tu tập miệng nói thiện, từ bỏ ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ thiện, tự xử sự thật thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tư sát.

➡ Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là sức mạnh tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, sức mạnh tu tập là sức mạnh của người hữu học. Do sức mạnh tu học, vị ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si. Sau khi từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, vị ấy không làm các điều bất thiện,

không phục vụ các điều ác. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh.

2. Có hai sức mạnh, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- *Sức mạnh tư sát*
- *Và sức mạnh tu tập.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tư sát? ... (như trên) ... Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tư sát.

☞ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.
- Tu tập Trạch pháp giác chi ... tu tập Tinh tấn giác chi ... tu tập Hỷ giác chi ... tu tập Khinh an giác chi ... tu tập Định giác chi ... tu tập Xả giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh.

3. Nay các Tỷ-kheo, có hai sức mạnh....(như số 1 ở trên)...

➔ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo *ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiền*, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.
- Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc xả niệm thanh tịnh.

Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, nay các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh.

4. *Có hai cách thuyết pháp này của Như Lai, nay các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?*

- *Lược thuyết*
- *Và rộng thuyết.*

Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai cách thuyết pháp của Như Lai.

5. Trong bất cứ tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, không có tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tránh tụng ấy được chờ đợi là sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống không được an lạc.

Và trong bất cứ cuộc tránh tụng nào, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, có tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tránh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là không đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống được an lạc.

➡ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, khéo tự mình quán sát lấy mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội quán sát như sau:

- "Ta phạm một tội bất thiện về thân. Tỷ-kheo ấy đã thấy ta phạm tội bất thiện về thân.
- Nếu ta không phạm tội bất thiện về thân, Tỷ-kheo ấy sẽ không thấy ta phạm tội bất thiện về thân.

- *Do vì ta có phạm tội bất thiện về thân, do vậy Tỷ-kheo ấy thấy ta có phạm tội bất thiện về thân. Tỷ-kheo ấy không được hoan hỷ.*
- *Vì không hoan hỷ, Tỷ-kheo ấy nói với ta lời không hoan hỷ.*
- *Vì ta bị Tỷ-kheo ấy nói lời không hoan hỷ, nên ta không hoan hỷ.*
- *Do ta không hoan hỷ, ta nói cho các người khác biết. Như vậy, ở đây tội phạm chính phục ta như trong trường hợp người phải trả thuế hàng hóa của mình".*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội khéo tự mình quán sát lấy mình.

➔ Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, khéo tự mình quán sát lấy mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội quán sát như sau:

- *"Tỷ-kheo này đã phạm một tội bất thiện về thân. Ta đã thấy Tỷ-kheo ấy phạm một tội bất thiện về thân.*
- *Nếu Tỷ-kheo này không phạm tội bất thiện về thân, thời ta đã không thấy Tỷ-kheo này phạm tội bất thiện về thân.*

- *Do vì Tỷ-kheo này có phạm tội bất thiện về thân, do vậy Ta đã thấy Tỷ-kheo này phạm tội bất thiện về thân.*
- *Và sau khi thấy Tỷ-kheo này phạm tội bất thiện về thân, ta không hoan hỷ.*
- *Do ta không hoan hỷ, ta nói cho Tỷ-kheo này biết lời không hoan hỷ.*
- *Tỷ-kheo này bị ta nói lời không hoan hỷ, nên không hoan hỷ.*
- *Vì không hoan hỷ, Vị ấy nói cho các người khác biết: Như vậy, ở đây tội phạm chính phục ta, như trong trường hợp người phải trả thuế hàng hóa của mình".*

Như vậy, Tỷ-kheo buộc tội khéo tự mình quán sát lấy mình.

- ☐ Trong bất cứ tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, không tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tránh tụng ấy được chờ đợi là sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống không được an lạc.
- ☐ Và trong bất cứ tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, có tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tránh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ

không đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống được an lạc.

6. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

☞ *Do nhân phi pháp hành và bất bình đẳng hành*, này Bà-la-môn, như vậy ở đây, một số các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!

- Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này?

☞ *Do nhân pháp hành và bình đẳng hành*, này Bà-la-môn, như vậy ở đây, một số các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi Thiện, cõi Trời, cõi đời này.

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng

lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng! Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

7. Rồi Bà-la-môn Jànuṣsoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànuṣsoni bạch Thế Tôn:

- Do nhân gì, thừa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

☞ **Do vì có làm**, này Bà-la-môn, **do vì không làm**.
Như vậy, ở đây một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!

- Do nhân gì, thừa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này?

☞ **Do vì có làm**, này Bà-la-môn, **do vì không làm**.
Như vậy, ở đây một số chúng sanh sau khi thân
hoại mạng chung, sanh vào cõi Thiện, cõi Trời,
cõi đời này.

- Thừa Tôn giả Gotama, lời nói vẫn tắt không giảng
rộng của Tôn giả Gotama, con không được hiểu ý
nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả
Gotama thuyết pháp cho con để con có thể hiểu ý
nghĩa một cách rộng rãi lời nói vẫn tắt không giảng
rộng của Tôn giả Gotama.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ
nói.

Bà-la-môn Jànussoni vâng đáp Thế Tôn:

- Thừa vâng, Tôn giả.

Thế Tôn nói như sau:

- Ở đây, này Bà-la-môn, có người **thân làm ác, thân
không làm thiện, miệng nói ác, miệng không nói
thiện, ý nghĩ ác, ý nghĩ không thiện**. Như vậy, này
Bà-la-môn, do làm và do không làm là như vậy, ở
đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng
chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Lại ở đây, này Bà-la-môn, có một số chúng sanh **thân
làm thiện, thân không làm ác, miệng nói thiện, miệng
không nói ác, ý nghĩ thiện, ý nghĩ không ác**. Như vậy,
này Bà-la-môn, do làm và do không làm là như vậy,

ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

8. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn , sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda đang ngồi xuống một bên:

☰ *Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng, này Ànanda, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm.*

- Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm. Nếu làm những điều không nên làm ấy, thời có những nguy hại gì được chờ đợi?

- Vì rằng này Ànanda, Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm. *Nếu làm những điều không nên làm ấy, thời có những nguy hại như sau được chờ đợi:*

- *Tự mình chê trách mình;*
- *Sau khi được biết, kẻ trí chê trách,*
- *Tiếng ác đồn xa,*

- Bị mê ám khi mạng chung;
- Sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Vì thế, này Ànanda, Ta đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm. Nếu làm những điều không nên làm ấy, thời có những nguy hại như vậy được chờ đợi.

☰ Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng, này Ànanda, thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm.

- Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng, thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy, thời có những lợi ích gì được chờ đợi?

- Vì rằng này Ànanda, Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng, thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. *Nếu làm những điều nên làm ấy, thời có những lợi ích như sau được chờ đợi:*

- Tự mình không chê trách mình;
- Sau khi được biết, kẻ trí tán thán,
- Tiếng lành đồn xa,
- Không bị mê ám khi mạng chung;

- *Sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này.*

Vì thế, này Ànanda, Ta đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng, thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy, thời có những lợi ích như vậy được chờ đợi.

9. **Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện.**

- Này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện có thể làm được. Nếu từ bỏ bất thiện không thể làm được thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện".
- Vì rằng, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện có thể làm được, do vậy Ta mới nói rằng: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện".
- *Và nếu, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thời Ta không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện".*
- Và này các Tỷ-kheo, vì từ bỏ bất thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc, nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện".

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện.

- Này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thể làm được.

- Nếu tu tập thiện không thể làm được, này các Tỷ-kheo, thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện".
- Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thể làm được, do vậy Ta mới nói rằng: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện".
- Và nếu, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện".
- Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc, nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện".

10. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự hỗn loạn (mê mờ) và **biến mất của diệu pháp**. Thế nào là hai?

- Văn cú bị đảo ngược, và ý nghĩ bị hiểu lầm.
- Nếu văn cú bị đảo ngược thời ý nghĩ bị hiểu lầm.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến sự hỗn loạn và biến mất của diệu pháp.

11. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến an trú, không biến loạn, **không biến mất của diệu pháp**. Thế nào là hai?

- *Văn cú phối trí chơn chánh và ý nghĩa được hiểu chơn chánh.*
- *Nếu văn cú được phối trí chơn chánh, thời ý nghĩa được hiểu chơn chánh.*

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến an trú, không hỗn loạn, không biến mất của diệu pháp.

88 Chỉ được Ta biết mà thôi - Kinh THIÊN SÚ – 130 Trung III, 425

KINH THIÊN SÚ (Devaduta sutta)

– Bài kinh số 130 – Trung III, 425

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– *Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa; ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Ta với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, thấy các chúng hữu tình chết đi sanh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp trai, xấu hình, thiện thú, ác thú, tùy theo hạnh nghiệp của họ:**

- "Các bậc hữu tình này do thành tựu **thân** thiện hành, **khẩu** thiện hành, **ý** thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sinh vào thiên thú, Thiên giới, ở đời này.
- Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sinh ra giữa loài Ngươi.
- Còn các hữu tình, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với tà kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào cõi nga quỹ (pettivisaya).
- Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp tà kiến, các hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào các loại bàng sanh.
- Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành... (như trên)... Sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, Địa

nguc".

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục, sau khi bắt giữ người ấy với nhiều cánh tay, dẫn người ấy đến trước vua Yama (và thưa):

"- Tâu Đại vương, người này không có từ tâm, không xứng là Sa-môn, không xứng là Bà-la-môn, không kính trọng các vị lớn tuổi trong gia đình. Đại vương hãy trừng phạt nó!

➔ Này các Tỷ-kheo, vua Yama, chất vấn người ấy, cật vấn, thẩm vấn người ấy về **Thiên sứ thứ nhất**: "Này người kia, Ngươi có thấy Thiên sứ thứ nhất đã hiện ra giữa loài Người không?"

– Người ấy nói: "Thưa Ngài, không thấy".

– Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người có đứa con nít nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, nằm rơi vào giữa phân và nước tiểu của nó hay không?"

– Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".

– Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "*Này người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ:*

"Ta bị sanh chi phối, ta không thoát khỏi sanh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".
- ➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn và thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ nhất, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về **Thiên sứ thứ hai**: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không?"
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người

kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, **già yếu**, cong như nóc nhà, lưng còm, chống gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sới, da nhăn, run rẩy, với tay chân bạc màu?"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác

nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo sự làm ấy".

- ➔ Nay các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ hai, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về **Thiên sứ thứ ba**: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không?"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài không thấy".
 - Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông **bị bệnh** hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng rơi nằm vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?"
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
 - Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". "
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
 - Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người

ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn thăm vấn người kia về Thiên giới thứ ba, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thăm vấn về chư **Thiên thứ tư**: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người Thiên sứ thứ tư hiện ra không?"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... (như trên)... họ lấy gươm chặt đầu".

- Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác, ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý".
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn họ sẽ làm cho Người, này người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".
- ➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thăm vấn người kia về Thiên giới thứ tư, vua Yama mới

chất vấn, cật vấn, thăm vấn về **Thiên giới thứ năm**: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người Thiên sư thứ năm hiện ra không?"

- "Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sung phồng lên, xanh xám lại, rữa nát ra?"
- Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị chết chi phôi, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý".
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện, về thân, khẩu ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh

làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính là Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

- ❖ Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi chắt vắn, cật vắn, thăm vắn, người ấy về Thiên sứ thứ năm, vua Yama giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (Pancavidhabandhanam), họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực, Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. **Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.**

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh

chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ.. chưa tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đơn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung

cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng vào Đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt mái sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, chảy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỷ-kheo, từ tường phía Đông của Đại địa ngục ấy, những ngọn lửa bùng cháy lên được thổi tạt đến tường phía Tây. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Tây được thổi tạt đến tường phía Đông. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Bắc được thổi tạt đến tường phía Nam. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Nam được thổi tạt đến tường phía Bắc. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Dưới, được thổi tạt lên phía Trên. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Trên, được thổi tạt xuống phía Dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, **rồi có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông của Đại địa ngục được mở ra.** Người

ấy chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Nay các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Tây được mở... (như trên)... cửa phía Bắc được mở... (như trên)... cửa phía Nam được mở. Người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Nay các Tỷ-kheo, dầu cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi các ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông được mở ra, người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ... (như trên)... sự trốn thoát của người ấy là như vậy.

Người ấy đi ra khỏi cửa Địa ngục ấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục là Đại Phấn ni Địa ngục (Guthaniraya). Người ấy rơi vào Địa ngục này. Này các Tỷ-kheo, tại Phấn ni Địa ngục ấy, các chúng sanh với miệng như mũi kim cắt đứt da ngoài; sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong; sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt; sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân; sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương; sau khi cắt đứt xương, chúng cắt đứt xương tủy. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục Phấn ni ấy là Đại địa ngục Nhiệt khô (Than hùṅg-Kukkulaniraya). Người ấy rơi vào ở đây. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục Nhiệt khô là Đại Châm thọ lâm (Sambalivanam) cao một do tuần, với những gai nhọn dài mười sáu ngón tay, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Họ

bắt người ấy leo lên, leo xuống. Ở đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Châm thọ lâm là Đại Kiểm điệp lâm (Rùng lá gươm-Asipattavanta). Người ấy vào trong ấy. Ở đây, các lá cây, do gió lay động, cắt đứt tay của người ấy, cắt đứt chân, cắt đứt tay chân, cắt đứt tai, cắt đứt mũi, cắt đứt tai mũi. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Kiểm điệp lâm là Đại Khôi hà (Sông vôi-Kharodakanadi). Người ấy rơi vào trong ấy. Tại đây người ấy bị trôi thuận theo dòng nước, người ấy bị trôi ngược lại dòng nước người ấy trôi thuận theo, ngược lại dòng nước. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung, cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ Địa ngục, **câu người ấy lên với móc câu**, đặt người ấy

trên đất và nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, **tôi đói bụng**". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy **cục sắt nung đỏ** cạy miệng người ấy và nhét vào miệng người ấy những cục đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Mọi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo một ruột lớn, ruột nhỏ, các cục đồng ấy rơi ra ngoài từ phía dưới. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung, cho đến khi ác nghiệp của nó chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, **tôi khát nước**". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy **cục sắt nung đỏ** cạy miệng người ấy ra, và đổ vào miệng người ấy nước đồng nấu sôi, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Mọi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ (nước đồng sôi ấy) chảy ra ngoài từ phía dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lại quăng người ấy vào Đại địa ngục.

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau: *"Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng"*.

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; nhưng điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện thế nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

*Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong diệu pháp bậc Thánh.*

*Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử.
Được giải thoát chấp thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua;
Mọi đau đớn sâu khổ,
Họ đều được siêu thoát.*

89 Chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẮN (*Alaggadupamasuttam*)

– Bài kinh số 22 – *Trung I*, 295

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Arittha*, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì*".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng,

khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng như sau:

– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chương ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó đuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hố than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví

như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như lò thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, náo nhiều và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề

huân luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huân luyện chim ưng:

"— Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chăng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huân luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"— Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huân luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

— "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng

nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đầu được chúng con cật vắn, nạn vắn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đang ngồi xuống một bên:

– Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chương ngại gì.

– Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại?

– Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hừng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã

thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, náo nhiễu, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

- Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Nay kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ

bị chướng ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, *và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bôn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. **Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.**

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước.

Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và

không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, **nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?**

– Bạch Thế Tôn, không.

– *Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?* Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc*

bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn". Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem **sắc** pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **cảm thọ**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **tưởng**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các **hành**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì **được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái

này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi",

xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã

là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đắm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đắm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chi mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đăm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ

ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ **Ngã luận thủ** nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?*

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có **kiến y** nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu,*

bì, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến

mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **cảm thọ** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **tường** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **các hành** là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, **thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là

tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, **bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.** Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vất bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các

thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lều khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chương ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ **vô minh**, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chương ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **tái sinh và sự luân chuyển sanh tử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhổ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ

khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lều khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **năm hạ phần kiết sử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lều khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **ngã mạn**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đệ thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-**

kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết**".

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn **xuyên tạc** Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phần nộ.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.

- Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- Chư Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thọ** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **tưởng** không phải của các Ông, hãy từ bỏ tưởng. Các Ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **các hành** không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chẳng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh**

tử) của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dư lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này **sẽ hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vấp quẩn cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

90 Chỉ ở đây là có Samôn thứ nhất - Kinh VỊ SAMÔN – Tăng II, 269

VỊ SAMÔN – Tăng II, 269

1.- **Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, các Thầy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.**

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ nhất?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là **bặc dự lưu**, không bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn hướng đến giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, người này là Sa-môn thứ nhất.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, do làm cho nhẹ bớt tham và sân, là **bặc Nhất Lai**, còn đi lại thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ hai.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh tại đây, chứng Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ ba.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ tư?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, tự mình với thắng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ tư.

Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, các Thầy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.

91 Chỉ ở đây là có Samôn thứ nhất - TIỂU Kinh SU' TỬ HỒNG – 11 Trung I, 151

TIỂU KINH SU' TỬ HỒNG
(**Culasihanadasuttam**)
– Bài kinh số 11 – *Trung I*, 151

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn,

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau:

– Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, các Ông hãy chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra khi ở đây những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Tôn giả có tin tưởng gì, có sức lực gì mà chư Tôn giả tuyên bố: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác không có Sa-môn"?

Này các Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư Hiền, vì chúng tôi **tự chánh kiến bốn pháp**, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai; Sa-môn thứ ba; Sa-môn thứ tư". Thế nào là bốn? Chư Hiền, chúng tôi **có lòng tin bậc Đạo Sư, có lòng tin Pháp, có sự thành tựu viên mãn các Giới luật, và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến**. Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nên chúng tôi nói: "Chỉ ở đây là Sa-môn... Sa-môn thứ tư".

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những Du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư Hiền, chúng

tôi cũng có lòng tin bậc Đạo Sư, vị ấy là Đạo Sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin Pháp, Pháp ấy là Pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các Giới luật, những Giới luật ấy là Giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư Hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù gì, có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng tôi?".

Chư Tỷ-kheo, nếu được các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau:

- "Chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là đa diện?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh là một, cứu cánh không phải đa diện"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có tham, hay cho người không tham?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời:- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có sân, hay cho người không sân?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người không sân, không phải cho người có sân"

- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si? Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy **cho người không si**, không phải cho người có si"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có ái, hay cho người không ái?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho **người không ái**, không phải cho người có ái"
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có chấp thủ, hay cho người không chấp thủ?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người **không chấp thủ**, không phải cho người chấp thủ".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người có trí, hay cho người không có trí?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho **người có trí**, không phải cho người không có trí".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người thuận ứng, nghịch ứng hay cho người không thuận ứng, không nghịch ứng?" Nếu trả lời đứng đắn... phải trả lời: "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho **người không thuận ứng, không nghịch ứng**, không phải cho người thuận ứng, nghịch ứng".
- "Chư Hiền, cứu cánh ấy cho người ưa hý luận, thích hý luận hay cho người không ưa hý luận, không thích hý luận?" Nếu trả lời đứng đắn, các Du sĩ ngoại đạo cần phải trả lời: "Chư Hiền,

cứu cánh ấy cho người **không ưa hý luận, không thích hý luận**, không phải cho người ưa hý luận, thích hý luận".

Chư Tỷ-kheo, có hai loại tri kiến này: **hữu kiến và phi hữu kiến**.

- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại đối với phi hữu kiến.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước phi hữu kiến, thân thiết phi hữu kiến, cố chấp phi hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào **không như thật tuệ tri** sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của chúng, **những vị này là những vị có tham**, có sân, có si, có ái, có chấp thủ, không có trí, có thuận ứng, có nghịch ứng, có ưa hý luận, có thích hý luận; những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ.
- Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào **như thật tuệ tri** sự tập khởi và sự đoạn diệt

của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của chúng; **những vị này là những vị không tham**, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không có thuận ứng, không có nghịch ứng, không ưa hý luận, thích hý luận; những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

Chư Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? **Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.**

- Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy **không như thật tuệ tri ba sự**. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ.
- Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không

chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy **không như thật tuệ tri hai sự**. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chọn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ; nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

- Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chọn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy **không như thật tuệ tri một sự**. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với những pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng, không dẫn đến tịch tịnh, không được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị.

Và này chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tự xưng liễu tri tất cả thủ, chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Như Lai hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong một pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các Giới luật, sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật

khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, có hương thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đăng Giác hiển thị.

- Chư Tỷ-kheo, bốn loại chấp thủ này, lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy **ái** làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy **thọ** làm duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy **xúc** làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy **sáu nhập** làm duyên... lấy sáu nhập làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy **danh sắc** làm duyên... lấy danh sắc làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm duyên...

lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy **thức** làm duyên... lấy thức làm nhân.

- Chư Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy **hành** làm duyên... lấy hành làm nhân.
- Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy **vô minh** làm duyên... lấy vô minh làm nhân.

Và Chư Tỷ-kheo, **khi một Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh sanh khởi, vị ấy do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiến thủ, không chấp thủ giới cầm thủ, không chấp thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không tháo động. Nhờ không tháo động, nên tự thân chứng được Niết-bàn; vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

92 Chịu đựng - Kinh BIẾT NGHE – Tăng II, 573

BIẾT NGHE – *Tăng II, 573*

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua **biết nghe, biết sát hại, biết phòng hộ, biết kham nhẫn, biết đi đến.**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết nghe?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khí người nài sai làm một công tác hoặc đã làm từ trước, hoặc chưa làm từ trước, nhiệt tâm tác ý, hoàn toàn chú tâm, lóng tai và nghe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết sát hại?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, giết voi, giết kẻ cưỡi voi, giết ngựa, giết

kẻ cưỡi ngựa, phá xe, giết kẻ cưỡi xe, giết các bộ binh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết sát hại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết phòng hộ?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đi đến chiến trận, con voi của vua phòng hộ phần thân trước, phòng hộ phần thân sau, phòng hộ đầu, phòng hộ tai, phòng hộ ngà, phòng hộ vòi, phòng hộ đuôi, phòng hộ người cưỡi voi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết phòng hộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết kham nhẫn?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi lâm trận, kham nhẫn bị thương đâm, kham nhẫn bị kiếm đâm, kham nhẫn bị trúng tên, kham nhẫn các thứ tiếng, như tiếng trống lớn, tiếng thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết kham nhẫn.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết đi đến?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài (huấn luyện voi) sai đi về hướng nào, hoặc trước kia đã có đi, hay trước kia chưa có đi, liền mau mắn đi về chỗ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết đi đến.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng là của vua, là tài sản của vua, và được gọi là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, vị Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người *biết nghe, biết sát hại, biết phòng hộ, biết kham nhẫn, biết đi đến*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết nghe?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo *khi Pháp và Luật do Như Lai thuyết được thuyết giảng, nhiệt tâm, tác ý, hoàn toàn chú tâm lắng tai nghe pháp*. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sát hại?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đối với các dục tâm đã khởi lên, không có gìn giữ, nhưng từ bỏ, gột sạch, làm cho hoại diệt, làm cho đi đến không hiện hữu**; đối với sân tâm đã sanh...đối với các hại tâm đã sanh...đối với các pháp ác, bất thiện đã sanh hay chưa sanh, không có gìn giữ nhưng từ bỏ, gột sạch, làm cho hoại diệt, làm cho đi đến không hiện hữu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết sát hại.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết phòng hộ?

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được bảo vệ, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn.** Khi tai nghe tiếng...khi mũi ngửi hương...khi lưỡi nếm vị...khi thân cảm xúc...khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết phòng hộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết kham nhẫn?

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **kham nhẫn lạnh, nóng, đói khát, sự xúc phạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, những cách nói mạ lỵ, phỉ báng, các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, nhói đau, chói đau, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo biết đi đến?

13. Ở đây, này các Tỷ-kheo, **phương hướng nào trước kia chưa từng đi, tại đây mọi hành được chỉ tịnh, mọi sanh y được từ bỏ, ái được đoạn diệt, ly tham, hoại diệt, Niết-bàn, vị ấy đi đến chỗ ấy một cách mau chóng**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo biết đi đến.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

93 Chịu đựng - Kinh KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565

KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không xứng đáng cho vua, không là tài sản của vua không được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua:

- Không kham nhẫn các sắc,
- Không kham nhẫn các tiếng,
- Không kham nhẫn các hương,
- Không kham nhẫn các vị,
- Không kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các sắc?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi đi đến chiến trận, thấy đoàn voi hay thấy đoàn ngựa, hay thấy đoàn xe, hay thấy đoàn bộ binh đã chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn đối với các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các tiếng?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **nghe** tiếng voi, nghe tiếng ngựa, nghe tiếng xe, nghe tiếng bộ binh, hay nghe tiếng trống lớn, thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các hương?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi đó **ngửi** mùi phân và nước tiểu của các con voi của vua thuộc loại quý chủng đã quen chiến trận, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các vị?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi đi đến chiến trận, **chán ngấy một máng cỏ và nước**, hay chán ngấy hai, ba, bốn hay năm máng cỏ và nước,

liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các xúc?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, **khí bị trúng một mũi tên**, hay hai, hay ba, hay bốn, hay năm mũi tên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua không xứng đáng của vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm pháp không đáng cung kính, không đáng tôn trọng, không đáng cúng dường, không đáng chấp tay, không còn là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo **không kham nhẫn** các **sắc**,

- Không kham nhận các tiếng,
- Không kham nhận các hương,
- Không kham nhận các vị,
- Không kham nhận các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhận các sắc?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc liền tham đắm các sắc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhận các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhận các tiếng?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng liền tham đắm các tiếng khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhận các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhận các hương?

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi hương liền tham đắm các hương khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhận các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhận các vị?

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi lưỡi nếm vị liền tham đắm các vị khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhận các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhận các xúc?

13. Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm xúc liền tham đắm các xúc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhận các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được cung kính, không đáng được tôn trọng, không đáng được cúng dường, không đáng được chấp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời.

14. **Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua.** Thế nào là năm?

15. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhận các sắc, kham nhận các tiếng, kham nhận các hương, kham nhận các vị, kham nhận các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhận các sắc?

16. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **thấy** đoàn voi hay khi thấy đoàn ngựa, hay khi thấy đoàn xe, hay khi thấy đoàn bộ binh, liền không chùn chân, rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhận các sắc.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhận các tiếng?

17. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **nghe** tiếng voi, hay khi nghe tiếng ngựa, hay khi nghe tiếng xe, hay khi nghe tiếng bộ binh, hay khi nghe tiếng trống lớn, thanh la, tù và, trống nhỏ, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhận các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhận các hương?

18. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, đối với các con voi của vua thuộc loại quý chủng, quen thuộc chiến trận, khi nó **ngửi** mùi phân và nước tiểu của những con voi ấy, nó không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các vị?

19. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, **khinh miệt** một máng cỏ và nước, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn hoặc năm máng cỏ và nước, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các xúc?

20. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi **bị một mũi tên bắn trúng**, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được gọi là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

21. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc?

22. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***khi mắt thấy sắc, không tham đắm các sắc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh.*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng?

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***khi tai nghe tiếng, không tham đắm các tiếng khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh.*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các hương?

24. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **mũi** ngửi các hương, không tham đắm các hương khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị?

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **lưỡi** nếm các vị, không tham đắm các vị khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các vị.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc?

26. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **thân** cảm các xúc, không tham đắm các xúc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

94 Chịu đựng - Kinh ĂN CÁC ĐỒ THỰC VẬT – Tăng II, 564

ĂN CÁC ĐỒ THỰC VẬT – Tăng II, 564

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, vung vãi đại tiện, nắm giữ thẻ đồ ăn được gọi là con voi của vua.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua **không kham nhẫn** các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, vung vãi đại tiện, nắm giữ thẻ đồ ăn được gọi là con voi của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, làm đồ giường nằm và nắm giữ thẻ đồ ăn, được xem chỉ là một Tỷ-kheo.

3. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc,
- Không kham nhẫn các tiếng,
- Không kham nhẫn các hương,
- Không kham nhẫn các vị,
- Không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, làm đồ giường nằm và nắm giữ phiếu đồ ăn, vị ấy được gọi chỉ là một Tỷ-kheo.

95 Chỗ bắt đầu tu tập - Kinh Ý NGHĨA GÌ – Tăng IV, 236

SỞ Y – Tăng IV, 241

(sở y = nương theo đó)

Này các Tỷ-kheo:

1. Với ác giới, với phá giới, không hối tiếc **sở y bị diệt.**
2. Với không có không hối tiếc, với không hối tiếc không đầy đủ, hân hoan **sở y bị diệt.**
3. Với hân hoan không có, với hân hoan không đầy đủ, hỷ **sở y bị diệt.**
4. Với hỷ không có, với hỷ không đầy đủ, khinh an **sở y bị diệt.**
5. Với khinh an không có, với khinh an không đầy đủ, an lạc **sở y bị diệt.**
6. Với an lạc không có, với an lạc không đầy đủ, chánh định **sở y bị diệt.**
7. Với chánh định không có, với chánh định không đầy đủ, như thật tri kiến **sở y bị diệt.**
8. Với như thật tri kiến không có, với như thật tri kiến không đầy đủ, nhàm chán, ly tham **sở y bị diệt.**

9. Với nhàm chán, ly tham không có, với nhàm chán, ly tham không đầy đủ, giải thoát tri kiến sở y bị diệt.

Ví như cây không đủ cành và lá, các mầm non (cũng có nghĩa là vỏ ngoài) của cây ấy không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với ác giới, với phá giới, không hối tiếc sở y bị diệt. Với không hối tiếc không có, với không hối tiếc không đầy đủ.... giải thoát tri kiến sở y bị diệt.

Này các Tỷ-kheo:

1. Với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y.
2. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ, hân hoan có sở y.
3. Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ, hoan hỷ có sở y.
4. Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ, khinh an có sở y.
5. Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ, an lạc có sở y.
6. Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy đủ, chánh định có sở y.
7. Với chánh định có mặt, với chánh định có đầy đủ, như thật tri kiến có sở y.

8. Với như thật tri kiến có mặt, với như thật tri kiến có đầy đủ, nhàm chán, ly tham có sở y.
9. Với nhàm chán, ly tham có mặt, với nhàm chán, ly tham có đầy đủ, giải thoát tri kiến có sở y.

Ví như này các Tỷ-kheo, một cây có đầy đủ cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến viên mãn, vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ... giải thoát tri kiến có sở y.

Ý NGHĨA GÌ – Tăng IV, 236

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Này Ànanda, các thiện giới có ý nghĩa không có hối tiếc, có lợi ích không có hối tiếc.

- Nhưng bạch Thế Tôn, không có hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, không có hối tiếc có ý nghĩa **hân hoan**, có lợi ích hân hoan.

- Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, hân hoan có ý nghĩa **hoan hỷ**, có lợi ích hoan hỷ.

- Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, hoan hỷ có ý nghĩa **khinh an**, có lợi ích khinh an.

- Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, khinh an có ý nghĩa **an lạc**, có lợi ích an lạc.

- Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, an lạc có ý nghĩa **định**, có lợi ích định

- Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.

- Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

- Nay Ànanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham.

- Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

Nay Ànanda, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.

2. Như vậy, này Ànanda:

1. Các thiện giới, có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc.
2. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.
3. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.
4. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.
5. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc.

6. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.
7. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.
8. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham.
9. Nhàm chán ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.

Như vậy, này Ànanda, **các thiện giới thứ lớp dẫn tới tối thượng**. Như vậy, này Ànanda, các thiện giới thứ lớp đưa đến tối thượng.

NGHĨ VỚI DỤNG Ý – *Tăng IV, 238*

1. Đây các Tỷ-kheo, với người có **giới**, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng không hối tiếc sẽ sanh khởi nơi ta". Pháp nhĩ là vậy, này Tỷ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không hối tiếc sanh khởi.
2. Đây các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có không hối tiếc, hân hoan sanh khởi.
3. Đây các Tỷ-kheo, với người có hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong

rằng hoan hỷ sẽ sanh khởi nơi ta", Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có hân hoan thì hoan hỷ sanh khởi.

4. Này các Tỷ-kheo, với người có hoan hỷ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng thân ta được khinh an ", Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có hoan hỷ thì thân được khinh an.
5. Này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng ta cảm thọ an lạc". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ.
6. Này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng tâm ta được Thiền định". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, tâm được Thiền định.
7. Này các Tỷ-kheo, với người có Thiền định, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta biết, ta thấy như thật". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người có tâm Thiền định, biết và thấy như thật". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người có tâm Thiền định, biết và thấy như thật.
8. Này các Tỷ-kheo, người biết và thấy như thật, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham" Pháp nhĩ là vậy,

này các Tỷ-kheo, người biết và thấy như thật, nhàm chán và ly tham.

9. Nay các Tỷ-kheo, người nhàm chán, ly tham không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người nhàm chán, ly tham, chứng ngộ giải thoát tri kiến.

Như vậy, này các Tỷ-kheo:

1. Nhàm chán ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.
2. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham.
3. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi như thật tri kiến.
4. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.
5. Khinh an có ý nghĩa an lạc có lợi ích an lạc.
6. Hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.
7. Hân hoan có ý nghĩa hỷ, có lợi ích hỷ.
8. Không nuôi tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.
9. Các Thiện giới có ý nghĩa không nuôi tiếc, có lợi ích không hối tiếc.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các pháp khiến cho các pháp (khác) tăng thịnh; các pháp khiến các pháp khác viên mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia.

96 Chỗ cần phải xúc động mạnh - Kinh XÚC ĐỘNG – Tăng II, 44

XÚC ĐỘNG – Tăng II, 44

1. - Có bốn trú xứ, này các Tỷ-kheo, khi một tín nam thấy cần phải xúc động mãnh liệt. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Như Lai sanh**. Đây là trú xứ khi một tín nam thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Như Lai đã giác ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác**. Đây là trú xứ khi một tín nam thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Như Lai chuyên pháp luân vô thượng**. Đây là trú xứ khi một tín nam thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Như Lai đã nhập Niết-bàn giới, không có dư**. Đây là trú xứ khi một tín nam thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

Có bốn trú xứ, này các Tỷ-kheo, khi một tín nam thấy cần phải xúc động mãnh liệt.

97 Chỗ để giải thoát - Kinh GIẢI THOÁT XỨ – Tăng II, 335

GIẢI THOÁT XỨ – Tăng II, 335

1. - Có năm giải thoát xứ này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, thời tâm chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo.

- Tùy theo bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo **tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp** trong pháp ấy.
- Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp, nên hân hoan sanh.
- Do hân hoan, nên hỷ sanh.
- Do ý hoan hỷ, thân được khinh an.
- Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ.

- Do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Đây là giải thoát xứ thứ nhất; ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt tới.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Và vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan sanh nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ hai, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vi

ấy đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo đọc tụng pháp như vậy, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, một cách rộng rãi như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ ba, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư, không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng một cách rộng rãi cho người khác. Vị ấy không đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thuộc lòng. Nhưng vị ấy với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, do với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp, nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm

được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ tư, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không đọc tụng pháp ấy một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã học thuộc lòng. Nhưng vị ấy khéo nắm giữ một định tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thông đạt với trí tuệ như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ năm, ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

7. Có năm giải thoát xứ này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tính cần, thời tâm chưa giải thoát, hay các lậu hoặc chưa đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay

vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

98 Chớ - Chớ bỏ mất bất tử - Kinh Bất Tử – Tương V, 287

Bất Tử – Tương V, 287

1) Tại Sàvatthi...

2) -- *Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các Ông chớ có bỏ mất bất tử.* Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán **thân** trên thân, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời**... trú, quán **thọ** trên các cảm thọ... trú, quán **tâm** trên tâm... trú, quán **pháp** trên các pháp, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

4) Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các Ông chớ có bỏ mất bất tử.

99 Chớ - Chớ có buông lung trí tuệ - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT (**Dhatuvibhanga sutta**) – *Bài kinh số 140 – Trung III, 541*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà **thợ** **gốm Bhaggava**; sau khi đến nói với thợ gốm

Bhaggava:

– **Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.**

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi **Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati**;

sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thừa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm.

Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "**Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy**". Rồi Thế Tôn nói với

Tôn giả Pukkusati:

– *Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?*

– Thừa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thừa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "**Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy**". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu giới**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.** Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu xúc xú**", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có mười tám ý hành**", do duyên gì được nói đến như vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có bốn thắng xú**", do duyên gì được nói đến như vậy? Tuê thắng xú, đê thắng xú, huê thí thắng xú, tịch tịnh thắng xú. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?

Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.**

Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thân, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. **Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.** Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất

lòng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, ném, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và

những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm tư từ bỏ phong giới. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này

Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được

tổng xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Nay Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới.

Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vì ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vì ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vì ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng**. *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người thợ sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc*

xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. **Người ấy tuệ tri như sau:** "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong

trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri:*** "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy
cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác khô thọ, không có hệ phược, vị
ấy cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ
phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu,
vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là
tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh
mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm
thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "**Sau
khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở
nơi đây trở thành thanh lương**".

*Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy
đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và
không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu
ấy bị diệt tắt...*

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm
thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác
một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác
một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ
tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm
tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng
chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành
thanh lương". Do vậy, **Tỷ-kheo thành tựu như vậy
là thành tựu với tôi thắng TUỆ THẮNG XỨ này.**

Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh huệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phần nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước

của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Nay Tỷ-kheo, như vậy là **tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham sân si.**

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", chính do duyên này được nói đến như vậy.

*Khi được nói đến "**Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Nay Tỷ-kheo, **khi**

vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh.

Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu.**

Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được?

Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sáu giới.

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: "**Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!**" Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Nay Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xung hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng nay Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng nay Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Nay Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Nay Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh

chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống
tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam
tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy
pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện
tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia
nam tử Pukkusati, **sau khi đoạn trừ năm hạ phần
kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn,
không phải trở lui đời ấy nữa.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

100 Chớ - Chớ có cãi lộn với nhau, phải học tất cả - Kinh NGHĨ NHƯ THỂ NÀO – 103 Trung III, 55

KINH NGHĨ NHƯ THỂ NÀO (Kinti sutta)

– Bài kinh số 103 – Trung III, 55

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kusinara, tại khu rừng Baliharana. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo", – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như thế nào? Có phải vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân đồ ăn khát thực, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân sàng tọa, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp?
- Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn! Chúng con không nghĩ rằng: "Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp.. (như trên)... Vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp".

– Và như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông không nghĩ như sau: "Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp... (như trên)... Vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp". ***Vậy này các Tỷ-kheo, đối với ta, các Ông nghĩ như thế nào?***

– Như thế này, bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, chúng con nghĩ như sau: ***"Vớ từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp"***.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như sau: "Vớ từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp".

Do vậy, này các Tỷ-kheo, những pháp Ta giảng cho các Ông với thượng trí, như là Bốn Niệm Xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành. Ở đây, các ông phải học tập tất cả, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau.

Và này các Tỷ-kheo, khi các Ông học tập trong các pháp ấy, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể có hai vị Tỷ-kheo nói khác nhau về Abhidhamma (Thắng pháp).

Ở đây, nếu các Ông nghĩ như sau: "Giữa các vị Tôn giả này, có **sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn**"; ở đây, Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác

về văn. Về vấn đề này các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau". Rồi một Tỷ-kheo nào của phái bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau". Như vậy, cái gì khó nắm giữ, cần phải thọ trì là khó nắm giữ. *Sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật phải được nói lên.*

Ở đây, nếu các Ông suy nghĩ như sau: "Giữa các bậc Tôn giả này, **có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn**". Ở đây, Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau. "Giữa các Tôn giả, có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau". Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn

giả chớ có cãi lộn với nhau". Như vậy, cái gì khó nắm giữ, cần phải thọ trì là khó nắm giữ, cái gì dễ nắm giữ phải thọ trì là dễ nắm giữ. *Sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật phải được nói lên.*

Ở đây, nếu các Ông nghĩ như sau: "Giữa các Tôn giả này, có sự **đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn**". Ở đây, Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu

thuận để nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau:

"Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. *Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất tức là văn: Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau vì một vấn đề nhỏ nhất*". Rồi một Tỷ-kheo nào của phe

bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận để nói hơn, hãy nghĩ đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là văn. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau, vì một vấn đề nhỏ nhất" Như vậy, cái gì dễ nắm giữ, phải thọ trì là dễ nắm giữ, cái gì khó nắm giữ, phải thọ trì là khó nắm giữ. *Sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì*

khó nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật phải được nói lên.

Ở đây, nếu các Ông nghĩ như sau: "Giữa các Tôn giả này có sự **đồng nhất về nghĩa, có sự đồng nhất về văn**"; ở đây, vị Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận để nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn nhau". Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận để nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất về nghĩa và có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau". Như vậy, cái gì dễ nắm giữ phải thọ trì là dễ nắm giữ. *Sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật hãy được nói lên".*

Và này các Tỷ-kheo, khi các Ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể có một Tỷ-kheo khác phạm giới, phạm luật. Ở đây, này các Tỷ-kheo, chớ có khiển trách hấp tấp cá nhân người kia, cần phải giác sát.

(Các Ông phải suy nghĩ): "Sẽ không có hại gì cho ta, và sẽ không có tổn hại gì cho người kia. Nếu người kia không phần nộ, không uất hận, có ý kiến lành lợi, và dễ thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng nếu, nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ như sau: "Sẽ không có hại gì cho ta, và sẽ có tổn hại cho người kia. Người kia phần nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, nhưng dễ thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là sự tổn hại cho người kia. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như sau: "Sẽ có hại cho ta và không có tổn tai cho người kia. Người kia không có phần nộ, uất hận, có ý kiến lành lợi, nhưng khó thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là sự tổn hại cho ta. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như sau: "Sẽ có hại cho ta và sẽ có tổn hại cho người kia. Người khác phần nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, khó thuyết phục và ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt, tức là hại cho ta và tổn hại cho người kia. Và đây là sự việc to lớn hơn, là **ta có thể** khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như sau: "Ta sẽ bị hại và người kia cũng bị tổn hại. Người kia phần nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, khó thuyết phục, và **ta không có thể** khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Đối với một người như vậy, này các Tỷ-kheo, **hãy xả, chớ có nên khinh miệt**.

Và này các Tỷ-kheo, khi các Ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể khởi lên giữa các Ông, một khẩu hành, một ý kiến ngoan cố, một tâm hiềm hận, ưu não, phần nộ.

Ở đây, một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Này Hiền giả, dầu chúng tôi học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau, có khởi lên một khẩu hành, một

ý kiến ngoan cố, một tâm hiềm hận, ưu não, phần nộ. Nếu biết được như thế, vị Sa-môn sẽ quở trách". Trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: ""Này Hiền giả, dầu cho, chúng tôi học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau... (như trên)... vị Sa-môn sẽ quở trách. *Nhưng này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn có thể chứng được chăng?*" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "*Này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn không có thể chứng được*".

Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận để nói hơn hãy đến vị ấy và nói như sau: "Này Hiền giả, dầu chúng tôi học tập các pháp ấy... (như trên).. vị Sa-môn sẽ quở trách". Trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, dầu cho chúng tôi ... (như trên)... Sa-môn sẽ quở trách. Nhưng này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn có thể chứng được chăng?" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn không có thể chứng được".

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông khác hỏi Tỷ-kheo ấy, nói rằng: "*Các Tỷ-kheo ấy có được Tôn giả khiến cho vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện*

chăng?" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: *"Ở đây, này Hiền giả, tôi đi đến Thế Tôn và Thế Tôn thuyết pháp của Ngài cho tôi. Sau khi nghe pháp ấy, tôi đã nói lại cho các Tỷ-kheo ấy. Khi các Tỷ-kheo ấy nghe pháp ấy xong, các vị ấy tự vượt khỏi bất thiện và an trú vào thiện".* **Trả lời như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự khen mình chê người.** Vị ấy giải thích tùy pháp đúng với pháp, và không một ai trong các Pháp hữu nói lời tùy thuyết, có thể đưa đến phỉ báng. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

101 Chớ - Chớ có hành trì tự kỷ khổ hạnh - Kinh VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT – 139 Trung III, 527

KINH VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT (*Anaravibhanga sutta*)

101.1 – Bài kinh số 139 – Trung III, 527

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ),
Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika
(Cấp Cô Độc). Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp
Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Ông Vô
tránh phân biệt**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ
giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói

như sau:

- Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích.
- Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.
- Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp.
- Nên biết phán xét về lạc. Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc.
- Không nên nói lên lời bí mật.
- Mặt đối mặt (với ai), không nên nói lời mất lòng.
- Nên nói thật từ từ, không có vội vàng.
- Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

⇒ Như vậy là tổng thuyết về **vô tránh phân**

biệt.

☞ *Khi được nói đến "Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích", do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Phàm lạc gì liên hệ với dục nhưng đắm mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy là có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.
- Phàm lạc gì liên kết với dục, nhưng không đắm mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.
- Phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.
- Phàm không hành trì khổ hạnh nào, đau khổ không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục

đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Khi được nói đến "Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

☞ ***Khi được nói đến "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn", do duyên gì được nói đến như vậy?***

- Đây là con đường Thánh tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Khi được nói đến "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ.. giác ngộ, Niết-bàn", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

☞ ***Khi được nói đến "Nên biết tán thán và nên biết***

chỉ trích; sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp", do duyên gì được nói đến như vậy?

- Đây các Tỷ-kheo, thế nào là tán thán, thế nào là chỉ trích, nhưng không thuyết pháp?
 - Vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những người ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".
 - Vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".
 - Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: "Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh,

không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc về tà đạo".

- Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh; đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".
 - Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".
 - Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".
- ⇒ Như vậy, này các Tỷ-kheo là có tán thán và có chỉ trích nhưng không thuyết pháp.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có tán thán và không có chỉ trích, nhưng có thuyết pháp?

- Vị ấy **không nói** như sau: "**Những ai** tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo". Vị ấy **chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo"**.
- Vị ấy **không nói**: "**Những ai** tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Vị ấy **chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Không đam mê là một pháp** không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".
- Vị ấy không nói: "**Những ai** đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo". Vị ấy **chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có**

nhiệt não, thuộc tà đạo."

- Vị ấy không nói: "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự không đam mê là không đau khổ, pháp này không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc về chánh đạo".
- Vị ấy không nói: "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Khi hữu kiết sử chưa đoạn tận, hữu chưa đoạn tận".
- Vị ấy không nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não. "Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Và khi hữu kiết sử được đoạn tận, hữu được đoạn tận". Như vậy, này các Tỷ-kheo là không tán thán, không chỉ trích, nhưng chỉ thuyết pháp.

Khi được nói đến "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích; sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, chớ có tán thán, chớ có chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp", chính do duyên này được nói đến như vậy.

☞ ***Khi được nói đến "Nên biết phán xét về lạc; sau khi biết pháp xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc", do duyên gì được nói đến như vậy?***

- Đây các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức, ...; các hương do mũi nhận thức, ...; các vị do lưỡi nhận thức....; các xúc do thân cảm giác, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trưởng dưỡng.
- Đây các Tỷ-kheo, do duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là **dục lạc, uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc**. Ta nói loại lạc này **không nên thực hành, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn, nên sợ hãi**.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất,

một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Định chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Thiền thứ ba... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Như vậy gọi là xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, giác ngộ lạc. Ta nói loại lạc này nên thực hành, nên tu tập, nên làm cho sung mãn, không nên sợ hãi.

Khi được nói đến "Nên biết phán xét về lạc; sau khi phán xét về lạc, hãy chú tâm vào nội lạc", do chính duyên này được nói đến như vậy.

☞ *Khi được nói đến "**Không nên nói lên lời bí mật. Mật đối mật (với ai), không nên nói lời mất lòng**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, biết được một lời bí mật là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, chớ nói lên lời bí mật ấy.
- Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, **hãy tự tập đừng nói lời ấy.**
- Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích; ở đây nên biết thời nói lên lời bí mật ấy.

- Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt (với ai) là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, mặt đối mặt; chớ có nói lên lời nói mất lòng ấy.
- Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt (với ai) là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, **hãy tập chớ nói lên lời ấy.**
- Và nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt (với ai) là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích; ở đây nên biết thời nói lên lời mất lòng ấy.

Khi được nói đến "Không nên nói lên lời bí mật, mặt đối mặt (với ai), không nên nói lên lời mất lòng", do chính duyên này được nói đến như vậy.

☞ *Khi được nói đến "**Nên nói thật từ từ, chớ có vội vàng**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu nói vội vàng, thời **thân mệt mỏi, tâm bị tổn hại, tiếng bị tổn hại và cổ họng bị đau.**
- Lời nói một người vội vàng **không được rõ ràng và không được nhận hiểu.**
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, nói lời từ từ, **thân không mệt mỏi, tâm không tổn hại, tiếng không tổn hại và cổ họng không bị đau.**

- Lời nói một người nói từ từ được rõ ràng và được nhận hiểu.

Khi được nói đến "Nên nói thật từ từ, chớ có nói vội vàng ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

☞ ***Khi được nói đến "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng", do duyên gì, được nói đến như vậy?***

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết (những chữ) Pati... Patta... Vittha.. Sarava.. Dharopa.. Pona... Pisila. Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy những chữ là như vậy, như vậy, có người lại làm như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trước và nói: "Chỉ như vậy là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết những chữ

Pati.. Patta... Vittha.. Sarava... Dharopa... Pona.. Pisila.. Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy, như vậy, một người không chấp thủ mà giải thích: "Các vị ấy y cứ như thế này, giải thích như vậy". Như vậy, này các Tỷ-kheo là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Khi được nói đến "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng", do chính duyên này được nói đến như vậy.

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, phạm lạc gì liên hệ với dục nhưng có đam mê loại hỷ, hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là **pháp hữu tránh**.
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lạc gì, liên kết với dục, nhưng không có đam mê loại hỷ, hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là **pháp vô tránh**.

→ Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

→ Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm không có hành trì tự kỷ khổ hạnh, không đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

– Tại đây, này các Tỷ-kheo, đây là Trung đạo đã được Thế Tôn giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết - bàn. Pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

→ Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp tán thân và chỉ trích nhưng không thuyết pháp này, pháp này có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có phiền não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

→ Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp không tán thán, cũng không chỉ trích, chỉ có thuyết pháp, pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp dục lạc này là uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, pháp này là pháp không đau khổ, không phiền lao, không ưu não, không nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào không thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.

Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, có liên hệ mục đích**, pháp này là pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói mất lòng nào, mất đối mặt (với ai), không chân thật, hư vọng, không liên hệ mục đích**, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói mất lòng nào, mất đối mặt (với ai) là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích**, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói mất lòng nào, mất đối mặt (với ai) là chân thật, không hư vọng, liên hệ mục đích**, pháp này là pháp không đau khổ.. thuộc chánh đạo. Do vậy,

pháp này là pháp vô tránh.

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói nào được nói lên một cách vội vàng**, pháp này có đau khổ... tà đạo... pháp hữu tránh.
- Tại đây này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói nào được nói lên một cách từ từ**, pháp này không có đau khổ.. chánh đạo.. pháp vô tránh.
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, **chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng**, pháp này là pháp có đau khổ.. thuộc về tà đạo... pháp hữu tránh.
- Tại đây, này các Tỷ-kheo, **không chấp trước địa phương ngữ và không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng**, pháp này là pháp không có đau khổ... thuộc về chánh đạo... pháp vô tránh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu học như sau: *"Chúng ta sẽ biết **hữu tránh pháp** và chúng ta sẽ biết **vô tránh pháp**. Sau khi biết hữu tránh pháp và sau khi biết vô tránh pháp, chúng ta sẽ hành trì vô tránh đạo"*. Và này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Subhuti (Tu-bồ-đề) đã hành trì vô tránh pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

102Chớ - Chớ có mạng chung với tâm còn ái luyến - Kinh CHA MẸ CỦA NAKULA 1 – Tăng III, 33

CHA MẸ CỦA NAKULA 1 – Tăng III, 33

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển.

Lúc bấy giờ, gia chủ, cha của Nakula bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

2. Rồi nữ gia chủ, mẹ của Nakula nói với cha của Nakula như sau:

- *Thưa Gia chủ, chớ có mạng chung với tâm còn mong cầu ái luyến.*
- *Thưa Gia chủ, đau khổ là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.*
- *Thế Tôn quả trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.*
- Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, không có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa". Thưa Gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Thưa Gia chủ, tôi khéo léo dệt vải và chải lông cừ. Thưa Gia chủ, sau khi Gia chủ mệnh chung, tôi có

thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa. Do vậy, thừa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyện! Đau khổ, này Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyện. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyện.

- Thừa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: *"Nữ Gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác"*. Thừa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thừa Gia chủ, Gia chủ cũng đã biết, trong mười sáu năm chúng ta sống làm người gia chủ, tôi đã sống thực hành Phạm hạnh như thế nào. Do vậy, thừa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyện! Đau khổ, thừa Gia chủ, là người khi mệnh chung còn mong cầu ái luyện. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung còn mong cầu ái luyện.
- Thừa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: *"Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không còn muốn yết kiến Thế Tôn, sẽ không còn muốn yết kiến chúng Tăng"*. Thừa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Sau khi gia chủ mệnh chung, tôi sẽ muốn yết kiến Thế Tôn nhiều hơn, sẽ muốn yết kiến chúng Tăng nhiều hơn. Do vậy, thừa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyện! Đau khổ, này Gia chủ, là

người khi mệnh chung, còn mong cầu ái luyện. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyện.

- Thừa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: *"Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không giữ giới một cách đầy đủ"*. Thừa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thừa Gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn còn giữ Giới Luật một cách đầy đủ, tôi là một trong những người ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay, Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thừa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyện! Đau khổ, thừa Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyện. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyện.
- Thừa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: *"Nữ gia chủ, mẹ của Nakula không có chứng được nội tâm tịnh chỉ"*. Thừa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thừa Gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn còn chứng được **nội tâm tịnh chỉ**, tôi sẽ là một trong những vị ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi

Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thừa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thừa Gia chủ, là người khi mệnh chung, tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quả trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

- Thừa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: *"Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, trong Pháp và Luật này không đạt được thể nhập, không đạt được an trú, không đạt được thoải mái, không vượt khỏi nghi hoặc, không rời được do dự, không đạt được vô úy, còn phải nhờ người khác sống trong lời dạy đức Bốn Sư"*. Thừa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thừa Gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn, trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rời được do dự, đạt được vô úy, không phải nhờ người khác sống trong lời dạy đạo đức Bốn Sư, tôi sẽ là một trong những người ấy. Nếu có ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thừa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thừa Gia chủ, là người khi mệnh chung, tâm còn mong cầu

ái luyện. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyện.

3. *Rồi cha của Nakula được nữ gia chủ, mẹ của Nakula giáo giới với lời giáo giới này, bệnh hoạn liền khi ấy được khinh an và gia chủ, cha của Nakula thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là bệnh ấy của gia chủ, cha của Nakula.*

Rồi gia chủ, cha của Nakula được lành bệnh, sau khi lành bệnh không bao lâu, chống gậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ, cha của Nakula đang ngồi xuống một bên:

4. - Thật lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy Ông.

- Cho đến khi nào, này Gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng *gìn giữ Giới Luật viên mãn*, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy.
- Cho đến khi nào, này Gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng *chứng được nội tâm tịnh chỉ*, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy.

- Cho đến khi nào, này Gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng, *trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rồi được do dự, đạt được vô úy, không còn phải nhờ người khác sống trong lời dạy đức Bốn Sư*, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy.

Thật lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ, được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy Ông.

103 Chớ - Chớ có nói vậy - Kinh XUẤT LY GIỚI – Tăng III, 25

XUẤT LY GIỚI – Tăng III, 25

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **sáu pháp xuất ly giới** này. Thế nào là sáu?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. **Chớ có xuyên tạc Thế Tôn**. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát sân tâm, tức là từ tâm giải thoát".

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập, bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt

chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát hại tâm, tức là bi tâm giải thoát*".

4. Nay các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy. Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có*

khả năng giải thoát bất lạc tâm, tức là hỷ tâm giải thoát".

5. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát tham tâm, tức là xả tâm giải thoát".*

6. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, thức của ta vẫn tùy niệm tướng".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế*

Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, thức vẫn sẽ tùy niệm tướng, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát tất cả tướng, tức là vô tướng tâm giải thoát".

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nói như sau: "Tôi đã từ bỏ tư tưởng "Tôi là". Tôi không có tùy quán "Cái này là tôi", tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do sự xâm chiếm tâm tôi và an trú".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Với ai đã từ bỏ tư tưởng "Tôi là", với ai không có tùy quán "Cái này là tôi", tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự xâm chiếm tâm người ấy và an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát mũi tên nghi hoặc do dự, tức là sự nhổ lên kiêu mạn "Tôi là".*

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu pháp xuất ly giới.

104Chớ - Chớ có sợ, này Mahanama - Kinh Mahànàma 1 – Tương V, 539

Mahànàma – Tương V, 539

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, ho Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

3) -- *Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quân chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phật bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"*

4) -- **Chớ có sợ**, này Mahànàma! Chớ có sợ, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của ông!

Này Mahànàma, với ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở vãng, tâm tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay giả-can ăn, hay các loại chúng sanh sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở vãng, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thương thẳng, đi đến thù thắng.

5) Ví như, này Mahànàma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ, hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trôi lên trên.

Cũng vậy, này Mahànàma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở vãng, tâm được

tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phân toái, đoạn tuyệt, đoạn diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, giả-can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ; thời tâm của vị ấy thượng thắng, đi đến thù thắng.

6) Này Mahànàma, đã lâu ngày tâm ông được tu tập trọn vẹn về tín, được tu tập trọn vẹn về giới, được tu tập trọn vẹn về sở văn, được tu tập trọn vẹn về thí xả, được tu tập trọn vẹn về trí tuệ. Chớ có sợ, này Mahànàma, chớ có sợ, này Mahànàma, không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông!

Mahànàma – Tương V, 542

1) Như vậy tôi nghe.

2) Rồi Mahànàma...

3) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, Kapilavatthu...

4)-- *Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông! Do thành tựu **bốn pháp**, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào là bốn?*

5) Ở đây, này Mahànàma,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức **Phật**: "*Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: "*Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: "*Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời*".

- Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, *đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.*

6) Ví như, này Mahànàma, một cây thiên về phía Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngã về phía nào?

-- Bạch Thế Tôn, về phía nào nó thiên, về phía nào nó hướng, về phía nào nó xuôi.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, do thành tựu **bốn** pháp này, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

105Chớ - Chớ có tin vì nghe... - Kinh BHADDIYA – Tăng II, 184

BHADDIYA – Tăng II, 184

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli tại Mahàvana trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavi Bhaddiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Licchavi Bhaddiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Là một nhà huyền thuật, Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là một huyền thuật sư, biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo", những người ấy, bạch Thế Tôn, có phải nói đúng ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật. Có phải họ trả lời về pháp hợp với chánh pháp? Và ai là vị đồng pháp, theo đồng một quan điểm, không có lý do để chỉ trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn xuyên tạc Thế Tôn".

2.- Này Bhaddiya,

1. *Chớ có tin vì nghe truyền thuyết;*

2. *Chớ có tin vì theo truyền thống;*
3. *Chớ có tin vì nghe người ta nói;*
4. *Chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng;*
5. *Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình;*
6. *Chớ có tin vì đúng theo một lập trường;*
7. *Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện;*
8. *Chớ có tin vì phù hợp với định kiến;*
9. *Chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền;*
10. *Chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình.*

Nhưng này Bhaddiya, **khi nào tự mình ông biết rõ như sau:** "*Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này là bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh và khổ đau*", thời này Bhaddiya, Ông hãy từ bỏ chúng!

3. *Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya! **Lòng tham** khi khởi lên trong một nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?*

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- *Người này có tham, này Bhaddiya, **bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ**, giết loài hữu tình, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người*

khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

4. - Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, **lòng sân ... lòng si ... lòng hung bạo** khi khởi lên trong một nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- **Bất hạnh**, bạch Thế Tôn.

- Người có lòng hung bạo, này Bhaddiya, **bị hung bạo chinh phục, tâm mất tự chủ**, giết loài hữu tình, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

5. - Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- **Là bất thiện**, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- **Có tội**, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

- Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đem lại bất hạnh đau khổ không, hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, chúng đem lại bất hạnh đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là như vậy.

6.- Như vậy, này Bhaddiya, điều ta vừa nói với các Ông: "chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Samôn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào tự mình ông biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này là bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh và khổ đau", thời này Bhaddiya, Ông hãy từ bỏ chúng!". Như vậy, đã được nói lên, chính do duyên này được nói lên như vậy.

7. Nay Bhaddiya, chớ có tin vì nghe truyền thuyết ... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng nay Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này không có tội; các pháp này là không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc an lạc", thời nay Bhaddiya, Ông hãy chứng đạt và an trú.

8. Ông nghĩ như thế nào, nay Bhaddiya! **Không tham** khi khởi lên trong một nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- **Hạnh phúc**, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, nay Bhaddiya, không bị tham chinh phục, tâm không mất tự chủ, không giết loài hữu tình, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

9. - Ông nghĩ như thế nào, nay Bhaddiya, **không sân ... không si ... không hung bạo** khi khởi lên trong một nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không có lòng hung bạo, này Bhaddiya, không bị lòng hung bạo chinh phục, tâm không mất tự chủ, không giết loài hữu tình, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

10. - Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

- Không bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đem lại hạnh phúc an lạc không, hay ở đây là thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, chúng **đem lại hạnh phúc an lạc**. Ở đây, đối với chúng con là như vậy.

11.- Như vậy, này Bhaddiya, điều ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Samôn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào tự mình ông biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này được người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc và an lạc", thời này Bhaddiya, Ông hãy chứng đạt và an trú. Điều này đã được nói lên, chính do duyên này được nói lên như vậy.

12. **Này Bhaddiya, tất cả những bậc Chân nhân tịch tịnh ở đời, khích lệ đệ tử như sau: "Hãy đến, này bạn!**

- **Hãy nhiếp phục tham, hãy sống nhiếp phục tham! Do sống nhiếp phục tham, bạn sẽ không làm **nghiệp** do tham sanh, về thân, về lời, về ý!**

- Hãy nhiếp phục sân! Hãy sống nhiếp phục sân! Do sống nhiếp phục sân, bạn sẽ không làm nghiệp do sân sanh, về thân, về lời, về ý!
- Hãy nhiếp phục si! Hãy sống nhiếp phục si! Do sống nhiếp phục si, bạn sẽ không làm nghiệp do si sanh, về thân, về lời, về ý!
- Hãy nhiếp phục hung bạo! Hãy sống nhiếp phục hung bạo! Do sống nhiếp phục hung bạo, bạn sẽ không làm nghiệp do hung bạo sanh, về thân, về lời, về ý!".

13. Khi được nói như vậy, Bhaddiya người Licchavi bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

- Nay Bhaddiya, Ta có nói với Ông như sau: "Hãy đến, này Bhaddiya; hãy đến làm đệ tử của Ta, này Bhaddiya! Ta sẽ là Đạo sư (của Ông)" không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Bhaddiya, những Sa-môn, Bà-la-môn nói như sau, tuyên bố như sau, những vị ấy là không thiện, trống không, nói láo, xuyên tạc với điều không

thật: "Là một nhà huyền thuật, Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo!".

- Bạch Thế Tôn, hiền thiện là huyền thuật dụ dỗ này. Bạch Thế Tôn, hiền lành là huyền thuật dụ dỗ này. Con mong rằng, bạch Thế Tôn, các bà con huyết thống thân ái của con được huyền thuật dụ dỗ này dụ dỗ. Như vậy, những bà con huyết thống của con tất cả được hạnh phúc an lạc lâu dài! Bạch Thế Tôn, nếu tất cả những người Sát-đế-ly được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, tất cả các Sát-đế-ly được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài! Bạch Thế Tôn, nên tất cả người Bà-la-môn ... tất cả người Phệ xá ... tất cả Thủ đà được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, tất cả các Thủ đà ấy được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài!

- Như vậy là phải, này Bhaddiya! Như vậy là phải, này Bhaddiya! Này Bhaddiya, nếu tất cả những người Sát-đế-ly được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, tất cả các Sát-đế-ly được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài! Này Bhaddiya, nếu cả người Bà-la-môn ... tất cả người Phệ xá ... tất cả mọi người Thủ đà được cám dỗ (với sự dụ dỗ này) để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả các Thủ đà được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài!

Này Bhaddiya, nếu thế giới cùng với chư Thiên, Màra, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy chúng được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài!

Này Bhaddiya, nếu các cây sala to lớn này được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả cây sala to lớn này được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài nếu chúng có thể suy nghĩ được, còn nói gì với con người!

106 Chớ - Chớ có tin vì nghe... - Kinh CÁC VỊ Ở KESAPUTTA – Tăng I, 336

CÁC VỊ Ở KESAPUTTA – *Tăng I, 336*

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của các người **Kàlàma** tên là Kesaputta. Các người Kàlàma ở Kesaputta được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ...". Lành thay, nếu chúng tôi được yết kiến một vị A-la-hán như vậy".

2. Rồi các người Kàlàma ở Kesaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, có người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các người Kàlàma ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

- Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, và có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: "Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?"

3- Đương nhiên, này các Kàlà mà, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kàlà mà, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kàlà mà,

1. *Chớ có tin vì nghe truyền thuyết;*
2. *Chớ có tin vì theo truyền thống;*
3. *Chớ có tin vì nghe người ta nói;*
4. *Chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng;*
5. *Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình;*
6. *Chớ có tin vì đúng theo một lập trường;*
7. *Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện;*
8. *Chớ có tin vì phù hợp với định kiến;*

9. *Chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền;*
10. *Chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình.*

Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện - Các pháp này là có tội; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kàlàma, ***hãy từ bỏ chúng!***

4. *Các Ông nghĩ thế nào, này Kàlàma! Lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?*

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kàlàma, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

5. *Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlàma, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?*

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kàlàma, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của

không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn..

6. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kàlāmà, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn..

7. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay không bị người có trí quả trách?

- Bị người có trí quả trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không? Hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

8- Như vậy, này các Kàlàma, điều Ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình". Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện - Các pháp này là có tội; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh, khổ đau", thời này Kàlàma, hãy từ bỏ chúng! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

9. *Này các Kàlàma, chớ có tin vì nghe truyền thuyết ... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện - Các pháp này là không có tội; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kàlàma, hãy đạt đến và an trú!*

10. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, **không tham**, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy, đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, này các Kàlà mà, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

11. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, **không sân**, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không sân, này các Kàlà mà, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn..

12. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlàma, **không si** khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không si, này các Kàlàma, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

13. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlàma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Các pháp này có tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc an lạc không, hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

14. - Như vậy, này các Kàlà mà, điều Ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; Chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình". Nhưng này các Kàlà mà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện - Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kàlà mà, hãy chứng đạt và an trú! *Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy đã được nói lên.*

15. *Này các Kàlà mà, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ ... với tâm câu hữu với bi ... với tâm câu hữu với hỷ ... với tâm câu hữu với xả, biết mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư; Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Thánh đệ tử ấy, này các Kàlà mà, với tâm không oán như vậy, không sân như vậy, không*

*uế nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, người ấy đạt được **bốn sự an ủi**.*

16.

- *"Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.*
- *"Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, ngay trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.*
- *"Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.*
- *"Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.*

Thánh đệ tử ấy, này các Kàlammà, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy có được bốn an ủi này.

17. - Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy, bạch Thiện Thệ! Thánh đệ tử ấy, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy có được bốn an ủi: "Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được. "Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, ngay trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được. "Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được. "Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được. Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy đạt được bốn an ủi này.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, ... bạch Thế Tôn, chúng con xin quy y Thế Tôn, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng con làm

đệ tử cư sĩ.....từ nay cho đến mạng chung, chúng con
xin trọn đời quy ngưỡng.

107Chớ - Chớ có tin vì nghe... - Kinh SÀLHÀ – Tăng I, 347

SÀLHÀ – Tăng I, 347

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Nandaka trú ở Sàvitthi, tại Đông Viên, ở lâu đài mẹ của Migàra.

Rồi Sàlhà, cháu của Migàra, và Rohana, cháu của Pekhuniya đi đến Tôn giả Nandaka; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nandaka nói với Sàlhà, cháu trai của Migàra như sau:

2- Hãy đến, này các Sàlhà, **chớ có tin vì nghe truyền thuyết**, chớ có tin vì nghe theo truyền thống ... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Sàlhà, khi nào tự mình biết như sau: "**Các pháp này là bất thiện**; các pháp này là có tội; các pháp này bị người trí quở trách; các pháp này nếu được thực hành và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ", **thời này các Sàlhà, các Thầy cần phải từ bỏ chúng**.

3. Này các Sàlhà, các Thầy nghĩ thế nào, có tham hay không?

- Thừa có, bạch Tôn giả.

- Tham, này các Sàlhà, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sàlhà, người có tham này bị tham chinh phục, giết các sinh loại, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy, như vậy có làm người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

4. Này các Sàlhà, các thầy nghĩ thế nào, có sân hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

- Sân, này các Sàlhà, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sàlhà, người có sân này bị sân chinh phục, giết các sinh loại, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy, như vậy có làm người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

5. Này các Sàlhà, các thầy nghĩ thế nào, có si hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

- Si, này các Sàlhà, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sàlhà, người có si này bị si chinh phục, giết các sinh loại, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy, như vậy có làm người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

6. Các thầy nghĩ thế nào, này các Sàlhà. Các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, thưa Tôn giả.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, thưa Tôn giả.

- Bị người trí quả trách hay được người trí tán thán?

- Bị người trí quả trách, thưa Tôn giả.

- Được thực hiện, được chấp thuận, có đưa lại bất hạnh hay đau khổ không? Hay ở đây là thế nào?

- Được thực hiện, được chấp thuận, thưa Tôn giả, chúng đưa lại bất hạnh đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là như vậy.

7. Như vậy, này các Sàlhà, điều ta vừa nói với các thầy:

- "Chớ có tin vì nghe báo cáo,
- Chớ có tin vì theo truyền thống;
- Chớ có tin vì nghe tin đồn;
- Chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng;
- Chớ có tin vì nhân lý luận;
- Chớ có tin vì nhân định lý;
- Chớ có tin sau khi suy tư về những dự kiện, điều kiện,
- Chớ có tin sau khi thẩm lự hay chấp nhận một vài lý thuyết;

- *Chớ có tin vì thấy là thích hợp;*
- *Chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình".*

Nhưng này các Sàlhà, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị các người có trí quả trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ", thời này các Sàlhà, **hãy từ bỏ chúng!** Điều này đã được nói lên như vậy, chính là do duyên như vậy được nói lên.

➔ Như vậy, này các Sàlhà, chớ có tin vì nghe người ta nói ... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo Sư của mình". Nhưng này các Sàlhà, khi nào tự mình biết như sau: "*Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quả trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc an lạc*", *thời này các Sàlhà, hãy đạt đến và an trú!*

8. Các Ông nghĩ như thế nào, này các Sàlhà, không tham khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại bất hạnh hay hạnh phúc lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, thừa Tôn giả.
- Người này không tham, này các Sàlhà, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi

đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

9. Các Ông nghĩ như thế nào, này các Sàlhà, **không sân** khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại bất hạnh hay hạnh phúc lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, thưa Tôn giả.

- Người này không sân, này các Sàlhà, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

10. Các Ông nghĩ như thế nào, này các Sàlhà, **không si** khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại bất hạnh hay hạnh phúc lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, thưa Tôn giả.

- Người này không si, này các Sàlhà, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác

cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

11. Các ông nghĩ thế nào, này các Sàlhà. Các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, thưa Tôn giả.

- Có tội hay không có tội?

- Không có tội, thưa Tôn giả.

- Bị người trí quả trách hay được người trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Tôn giả.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đem đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp thuận, thưa Tôn giả, chúng đem đến hạnh phúc an lạc. Ở đây, đối với chúng con là như vậy.

12. Như vậy, này các Sàlhà, điều ta vừa nói với các Ông: "*Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo Sư của mình*". Nhưng này các Sàlhà, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện;

các pháp này không có tội; các pháp này được các người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa lại hạnh phúc an lạc", thời này các Sàlha, hãy chứng đạt và an trú! Điều này đã được nói lên như vậy, chính là do duyên như vậy được nói lên.

13. Nay các Sàlha, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ ... với tâm câu hữu với bi ... với tâm câu hữu với hỷ ... với tâm câu hữu với xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy rõ biết như sau: *"Có trạng thái này, có trạng thái liệt, có trạng thái thù thắng, có xuất ly ra khỏi tưởng giới này."* Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta được giải thoát"*. Vị ấy rõ biết: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

Vị ấy rõ biết như sau:

- *"Trước ta có tham, tham ấy là bất thiện. Nay ta không có nữa. Như vậy là thiện.*
- *Trước ta có sân, sân ấy là bất thiện. Nay ta không có nữa. Như vậy là thiện.*
- *Trước ta có si, si ấy là bất thiện. Nay ta không có nữa. Như vậy là thiện".*

Như vậy, ngay trong đời sống hiện tại, vị ấy được giải thoát khỏi hy cầu, được tịch tịnh, được thanh lương, cảm thấy an lạc, tự mình an trú trong Phạm tánh.

108Chớ - Chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thời giờ - Kinh Voi – Tương II, 469

Voi – Tương II, 469

1) Tại ngôi vườn ở Sàvatthi.

2) Lúc bảy giờ, một vị **tân Tỷ-kheo** đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy:

- Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ.

3) Được nói vậy, vị Tỷ-kheo ấy nói:

- Những Tỷ-kheo Trưởng lão này nghĩ rằng, họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?

4) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có người tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy: "Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá

nhiều thì giờ". Được các Tỷ-kheo nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói: "Những Trưởng lão Tỷ-kheo này nghĩ rằng họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?"

6) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, gần một hồ nước lớn, tại một khu rừng, các con voi sống ở đấy. Chúng lặn xuống hồ, lấy vôi nhỏ lên các củ và rễ sen, rửa chúng thật sạch, làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Nhờ vậy, các con voi ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

7) Được huấn luyện theo các con voi lớn ấy, này các Tỷ-kheo, các con voi trẻ và nhỏ lặn xuống hồ, lấy vôi nhỏ lên các củ, rễ sen, không rửa chúng thật sạch, không làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Do vậy, các con voi ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây các Trưởng lão Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực. Tại đấy họ thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bốn phận của mình với các vị ấy. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đắc, không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy những nguy hiểm, hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Nhờ vậy, các Tỷ-kheo ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì

nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

9) Nhưng này các Tỷ-kheo, được huấn luyện theo các Trưởng lão Tỷ-kheo, các **tân Tỷ-kheo** vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khát thực.

10) Tại đây, các vị thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bốn phận của mình. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đặc, tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Do vậy, các vị Tỷ-kheo ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

11) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "*Chúng tôi sẽ thọ dụng các lợi đặc, không tham đắm, không say mê, không phạm tội, thấy những nguy hiểm, hiểu rõ sự xuất ly với trí tuệ*".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

109Chớ - Chớ kiêu mạn về vấn đề này - Kinh TÔN GIẢ SAMIDDHI – Tăng IV, 113

TÔN GIẢ SAMIDDHI – Tăng IV, 113

1. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngồi xuống một bên:

- *Do sở duyên gì, này Samiddhi, một người khởi lên các tư duy tầm?*

- Do **đanh sắc** làm sở duyên, thưa Tôn giả.

- *Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?*

- **Các giới**, thưa Tôn giả.

- *Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?*

- Lấy **xúc** làm tập khởi, thưa Tôn giả.

- *Này Samiddhi, chúng qui tụ ở đâu?*
 - Chúng qui tụ ở các **cảm thọ**, thưa Tôn giả.
 - *Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?*
 - Chúng lấy **định** làm thượng thủ, thưa Tôn giả.
 - *Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?*
 - Chúng lấy **niệm** làm tăng thượng, thưa Tôn giả.
 - *Này Samiddhi, chúng lấy cái gì làm tối thượng?*
 - Chúng lấy **tuệ** làm tối thượng, thưa Tôn giả.
 - *Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lỗi câ?*
 - Chúng lấy **giải thoát** làm lỗi câ, thưa Tôn giả.
 - *Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?*
 - Chúng thể nhập vào **bất tử**, thưa Tôn giả.
2. - Khi được hỏi: "Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?", Hiền giả đáp: "Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả".

Này Samiddhi, khi được hỏi: "Cái gì khiến chúng đi đến sai khác?", Hiền giả đáp: "Trong các giới, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?", Hiền giả đáp: "Lấy xúc làm tập khởi, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chỗ qui tụ của chúng là gì?", Hiền giả đáp: "Chỗ qui tụ của chúng là thọ, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm làm thượng thủ?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy định làm thượng thủ, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy niệm tăng thượng, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lỗi câý?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy giải thoát làm lỗi câý, thừa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?", Hiền giả đáp: "Chúng thể nhập vào bất tử, thừa Tôn giả".

Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả chớ có kiêu mạn về vấn đề này.

110Chớ - Chớ nói như vậy - Kinh XUẤT LY GIỚI – Tăng III, 25

XUẤT LY GIỚI – Tăng III, 25

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **sáu pháp xuất ly giới** này. Thế nào là sáu?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. **Chớ có xuyên tạc Thế Tôn**. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát sân tâm, tức là từ tâm giải thoát".

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập, bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt

chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát hại tâm, tức là bi tâm giải thoát".*

4. Nay các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy. Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có*

khả năng giải thoát bất lạc tâm, tức là hỷ tâm giải thoát".

5. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát tham tâm, tức là xả tâm giải thoát".*

6. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, thức của ta vẫn tùy niệm tướng".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế*

Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chắt chứa và khéo léo tinh cần, thức vẫn sẽ tùy niệm tướng, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát tất cả tướng, tức là vô tướng tâm giải thoát".

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nói như sau: "Tôi đã từ bỏ tư tướng "Tôi là". Tôi không có tùy quán "Cái này là tôi", tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do sự xâm chiếm tâm tôi và an trú".

Vị ấy cần phải được nói như sau: "*Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Với ai đã từ bỏ tư tướng "Tôi là", với ai không có tùy quán "Cái này là tôi", tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự xâm chiếm tâm người ấy và an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát mũi tên nghi hoặc do dự, tức là sự nhổ lên kiêu mạn "Tôi là".*

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu pháp xuất ly giới.

111 Chớ - Chớ nương tựa một gì khác - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (*MAHA PARINIBBANA SUTTA*) – Bài kinh số 16 – Trường I, 539

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakūṭa (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjī (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong".

2. Rồi Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và

khánh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khánh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Ràjagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta

quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

- Này Ananda, khi nào nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết, này Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống* của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thôi, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì

khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàli tại tự miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảo pháp bất thối này**. Nay Bà-la-môn, khi nào bảo pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảo pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảo pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con

phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bồn
phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người
nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha
hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi
đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế
Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất
cả những vị Tỷ-kheo sống gần Rājagaha (Vương
Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập
hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá
rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, đứng một bên và
bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế
Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.
Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng
đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với
các vị Tỷ-kheo:

***Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.***

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn
giảng như sau:

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niêm đoàn kết, giải tán trong niêm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lap trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiên chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiên chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói: Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sư, không hoan hỷ làm thế sư, không đam mê làm thế sư, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tu, không hoan hỷ quần tu, không đam mê quần tu, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban bè ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tâm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này

các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *sáu pháp bất thối*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đồng người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này

các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh,
không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đối với
các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và
vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa...

... gìn giữ ý nghiệp từ hòa tại chỗ đông người và
vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo
sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo phân phối
không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới
đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp,
cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời
này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường
thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với
các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người,
trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn
hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị
sứt mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trược, những
giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán
thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những
giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo,
chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy
giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với
các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người,
trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn

hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào **sáu pháp bất thối này** được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: "*Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu*".

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

- Này Sàriputta, lời nói của Người thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Người thật đã rống tiêng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ

đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện
chánh giác".

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những
Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ,
Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của
Ngươi: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức
như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy,
có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những
Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai,
Ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của Ngươi:
"Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như
vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có
hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi biết Ta là bậc Ứng
Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Ngươi đã biết tâm
Ta với tâm của Ngươi. "Thế Tôn có giới đức như
vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có
hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, như vậy Ngươi không có tha tâm
thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở
quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này
Sàriputta, vì sao Ngươi lại thốt ra những lời đại
ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử:

"Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về **chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã

chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.

Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalanda, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalanda cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pataligàma.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- **Này các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?**

Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sông phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đê Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bồi rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiên thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Nay các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bảy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa

ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn
và nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở
Pataligama?

- Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại
thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở
Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Nay Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị
thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở
Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì
ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

Nay Ananda ở đây với thiên nhãn, thanh tịnh, siêu
nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú
địa ở Pataligama.

Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị
ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai
lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy
khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung
hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị
này **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần bậc hạ
đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào
các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một
thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung
tâm thương mãi.

Nhưng này Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về **lửa**, về **nước** hay **chia rẽ bất hòa**.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn: "Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo".

Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần thứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

*Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.
Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.*

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng).

Lúc bây giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người

cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- **Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.**

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.

Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, cư sĩ Kalinga... Này Ananda cư sĩ Nikata... Này Ananda, cư sĩ Katissabha... Này Ananda, cư sĩ Tuttha... Này Ananda, cư sĩ Santuttha... Này Ananda, cư sĩ Bhadada... Này Ananda, **cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, **hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

Này Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.

Này Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Này Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ananda, **vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** *"Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa*

xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?
Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật**: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".

Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

Cu tức giới hạnh, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiền định".

Này Ananda, **chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngã quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?*
Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

14. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi

xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dân nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dân nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn im lặng nhận lời. Dân nữ Ambapàli được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thặng các cỗ xe thù thặng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bảy giờ đêm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với đêm nữ Ambapàli:
- Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe?

- Này quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.
- Này Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đôi lấy một trăm ngàn.
- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:
- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phổng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cởi xe cho đến chỗ còn có thể cởi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế

Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."
Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bảy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dân nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: **"Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ"**.

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống"*. Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân

con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì nay Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời nay Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng**: "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chằng đỡ dây chằng.

Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chúng

và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân
Nhu Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, này Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.**
Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương**

tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Cápàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Cápàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn**, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla!" Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo.

Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda hãy đi và làm những gì Người nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên.

Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đã

văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: *"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi*

học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế

Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách*

khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: ***"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người".*** Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: ***"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ".***

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như thảo áo giáp đang mang mặc.*

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?"

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?

13. - Này Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Này Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, có tám chúng. Thế nào là tám?

Chúng Sát-đế-Ly,
Chúng Bà-la-môn,
Chúng Cư sĩ,
Chúng Sa-môn,
Chúng Bốn Thiên vương,
Chúng Tam thập tam thiên,
Chúng Ma,
Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại

bắt đầu, **dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy.** Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*".

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất đó là ai, là chư*

Thiên chẳng, là Người chẳng? " Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các

loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt lóng trôn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Nay Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Nay Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.

Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.

Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.

Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; đó là sự giải thoát thứ tư.

Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.

Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.

Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapālani-grodha khi Ta mới thành đạo**. Này

Ananda, lúc bấy giờ Ác ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thế hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Này Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và

giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy

trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần

diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hành phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

- **Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.**

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- **Này Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?**

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, này Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ananda, **những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Này Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Này Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:**

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, **nếu Người thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời**. Này Ananda như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thú (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thú! Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại*". **Dẫu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại

Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jìvakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. *Này Ananda, tại đây Ta nói: "Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàràma, khả ái thay Corapapàta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kàla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodàràma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jìvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!*

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Đâu vậy, này Ananda, Người không***

thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Ngươi*". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người**".

45. Này Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, này Ananda, Ta cũng nói. "*Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại*".

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: "*Bạch*

Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thế hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Này Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Này Ananda, **hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ta nói với người:** "*Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Cápàla. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như*

Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:

"Bach Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

48. Này Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ". Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường
Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng
đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế
Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở
gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị
Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường,
rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một
bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch
Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch
Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp
thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên
chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các
vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng
ngộ và giảng dạy cho các Người, các Người phải
khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng
để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì
hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng

sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,

**Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thức ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.**

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma.

Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

***Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng
Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh lạc.***

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Người hãy thọ trì.

9. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi

câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Người hãy thọ trì.

10. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: *"Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư"*.

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "**Chắc**

*chấn những lời này **không phải là lời của Thế Tôn,** và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm".* Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "***Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh***". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Ngươi hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của Cunda, một người thợ sắt.

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Nay Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- **Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Nay Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ sắt Cunda.
Cơn bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần như chết đến
nơi.*

Sau khi cùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:

"Ta đi đến thành Kusinàra".

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc
cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy
mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo
Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với
Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda,
Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ
xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành
nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn,
sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ

chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy

nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bảy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallà thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallà, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".
- "Tôn giả có nghe tiếng không?"
- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".
- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"
- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
- "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"
- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".
- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".
- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. ***Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?***

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Nay Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa**. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết**. Nay Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Nay Pukkusa, lúc bấy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Nay Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"
 - "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"
 - "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".
 - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"
 - "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
 - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"
 - "Này Hiền giả, phải".
 - "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy, cũng không nghe gì".
 - Này Hiền giả, phải như vậy".
33. Này Pukkusa, người ấy liên tự nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, **nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn.**

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Nay Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này đặt trên thân Thế Tôn, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai?

Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đăng Giác

Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

Cặp áo kim sắc này.

Pukkusa mang đến.

Đắp áo kim sắc này,

Da Đạo Sư sáng chói.

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo
Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như
dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh
niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi
phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế
Tôn.

41. *Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho ta nằm.*

*Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.*

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho
thọ sát Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật
không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho
Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi
cúng dường và nhập diệt".

Này Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối
hận ấy của thọ sát Cunda: "*Này Hiền giả, thật là
công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn
cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.*

*Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự
thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự
cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một
dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?
Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác,*

*Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn
giới, không còn di hưởng sanh tử.*

*Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị
thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác.*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
tuổi thọ;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
sắc đẹp;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
an lạc;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
danh tiếng;*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
cõi trời,*

*Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng
uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu
tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt
lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,*

*Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ: này Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ.

Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân đề lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bấy giờ, cây sàlà song thọ **trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.**

Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi
trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi
xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như
Lai để cúng dường Ngài.

Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi
lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để
cúng dường Ngài,

Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường
Như Lai.

Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường
Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở
hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này
rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để
cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư
không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên
thân Như Lai để cúng dường. Bột trời chiên đàn từ
trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung
vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên
hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca
trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính
trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính
Như Lai.**

Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng.**

Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tỳ pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạt Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: "*Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.*"

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?"

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt

Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quả trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?

- Này Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, **không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp.**

Này Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng". Này Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

Này Ananda, có hạng **chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục,** những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lẫn lộn qua lại:
"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt

quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Này Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.

8. - Này Ananda, có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?

"Đây là chỗ Như Lai đản sanh" . Này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Này Ananda, **phải an trú chánh niệm.**

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

Này Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề
cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

Này Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn
hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn,
chuyên hướng về tự độ.**

Này Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những
học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín
Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng
dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai**
như thế nào?

- Này Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh
Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai
như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân
Thánh vương như thế nào?

Này Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương
được vấn tròn với vải mới.

Sau khi vấn vải mới xong, lại được vấn thêm với
vải gai bên.

Sau khi vấn vải gai bên, lại vấn thêm với vải mới,
và tiếp tục như vậy cho đến **năm trăm lớp cả hai**
loại vải.

Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt,
hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.

Này Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

Này Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.

Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

12. Này Ananda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn?

Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng đáng xây tháp.

Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp.

Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ

đến: "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật". " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

Này Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, **dựa trên cột cửa và đứng khóc:** *"Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

Này Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.

Này Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt?" Không thể có sự kiện như vậy được.

Này Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

Này Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta. Này Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vị thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy. Này các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "**Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng**

thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn! "

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?

Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, nay các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời nay các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, vì Chuyển luân Thánh vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-lỵ... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói

*chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm
thinh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức
tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo...
chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư
sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ
vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết
pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp,
và nếu Ananda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo
chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu,
hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế
Tôn:

- Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị
nhỏ bé này**, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ
thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to
lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương
Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi
(Kiêu-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn
hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-
đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia
chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường
thân xá-lợi Như Lai.

- Này Ananda, chớ có nói như vậy, này Ananda,
chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu,
đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyên luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏ, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy uống đi, hãy ăn đi".

19. Nay Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "*Này các Vàsetthà, **đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ***".

- Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như*

Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài cộng sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vàsetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Nay Vàsetthà, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana,

khu rừng Sàlā của dòng họ Mallā và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallā ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallā đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallā ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallā này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallā ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàlā của dân Mallā, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiều
Nhu Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả
Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền
nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda,
hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Nhu Lai.
Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ
không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả
lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách
mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo
Subhadda:

- Này Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho
phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn,
nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi
ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ
ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là
những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo
hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái,
được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana
Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali,
Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta,
Nigantha Nàthaputta, **tất cả những vị này có phải
là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất**

cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ". Này Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. -

Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.

Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.

Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. **Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.**

**Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống
chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-
la-hán.**

**Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.**

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhứt);
cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-
môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những
hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-
môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn
chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda
bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu
thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại
những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì
bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem
đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có
thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế
Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích.
Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp
và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia
với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đánh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao

lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.
Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thế độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:
- Nay Ananda, nếu trong các Người có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Nay Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người.**
2. Nay Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy.

Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

3. Này Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Này Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Này Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo,

các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: " Bạch Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn ".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các
Người: "**Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh
tấn, chớ có phóng dật**".

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.

Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.

Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô
biên xứ.

Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu
xứ.

Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi
phi tưởng xứ.

Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt
thọ tướng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.

- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài
mới nhập Diệt thọ tướng định.

9.

Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tưởng
phi phi tưởng xứ định.

Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Vô sở
hữu xứ định.

Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ
định.

Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên
xứ định.

Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ
thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Sơ thiền.

Xuất Sơ thiền, Ngài nhập định Nhị thiền.

Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Tam thiền.

Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Tứ thiền.

Xuất Tứ thiền, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại
địa chấn động khủng khiếp, râu tóc dựng ngược,
sấm trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng
lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

Chúng sanh ở trên đời,

*Từ bỏ **thân ngũ uẩn***

Bậc đạo sư cũng vậy,

Đáng Tuyệt luân trên đời.

Bậc Đại hùng Giác ngộ

Như Lai đã diệt độ.

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Không phải thở ra vào
Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc
Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải
thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi
cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất,
lăn lộn qua lại: "**Thế Tôn nhập diệt quá sớm,**

Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư:

"Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy."

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: **Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.**

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy:

" Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy ". Này các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lẫn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiên Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư:
“ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. **Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại.** Rồi tôn giả

Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Ngươi nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.”

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư

cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.*”

Lúc bảy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng khiêng không nổi được. Các vị Mallà ở Kuisnàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá- lợi Như Lai, nhưng không khiêng nổi được?

- Nay Vàsetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vàsetthà, ý định của các Người như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chở thân xá- lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.*”

Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng*

dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đồng bụi, đồng rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vasetthà:

Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.

Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải gai bền.

Sau khi vắn với vải gai bền, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.

Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,

Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.

Này các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

Này các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đặt hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một góc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ
đàng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng
ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng
tôi không?

- Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt
độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa
Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có
vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì
khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại:
" Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thế nhập diệt
quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị
này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại suy tư: "
Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện
ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã
lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này.**

Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với
những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc
than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại
Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với
những lời: "*Làm như thế này không hợp với các
Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi* ".

Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm,

những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.**

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- **Này các vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau:** " Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu đánh lễ Thế Tôn** ".

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khí đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cởi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn. Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bốc lửa cháy.

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, thầy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vải gai bện, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế

Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlà) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallà ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallà xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

Những người Licchavì ở Vesàlì nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các

người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".

Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

Bà-la-môn Vethadīpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

Các người Mallà ở Pāvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở

Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

*Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp nhẫn...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đông chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.
26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại".

Rồi các vị này lấy than tro còn lại.

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.
Những người Mallà ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pippalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

*28. Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudìpa.
Một phần Long vương cúng.*

*Tại Ràmagàma.
Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đẳng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.
Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.*

112Chớ - Chớ thành người tối hậu sau Ta - Kinh MAKHADEVA – 83 Trung II, 531

KINH MAKHADEVA (Makhadeva sutam)

– Bài kinh số 83 – Trung II, 531

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Mithila (Di-tát-la), tại rừng Makhadevamba. Rồi Thế Tôn mỉm cười khi đến tại một địa điểm. Tôn giả Ananda liền suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười? Không phải không có lý do khiến Thế Tôn mỉm cười". Rồi Tôn giả Ananda, đắp y phía một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do khiến Thế Tôn mỉm cười.

– Thuở xưa, này Ananda, vị vua chính nước Mithila này tên là Makhadeva, là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp, giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bồ-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8. Rồi này Ananda, vua Makhadeva sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, bảo người thợ cạo tóc:

"– Này Thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu ta, có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Makhadeva. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu vua Makhadeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu vua Makhadeva:

"– Các Thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"– Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda người thợ cạo tóc vâng đáp vua Makhadeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của vua Makhadeva. Rồi này Ananda, vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, liền cho gọi hoàng tử con đầu và nói:

"– Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta.

Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào, (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như là một ân tứ) sau khi khéo giao quốc gia cho hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, vua Makhadeva đã xuất gia. Vì này an trú, biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thâm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm thâm

nhuần lòng bi... với tâm thắm nhuần lòng hỷ,... an trú biến mãn một phương với tâm thắm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thắm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Nhưng này Ananda, vua Makhadeva, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi **tu tập bốn Phạm trú**, khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Rồi này Ananda, con vua Makhadeva, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người thợ cạo tóc:

"– Này thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu Ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda người thợ cạo tóc vâng đáp con vua Makhadeva. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm người thợ cạo tóc thấy

trên đầu con vua Makhadeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền râu với con vua Makhadeva:

"– Các Thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"– Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"– Thừa vâng, râu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo râu vâng đáp con vua Makhadeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của con vua Makhadeva. Rồi này Ananda, con vua Makhadeva sau khi cho người thợ cạo râu một lương áp như một ân tứ, liền cho gọi vị hoàng tử con râu và nói: "– Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, râu bạc đã thấy sanh ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo râu tóc đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và nay, này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy râu bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo râu một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia này cho vị hoàng tử con râu, sau khi cạo râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập. Con phải tiếp tục

duy trì, chớ thành người tối hậu sau ta. Nay Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu. Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, con vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp (như một ân tứ), sau khi khéo giao quốc gia cho vị hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài này, con vua Makhadeva sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thẩm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy, phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thẩm nhuần lòng từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm thẩm nhuần lòng bi... với tâm thẩm nhuần lòng hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm thẩm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thẩm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Nhưng này Ananda, con vua Makhadeva tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài này, con vua Makhadeva sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Rồi này Ananda, các tử tôn của vua Makhadeva truyền nối tiếp tục vua ấy, sau tám vạn bốn ngàn năm làm vương tộc (Khattiya), chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các vị ấy biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng từ và an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thâm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân, với tâm thâm nhuần lòng bi... .. với tâm thâm nhuần lòng hỷ... .. an trú, biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, những vị ấy an trú biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy tám vạn bốn ngàn năm đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Các vị ấy, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Nemi là vị cuối cùng của các vị vua ấy, là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8. Thuở xưa, này Ananda, khi chư Thiên ở Tavatimsa (Tam thập tam thiên) ngồi hội họp với nhau tại giảng đường Thiện Pháp (Sudhamma), cuộc đối thoại sau đây được khởi lên: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha, thật tốt đẹp thay cho dân chúng Videha, được vua Nemi là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8".

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba:

"– Chư Khanh, chư Khanh có muốn yết kiến vua Nemi không?".

"– Thưa Thiên chủ, chúng tôi muốn yết kiến vua Nemi".

Lúc bấy giờ, vua Nemi trong ngày rằm lễ Bô-Tát (Uposatha), đã gọi đầu, giữ trai giới đang ngồi trên lầu cung điện. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thiên chủ biến mất giữa chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, và hiện ra trước mặt vua Nemi. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với vua Nemi:

"– Tâu Đại vương, thật hạnh phúc thay cho Đại vương, thật tốt lành thay cho Đại vương! Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba đang ngồi tại giảng đường Thiện Pháp tán thán Đại vương và nói: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha... (như trên)... và ngày mùng 8". Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, tôi sẽ gọi cho Đại vương một cỗ xe có ngàn ngựa kéo, Đại vương hãy cưỡi thiên xa ấy, chớ có sợ hãi! "

Này Ananda, vua Nemi im lặng nhận lời. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka, sau khi biết được vua Nemi đã nhận lời, như nhà lực sĩ... (như trên)... liền

biến mất và hiện ra giữa chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba.

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka gọi người đánh xe Matali và nói:

"– Này Matali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo hãy đi đến vua Nemi và nói: "Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cười thiên xa, chớ có sợ hãi! "

"– Thừa vâng, Tôn giả".

Người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, cho thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, đi đến vua Nemi và thưa:

"– Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cười thiên xa, chớ có sợ hãi! Và tâu Đại vương, con sẽ dẫn Đại vương đi đường nào? Con đường do đó các nghiệp ác đưa đến sự cảm thọ quả báo các nghiệp ác hay con đường do đó các thiện nghiệp đưa đến sự cảm thọ quả báo các thiện nghiệp".

"– Hãy đưa Ta đi, cả hai con đường".

Và này Ananda, người đánh xe Matali đưa vua Nemi đến giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp).

Này Ananda, Thiên chủ Sakka thấy vua Nemi đường xa đi đến, sau khi thấy vậy, liền nói với vua Nemi:

"– Hãy đến, tâu Đại vương; thiện lai, tâu Đại vương. Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ngôi ở giảng đường Sudhamma, tán thán Đại vương như sau: "Thật là hạnh phúc... (như trên)... và ngày mùng 8". Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, hãy hoan lạc với thiên uy lực giữa chư Thiên".

"– Thôi vừa rồi, Tôn giả. Hãy đưa tôi về Mithila, tại đây tôi sẽ sống theo Chánh pháp giữa các vị Bà-la-môn, gia chủ, và giữa các thị dân và thôn dân và thợ trị trai giới vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8".

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Matali:

"– Này Matali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, hãy đưa vua Nemi về tại Mithila".

"– Thừa vâng, Tôn giả".

Này Ananda, người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, và đưa vua Nemi về Mithila.

Ở đây, này Ananda, vua Nemi sống như pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ và giữa thị dân và thôn dân, thợ trị trai giới vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8.

Và này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm; vua Nemi gọi người thợ cạo tóc:

"– Nay Thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Nemi.

Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu vua Nemi có mọc tóc bạc, thấy vậy liền tâu với vua Nemi:

"– Các Thiên sứ đã hiện cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"– Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Nemi, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay vua Nemi. Rồi này Ananda, vua Nemi, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như một ân tứ), liền cho gọi vị hoàng tử con đầu và nói:

"– Nay Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào

Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho vị hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta. Nay Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn) người ấy là người tối hậu. Nay Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, vua Nemi, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như là một ân tứ), sau khi khéo giao quốc gia cho vị Hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết cả phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thâm nhuần lòng từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm thâm nhuần lòng bi... ... Với tâm thâm nhuần lòng hỷ... ... an trú biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng xả; cũng vậy

phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thâm nhuần lòng xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Nhưng này Ananda, vua Nemi, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Nhưng này Ananda, người con của vua Nemi tên là Kalarajanaka. Vị này không xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị này đã cắt đứt truyền thống tốt đẹp ấy. Vị này là người tối hậu của các vị ấy.

Này Ananda, rất có thể Ông nghĩ như sau: "Trong thời ấy, vua Makhadeva, vị đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy là một vị khác". Nhưng này Ananda, chớ có hiểu như vậy. **Trong thời ấy, ta là Makhadeva. Ta đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy.** Dân chúng đến sau cho rằng truyền thống tốt đẹp ấy được Ta thiết lập.

Nhưng này Ananda, truyền thống tốt đẹp ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Và này Ananda, nay thế nào là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Ananda, **đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn.**

Này Ananda, về vấn đề này, Ta nói như sau:

"Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta".

Này Ananda, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Ananda, Ta nói với Ông: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

113Chợ cá - ồn ào bị Thế Tôn đuổi đi - Kinh CATUMA – 67 Trung II, 253

KINH CATUMA

(Catuma sutta)

– Bài kinh số 67 – Trung II, 253

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Catuma trong rừng cây Kha-lưu-lạc. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallana cầm đầu cùng đến Catuma để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cự trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, nên các tiếng náo động ồn ào khởi lên. Rồi

Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, các tiếng náo động ồn ào kia là các tiếng gì, thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau.
- "Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallama cầm đầu, đã đến Catuma để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cự trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– "Vậ này Ananda, hãy nhân danh Ta bảo các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

– Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có nghĩ chẳng, các tiếng náo động ồn ào thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau?

– Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallana dẫn đầu, đã đến Catuma để yết kiến Thế Tôn và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cư trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– Hãy đi đi này các Tỷ-kheo, Ta đuổi các Ông. Các Ông chớ có ở gần Ta.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp lại sàng tọa, cầm lấy y bát rồi ra đi.

Lúc bấy giờ, các Thích tử trú ở Catuma đang hội họp tại giảng đường vì một vài công cụ. Các Thích tử trú ở Catuma thấy các Tỷ-kheo ấy từ xa đi đến, sau khi thấy liền đến gặp các Tỷ-kheo, sau khi đến bèn nói như sau:

– Nay chư Tôn giả đi đâu?

– Chư Huynh, chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi đi.

– Chư Tôn giả hãy ngồi lại một lát. Chúng tôi có thể làm cho Thế Tôn vui lòng.

– Thừa vâng, chư Huynh.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp các Thích tử trú ở Catuma. Rồi các Thích tử trú ở Catuma đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các

Thích tử trú ở Catuma bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ, cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.

Bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

Ví như, bạch Thế Tôn, các hạt giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có

những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

Ví như, bạch Thế Tôn, con nghé nếu không được thấy con bò mẹ, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo. Rồi **Phạm thiên Sahampati (Ta bà Chủ) với tâm của mình biết được tâm Thế Tôn**. Như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra. Cũng như vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia chúng

Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

Ví như, bạch Thế Tôn, các hạt giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

Ví như, bạch Thế Tôn, con nghé, nếu không được thấy con bò mẹ, nó có thể đổi khác, nó có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo. Các thích tử ở Catuma và Phạm thiên Sahampati đã có thể làm Thế Tôn vui lòng với ví dụ hột giống và ví dụ con nghé con.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana bảo các Tỷ-kheo:
– Chư Hiền, hãy đứng dậy! Hãy cầm lấy y và bình bát! Thế Tôn đã được các Thích tử trú ở Catuma và Phạm thiên Sahampati làm cho vui lòng với **ví dụ hột giống và ví dụ con nghé con**.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahamoggallana, từ chỗ ngồi đứng dậy, cầm lấy y bát, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sariputta đang ngồi một bên:

Này Sariputta, Ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi?

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Chúng con nay cũng được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc."

– Này Sariputta, hãy chờ đợi! Này Sariputta, hãy chờ đợi! Này Sariputta, **chớ có để tư tưởng như vậy khởi lên Ông nữa.**

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahamoggallana:
Này Moggallana, Ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi?

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Và nay

con và Tôn giả Sariputta sẽ lãnh đạo chúng Tỷ-kheo.

– Lành thay, lành thay, Moggallana. Nay Moggallana, chỉ có Ta hay Sariputta và Moggallana mới có thể lãnh đạo chúng Tỷ-kheo được.

Rồi Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi chờ đợi những ai lợi xuống nước. Thế nào là bốn?

Sợ hãi về sóng,
Sợ hãi về cá sấu,
Sợ hãi về nước xoáy,
Sợ hãi về cá dữ.

Này các Tỷ-kheo, bốn điều đáng sợ hãi này chờ đợi những ai lợi xuống nước.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi này, ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình trong Pháp Luật này. Thế nào là bốn?

Sợ hãi về sóng,
Sợ hãi về cá sấu,
Sợ hãi về nước xoáy,
Sợ hãi về cá dữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **sợ hãi về sóng?**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ

chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự
chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng
Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "**Ông cần phải
đi ra như vậy**, Ông cần phải đi về như vậy; Ông cần
phải ngó tới như vậy, Ông cần phải ngó quanh như
vậy; Ông cần phải co tay như vậy, Ông cần phải
duỗi tay như vậy; Ông cần phải mang y sanghati
(tăng-già-lê), mang y bát như vậy".

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, chúng ta chưa
xuất gia, chính chúng ta giảng dạy, khuyên giáo
người khác. Những người này giống như con chúng
ta, giống như cháu chúng ta, lại nghĩ rằng cần phải
giảng dạy chúng ta, cần phải khuyên giáo chúng
ta". Vị ấy từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ sự học
tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi
bởi sự sợ hãi về sống. Này các Tỷ-kheo, **sợ hãi về
sống là đồng nghĩa với phần nào.**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá sấu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì
lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia
đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết,
sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ
chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự
chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "**Ông nên nhai cái này**, Ông không nên nhai cái này; Ông nên ăn cái này, Ông không nên ăn cái này; Ông nên nếm cái này, Ông không nên nếm cái này; Ông nên uống cái này, Ông không nên uống cái này. Cái gì được phép, Ông nên nhai; cái gì không được phép, Ông không nên nhai. Cái gì được phép, Ông nên ăn; cái gì không được phép, Ông không nên ăn. Cái gì được phép, Ông nên nếm; cái gì không được phép, Ông không nên nếm. Cái gì được phép, Ông nên uống; cái gì không được phép, Ông không nên uống. Đúng thời, Ông nên nhai, không đúng thời, Ông không nên nhai. Đúng thời, Ông nên ăn; không đúng thời, Ông không nên ăn. Đúng thời, ông nên nếm; không đúng thời, Ông không nên nếm. Đúng thời, Ông nên uống; không đúng thời, Ông không nên uống".

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia chúng ta chưa xuất gia, cái gì chúng ta muốn, chúng ta nhai, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nhai; cái gì chúng ta muốn, chúng ta ăn; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không ăn; cái gì chúng ta muốn, chúng ta nếm, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nếm; cái gì chúng ta muốn, chúng ta uống; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không uống. Cái gì được phép, chúng ta nhai; cái gì không được

phép, chúng ta cũng nhai. Cái gì được phép, chúng ta ăn; cái gì không được phép, chúng ta cũng ăn. Cái gì được phép, chúng ta nếm; cái gì không được phép, chúng ta cũng nếm. Cái gì được phép, chúng ta uống; cái gì không được phép, chúng ta cũng uống. Cái gì đúng thời, chúng ta nhai; cái gì phi thời, chúng ta cũng nhai. Cái gì đúng thời, chúng ta ăn; cái gì phi thời chúng ta cũng ăn. Cái gì đúng thời, chúng ta nếm; cái gì phi thời chúng ta cũng nếm. Cái gì đúng thời, chúng ta uống; cái gì phi thời chúng ta cũng uống. Khi các gia chủ có tín tâm cúng dường chúng ta những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, hình như các món ăn ấy đang bị chặn đứng lại trên miệng". Vị ấy từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá sấu. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về cá sấu là đồng nghĩa với tham ăn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về nước xoáy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Ở đây, vị này thấy gia chủ hay con người gia chủ hưởng thụ một cách đầy đủ, năm dục trường dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy.

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Chúng ta xưa kia chưa xuất gia đã hưởng thọ một cách đầy đủ năm dục trường dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vì nhà ta có tài sản, ta có thể vừa hưởng thọ tài sản, vừa làm công đức", vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về nước xoáy. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về nước xoáy là đồng nghĩa với năm dục trường dưỡng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá dữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khát thực,

không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Vị này thấy ở đây các phụ nữ y phục không đoan chánh, hay y phục mặc lộ liễu.

Khi thấy các phụ nữ y phục không đoan chính hay y phục lộ liễu, đục tình phá hoại tâm của vị ấy. Vị này, tâm bị đục tình phá hoại, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá dũ. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về cá dũ là đồng nghĩa với phụ nữ.

Này các Tỷ-kheo, những điều này là bốn điều đáng sợ hãi ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp luật này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

114Chợ cá - ồn ào như chợ cá - Kinh TÔN GIẢ NÀGITA – Tăng III, 100

TÔN GIẢ NÀGITA – *Tăng III, 100*

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời thế Tôn đang bộ hành giữa các người Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchànangala.

Tại đây, Thế Tôn trú ở Icchànangala, trong khóm rừng Icchànangala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchànangala được nghe: "Tôn giả Gotama là Thích tử, xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchànangala, trú ở Icchànangala trong khóm rừng Icchànangala. Về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và Người. Sau khi đã chứng ngộ, Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ, Ngài thuyết pháp điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ngài

truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch".
Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! ". Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchànangala, sau khi đêm ấy đã mãn, cầm theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến khóm rừng Icchànangala, sau khi đến, đứng ở ngoài cổng vào, cao tiếng và lớn tiếng.

2. Lúc bấy giờ, *Tôn giả Nàgita là thị giả của Thế Tôn*. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Nàgita:

- Nay Nàgita, những ai đã cao tiếng và lớn tiếng như những người đánh cá đang giết hại cá?

- Các người ấy, bạch thế Tôn, là các Bà-la-môn gia chủ trú ở Icchànangala đang đứng ở khu viên cổng ngoài, đem theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cho Thế Tôn và chúng Tăng.

- Nay Nàgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta.

Này Nàgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào,

tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt, và nước được chảy tùy theo chiều dốc; cũng vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ cũng sẽ đi đến, với tâm hướng về cúng dường. Vì có sao? Bạch Thế Tôn do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn!

- Nay Nàgita, **Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta.** Nay Nàgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức an ổn lạc, viển ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

3. Ở đây, nay Nàgita, Ta thấy một Tỷ-kheo ngồi Thiền định tại trú xứ ở cuối làng. Nay Nàgita, về vị ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nay có người coi khu vườn hay người Sa-di phá phách vị Tỷ-kheo này, làm cho vị này xuất khỏi thiền định". Do vậy, nay Nàgita, Ta không có hoan hỷ với trú xứ của vị ấy.

4. Ở đây, nay Nàgita, Ta thấy một Tỷ-kheo đang ngồi ngủ gục ở trong rừng. Nay Nàgita, Ta suy nghĩ về vị ấy như sau: "Nay vị Tỷ-kheo này, sau khi đoạn trừ ngủ nghỉ và mệt nhọc, sẽ tác ý tưởng về rừng đạt

được nhất tâm". Do vậy, này Nàgita, ta hoan hỷ với trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

5. Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, ngồi không Thiền định trong rừng. Này Nàgita, đối với vị ấy, Ta suy nghĩ: "Nay Tỷ-kheo này sẽ Thiền định được tâm không Thiền định, hay sẽ bảo vệ tâm đã được Thiền định". Do vậy, này Nàgita. Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

6. Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng ngồi với tâm Thiền định ở rừng. Này Nàgita, đối với vị ấy, Ta suy nghĩ: "Nay Tỷ-kheo này sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát hay sẽ bảo vệ tâm đã được giải thoát". Do vậy, này Nàgita, Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

7. Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở cuối làng, nhận được vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, thích thú với các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, bỏ phế Thiền tịnh, bỏ phế các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng, đi xuống làng, thị trấn, kinh đô để lo nuôi sống. Do vậy, này Nàgita, Ta không có hoan hỷ về trú xứ cuối làng của Tỷ-kheo ấy.

8. Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng nhận được các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhưng chận đứng các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, không bỏ phế

Thiền tịnh, không bỏ phế các Trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Do vậy, này Nàgita, Ta hoan hỷ về tú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

Nhưng khi Ta đang bước đi trên con đường, trước mặt, Ta không thấy ai; sau lưng, Ta không thấy ai; trong khi ấy, Ta cảm thấy an ổn, này Nàgita, cho đến vấn đề đi đại, tiểu tiện.

115 Các bước tu tập - Kinh UPÀLI – Tăng IV, 515

UPÀLI – Tăng IV, 515

1. Bấy giờ có Tôn giả Upàli đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn sống trong rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng.

2. Nay Upàli, không dễ dàng là sống tại các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng, khó khăn là đời sống viễn ly, khó ưa thích là đời sống độc cư. Ta nghĩ rằng: "**Các ngôi rừng làm loạn ý Tỷ-kheo chưa được Thiên định**". Nay Upàli, ai nói như sau: "**Dầu tôi chưa được Thiên định, tôi sẽ sống tại các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng**", thời người ấy được chờ đợi như sau: "**Vì ấy sẽ chìm xuống (đáy) hay nổi lên (mặt nước)**".

3. Ví như, nay Upàli, một hồ nước lớn, có **con voi lớn** đi đến, bảy thước hay tám thước cao. Con voi ấy suy nghĩ: "*Ta hãy lặn vào hồ nước này, rồi chơi trò chơi rửa tai, rồi chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau*

khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta đi chỗ nào ta muốn". Rồi con voi ấy lặn vào hồ nước ấy, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng, sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, nó đi chỗ nào nó muốn. Vì sao? Vì tư ngã to lớn tìm được chân đứng trong chỗ nước.

Rồi có con thỏ hay con mèo đến, nó suy nghĩ: "*Ta là ai, con voi lớn là ai? Vậy ta sau khi lặn xuống hồ nước này, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta sẽ đi chỗ nào ta muốn*". Rồi nó nhảy vào hồ nước ấy lập tức, không có tính toán. Với nó, được chờ đợi rằng: "**Nó sẽ chìm hay nổi trên mặt nước**" Vì sao? Nay Upàli, vì tư ngã nhỏ bé không tìm được chân đứng trong nước sâu.

Cũng vậy, này Upàli, ai nói rằng: "Dầu tôi không được định, tôi sẽ sống trong các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng". Với vị ấy, được chờ đợi rằng: "Nó sẽ chìm xuống hay nổi trên mặt nước".

4. Ví như: này Upàli, một đứa trẻ, còn nhỏ, còn yếu, nằm ngửa, chơi với phân và nước tiểu của mình.

Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi con nít này có thiệt là toàn diện đầy đủ không?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, đưa con nít ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, có được các đồ chơi của những con nít, như trẻ con chơi khăn, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đóng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, và nó chơi với những đồ chơi ấy. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi này so sánh với trò chơi trước, có đi đến thù diệu hơn, thù thắng hơn?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Rồi này Upàli, đưa trẻ ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc, với các sắc do mắt nhận thức, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn, với các tiếng do tai nhận thức... với các hương do mũi nhận thức... với các vị do lưỡi nhận thức... với các xúc do thân cảm giác, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi này, so sánh với các trò chơi trước có thù diệu hơn, thù thắng hơn không?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

5. Ở đây, này Upàli, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thắng trí, tuyên bố cho biết về thế giới này, các chư Thiên, các ma, các Phạm thiên, với chúng Sa-Môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người gia chủ, hay con người gia chủ hay một người tái sanh trong một gia đình khác nghe Pháp ấy, sau khi nghe Pháp, vị ấy sanh lòng tin vào Như Lai. Vị ấy thành tựu với lòng tin ấy, suy xét như sau: *"Đời sống gia đình đầy những phiền phức, con đường đầy những bụi đời, đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."*

Một thời gian sau, vị ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. **Vị ấy đã xuất gia như**

vậy, thọ lãnh đầy đủ sự học tập và nếp sống của các Tỷ-kheo.

- Sau khi đoạn tận sát sanh, sống từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị ấy sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự mình sống thanh tịnh không có trộm cướp.
- Sau khi đoạn tận không Phạm hạnh, vị ấy sống Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ.
- Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo, nói lời chơn thật, nói lời liên hệ đến chân thật, vững chắc, đáng tin cậy, không lường gạt lời hứa đối với đời.
- Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống kết hợp những kẻ bị chia rẽ, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, ưa thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời tác thành hòa hợp.

- Sau khi đoạn tận lời nói độc ác, vị ấy sống từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, thích ý nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy.
- Sau khi đoạn tận lời nói phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm, nói lời đúng thời, nói lời chân thật, nói lời có ý nghĩa, nói lời về Chánh pháp, nói lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.
- Vị ấy sống từ bỏ làm hại các hột giống và các loại cây cỏ; dùng mỗi ngày một bữa, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang, từ bỏ dùng giường cao và giường lớn, từ bỏ nhận vàng và bạc, từ bỏ nhận các hạt sống, từ bỏ nhận thịt sống, từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ việc phái người làm môi giới, hoặc tự mình làm môi giới, từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bứt đoạt, trộm cắp, cướp phá.

- Vị ấy, **biết đủ**, bằng lòng với tâm y để che thân, với **đồ ăn khát thực** để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo y và bình bát như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị ấy bằng lòng với tâm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo.
- **Vị ấy thành tựu với thành tựu giới uẩn này, nội tâm cảm thọ sự an lạc không có phạm lỗi.**

6. Vị ấy, khi **mắt** thấy **sắc**, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thật hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thật hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không có xen lẫn.

7. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều **tĩnh giác**; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay; khi

đuôi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nuốt đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu với **Thánh giới uẩn** này, thành tựu với **Thánh hộ trì các căn** này, thành tựu với **Thánh chánh niệm tỉnh giác** này, chọn một trú xứ thanh vắng như rừng, gốc cây, núi, khe đá, hang đá, bãi tha ma, khu rừng xa vắng, ngoài trời, đồng rơm. Vị ấy đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngôi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy, sau khi đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm khỏi tham ái.
- Sau khi đoạn tận sân, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, sống với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, vị ấy gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Sau khi đoạn tận trạo hoi, sống không trạo hoi, với nội tâm trầm lặng, vị ấy gột rửa hết tâm trạo cử hoi tiếc.

- Sau khi đoạn tận nghi ngờ, vị ấy sống thoát ly nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

8. Vì vậy sau khi **đoạn tận năm triền cái** này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm hèn yếu trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vì sao, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, thù thắng hơn?

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, các đệ tử của Ta, thấy được Pháp này trong tự ngã, sống tại các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng, cho đến khi mục đích của mình chưa đạt, thời họ vẫn trú (tại các chỗ ấy), (hay như mục đích của mình chưa đạt, tức là định chưa đạt; thời không sống trong rừng núi cao nguyên tại các trú xứ xa vắng).

9. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Upàli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy Pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

10. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Upàli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy Pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

11. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli... chưa đạt được...? ...

12. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các tướng đối ngại, không tác ý đến các tướng sai biệt, nghĩ rằng: "**Hư không là vô biên**", chứng đạt và an trú Không

vô biên xứ. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.

13. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "**Thức là vô biên**", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.*

Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "**Không có sở hữu**", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.*

Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là thù diệu", chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn... mục đích của mình chưa đạt được.

14. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**, vị ấy **sau**

khí thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Thấy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, các đệ tử của Ta, sau khi quán thấy Pháp này trên tự ngã đã đến ở trong các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng, họ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

→ Vậy này Upàli, Thầy hãy sống giữa chúng Tăng. Sống giữa chúng Tăng, Thầy sẽ được an ổn.

116 Các hành là vô thường - Kinh MẬT TRỜI – Tăng III, 418

MẬT TRỜI – Tăng III, 418

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Vesàlì, tại rừng Ambapàli. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. Này các Tỷ-kheo,

- ➔ *Các hành là vô thường.*
- ➔ *Các hành là không có kiên cố.*
- ➔ *Các hành là không an ổn.*
- ➔ *Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.*

❖ Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài 84 ngàn do tuần, rộng 84 ngàn do tuần, chìm xuống biển lớn 84 ngàn do tuần, nổi lên trên biển lớn 84 ngàn do tuần. Này các Tỷ-kheo, *rồi có thời, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, trời không mưa.* Khi không có mưa,

các loài chủng tử, các loài thực vật, các rừng rậm được thảo đều khô héo căn cỗi không có tồn tại.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ hai hiện ra.

3. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ hai có mặt, thời tất cả sông nhỏ, ao nhỏ khô cạn, khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra.

4. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng, sông Yamunà, Aciravati, Sarabhù, Mahì, các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra, thời các biển hồ lớn, từ đây các sông lớn chảy ra, ví như Anotattà, Sìhapapàtà, Rathakàrà, Kannamunda, Kunàlà, Chaddantà, Mandàkinì, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra.

6. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm có mặt, thời nước các biển lớn rút lui một trăm do tuần, nước các biển lớn rút lui hai trăm do tuần, các nước biển lớn rút lui ba trăm do tuần... Nước các biển lớn rút lui bảy trăm do tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây sàla, sáu cây sàla, năm cây sàla, bốn cây sàla, ba cây sàla, hai cây sàla, chỉ một cây sàla. Nước biển lớn dừng lại, sâu đến bảy đầu người, sáu đầu người, năm đầu người, bốn đầu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người.

Ví như này các Tỷ-kheo, vào mùa thu khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái, có những vũng nước nhỏ đọng lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại, chỗ này chỗ kia.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, **nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra.

7. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru, sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên, phun khói lên.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra.

8. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa. Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chóp ngọn của núi Sineru, cao đến một, hai, ba, bốn, năm trăm do tuần, khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liền sụp đổ xuống.

Sau khi quả đất lớn và núi Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.
Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

➔ Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là **vô thường**.
Nay các Tỷ-kheo, các hành là **không có kiên cố**.
Nay các Tỷ-kheo, các hành là **không an ổn**. Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ai là người có thể nghĩ rằng, ai là người có thể tin rằng: "Quả đất này và núi chúa Sineru sẽ bị đốt cháy, sẽ bị hủy hoại, sẽ không còn tồn tại nữa", trừ những người đã được chứng kiến.

9. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có *Đạo Sư Sunetta thuộc ngoại đạo, được ly tham trong các dục*. Này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta có hàng trăm người đệ tử. Đạo Sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới.

Và tất cả những ai nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời thuyết dạy của Sunetta, về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới, khi thân hoại mạng chung, họ được sanh lên thiện thú Phạm thiên giới.

Những ai không nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời dạy của Sunetta, sau khi thân hoại mạng chung, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha hóa Tự tại, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Đâu-suất Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Dạ-ma Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Thiên giới Ba mươi ba, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Bốn Thiên vương, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Sát-đế-ly, một số được sanh cộng trú với các

đại gia đình Bà-la-môn, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình gia chủ.

10. Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta suy nghĩ như sau: "*Thật không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sanh thú giống như sanh thú của các đệ tử. Vậy ta hãy tu tập tối thượng từ bi*".

Rồi này các Tỷ-kheo, *bậc Đạo sư Sunetta trong bảy năm tu tập từ tâm.*

- Sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, vị ấy không trở lui lại thế giới này.
- Trong kiếp thành của thế giới, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến thế giới của Abhassara (Quang Âm thiên).
- Trong kiếp hoại của thế giới, vị ấy được sanh trong Phạm cung trống không. Tại đây này các Tỷ-kheo, vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc chiến thắng, bậc vô năng, bậc biến tri, bậc tự tại.
- Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, vị ấy là Thiên chủ Sakka.
- Nhiều lần bảy lần, vị ấy là vị Chuyển luân Thánh vương theo Chánh pháp, là vị pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có hơn một ngàn người con trai, là những bậc anh hùng,

dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và vị ấy chiến thắng quả đất này xa cho đến hải biên, trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đúng với Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta ấy, dầu cho thọ mạng lâu dài như vậy, sống lâu dài như vậy, nhưng không được thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy chưa giải thoát khỏi khổ. Vì có sao? Vì rằng vị ấy chưa giác ngộ, chưa thể nhập bốn pháp.

11. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giới**; vì không có giác ngộ, không thể nhập **Thánh định**; vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh trí tuệ**; vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giải thoát**.

Này các Tỷ-kheo, sự kiện là như sau: Khi Thánh giới được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh trí tuệ được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập, **cắt đứt là hữu ái; sợi dây đưa đến sanh hữu được đoạn tận, nay không có tái sanh**.

Thế Tôn nói như vậy. Bạc Thiện Thệ nói xong, bậc
Đạo Sư lại nói thêm:

*Vô thượng giới và định,
Trí tuệ và giải thoát,
Gotama danh tiếng,
Giác ngộ những pháp này.
Đức Phật với thắng trí,
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo,
Bậc Đạo sư đoạn khổ,
Bậc Pháp nhãn tịch tịnh.*

117 Các hành là vô thường - Kinh ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG – 17 Trường II, 9

KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG (*MAHÀ SUDASSANA SUTTANTA*) – Bài kinh số 17 – Trường II, 9

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ngụ tại Upavattana (Hồ bạt đạn) ở Kusinàrà (Câu thi la) trong rừng Sà la của giòng họ Mallà, giữa hai cây Sàla song thọ, khi ngài sắp nhập Niết bàn.

2. Lúc ấy, tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campà (Chiêm bà), Ràjagahà (Vương Xá) Sàvatthi (Xá Vệ), Sàketa (Sa kỳ), Kosambi (Kiêu thương di), Bārāṇasī (Ba la nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại những chỗ ấy. Tại những chỗ ấy có đại chúng Sát đế ly, có đại chúng Bà la môn, có đại chúng Gia chủ tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

3. Nay Ananda, chớ có nói như vậy. Nay Ananda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

Nay Ananda, **thuở xưa có vị vua tên là Mahà-Sudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyển Luân vương** trị vì như pháp, là vị Pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàra này là kinh đô của vua Đại Thiên Kiến, tên là Kusàvati (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến mười bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Susàvati này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư Thiên rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Cũng vậy nay Ananda, kinh đô Kusàvati này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn. Nay Ananda, kinh đô Kusàvati này ngày đêm vang dậy mười loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy uống đi, hãy ăn đi!".

4. Nay Ananda, **kinh đô Kusàvati có bảy bức thành bao bọc, một loại bằng vàng, một loại bằng**

bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh, một loại bằng san hô, một loại bằng xa cừ, một loại bằng mọi thứ báu.

5. Nay Ananda, **kinh đô Kusàvati có bốn loại cửa:** một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tại mỗi cửa, có dựng bảy cột trụ, bề cao khoảng ba hay bốn lần thân người. Một cột trụ bằng vàng, một cột trụ bằng bạc, một cột trụ bằng lưu ly, một cột trụ bằng thủy tinh, một cột trụ bằng san hô, một cột trụ bằng xa cừ, một cột trụ bằng mọi thứ báu.

6. Nay Ananda, **kinh đô Kasàvati có bảy hàng cây tàla bao học**, một hàng bằng vàng, một hàng bằng bạc, một hàng bằng lưu ly, một hàng bằng thủy tinh, một hàng bằng san hô, một hàng bằng xa cừ, một hàng bằng mọi thứ báu.

Cây tàla bằng vàng, có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc.

Cây tàla bằng bạc có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng.

Cây tàla bằng lưu ly, có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh.

Cây tàla bằng thủy tinh, có thân cây bằng thủy tinh, có lá và trái cây bằng lưu ly.

Cây tàla bằng san hô, có thân cây bằng san hô, có lá và trái cây bằng xa cừ.

Cây tàla bằng xa cừ, có thân cây bằng xa cừ, có lá và trái cây bằng san hô.

Cây tàla bằng mọi loại báu, có thân cây bằng mọi loại báu, có lá và trái cây bằng mọi loại báu.

Này Ananda, khi những cây tàla này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên, cũng như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly. Cũng vậy, Ananda, khi những hàng cây tàla này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ananda, lúc bấy giờ, nếu ở tại kinh đô Kusàvati có những kẻ cờ bạc, rượu chè, họ sẽ nhảy múa theo những âm điệu của những hàng cây tàla này khi được gió thổi.

7. **Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến, có đủ bảy món báu và bốn Như ý đức.** Thế nào là bảy?

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến, vào ngày Bô-tát trắng rằm sau khi tắm rửa, lên cao điện để trai giới, thời **Thiên luân báu hiện ra**, đủ một ngàn cọng xe, với vành xe, trục xe, đủ mọi bộ phận. Thấy vậy, vua

Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Ta nghe như vậy: Khi một vị vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đánh vào ngày Bô tát trắng rằm, sau khi tắm rửa, lên cao điện trai giới, nếu có Thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn cọng xe, với vành xe và trục xe, đầy đủ mọi bộ

phận, thời vị vua ấy là Chuyển Luân vương. Như vậy ta có thể là Chuyển Luân vương ".

8. Nay Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y trên một vai, tay trái cầm bình nước và với tay phải rưới nước trên xe báu và nói: Nay xe báu hãy lăn khắp, nay xe báu hãy chinh phục!". Và nay Ananda, xe báu lăn về hướng Đông và vua Đại Thiện Kiến cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Và nay Ananda, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy vua Đại Thiện Kiến an trú cùng với bốn loại binh chủng.

9. Nay Ananda, các địch vương ở phương Đông đến yết kiến vua Đại Thiện Kiến và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tàu Đại vương, tất cả đều thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi! ".

Vua Đại Thiện Kiến nói rằng: " Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi ".

Nay Ananda, tất cả địch vương ở phương Đông đều trở thành chư hầu vua Đại Thiện Kiến.

10. Nay Ananda, rồi xe báu lăn xuống biển lớn ở phương Đông rồi nổi lên rồi lăn về phương Nam..., lặn xuống biển lớn ở phương Nam, rồi nổi lên và lặn về phương Tây..., lặn xuống biển lớn ở phương Tây, rồi nổi lên và lặn về phương Bắc và vua Đại

Thiện Kiến cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Nay Ananda, chỗ nào xe báu dừng lại chỗ ấy vua Đại Thiện Kiến an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Nay Ananda, các địch vương ở phương Bắc đến yết kiến vua Đại Thiện Kiến và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương tất cả thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!".

Nay Ananda, tất cả địch vương ở phương Bắc đều trở thành chư hầu của vua Đại Thiện Kiến.

Nay Ananda, xe báu ấy sau khi chinh phục trái đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô Kusàvati, và đứng trước pháp đình, trên cửa nội cung như một trang bảo cho nội cung của vua Đại Thiện Kiến".

Nay Ananda, như vậy là sự xuất hiện xe báu của vua Đại Thiện Kiến.

12. Lại nữa nay Ananda, **voi báu** xuất hiện cho vua Đại Thiện Kiến, **thuần trắng, bảy xứ kiên cường, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Upasathe (Bồ-tát).**

Thấy voi báu, vua Đại Thiện Kiến sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "*Lành thay được cỡi con voi này nếu nó chịu sự điều ngự*". Và nay Ananda, như một con hiền tượng quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con voi báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Nay Ananda, thưở xưa, vua Đại Thiện Kiến để thử voi báu này,

sáng sớm cỡi voi đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusàvati kịp giờ ăn sáng. Nay Ananda, như vậy là sự xuất hiện voi báu của vua Đại Thiện Kiến.

13. Lại nữa này Ananda, **ngựa báu** xuất hiện cho vua Đại Thiện Kiến, **thuần trắng, đầu đen như quạ, bờm ngựa màu đen, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Valahaka**. Thấy ngựa báu, vua Đại Thiện Kiến sanh tâm hoa hỷ và nghĩ: "Tốt đẹp thay được cỡi con ngựa này nếu nó chịu sự điều ngự". và này Ananda, như một con hiền mã quý phái, chịu sự điều ngự lâu ngày, con ngựa báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Nay Ananda, thuở xưa, vua Đại Thiện Kiến để thử ngựa báu này, sáng sớm cỡi ngựa, đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusàvati kịp giờ ăn sáng. Nay Ananda, như vậy là sự xuất hiện ngựa báu của vua Đại Thiện Kiến.

14. Lại nữa, này Ananda, **châu báu** lại xuất hiện cho vua Đại Thiện Kiến. **Châu báu ấy là lưu ly châu, sáng suốt, thuần chất, có tám mặt, khó dũa, khó mài, thanh tịnh, trong suốt, hoàn hảo mọi phương diện. Nay Ananda, hào quang châu báu này chiếu sáng cùng khắp một do tuần**. Nay Ananda, thuở xưa, vua Đại Thiện Kiến để thử châu báu này đã cho dàn bày bốn binh chủng, đặt bảo châu cao trên quân kỳ và có thể tiến quân trong đêm tối âm

u. Ngày Ananda, mọi người trong làng ở xung quanh đều bắt đầu làm việc, tưởng rằng trời đã sáng rồi. Ngày Ananda như vậy là sự xuất hiện châu báu của vua Đại Thiện Kiến.

15. Ngày Ananda, **nữ báu** lại xuất hiện cho vua Đại Thiện Kiến, **mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt mỹ, không quá cao, không quá thấp, không béo, không gầy, không quá đen, không quá trắng, vượt trên dung sắc loài Người, sánh đến dung sắc chư Thiên.**

Ngày Ananda, thân xúc nữ báu này êm mịn như bông, như nhung.

Ngày Ananda, khi trời lạnh, chân tay nữ báu này trở thành ấm áp, khi trời nóng, trở thành lạnh mát.

Ngày Ananda, thân nữ báu tỏa mùi thơm chiên đàn, miêng tỏa mùi thơm hoa sen.

Ngày Ananda, nữ báu này dậy trước và đi ngủ sau vua Đại Thiện Kiến, mọi hành động làm vua thỏa thích, yên lành khả ái.

Ngày Ananda, nữ báu này không có một tư tưởng nào bất tín đối với vua Đại Thiện Kiến huống nữa là về thân thể.

Ngày Ananda, như vậy là sự xuất hiện nữ báu của vua Đại Thiện Kiến.

16. Lại nữa, ngày Ananda, **gia chủ báu** xuất hiện cho vua Đại Thiện Kiến, **chứng được thiên nhãn, do nghiệp dị thực sanh và nhờ thiên nhãn này có thể**

thấy châu báu chôn cất có chủ hay không có chủ.

Gia chủ báu này đến vua Đại Thiện Kiến và nói:
"Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ
xử lý thích nghi tài sản Đại vương".

Này Ananda, thuở xưa vua Đại Thiện Kiến muốn
thử gia chủ báu này, liền cỡi thuyền, chèo ra giữa
sông Hằng và bảo gia chủ báu:

- Này Gia chủ, ta cần vàng.

- Tâu Đại vương, Đại vương hãy cho chèo thuyền
gần bờ nào cũng được.

- Này Gia chủ, Ta cần vàng ngay tại đây.

Này Ananda, khi ấy gia chủ báu thọc hai tay xuống
nước nhắc lên một ghè đầy cả vàng ròng rồi tâu với
vua Đại Thiện Kiến:

- Tâu Đại vương, như vậy đã đủ chưa. Tâu Đại
vương, làm như vậy đã được chưa?

Vua Đại Thiện Kiến trả lời:

- Này Gia chủ, như vậy là đủ. Này Gia chủ, làm
như vậy là được rồi. Này Gia chủ, cúng dường như
vậy là được rồi.

Này Ananda, như vậy là sự xuất hiện gia chủ báu
của vua Đại Thiện Kiến.

17. Lại nữa, này Ananda, **tướng quân báu** xuất
hiện cho vua Đại Thiện Kiến, có học thức, thông
minh, sáng suốt, có khả năng khuyến cáo. Vua Đại
Thiện Kiến khi đáng tiến thì tiến, khi đáng lui thì
lui, khi đáng dừng thì dừng lại.

Vị này đến tâu vua Đại Thiện Kiến:

- Tâu Đại vương, Đại vương chớ có âu lo, Thần sẽ cố vấn Đại vương.

Này Ananda, như vậy là sự xuất hiện tướng quân báu của vua Đại Thiện Kiến.

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ bảy báu như vậy.

18. Lại nữa, này Ananda, vua Đại Thiện Kiến, có đầy đủ bốn Như ý đức. Thế nào là bốn?

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyện luân, thấy xa hơn mọi người. Này Ananda, đó là Như ý đức thứ nhất của vua Đại Thiện Kiến.

19. Này Ananda, lại nữa, vua Đại Thiện Kiến sống lâu, tuổi thọ thắng xa các người khác. Này Ananda, đó là Như ý đức thứ hai của vua Đại Thiện Kiến.

20. Lại nữa này Ananda, vua Đại Thiện Kiến ít bệnh tật, ít tai ương, thể nhiệt không quá lạnh, không quá nóng, được quân phân để điều hòa sự tiêu hóa, thắng xa các người khác. Này Ananda, đó là Như ý đức thứ ba của vua Đại Thiện Kiến.

21. Lại nữa, này Ananda, vua Đại Thiện Kiến được các vị Bà-la-môn và Gia chủ ái kính và yêu mến.

Này Ananda, như người cha được các người con ái kính và yêu mến, cũng vậy này Ananda, vua Đại Thiện Kiến được các vị Bà-la-môn và Gia chủ ái kính và yêu mến. Này Ananda, như những người

con được người cha ái kính và yêu mến, cũng vậy này Ananda, các vị Bà-la-môn và Gia chủ được vua Đại Thiện Kiến ái kính và yêu mến.

Thuở xưa, này Ananda, vua Đại Thiện Kiến đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Này Ananda, các vị Bà-la-môn và Gia chủ đến vua Đại Thiện Kiến và tâu rằng: "Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn..." Này Ananda, nhưng vua Đại Thiện Kiến lại ra lệnh cho người đánh xe: "Này anh đánh xe, hãy đánh xe chậm chậm để ta có thể thấy các vị Bà-la-môn và Gia chủ lâu dài hơn". Này Ananda, như vậy là Như ý đức thứ tư của vua Đại Thiện Kiến.

22. Và này Ananda, vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ:

"Nay ta hãy cho xây những hồ sen giữa các hàng cây tàla, cứ cách khoảng một trăm cung tầm!".

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến cho xây các hồ sen giữa các hàng cây tàla, cứ cách khoảng một trăm cung tầm.

Này Ananda, những hồ sen ấy được lát bằng bốn loại gạch, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ananda, trong bốn loại hồ sen ấy có bốn loại tầm cấp, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tầm cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chấn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tầm cấp bằng bạc có cột trụ

bằng bạc, có chấn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tầm cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chấn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tầm cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chấn ngang và đầu trụ bằng lưu ly. Nay Ananda, những hồ sen ấy được hai hàng bằng bạc. Hàng lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chấn ngang và đầu trụ bằng bạc. Hàng lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chấn ngang và đầu trụ bằng vàng.

23. Và nay Ananda, vua Đại Thiên Kiến lại suy nghĩ: ***"Trong những hồ sen này ta sẽ cho đem trồng các loại sen xanh, sen hồng, sen vàng, sen trắng khắp bốn mùa để những ai muốn làm tràng hoa có thể lấy dùng"***. Và nay Ananda, vua Đại Thiên Kiến cho đem trồng các loại sen xanh, sen hồng, sen vàng, sen trắng khắp bốn mùa để làm những tràng hoa bằng các thứ bông ấy.

Nay Ananda, vua Đại Thiên Kiến lại suy nghĩ: ***"Trên bờ những hồ sen này, ta sẽ cho đặt những người hầu tắm cho những người qua kẻ lại"***. Và nay Ananda, vua Đại Thiên Kiến cho đặt những người hầu tắm trên bờ những hồ sen này để tắm cho những người qua kẻ lại.

Nay Ananda, vua Đại Thiên Kiến lại suy nghĩ: ***"Trên bờ những hồ sen này, ta sẽ cho đặt những vật bố thí, đồ ăn cho những ai đói, đồ uống cho những ai khát, áo quần cho những ai cần áo"***

quần, xe cộ cho những ai cần xe, đồ nằm cho những ai cần nằm, đàn bà cho những ai cần đàn bà, bạc cho những ai cần bạc và vàng cho những ai cần vàng".

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến, trên bờ những hồ sen ấy, cho đặt những vật bố thí, đồ ăn cho những ai đói, đồ uống cho những ai khát, áo quần cho những ai cần áo quần, xe cộ cho những ai cần xe, đồ nằm cho những ai cần nằm, đàn bà cho những ai cần đàn bà, bạc cho những ai cần bạc, và vàng cho những ai cần vàng.

24. Này Ananda, các Gia chủ, Bà-la-môn đem theo nhiều tiền bạc đến vua Đại Thiện Kiến và tâu vua:

- Tâu Đại vương, chúng tôi có đem nhiều tiền của này để Đại vương dùng. Mong Đại vương hãy thu nhận lấy.

- Này các Khanh, ta có đầy đủ nhiều tiền bạc do đánh thuế đúng pháp đem lại. Hãy giữ tiền bạc của Khanh lại, và đem theo nhiều nữa cho các Khanh!

Các vị này khi bị vua từ chối, liền đứng qua một bên và suy nghĩ: "Nếu nay chúng ta đem tiền của này về nhà chúng ta thì thật không phải. Chúng ta hãy xây dựng nhà cửa cho vua Đại Thiện Kiến".

Các vị ấy liền đến vua Đại Thiện Kiến và tâu:

- Đại vương, chúng tôi định xây dựng nhà cửa cho Đại vương.

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời.

25. Này Ananda, Thiên chủ Sakka biết được tư tưởng của vua Đại Thiện Kiến với tư tưởng của mình, liền gọi Thiên tử Vissakamma (Tỳ-thủ-yết-ma) và nói:

*- **Này Vissakamma, hãy đến đây và xây dựng một lâu đài cho vua Đại Thiện Kiến, đặt tên là Dhamma (Pháp).***

- Xin vâng, Tôn giả.

Này Ananda, Thiên tử Vissakamma vâng lời Thiên chủ Sakka, như người lực sĩ đuổi ra cánh tay đang co, hay co lại cánh tay đuổi ra, Thiên tử Vissakamma biến mất từ chư Thiên ở Tavatimsa và hiện ra trước mặt vua Đại Thiện Kiến. Rồi này Ananda, Thiên tử Vissakamma tâu với vua Đại Thiện Kiến:

- Đại vương, tôi sẽ xây dựng một lâu đài tên là Dhamma cho Đại vương!

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời.

Và này Ananda, Thiên tử Vissakamma xây dựng lâu đài tên là Dhamma cho vua Đại Thiện Kiến.

26. Này Ananda, lâu đài Dhamma này, về hướng Đông và hướng Tây bề dài đến một do tuần, và về hướng Bắc và hướng Nam, bề rộng đến nửa do tuần.

Này Ananda, nền nhà của lâu đài Dhamma cao cho đến ba thân người và làm bằng ba loại gạch, một

loại bằng vàng, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ananda, lầu đài Dhamma có đến tám vạn bốn ngàn cột trụ bằng bốn loại, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ananda, lầu đài Dhamma có hai mươi bốn tầng cấp bằng bốn loại, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tầng cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chấn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tầng cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chấn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tầng cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chấn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tầng cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chấn ngang và đầu trụ bằng lưu ly.

Này Ananda, lầu đài Dhamma có tám vạn bốn ngàn phòng ốc bằng bốn loại, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Trong phòng ốc bằng vàng có chỗ nằm bằng bạc được trải ra. Trong phòng ốc bằng bạc, có chỗ nằm bằng vàng được trải ra. Trong phòng ốc bằng lưu ly có chỗ nằm bằng ngà được trải ra.

Trong phòng ốc bằng thủy tinh, có chỗ nằm bằng san hô được trải ra. Tại cửa phòng ốc bằng vàng, có dựng lên một cây tàla bằng bạc, với thân cây bằng bạc, với lá và trái cây bằng vàng. Tại cửa phòng ốc

bằng bạc, có dựng lên một cây tàla bằng vàng, với thân cây bằng vàng, với lá và trái bằng bạc. Tại cửa phòng ốc bằng lưu ly, có dựng lên một cây tàla bằng thủy tinh, với lá và trái cây bằng thủy tinh, có dựng lên một cây tàla bằng lưu ly, với thân cây bằng lưu ly, với lá và trái cây bằng thủy tinh.

27. Này Ananda, rồi vua Đại Thiên Kiến lại suy nghĩ: "***Trước cửa phòng lầu Đại Trang Nghiêm, ta hãy cho dựng lên một rừng cây tàla toàn bằng vàng, và tại đây ta sẽ an tọa ban ngày.***

Này Ananda, vua Đại Thiên Kiến trước cửa phòng lầu Đại Trang Nghiêm, cho dựng lên một rừng cây tàla toàn bằng vàng và tại đây, vua ngồi an tọa ban ngày.

28. Này Ananda, lầu đài Dhamma được hai dãy lan can bao bọc, một dãy bằng vàng, một dãy bằng bạc.

Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

29. Này Ananda, lầu đài Dhamma có hai màn lưới chuông linh, một màn bằng vàng, một màn bằng bạc. Màn lưới bằng vàng có chuông linh bằng bạc, màn lưới bằng bạc có chuông linh bằng vàng. Này Ananda, khi những màn lưới chuông linh này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra âm

thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly. Cũng vậy này Ananda, khi những màn lưới chuông linh này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ananda, lúc bấy giờ nếu tại kinh đô Kusàvati có những kẻ cờ bạc, rượu chè, chúng sẽ nhảy múa theo âm điệu của những màn lưới chuông linh này khi được gió thổi.

30. Này Ananda, lâu đài Dhamma khi xây xong, thật khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa (vì quá nguy nga tráng lệ). Này Ananda, như trong tháng cuối mùa mưa, khi bầu trời quang đảnh, không bị mây che lấp, mặt trời mọc lên giữa hư không, khó mà nhìn xem vì hai mắt bị chói lòa. Cũng vậy, này Ananda, thật khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa khi lâu đài Dhamma xây xong.

31. Này Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: ***"Trước mặt lâu đài Dhamma, ta hãy cho xây hồ sen tên gọi là Dhamma!"***.

Và này Ananda, vua Đại Thiện Kiến cho xây một hồ sen tên là Dhamma trước mặt lâu đài Dhamma. Này Ananda, hồ sen Dhamma, về hướng Đông và hướng Tây bề dài đến một do tuần, và về hướng Bắc và hướng Nam bề rộng đến nửa do tuần.

Này Ananda, hồ sen Dhamma có bốn loại gạch, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh.

Này Ananda, hồ sen Dhamma có hai mươi bốn tầm cấp bằng bốn loại, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tầm cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chấn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tầm cấp bằng bạc có cột trụ và đầu trụ bằng bạc, có chấn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tầm cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chấn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tầm cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chấn ngang và đầu trụ bằng lưu ly.

Này Ananda, hồ sen Dhamma có hai loại lan can bao bọc, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc. Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chấn ngang và đầu trụ bằng bạc. Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chấn ngang và đầu trụ bằng vàng.

32. Này Ananda, hồ sen Dhamma có bảy hàng cây tàla bao bọc, một hàng cây bằng vàng, một hàng cây bằng bạc, một hàng cây bằng lưu ly, một hàng cây bằng thủy tinh, một hàng cây bằng san hô, một hàng cây bằng xa cừ, một hàng cây bằng mọi thứ báu. Cây tàla bằng vàng có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc. Cây tàla bằng bạc có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng. Cây tàla bằng lưu ly có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. Cây tàla bằng thủy tinh, có thân cây bằng thủy tinh, có lá và trái cây bằng lưu ly. Cây tàla bằng san hô có thân cây bằng san hô, có lá

và trái cây bằng xa cừ. Cây tàla bằng xa cừ có thân cây bằng xa cừ, có lá và trái cây bằng san hô. Cây tàla bằng mọi thứ báu có thân cây bằng mọi thứ báu, có lá và trái cây bằng mọi thứ báu. Nay Ananda, khi những hàng cây tàla này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly. Cũng vậy nay Ananda, khi những hàng cây tàla này được gió rung chuyển thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Nay Ananda, lúc bảy giờ nếu ở kinh đô Kusàvati có những kẻ cờ bạc rượu chè, chúng sẽ nhảy múa theo âm điệu của những hàng cây này khi được gió thổi.

33. Nay Ananda, khi lầu đài Dhamma và hồ sen Dhamma được xây xong, lúc bảy giờ vua Đại Thiện Kiến cúng dường cho các vị Sa-môn được tôn kính và các vị Bà-la-môn được tôn kính mọi sự dục lạc cần thiết rồi vua lên lầu đài Dhamma.

II

1. Nay Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ:

"Quả này của ta do nghiệp gì, báo này của ta là do nghiệp gì mà hiện tại ta có thần lực như vậy, có oai lực như vậy?"

Nay Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ:
"Quả này là do ba loại nghiệp, báo này là do ba loại

nghiệp mà hiện tại ta có thần lực như vậy. Đó là **Bồ
thí, Tư điều, Tư chế** ".

2. Nay Ananda tôi vua Đại Thiện Kiến đi đến cao
đường Đại Trang Nghiêm, đứng trước cửa và nói
lớn tiếng cao húng ngữ sau đây:

Hãy dừng lại, tư tưởng dục vọng!

***Hãy dừng lại, tư tưởng sân
hận!***

Hãy dừng lại, tư tưởng não hại!

***Đến đây thôi, tư tưởng dục
vọng!***

Đến đây thôi, tư tưởng sân hận!

Đến đây thôi, tư tưởng não hại!

3. Nay Ananda, vua Đại Thiện Kiến bước vào cao
đường Đại Trang Nghiêm, ngồi trên sàng tọa bằng
vàng, ly dục, ly ác pháp chúng và an trú trong **thiền
thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với
tâm với tứ.

Rồi diệt tâm và tứ, chúng và an trú trong **thiền thứ
hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm
không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Rồi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự
lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú,
chúng và an trú vào **thiền thứ ba**.

Rồi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú vào **thiền thứ tư** không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

4. Nay Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm, bước vào cao đường bằng vàng, ngồi trên sàng tọa bằng bạc, an trú biến mãn một phương với **tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận không sân... **với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên không hận không sân.

5. Nay Ananda, vua Đại Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn kinh thành, và kinh thành Kusàvati (Câu-xá-bà-đề) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn lâu đài, và lâu đài Dhamma là đệ nhất. Tám vạn bốn ngàn cao đường, và cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn sàng tọa, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ kiên cố, được trải với những tấm

nệm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thú trắng của con sơn dương được che bởi những tán che cao và hai đầu có gôi màu đỏ.

Tám vạn bốn ngàn con voi, với những trang sức bằng vàng, được che chở bằng lưới vàng, và tượng vương Uposatha (Bồ-tát-đà) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn con ngựa, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới vàng, và mã vương Valahaka (Vân Mã vương) là đệ nhất.
Tám vạn bốn ngàn cỗ xe, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, bằng vải vàng, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng và cỗ xe tên Vejayanta (Nhạc thanh xa hay Chiến thắng kỳ) là đệ nhất.
Tám vạn bốn ngàn châu ngọc và bảo châu là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn phụ nữ và hoàng hậu Subhadda (Thiện Hiền phi) là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn gia chủ và gia chủ báu là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn người giòng Sát-đế-lỵ và tướng quân báu là đệ nhất.

Tám vạn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay (Dukula), với sừng đầu nhọn bịt đồng.

Tám vạn bốn ngàn vải Koti (Cu-chi) với sắc chất tinh diệu, như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung.

Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa (Thàlipàka), buổi sáng buổi chiều có cúng dường cơm.

6. Lúc bấy giờ, này Ananda, có tám vạn bốn ngàn voi sáng chiều đến phục vụ cho vua Đại Thiện Kiến. Rồi vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Nay tám vạn bốn ngàn con voi này sáng chiều đến phục vụ cho ta. Nay ta hãy để cho chúng đến, cứ cách một trăm năm thời bốn vạn hai ngàn con đến".

Này Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến bảo Tướng quân báu:

- Này Hiền giả, nay tám vạn bốn ngàn con voi này, sáng chiều đến phục vụ ta. Nay hãy để cho chúng đến, cứ cách một trăm năm, mỗi lần cho bốn vạn hai ngàn con đến.

- Tâu Đại vương, vâng!

Này Ananda, vị tướng quân báu vâng lời vua Đại Thiện Kiến. Này Ananda, từ đó về sau, cứ mỗi một trăm năm, bốn vạn hai ngàn con voi lần lượt đến với vua Đại Thiện Kiến.

7. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm, **hoàng hậu Subhadda** suy nghĩ: "Cách đây đã lâu, ta được thấy vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay ta hãy đi để thăm vua Đại Thiện Kiến".

Này Ananda, rồi hoàng hậu Subhaddà nói với các cung nữ:

- Các Người hãy gọi đầu, mặc áo vàng. Cách đây đã lâu, chúng ta được thấy vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay chúng ta sẽ đi yết kiến vua Đại Thiện Kiến.

- Tâu Hoàng hậu, vâng!

- Này Ananda, các cung nữ vâng lời hoàng hậu Subhaddà (Thiện Hiền phi), gọi đầu, mặc áo vàng và đi đến hoàng hậu Subhaddà.

Này Ananda, rồi hoàng hậu Subhaddà cho gọi
Tướng quân báu:

- Này Khanh, hãy cho sắp đặt bốn loại binh chủng. Cách đây đã lâu chúng ta được thấy vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay chúng ta sẽ đi yết kiến vua Đại Thiện Kiến.

- Tâu Hoàng hậu, vâng!

Này Ananda, tướng quân báu vâng lời hoàng hậu Subhaddà, cho sắp đặt bốn loại binh chủng và tâu Hoàng hậu:

- Tâu Hoàng hậu, bốn loại binh chủng đã sắp đặt xong. Hãy làm gì Hoàng hậu nghĩ là phải thời.

8. Này Ananda, hoàng hậu Subhaddà cùng với bốn loại binh chủng và các cung nữ đi đến lầu đài Dhamma, leo lên lầu đài ấy, đến tại cao đường Đại Trang Nghiêm và đứng dựa vào cánh cửa của cao đường này.

Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Nay tiếng gì ồn ào như vậy, như cả một quần chúng đông đảo?" Vua bèn bước ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và thấy hoàng hậu Subhadda đang đứng dựa vào cửa. Thấy vậy, vua liền nói với hoàng hậu Subhadda:

- Hoàng hậu hãy đứng ở đây, chớ có vào!

9. Này Ananda, vua Đại Thiện Kiến liền bảo một người hầu cận:

- Người hãy nhắc giường bằng vàng ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và đặt trong khu rừng cây sàla bằng vàng.

- Tâu Đại vương, vâng!

Này Ananda, người ấy vâng lời dạy của vua Đại Thiện Kiến, nhắc sàng tọa bằng vàng ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và đặt trong khu rừng cây sàla bằng vàng.

Này Ananda, rồi vua Đại Thiện Kiến nằm xuống, trong dáng điệu con sư tử, về phía bên hữu, một chân đặt dài trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác.

10. Này Ananda, hoàng hậu Subhadda suy nghĩ: "Các căn của vua Đại Thiện Kiến thật là sáng suốt, màu da thật là thanh tịnh, trong sáng. Mong rằng vua Đại Thiện Kiến chớ có mệnh chung!".

Rồi hoàng hậu tâu với vua Đại Thiện Kiến:

- Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này với kinh thành Kusàvati là đệ nhất, đều thuộc của

Đại vương. **Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!**

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi Tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ kiên cố, được trải với những tấm nệm lông dài, với vải có thêu bông hoa và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che với những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và tượng vương Uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valàhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, bằng vải vàng với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất. Những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này và gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người giòng họ Sát-đế-ly này và tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn nghìn ngũ với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn nghìn vải Koti với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn nghìn loại cháo sữa, và buổi chiều có cúng dường cơm này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyện đời sống!

11. Nay Ananda, vua Đại Thiện Kiến nghe hoàng hậu Subhadda nói vậy liền trả lời:

- Đã từ lâu Hoàng hậu nói với ta với những lời dễ chịu, hòa ái và dịu dàng. Thế mà nay, trong lần cuối cùng này, Hoàng hậu lại nói với ta bằng những lời không dễ chịu, không hòa ái, không dịu dàng!

- Tâu Đại vương, thiếp phải đối với Đại vương thế nào?

- Nay Hoàng hậu, Hoàng hậu phải nói với ta như thế này:

"Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, chịu sự biến hóa. Đại vương

chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến của chúng. Đau khổ thay, sự mệnh chung với tâm còn ái luyến. Đáng trách thay, sự mệnh chung còn ái luyến.

" Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này với kinh thành Kusàvati là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! " Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! " Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

" Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ kiên cố, được trải với những tấm nệm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ tâm ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở

với lưới bằng vàng và tượng vương Uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này với những trang sức bằng vàng, được che chở với lưới bằng vàng và mã vương Valàhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những đồ trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất. Những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này là phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người thuộc giòng họ Sát-đề-ly này là tướng quân báu là đệ

nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngư với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn vải Koti với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

"Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng buổi chiều có cúng dường cơm này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

12. Nay Ananda, khi nghe nói vậy, **hoàng hậu Subhadda buồn khóc, rơi nước mắt và tâu với vua Đại Thiện Kiến:**

- Tâu Đại vương, tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, thực sự biến hóa. Đại vương chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến chúng. Đau khổ thay, sự mệnh chung với tâm còn ái luyện! Đáng trách thay, sự mệnh chung với tâm còn ái luyện!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ kiên cố, được trải với những tấm nệm lông dài, với vải có thêu bông hoa và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che với những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng và tượng vương Uposatha là đệ nhất. Những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng và mã vương Valàhaka là

đệ nhất. Những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cạp, bằng da báo, với những đồ trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất. Những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này và phụ nữ báu là đệ nhất đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này và gia chủ báu là đệ nhất đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người giống họ Sát-đế-lỵ này với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngư với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn vải Koti với sắc chất tinh diệu, như vải gai, vải bông, vải lụa, vải nhung này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng buổi chiều có cúng dường cơm này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyện đời sống!

13. Nay Ananda, không bao lâu, vua Đại Thiện Kiến mệnh chung.

Này Ananda, giống như một người gia chủ hay con một người gia chủ, sau một bữa cơm thịnh soạn trở nên buồn ngủ, cũng tương tự như vậy cảm giác của vua Đại Thiện Kiến khi mệnh chung.

Này Ananda, sau khi mệnh chung, vua Đại Thiện Kiến sanh lên thiên phú cỗi Phạm thiên.

Này Ananda, trải tám vạn bốn ngàn năm, vua Đại Thiện Kiến sống sung sướng đời sống của một hoàng tử, trải tám vạn bốn ngàn năm làm một phó vương, trải tám vạn bốn ngàn năm làm một vị quốc

vương, trải tám vạn bốn ngàn năm làm gia chủ, sống phạm hạnh trong lâu đài Dhamma.

Ngài tu tập **bốn Thần túc** như vậy, sau khi thân hoại mạng chung. Ngài được sanh lên cõi Phạm thiên.

14. Nay Ananda, các Người có thể nghĩ: "Thời ấy, vua Đại Thiện Kiến là một vị khác". Nay Ananda, **chớ có quan niệm như vậy. Thời ấy chính Ta là vua Đại Thiện Kiến.**

Tám vạn bốn ngàn kinh thành với kinh thành Kusàvati là đệ nhất ấy thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn lâu đài với lâu đài Dhamma là đệ nhất ấy thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn cao đường với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất ấy thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn sàng tọa ấy bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ kiên cố, được trải với những tấm nệm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở với những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa ấy đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và tượng vương Uposatha là đệ nhất.

Những con voi ấy đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn con ngựa với những trang sức bằng vàng, cò vàng được che chở với lưới bằng

vàng và mã vương Valahaka là đệ nhất. Những con ngựa này đều thuộc của a.

Tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cạp, bằng da báo, với những trang sức bằng vàng, cò vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe têm Vijayanta là đệ nhất.

Những cỗ xe này đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn châu ngọc này với bảo châu là đệ nhất đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn phụ nữ này với phụ nữ báu là đệ nhất đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn gia chủ này với gia chủ báu là đệ nhất đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn người giòng họ Sát-đế-ly này với tướng quân báu là đệ nhất đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn nhũ nưư với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn vải Koti với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này đều thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng buổi chiều có cúng dường cơm này đều thuộc của Ta.

15. Nay Ananda, trong tám vạn bốn ngàn kinh thành ấy, chỉ có một kinh thành mà Ta ở vào thời ấy, đó là kinh thành Kusàvati.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn lâu đài ấy, chỉ có một lâu đài mà Ta ở thời ấy, đó là lâu đài Dhamma.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn cao đường ấy, chỉ có một cao đường mà Ta ở thời ấy, đó là cao đường Đại Trang Nghiêm.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn sàng tọa ấy, chỉ có một sàng tọa mà Ta dùng thời ấy, đó là sàng tọa bằng vàng, hay bằng bạc, hay bằng ngà, hay bằng gỗ kiên cố.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn con voi ấy, chỉ có một con voi mà Ta cỡi thời ấy, đó là tượng vương Uposatha.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa ấy, chỉ có một con ngựa mà Ta cỡi thời ấy, đó là con mã vương Valàhaka.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe ấy, chỉ có một cỗ xe mà Ta cỡi thời ấy, đó là cỗ xe Vejayanta.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn phụ nữ ấy, chỉ có một phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy, đó là phụ nữ của giòng Sát-đế-lỵ hay giòng Velàmikàni.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn loại vải Koti ấy, chỉ có một loại vải sắc chất tế nhị mà Ta mặc thời ấy, đó là vải gai, vải bông, vải lụa hay vải nhung.

Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa ấy, chỉ có một loại cháo sữa mà Ta dùng thời ấy, đó là cơm và đồ ăn.

16. Này Ananda, tất cả các pháp hữu vi ấy nay đã vào quá khứ, hoại diệt và biến hóa. Này Ananda, các pháp hữu vi, vô thường là như vậy, không kiên cố là như vậy, không đáng tin tưởng là như vậy; vì rằng, này Ananda, tất cả các pháp hữu vi cần phải nhàm chán, cần phải thoát ly, cần phải giải thoát.

17. Này Ananda, nay Ta nhớ lại, như thế nào tại chỗ này **thân Ta đã được chôn tất cả là sáu lần;** và khi Ta sống làm một vị Chuyển Luân vương, dùng chánh pháp trị nước, một vị pháp vương, trị vì bốn thiên hạ, vị chinh phục, che chở cho quần chúng, đầy đủ bảy món báu, **đó là lần thứ bảy.** Này Ananda, Ta không thấy một địa phương nào, trong thế giới loài Người và chư Thiên, trong thế giới Ma vương hay thế giới Phạm thiên, trong giòng họ Sa-môn hay Bà-la-môn mà trong địa phương ấy, **Như Lai sẽ bỏ thân này lần thứ tám.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi thuyết xong, Thiện Thệ, bậc Đạo Sư nói lại bài kệ như sau:

*Tất cả pháp hữu vi,
Thật sự là vô thường,
Khởi lên rồi diệt mất,
Thường tánh là như vậy.*

***Chúng được sanh khởi lên,
Rồi chúng lại hoại diệt.
Hạnh phúc thay khi chúng
Được tịnh chỉ an lạc.***

118 Các hành là vô thường, không kiên cố và bất an - Kinh Núi Vepulla – Tương II, 330

Núi Vepulla – *Tương II*, 330

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thứu).

2) Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) Thế Tôn nói như sau:

- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Pàcìnavamsa. Lúc bấy giờ, dân chúng được biết với tên là Tivàrà. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivàrà có tuổi thọ đến 40.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivàrà phải bốn ngày để leo lên núi Pàcìnavamsa, phải bốn ngày để leo xuống.

5) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất

hiện ở đời. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có hai vị đệ tử, hai vị thương thủ, hiền thiện tên là Vidhura và Sajiva.

6) **Hãy nhìn xem, nay các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt.**

7) Nay các Tỷ-kheo,

- *Vô thường như vậy, là các hành.*
- *Không kiên cố như vậy, là các hành.*
- *Bất an như vậy, là các hành.*

Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

8) Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vankaka. Lúc bấy giờ, nay các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Rohita. Nay các Tỷ-kheo, dân chúng Rohita có tuổi thọ đến 30.000 năm. Nay các Tỷ-kheo, dân chúng Rohita phải ba ngày để leo lên núi Vankaka, phải ba ngày để leo xuống.

9) Lúc bấy giờ, nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konàgamana, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn

Konàgamana, bậc Ứng Cúng, Chánh Đăng Giác, có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Bhìyya và Suttara.

10) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt. Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

11) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Supassa. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Suppiya. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiya có tuổi thọ đến 20.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiya phải hai ngày để leo núi Supassa, phải hai ngày để leo xuống.

12) Lúc bấy giờ, Thế Tôn Kassapa, bậc Ứng Cúng, Chánh Đăng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc Ứng Cúng, Chánh Đăng Giác, có hai đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Tissa và Bhàradvaja.

13) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt.

14) Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

15) **Hiện tại**, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vepulla. Hiện tại, này các Tỷ-kheo, dân chúng ấy được biết với tên là Magadhaka. Tuổi thọ dân chúng Magadhaka ấy, này các Tỷ-kheo, là ít, nhẹ, không bao nhiêu, họ sống lâu cho đến 100 tuổi hay hơn một chút. Dân chúng Magadhaka, này các Tỷ-kheo, leo lên núi Vepulla này trong một thời gian ngắn, leo xuống trong một thời gian ngắn.

16) Hiện tại, này các Tỷ-kheo, Ta, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Ta có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Sàriputta và Moggallàna.

17) Một thời sẽ đến, này các Tỷ-kheo, tên của ngọn núi này sẽ biến mất, dân chúng sẽ mệnh chung, và Ta sẽ nhập diệt.

18) Này các Tỷ-kheo,

- *Vô thường như vậy, là các hành.*
- *Không kiên cố như vậy, là các hành.*
- *Bất an như vậy, là các hành.*

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để
được nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải
thoát đối với tất cả các hành.

19) Thế Tôn nói như vậy, bậc Thiện Thệ nói như vậy
xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Pacinavamsa,
Với dân Tivàra,
Tên núi Vankaka
Với dân Rohita,
Tên núi Vupassa
Với dân Suppiyà,
Tên núi Vepulla,
Với dân Magadha,
Chư hành là vô thường,
Phải sanh rồi phải diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Chúng tịnh là an lạc.*

119 Các học giới không phải là rỗng không - Kinh BẢN TỤNG ĐỌC 1 – Tăng I, 422

BẢN TỤNG ĐỌC 1 – Tăng I, 422

1. - Nay các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả được thâm nhiếp làm thành ba học giới này.**

Thế nào là ba?

- Tăng thượng **giới** học,
- Tăng thượng **tâm** học,
- Tăng thượng **tuệ** học.

Chính ba học giới này, nay các Tỷ-kheo, thâm nhiếp tất cả.

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo, đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **một** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vì ấy có vi phạm học giới nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vì ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, nay

các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc tối đa phải sanh lại bảy lần**, sau khi dong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người, liền đoạn tận khổ đau.
- Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc "Gia gia"**, dong ruổi, lưu chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau.
- Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc Nhất chủng**, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau.
- Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là **bậc Nhất lai**, phải trở lui lại đời này chỉ một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **toàn** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học giới nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này

các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Thượng lưu**, đạt được Sắc cứu kính thiên.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Hữu hành** Bát-Niết-bàn.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Vô hành** Bát-Niết-bàn.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Tổn hại** Bát-Niết-bàn.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Trung gian** Bát-Niết-bàn.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **toàn** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **toàn** phần.

Vị ấy có vi phạm học giới nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào

là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- Vị ấy do **đoạn tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có **một** phần, thành tựu được **một** phần; người hành trì **toàn** phần, thành tựu được **toàn** phần. **Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.**

120 Các học giới không phải là rỗng không - Kinh HỮU HỌC 2 – Tăng I, 420

HỮU HỌC 2 – Tăng I, 420

1. - Nay các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả được thâm nhiếp hợp lại làm thành ba học giới này.**

Thế nào là ba?

- Tăng thượng **giới** học,
- Tăng thượng **tâm** học,
- Tăng thượng **tuệ** học.

Chính ba học giới này, nay các Tỷ-kheo, thâm nhiếp tất cả.

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **một** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vì ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vì ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, nay

các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. *Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Chánh giác.*

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **một** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. *Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là **bậc Nhất lai**, chỉ trở về thế giới này một lần, rồi đoạn tận khổ đau.*

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,

- Đối với định, hành trì **toàn** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do **đoạn tận năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **toàn** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **toàn** phần.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do **đoạn tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng

trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có **một** phần, thành tựu được **một** phần; người hành trì **toàn** phần, thành tựu được **toàn** phần. **Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.**

121 Các pháp Thế Tôn đã thuyết giảng - Kinh LÀNG SAMA – 104 Trung III, 65

KINH LÀNG SAMA (Samagama sutta)

– Bài kinh số 104 – Trung III, 65

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở giữa các vị Sakka (Thích Ca), tại Samagama (Xá-di thôn). Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta vừa mới tạ thế ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi. "Ông không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Ông có thể biết pháp luật này? Ông theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Ông không tương ưng. Điều đáng nói trước Ông nói sau; điều đáng nói sau, Ông nói trước. Điều Ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của Ông đã bị thách đổ. Ông đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ông có thể làm được!" Hình như các đệ tử của Nigantha Nataputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nataputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các

Nigantha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vững về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Rồi sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pava, đến thăm Tôn giả Ananda ở Samagama, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa di Cunda bạch Tôn giả Ananda:

– Bạch Tôn giả, Nigantha Nataputtta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Sa di Cunda:

– Nay Hiền giả Cunda, đây vấn đề đáng đưa ra đề yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Thừa vâng, Tôn giả .

Sa di Cunda vâng lời Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Ananda cùng với Sa di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói: "Nigantha Nataputta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ". *Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chớ để cho tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng. Tranh luận ấy đưa đến sự bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài người".*

– Nay Ananda, Ông nghĩ thế nào? Những pháp Ta dạy cho các Ông với thượng trí, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành**. Ông có thấy chằng, nay Ananda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau?

– Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí, như Bốn niệm xứ... (như trên)... Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau. Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa tăng chúng, hoặc về Tăng thượng hoạt mạng, hoặc về Tăng thượng (Patimokkha-Giới bốn). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người.

– Là nhỏ nhất này Ananda, là sự tranh luận ấy, tức là (tranh luận) về **Tăng thượng hoạt mạng** hay **Tăng thượng giới bản**. Này Ananda, **sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (magga) hay về đường hướng tu hành (patipada)**, sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người. **Này Ananda, có sáu căn bản tranh chấp này.**

Thế nào là sáu?

Ở đây, Tỷ-kheo phản nộ, sân hận. Này Ananda, vị Tỷ-kheo nào phản nộ, sân hận, vị ấy sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư, sống không cung kính, không tôn trọng Pháp, sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Này Ananda, Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư... (như trên)... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người.

Này Ananda nếu Ông thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa các người khác, ở đây, này Ananda, Ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy.

Này Ananda, nếu Ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa các người khác; ở đây, này Ananda, Ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy như vậy.

Lại nữa này Ananda, vị Tỷ-kheo hiềm hận não hại...
(như trên)

... tật đồ, xan tham... (như trên)

... gian manh, xảo trá... (như trên)

... ác dục tà kiến... (như trên)

... chấp thủ thế trí, cố chấp, khó thuyết phục. Này Ananda, Tỷ-kheo nào chấp thủ thế trí, cố chấp khó thuyết phục, vị ấy sống không cung kính, không tôn trọng Bạc Đạo sư, không cung kính, không tôn trọng Pháp, không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Này Ananda, vị Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng Bạc Đạo sư... (như trên)... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên sự tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người, này Ananda, nếu Ông thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông

hay giữa các người khác, ở đây, này Ananda, Ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Này Ananda, nếu Ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa người khác, ở đây, này Ananda, Ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận như vậy. Những pháp này, này Ananda, là sáu căn bản tranh chấp.

Này Ananda, có bốn tránh sự này. Thế nào là bốn?

Tránh sự khởi lên do tranh luận,
Tránh sự khởi lên do chỉ trích,
Tránh sự khởi lên do phạm giới tội,
Tránh sự khởi lên do trách nhiệm
(kiccadhikaranam: hành tránh sự). Những pháp này, này Ananda, là bốn tránh sự.

Nhưng này Ananda, có bảy diệt tránh pháp này để giải quyết diệt trừ các tránh pháp thỉnh thoảng khởi lên:

Phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho
(sammukhavinayo databbo: ưng dữ hiện tiền tỳ- ni),
Phán quyết ức niệm cần được ban cho
(sativinayadatabbo: ưng dữ ức niệm tỳ-ni),

Phán quyết bất si cần được ban cho (amulhavinayo
databbo: ung dữ bất si tỳ-ni),

Quyết định tùy theo thú nhận (patinnaya
karetabbam),

Quyết định đa số (yebhuyassika: đa nhân mịch tội),

Quyết định tùy theo giới tội người phạm (tassa
papiyyasika),

Trải cỏ che lấp (tinavattharako: như thảo phủ địa).

Này Ananda, thế nào là *phán quyết với sự hiện diện
cần được ban cho*? Ở đây, này Ananda, các Tỷ-

kheo tranh chấp nhau: "Đây là pháp, hay đây là phi
pháp, hay đây là luật, hay đây là phi luật". Này
Ananda, tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa hợp

với nhau, sau khi tập hợp, pháp quy chế
(dhammanetti) phải được thảo luận, phân tích. Sau
khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây,
làm thế nào để đồng nhất đạt được, như vậy, tránh
sự phải được giải quyết. Như vậy, này Ananda, là
phán quyết với sự hiện diện; và như vậy, ở đây là
sự giải quyết một số tránh sự tức là dùng phán
quyết với sự hiện diện.

Và này Ananda, thế nào là *quyết định đa số
(yebbuyyasika)*? Này Ananda, nếu các Tỷ-kheo kia
không có thể giải quyết tránh sự ấy tại trú xứ ấy,
thời này Ananda, các vị Tỷ-kheo kia cần phải đi
đến chỗ trú xứ có nhiều Tỷ-kheo hơn, tại đấy tất cả
các Tỷ-kheo phải hòa đồng tập hợp lại; sau khi tập

hợp, pháp quy chế (dhammanetti) phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây làm thế nào, để đồng nhất đạt được như vậy tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, này Ananda, là sự giải quyết một số tránh sự tức là dùng sự quyết định đa số.

Và này Ananda, thế nào *phán quyết ức niệm*? Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di". Như vậy, này Ananda, một phán quyết ức niệm cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ananda, là phán quyết ức niệm. Như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự tức là nhờ phán quyết ức niệm.

Và này Ananda, thế nào là *phán quyết bất si*? Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di". Tỷ-kheo ấy bị (các vị Tỷ-kheo kia) dồn ép phải thú nhận: "Tôn

giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di". Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Này Chư Hiền, tôi đã bị cuồng si, tâm trí tôi điên đảo; do tôi cuồng si như vậy, nhiều việc đã được tôi làm, tôi nói không xứng Sa-môn hạnh. Vì bị cuồng si, tôi không nhớ đã làm như vậy". Này Ananda, phán quyết bắt si cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ananda, là pháp quyết bắt si. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ phán quyết bắt si.

Và này Ananda, thế nào là *quyết định tùy theo thú nhận*? Ở đây, này Ananda, bị buộc tội hay không bị buộc tội, Tỷ-kheo nhớ một giới tội, tỏ lộ, trình bày. Tỷ-kheo ấy phải đến một Tỷ-kheo lớn tuổi hơn, đắp y phía một bên vai, đánh lễ chân vị ấy, ngồi gồi hai chân, chấp tay và nói như sau: "Bạch Tôn giả, tôi có phạm giới tội tên như thế này, nay xin sám hối".

Tỷ-kheo kia nói như sau: "Ông có thấy chăng?" - "Tôi có thấy" - "Ông có gìn giữ trong tương lai không?" - "Tôi sẽ gìn giữ". Như vậy, này Ananda, là quyết định tùy theo thú nhận, như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự tức là nhờ quyết định tùy theo thú nhận.

Và này Ananda, thế nào là *quyết định tùy theo giới tội người phạm*? Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này,

hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "*Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di*". Tỷ-kheo ấy bị (các Tỷ-kheo kia) dồn ép phải tỏ lộ ra: "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không có nhớ tôi có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Chư Hiền, tôi nhớ tôi có phạm khinh tội như thế này". Tỷ-kheo ấy bị (các Tỷ-kheo kia) dồn ép phải tỏ lộ: "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di hoặc gần Ba-la-di?". Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, dầu không ai hỏi tôi, tôi sẽ thú nhận có phạm khinh tội như thế này, làm sao tôi có thể, khi có người hỏi tôi, lại không thú nhận có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba la di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị kia nói như sau: "Này Hiền giả, dầu Ông có phạm khinh tội này, nếu không hỏi, Ông sẽ không thú nhận, làm sao khi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nếu có hỏi, Ông lại có thể thú nhận? Tôn giả hãy biết rõ ràng, nếu Tôn giả nhớ có phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?" Vị ấy trả lời như sau: "Chư

Hiền, tôi nhớ, tôi có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Điều tôi đã nói như vậy, là nói chơi, điều tôi đã nói như vậy là để cười (rava?) Tôi không có nhớ tôi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di". Như vậy, này Ananda, là quyết định tùy theo giới tội người phạm. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh tội, tức là nhờ quyết định tùy theo giới tội người phạm.

Và này Ananda, thế nào là *trải cỏ che lấp*? Ở đây, này Ananda, một số Tỷ-kheo sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, có nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa đồng với nhau. Sau khi tập hợp, một Tỷ-kheo thông minh có kinh nghiệm hơn của một phe nhóm Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đứng về phía một bên vai, chắp tay, bạch Tăng chúng, nói rằng: "Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi. Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Nếu Tăng chúng xem là phải thời, tôi xin tỏ lộ bất cứ giới tội nào của các Tôn giả này và bất cứ giới tội nào của tôi. Vì lợi ích cho chư Tôn giả và cũng vì lợi ích cho tự thân, tôi xin tỏ lộ giữa Tăng chúng, như lấy cỏ trải ra, trừ các trọng tội, trừ tội liên hệ đến cư sĩ". Rồi một vị Tỷ-kheo thông minh kinh nghiệm của nhóm Tỷ-kheo khác, từ chỗ

ngồi đứng dậy, đáp y về phía một bên vai, chắp tay bạch Tăng chúng, nói rằng: "Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi. Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau... (như trên)... trừ các tội liên hệ đến cư sĩ" Như vậy, này Ananda, là trải cỏ che lấp, và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ trải cỏ che lấp.

Này Ananda, có sáu khả niệm pháp này, tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Thế nào là sáu?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo an trú từ thân nghiệp, đối với các vị đồng Phạm hạnh, chỗ đông người và chỗ vắng người. Khả niệm pháp này, tác thành khả ái, tác thành tôn kính đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo an trú từ khẩu nghiệp... (như trên)... đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo an trú từ ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh, chỗ đông người và chỗ vắng người. Khả niệm pháp này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất".

Và lại nữa, này Ananda, với mọi sở đắc như pháp, mọi lợi dưỡng đúng pháp cho đến những thọ lãnh trong bình bát, Tỷ-kheo là vị san sẻ các lợi dưỡng như vậy, là vị thọ hưởng cùng với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Khả niệm pháp này

cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, đối với mọi giới luật nào, không sút mẻ, không tỳ, không vết, không ô uế, giải thoát, được người trí tán thán, không chấp thủ, đưa đến Thiên định, Tỷ-kheo sống thành tựu những giới luật như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh giữa chỗ đông người và tại chỗ vắng người. Khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, đối với mọi tri kiến thánh thiện, đưa đến xuất ly, dẫn đến sự chơn chánh, đoạn diệt khổ đau cho những ai thực hành theo, Tỷ-kheo sống thành tựu những tri kiến như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người. Khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất.

Này Ananda sáu pháp khả niệm này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất.

Này Ananda, nếu Ông thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, thời này Ananda, Ông thấy có những cách nói nào, hoặc tế hoặc thô, khiến Ông không có thể kham nhẫn?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, như vậy sẽ đưa đến cho Ông an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

122 Cách chọn thầy, bạn - Kinh CÀN PHẢI THÂN CẬN – Tăng I, 221

CÀN PHẢI THÂN CẬN – Tăng I, 221

- ❖ Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?
 - Có hạng người này, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường.
 - Có hạng người, nên thân cận gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.
 - Có hạng người, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.
- ➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường?
 - Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thấp kém về giới, định, tuệ.**
 - Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, **trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **đồng đẳng với mình về giới, định, tuệ**.
- Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Với ý nghĩ: "(Cả hai) thiện xảo về giới, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai chúng ta, và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc. (Cả hai) là thiện xảo về định.... (Cả hai) là thiện xảo về tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về tuệ, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta an lạc". Cho nên, người như vậy nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

➔ Thế nào là hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thù thắng** về giới, định và tuệ.
- Hạng người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính tôn trọng, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Với ý nghĩ: "Như vậy, nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ; hay nếu giới được đầy đủ, ta sẽ

hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu định chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu định được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu tuệ chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu tuệ được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ." Cho nên, với hạng người như vậy, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

*Người gần kẻ hạ liệt,
Rồi cũng bị hạ liệt,
Thân cận người đồng đẳng,
Được khỏi bị thối đọa,
Ai gần bậc thù thắng,
Mau chóng được thăng tiến,
Do vậy hãy sống chung,
Bậc ưu thắng hơn mình!*

123 Cách chọn thầy, bạn - Kinh CÀN PHẢI THÂN CẬN – Tăng IV, 84

CÀN PHẢI THÂN CẬN – Tăng IV, 84

1. Ở đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo: "Này chư Hiền". - "Thưa Hiền giả". Các Tỷ kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

2. - Này chư Hiền:

1. **Con người** cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần phải thân cận, hay không cần phải thân cận.
2. **Y áo**, cần phải tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng.
3. **Đồ ăn khát thực**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng.
4. **Sàng tọa**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần sử dụng.
5. **Làng và thị trấn**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần tìm đến hay không cần tìm đến.

6. **Quốc độ**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến.

3. **Con người**, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần phải thân cận hay không cần phải thân cận được nói đến như vậy. Do duyên gì, được nói đến như vậy?

Ở đây, khi biết được về một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiên tăng trưởng, các pháp thiên bị đoạn giảm.
- Các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn".

☐ Đối với một người như vậy, này chư hiền, bất luận đêm hay ngày, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** bị đoạn giảm.
- Nhưng các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn".

 Đối với một người như vậy, này chư Hiền, sau khi tính toán, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện bị giảm, các pháp thiện tăng trưởng.
- Những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mãn".

☐ *Này chư Hiền, đối với một người như vậy, sau khi tính toán, cần phải theo người ấy, không được bỏ đi.*

Ở đây, sau khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng,
- Những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy đi đến tu tập viên mãn".

☐ *Này chư Hiền, đối với một người như vậy, cần phải theo cho đến trọn đời, không được bỏ đi, dầu có bị từ chối.*

Này chư Hiền, một người cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được thân cận và không cần được thân cận đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

4. **Y áo**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần

được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về y như sau: "Nếu ta sử dụng y này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; y như vậy không nên sử dụng".
- Ở đây, sau khi biết được về y như sau: "Nếu ta sử dụng y này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; y như vậy nên sử dụng".

Này chư Hiền, y áo cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

5. **Đồ ăn khát thực**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khát thực như sau: "Nếu ta sử dụng đồ ăn khát thực này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; đồ ăn khát thực như vậy không nên sử dụng".

- Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khát thực như sau: *"Nếu ta sử dụng đồ ăn khát thực này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; đồ ăn khát thực như vậy nên sử dụng"*.

Này chư Hiền, đồ ăn khát thực cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

6. Sàng tọa, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: *"Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** đoạn giảm; sàng tọa như vậy không nên sử dụng"*.
- Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: *"Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; sàng tọa như vậy nên sử dụng"*.

Này chư Hiền, sàng tọa cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

7. **Làng, thị trấn**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn này, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** đoạn giảm; làng và thị trấn như vậy không nên được tìm đến".
- Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn, các pháp **bất thiện** đoạn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng; như vậy cần được tìm đến".

Này chư Hiền, làng, thị trấn cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

8. **Quốc độ**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau: "Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp **bất**

thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; quốc độ như vậy không nên được tìm đến".

- Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau:
"Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; như vậy cần được tìm đến".

Này chư Hiền, quốc độ cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

124 Cách chọn thầy, bạn - Kinh TU SÁT – 47 Trung I, 693

KINH TU SÁT (Vimamsaka sutam)

– Bài kinh số 47 – *Trung I*, 693

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá của Ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, vị tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ tập tánh (Cetopariyayam) của người khác, cần phải tìm hiểu về Như Lai, để ý thức được Ngài có Chánh Đẳng Giác hay không.

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay, Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này! Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, vị tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ tập tánh của người khác, **cần phải tìm hiểu về Như Lai trên hai loại pháp**: Các pháp do mắt, tai nhận thức, nghĩ rằng: "*Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức, những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?*" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo được biết như sau: "*Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai*".

Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "*Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai*". Vị ấy tìm

hiểu thêm: "Những tạp pháp (khi nhiễm khi tịnh) do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?" Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức, những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai".

Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." Vị ấy tìm hiểu thêm: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh, do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức, những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai".

Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai". Vị ấy tìm hiểu thêm: "Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài hay trong một thời gian ngắn?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn".

Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn". Vị ấy tìm hiểu thêm: *"Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm có khởi lên cho vị ấy ở đây không?"* Nay các Tỷ-kheo, một số nguy hiểm không khởi lên ở đây cho vị Tỷ-kheo, khi vị ấy chưa được hữu danh, chưa có danh tiếng. Nay các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo ấy được hữu danh, có danh tiếng, thì một số nguy hiểm có thể khởi lên ở đây cho vị ấy. Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: *"Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị ấy"*.

Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: "Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị này." Vị ấy tìm hiểu thêm: *"Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Có phải do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục?"*. Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: *"Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục"*.

Này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác hỏi vị Tỷ-kheo ấy như sau: *"Những dữ kiện Tôn giả là gì, những bằng chứng của Tôn giả là gì, mà Tôn giả nói: "Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ". Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục"*.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn trả lời một cách chân chánh phải trả lời như sau: *"Vị Tôn giả này sống giữa Tăng chúng hay sống một mình, dầu cho những vị sống ở đây là thiện hạnh, là ác hạnh, dầu cho có những vị giáo giới hội chúng, ở đây có những vị chuyên trọng tài vật, có những vị ở đây không bị ô nhiễm bởi tài vật, vị Tôn giả này không vì vậy mà khinh bỉ họ vì lý do này. Như vậy tôi nghe trước mặt Thế Tôn, như vậy tôi được biết trước mặt Thế Tôn: "Ta do vô úy mà từ bỏ, Ta không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái nên ta không thỏa mãn các dục"*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai cần phải được hỏi thêm như sau:

"Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?" Được hỏi vậy, Như Lai sẽ trả lời như

sau: "Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không hiện khởi ở Như Lai."

"Những tạp pháp ở mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sẽ trả lời như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức, những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai."

"Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai trả lời như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai". **Ta lấy như vậy làm đạo lộ, làm hành giới. Không có ai giống Ta như vậy.**

Này các Tỷ-kheo, một đệ tử phải đến gần bậc Đạo Sư có nói như vậy để được nghe pháp. Vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị ấy từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương (Sappatibhaga).

Này các Tỷ-kheo, tùy theo vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương; vị Tỷ-kheo, tùy theo

như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, vì ấy đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Vì ấy khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo Sư: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì".

Này các Tỷ-kheo, nếu có người khác hỏi Tỷ-kheo ấy như sau: "Tôn giả có những dữ kiện gì, có những bằng chứng gì để Tôn giả nói rằng: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì?"

Này các Tỷ-kheo, muốn trả lời một cách chân chánh, vì Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Ở đây, này Hiền giả, tôi đến yết kiến Thế Tôn để nghe thuyết pháp, Thế Tôn thuyết pháp cho tôi, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng. Này Hiền giả, tùy theo Thế Tôn thuyết pháp cho tôi như thế nào, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng; tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, tôi đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Tôi khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo Sư: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì".

Này các Tỷ-kheo, đối với ai mà lòng tin đối với Như Lai được an lập, căn cứ, an trú trên những dữ kiện, những văn cú, những văn tự như vậy, này các Tỷ-kheo, **lòng tin như vậy được gọi là có dữ kiện đầy đủ, căn cứ trên (chánh) kiến, vững chắc, không thể bị phá hoại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, Ma ra, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tìm hiểu về Như Lai, và như vậy Như Lai mới được khéo tìm hiểu một cách đúng pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

125 Cách chọn thầy, bạn - Kinh TỊNH CHỈ – Tăng IV, 368

TỊNH CHỈ – Tăng IV, 368

1. - Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, thời cũng phải nguyện rằng: "**Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta**". Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình?**

2. Ví như, nay các Tỷ-kheo, một người đàn bà hay một người đàn ông, còn trẻ, trong tuổi thanh niên, ưa muốn trang điểm, quán sát hình ảnh mặt mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay trong một bát nước trong. Nếu thấy trên mặt có một hột bụi hay dầu nhờn gì, người ấy cố gắng đoạn trừ hột bụi ấy hay dầu nhờn ấy. Nếu không thấy hột bụi hay dầu nhờn, người ấy hoan hỷ thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong sạch! ".

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như vậy được nhiều lợi ích trong các thiện pháp:

- "Có phải ta được lợi đặc nội tâm tịnh chỉ, hay ta không được lợi đặc nội tâm tịnh chỉ?"
- Có phải ta được tăng thượng tuệ pháp quán, hay không được tăng thượng tuệ pháp quán?"

3. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta có được nội tâm tịnh chỉ, nhưng ta không được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi an trú nội tâm tịnh chỉ, cần phải nỗ lực để đạt cho được tăng thượng tuệ pháp quán ấy; sau một thời gian, đạt được nội tâm tịnh chỉ và được tăng thượng tuệ pháp quán.

4. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta có được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không có được nội tâm tịnh chỉ", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi an trú tăng thượng tuệ pháp quán, cần phải nỗ lực để đạt cho được nội tâm tịnh chỉ. Vị ấy sau một thời gian, đạt được tăng thượng tuệ pháp quán và chứng được nội tâm tịnh chỉ.

5. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta không có được nội tâm tịnh chỉ. Ta không có được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, đồng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để đạt cho được các thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn ấy hay đầu ấy.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để đạt cho được các thiện pháp ấy. Vị ấy trong một thời gian khác, đạt được nội tâm tịnh chỉ và đạt được tăng thượng tuệ pháp quán.

6. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát biết như sau: "*Ta có được nội tâm tịnh chỉ, ta có được tăng thượng tuệ pháp quán*", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, cần phải nỗ lực, chú tâm để đoạn diệt các lậu hoặc nữa.

7. Này các Tỷ kheo, Ta nói, **y** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng.

Này các Tỷ kheo, Ta cũng nói, **đồ ăn khát thực** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng.

Này các Tỷ Kheo, Ta cũng nói, **làng, thị trấn** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng.

Này các Tỷ kheo, Ta cũng nói, **quốc độ** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng.

Này các Tỷ kheo, Ta cũng nói, **người** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng.

8. Này các Tỷ kheo, Ta nói, **y** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nếu biết được y áo nào: "Y áo này, được ta sử dụng, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tồn giảm", thời y áo như vậy không nên sử dụng.
- Ở đây, nếu biết được y áo nào: "Y áo này, được ta sử dụng, các pháp bất thiện tồn giảm, các thiện pháp tăng trưởng", thời y áo như vậy nên sử dụng.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, y có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

9. Này các Tỷ Kheo, Ta nói rằng, **đồ ăn khát thực** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nếu biết được đồ ăn khát thực nào: "Đồ ăn khát thực này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời đồ ăn khát thực như vậy không nên sử dụng.
- Ở đây, nếu biết được đồ ăn khát thực nào: "Đồ ăn khát thực này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời đồ ăn khát thực như vậy nên sử dụng.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, đồ ăn khát thực có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

10. Này các Tỷ-Kheo, Ta nói rằng, **sàng tọa** có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nếu biết được sàng tọa nào: "Sàng tọa này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời sàng tọa như vậy không nên sử dụng.
- Ở đây, nếu biết được sàng tọa nào: "Sàng tọa này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời sàng tọa như vậy nên sử dụng.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, sàng tọa có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

11. Này các Tỷ kheo, Ta nói rằng, làng, thị trấn có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nếu biết được làng, thị trấn nào: "Làng, thị trấn này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị tổn giảm", thời làng, thị trấn như vậy không nên sử dụng.
- Ở đây, nếu biết được làng, thị trấn nào: "Làng, thị trấn được ta sử dụng, các pháp thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời làng, thị trấn như vậy nên sử dụng.

Này, các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, làng, thị trấn có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

12. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, quốc độ có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nếu biết được quốc độ nào: "Quốc độ này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng

trưởng, các thiện pháp tổn giảm", thời quốc độ như vậy không nên sử dụng.

- Ở đây, nếu biết được quốc độ nào: "Quốc độ này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các thiện pháp tăng trưởng", thời quốc độ như vậy nên sử dụng".

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, quốc độ có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

13. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, **người có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng**, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nếu biết được người nào: "Người này được ta sử dụng, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm", thời người như vậy không nên sử dụng.
- Ở đây, nếu biết được người nào: "Người này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các thiện pháp tăng trưởng", thời người như vậy nên sử dụng

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người có hai loại: nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

126 Cách chọn thầy, chọn chỗ tu tập - Kinh KHU RỪNG – 17 Trung I, 239

KINH KHU RỪNG (*Vanapatthasuttam*)

– Bài kinh số 17 – *Trung I*, 239

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau: "**Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Người pháp môn về khu rừng. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng**".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một

khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm *chưa được* an trú *không được* an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, những vật dụng này *kiếm được một cách khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ: *"Ta sống tại khu rừng này, Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn"*. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải từ bỏ ngôi rừng ấy, không được ở lại, ngay lúc ban ngày hay lúc ban đêm.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú *không được an trú*, tâm tư chưa

được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này *kiếm được một cách không khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "*Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệmc chưa được an trú không được an trú... những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệmc chưa được an trú không được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược không được chứng đạt*". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này **phải từ bỏ** ngôi rừng ấy, không được ở lại.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệmc *chưa được* an trú *được an trú*, tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn

toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt, nhưng những vật dụng cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật này *kiếm được một cách khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt... những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không phải vì món ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược được chứng đạt". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này, phải ở lại khu rừng ấy, không được bỏ đi.

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú *được an trú*... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt. Và những vật dụng cần thiết... *kiếm được một cách*

không khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chur húng đạt được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn". Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải ở lại khu rừng cho đến trọn đời, không được rời bỏ.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo *sống tại một làng nào... sống tại một thị trấn nào... sống tại một đô thị nào... sống tại một quốc gia nào... sống gần một người nào*. Tỷ-kheo sống gần người này, các niệm chưa được an trú *không được an trú*... không được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách *khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn". Chư Tỷ-kheo, *vị Tỷ-kheo ấy ngay trong phần đêm ấy hay ngay trong phần ngày ấy, không phải xin phép, cần phải bỏ ngay* người ấy mà đi, không cần theo sát người ấy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an

trú *không được* an trú... không được chứng đạt. Nhưng những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách *không khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt. Nhưng những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì được phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt". Chư Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo ấy, chỉ với ước tính này, cần phải bỏ người ấy mà đi, không có xin phép, không có theo sát.*

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú *được an trú*... được chứng đạt. Những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách *khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú... được chứng đạt. Những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì

y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì được phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và khi ta sống gần người này, các niệ^m chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phục được chứng đạt". Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **chỉ với suy tính này, cần phải theo sát người ấy, không được bỏ đi.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệ^m chưa được an trú **được an trú**, tâm không định tĩnh được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phục chưa được chứng đạt được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị người bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách **không khó khăn**. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "*Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệ^m chưa được an trú được an trú, tâm chưa được định tĩnh được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, và vô thượng an ổn, khỏi ách phục chưa được thành đạt được thành đạt. Và những vật dụng cần*

thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách dễ dàng". Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải trọn đời theo sát người này, không được bỏ đi, dầu cho có bị xua đuổi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

127 Cách chọn thầy, chọn đạo - Người trí suy xét ntn - Kinh SANDAKA – 76 Trung II, 377

KINH SANDAKA (Sandaka sutam)

– Bài kinh số 76 – Trung II, 377

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi (Kiều-thường-di),
tại tu viện Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ, du sĩ
Sandaka trú ở hang Pilakka với đại chúng du sĩ,
khoảng độ năm trăm du sĩ. Rồi Tôn giả Ananda,
vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, và
nói với các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến Devakatasobbha
để xem hang.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn
giả Ananda với một số đông Tỷ-kheo đi đến
Devakatasobbha. Lúc bấy giờ, du sĩ Sandaka ngồi
với đại chúng du sĩ đang lớn tiếng, cao tiếng, to
tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm như câu
chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu
chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các

câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về đồ mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị trấn, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu. **Du sĩ Sandaka thấy Tôn giả Ananda từ xa đi**

đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:
– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay đệ tử của Sa-môn Gotama, Sa-môn Ananda đang đến. Khi nào các đệ tử của Sa-môn Gotama trú ở Kosambi, thời Sa-môn Ananda này là một vị trong những vị ấy. Các Tôn giả ấy ưa mến trầm lặng, tu tập trong trầm lặng, tán thán trầm lặng, nếu biết chúng này trầm lặng, có thể ghé tại đây.

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng. Tôn giả Ananda đến chỗ du sĩ Sandaka. Du sĩ Sandaka thưa với Tôn giả Ananda:

– Hãy đến, Tôn giả Ananda! Thiện lai, Tôn giả Ananda! Đã lâu Tôn giả Ananda mới tạo cơ hội

này, nghĩa là đến đây. Tôn giả Ananda hãy ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ananda ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sandaka lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda nói với du sĩ Sandaka đang ngồi một bên:

– Nay Sandaka, nay các vị hội họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Tôn giả Ananda, hãy gác một bên vấn đề chúng tôi đang hội họp bàn luận. Lát nữa Tôn giả Ananda nghe lại cũng không khó khăn gì. **Lành thay, nếu được Tôn giả Ananda thuyết cho pháp thoại vị Đạo sư của mình.**

– Vậy này Sandaka, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng:

– Thừa vâng, Tôn giả.

Du sĩ Sandaka vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

– Nay Sandaka, **bốn pháp phi phạm hạnh trú** này, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, Bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và **bốn pháp bất an phạm hạnh** cũng được tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, **thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.**

Tôn giả Ananda, **bốn pháp phi phạm hạnh trú** do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh, và nếu sống, thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện; **bốn pháp phi phạm hạnh trú ấy là gì?**

– Ở đây, này Sandaka, có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi đã tự mình giác ngộ với thắng trí tuyên bố về đời này và đời sau. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại quy nhập địa giới, thủy đại quy nhập thủy giới, hỏa đại quy nhập hỏa giới, phong đại quy nhập phong giới, các căn nhập vào hư không. (Bốn) người, gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm gánh người chết mang đi, đến chỗ hỏa táng và thốt ra những lời kể lể, đặc tánh của người chết. Các xương thành màu xám như chim bồ câu, và những vật cứng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí, lời nói của họ trống không, giả dối, vô ích khi họ chấp thuyết "có sự hiện hữu (Atthikavada)". Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng

chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết".

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau:**

"Vị Tôn sư này, thuyết lý như vậy, quan điểm như vậy: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh... (như trên)... Không còn tồn tại sau khi chết". *Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng ta, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị đoạn diệt, tiêu thất, sẽ không hiện hữu sau khi chết". Thật sự là quá độ hạnh lỏa thể, trọc đầu, tinh tấn ngồi chỗ hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này; trong khi ta sống trong gia đình được con cái bao bọc đoanhydây, thọ dụng chiêm-đàn Kasi, mang dùng vòng hoa, hương liệu phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc, và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh. Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" **Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.***

Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu

sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp đoạt, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất này, làm thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy có phước báo, tạo nên phước báo. Bỏ thí, tự điều phục, tự chế ngự, nói thật không có công đức, không tạo nên công đức".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này, có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Tự làm, khiến người làm... (như trên)... không tạo nên công đức". Nếu vị Tôn sư này nói

đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Hành động cả hai (chúng ta) không tạo ra tội ác". Thật sự là quá độ... (như trên)... mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, không nhân không duyên, các loài hữu tình sẽ được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả chúng sanh, tất cả sanh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn chi phối bởi định mệnh, bởi sự trùng hợp, bởi

tư tánh. Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên... (như trên)... họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng tôi, không có nhân, không có duyên sẽ được thanh tịnh". Thật sự là quá độ... (như trên)... mà ta sẽ sống theo hạnh ấy dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: **"Có bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng**

không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Thế nào là bảy? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc, và thứ bảy là man. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây, không có người giết hại hoặc người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết, khi có một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là 14 trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm 60 một trăm và 6 một trăm. Có 5 một trăm loại nghiệp và có 5 nghiệp (theo 5 căn), lại có 3 nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, 6 giai cấp, 8 nhân địa; 4900 sanh nghiệp, 4900 kẻ du hành, 4900 chỗ ở của loài Naga, 2000 căn, 3000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tướng thai, 7 vô tướng thai, 7 tiết thai (sanh từ đốt, hay ly hệ thai?) 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài Quỷ, 7 hồ nước, 7 pavutas (núi hay hồ nhỏ), 7000 pavutas, 700 papatas (vực thẳm), 7 mộng, 700 mộng có 8.400.000 đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và

người trí, sau khi lưu chuyển, luân hồi, sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: "Với giới này, với giới cấm này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã được thuần thực, bởi những nhần thọ liên tục không thể đo lường, khổ và lạc với những vật đo lường, trong luân hồi không có tăng giảm, không có cao thấp. Ví như cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau".

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau**: "Vị Tôn sư này có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này... (như trên)... sẽ chấm dứt khổ đau". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng tôi, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau". Thật sự là quá độ hạnh lỏa thể, trọc đầu, tinh tán ngời chỗ hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này, trong khi ta sống trong gia đình, được con cái bao bọc đoanh vây, thọ dụng chiêm-đàn Kasi, mang dùng vòng hoa, hương liệu, phân sáp, hưởng thọ vàng bạc, và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về

chỗ thọ sanh. Như vậy ta biết gì, ta thấy gì mà ta sẽ sống theo hạnh ấy với vị Đạo sư này?" **Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yểm ly theo hạnh ấy và bỏ đi.**

Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ tư, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

Này Sandaka, bốn phi phạm hạnh trú này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.
– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! Bốn phi phạm hạnh trú này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố là phi phạm hạnh trú, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

*Tôn giả Ananda, thế nào là **bốn pháp bất an phạm hạnh** được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu*

sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện?

Ở đây, này Sandaka, **có bậc Đạo sư nhứt thiết tri nhứt thiết kiến**, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri, kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn". Vị ấy đi vào một nhà trống, không nhận được đồ ăn khát thực, và con chó cắn vị ấy, vị ấy gặp voi dữ, gặp người dữ, gặp bò dữ, và vị ấy hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, và hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn. Vị ấy được hỏi: "Sao như thế này?", và trả lời: "Ta phải vào một nhà trống, do vậy ta đã vào; ta phải không nhận được đồ ăn khát thực, do vậy ta đã không nhận được đồ ăn khát thực. (Có người) phải bị chó cắn, do vậy ta đã bị chó cắn. (Có người) phải gặp voi dữ, do vậy ta đã gặp; phải gặp ngựa dữ, do vậy ta đã gặp, phải gặp bò dữ, do vậy ta đã gặp. Có người phải hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, do vậy ta đã hỏi. (Có người) phải hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn, do vậy ta đã hỏi".

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau:** "Vị Tôn sư này là nhứt thiết tri, nhứt thiết kiến... (như trên)... do vậy ta đã hỏi". **Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.**

Này Sandaka, đây là Bất an phạm hạnh thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây, **có vị Đạo sư y cứ truyền thuyết**, (xem) truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng.

Này Sandaka, nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư**: "Vị Tôn sư này y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chơn thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng. Nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chơn thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác. **Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yểm ly hạnh ấy và bỏ đi.**

Này Sandaka, đây là bất an phạm hạnh thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí

không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có **vị Đạo sư là nhà lý luận**, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy nghĩ**: "Vị Tôn sư này là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác. Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an" nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka đây là bất an phạm hạnh thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có **vị Đạo sư là người đần độn**, là người ngu si. Vì đần độn ngu si, khi

được hỏi về vấn đề này, vấn đề khác, vị ấy dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Theo tôi không phải như vậy, theo tôi không phải như kia, theo tôi không khác như thế, theo tôi không phải như thế, theo tôi không không phải như thế". Ở đây, này Sandaka **người có trí suy tư**: "Vị Tôn sư này là người đần độn, là người ngu si... (như trên)... theo tôi không phải như thế". Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là bất an phạm hạnh thứ tư, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Này Sandaka, bốn bất an phạm hạnh này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây **người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp và (chí) thiện.**

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! Bốn pháp bất an phạm hạnh này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố là bất an phạm hạnh, và ở đây người trí không thể tự mình

sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Thưa Tôn giả Ananda, vị Đạo sư ấy dạy những gì, tuyên bố những gì, mà ở đây, người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống, có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện?

– Ở đây, này Sandaka, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí...

lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ... Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy... (như Kinh Kandarakka của tập này, tr. 20 – tr. 25).

Sau khi trừ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt vì ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.

Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ...

Nhị thiền... Tam thiền... chứng đạt và an trú Tứ thiền. Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư... (như trên)... (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện".

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. *Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.*

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ. *Này Sandaka nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.*

Với tâm định tĩnh thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: "Đây là Khổ"... vị ấy như thật biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Vị ấy do biết vậy, do thấy vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa".

*Này Sandaka, nếu một đệ tử chúng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư nào, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện. Nhưng, thưa Tôn giả Ananda, một Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị Tỷ-kheo ấy có thể tho
dung các dục vọng không?*

– Này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, **vị ấy không thể vi phạm năm điều:**

Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể cố ý sát hại mạng sống** chúng sanh;

Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể lấy của không cho**, được gọi là ăn trộm;

Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể hành dâm dục**;

Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể cố ý nói láo**;

Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể hưởng thọ các dục đối với các vật được tàng trữ như trước khi còn tại gia**.

Này Sandaka, một vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không có thể vi phạm năm điều này.

Thưa Tôn giả Ananda, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, có phải tri kiến vị ấy được an trú một cách liên tục, không gián đoạn: "Các lậu hoặc của ta đã được đoạn tận"?

– Này Sandaka, tôi sẽ cho Ông một ví dụ, nhờ ví dụ ở đây, một số người có trí sẽ biết ý nghĩa câu nói.

Ví như, này Sandaka, một người tay chân bị chặt;

khi người ấy đi, đứng, ngủ và thức, tay chân bị chặt một cách liên tục, không gián đoạn, và khi người ấy suy tư về vấn đề này, người ấy biết: "Tay chân của ta bị chặt".

Cũng vậy, này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, các lậu hoặc được đoạn tận một cách liên tục, không gián đoạn, và khi vị ấy suy tư về vấn đề này, vị ấy biết: "Các lậu hoặc ta đã được đoạn tận".

– Nhưng thưa Tôn giả Ananda, có bao nhiêu vị lãnh đạo tối thắng trong pháp và luật này?

– Này Sandaka, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, mà còn nhiều vị lãnh đạo tối thắng hơn nữa trong pháp và luật này.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! **Không có sự tự tán thán pháp của mình, không có sự hủy báng pháp của người khác, nhưng cả hai sự thuyết pháp với các hành trì** (ayatane) và rất nhiều vị lãnh đạo tối thắng như vậy đã được thấy (ở đây). Còn các tà mạn ngoại đạo này là những đứa con của người mẹ không con, họ tự tán thán khen mình chê người, và họ chỉ có ba vị lãnh đạo tối thắng, tức là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca và Makkhali Gosala.

Rồi du sĩ Sandaka nói với đồ chúng của mình:

– Chư Tôn giả, hãy đi và sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama, tuy rằng nay không có dễ gì cho chúng ta từ bỏ quyền lợi, tôn kính và danh tiếng.

Như vậy du sĩ Sandaka đã đưa đồ chúng của mình sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama.

128 Cách sống của người cư sĩ tại gia - Kinh GIÁO THỌ THI-CÁ-LA-VIỆT – 31 Trường II, 529

KINH GIÁO THỌ THI-CÁ-LA-VIỆT (SINGALOVADA SUTTANTA) – Bài kinh số 31 – Trường II, 529

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn sống ở Rājagaha (Vương Xá thành), tại Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ tìm ăn của loài sóc). Lúc bấy giờ, Singālaka (Thi-ca-la-việt), gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, hướng Thượng.
2. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Vương Xá khát thực. Thế Tôn thấy Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, hướng Thượng. Thấy vậy Ngài nói với Singālaka, gia chủ tử:

- Nay Gia chủ tử, vì sao Người dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông... hướng Thượng?

- Bạch Thế Tôn, thân phụ con khi gần chết có dặn con: " Nay con thân yêu, hãy đánh lễ các phương hướng ". Bạch Thế Tôn, con kính tín, cung kính, tôn trọng, đánh lễ lời nói của thân phụ con, buổi sáng dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông... hướng Thượng.

- Nay Gia chủ tử, trong luật pháp của bậc Thánh, lễ bái sáu phương không phải như vậy.

- Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của bậc Thánh, thế nào là lễ bái sáu phương? Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của bậc Thánh, đánh lễ sáu phương phải như thế nào? Lành thay! Thế Tôn hãy giảng pháp ấy cho con!

- Nay Gia chủ tử, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Singàlaka, gia chủ tử vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

3. - Nay Gia chủ tử, đối với vị Thánh đệ tử, bốn nghiệp phiền não được diệt trừ, không làm ác nghiệp theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản. Vị này, do từ bỏ

mười bốn ác pháp, trở thành vị che chở sáu phương; vị này đã thực hành để chiến thắng hai đời, vị này đã chiến thắng đời này và đời sau. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này sanh ở thiện thú, Thiên giới.

Thế nào là bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ? Nay Gia chủ tử, đó là **ngiệp phiền não sát sanh, nghiệp phiền não trộm cắp, nghiệp phiền não tà dâm, nghiệp phiền não nói láo.** Bốn nghiệp phiền não này đã được trừ diệt.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

4. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Sát sanh và trộm cắp,
Nói láo, lấy vợ người,
Kẻ trí không tán thán,
Những hạnh nghiệp như vậy.*

5. Thế nào là không làm ác nghiệp theo bốn lý do? **Ác nghiệp làm do tham dục, ác nghiệp làm do sân hận, ác nghiệp làm do ngu si, ác nghiệp làm do sợ hãi.** Nay Gia chủ tử, vì vị Thánh đệ tử không tham dục, không sân hận, không ngu si, không sợ hãi, nên không làm ác nghiệp theo bốn lý do.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

6. Thiện Thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Ai phản lại Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh bị sút mẻ
Như mặt trăng đêm khuyết.
Ai không phản Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng đêm đầy.*

7. Thế nào là không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản?

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản.
Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản.
La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản.
Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản.
Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản.
Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

8. Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm:

Tài sản hiện tại bị tổn thất,
Đấu tranh tăng trưởng,
Bệnh tật dễ xâm nhập,
Thương tổn danh dự,

Để lộ âm tàng,
Và thứ sáu là trí lực tồn hại.
Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy
hiểm như vậy.

**9. Này Gia chủ tử, du hành đường phố phi thời
có sáu nguy hiểm:**

Tự mình không được che chở hộ trì,
Vợ con không được che chở hộ trì,
Tài sản không được che chở hộ trì,
Bị tình nghi là tác giả các ác sự,
Nạn nhân các tin đồn thất thiệt,
Tự rước vào thân nhiều khổ não.

Này Gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu
nguy hiểm như vậy.

**10. Này Gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có
sáu nguy hiểm:**

Luôn luôn tìm xem chỗ nào có múa, chỗ nào có ca,
chỗ nào có nhạc, chỗ nào có tán tụng, chỗ nào có
nhạc tay, chỗ nào có trống.

Này Gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy
hiểm như vậy.

**11. Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy
hiểm:**

Nếu thắng thì sanh oán thù,
Nếu thua thì tâm sanh sầu muộn,
Tài sản hiện tại bị tổn thất,

Tại hội trường (pháp đình) lời nói không hiệu lực,

Bằng hữu đồng liêu khinh miệt,
Vấn đề cưới gả không được tín nhiệm vì người đam
mê cờ bạc không xứng để có vợ.
Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm
như vậy.

**12. Này Gia chủ tử, thân cận các ác hữu có sáu
nguy hiểm:**

Những kẻ cờ bạc, loạn hành, nghiện rượu, những kẻ
trá ngụy, lường gạt, bạo động là những người bạn,
là những thân hữu của người ấy.
Này Gia chủ tử, thân cận ác hữu có sáu nguy hiểm
như vậy.

**13. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu
nguy hiểm:**

"quá lạnh", không làm việc;
"quá nóng", không làm việc;
"quá trễ" không làm việc;
"quá sớm", không làm việc;
"tôi đói quá", không làm việc;
"tôi quá no", không làm việc.

Trong khi những công việc phải làm lại không làm.
Tài sản chưa có không xây dựng lên, tài sản có rồi
bị tiêu thất. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có
sáu nguy hiểm như vậy. Thế Tôn thuyết giảng như
vậy.

14. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Có bạn gọi bạn rượu,
Có bạn, bạn bằng mồm,
Bạn lúc thật hữu sự,
Mới xứng danh bạn bè.*

*Ngủ ngày, thông vợ người,
Ưu đầu tranh, làm hại,
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự não hại người.*

*Ác hữu, ác bạn lữ,
Ác hạnh, hành ác xứ,
Đời này cả đời sau,
Hai đời, người bị hại.*

*Cờ bạc và đàn bà,
Rượu chè, múa và hát
Ngủ ngày, đi phi thời
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự não hại người.*

*Chơi xúc xắc, uống rượu
Theo đuổi đàn bà người,
Lẽ sống của người khác,
Thân cận kẻ hạ tiện,
Không thân cận bậc trí,
Người ấy tự héo mòn,*

Như trăng trong mùa khuyết.

*Rượu chè không tiền của,
Khao khát, tìm tẩu điếm,
Bị chìm trong nợ nần,
Như chìm trong bồn nước,
Mau chóng tự hại mình,
Như kẻ mất gia đình.*

*Ai quen thói ngủ ngày,
Thức trọn suốt đêm trường,
Luôn luôn say sướt mướt,
Không thể sống gia đình.*

*Ở đây ai hay than:
Ôi quá lạnh, quá nóng,
Quá chiều, quá trễ giờ,
Sẽ bỏ bê công việc.
Lợi ích, điều tốt lành,
Bị trôi dạt một bên.*

*Ai xem lạnh và nóng,
Nhẹ nhàng hơn cỏ lau,
Làm mọi công chuyện mình,
Hạnh phúc không từ bỏ.*

15. Nay Gia chủ từ, có **bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:**

Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn;

Người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn;

Người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn;

Người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

16. Nay Gia chủ từ, có bốn trường hợp **người vật gì cũng lấy** phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Người vật gì cũng lấy,

Cho ít xin nhiều,

Vì sợ mà làm,

Làm vì mưu lợi cho mình.

Nay Gia chủ từ, như vậy là bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

17. Nay Gia chủ từ, có bốn trường hợp, **người chỉ biết nói giỏi** phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Tỏ lộ thân tình việc đã qua;

Tỏ lộ thân tình việc chưa đến;

Mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ;

Khi có công việc, tự tỏ sự bất lực của mình.

Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

18. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Đồng ý các việc ác;
Không đồng ý các việc thiện;
Trước mặt tán thán;
Sau lưng chỉ trích.

Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

19. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Là bạn khi mình đam mê các loại rượu;
Là bạn, khi mình du hành đường phố phi thời;
Là bạn khi mình la cà đình đám hý viện;
Là bạn khi mình đam mê cờ bạc.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

20. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Người bạn gì cũng lấy,
Người bạn chỉ nói giỏi,*

*Người nói lời nịnh hót,
Người tiêu pha xa xỉ.
Cả bốn, không phải bạn,
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.*

21. Đây Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật:

Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật;
Người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật;
Người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật;
Người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật.

22. Đây Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật:

Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật,
Che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật,
Là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi,
Khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chân thật.

23. Đây Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật:

Nói cho bạn biết điều bí mật của mình;
Giữ gìn kín điều bí mật của bạn;
Không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn;
Dám hy sinh thân mạng vì bạn.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật.

24. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật:

Ngăn chặn bạn không làm điều ác;
Khuyến khích bạn làm điều thiện;
Cho bạn nghe điều bạn chưa nghe;

Cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

25. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật:

Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn;
Hoan hỷ khi bạn gặp may mắn;
Ngăn chặn những ai nói xấu bạn;
Khuyến khích những ai tán thán bạn.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.
26. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyến khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng.*

*Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ họ,
Như mẹ đối con ruột.*

*Người trí giữ giới luật,
Sáng như lửa đời cao.
Người tích trữ tài sản,
Như cử chỉ con ong.*

*Tài sản được chồng chất,
Như ụ mối đùn cao,
Người cư xử như vậy,
Chất chứa các tài sản,
Vừa đủ để lợi ích
Cho chính gia đình mình.*

***Tài sản cần chia bốn**
Để kết hợp bạn bè:
Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,*

***Phản tư, phản đề dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.***

27. Nay Gia chủ tử, vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Nay Gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau:

Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ.

Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng.

Phương Tây cần được hiểu là vợ con.

Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè.

Phương Dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công.

Phương Trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.

28. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông:

"Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ;

Tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ;

Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống;

Tôi bảo vệ tài sản thừa tự;

Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời".

Nay Gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phương Đông, theo năm cách như vậy.

Cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách:

Ngăn chặn con làm điều ác;

Khuyến khích con làm điều thiện;

Dạy con nghề nghiệp,

Cưới vợ xứng đáng cho con;

Đúng thời trao của thừa tự cho con.
Này Gia chủ tử, như vậy là cha mẹ được con phụng
dưỡng như phương Đông theo năm cách và cha mẹ
có lòng thương tưởng con theo năm cách.

Như vậy phương Đông được che chở, được trở
thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

29. Này Gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng
dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam:

Đứng dậy để chào,

Hầu hạ thầy,

Hăng hái học tập,

Tự phục vụ thầy,

Chú tâm học hỏi nghề nghiệp.

Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như
phương Nam theo năm cách như vậy.

Các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ
tử theo năm cách:

Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn
luyện;

Dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì;

Dạy cho thuần thục các nghề nghiệp;

Khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc;

Bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt.

Này Gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ
tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách
và sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo
năm cách.

Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

30. Nay Gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây:

Kính trọng vợ,
Không bắt kính đối với vợ;
Trung thành với vợ;
Giao quyền hành cho vợ;
Sắm đồ nữ trang với vợ;

Này Gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy.

Người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách:

Thi hành tốt đẹp bốn phận của mình;
Khéo tiếp đón bà con;
Trung thành với chồng;
Khéo gìn giữ tài sản của chồng;

Khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.

Này Gia chủ, người vợ được người chồng đối xử như phương Tây theo năm cách.

Như vậy phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

31. Nay Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc:

Bố thí,
Ai ngữ,
Lợi hành,

Đồng sự,
Không lường gạt.

Này Gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như
phương Bắc theo năm cách như vậy. Ban bè có
lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách:

Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng;
Bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng
túng;

Trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp
nguy hiểm;

Không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn;
Kính trọng gia đình của vị thiện nam tử.

Như vậy các bạn bè được vị thiện nam tử đối xử
như phương Bắc theo năm cách và bạn bè có lòng
thương vị thiện nam tử theo năm cách.

Như vậy phương Bắc được che chở, được trở thành
an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

32. Này Gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ
nhân đối xử với hàng nô bộc như phương Dưới:

Giao việc đúng theo sức lực của họ;

Lo cho họ ăn uống và tiền lương;

Điều trị cho họ khi bệnh hoạn;

Chia xẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ;

Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh chủ
nhân đối xử như phương Dưới với năm cách như

kia, có lòng thương đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau:

Dậy trước khi chủ dậy;

Đi ngủ sau chủ;

Tự bằng lòng với các vật đã cho;

Khéo làm các công việc;

Đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được vị Thánh chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách, có lòng thương đối với Thánh chủ nhân theo năm cách. Như vậy phương Dưới được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

33. Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương Trên:

Có lòng từ trong hành động về thân;

Có lòng từ trong hành động về khẩu;

Có lòng từ trong hành động về ý;

Mở rộng cửa để đón các vị ấy;

Cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết.

Này Gia chủ tử, các vị Bà-la-môn, Sa-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như vậy, có lòng thương vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây:

Ngăn họ không làm điều ác;

Khuyến khích họ làm điều thiện;

Thương xót họ với tâm từ bi,

Dạy họ những điều chưa nghe, Làm cho thanh tịnh
điều đã được nghe;

Chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Này Gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được
thiện nam tử đối xử như phương Trên với năm
cách, có lòng thương thiện nam tử theo năm cách.

Như vậy phương Trên được che chở, được trở
thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

34. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Bạn bè là phương Bắc,
Nô bộc là phương Dưới,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Có nghĩa là phương Trên.*

*Cư sĩ vì gia đình,
Đảnh lễ phương hướng ấy.
Kẻ trí giữ giới, Luật,
Tù tốn và biện tài,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Dậy sớm không biếng nhác,
Bất động giữa hiểm nguy,*

*Người hiền, không phạm giới,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Nhiếp chúng, tạo nên bạn,
Từ ái, tâm bao dung,
Dẫn đạo, khuyến hóa đạo,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành bất cứ ai,
Đồng sự trong mọi việc,
Theo trường hợp xử sự.*

*Chính những nhiếp sự này,
Khiến thế giới xoay quanh,
Như bánh xe quay lăng,
Vòng theo trục xe chính.*

*Nhiếp sự này vắng mặt,
Không có mẹ hưởng thọ,
Hay không cha hưởng thọ,
Sự hiếu kính của con.*

*Do vậy bậc có trí,
Đối với nhiếp pháp này,
Như quán sát chấp trì,
Nhờ vậy thành vĩ đại,*

Được tán thán, danh xưng.

35. Khi được nghe vậy, Singàlaka, gia chủ tử bạch Thế Tôn:

- "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

129 Cách tu tập - Kinh UPÀLI – Tăng IV, 515

UPÀLI – Tăng IV, 515

1. Bấy giờ có Tôn giả Upàli đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn sống trong rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng.

2. Nay Upàli, không dễ dàng là sống tại các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng, khó khăn là đời sống viễn ly, khó ưa thích là đời sống độc cư. Ta nghĩ rằng: "**Các ngôi rừng làm loạn ý Tỷ-kheo chưa được Thiên định**". Nay Upàli, ai nói như sau: "**Dầu tôi chưa được Thiên định, tôi sẽ sống tại các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng**", thời người ấy được chờ đợi như sau: "**Vì ấy sẽ chìm xuống (đáy) hay nổi lên (mặt nước)**".

3. Ví như, nay Upàli, một hồ nước lớn, có **con voi lớn** đi đến, bảy thước hay tám thước cao. Con voi ấy suy nghĩ: "*Ta hãy lặn vào hồ nước này, rồi chơi trò chơi rửa tai, rồi chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau*

khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta đi chỗ nào ta muốn". Rồi con voi ấy lặn vào hồ nước ấy, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng, sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, nó đi chỗ nào nó muốn. Vì sao? Vì tư ngã to lớn tìm được chân đứng trong chỗ nước.

Rồi có **con thỏ** hay con mèo đến, nó suy nghĩ: "*Ta là ai, con voi lớn là ai? Vậy ta sau khi lặn xuống hồ nước này, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta sẽ đi chỗ nào ta muốn*". Rồi nó nhảy vào hồ nước ấy lập tức, không có tính toán. Với nó, được chờ đợi rằng: "**Nó sẽ chìm hay nổi trên mặt nước**" Vì sao? Nay Upàli, vì tư ngã nhỏ bé không tìm được chân đứng trong nước sâu.

Cũng vậy, này Upàli, ai nói rằng: "Dầu tôi không được định, tôi sẽ sống trong các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng". Với vị ấy, được chờ đợi rằng: "Nó sẽ chìm xuống hay nổi trên mặt nước".

4. Ví như: này Upàli, một đứa trẻ, còn nhỏ, còn yếu, nằm ngửa, chơi với phân và nước tiểu của mình.

Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi con nít này có thiệt là toàn diện đầy đủ không?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, đưa con nít ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, có được các đồ chơi của những con nít, như trẻ con chơi khăn, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đóng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, và nó chơi với những đồ chơi ấy. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi này so sánh với trò chơi trước, có đi đến thù diệu hơn, thù thắng hơn?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Rồi này Upàli, đưa trẻ ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc, với các sắc do mắt nhận thức, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn, với các tiếng do tai nhận thức... với các hương do mũi nhận thức... với các vị do lưỡi nhận thức... với các xúc do thân cảm giác, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi này, so sánh với các trò chơi trước có thù diệu hơn, thù thắng hơn không?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

5. Ở đây, này Upàli, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thắng trí, tuyên bố cho biết về thế giới này, các chư Thiên, các ma, các Phạm thiên, với chúng Sa-Môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người gia chủ, hay con người gia chủ hay một người tái sanh trong một gia đình khác nghe Pháp ấy, sau khi nghe Pháp, vị ấy sanh lòng tin vào Như Lai. Vị ấy thành tựu với lòng tin ấy, suy xét như sau: *"Đời sống gia đình đầy những phiền phức, con đường đầy những bụi đời, đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."*

Một thời gian sau, vị ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. **Vị ấy đã xuất gia như**

vậy, thọ lãnh đầy đủ sự học tập và nếp sống của các Tỷ-kheo.

- Sau khi đoạn tận sát sanh, sống từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị ấy sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự mình sống thanh tịnh không có trộm cướp.
- Sau khi đoạn tận không Phạm hạnh, vị ấy sống Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ.
- Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo, nói lời chơn thật, nói lời liên hệ đến chân thật, vững chắc, đáng tin cậy, không lường gạt lời hứa đối với đời.
- Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống kết hợp những kẻ bị chia rẽ, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, ưa thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời tác thành hòa hợp.

- Sau khi đoạn tận lời nói độc ác, vị ấy sống từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, thích ý nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy.
- Sau khi đoạn tận lời nói phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm, nói lời đúng thời, nói lời chân thật, nói lời có ý nghĩa, nói lời về Chánh pháp, nói lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.
- Vị ấy sống từ bỏ làm hại các hột giống và các loại cây cỏ; dùng mỗi ngày một bữa, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang, từ bỏ dùng giường cao và giường lớn, từ bỏ nhận vàng và bạc, từ bỏ nhận các hạt sống, từ bỏ nhận thịt sống, từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ việc phái người làm môi giới, hoặc tự mình làm môi giới, từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bứt đoạt, trộm cắp, cướp phá.

- Vị ấy, **biết đủ**, bằng lòng với tâm y để che thân, với **đồ ăn khát thực** để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo y và bình bát như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị ấy bằng lòng với tâm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo.
- **Vị ấy thành tựu với thành tựu giới uẩn này, nội tâm cảm thọ sự an lạc không có phạm lỗi.**

6. Vị ấy, khi **mắt** thấy **sắc**, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thật hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thật hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không có xen lẫn.

7. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều **tĩnh giác**; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay; khi

đuôi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nuốt đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu với **Thánh giới uẩn** này, thành tựu với **Thánh hộ trì các căn** này, thành tựu với **Thánh chánh niệm tỉnh giác** này, chọn một trú xứ thanh vắng như rừng, gốc cây, núi, khe đá, hang đá, bãi tha ma, khu rừng xa vắng, ngoài trời, đồng rơm. Vị ấy đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngôi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy, sau khi đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm khỏi tham ái.
- Sau khi đoạn tận sân, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, sống với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, vị ấy gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Sau khi đoạn tận trạo hoi, sống không trạo hoi, với nội tâm trầm lặng, vị ấy gột rửa hết tâm trạo cử hoi tiếc.

- Sau khi đoạn tận nghi ngờ, vị ấy sống thoát ly nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

8. Vì vậy sau khi **đoạn tận năm triền cái** này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm hèn yếu trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vì sao, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, thù thắng hơn?

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, các đệ tử của Ta, thấy được Pháp này trong tự ngã, sống tại các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng, cho đến khi mục đích của mình chưa đạt, thời họ vẫn trú (tại các chỗ ấy), (hay như mục đích của mình chưa đạt, tức là định chưa đạt; thời không sống trong rừng núi cao nguyên tại các trú xứ xa vắng).

9. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Upàli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy Pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

10. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Upàli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy Pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

11. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli... chưa đạt được...? ...

12. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các tướng đối ngại, không tác ý đến các tướng sai biệt, nghĩ rằng: "**Hư không là vô biên**", chứng đạt và an trú Không

vô biên xứ. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.

13. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "**Thức là vô biên**", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.*

Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "**Không có sở hữu**", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.*

Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là thù diệu", chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn... mục đích của mình chưa đạt được.

14. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**, vị ấy **sau**

khí thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Thấy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, các đệ tử của Ta, sau khi quán thấy Pháp này trên tự ngã đã đến ở trong các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng, họ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

→ Vậy này Upàli, Thầy hãy sống giữa chúng Tăng. Sống giữa chúng Tăng, Thầy sẽ được an ổn.

130 Cách tu tập - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502

UTTIYA – Tăng IV, 502

*(Thế Tôn thuyết pháp để làm gì; ngoại đạo chất vấn;
con đường đưa đến khổ diệt; Thế Tôn - có bao nhiêu
người được giải thoát)*

1. Bấy giờ có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Uttiya nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

- Nay Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau chết... Như Lai không có tồn tại sau khi

chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

2- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường? ... có phải thế giới là có biên tế? ... có phải thế giới không có biên tế? ... có phải sinh mạng và thân thể là một? ... có phải sinh mạng và thân thể là khác? ... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau chết? ... có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng."

- *Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên?*

- **Với thẳng trí, này Uttiya, Ta thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để chánh lý được chứng đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.**

- *"Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngộ",*
thời do vậy, cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba?

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.

3. **Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ như sau:** "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: "Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ư quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lời" và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya." Rồi Tôn giả Ananda nói với du sĩ Uttiya:

4.- Vậy này Uttiya, Ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy thác canh vững chắc, và chỉ có một cửa vào. Tại

đây, người giữ cửa là người sáng suốt, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy, người ấy có thể không thấy một kẻ hở trong thành hay lỗ trống trong thành lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biết được: "Từng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này, nhưng điều này nó biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này", tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cửa thành này.

Cũng vậy, này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng (câu hỏi này của Thầy) là có phải toàn thể giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thể giới, hay là một phần ba? Những điều Như Lai nói là như sau: "**Những ai đã được thoát ra khỏi thể giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên Bốn niệm xứ; sau khi như thật tu tập Bảy giác chi, như vậy các vị ấy đã thoát khỏi, đang thoát khỏi, sẽ thoát khỏi thể giới**".

Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà Thầy đã hỏi Thế Tôn đứng trên một lập trường khác. Đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho Thầy.

131 Cách tu tập - Kinh ƯỚC NGUYỆN – Tăng IV, 412

ƯỚC NGUYỆN – Tăng IV, 412

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn Anàthapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bốn Pàtimokkha. Hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta được các đồng Phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và bắt chước". Tỷ-kheo ấy phải:

1. Thành tựu viên mãn giới luật.

2. *Kiên trì nội tâm tịch tĩnh.*
3. *Không gián đoạn Thiền định.*
4. *Thành tựu quán hạnh.*
5. *Thích sống tại các trú xứ không tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các được phẩm trị bệnh"*, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta hưởng thọ các vật dụng như y áo, các món ăn khát thực, sàng tọa và các được phẩm trị bệnh. Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn"*, Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung nghĩ (đến ta) với tâm hoan hỷ, (và nhờ vậy) được quả báo lớn, được lợi ích lớn"*. Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta **biết đủ** với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh"*,

Tỷ-kheo ấy phải sống đầy đủ giới... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta kham nhẫn với lạnh, nóng, đói khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, của loài bò sát, kham nhẫn những cách nói mạ ly phi báng, kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người", thời Tỷ-kheo ấy phải sống đầy đủ giới... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta nhhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không để lạc, bất lạc nhhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhhiếp phục lạc, bất lạc được khởi lên", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên).... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta nhhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên". Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú". Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Với sự đoan tâm các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát"*. Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống trong các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp**. Như vậy được nói đến, chính do duyên này được nói đến như vậy.

132 Cách tu tập Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm gth - Kinh ANALUẬT – 127 Trung III, 365

KINH ANALUẬT (Anuruddha sutta)

– Bài kinh số 127 – Trung III, 365

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, chỗ
tinh xá của ông Anathapindika. Rồi thợ mộc
Pancakanga bảo một người.

– Hãy đến, này Người kia, hãy đi đến Tôn giả
Anuruddha, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn
giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, thợ
mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả
Anuruddha, và thưa: Mong rằng Tôn giả
Anuruddha cùng ba vị nữa, ngày mai nhận lời dùng
bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Mong rằng Tôn
giả Anuruddha đến thật sớm, vì thợ mộc
Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bồn phận
phải làm đối với vua".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp thợ mộc Pancakanga, đi đến
Tôn giả Anuruddha, sau khi đến đánh lễ Tôn giả

Anuruddha, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa Tôn giả Anuruddha:

– Thợ mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha với ba vị nữa ngày mai đến dùng bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha đến cho thật sớm, vì thợ mộc Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua".

Tôn giả Anuruddha im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ thợ mộc Pancakanga, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi thợ mộc Pancakanga tự tay mời mọc và làm cho thỏa mãn Tôn giả Anuruddha với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Và sau khi Tôn giả Anuruddha đã ăn xong, đã cất tay khỏi bình bát, thợ mộc Pancakanga lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên, Ngồi xuống một bên, thợ mộc

Pancakanga thưa cùng Tôn giả Anuruddha:

– Ở đây, thưa Tôn giả, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến và nói như sau: "Này Gia chủ, hãy tu tập vô lượng tâm giải thoát". Có một số vị Trưởng lão lại nói như sau: "Này Gia chủ, hãy tu tập đại hành tâm giải thoát". Thưa Tôn giả, vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này vừa khác

nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa, chỉ khác biệt về văn?

– Nay Gia chủ, hãy nói lên những điều gì Ông nghĩ về vấn đề này, nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở thành xác thật cho Ông.

– Thưa Tôn giả, con nghĩ như sau: "Vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn".

– Nay Gia chủ, **vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, những pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn**. Do vậy, nay "Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

Và nay Cư sĩ, thế nào là Vô lượng tâm giải thoát?

Ở đây, nay Cư sĩ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hạn, không sân.

... Với tâm câu hữu với bi, với tâm câu hữu với hỷ, an trú biến mãn, một phương với tâm câu hữu với xả ... quảng đại, vô biên, không hạn, không sân. Như vậy, nay Cư sĩ, được gọi là Vô lượng tâm giải thoát.

Nay Cư sĩ, thế nào là Đại hành tâm giải thoát?

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Do vậy, này Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn này, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa, vừa khác văn.

*Này Cư sĩ, có **bốn hữu sanh** này (bhavuppattiyo: bốn sự sanh khởi cho một đời sống mới). Thế nào là bốn?*

Ở đây, này Cư sĩ, có người, **với hào quang hạn lượng (parittabha) an trú, biến mãn và thấm nhuần.**

Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Thiểu Quang thiên.**

Ở đây, này Cư sĩ, có người **với hào quang vô lượng, an trú, biến mãn và thấm nhuần.** Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Vô Lượng Quang thiên.**

Ở đây, này Cư sĩ có người **với hào quang tạp nhiễm,** an trú biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Tạp Nhiễm Quang thiên.**

Ở đây, này Cư sĩ, có người **với hào quang thanh tịnh** an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Biến Tịnh Quang thiên.**

Này Cư sĩ, có bốn loại hữu sanh này.

– Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. *Ví như, này Cư sĩ, có người cầm nhiều cây đèn dầu đi vào trong một nhà. Khi các cây đèn dầu ấy được đem vào trong nhà, có thấy sự sai khác về ngọn lửa, nhưng không có thấy sự sai khác về*

ánh sáng. Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư Thiên kia tập họp tại một chỗ. Khi các vị này tập họp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang.

Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên ấy, đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang. *Ví như, này Cư sĩ, có người đem nhiều cây đèn dầu ra khỏi ngôi nhà ấy, khi các cây đèn dầu ấy được đem ra khỏi ngôi nhà kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về ánh sáng.* Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư

Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào chư Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái. *Ví như, này Cư sĩ, khi các con ruồi bị mang đi trong đòn gánh hay trong cái giỏ, chúng nó không có nghĩ: "Đây là sự thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào các con ruồi kia an trú, tại chỗ ấy các con ruồi ấy sống trong thoải mái.* Cũng vậy, này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào chư

Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thưa với Tôn giả Anuruddha!

– Tốt lành thay, Tôn giả Anuruddha! Ở đây, tôi có câu này cần phải hỏi thêm. *Thưa Tôn giả, chư Thiên có hào quang, tất cả đều có hào quang có hạn lượng? Hay là ở đây có một số chư Thiên có hào quang vô lượng?*

– Này Hiền giả Kaccana, tùy theo trường hợp, ở đây một số chư Thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– *Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, dầu cho chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, lại có một số chư Thiên có hào quang hạn lượng và có một số chư Thiên khác có hào quang vô lượng?*

– Này Hiền giả Kaccana, ở đây Ta sẽ hỏi Hiền giả. Nếu Hiền giả kham nhẫn, Hiền giả sẽ trả lời. Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? *Tỷ-kheo cho đến một gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?*

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) **trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn, và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccana, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (Trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Tỷ-kheo cho đến một đại vương, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thừa Tôn giả Anuruddha, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần rộng lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thừa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa các chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào

quang có hạn lượng nhưng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– Lành thay, Tôn giả Anuruddha! Tôi có một câu cần phải hỏi thêm nữa. *Thưa Tôn giả, về hào quang chư Thiên, có phải tất cả hào quang là tạp nhiễm hay có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh?*

– Tùy theo trường hợp, này Hiền giả Kaccana, ở đây có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

– *Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, trong chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh?*

Này Hiền giả Kaccana, Ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ. Nhờ ví dụ ở đây, người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một cây đèn đang cháy với dầu không được sạch sẽ, với tim đèn cũng không được sạch sẽ. Vì dầu không được sạch sẽ, và cũng vì tim đèn không được sạch sẽ, nên cây đèn cháy rất lu mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây Tỷ-kheo an trú biên mãn và thâm nhuần với hào quang tạp nhiễm. Thân tâm hạnh của vị ấy không được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên không được khéo đoạn trừ, trao cử hồi quá không

được khéo nhiếp phục. Vì không được khéo chấm dứt thân tâm hạnh, vì không khéo đoạn trừ hôn trầm thụy miên, vì không khéo nhiếp phục trạo cử hồi quá, nên vị ấy được cháy lên một cách lu mờ.

Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang tạp nhiễm.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một ngọn đèn dầu được đốt cháy, với dầu sạch sẽ và với tim đèn cũng được sạch sẽ. Do dầu được sạch sẽ và cũng do tim đèn được sạch sẽ, nên cây đèn ấy được cháy không có mù mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây

Tỷ-kheo an trú biến mãn và thâm nhuần với hào quang thanh tịnh. Thân tâm hạnh của vị này được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục. Do thân tâm hạnh được khéo chấm dứt, do hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, do trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục, vị ấy được cháy lên không có mù mờ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Này Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa chư Thiên ấy sanh khởi cùng trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thừa với Tôn giả Anuruddha:

– Thật lành thay, Tôn giả Anuruddha! Thừa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha không có nói như sau: "Như vậy tôi nghe". hay "sự việc đúng như vậy". Trái lại, thừa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha chỉ nói: "Chư Thiên này là như vậy và chư Thiên kia là như vậy". Thừa Tôn giả, tôi nghĩ như sau: "Tôn giả Anuruddha chắc chắn đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy".

– *Này Hiền giả Kaccana, lời nói này của Hiền giả đến gần như thử thách Ta phải tuyên bố, nhưng Ta sẽ trả lời cho Hiền giả. Này Hiền giả Kaccana, đã từ lâu, Ta đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy.*

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana nói với thợ mộc Pancakanga:

– Thật lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ, rằng Ông đã đoạn trừ được điều nghi ngờ từ trước, và cũng được dịp nghe pháp môn này.

133 Cách tu tập của Bạc hữu học - Kinh HỮU HỌC – 53 Trung II, 39

KINH HỮU HỌC (**Sekha sutam**)

– Bài kinh số 53 – *Trung II*, 39

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa các Sakka, (Thích-ca), thành Kapilavatthu, tại tinh xá Nigrodha. Lúc bấy giờ, một ngôi giảng đường mới được dựng lên không bao lâu cho các Sakya ở Kapilavatthu, và chưa được một Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Rồi các Sakya ở Kapilavatthu đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Các Sakya ở Kapilavatthu đang ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có một ngôi giảng đường mới, được dựng lên không bao lâu cho các Sakya ở Kapilavatthu, và chưa được một Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy dùng nhà giảng đường ấy trước tiên, rồi các Sakya ở Kapilavatthu sẽ dùng sau, và như vậy

các vị Sakya ở Kapilavatthu sẽ hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Các vị Sakya ở Kapilavatthu, sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến ngôi giảng đường, sau khi đến, cho lấy nệm trải khắp giảng đường, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, treo đèn dầu, rồi đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Các Sakya ở Kapilavatthu đứng một bên, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ngôi giảng đường đã được trải nệm tất cả, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã được đặt sẵn, đèn dầu đã được treo lên. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn đáp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo Tăng đi đến giảng đường, sau khi đến Ngài rửa chân, bước vào ngôi giảng đường và ngồi xuống, dựa vào cột ở giữa, mặt hướng phía Đông. Chúng Tỷ-kheo Tăng, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, ngồi dựa vào bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, với Thế Tôn ngồi trước họ. Các Sakya ở thành Kapilavatthu cũng rửa chân, bước vào ngôi

giảng đường, rồi ngồi xuống dựa vào bức tường phía Đông, mặt hướng phía Tây, với Thế Tôn ngồi trước mặt. Rồi Thế Tôn cho đến quá nửa đêm, thuyết pháp, khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Sakya ở Kapilavatthu, rồi nói với Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, hãy giảng hữu học đạo cho các Sakya ở Kapilavatthu, Ta bị đau lưng. Ta sẽ nằm nghỉ.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn trải đại y gấp bốn lại, nằm xuống phía bên hông bên hữu như dáng nằm con sư tử chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại.

Rồi Tôn giả Ananda nói với Sakya Mahanama:

– Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử:

- **Thành tựu giới hạnh,**
- **Hộ trì các căn,**
- **Biết tiết độ trong ăn uống,**
- **Chú tâm cảnh giác,**

– Thành tựu bảy diệu pháp,

– Hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

☞ *Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh?*

Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học các học pháp. Này Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh.

☞ *Này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn?*

Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy

không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vì ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Nay Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn.

☞ ***Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong ăn uống?***

Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử chơn chánh giác sát, thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đắm mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn". Nay Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong sự ăn uống.

☞ ***Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác?***

Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi

đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp, ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp. Đây Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác.

☞ ***Và đây Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu Bảy điều pháp?***

1. Ở đây, đây Mahanama, vị Thánh đệ tử có lòng **tin**, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
2. Vị này có lòng tầm, tự **xấu** hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
3. Vị này có lòng quý, tự **sợ** hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
4. Vị này là vị đa **văn**, nhớ nghĩ những điều đã

nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đọc tụng bằng lời, được ý suy tư, được chánh kiến thể nhập.

5. Vị ấy sống tinh cần **tinh tấn**, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.
6. Vị ấy có niệm, thành tựu **niệm** tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu.
7. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí **tuệ** về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Này Mahanama, như vậy vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp.

☞ **Và này, Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức?**

- Ở đây, này Mahanama, (vị ấy) ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Sơ thiền, một trạng

thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

- Diệt tâm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng và trú Thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

Này Mahanama, khi một vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức như vậy, này Mahanama, **vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường hữu học**, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

Này Mahanama, ví như có tám, có mười hay có mười hai trứng gà, được gà mái khéo ấp ngò, khéo ấp nóng, khéo ấp dưỡng; dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng, các con gà con của ta, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân, hay với mỏ của chúng, thoát ra ngoài một cách an toàn". Những con gà con ấy, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân hay mỏ của chúng, có thể thoát ra ngoài một cách an toàn.

Cũng vậy, này Mahanama khi một vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức như vậy, này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

⇒ Này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy, khi chúng được **vô thượng xả niệm thanh tịnh này**, **nhớ đến các đời sống quá khứ** sai biệt, như một đời, hai đời... (như trên)... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Đây là sự phá vỡ thứ nhất của con gà con ra khỏi vỏ trứng.

- ⇒ Này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy, khi chúng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với **thiên nhân thuần tịnh siêu nhân** thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh.. (như trên)... đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là **sự phá vỡ thứ hai** của con gà con ra khỏi vỏ trứng.
- ⇒ Này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy, khi chúng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với sự **đoạn tận các lậu hoặc**, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí, chúng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là **sự phá vỡ thứ ba** của con gà con ra khỏi vỏ trứng.

❖ Hạnh Đức:

- ⇒ Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về **hạnh đức của vị ấy**.
- ⇒ Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.
- ⇒ Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về hạnh đức của

vị ấy.

- ⇒ Đây Mahanama, vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.
- ⇒ Đây Mahanama, vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy điều pháp, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.
- ⇒ Đây Mahanama, vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn Thiên, thuộc tầng thượng tâm, chúng đắc không khó khăn, chúng đắc không mệt nhọc, chúng đắc không phí sức, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

❖ Trí Đức:

- ⇒ Mahanama, vị Thánh đệ tử nào, nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... (như trên)... cùng với các nét đại cương và các chi tiết như vậy thuộc về **trí đức của vị ấy**.
- ⇒ Đây Mahanama, vị Thánh đệ tử nào với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... (như trên)... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

⇒ Đây Mahanama, vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

Như vậy, đây Mahanama, **vị Thánh đệ tử được gọi là Minh cụ túc, Hạnh cụ túc, Minh Hạnh cụ túc.**

Này Mahanama, Phạm thiên Sanankumara (Thường Đồng Hình Phạm thiên) có nói bài kệ như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp
Vương tộc là tối thượng.*

*Vị minh hạnh cụ túc,
Tối thắng ở Nhơn Thiên.*

Này Mahanama, bài kệ ấy được Phạm thiên Sanankumara khéo hát, không phải vụng hát, khéo nói, không phải vụng nói, có ý nghĩa, không phải vô nghĩa, và được Thế Tôn ấn khả.

Rồi Thế Tôn ngồi dậy, nói với Tôn giả Ananda:

– Lành thay, lành thay Ananda! Thật lành thay, này Ananda, **người đã giảng hữu học đạo** cho các Sakka (Thích tử) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Tôn giả Ananda thuyết giảng như vậy, bậc Đạo Sư ấn khả. Các vị Sakka ở Kapilavatthu hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ananda dạy.

134 Cách tu tập của Bạc hữu học - Kinh THÀNH TRÌ – Tăng III, 426

THÀNH TRÌ – Tăng III, 426

1. - Nay các Tỷ-kheo, khi nào một thành trì biên địa của vua được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì, và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục bởi quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong.

Thế nào là được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ đâm sâu vào đất, khéo đào sâu, không bị dao động, không bị lay chuyển. Với trang bị thành trì thứ nhất này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường thông hào sâu và rộng. Với trang bị thành trì thứ hai này là thành trì biên địa của

vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường chạy vòng xung quanh vừa cao và vừa rộng. Với trang bị thành trì thứ ba này của một thành trì, là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có những vũ khí được cất chứa như Salàkam (cung tên) và Jevaniyam (cây lao) với trang bị thành trì thứ tư này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có những quân đội đồn trú, như những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cò, các quan lo chỗ ở, các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua đồng mãnh, những bộ đội xung kích, đội voi lớn, các dũng sĩ, các binh sĩ mặc áo giáp, những người con của các nô tỳ. Với trang bị thành trì thứ năm này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua, có người giữ cửa thành là người hiền trí, thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biết. Với sự trang bị thành trì thứ sáu này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt có trét vôi hồ. Với sự trang bị thành trì thứ bảy này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Với bảy loại trang bị thành trì này, thành trì được xem là được khéo trang bị.

Thế nào là bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ, củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại giả đậu và ngũ cốc để những người ở trong thành... để chống cự những người bên ngoài.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều dược phẩm, như thực tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, muối để những người ở trong thành... để chống cự những người bên ngoài.

Bốn loại đồ ăn này, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, một thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị với bảy món trang bị này của một thành trì và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục với quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong.

❖ *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh đệ tử thành tựu với bảy điều pháp và bốn Thiên thuộc*

tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử này được gọi là không bị Ma chinh phục, không bị ác chinh phục.

Vị ấy thành tựu bảy pháp gì?

13. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ đâm sâu vào đất, khéo đóng, không bị dao động, không bị lay chuyển để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử **có lòng tin**, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". **Với lòng tin làm cột trụ**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không có tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ nhất này, vị ấy được thành tựu.

14. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường thông hào, vừa sâu và rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng xấu hổ. Vị ấy xấu hổ vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác. Vị ấy xấu hổ vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác. Vị ấy xấu hổ vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. **Lấy xấu hổ làm con đường thông hào**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ hai này, vị ấy được thành tựu.

15. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường vòng chung quanh, vừa cao vừa rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng sợ hãi, sợ hãi vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác. Vị ấy sợ hãi vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. **Lấy sợ hãi làm con đường đi vòng xung quanh**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ ba này, vị ấy được thành tựu.

16. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều vũ khí được cất chứa, như cung tên và cây lao để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì, được đọc cho thành thực, được ý khéo tùy quán, được khéo thể nhập với tri kiến. **Lấy nghe nhiều làm vũ khí**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ tư này, vị ấy được thành tựu.

17. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều quân đội đồn trú, như những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cò, những quan lo chỗ ở, các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua đồng mãnh, những bộ đội xung kích, đội voi lớn, các dũng sĩ, các binh sĩ mặc áo giáp, những con của nô tỳ, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. **Lấy tinh tấn làm quân đội**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử sống có chánh

niệm thành tựu tối thắng niệm tuệ, nhớ đến và tùy niệm việc làm đã lâu ngày. Với niệm làm người giữ cửa thành, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện pháp, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ sáu này, vị ấy được thành tựu.

18. Ví như, này các Tỷ kheo, trong thành trì biên địa của vua có người giữ cửa thành là người hiền trí thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biết để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người ở bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Thánh đệ tử sống có chánh niệm, thành tựu tối thắng niệm tuệ, nhớ đến và tùy niệm việc làm đã lâu ngày, lời nói đã lâu ngày. **Với niệm làm người giữ cửa thành**, này các Tỷ kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện pháp, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ sáu này, vị ấy được thành tựu.

19. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt trét vôi hồ để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử **có trí tuệ**, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự Thánh thể nhập vào con đường đưa đến đoạn tận khổ đau. **Với trí tuệ làm lớp vỏ hồ trét bên ngoài**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ bảy này, vị ấy được thành tựu.

Với bảy diệu pháp này, vị ấy thành tựu.

Thế nào là bốn Thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

20. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ, củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **sơ Thiên**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ **để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn**.

21. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những

người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử, do tinh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, để tự mình được an vui, không phải lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

22. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại giả đậu và ngũ cốc để những người trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử, do ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba** để tự mình được an vui, khỏi phải lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

23. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều được phẩm được cất chứa ví như thực tô, dầu, mật, đường bánh, muối để những người trong thành được an vui, người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử, do đoạn lạc, do đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ

trước, chúng đạt và an trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

Bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp này và bốn Thiền này, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đệ tử không bị ma chinh phục, không bị ác chinh phục.

135 Cách tu tập của Bồ-tát và sự giải thoát của Ngài - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379

KINH TÙY PHIỀN NÃO (Upakkilesa sutta)

– Bài kinh số 128 – Trung III, 379

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiều-thương-di), tại tịnh xá Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ:

– **Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!**

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:
– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khát thực trở

về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng
và nói bài kệ:

*Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng?*

*Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?*

*"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.*

*Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

*"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Những ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.*

*Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các Ông không vậy?*

*Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,
Đã thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.*

*Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.*

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và

nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực, có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya.

Lúc bảy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty-la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyện tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và
Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế
Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn
giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát
Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người
đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi
đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi
các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một
bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang
ngồi xuống một bên:

– *Này các Anuruddha, các Ông có được an lành
không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực
có khỏi mệt nhọc không?*

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế
Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng
con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– *Này các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp,
hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với
sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp,
hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với
sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Này các Anuruddha, như thế nào các Ông sống
hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống
nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?*

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau:
"Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau: "**Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này**". Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, **chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm**.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau:
"Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo

tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– *Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng

động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anurudda! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, *các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhân thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì .

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, **trước khi giác ngộ**, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Nghi hoặc** khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng

với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghỉ hoặc không khởi lên nơi Ta nữa". Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "*Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?*" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Không tác ý** khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Hôn trầm, thùy miên**, khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thùy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý và hôn trầm, thùy miên không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sợ hãi** khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt,

hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". *Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi.* Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý hôn trầm, thụy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự phẩn chấn** (ubbilla) khởi lên nơi Ta. Vì có sự phẩn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được năm cửa miệng kho tàng, do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên.* Cũng vậy, này các Anuruddha, phẩn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Dâm ý** (duttthullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chân, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự tinh cần quá độ** khởi lên nơi Ta, và vì có tinh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.* Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chân, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Tinh cần quá yếu đuối** khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với

sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cáy quá lông lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy.* Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Ái dục** khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục.. với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau: "**Sai biệt tưởng** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha,

Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc.. (như trên)... các tướng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, **sau khi biết được nghỉ hoặc là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ nghỉ hoặc, phiền não của tâm**; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phẩn chấn.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tướng sai biệt... **sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.**

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, **nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng**

không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp: cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?*" Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày*".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?*" Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có*

hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Này các Anuruddha, **khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ**; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên...; khi nào biết được sợ hãi...; khi nào biết được phán chán...; khi nào biết được dâm ý...; khi nào biết được tinh cần quá độ...; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; khi nào biết được dục ái...; khi nào biết được tưởng sai biệt...; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:**

"Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ.

Nay Ta tu tập ba loại định". Rồi này các

Anuruddha:

Ta tu tập định có tâm, có tứ;

Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ;

Ta tu tập định không tâm không tứ;

Ta tu tập định có hỷ;
Ta tu tập định không có hỷ;
Ta tu tập định câu hữu với lạc;
Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, khi nào Ta tu tập định có tầm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tầm chỉ có tứ; khi nào Ta tu tập định không có tầm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, **thời tri kiến khởi lên nơi Ta:** "*Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu*".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

136 Cách tu tập tâm - Kinh VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325

VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325

1. - Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú **bốn vô ngại giải**.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào tâm thu đông, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thu động";
- Khi nào tâm muôi lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muôi lược";
- Khi nào tâm tán loạn, hướng ngoại, như thật rõ biết: "Tâm ta tán loạn, hướng ngoại".
- Vị ấy nhận thức được các **thọ** khởi lên, nhận thức được các thọ an trú, nhận thức được các thọ đi đến tiêu diệt;
- Vị ấy nhận thức được các **tưởng** khởi lên, nhận thức được các tưởng an trú, nhận thức được các tưởng tiêu diệt;

- Vị ấy nhận thức được các tâm khởi lên, nhận thức được các tâm an trú, nhận thức được các tâm tiêu diệt.
- Đối với các pháp thích hợp hay không thích hợp, đối với các pháp hạ liệt hay thù thắng, đối với các pháp dự phần đen hay dự phần trắng, vị ấy khéo nắm giữ tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

3. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Sàriputta với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. Thế nào là bảy?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sàriputta khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động"; khi nào tâm muội lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược";... (như trên, số 2,... chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải).

137 Cách tu tập để không bao lâu đạt được 4 vô ngại giải - Kinh VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325

VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325

1. - Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú **bốn vô ngại giải**.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào tâm thu đông, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thu động";
- Khi nào tâm muôi lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muôi lược";
- Khi nào tâm tán loạn, hướng ngoại, như thật rõ biết: "Tâm ta tán loạn, hướng ngoại".
- Vị ấy nhận thức được các **tho** khởi lên, nhận thức được các thọ an trú, nhận thức được các thọ đi đến tiêu diệt;
- Vị ấy nhận thức được các **tướng** khởi lên, nhận thức được các tướng an trú, nhận thức được các tướng tiêu diệt;

- Vị ấy nhận thức được các tâm khởi lên, nhận thức được các tâm an trú, nhận thức được các tâm tiêu diệt.
- Đối với các pháp thích hợp hay không thích hợp, đối với các pháp hạ liệt hay thù thắng, đối với các pháp dự phần đen hay dự phần trắng, vị ấy khéo nắm giữ tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

3. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Sàriputta với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. Thế nào là bảy?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sàriputta khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động"; khi nào tâm muội lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược";... (như trên, số 2,... chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải).

138 Cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ chúng - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẮN (*Alaggadupamasuttam*)

– Bài kinh số 22 – *Trung I*, 295

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Arittha*, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì*".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng,

khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng như sau:

– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chương ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó đuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hố than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví

như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như lò thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, náo nhiễu và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề

huân luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huân luyện chim ưng:

"— Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chẳng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huân luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"— Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huân luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

— "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng

nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đầu được chúng con cất ván, nạn ván lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đang ngồi xuống một bên:

– Nay Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chương ngại gì.

– Nay kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Nay kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại?

– Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hừng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã

thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, náo nhiễu, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

- *Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Nay kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ

bị chướng ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, *và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bôn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bỏn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước.

Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và

không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, **nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?**

– Bạch Thế Tôn, không.

– **Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?** Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: ***"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc***

bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn". Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem **sắc** pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **cảm thọ**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **tưởng**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các **hành**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì **được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái

này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi",

xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã

là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đắm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đắm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chi mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đăm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ

ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ **Ngã luận thủ** nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?*

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có **kiến y** nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu,*

bì, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến

mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **cảm thọ** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **tướng** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **các hành** là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, **thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là

tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, **bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.** Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vất bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các

thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lều khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chướng ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ **vô minh**, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chướng ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **tái sinh và sự luân chuyển sanh tử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhổ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ

khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lều khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lều khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đệ thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-**

kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết**".

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn **xuyên tạc** Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phần nộ.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.

- Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- Chư Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thọ** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **tưởng** không phải của các Ông, hãy từ bỏ tưởng. Các Ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **các hành** không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chăng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh**

tử) của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dư lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này **sẽ hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vấp quẩn cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

139 Cái gì là LỖI CÂY, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301

KINH ĐẠI KHÔNG (Mahasunnata sutam)

– Bài kinh số 122 – Trung III, 301

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka để ở ban ngày. Lúc bấy giờ, tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka, thấy vậy Thế Tôn suy nghĩ: "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết ở đây có rất nhiều Tỷ-kheo ở không?"

Lúc bảy giờ Tôn giả Ananda cùng với rất nhiều vị Tỷ-kheo đang làm y (civarakamma) ở trú xứ của Thích-ca Ghataya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Thích-ca Ghataya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đây không.
- Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka; có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

Này Ananda, một Tỷ-kheo không chối sáng nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt

nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra. Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoát mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoát mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra.

Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Nhưng sự (an) trú này, này Ananda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và (an) trú nội không.

Và nếu, này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.

Do vậy, này Ananda, nếu Tỷ-kheo ước vọng: "Sau khi chứng đạt nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ananda, cần phải an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Và này Ananda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm...

Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi **vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi

ta tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi **vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ananda, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất, và an định nội tâm trên định tương (samadhinimitte) đã đề cập về trước ấy.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy **tác ý nội không, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy **tác ý bất động, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ananda, vị Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (cankamati), và nghĩ rằng: "**Trong khi ta đang đi kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào**". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại và nghĩ rằng: "**Trong khi ta đang đứng lại, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào**". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngồi, vị ấy ngồi và nghĩ rằng: "**Trong khi ta đang ngồi, tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào**". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng: "**Trong khi ta đang nằm, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không chảy vào**". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nói, vị ấy suy nghĩ như sau: "**Ta sẽ không nói những câu chuyên hạ liệt, đê tiện, thuộc phạm phu**, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn tiết, an tịnh, thắng trí, giác

ngộ. Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, âm liễu luận, y phục luận, ngoại cụ luận, hoan man luận, hương liễu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm, đưa đến nhứt hướng yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ nói các luận như vậy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm (vitakka), vị ấy suy nghĩ: "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, **đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh**, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn (người suy nghĩ các suy tầm ấy) đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ, như là **ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm**, vị ấy nghĩ: "**Ta sẽ suy tư các loại suy tầm này**". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức; các hương do mũi nhận thức; các vị do lưỡi nhận thức; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. **Từ đây Tỷ-kheo cần phải thường thường quán sát tự tâm như sau: "Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (ayatana) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng?"**.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "**Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng**". Sự kiện là như vậy, **Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "Dục ái (chandaraga) này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, chưa đoạn diệt được"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "**Trong tâm ta, không có khởi lên**

tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng". Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, đã được đoạn diệt*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, có năm thủ uẩn.

Ở đây, Tỷ-kheo cần phải đoạn tận chúng, khi **vị ấy tùy quán sự sanh diệt**. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, **nếu có ngã mạn nào (asmimmano) (khởi lên) đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận**. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn (khởi lên) nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Những pháp này, này Ananda, thuần nhất liên hệ đến thiện, đều thuộc hiền, Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của ác ma.

– Này Ananda, Ông nghĩ thế nào? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn Đệ tử tự nghĩ là xứng đáng (hợp lý) để đi theo một Đạo sư dầu cho bị hắt hủi?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo,

nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Này Ananda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích khế kinh và phúng tụng. Vì có sao? Trong một thời gian lâu dài, các pháp đã được các Ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào, khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng viên ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận. Này Ananda, do nhân duyên những loại thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư dầu cho bị hắt hủi. Sự kiện là như vậy, này Ananda, thời có sự phiền lụy (upaddava) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy do đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trú xứ (senasanam) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng

rom. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

Này Ananda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử?

Này Ananda, đệ tử của một Đạo sư, bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong

tương lai; các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của đệ tử.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh? Ở đây, này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc.

Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chủ tâm theo (hạnh) viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước (theo hạnh ấy) lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên

tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sinh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. *Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.*

Nhưng này Ananda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn, nhiều quả não hơn đối với phiền lụy của Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa nó dẫn đến đọa lạc.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như vậy các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Và như thế nào là các đệ tử đối xử vị Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lắng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.

Và như thế nào, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không với tâm thù

ngịch? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lắng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, chớ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các Ông. *Ta không sách tấn các Ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín.* Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác, hết lời tán thán này đến lời tán thán khác. *Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

140 Cái gì là nhiều hơn - Kinh Tương ưng vô thí – Tương II, 309

Tương Ưng Vô Thí (Anamatagga) (Chương IV)

I. Phẩm Thứ Nhất

Cỏ Và Củi – *Tương* II, 309

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn ". Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người chặt các cành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá, trong cối Diêm-phù-đề này, chắt chúng thành một đồng, làm chúng thành những que đặt theo hình các ô vuông, cầm từng que đặt xuống và nói: "**Đây là mẹ tôi, đây là mẹ của mẹ tôi**". Và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các bà mẹ, mẹ của người ấy. Nhưng nhành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cối Diêm-phù-đề này có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

5) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

6) Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên.

7) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Quả Đất – *Tương II*, 311

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, có người từ quả đất lớn này làm thành những cục đất tròn, lớn bằng hạt táo, cầm từng cục đất đặt xuống và nói: "**Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi**". Và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các người cha, cha của người ấy. Nhưng quả đất lớn này đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

4) Vì sao? Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

5) Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Nước Mắt – *Tương* II, 312

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?*

4) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

5) - Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc,

phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chứ không phải nước trong bốn biển lớn.

7) Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các Ông **chịu đựng mẹ chết.**

8)... các Ông chịu đựng **con chết.** ..

9)... các Ông chịu đựng **con gái chết...**

10)... các Ông chịu đựng **tai họa về bà con...**

11)... các Ông chịu đựng **tai họa về tiền của...**

12) Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **tai họa của bệnh tật.** **Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt** tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa, bệnh tật **chớ không phải nước trong bốn biển.**

13) **Vì sao? Vô thử là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.**

14) Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm** chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

Sữa – *Tương* II, 312

1) Sàvatthi.

2) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) - *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, **sữa mẹ** mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bốn biển?*

4) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển!

5) - Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài **chớ không phải nước trong bốn biển.**

7) **Vì sao? Vô thi là luân hồi này**, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải thoát** đối với tất cả các **hành**.

Núi – Tương II, 315

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào?

4) - **Thật dài**, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm hay một vài trăm ngàn năm.

5) - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?*

6) - Có thể được, này Tỷ-kheo. **Ví như, này Tỷ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do tuần bề dài, một do tuần bề rộng, một do tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tám vải kàsi. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.**

7) **Như vậy dài, này các Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, này Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.**

8) **Vì sao? Vô thí là luân hồi này,** này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày,** này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai

họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải thoát** đối với tất cả các **hành**.

Hột Cải – *Tương II*, 316

1) Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào?

4) - **Thật dài**, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì để có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm, hay một vài trăm ngàn năm.

5) - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

6) - Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có một thành bằng sắt, dài một do tuần, rộng một do tuần, cao một do tuần, chứa đầy hột cải cao như chóp khăn đầu. Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hột cải. Này Tỷ-kheo, **đồng hột cải**

ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoan tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.

7) **Như vậy dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp.** Với những kiếp dài như vậy, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

8) **Vì sao? Vô thi là luân hồi này,** này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày,** này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

Các Đề Tử – *Tương* II, 317

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

4) - **Rất nhiều**, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

5) - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?*

6) - Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, **có bốn vị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp**, này các Tỷ-kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm, sau một trăm năm đi đến mệnh chung.

7) **Nhiều như vậy**, này các Tỷ-kheo, **là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua**. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được, là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

8) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Sông Hằng – Tương II, 319

1) Ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

4) - **Rất nhiều**, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được, là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

5) - Tôn giả Gotama có thể cho một ví dụ được không?

6) - Có thể được, này Bà-la-môn. Ví như, này Bà-la-môn, sông Hằng này từ chỗ nguồn bắt đầu đến chỗ nó chảy nhập vào biển. Số cát nằm ở giữa chặng ấy, thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một số hột cát, là số trăm hột cát, là số ngàn hột cát, là số trăm ngàn hột cát.

7) **Nhiều hơn vậy, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua.** Thật không dễ gì có thể đếm chúng được, là một số kiếp, một trăm kiếp, là một ngàn kiếp, là một số trăm ngàn kiếp.

8) **Vì sao? Vô thí là luân hồi này,** này Bà-la-môn, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

9) Như vậy, **đã lâu ngày,** này Bà-la-môn, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này Bà-la-môn, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

10) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

Cây Gậy – *Tương II*, 320

1) Trú ở Sàvatthi.

2) - Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được ném lên trên hư không, khi thì rơi trên đầu gốc, khi thì rơi chạng giữa, khi thì rơi đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi, khi thì từ thế giới này đi thế giới khác, khi thì từ thế giới khác đến thế giới này.*

4) Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát khỏi với tất cả các hành.

Người – *Trường II*, 321

1) Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakūṭa (Linh Thứu).

2) Tại đây Thế Tôn...

3) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Các xương của một người, này các Tỷ-kheo, lưu chuyển luân hồi có thể lớn như một đôi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu lượm xương lại, gìn giữ chúng, không làm chúng hủy hoại.

5) Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi

của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

6) Thế Tôn nói vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Chông chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đồng bằng hòn núi,
Bậc Đạo Sư nói vậy.
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Núi thành Magadha.
Người thấy bốn sự thật,
Với chân chánh trí tuệ,
Khổ và khổ tập khởi,
Sẽ vượt qua đau khổ,
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tận chỉ.
Người ấy phải luân chuyển,*

*Tôi đa là bảy lần.
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.*

II. Phẩm Thứ Hai

Khôn Cùng – *Tương II, 323*

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi...

2) Tại đây...

3) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Này các Tỷ-kheo, khi các Ông thấy sự khôn cùng, bất hạnh, các Ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này".

5) Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai

họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát khỏi với tất cả các **hành**.

An Lạc – Tương II, 324

1) Trú ở Sàvatthi...

2) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo...

3) Này các Tỷ-kheo, **khi các Ông thấy an lạc, may mắn, các Ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này".**

4) Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát khỏi với tất cả các **hành**.

Khoảng Ba Mươi – *Tương II*, 324

1) Trú ở Vương Xá, Trúc Lâm.

2) Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvā, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khát thực, tất cả mang y phân tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử, cùng đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvā này, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khát thực, tất cả mang y phân tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử. **Vậy Ta hãy thuyết pháp cho họ như thế nào để ngay tại chỗ ngồi này, tâm của họ được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ**".

4) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

5) Thế Tôn nói như sau:

- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của

các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

6) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, hay là nước trong bốn biển lớn?*

7) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích, khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

8) - Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu Pháp Ta dạy như vậy!

9) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

10) Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu các Ông bị thương tích khi các Ông là **bò, sanh ra làm bò trong thời gian dài,** hay là nước trong bốn biển lớn?

11) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông là trâu, sanh ra làm **trâu** trong thời gian dài...

12) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông là cừu, sanh ra làm **cừu** trong thời gian dài...

13)... khi các Ông là **dê**, sanh ra làm dê...

14)... khi các Ông là **nai**, sanh ra làm nai...

15)... khi các Ông là **gia cầm**, sanh ra làm gia cầm...

16)... khi các Ông là **heo**, sanh ra làm heo...

17) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm **đạo tặc, làm kẻ trộm** làng bị bắt trong thời gian dài...

18) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm **đạo tặc, ăn cướp** đường bị bắt trong thời gian dài...

19) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm **đạo tặc, tư thông vợ người** trong thời gian dài chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

20) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

21) Thế Tôn nói như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

22) Và trong khi lời dạy này được tuyên bố, đối với ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvā, tâm các vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Mẹ – *Tương* II, 327

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ...

4) Vì sao? Vô thí là luân hồi, nay các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, nay các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

Cha – *Tương* II, 328

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Vô thí là luân hồi, nay các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc

3) Nay các Tỷ-kheo, thật **không** dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, **lại không một lần đã làm cha**.

4) Vì sao? Vô thủy là luân hồi, nay các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, nay các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải thoát** đối với tất cả các **hành**.

Anh – *Tương* II, 328

1) Trú tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm **anh**.

3) Vì sao? Vô thủy là luân hồi, nay các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi

của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

Chi – *Tương* II, 328

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm **chi**.

3) Vì sao? Vô thủy là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm**

chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát khỏi với tất cả các **hành**.

Con Trai – *Tương II, 329*

1) Trú ở Sàvatthi.

2) - Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm **con trai**.

4) **Vì sao? Vô thí là luân hồi này**, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, này các Tỷ-kheo, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

5) Như vậy, trong thời gian này, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, một phần càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát khỏi với tất cả các hành.

Con Gái – *Tương* II, 329

1) Trú ở Sàvatthi.

2) - Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm **con gái**.

4) **Vì sao? Vô thí là luân hồi này**, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, này các Tỷ-kheo, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

5) Như vậy, trong thời gian này, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, mộ phần càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

Núi Vepulla – *Tương II*, 330

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thứu).

2) Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) Thế Tôn nói như sau:

- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

4) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Pàcìnavamsa. Lúc bấy giờ, dân chúng được biết với tên là Tivàrà. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivàrà có tuổi thọ đến 40.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivàrà phải bốn ngày để leo lên núi Pàcìnavamsa, phải bốn ngày để leo xuống.

5) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có hai vị đệ tử, hai vị thương thủ, hiền thiện tên là Vidhura và Sajiva.

6) **Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt.**

7) Này các Tỷ-kheo,

- *Vô thường như vậy, là các hành.*
- *Không kiên cố như vậy, là các hành.*
- *Bất an như vậy, là các hành.*

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

8) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vankaka. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Rohita. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Rohita có tuổi thọ đến 30.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Rohita phải ba ngày để leo lên núi Vankaka, phải ba ngày để leo xuống.

9) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konàgamana, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konàgamana, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có hai vi đệ tử, hai vi thương thủ, hiện thiên tên là Bhìyya và Suttara.

10) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt. Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

11) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Supassa. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Suppiya. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiya có tuổi thọ đến 20.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiya phải hai ngày để leo núi Supassa, phải hai ngày để leo xuống.

12) Lúc bấy giờ, Thế Tôn Kassapa, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có hai đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Tissa và Bhàradvāja.

13) Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt.

14) Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

15) **Hiện tại**, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vepulla. Hiện tại, này các Tỷ-kheo, dân chúng ấy được biết với tên là Magadhaka. Tuổi thọ dân chúng Magadhaka ấy, này các Tỷ-kheo, là ít, nhẹ, không bao nhiêu, họ sống lâu cho đến 100 tuổi hay hơn một chút. Dân chúng Magadhaka, này các Tỷ-kheo, leo lên núi Vepulla này trong một thời gian ngắn, leo xuống trong một thời gian ngắn.

16) Hiện tại, này các Tỷ-kheo, **Ta, bậc Ứng Cúng, Chánh Đăng Giác** xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, **Ta có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ, hiền thiện tên là Sàriputta và Moggallāna.**

17) **Một thời sẽ đến, này các Tỷ-kheo, tên của ngọn núi này sẽ biến mất, dân chúng sẽ mệnh chung, và Ta sẽ nhập diệt.**

18) Này các Tỷ-kheo,

- ***Vô thường như vậy, là các hành.***
- ***Không kiên cố như vậy, là các hành.***
- ***Bất an như vậy, là các hành.***

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để được nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

19) Thế Tôn nói như vậy, bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Pacinavamsa,
Với dân Tivàra,
Tên núi Vankaka
Với dân Rohita,
Tên núi Vupassa
Với dân Suppiyà,
Tên núi Vepulla,
Với dân Magadha,
Chư hành là vô thường,
Phải sanh rồi phải diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Chúng tịnh là an lạc.*

141 Cái gì là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích... - Kinh Khoảng Ba Mươi – Tương II, 324

Khoảng Ba Mươi – *Tương* II, 324

1) Trú ở Vương Xá, Trúc Lâm.

2) Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvā, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khát thực, tất cả mang y phẩn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử, cùng đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvā này, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khát thực, tất cả mang y phẩn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho họ như thế nào để ngay tại chỗ ngồi này, tâm của họ được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

4) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

5) Thế Tôn nói như sau:

- Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

6) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, hay là nước trong bốn biển lớn?*

7) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích, khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

8) - Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu Pháp Ta dạy như vậy!

9) Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

10) Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu các Ông bị thương tích khi các Ông là **bồ, sanh ra**

làm bò trong thời gian dài, hay là nước trong bốn biển lớn?

11) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông là trâu, sanh ra làm trâu trong thời gian dài...

12) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông là cừu, sanh ra làm cừu trong thời gian dài...

13)... khi các Ông là dê, sanh ra làm dê...

14)... khi các Ông là nai, sanh ra làm nai...

15)... khi các Ông là gia cầm, sanh ra làm gia cầm...

16)... khi các Ông là heo, sanh ra làm heo...

17) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, làm kẻ trộm làng bị bắt trong thời gian dài...

18) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, ăn cướp đường bị bắt trong thời gian dài...

19) Nay các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, tư thông vợ

người trong thời gian dài chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

20) Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

21) Thế Tôn nói như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

22) Và trong khi lời dạy này được tuyên bố, đối với **ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pàvā, tâm các vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.**

142 Cái gì là nhiều hơn, ít đất trong đầu ngón tay của Ta hay là.. - Kinh Núi Sineru Tu Di – Tương V, 662

Núi Sineru 1 – Tương V, 662 (Tu Di)

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay núi chúa Sineru?*

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với núi chúa Sineru.

4) -- *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử **thành tựu chánh kiến**, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không*

có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn. Tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Núi Sineru 2 – Tương V, 663 (Tu Di)

1) ...

2) ... *Ví như, này các Tỷ-kheo, núi chúa Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại các viên sạn, lớn bằng bảy hạt đậu.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, núi chúa Sineru ấy đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn hay các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn tồn tại?*

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là núi chúa Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn. Và ít hơn là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được còn lại, không thể đem ước tính, không thể đem so sánh và không thể bằng một phần nhỏ, nếu so sánh các viên sạn lớn, bằng bảy hạt đậu còn lại với núi chúa Sineru đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu mòn.

4) -- *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".*

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

143 Cái gì ta tư niệm, tư lường, cái ấy làm sở duyên cho thức an trú, do thức an trú nên... Kinh Tư Tâm Sở – Tương II, 119

Tư Tâm Sở 1 – *Tương II, 119* – Cetanà

1)... Trú ở Sàvatthi.

2)... Nay các Tỷ-kheo, cái chúng ta tư niệm, tư lường, có thâm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho **thức an trú**. **Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú**. Do **thức** ấy an trú, tăng trưởng, nên trong tương lai, **tái hữu** sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

3) Nay các Tỷ-kheo, nếu **không** có tư niệm, không có tư lường **nhưng nếu có** thâm ý, (canuseti), cái ấy trở thành sở duyên cho **thức an trú**. **Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú**. Do **thức** ấy an trú, tăng trưởng, nên trong tương lai, **tái hữu** sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai, nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có thâm ý, thời không có sở duyên cho **thức** an trú. **Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú.** Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng, nên trong tương lai tái **hữu không sanh khởi.** Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai, nên sanh, già chết, sầu, bi, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Tư Tâm Sở 2 – 120tu2

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, **cái gì chúng ta tư niệm, chúng ta tư lường, chúng ta có thâm ý, cái ấy trở thành (sở duyên) cho thức an trú.** Do sở duyên có mặt nên **thức có an trú.** Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên **có sự hạ sanh danh sắc.**

3) Do duyên **danh sắc** nên có **sáu xứ.** Do duyên sáu xứ nên có **xúc.** Do duyên xúc nên có **thọ... ái... thủ... hữu... sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không tư niệm, không tư lường nhưng có thâm ý, thời cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc.

5) Do duyên danh sắc nên có sáu xứ... như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không tư niệm, không tư lường, không có thâm ý, thời không có sở duyên cho **thức** an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không an trú. Do **thức** ấy không an trú và không tăng trưởng nên **danh sắc** không hạ sanh. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Tư Tâm Sở 3 – 122tu2

1)... Trú ở Sàvatthi.

2)... Nay các Tỷ-kheo, cái gì chúng ta tư niệm, cái gì chúng ta tư lường, cái gì chúng ta có thâm ý, **cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức an trú.**

3)

- Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên về, hướng về (hệ trước: nati).
- Do có thiên về, hướng về nên có sự đi đến tái sanh.
- Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi.
- Do có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh khởi.

Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

4) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tư niệm, không có tư lường, nhưng chỉ có thâm ý, thời cái ấy là sở duyên cho thức an trú. Do sự có mặt của sở duyên nên thức an trú.

5) Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên về, hướng về. Do có thiên về, hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi, nên trong tương lai sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tư niệm, không có tư lường, không có thâm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không có an trú.

7)

- Do **thức ấy không an trú, không tăng trưởng nên không có thiên về, hướng về.**
- Do không có thiên về, hướng về **nên không có đi đến tái sanh.**
- Do không có sự đi đến tái sanh **nên không có từ bỏ và sanh khởi.**
- Do không có từ bỏ và sanh khởi **nên trong tương lai sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt.**

Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

144 Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong khổ đau - Kinh Kalàra – Tương II, 93

Kalàra – Tương II, 93

1). .. Trú ở Sàvatthi.

I

2) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya nói với Tôn giả Sàriputta:

- Nay Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo Moliyap-hagguna đã từ bỏ học tập và hoàn tục.

- Vậy vị Tôn giả ấy, không tìm được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

4) - Vậy Tôn giả Sàriputta đã đạt được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

- Nay Hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì!

5) Nay Hiền giả, còn đối với tương lai?

- Tôi không có bản khoản, nay Hiền giả.

6) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thế Tôn:

- Con được biết, bạch Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta tuyên bố được chánh trí như sau: "Sanh đã tận; Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm; không còn trở lại trạng thái này nữa".

8) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Sàriputta: "Hiền giả Sàriputta, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

9) Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta: "Bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả".

10) - Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

II

11) Thế Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi một bên:

- Nay Sàriputta, có đúng sự thật chẳng là Ông có tuyên bố đã chứng được chánh trí: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?

- Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy.

12) - Vậy với pháp môn nào, này Sàriputta, Thiện nam tử nói đến sự chứng đắc trí, lời tuyên bố cần phải được xem đúng như lời tuyên bố?

13) - Bạch Thế Tôn, chính con đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy".

14) - Nếu họ có hỏi Ông, này Sàriputta: "Ông biết như thế nào, này Sàriputta, Ông thấy như thế nào mà Ông tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã

làm, không còn trở lui lại trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

15) - Nếu họ có hỏi con, bạch Thế Tôn: "Hiền giả biết như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả thấy như thế nào mà tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta đã biết, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui lại trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

16) *"Vì rằng này Hiền giả, trong (danh từ) tận diệt, ta hiểu được là **sự tận diệt của nhân**, chính do nhân ấy **sanh** sanh khởi. Sau khi hiểu được nghĩa tận diệt trong (danh từ) tận diệt, ta mới biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui lại trạng thái này nữa." "*

Được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

17) Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi như vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

18) Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân... (như trên)... lấy gì

làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "**Sanh** lấy **hữu** làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

19) Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

20) Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân... lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "**Hữu** lấy **thủ** làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

21) Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, thủ lấy gì làm nhân... (như trên)..".

22-23) Và này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

24) Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì hiện hữu?". Được hỏi vậy, Bạch Thế

Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Này Hiền giả, **ái** lấy **tho** làm nhân, lấy thọ tập khởi, lấy thọ tác sanh, lấy thọ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

25) - Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Làm sao, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả **biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại?**" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

26) - Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc không tồn tại?" Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn con trả lời như sau:

27) - "Này Hiền giả, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này Hiền giả, **ba cảm thọ này vô thường**, khi biết được cái gì vô thường là khổ, thời **cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại**".

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn con trả lời như vậy.

28) - Lành thay, lành thay này Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: **Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ.**

29) -Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

30) -Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

31) *"Do tự giải thoát, chứ Hiền giả, do đoạn diệt tất cả chấp thủ, ta sống an trú chánh niệm như vậy. Nhờ sống an trú chánh niệm như vậy, các lậu hoặc không còn tiếp tục rỉ chảy, và ta không chấp nhận tự ngã".*

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

32) -Lành thay, lành thay này Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: *Những cái gì được vị Sa-môn gọi là lậu hoặc, ta không còn nghi ngờ gì nữa, chúng đã được ta diệt tận. Ta không còn phân vân gì nữa.*

33) Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

III

34) Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi Thế Tôn đi chẳng lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

35) -Này chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thế Tôn tùy hỷ (trả lời câu) hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau:

36) "Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa **trọn ngày** với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

37) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa **trọn đêm** với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác.

38) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa **trọn đêm và trọn ngày** với những văn cú sai khác, với những pháp môn

(phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác.

39) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này **trọn hai đêm hai ngày**, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn hai đêm hai ngày.

40) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này **trọn ba đêm ba ngày**, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn ba đêm ba ngày.

41) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này **trọn bốn đêm bốn ngày**, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn bốn đêm bốn ngày.

42) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này **trọn năm đêm năm ngày**, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn năm đêm năm ngày.

43) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này **trọn sáu đêm sáu ngày**, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn sáu đêm sáu ngày.

44) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này **trọn bảy đêm bảy ngày** với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, ta có thể trả lời Thế Tôn

về ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác".

IV

45) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

46) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta đã rống lên tiếng rống con sư tử như sau: Nay chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất, mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng nay chư Hiền giả, khi Thế Tôn tùy hỷ (trả lời câu) hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau: "Nếu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác. Nếu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm... cho đến trọn đêm và trọn ngày... cho đến trọn ba... trọn bốn..., cho đến trọn năm... trọn sáu... trọn bảy đêm ngày với

những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác".

47) -Này các Tỷ-kheo, **pháp giới ấy (Dhammadhātu) được Sàriputta khéo thành đạt. Do khéo thành đạt pháp giới ấy**, nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn ngày, với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác.

- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm và hai ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm hai ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả ba đêm ba ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến cả ba đêm ba ngày.

- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm bốn ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến bốn đêm bốn ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm năm ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm năm ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm sáu ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm sáu ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác, Sàriputta có thể trả lời cho Ta về ý nghĩa ấy cho đến trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

145 Cái gì được thấy, được nghe... Cái ấy là thường hay vô thường - Kinh Gió – Tương III, 349

Gió – Tương III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) **kiến** này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ... Tưởng... Các hành...**

13) ... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thoái hạ, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

146 Cái gương - Mục đích là để phản tỉnh - Kinh GIÁO GIỚI LAHÀULA Ở RỪNG AMBÀLA – 61 Trung II, 171

KINH GIÁO GIỚI LAHÀULA Ở RỪNG AMBÀLA

(Ambalatthika Rahulovada sutta)

– Bài kinh số 61 – Trung II, 171

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Rahula (La-hầu-la) ở tại Ambalatthika. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến Ambalatthika, chỗ Tôn giả Rahula ở. Tôn giả Rahula thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, và sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn, sau khi để một ít nước còn lại trong chậu nước, bảo Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy một ít nước còn lại này trong chậu nước không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng ít vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn, sau khi đổ đi chút ít nước còn lại ấy rồi bảo Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy chút ít nước còn lại ấy bị đổ đi không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng đổ đi vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn lật úp chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula.

– Này Rahula, Ông có thấy chậu nước bị lật úp ấy không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng lật úp vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn lật ngửa trở lại chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy chậu nước này trống không không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng trống không vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo.

Này Rahula, ví như một con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận con voi này thường dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Con voi của vua (như vậy) không quăng bỏ mạng sống (của mình)".

Này Rahula, nhưng khi con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường, khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, dùng vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường... (như trên)... dùng đuôi, dùng vòi. Con voi của vua (như vậy) đã quăng bỏ mạng sống (của mình), và nay con voi của vua không có việc gì mà không làm".

Cũng vậy, này Rahula, **đối với ai biết mà nói láo, không có tầm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm.** Do vậy, này Rahula, **"Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi",** này Rahula, **Ông phải học tập như vậy.** Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Mục đích của cái gương là gì?**

– Bạch Thế Tôn, mục đích là để **phản tỉnh.**

– **Cũng vậy, này Rahula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.**

Này Rahula, khi Ông **muốn làm một thân nghiệp gì,** hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: **"Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".**

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta **có thể đưa đến tự hại,** có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, **Ông nhất định chớ có làm.**

Này Rahula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta

không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Một thân nghiệp như vậy, này

Rahula, **Ông nên làm.**

Này Rahula, khi Ông **đang làm một thân nghiệp,**

Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau:

"Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ; đem đến quả báo đau khổ.

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:

"Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này Rahula, ông

hãy từ bỏ một thân nghiệp như vậy.

Nhưng nếu, này Rahula, trong khi phản tỉnh ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Thân nghiệp như vậy, này Rahula, **Ông**

cần phải tiếp tục làm.

Sau khi ông làm xong một thân nghiệp, này Rahula,

Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau:

"Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này của ta

đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải thừa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. **Sau khi đã thừa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai.**

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula Ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, **Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.**

Này Rahula, **khi Ông muốn làm một khẩu nghiệp gì,** hãy phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:
"Khẩu nghiệp này ta muốn làm. Khẩu nghiệp này
của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại
người, có thể đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp
này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo
đau khổ". Một khẩu nghiệp như vậy này Rahula,
nhất định chớ có làm.

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:
"Khẩu nghiệp này ta muốn làm. Khẩu nghiệp này
của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể
đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai;
thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem
đến quả báo an lạc". Một khẩu nghiệp như vậy, này
Rahula, *Ông nên làm.*

Này Rahula, **khí Ông đang làm một khẩu nghiệp,**
Ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau:
"Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này
của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến
hại cả hai, thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa
đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Này Rahula nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:
"Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này
của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến
hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa
đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này
Rahula, *Ông hãy từ bỏ một khẩu nghiệp như vậy.*

Nhưng nếu này Rahula, khi phản tỉnh, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Khẩu nghiệp như vậy này Rahula, *Ông cần phải tiếp tục làm.*

Sau khi Ông làm xong một khẩu nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". *Một khẩu nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải thừa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thừa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai.*

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đưa đến quả báo an lạc". Do

vậy, này Rahula, Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

Này Rahula, như Ông muốn làm một ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm. Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Một ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nhất định chớ có làm.

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm. Ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nên làm.

Này Rahula, khi Ông đang làm một ý nghiệp, Ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý

ngiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ". Này Rahula, Ông hãy từ bỏ một ý nghiệp như vậy.

Nhưng nếu, này Rahula, khi phản tỉnh Ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông phải tiếp tục làm.

Sau khi Ông làm xong một ý nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". *Một ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải lo âu, cần phải tâm quý, cần*

phải nhàm chán. Sau khi lo âu, tầm quý, nhàm chán, cần phải phòng hộ trong tương lai.

Còn nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, *Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.*

Này Rahula, trong thời quá khứ, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tịnh hóa thân nghiệp, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, đã tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần đã tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa ý nghiệp.

Này Rahula, trong thời vị lai, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sẽ tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, sẽ tịnh hóa ý nghiệp.

Này Rahula, trong thời hiện tại, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tịnh hóa thân nghiệp, tịnh hóa khẩu nghiệp, tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa khẩu

nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh
hóa ý nghiệp.

Do vậy, này Rahula: "**Sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa ý nghiệp**".

Như vậy, này Rahula, Ông cần phải tu học.
Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula,
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng...

147 Cái trống Anaka - Kinh Cái Chốt Trống – Tương II, 466

Cái Chốt Trống – *Tương II*, 466

- 1) Trú ở Sàvatthi.
- 2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasàrahà có một cái trống tên là Anaka.
- 3) Khi cái trống Anaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasàrahà đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái thùng ván của trống Anaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.
- 4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai.
- 5) Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lắng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.
- 6) Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ, với những câu

văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lóng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến *không*, **sẽ đi đến tiêu diệt**.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "*Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, chúng tôi sẽ **nghe** khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ **lóng tai**; chúng tôi sẽ **an trú chánh tri tâm**. Và chúng tôi sẽ **nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo***".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

148 Cái tôi - 108 ngã chấp - Kinh ÁI – Tăng II, 225

ÁI – Tăng II, 225

1.- Nay các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Thầy về ái, lưới triền khiến cho lưu chuyển được rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trôi buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.** Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2.- Và nay các Tỷ-kheo, *thế nào là ái, thế nào là lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trôi buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử?*

Này các Tỷ-kheo, **mười tám ái hành** này, liên hệ đến nội tâm, có **mười tám ái hành** này liên hệ với ngoại cảnh.

3. Thế nào là mười tám **ái hành** liên hệ đến nội tâm?

- Này các Tỷ-kheo,

19. **Khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ:**
20. "Ta có mặt trong đời này";
21. "Ta có mặt như vậy";
22. "Ta có mặt khác như vậy";
23. **"Ta không phải thường hằng";**
24. "Ta là thường hằng";
25. **"Ta phải có mặt hay không?";**
26. "Ta phải có mặt trong đời này?";
27. "Ta phải có mặt như vậy";
28. "Ta phải có mặt khác như vậy";
29. **"Mong rằng ta có mặt";**
30. "Mong rằng ta có mặt trong đời này";
31. "Mong rằng ta có mặt như vậy!";
32. "Mong rằng ta có mặt khác như vậy!";
33. **"Ta sẽ có mặt";**
34. "Ta sẽ có mặt trong đời này";
35. "Ta sẽ có mặt như vậy";
36. "Ta sẽ có mặt khác như vậy".

Có mười tám ái hành này liên hệ với nội tâm.

4. Thế nào là mười tám ái hành liên hệ với ngoại cảnh?

19. *Khi nào có tư tưởng: "Với cái này, Ta có mặt", thời có những tư tưởng sau:*
20. *"Với cái này, Ta có mặt trong đời này";*
21. *"Với cái này, Ta có mặt như vậy";*
22. *"Với cái này, Ta có mặt khác như vậy";*
23. *"Với cái này, Ta không phải thường hằng";*
24. *"Với cái này, Ta là thường hằng";*
25. *"Với cái này, Ta phải có mặt hay không?";*
26. *"Với cái này, Ta phải có mặt trong thế giới này?";*
27. *"Với cái này, Ta phải có mặt như vậy";*
28. *"Với cái này, Ta phải có mặt khác như vậy";*
29. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt";*
30. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này";*
31. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy!";*
32. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt khác như vậy!";*
33. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt";*
34. *"Với cái này, tôi sẽ có mặt trong đời này";*
35. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt như vậy";*
36. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt khác như vậy".*

Có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.

5. **Mười tám ái hành** này liên hệ với nội tâm, và **mười tám ái hành** này liên hệ đến ngoại cảnh. Đây là các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu ái hành.

- Ba mươi sáu ái hành quá khứ như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành vị lai như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành hiện tại như vậy.

→ Như vậy là **một trăm lẻ tám ái hành**.

6. Đây là các Tỷ-kheo, đây là ái này, lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trời buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

149Cái tôi - 4 cách được ngã tánh - Kinh ĐƯỢC NGÃ TÁNH – Tăng II, 118

ĐƯỢC NGÃ TÁNH – Tăng II, 118

1.- Nay các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh. Thế nào là bốn?

⇒ Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, *ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác.*

⇒ Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, *tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải tư tâm sở của mình.*

⇒ Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, *ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động.*

⇒ Có cách được ngã tánh, trong cách được ngã tánh ấy, *ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác không hoạt động.*

Nay các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh.

2. Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn con hiểu ý nghĩa một cách như sau:

- Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác. *Do nhân ngã tư tâm sở, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.*
- Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở. *Do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.*
- Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động. *Do nhân ngã tư tâm sở và do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.*
- Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở cùng với tư tâm sở của người khác không có hoạt động.

3. *Trong trường hợp ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác không có hoạt động, thời hạng chư Thiên nào cần được xem là trong trường hợp này?*

- Nay Sàriputta, hạng chư Thiên đi đến Phi tướng phi phi tướng xứ cần được xem là trong trường hợp ấy.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mạng chung từ bỏ thân ấy, đã trở lui lại, trở lui lại trong trạng thái này? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mạng chung từ bỏ thân ấy, đã không trở lui lại, đã không trở lui lại trong trạng thái này?

4. - Ở đây, nay Sàriputta, đối với hạng người trong **hạ phần kiết sử chưa đoạn tận**, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thoái hạ, khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ (thân ái), đã trở lui lại, đã trở lui lại trạng thái này.

5. Ở đây, nay Sàriputta, đối với hạng người trong **hạ phần kiết sử đã đoạn tận**, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thoái hạ, khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với

chư Thiên ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ (thân ái), nhưng không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

Này Sàriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mạng chung, từ bỏ thân ấy ... đã không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

150 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Kappa – Tương III, 301

Kappa – Tương III, 301

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Kappa đi đến Thế Tôn...
- 3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, lại không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn?

4) -- Phàm có **sắc** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc thắng hay liệt, hoặc xa hay gần; tất cả sắc ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5-7) Phàm có **thọ** gì... **tưởng** gì... các **hành** gì...

8) Phàm có **thức** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc

liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như quán với chánh trí tuệ là: " Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

9) Do biết như vậy, do thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

151 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Kappa – Tương III, 302

Kappa – Tương III, 302

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không còn các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

3) -- Phàm có **sắc** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... tất cả sắc, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **được giải thoát, không có chấp thủ.**

4-6) Phàm có **thọ** gì... **tưởng**... các **hành**...

7) Phàm có **thức** gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không

phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

8) Do biết như vậy, thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có các tư tưởng ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.

152 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Ràdha – Tương III, 149

Ràdha – Tương III, 143

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn sau khi đến...
bạch Thế Tôn:

*- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào
đối với **thân thể có thức** này, và đối với tất cả tướng
ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến,
ngã mạn tùy miên"?*

4) Nay Ràdha, **phàm có sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện
tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa
hay gần; tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh
trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không
phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Phàm có **thọ**...

6) Phàm có **tướng**...

7) Phàm có các **hành**...

8) Phàm có **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Nay Ràdha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên".

10). .. Tôn giả Ràdha trở thành một vị A-la-hán nữa.

153 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Ràhula – Tương III, 244

Ràhula – Tương III, 244

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn...
- 3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

4) Phàm **sắc** gì, này Ràhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"**.

5-8) Phàm **thọ** gì... **tưởng** gì... các **hành** gì... Phàm **thức** gì, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh**

trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) Biết như vậy, này Ràhula, thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên.

154 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Suràdha – Tương III, 150

Suràdha – Tương III, 150

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2-3). .. Rồi Tôn giả Suràdha bạch Thế Tôn:

- Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát?

4) Nay Suràdha, phàm có **sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; sau khi thấy với chánh trí tuệ như thật tất cả các sắc là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

5-7) Phàm có **thọ** gì... có **tướng** gì... có **hành** gì...

8) Phàm có **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là

tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", (vị ấy) được giải thoát, không có chấp thủ.

9) Nay Surādha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát.

10) Rồi Tôn giả Surādha... trở thành một vị A-la-hán nữa.

155 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Tùy Miên – Tương II, 441

Tùy Miên – Tương II, 441

1) Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

3) - *Bạch Thế Tôn, do biết thế nào, do thấy thế nào, trong thân có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?*

4) Này Ràhula, phàm **sắc** nào quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, **vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ** là: "*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*".

Phàm **thọ** nào... Phàm **tướng** nào... Phàm **hành** nào... Phàm **thức** nào quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, **vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ** là: "*Cái này không phải của tôi, cái*

này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

5) Nay Ràhula, do biết như vậy, do thấy như vậy, trong thân có thức này với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, không có ngã sở kiến, không có mạn tùy miên.

156 Cái tôi - Biết thế nào ngã mạn được đoạn tận - Kinh Viên Ly – Tương II, 442

Viên Ly – Tương II, 442

1) Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

3) - Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, **tâm đã viên ly được ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, siêu việt mọi ngã mạn, tịch tịnh, giải thoát?**

4) - Nay Ràhula, phàm **sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ** là: "*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*".

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

5) Nay Ràhula, phàm **thọ** gì... phàm **tưởng** gì... phàm **hành** gì... phàm **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".**

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

6) Nay Ràhula, do biết như vậy, thấy như vậy, trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt khỏi các ngã mạn, được tịch tịnh, giải thoát.

157 Cái tôi - Biết thế nào, Tà kiến, thân kiến, ngã kiến được đoạn trừ - Kinh Tà Kiến – Tương IV, 242

Tà Kiến – Tương IV, 242

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, tà kiến được đoạn trừ?*

4-9) -- Tỷ-kheo do biết và thấy mắt là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Do biết và thấy nhân thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ.

tai... mũi... lưỡi... thân...

... Do biết và thấy ý là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Do biết và thấy ý thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm

thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ.

10) Nay các Tỷ-kheo, do biết như vậy, do thấy như vậy nên tà kiến được đoạn trừ.

Thân Kiến – 242tu4

(Như kinh trên, chỉ thế *thân kiến* cho *tà kiến*...).

Ngã Kiến – 243tu4

(Như kinh trên, chỉ thế vào *ngã kiến*).

158 Cái đó chẳng đáng gì, nhưng... - Kinh VÍ DỤ CON CHIM CÂY – 66 Trung II, 235

KINH VÍ DỤ CON CHIM CÂY (*Latukikopama sutta*)

– *Bài kinh số 66 – Trung II, 235*

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Anguttarapa (Ương-già Bắc
Phương Thủy). Apana là một thị tứ của

Anguttarapa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y
bát đi vào Apana để khát thực. Khát thực ở Apana
xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở
về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để trú ban ngày.

Thế Tôn đi sâu vào khu rừng này, ngồi dưới một
gốc cây để trú ban ngày. Tôn giả Udayi (Ưu-đa-di)
buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để
khát thực. Khát thực ở Apana xong, sau buổi ăn,
trên con đường đi khát thực trở về, Tôn giả đi đến
một khu rừng để trú ban ngày. Tôn giả đi sâu vào
khu rừng này, và ngồi dưới một gốc cây để trú ban
ngày.

Rồi Tôn giả Udayi, trong khi độc cư Thiên tịnh, sự
suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí Tôn giả:

"Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp
cho chúng ta.

Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta.

Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta.

Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Rồi Tôn giả Udayi vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Udayi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang độc cư Thiên tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí con: "Nhu Lai thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta... Nhu Lai thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Bạch Thế Tôn, thuở trước chúng con thường ăn buổi chiều, buổi sáng, ban ngày và phi thời. Bạch Thế Tôn, thời ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban ngày phi thời".

Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, các tín chủ cúng dường cho chúng ta ban ngày và phi thời. Nay Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với

lòng tôn kính và với lòng tâm quý, liền từ bỏ ăn ban ngày phi thời.

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con thường ăn buổi chiều và buổi sáng. Bạch Thế Tôn, thời ấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm phi thời". Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Buổi ăn này gọi là có thượng vị hơn trong hai buổi ăn này của chúng ta. Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, thuở xưa có người được một món ăn cúng ban ngày bèn nói: "Hãy để món ăn này một bên, và ban đêm tất cả chúng ta cùng ăn với nhau". Bạch Thế Tôn, phàm mọi sự nấu nướng, tất cả đều làm ban đêm, rất ít làm ban ngày. Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tâm quý, liền từ bỏ ăn ban đêm phi thời.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo thường đi khát thực trong đêm đen tối tăm, họ bước làm vào vũng nước nhớt, rơi vào vũng nước nhớt, đi làm vào hàng rào gai, đi làm vào chỗ con bò cái đang ngủ, gặp các loại đao tặc đã hành sự hay chưa hành sự, gặp các người đàn bà mời mọc một cách bất chánh.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, con đi khát thực trong đêm đen tối tăm. Một người đàn bà đang rửa chén

bát, thấy con trong khi trời chớp nhoáng, liền hoảng sợ và hét lớn: "Ôi kinh khủng thay cho tôi, có con quỷ (chạy) theo tôi!" Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với người đàn bà ấy: "Này chị, không phải quỷ đâu. Đây là Tỷ-kheo đang đứng khát thực". "Cha Tỷ-kheo hãy chết đi! Mẹ Tỷ-kheo hãy chết đi! Này Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho Ông nếu Ông lấy con dao sắc bén của người đồ tể cắt bụng của Ông, còn hơn là vì lỗ bụng đi khát thực trong ban đêm tối tăm".

Bạch Thế Tôn, khi con nhớ như vậy, con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Tuy vậy, này Udayi, **ở đây có một số người ngu si**; khi Ta nói: "Hãy trừ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này. Sa-môn này đặt quá nặng về cảm đoán đoạn giảm". **Họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới.** **Sự việc ấy, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ**, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Ví như, này Udayi, có con chim cáy, mái nhỏ bị tấm lưới bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây, con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Tuy vậy đối với con chim kia, lưới ấy không có chắc mạnh, lưới ấy yếu ớt, lưới ấy bị mục nát, lưới ấy không có cứng chắc". Này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

- Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Đối với con chim kia, lưới ấy là mạnh mẽ, lưới ấy là vững chắc, lưới ấy là kiên cường, lưới ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.
- Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì việc tiêu tiết, nhỏ mọn này! Vì Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm", và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Nhưng này Udayi, **một số Thiện gia nam tử**, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự từ bỏ việc tiêu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ, dạy chúng con phải từ bỏ!". **Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới.** Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lãng xảng, lãng dui, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, **như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh**, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

Ví như, này Udayi, một con voi của vua, có ngà dài như cán cày, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Tuy vậy đối với con voi kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói

buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Đối với con voi kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có kiên cường.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây có một số Thiện gia nam tử khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá chi việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ! " Họ từ bỏ việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lãng xãng, lãng điệu, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, như vậy đối với các vị kia sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

Ví như, này Udayi, một người nghèo khổ, không có vật sở hữu, khôn cùng, có một chồi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, có một giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, và một bà vợ không đẹp mắt chút nào.

Người ấy thấy một Tỷ-kheo trong tịnh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn buổi cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tầng thượng tâm. Người ấy suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Nhưng người ấy **không có thể từ bỏ** cái chồi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ cái giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không có thể từ bỏ cái chồi ở hư nát... không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không

gia đình. *Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc", thời này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chân chánh không?*

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không thể từ bỏ chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ giường nằm hư nát không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si khi được Ta nói ra: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiêu tiết, nhỏ mọn này.

Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm! " Và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Ví như, này Udayi, một gia chủ hay con người gia chủ, giàu có, tài sản lớn, tiền của lớn, vô số vàng

bạc chất đồng, vô số gạo thóc chất đồng, vô số ruộng nương chất đồng, vô số đất đai chất đồng, vô số thê thiếp chất đồng, vô số đầy tớ nam chất đồng, vô số nữ tỳ chất đồng.

Vị này thấy một Tỷ-kheo trong một tinh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn bữa cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Vị này suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh!

Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Vị này có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đồng, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đồng, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đồng, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đồng, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đồng, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đồng, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đồng.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người gia chủ hay con người gia chủ kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy, có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đồng... có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đồng để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ

to lớn". Này Udayi, ai nói như vậy, có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đồng, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đồng, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đồng, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đồng, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đồng, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đồng, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đồng, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số Thiện gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá chi sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ! " Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. **Sau khi từ bỏ sự việc ấy, họ sống ít lãng xãng, lãng điếu, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng.** Này Udayi, như vậy đối với họ, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

**Này Udayi, có bốn hạng người có mặt trên đời.
Thế nào là bốn?**

Ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Vị này chấp nhận chúng, không đoạn trừ chúng, không từ bỏ chúng, không chấm dứt chúng, không tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Nhưng vị này không chấp nhận chúng, đoạn trừ chúng, từ bỏ chúng, chấm dứt chúng, tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ".

Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y, tùy lúc tùy thời hiện hành khởi

lên. Nay Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). *Nay Udayi, ví như một*

người nhỏ hai hay ba giọt nước vào một ấm nước đun sôi cả ngày. Nay Udayi giọt nước rơi một cách chậm chạp nhưng bị tiêu diệt, tiêu mất một cách mau chóng. Cũng vậy, nay Udayi, có người sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y.

Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y tùy lúc, tùy thời, hiện hành khởi lên. Nay Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). Nay Udayi, Ta nói: "Người này cũng bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Nay Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, nay Udayi, có người nghĩ rằng: "Sanh y là nguồn gốc của đau khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy thành vô sanh y, giải thoát với sự đoạn diệt sanh y. Nay Udayi, Ta nói: "Người này không bị trói buộc, không phải bị trói buộc". Vì sao vậy? Nay Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nay Udayi, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm?

Sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả
ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Tiếng do tai nhận thức,...

Hương do mũi nhận thức,...

Vị do lưỡi nhận thức,...

Xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả
ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Những pháp này, này Udayi, là năm dục trường
dưỡng.

Này Udayi, phàm có lạc gì, hỷ gì khởi lên, do
duyên năm dục trường dưỡng này, lạc hỷ ấy được
gọi là dục lạc, ô uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh
lạc, không nên thực hiện, không nên tu tập, không
nên làm cho sung mãn. Ta nói rằng lạc ấy đáng
phải sợ hãi.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện
pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái
hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ,
vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ
lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh
nhứt tâm,... (như trên)... Thiền thứ ba... chứng và
trú Thiền thứ tư. Như vậy được gọi là yếm ly lạc,
độc trú lạc, tịch tịnh lạc, chánh giác lạc, cần phải
thực hiện, cần phải tu tập, cần làm cho sung mãn.

Ta nói rằng lạc ấy không đáng sợ hãi.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)...
chứng và trú **Thiền thứ nhất. Thiền này, này**

Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động.

Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, **chính là tâm tứ chưa đoạn diệt, chính tâm tứ này ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... chúng và trú Thiền thứ hai. Các Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây **chính là hỷ lạc chưa được đoạn diệt, chính hỷ lạc này ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... chúng và trú Thiền thứ ba. Thiền này, này Udayi, Ta nói ở trong tình trạng dao động? Và ở đây cái gì dao động? Ở đây, **chính là xả lạc chưa được đoạn diệt, chính xả lạc này ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ... (như trên)... chúng và trú **Thiền thứ tư**. Thiền này, này Udayi, **Ta nói là không ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Thiền thứ nhất này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ hai, đây là điều vị ấy cần vượt qua.

Thiền thứ hai này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này, Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ ba, đây là điều vị ấy cần vượt qua.

Thiền thứ ba này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ tư. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền thứ tư này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần phải vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với di tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chúng và trú Không vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Không vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú Thức vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Thức vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Vô sở hữu xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Phi tướng phi phi tướng xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "**Hãy từ bỏ đi**", Ta nói: "**Hãy vượt qua đi**". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tưởng**. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Chính vì (Diệt thọ tưởng định) này, này Udayi, mà Ta nói sự đoạn diệt của Phi tướng phi phi tướng xứ. **Này Udayi, Ông có thấy chăng, có kiết sử gì, nhỏ hay lớn mà Ta chưa nói đến sự đoạn diệt?**

– Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Udayi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng.

159 Cái đập thứ bảy - Kinh Bó Lúa – Tương IV, 325

Bó Lúa – Tương IV, 325

1-2) ...

3) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, **một bó lúa** quăng tại ngã tư đường, rồi sáu người đến, tay cầm cái đập và họ đập bó lúa ấy với sáu cái đập (vyàkkgì). Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy được khéo đập với sáu cái đập ấy. Rồi một người thứ bảy đến, tay cầm cái đập, và người ấy đập bó lúa ấy với cái đập thứ bảy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **bó lúa ấy lại càng được khéo đập với cái đập thứ bảy**.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu bị đập trong con **mắt** bởi những **sắc** khả ái và không khả ái.

... bị đập trong **lưỡi** bởi những **vị** khả ái và không khả ái...

... bị đập trong **ý** bởi những **pháp** khả ái và không khả ái.

Này các Tỷ-kheo, nếu kẻ vô văn phạm phu ấy lại **ngĩ đến tái sanh trong tương lai, như vậy**, này các Tỷ-

kheo, kẻ ngu si ấy lại càng bị khéo đập hơn nữa. Ví như, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại được đập với cái đập thứ bảy nữa.

5) Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, cuộc chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua A-tu-la gọi các A-tu-la: "Này Thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư Thiên và loài A-tu-la rất là khốc liệt, nếu các A-tu-la thắng và chư Thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong thành của các A-tu-la". Còn Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba: "Này Thân hữu, trong trận chiến giữa chư Thiên và các loài A-tu-la, trận chiến rất là khốc liệt, nếu chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại, hãy trói vua A-tu-la Vepacitti, hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)".

6) Nhưng trận chiến ấy, chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại. Rồi, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba trói vua A-tu-la Vepacitti, trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka trong giảng đường Sudhamma.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vua A-tu-la Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ. Này các Tỷ-kheo, **khi ấy vua A-tu-la Vepacitti suy nghĩ như sau**: "Chư Thiên theo Chánh pháp, còn A-tu-la theo phi pháp. Nay ta đi đến thành của chư Thiên", thời khi ấy vua A-tu-la **tự thấy mình được cởi trói** hai chân, hai tay và thứ năm là cổ, và được hưởng thọ, được thưởng thức đầy đủ năm dục công đức cõi trời.

Và này các Tỷ-kheo, khi vua A-tu-la suy nghĩ như sau: "Các A-tu-la theo Chánh pháp, chư Thiên theo phi pháp. Ở đây, ta sẽ đi đến thành của các A-tu-la", thời khi ấy vua A-tu-la **tự thấy mình bị trói hai tay**, hai chân và thứ năm là cổ, và bị tước bỏ năm dục công đức cõi trời.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, **thật tế nhị là sự trói buộc của Vepacitti, và còn tế nhị hơn là sự trói buộc của Màra. Ai có tư tưởng (Mannamàna), người ấy bị Màra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.**

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một **tư tưởng**.
- "Cái này là tôi", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- "Tôi sẽ là", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng.
- "Tôi sẽ không là", là một tư tưởng.

- "*Tôi sẽ có sắc*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có sắc*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ có tướng*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có tướng*", là một tư tưởng.
- "*Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng*", là một tư tưởng.

Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mục nhọt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "*Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng*".

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "*Tôi là*", này các Tỷ-kheo, là một động chuyển (injitam).
- "*Cái này là tôi*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ là*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ không là*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ có sắc*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ có tướng*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ không có tướng*", là một động chuyển.
- "*Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng*", là một động chuyển.

Động chuyển, này các Tỷ-kheo, là tham. Động chuyển là mut nhot. Động chuyển là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có động chuyển".

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một **chấn động** (phanditam).
- "Cái này là tôi", là một chấn động.
- "Tôi sẽ là", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không là", là một chấn động.
- "Tôi sẽ có sắc", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một chấn động.
- "Tôi sẽ có tướng", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có tướng", là một chấn động.
- "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một chấn động.

Chấn động, này các Tỷ-kheo, là tham. Chấn động là mut nhot. Chấn động là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không chấn động".

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một hý luận (papancitam).
- "Cái này là tôi", là một hý luận.
- "Tôi sẽ là", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không là", là một hý luận.
- "Tôi sẽ có sắc", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một hý luận.
- "Tôi sẽ có tướng", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có tướng", là một hý luận.
- "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một hý luận.

Hý luận, này các Tỷ-kheo, là tham. Hý luận là mut nhot. Hý luận là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có hý luận".

12) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải hiểu:

- "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một ngã mạn.
- "Cái này là tôi", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ là", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không là", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ có sắc", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có sắc", là một ngã mạn.

- "Tôi sẽ có tướng", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có tướng", là một ngã mạn.
- "Tôi sẽ không có tướng và không không có tướng", là một ngã mạn.

Ngã mạn, này các Tỷ-kheo, là tham. Ngã mạn là mut nhot. Ngã mạn là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm trừ bỏ ngã mạn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

160 Cán búa bị hao mòn - Kinh SỰ TU TẬP

– Tăng III, 454

SỰ TU TẬP – Tăng III, 454

1. - *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!". Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

*Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? - Không có tu tập **Bốn niệm xứ**, không có tu tập **Bốn chánh cần**, không có tu tập **Bốn như ý túc**, không có tu tập **Năm căn**, không có tu tập **Năm lực**, không có tu tập **Bảy Bồ-đề phần**, không có tu tập **Thánh đạo tám ngành**.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn", tuy vậy, các con gà con

ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn! Vì có sao? - Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy **không được** con gà mái nằm ấp **một cách đúng đắn**, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

2. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần, có tu tập Bốn như ý túc, có tu tập Năm căn, có tu tập Năm lực, có tu tập Bảy Bồ-đề phần, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!", tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay từng ấy cán búa của

ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, có đầy đủ cột buồm và dây buồm bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông, các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng. Rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát.

161Câm ngọng - Kinh CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250

CHUỐNG NGẠI –Tăng III, 250

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe điều pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- Thành tựu **nghiệp chướng**,
- Thành tựu **phiền não chướng**,
- Thành tựu **dị thực chướng**,
- Không có lòng tin,
- Không có ước muốn,
- Ác tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **nếu có nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

4. Thế nào là sáu?

- Không thành tựu nghiệp chướng,
- Không thành tựu phiền não chướng,
- Không thành tựu dị thực chướng,
- Có lòng tin,
- Có ước muốn,
- Và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

NGHIỆP CHƯỚNG – *Tăng* III, 251

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- **Đoạn mạng sống của mẹ;**
- **Đoạn mạng sống của cha;**
- **Đoạn mạng sống của A-la-hán;**
- **Với ác tâm làm Như Lai chảy máu;**
- **Phá hòa hiệp Tăng;**
- **Ác tuệ, si mê, tâm ngạo.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là sáu?

- Không đoạn mạng sống của mẹ;
- Không đoạn mạng sống của cha;
- Không đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Không với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Không phá hòa hợp Tăng;
- Có trí tuệ, không si mê, câm ngọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

162 Cẩn nhắc - Cẩn nhắc khi chọn thầy, bạn - Kinh CẦN PHẢI THÂN CẬN – Tăng IV, 84

CẦN PHẢI THÂN CẬN – Tăng IV, 84

1. Ở đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo: "Này chư Hiền". - "Thưa Hiền giả". Các Tỷ kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

2. - Này chư Hiền:

7. **Con người** cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần phải thân cận, hay không cần phải thân cận.
8. **Y áo**, cần phải tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng.
9. **Đồ ăn khát thực**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng.
10. **Sàng tọa**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần sử dụng.
11. **Làng và thị trấn**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần tìm đến hay không cần tìm đến.

12. **Quốc độ**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến.

3. **Con người**, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần phải thân cận hay không cần phải thân cận được nói đến như vậy. Do duyên gì, được nói đến như vậy?

Ở đây, khi biết được về một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiên tăng trưởng, các pháp thiên bị đoạn giảm.
- Các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn".

☐ Đối với một người như vậy, này chư hiền, bất luận đêm hay ngày, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** bị đoạn giảm.
- Nhưng các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn".

 Đối với một người như vậy, này chư Hiền, sau khi tính toán, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện bị giảm, các pháp thiện tăng trưởng.
- Những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mãn".

☰ *Này chư Hiền, đối với một người như vậy, sau khi tính toán, cần phải theo người ấy, không được bỏ đi.*

Ở đây, sau khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng,
- Những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy đi đến tu tập viên mãn".

☰ *Này chư Hiền, đối với một người như vậy, cần phải theo cho đến trọn đời, không được bỏ đi, dầu có bị từ chối.*

Này chư Hiền, một người cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được thân cận và không cần được thân cận đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

4. **Y áo**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần

được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về y như sau: "Nếu ta sử dụng y này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; y như vậy không nên sử dụng".
- Ở đây, sau khi biết được về y như sau: "Nếu ta sử dụng y này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; y như vậy nên sử dụng".

Này chư Hiền, y áo cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

5. **Đồ ăn khát thực**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khát thực như sau: "Nếu ta sử dụng đồ ăn khát thực này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; đồ ăn khát thực như vậy không nên sử dụng".

- Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khát thực như sau: *"Nếu ta sử dụng đồ ăn khát thực này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; đồ ăn khát thực như vậy nên sử dụng"*.

Này chư Hiền, đồ ăn khát thực cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

6. Sàng tọa, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: *"Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** đoạn giảm; sàng tọa như vậy không nên sử dụng"*.
- Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: *"Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp **bất thiện** đoạn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng; sàng tọa như vậy nên sử dụng"*.

Này chư Hiền, sàng tọa cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

7. **Làng, thị trấn**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn này, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** đoạn giảm; làng và thị trấn như vậy không nên được tìm đến".
- Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn, các pháp **bất thiện** đoạn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng; như vậy cần được tìm đến".

Này chư Hiền, làng, thị trấn cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

8. **Quốc độ**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau: "Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp **bất**

thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; quốc độ như vậy không nên được tìm đến".

- Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau:
"Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; như vậy cần được tìm đến".

Này chư Hiền, quốc độ cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

163 **Cân nhắc - Cân nhắc khi đặt lòng tin -** **Kinh CANKI – 95 Trung II, 715**

KINH CANKI (Canki sutam)

– Bài kinh số 95 – Trung II, 715

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala, tên là Opasada. Thế

Tôn trú tại Opasada, tại rừng chur Thiên (Devavana), rừng cây sala (salavana), phía Bắc làng

Opasada. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Canki trú ở Opasada, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao

nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Pasenadi, vua nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada

được nghe: "Sa-môn Gotama... (như kinh

Ratthapala, số 82, trang 497-498 thay chữ Thullakotthita bằng chữ Opasada)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra

khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chur Thiên, rừng cây sala. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Canki đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Canki thấy

các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư Thiên, rừng cây sala. Thấy vậy, Bà-la-môn Canki bèn gọi người gác cửa:

– Này người Gác cửa, vì sao các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala như vậy?

– Thưa Tôn giả Canki, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đang du hành trong nước Kosala... (như kinh Ratthapala số 82, trang 497) Phật, Thế Tôn. Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này người Gác cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn gia chủ: "Bà-la-môn Canki có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi. Bà-la-môn Canki sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama".

Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn, từ nhiều địa phương khác nhau, đến tại Opasada vì một vài công vụ. Những Bà-la-môn nghe: "Bà-la-môn Canki sẽ đi yết kiến Sa-môn Gotama". Những Bà-la-môn ấy đến Bà-la-môn Canki, khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Canki:

– Có phải Tôn giả Canki sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Nay các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Canki, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki. Lại nữa, Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Canki.

Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà giàu có, đại phú, sung túc... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Tôn giả Canki đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, đáng điều cao thương. Tôn giả Canki có giới hạnh, trưởng thành trong giới

hạnh, thành tựu sự trưởng thành trong giới hạnh. Tôn giả Canki thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả Canki là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật. Tôn giả Candi được vua Pasenadi xứ Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki được Bà-la-môn Pokkarasati kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki sống ở Opasada, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Pasenadi nước Kosala. Vì rằng Tôn giả Canki sống ở Opasada... (như trên)... Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả hãy nghe ta giải thích, vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh

cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có giới hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa

minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư các hàng Tôn sư của nhiều người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama **đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động của tâm.**

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama **chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện** khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn Thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisara nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị từng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị từng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasati cùng với các con, vợ, thị giả đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Opasada, nay đang ở tại Opasada về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Opasada, hiện ở tại Opasada, về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

Này các Hiền giả, chỉ với một ưu điểm thôi, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta; thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Vậy tất cả chúng ta hãy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Rồi Bà-la-môn Canki, cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những người chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi và nói lên với những Bà-la-môn trưởng thượng những lời thân hữu về vấn đề này, vấn đề khác. Khi ấy có thanh niên Bà-la-môn tên Kapathika, trẻ tuổi, đầu cao troc, mới có mười sáu tuổi, từ khi sanh, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngũ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng, thanh niên này đang ngồi giữa hội chúng ấy. Thanh niên này thỉnh thoảng cắt đứt cuộc đàm luận giữa Thế Tôn và các vị Bà-la-môn trưởng thượng. Rồi Thế Tôn khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika:

– Hiền giả Bharadvaja, chớ có cắt ngang cuộc đàm luận của các Bà-la-môn trưởng thượng. Hiền giả Bharadvaja hãy chờ cho đến khi câu chuyện chấm dứt.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chớ có khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là Thiện nam tử. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc đa văn. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika phát ngôn thiện xảo. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc có trí. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika có thể đàm luận với Tôn giả Gotama trong vấn đề này.

Thế Tôn nghĩ như sau: "Thật sự thanh niên Bà-la-môn Kapathika này đã thông hiểu ba tập Veda, và các Bà-la-môn tôn trọng người này". Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika nghĩ như sau: "*Khi nào Sa-môn Gotama lấy mắt nhìn con mắt ta, ta sẽ hỏi Sa-môn Gotama*".

Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của thanh niên Bà-la-môn Kapathika liền lấy mắt nhìn thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika suy nghĩ: "Sa-môn Gotama chăm chú nhìn ta, vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama một câu hỏi". Rồi thanh niên Bà-la-môn Kapathika bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, câu chú thuật (mantapadam) của các cổ Bà-la-môn y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng. Và ở đây, các vị Bà-la-môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Ở đây, Tôn giả Gotama đã nói gì?*

– Nhưng này Bharadvaja, có một Bà-la-môn nào giữa các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, cho đến vị Tôn sư của các vị Tôn sư trở lui cho đến bảy đời, các vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, thuở xưa những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy này Bharadvaja, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy với một Bà-la-môn: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Không có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, một vị Đại Tôn sư, cho đến bảy đời, vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú và nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng đã hát lên, nói lên giống như các vị trước đã làm. Như

là Attaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy không có nói như sau: "Chúng tôi biết việc này, chúng tôi thấy việc này.

Chỉ có đây là sự thật, ngoài ta đều là sai lầm".

Ví như này, Bharadvaja, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Cũng vậy, này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng, lời nói của các Bà-la-môn cũng giống như chuỗi người mù: người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Này Bharadvaja, Ông nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải **lòng tin của các vị Bà-la-môn trở thành không có căn cứ?**

– Thừa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không phải chỉ dựa trên lòng tin, các Bà-la-môn ở đây còn dựa trên điều nghe (tùy văn: anussava).

– **Trước hết, này Bharadvaja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn.**

Này Bharadvaja, **năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.** Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cân nhắc suy tư các lý do, và chấp nhận quan điểm. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.

Tuy vậy, này Bharadvaja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy hỷ... (như trên)

... được khéo tùy văn... (như trên)

... được khéo cân nhắc suy tư... (như trên)

... được khéo chấp nhận có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận có thể là thật, chân, không thay đổi.

Hộ trì chân lý, này Bharadvaja không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

*Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về **hộ trì chân lý**.*

– Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý.

Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý.

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỷ...

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy văn...

Này Bharadvaja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do...

Này Bharadvaja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý.

Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama,

chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý. *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý?*

– Ở đây, này Bharadvaja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ **đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp**, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp.

Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không", do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy," hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài".

Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

"Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.

Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham.

Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

"Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.

Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân.

Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận,

pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu tôn giả ấy có si pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.

Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy.

Với lòng tin sanh, người này đến gần,
Khi đến gần liền thân cận giao thiệp,
Do thân cận giao thiệp, nên lóng tai,
Do lóng tai, người ấy nghe pháp,
Sau khi nghe, liền thọ trì pháp,
Rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì;
Trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ
chấp nhận;
Khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn
sanh,
Khi ước muốn sanh, liền cố gắng,
Sau khi cố gắng liền cần nhắc,
Sau khi cần nhắc, người ấy tinh cần.

Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối
thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí
tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, này Bharadvaja là sự giác ngộ
chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác
ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương
sự giác ngộ chân lý, nhưng như vậy chưa phải là
chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là giác
ngộ chân lý, cho đến như vậy, chân lý được giác
ngộ, và cho đến như vậy chúng con thấy giác ngộ
chân lý.

*Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào
là chứng đạt được chân lý, cho đến mức độ nào*

chân lý được chứng đạt. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chứng đạt chân lý.

– Này Bharadvaja, **chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt.**

Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy chân lý được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chứng đạt chân lý.

Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều?

– Trong sự **chứng đạt chân lý**, này Bharadvaja, **tinh cần được hành trì nhiều.** Nếu không tinh cần (theo đuổi) chân lý thì không thể chứng đạt chân lý. Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý. Do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, này Bharadvaja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần (theo đuôi) chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, này Bharadvaja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng này Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng, do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, này Bharadvaja, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bharadvaja, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, tho trì pháp được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Trong sự thọ trì*

pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thọ trì pháp, này Bharadvaja, nghe pháp được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự nghe pháp, này Bharadvaja, lóng tai được hành trì nhiều. Nếu không có lông tai thì không có nghe pháp. Và vì có lông tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lông tai được hành trì nhiều.

– *Trong sự lông tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lông tai, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự lông tai, này Bharadvaja, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lông tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lông tai; do vậy, trong sự lông tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

– *Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con*

hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, này Bharadvaja, **đi đến gần** được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến gần nên có thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

– *Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự đi đến gần, này Bharadvaja, **lòng tin** được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không đi đến gần. Và vì lòng tin không sanh nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

– Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận, và do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lý. Chúng con đã tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt

chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Trong sự chứng đạt chân lý, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lý, Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ điều gì, Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết (sự phân biệt) như sau: "Và ai là những Sa-môn trọc đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên (?) và ai là những người hiểu biết Chánh Pháp". **Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tin kính Sa-môn đối với các Sa-môn.**

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ... (như trên)... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

164 **Cân nhắc - Cân nhắc nói hay không nên nói - Kinh ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 145**

ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – *Tăng II, 145*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi. Sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, thấy như sau:

- "Khi người nào nói lên điều mình thấy: "Tôi thấy như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.
- Khi người nào nói lên điều mình nghe: "Tôi nghe như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.
- Khi người nào nói lên điều mình cảm giác: "Tôi cảm giác như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.

- Khi người nào nói lên điều mình tri thức: "Tôi tri thức như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì".

2. Nay Bà-la-môn,

- ⇒ **Ta không nói rằng**: "Tất cả điều được **thấy** cần phải nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thấy không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **nghe** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được nghe không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **cảm giác** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **thức tri** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri không nên nói ra".

3. Nay Bà-la-môn,

- ⇒ Phàm nói lên điều thấy gì, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, Ta nói rằng điều thấy như vậy không nên nói ra.
- ⇒ Phàm nói lên điều thấy gì, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, Ta nói rằng điều thấy như vậy nên nói ra.
- ⇒ Phàm nói ra điều nghe gì ...
- ⇒ Phàm nói ra điều cảm giác gì ...
- ⇒ Phàm nói ra điều thức tri gì, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, Ta nói rằng điều thức tri như vậy không nên nói ra.
- ⇒ Phàm nói lên điều thức tri gì, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, Ta nói rằng điều thức tri như vậy nên nói ra.

Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần xứ Magadha, hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

165 **Cân nhắc - Cân nhắc trong hành động - Kinh NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ – 114 Trung III, 191**

KINH NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH
TRÌ

(Sevitabha-asevitabha sutta)

– Bài kinh số 114 – Trung III, 191

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh
xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế

Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế
Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Ông pháp
môn về Nên hành trì, không nên hành trì. Hãy
nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng**"

– "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng
đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Này các Tỷ-kheo, Ta nói **thân hành có hai loại:**
**"Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự
tương đối giữa thân hành".**

Này các Tỷ-kheo, Ta nói **khẩu hành** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa khẩu hành".

Này các Tỷ-kheo, Ta nói **ý hành** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ý hành".

Này các Tỷ-kheo, Ta nói **tâm sanh** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tâm sanh".

Này các Tỷ-kheo, Ta nói **tướng đắc** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tướng đắc".

Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa kiến đắc (ditthipatilabha)".

Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ngã tánh đắc".

Được nghe nói vậy Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Bạch Thế Tôn, nếu một thân hành nào khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, và một thân hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người sát sanh, tàn nhẫn (?) tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.

Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.

Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có

lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

Người ấy từ bỏ sống tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thời giảm các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Bạch Thế Tôn, một khẩu hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thời giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn và một khẩu hành nào khi hành trì bất thiện

pháp thời giảm, thiện pháp tăng trưởng khẩu hành như vậy nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thời giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này Người kia, hãy nói những gì Ông biết". Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy" hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi dục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định, người ấy nói

những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết" nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy" nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành có ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh

chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; như vậy người ấy nói những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm; người ấy nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thời giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Ý hành, này các Tỷ-kheo, Tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Bạch Thế Tôn, một ý hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thời giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch

Thế Tôn, và một ý hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý hành như vậy nên hành trì.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiệp pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu hình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt hay bị làm hại, hay mong chúng không còn tồn tại". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác không trở thành của mình!" Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiều loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ý hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?

Bạch Thế Tôn, nếu một tâm sanh nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tâm sanh như vậy không nên hành trì. Và một tâm sanh nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tâm sanh như vậy nên hành trì.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục, sống với tâm câu hữu với tham dục; người ấy sân hận và sống với tâm câu hữu với sân hận; người ấy có hại tâm và sống với tâm câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm. Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục; sống với tâm không câu hữu với tham dục; người ấy không có sân hận và sống với tâm không câu hữu với sân hận; người ấy

không có hại tâm và sống với tâm không câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, nếu hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tâm sanh". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Tưởng đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?

Một tưởng đặc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tưởng đặc như vậy không nên hành trì. Và một tưởng đặc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tưởng đặc như vậy nên hành trì.

Tưởng đặc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục sống với tưởng câu hữu với tham dục, người ấy có sân hận sống với tưởng câu hữu với sân hận, người ấy có hại tâm và sống với tưởng câu hữu với hại tâm. Tưởng đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm. Tưởng đặc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện

pháp thôi giảm, thiệp pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục, sống với tướng không câu hữu với tham dục, người ấy không có sân hận và sống với tướng không câu hữu với sân hận, người ấy không có hại tâm và sống với tướng không câu hữu với hại tâm. Tướng đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thôi giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tướng đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tướng đặc". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Kiến đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì và không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa kiến đặc". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?

Một kiến đặc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm, kiến đặc như vậy không nên hành trì. Và một kiến đặc nào khi hành trì thời các bất thiện pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng, kiến đặc như vậy nên hành trì. Kiến đặc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng; thiện pháp thôi giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn có người có (tà) kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời

khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đạt và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Kiến đặc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có (chánh) kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, ở đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đắc và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng. Kiến đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai trái về kiến đặc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Ngã tánh đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ngã tánh đắc như vậy không nên hành trì.
Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ngã tánh đắc như vậy nên hành trì. Ngã tánh đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm? Ngã tánh đắc có hại, bạch Thế Tôn, vì sự không rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp phải tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Ngã tánh đắc vô hại, bạch Thế Tôn, vì sự rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai khác về ngã tánh đắc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên. Bạch Thế Tôn, lời nói mà được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

*Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại:
"Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự*

trương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?

Thân hành nào, này Sariputtta, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Và thân hành nào, này Sariputtta, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, này Sariputta, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người này lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, này Sariputtta, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết

tâm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc
tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ
lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất
cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng,
hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy
không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống theo
tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các
hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có
anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã
có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến
những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.
Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời
các bất thiện pháp thời giảm, các thiện pháp tăng
trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, ta nói có hai loại:
"Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự
tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do
duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

*Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại:
"Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự
tương đối giữa khẩu hành". Ta đã nói như vậy. Và
do duyên gì lời nói ấy được nói lên?*

Này Sariputta, khẩu hành nào khi hành trì thời các
bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thời
giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Và
khẩu hành nào, này Sariputta, khi hành trì, các bất

thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng,
khẩu hành như vậy nên hành trì.

Khẩu hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các
bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối
giảm? Ở đây, này Sariputta, có người vọng ngữ đến
chỗ tập hội... (như trên)

... (những thay đổi cần thiết cho đến đoạn ngã tánh
đắc...)

"Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có
hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như
vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc", Ta đã nói
như vậy. Và do duyên như vậy lời nói ấy được nói
lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói một cách
vắn tắt, cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai
loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai
loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có
hai loại: "Nên hành trì không nên hành trì".

Vị do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai
loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai
loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai
loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Sắc nào do mắt nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thời giảm, sắc do mắt nhận thức như vậy không nên hành trì. Sắc nào do mắt nhận thức, bạch Thế Tôn khi hành trì thời các bất thiện pháp thời giảm, các thiện pháp tăng trưởng, sắc ấy do mắt nhận thức như vậy nên hành trì. "Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Tiếng nào do tai nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thời giảm, tiếng do tai nhận thức như vậy không nên hành trì. Tiếng nào do tai nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp

thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tiếng do tai nhận thức như vậy nên hành trì. "Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế

Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, hương do mũi nhận thức như vậy không nên hành trì. Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, hương do mũi nhận thức như vậy nên hành trì: "Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Vị do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, vị do lưỡi nhận thức như vậy không nên hành trì. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối

giảm, các thiện pháp tăng trưởng, vị do lỗi nhận thức như vậy nên hành trì. "Vị do lỗi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, xúc do thân nhận thức như vậy không nên hành trì. Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, xúc do thân nhận thức như vậy nên hành trì. "Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, pháp do ý nhận thức như vậy không nên hành trì. Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, pháp do ý nhận

thức như vậy nên hành trì. Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... (như trên)... Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên. **Này Sariputta, lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, ý nghĩa lời nói ấy được hiểu một cách rộng rãi như vậy.**

Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Đồ ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Làng, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Thị trấn, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Đô thị, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Quốc độ, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Người (Puggala), này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Ý nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ý như vậy không nên hành trì. Ý nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý như vậy nên hành trì. "Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói lên như vậy. Và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Món ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Làng, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Thị trấn, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Đô thị, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Quốc độ, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải thích rộng rãi, con đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên vắn tắt, không giải thích rộng rãi, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Y, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói lên như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Y nào, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Đồ ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì"... (như trên)... Sàng tọa như vậy không nên hành trì. Sàng tọa như vậy nên hành trì.... (như trên)... Làng như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Làng như vậy nên hành trì... (như trên).. Thị trấn như vậy không nên hành trì... (như trên)... Thị trấn như vậy nên hành trì.... (như trên)... Đô thị như vậy không nên hành trì... (như trên)... Đô thị như vậy nên hành trì... (như trên)... Quốc độ như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Quốc độ như vậy nên hành trì ... (như trên) ... Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì và không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Người, này Sariputta... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói vắn tắt, ý nghĩa (lời nói ấy) cần được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Này Sariputta, nếu tất cả những vị Sát đế ly, đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Này Sariputta, nếu tất cả những vị Bà-la-môn ..

Nếu tất cả những vị Vessa...

Này Sariputta, nếu tất cả những vị Thủ đà (Sudda),
đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu
ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả
những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc an lạc lâu
dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta
hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

166Cân nhắc - Căn nhắc khi tán thán hay tín nhiệm - Kinh MẬT GỐC – Tăng I, 552

MẬT GỐC – Tăng I, 552

1. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu**, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là bốn?

- **Không** có suy xét, không có cứu xét, **tán thán** người không đáng tán thán;
- **Không** có suy xét, không có cứu xét, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **tín nhiệm** tại những chỗ không đáng tín nhiệm;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **bất tín** nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích,

phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

2. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, **bậc Hiền trí**, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử xử như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nào là bốn?

- **Sau khi suy xét**, sau khi cứu xét, **không** tán thán những người không đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, **tán thán** những người đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự **bất tín nhiệm** tại những chỗ không đáng được tín nhiệm;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự **tín nhiệm** tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử xử như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều điều phước đức.

*Ai khen người đáng chê
Ai chê người đáng khen
Kẻ ấy với miệng lưỡi*

Chứa chấp điều bất hạnh

Do vì bất hạnh ấy

Không tìm được an lạc.

Nhỏ nhen không đáng kể

Là loại bất hạnh này

Bất hạnh do cờ bạc

Phá hoại các tài sản

Lớn hơn, lớn hơn nhiều

Là loại bất hạnh này

Cho tất cả mọi người

Và cả với riêng mình

Những ai với ác ý

Đối với bậc Thiện thế

Trải qua một trăm ngàn

*Thời **Nirabbudà***

Và cộng ba mươi sáu

*Với năm **Abbudà***

Bị sanh vào địa ngục

Trong suốt thời gian ấy

Nếu măng nhiếc bậc Thánh

Với lời, ý, nguyện ác.

167Cân nhắc - Nên hay không nên - Kinh CÂN PHẢI THÂN CẬN – Tăng I, 221

CÂN PHẢI THÂN CẬN – Tăng I, 221

1. Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Có hạng người này, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường.
- Có hạng người, nên thân cận gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.
- Có hạng người, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thấp kém về **giới, định, tuệ**.
- Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, **trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn.**

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **đồng đẳng** với mình về giới, định, tuệ.
- Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Với ý nghĩ: "(Cả hai) thiện xảo về giới, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai chúng ta, và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc. (Cả hai) là thiện xảo về định.... (Cả hai) là thiện xảo về tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về tuệ, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta an lạc". Cho nên, người như vậy nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

4. Thế nào là hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thù thắng** về giới, định và tuệ.
- Hạng người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính tôn trọng, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Với ý nghĩ: "Như vậy, nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ; hay nếu giới được đầy đủ, ta sẽ

hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu định chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu định được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu tuệ chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu tuệ được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ." Cho nên, với hạng người như vậy, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

*Người gần kẻ hạ liệt,
Rồi cũng bị hạ liệt,
Thân cận người đồng đẳng,
Được khỏi bị thoái đọa,
Ai gần bậc thù thắng,
Mau chóng được thăng tiến,
**Do vậy hãy sống chung,
Bậc ưu thắng hơn mình!***

168 **Cân nhắc - Nên hay không nên - Kinh** **CÂN PHẢI THÂN CÂN – Tăng IV, 84**

CÂN PHẢI THÂN CÂN – *Tăng IV, 84*

1. Ở đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo: "Này chư Hiền". - "Thưa Hiền giả". Các Tỷ kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

2. - Này chư Hiền:

13. **Con người** cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần phải thân cân, hay không cần phải thân cân.
14. **Y áo**, cần phải tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng.
15. **Đồ ăn khát thực**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng.
16. **Sàng tọa**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần sử dụng.
17. **Làng và thị trấn**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần tìm đến hay không cần tìm đến.

18. **Quốc độ**, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến.

3. **Con người**, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần phải thân cận hay không cần phải thân cận được nói đến như vậy. Do duyên gì, được nói đến như vậy?

Ở đây, khi biết được về một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiên tăng trưởng, các pháp thiên bị đoạn giảm.
- Các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn".

☐ Đối với một người như vậy, này chư hiền, bất luận đêm hay ngày, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** bị đoạn giảm.
- Nhưng các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn".

 Đối với một người như vậy, này chư Hiền, sau khi tính toán, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện bị giảm, các pháp thiện tăng trưởng.
- Những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mãn".

☐ *Này chư Hiền, đối với một người như vậy, sau khi tính toán, cần phải theo người ấy, không được bỏ đi.*

Ở đây, sau khi biết được một người như sau:

- "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng,
- Những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn.
- Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Mục đích của Sa-môn hạnh ấy đi đến tu tập viên mãn".

☐ *Này chư Hiền, đối với một người như vậy, cần phải theo cho đến trọn đời, không được bỏ đi, dầu có bị từ chối.*

Này chư Hiền, một người cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được thân cận và không cần được thân cận đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

4. **Y áo**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần

được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về y như sau: "Nếu ta sử dụng y này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; y như vậy không nên sử dụng".
- Ở đây, sau khi biết được về y như sau: "Nếu ta sử dụng y này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; y như vậy nên sử dụng".

Này chư Hiền, y áo cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

5. **Đồ ăn khát thực**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khát thực như sau: "Nếu ta sử dụng đồ ăn khát thực này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; đồ ăn khát thực như vậy không nên sử dụng".

- Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khát thực như sau: *"Nếu ta sử dụng đồ ăn khát thực này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; đồ ăn khát thực như vậy nên sử dụng"*.

Này chư Hiền, đồ ăn khát thực cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

6. Sàng tọa, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: *"Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** đoạn giảm; sàng tọa như vậy không nên sử dụng"*.
- Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: *"Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp **bất thiện** đoạn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng; sàng tọa như vậy nên sử dụng"*.

Này chư Hiền, sàng tọa cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

7. **Làng, thị trấn**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn này, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** đoạn giảm; làng và thị trấn như vậy không nên được tìm đến".
- Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn, các pháp **bất thiện** đoạn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng; như vậy cần được tìm đến".

Này chư Hiền, làng, thị trấn cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

8. **Quốc độ**, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau: "Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp **bất**

thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; quốc độ như vậy không nên được tìm đến".

- Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau:
"Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; như vậy cần được tìm đến".

Này chư Hiền, quốc độ cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến.

169 Câu hỏi - 4 cách trả lời - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– *Bài kinh số 33 – Trường II, 567*
(Trích đoạn)

Bốn cách trả lời câu hỏi:

Trả lời câu hỏi một cách dứt khoát,
Trả lời câu hỏi bằng cách phân tích,
Trả lời câu hỏi bằng cách cật vấn,
Trả lời câu hỏi bằng cách giả lơ, bỏ qua.

170 Câu hỏi - 4 cách trả lời câu hỏi - Kinh CÁC CÂU HỎI – Tăng I, 637

CÁC CÂU HỎI – Tăng I, 637

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn cách thức để trả lời câu hỏi**. Thế nào là bốn?

- Có câu hỏi, đòi hỏi câu **trả lời nhất hướng** (một chiều dứt khoát);
- Có câu hỏi, đòi hỏi một **câu hỏi phản nghịch**;
- Có câu hỏi, cần phải **để một bên**;
- Có câu hỏi, cần phải **trả lời một cách phân tích**.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn cách thức để trả lời câu hỏi này.

*2. Một trả lời nhất hướng,
Rồi trả lời phân tích,
Thứ ba là câu hỏi,
Đòi câu hỏi phản nghịch,
Loại câu hỏi thứ tư,
Cần phải để một bên.*

*Trong các câu hỏi ấy,
Ai rõ biết thuận pháp,
Tỷ-kheo ấy được gọi,*

*Thiện xảo bốn câu hỏi.
Khó nhiếp phục, khó thắng,
Thâm sâu, khó chiến thắng,
Thiện xảo trong nghĩa lý,
Cả hai, nghĩa không nghĩa,
Từ bỏ không ý nghĩa,
Bậc Trí nắm lấy nghĩa,
Bậc Trí minh kiến nghĩa
Được gọi là bậc Trí.*

171 Câu hỏi - 5 lý do đặt câu hỏi - Kinh NHỮNG CÂU HỎI – Tăng II, 621

NHỮNG CÂU HỎI – Tăng II, 621

1. Tại đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo... (như trên)...

2. **Này các Hiền giả, ai hỏi một người khác câu hỏi gì, tất cả đều nằm trong năm trường hợp này, hay một trong năm trường hợp này.**

3. Thế nào là năm?

- Do đàn độn ngu si, hỏi người khác câu hỏi;
- Do ác dục, tham dục, hỏi người khác câu hỏi;
- Khinh thường, hỏi người khác câu hỏi;
- Với tâm muốn hiểu biết, hỏi người khác câu hỏi,
- Nghĩ rằng nếu do ta hỏi, vị ấy trả lời đúng đắn, thời như vậy tốt đẹp, nhưng nếu do ta hỏi, vị ấy trả lời không chân chánh, thời ta sẽ trả lời chân chánh cho vị ấy.

Này các Hiền giả, ai hỏi một người khác câu hỏi gì đều nằm trong năm trường hợp này, hay một trong năm trường hợp này.

Này các Hiền giả, ta với tâm như vậy hỏi người khác câu hỏi. Nếu do ta hỏi, người ấy trả lời một cách chân chánh, thời như vậy thật tốt đẹp. Nếu ta hỏi và vị ấy trả lời không chơn chánh, thời ta sẽ trả lời chơn chánh.

172 Câu hỏi - Kinh CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN – Tăng I, 355

CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN – Tăng I, 355

1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba vấn đề này được nói đến. Thế nào là ba?

- Có thể nói về quá khứ, nói rằng: "Nhu vậy đã xảy ra trong thời quá khứ."
- Có thể nói về tương lai, nói rằng: "Nhu vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai".
- Có thể nói về hiện tại, nói rằng: "Nhu vậy đang xảy ra trong thời hiện tại".

2. Với sự **thảo luận**, một người có thể biết được là có khả năng nói chuyện hay không có khả năng.

Nếu người nào, nay các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu:

- *Không trả lời một cách dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát,*
- *Không trả lời một cách phân tích một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích,*
- *Không trả lời với một câu hỏi ngược lại một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại,*

- *Không có gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên.*

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy không có khả năng để thảo luận.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu:

- *Trả lời dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát,*
- *Trả lời một cách phân tích một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích,*
- *Trả lời với một câu hỏi ngược lại một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại,*
- *Gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên.*

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy có khả năng để thảo luận.

3. Với sự **thảo luận**, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,:

- *Không xác nhận là đúng hay không đúng,*
- *Không xác nhận là một giả thuyết,*
- *Không xác nhận là quan điểm của bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,

- *Xác nhận là đúng hay không đúng,*
- *Xác nhận là một giả thuyết,*
- *Xác nhận là quan điểm của bậc trí, xác nhận là sở hành thường làm.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy có khả năng thảo luận.

4. Với sự thảo luận, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người này, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,

- *Tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác,*
- *Hướng câu chuyện ra ngoài (vấn đề),*
- *Bày tỏ sự phẫn nộ, sân, hận, bất mãn.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,

- *Không tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác,*
- *Không hướng câu chuyện ra ngoài (vấn đề),*

- *Không bày tỏ sự phẫn nộ, sân, hận, bất mãn.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

5. Với sự thảo luận, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

- Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, lại **mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lầy chỗ sơ hở**. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có không khả năng thảo luận.

- Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, **không mắng chửi, không đánh đập, không nhạo báng, không chụp lầy chỗ sơ hở**. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

6. Với sự thảo luận, có thể biết được một người có duyên hay không có duyên.

- **Không có lông tai, là không có duyên.**

- **Có lông tai là có duyên.**

Người có duyên thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp. Do thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của thảo luận, như vậy là lợi ích của đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, như vậy là lợi ích nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát không có chấp thủ.

**7. Nói chuyện với hiềm thù,
Thiên chấp và kiêu mạn,
Nghịch lại đức bậc Thánh,
Bối móc lỗi lẫn nhau;
Thích nghe nói xấu người,
Người lầm, người bối rối,
Người bị thua, bị hại.
Bậc Thánh không làm vậy.**

**Nếu muốn cùng đàm luận,
Bậc hiền biết thời gian,
Câu chuyện của bậc Thánh,
Liên hệ pháp, pháp nghĩa,
Người có trí nói chuyện,
Không hiềm thù, kiêu mạn,
Với tâm không chấp trước,
Không hiềm hận, độc đoán,
Không để tâm lơ đãng,
Nói lên với chánh trí.
Hoan hỷ lời khéo nói,
Không vui lời vụng về,
Không học cách chỉ trích,
Không chụp sơ hở người,**

*Không nhểc mắg, đắh đặp,
Không nói lời vu vớ,
Lời nói của bậc Thánh,
Vừa dạy, vừa hoan hỷ.
Như vậy bậc Thánh nói,
Như vậy Thánh luận đàm,
Bậc trí biết rõ vậy,
Nói lời thật khiêm tốn.*

173 Câu hỏi lớn - 10 câu hỏi lớn - Kinh NHỮNG CÂU HỎI LỚN 1 – Tăng IV, 304

NHỮNG CÂU HỎI LỚN 1 – *Tăng IV*, 304

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ở khu vườn ông Anàthapindika. Bấy giờ có rất nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Sàvatthi để khát thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi vào Sàvatthi khát thực. Chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

2.- Thừa các Hiền giả, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau cho các đệ tử: *"Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú."* Thừa các Hiền giả, chúng tôi cũng thuyết pháp như sau cho các đệ tử: *"Hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú"* .Ở đây, này chư Hiền, **có sự đặc**

thù gì, có sự thù thắng gì, có sự sai biệt gì giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, về thuyết pháp và thuyết pháp, hay về giáo giới và giáo giới?

3. Rồi các Tỷ-kheo ấy, không hoan hỷ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy, cũng không phỉ báng, không hoan hỷ, không phỉ báng, các vị ấy đứng dậy và ra đi, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn" Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

4.- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Rồi chúng con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để vào Sàvatthi khát thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo". Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, chúng con với các du sĩ ngoại đạo những lời chào hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, chúng con ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi xuống một bên: "Thưa các Hiền giả, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy thắng tri tất cả pháp; sau

khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú". Thừa các Hiền giả, chúng tôi cũng thuyết pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đến, này chư Hiền, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú". Ở đây, này chư Hiền, có sự đặc thù gì, có sự sai biệt gì giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về thuyết pháp và thuyết pháp, hay về giáo giới và giáo giới? " Rồi bạch Thế Tôn, chúng con không hoan hỷ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy, cũng không phỉ báng, không hoan hỷ, không phỉ báng, chúng con đứng dậy và ra đi, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa của lời nói này từ Thế Tôn".

5 - Này các Tỷ-kheo, được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy cần phải được nói như sau: *"Này chư Hiền, một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời, ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời; bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời; năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời; sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời"*. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo ấy, sẽ không thể trả lời, hơn nữa sẽ rơi vào

bối rối. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì vấn đề ấy vượt ngoài địa hạt của họ.

Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, với tâm thích thú trả lời những câu hỏi này, trừ Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị này.

6. *Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

Trong một pháp, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong một pháp?

Tất cả chúng sanh đều tồn tại nhờ đồ ăn.

Trong một pháp này, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. *Một câu hỏi, một câu*

tuyên bố, một câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

7. Hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong **hai pháp**, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. *Thế nào là trong hai pháp?*

Trong danh và trong sắc.

Trong hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. *Hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.*

8. Ba câu hỏi, ba tuyên bố, ba câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong ba pháp?

Trong ba thọ.

Trong ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là chấm dứt khổ đau. *Ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.*

9. Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bốn pháp?

Trong bốn đề ăn.

Trong bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

10. Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong năm pháp?

Trong năm thủ uẩn.

Trong năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy.

11. *Sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

Trong sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong sáu pháp?

Trong sáu nội xứ.

Trong sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. *Sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.*

12. *Bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

Trong bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bảy pháp?

Trong bảy thức trú.

Trong bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. *Bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.*

13. Tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong tám pháp?

Trong tám thế gian pháp.

Trong tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. *Tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.*

14. Chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong chín pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau... Thế nào là trong chín pháp?

Chín hữu tình cư.

Trong chín pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán... là người chấm dứt khổ đau. *Chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.*

15. Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong mười pháp này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh, nhằm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là mười pháp?

Trong mười thiện nghiệp đạo.

Trong mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhằm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. *Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, được nói lên như vậy. Do duyên này, được nói đến như vậy.*

NHỮNG CÂU HỎI LỚN 2 – *Tăng IV*, 313

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kajangalà, tại Trúc Lâm. Bảy giờ có rất nhiều nam cư sĩ ở Kajangalà đi đến Tỷ-kheo-ni trú ở Kajangalà, sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo-ni rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ở Kajangalà nói với Tỷ-kheo-ni ở Kjangalà:

2. - Thưa Đại Tỷ, Thế Tôn có tuyên bố trong các câu hỏi lớn: "Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời; ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời; bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời; năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời; sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời." Thưa Đại Tỷ, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn ý nghĩa rộng rãi cần phải hiểu như thế nào?

3. - Nay các Hiền giả, tôi không được tận mặt nghe và tận mặt lãnh thọ từ Thế Tôn. Tôi cũng không được tận mặt nghe và tận mặt lãnh thọ từ các Tỷ-kheo có tu tập về ý. Tuy vậy, ở đây, vấn đề được trình bày với tôi như thế nào, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

- Thừa vâng, Đại tỷ

Các nam cư sĩ ở Kajangalà vâng đáp Ty-kheo-ni ở Kajangalà nói như sau:

4-5. - Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? (Ở đây, giống như câu hỏi đầu của kinh trước).

6. *Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời được thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

Trong bốn pháp, này chư hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập, chơn chánh thấy được cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri mục đích, ngay trong hiện tại là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bốn pháp?

Trong **Bốn niệm xứ.**

Trong bốn pháp này, này chư hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập, chơn chánh... là người chấm dứt khổ đau.

Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy.

7-8. Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong năm pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm... là người chấm dứt khổ đau.

Trong năm pháp gì? Trong **Năm căn...**

... Trong sáu pháp gì? Trong **Sáu xuất ly giới...**

... Trong bảy pháp gì? Trong **Bảy giác chi...**

... Trong tám pháp gì? Trong **Con đường Thánh có tám ngành...**

... Trong chín pháp gì? Trong **Chín hữu tình cư...**

9. Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong mười pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh thấy được cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri mục đích, ngay trong hiện tại là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong mười pháp?

Trong **Mười thiện đạo**

Trong mười pháp này, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh tu tập tâm, chơn chánh thấy được cứu cánh, chơn chánh thắng tri mục đích, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau.

Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

10. Như vậy, này chư Hiền, Thế Tôn đã nói đến trong các câu hỏi lớn: "Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời...; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời". Này chư Hiền, lời Thế Tôn tuyên bố tuyên bố vắn tắt này, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Này chư Hiền, nếu muốn các vị hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời các hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

- Thừa vâng, Đại tỷ.

Các nam cư sĩ ở Kajangalà sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tỷ-kheo-ni ở Kajangalà nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tỷ-kheo-ni ở Kajangalà, thân phía sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo-ni rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ở Kajangalà, đem câu chuyện nói với Tỷ-kheo-ni ở Kajangalà như thế nào, tất cả đều thuật lên Thế Tôn rõ.

11. - Lành thay, lành thay, này các Gia chủ. Này các Gia chủ, có trí tuệ là Tỷ-kheo-ni ở Kajangalà! Này các Gia chủ, có trí tuệ là Tỷ-kheo-ni ở Kajangalà! Này các Gia chủ, nếu các Ông có đi đến Ta và hỏi ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Tỷ-kheo-ni ở Kajangalà đã trả lời.

Đây là ý nghĩa của lời nói ấy, hãy như vậy thọ trì.

174 Câu phần giải thoát - Giải thích - Kinh KITAGIRI – 70 Trung II, 291

KINH KITAGIRI (Kitagiri sutta)

– Bài kinh số 70 – Trung II, 291

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Kasi cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Nay các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

- Nay các Tỷ-kheo, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Nay các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các Ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn tiếp tục du hành ở Kasi và đến một thị trấn xứ Kasi tên là Kitagiri. Rồi Thế Tôn ở tại Kitagiri, một thị trấn xứ Kasi. Lúc bấy giờ Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka đang ở Kitagiri. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận, nên các vị ấy đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến chỗ các Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka, sau khi đến chúng con nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau: "Chư hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm... (như trên)... có sức lực và an trú". Bạch Thế Tôn, được nói vậy. Tỷ-kheo Assaji và

Tỷ-kheo Punabbasuka nói với chúng con như sau:

"Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời... (như trên)... chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận, nên chúng con trình sự việc này lên Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka: "Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka:

– Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka đang ngồi một bên:

– Có thật chẳng, này các Tỷ-kheo, một số đông Tỷ-kheo đến các Ông và nói như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm, cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít nã, khinh an, có sức lực và an trú. Chư

Hiền, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít nã, khinh an, có sức lực và an trú". Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít nã, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời"?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta dạy như sau: "*Một cá nhân cảm thọ bất cứ cảm giác nào, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; đối với người ấy, các pháp bất thiện được đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng*"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta dạy như sau:

"Ở đây đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

Ở đây đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng.

Ở đây, đối với một người khi cảm thọ khô thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ khô thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn trừ, các thiện pháp được tăng trưởng.

Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khô bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khô bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng?"

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Lành thay, này các Tỷ-kheo!

Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng

trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói:

"Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy".

Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng*", có thể chẳng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt*", do vậy Ta nói: **"Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy".**

Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người khi cảm giác khổ thọ...*
... (như trên)..."

Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện*

pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chẳng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: **"Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy"**? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy".

Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng", có thể chẳng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt", do

vậy Ta nói: **"Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy".**

Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo, có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, đối với những *Tỷ-kheo là bậc A-la-hán*, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt được lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. *Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được các vị này làm, nhờ không phóng dật. Các vị này không thể trở thành phóng dật.*

Và này các Tỷ-kheo, đối với các *Tỷ-kheo còn là các bậc hữu học*, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các triền ách; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi các bậc Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, các vị ấy (cần phải) tự mình nhờ thượng trí chứng ngộ chứng đạt, và an trú ngay

trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này, các Thiện gia nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo này, *vì thấy quả này của không phóng dật nên Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

Này các Tỷ-kheo có bảy hạng người sống trong đời này. Thế nào là bảy?

Bậc cầu phần giải thoát,

Bậc tuệ giải thoát,

Bậc thân chứng,

Bậc kiến đạo,

Bậc tín giải thoát,

Bậc tùy pháp hành,

Bậc tùy tín hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Cầu Phần Giải Thoát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, **sau khi thân đã chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn.** Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người cầu phần giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm,

nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Tuệ Giải Thoát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi **thân không chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, **các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn**. Vị này như vậy được gọi là bậc tuệ giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Thân Chứng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi **thân chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc thân chứng. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện

tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Kiến Đáo?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi **tự thân không chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn; **và các pháp do Như Lai tuyên thuyết được vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn toàn.** Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là kiến đáo.

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp sống không gia đình. *Do vậy này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tín giải thoát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi **tự thân chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ,

một số lậu hoặc của vị này được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và lòng tin của vị này đối với Như Lai đã được xác định, phát sanh từ căn đề, an trú. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là bậc tín giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... ..sống không gia đình. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tuỳ pháp hành?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết (chỉ) được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy pháp hành.

Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... .. sống không gia đình. Do

vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người Tùy tín hành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc có tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc **không được đoạn trừ**.

Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các

Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy tín hành. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, nhưng vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức. Nhưng này các Tỷ-kheo, trí

**tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ,
thực tập từ từ.**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo:

một vị có lòng tin đi đến gần;

sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ;

sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai;

sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp;

sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp,

vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì;

sau khi suy tư => ý nghĩa các pháp được chấp
thuận;

sau khi các pháp được chấp thuận => ước muốn
sinh khởi;

sau khi ước muốn sinh khởi => vị ấy nỗ lực;

sau khi nỗ lực => vị ấy cân nhắc;

sau khi cân nhắc => vị ấy tinh cần.

Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối
thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy
thấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo:

Nếu không có lòng tin ấy, thời này các Tỷ-kheo,
không có sự đến gần ấy, thời này các Tỷ-kheo,

không có tỏ sự kính lễ ấy, thời này các Tỷ-kheo,

không có sự lóng tai ấy, thời này các Tỷ-kheo,

không có sự nghe pháp ấy, thời này Tỷ-kheo, không

có sự thọ trì pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không
có sự suy tư ý nghĩa ấy, thời này các Tỷ-kheo,
không có sự chấp thuận pháp ấy, thời này các Tỷ-
kheo, không có sự ước muốn ấy, thời này các Tỷ-
kheo, không có sự nỗ lực ấy, thời này các Tỷ-kheo,
không có sự cân nhắc ấy, thời này các Tỷ-kheo
không có sự tinh cần ấy.

Này các Tỷ kheo, ở đây, các Ông đã đi vào phi đạo.
Này các Tỷ-kheo, ở đây, các Ông đã đi vào tà đạo.
Thật là quá xa, này các Tỷ-kheo, các kẻ ngu này đã
đi ra ngoài pháp luật này.

Này các Tỷ-kheo, **có sự thuyết trình gồm có bốn phần** (Catuppadam = Bốn cú) chính nhờ thuyết trình này người có trí, không bao lâu, nhờ tuệ biết được ý nghĩa. Ta sẽ đọc sự thuyết trình ấy lên cho các Ông, này các Tỷ-kheo, các Ông nhờ Ta mà sẽ hiểu thuyết trình ấy.

– Bạch Thế Tôn, chúng con là ai có thể biết được pháp?

– Này các Tỷ-kheo, cho đến một bậc Đạo sư sống quá trọng vọng tài vật, là vị thừa tự tài vật, và sống liên hệ với tài vật, thời sự mua may bán đất này không xảy ra: "Chúng tôi sẽ làm việc này như vậy, và như vậy chúng tôi sẽ không làm việc này như vậy", huống nữa là Như Lai, này các Tỷ-kheo, là vị sống hoàn toàn không liên hệ với các tài vật.

Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp (anudhamma) được khởi lên: "Bậc Đạo sư là Thế Tôn, đệ tử là tôi. Thế Tôn biết, tôi không biết".

Này các Tỷ-kheo, đến với một đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời giáo pháp bậc Đạo sư được hưng thịnh được nhiều sinh lực.

Này các Tỷ-kheo, đối với đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp này được khởi lên: **"Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhân nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dũng"**.

Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả như sau:

Chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

175 Câu phần giải thoát - Kinh CÁC HẠNG NGƯỜI – Tăng III, 288

CÁC HẠNG NGƯỜI – *Tăng III, 288*

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy hạng người đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

2. Thế nào là bảy?

- Câu phần giải thoát.
- Tuệ giải thoát.
- Thân chứng kiến.
- Kiến chí.
- Tín giải thoát.
- Tùy pháp hành.
- Tùy tín hành.

Bảy hạng người này, nay các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

176 Câu phần giải thoát - Kinh ĐẠI DUYÊN

– 15 Trường I, 511

KINH ĐẠI DUYÊN (MAHA NIDANA SUTTA) – Bài kinh số 15 – Trường I, 511

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trụ tại bộ lạc Kuru (Câu-lâu), ở ấp Kuru tên là Kammassadhamma (Kiếm-ma-sất-đàm). Tôn giả Ananda (A Nan) đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, **giáo pháp Duyên khởi** này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng.

- Nay Ananda, chớ có nói vậy! Nay Ananda chớ có nói vậy! Nay Ananda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Nay Ananda, **chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la), không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.**

2. Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "**Già và chết** do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gì?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên **sanh**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thủ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thủ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thủ do duyên **ái**".

~~Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu**".~~

~~Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**". (2 đoạn này dư)????~~

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Ái có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Ái do duyên gì?" Hãy đáp: "Ái do duyên **tho**".

Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thọ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thọ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thọ do duyên **xúc**".

Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Xúc có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Xúc do duyên gì?" Hãy đáp: "Xúc do duyên danh sắc"????.

(Xúc do duyên Sáu nhập)

(Thiếu Sáu nhập do duyên Danh sắc)????

Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Danh sắc có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Danh sắc do duyên gì? Hãy đáp: **"Danh sắc do duyên thức"**.

Này Ananda, nếu có ai hỏi: "Thức có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thức do duyên gì?" Hãy đáp: **"Thức do duyên danh sắc"**.

3. Này Ananda, như vậy do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, xúc sanh, (~~??? do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh~~); do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão tử sanh, do duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu não sanh. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

4. Trước đã nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh?"

Này Ananda, **nếu sanh không có bất cứ loại nào**, bất cứ chỗ nào, như chư Thiên hay Thiên giới, Càn-thát-bà hay Càn-thát-bà-giới, Dạ-xoa hay Dạ Xoa giới. Quỷ thần hay Quỷ thần giới, loài Người hay

Nhân giới, loại bốn chân hay tứ túc giới, loài chim hay điều giới, loài trùng xà hay trùng xà giới. *Này Ananda, nếu không có sanh cho tất cả, do sanh diệt, thời lão tử có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lão tử, tức là sanh.

5. Trước đã nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra?"

Này Ananda, **nếu hữu không có bất cứ loại nào, giới nào, bất cứ chỗ nào xứ nào, như dục hữu, sắc hữu hay vô sắc hữu.** *Nếu không có hữu cho tất cả, do hữu diệt, thời sanh có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của sanh, tức là hữu.

6. Trước đã nói: "Do duyên thủ, hữu sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu hỏi: "Do duyên thủ, hữu sanh?"

Này Ananda, **nếu thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ hay ngã chấp thủ.** *Nếu không có thủ cho tất cả, do thủ diệt, thời hữu có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hữu, tức là thủ.

7. Trước đã nói: "Do duyên ái, thủ sanh". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, thủ sanh".

Nay Ananda, nếu ái không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái hay pháp ái. *Nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ, tức là ái.

8. Trước đã nói: "Do duyên thọ, ái sanh". Nay Ananda, nếu thọ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ. *Nếu không có thọ cho tất cả, nếu thọ diệt thời ái có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của ái, tức là thọ.

9. Nay Ananda, như vậy do duyên thọ, ái sanh;
Do duyên ái, tìm cầu sanh;

Do duyên tìm cầu, **lợi** sanh;
Do duyên lợi, **quyết định** (sở dụng của lợi) sanh;
Do duyên quyết định, **tham dục** sanh;
Do duyên tham dục, **đam trước** sanh;
Do duyên đam trước, **chấp thủ** sanh;
Do duyên chấp thủ, **hà tiện** sanh;
Do duyên hà tiện, **thủ hộ** sanh;
Do duyên thủ hộ, **phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu**, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.

10. Trước đã nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ". *Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ"?*

Này Ananda, nếu thủ hộ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có thủ hộ cho tất cả, *nếu thủ hộ diệt, thì một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của một

số ác, bất thiện pháp như chấp trọng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ, tức là thủ hộ.

11. Trước đã nói: "**Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hà tiện thủ hộ sanh"?

Này Ananda, ***nếu hà tiện không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có hà tiện, cho tất cả, nếu hà tiện diệt thời thủ hộ có thể hiện hữu không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ hộ, tức là hà tiện.

12. Trước đã nói: "**Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh**". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh"?

Này Ananda, ***nếu chấp thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không chấp thủ cho tất cả, nếu chấp thủ diệt thời hà tiện có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hà tiện, tức là chấp thủ.

13. Trước đã nói: "**Do duyên đam trước, chấp thủ sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên đam trước, chấp thủ sanh"?

Này Ananda, ***nếu đam trước không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có đam trước cho tất cả, nếu đam trước diệt thời chấp thủ có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của chấp thủ, tức là đam mê.

14. Trước đã nói: "**Do duyên tham dục, đam trước sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên tham dục, đam trước sanh"?

Này Ananda, ***nếu tham dục không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có tham dục cho tất cả, nếu tham dục diệt, thời đam trước có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của đam trước, tức là tham dục.

15. Trước đã nói: "**Do duyên quyết định, tham dục sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:

"Do duyên quyết định tham dục sanh"?

Này Ananda, ***nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho***

*tất cả, nếu quyết định diệt, thời tham dục có thể
hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,
như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của
tham dục tức là quyết định.

16. Trước đã nói: "**Do duyên lợi, quyết định sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do
duyen lợi quyết định sanh"?

Này Ananda, ***nếu lợi không có bất cứ loại nào,
bất cứ chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả, nếu
lợi diệt thời quyết định có thể hiện hữu được
không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,
như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của
quyết định, tức là lợi.

17. Trước đã nói: "**Do duyên tìm cầu, lợi sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do
duyen tìm cầu, lợi sanh"?

Này Ananda, ***nếu tìm cầu không có bất cứ loại
nào, bất cứ chỗ nào, nếu tìm cầu không có cho tất
cả, nếu tìm cầu diệt, thời lợi có thể hiện hữu được
không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lợi, tức là tầm cầu.

18. Trước đã nói: "**Do duyên ái, tầm cầu sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, tầm cầu sanh"?

Nay Ananda, ***nếu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả, nếu ái diệt thời, tầm cầu có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tầm cầu, tức là ái.

Nay Ananda, như vậy hai phương diện (của ái) tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ (làm duyên sanh).

19. Trước đã nói: "**Do duyên xúc, thọ sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên xúc, thọ sanh"?

Nay Ananda, ***nếu xúc không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả, nếu xúc diệt, thời thọ có thể hiện hữu không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thọ, tức là xúc.

20. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, xúc sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh"?

Này Ananda, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao, **nhờ đó mà danh thân và sắc thân thi thiết**; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thì danh mục xúc trong sắc thân có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy nhờ đó mà sắc thân được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thì hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có, thì danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mao nhờ đó mà danh sắc được thi thiết, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không có thì xúc có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của xúc, tức là danh sắc.

21. Trước đã nói: "**Do duyên thức, danh sắc sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh"?

Này Ananda, ***nếu thức không đi vào trong bụng*** của người mẹ, thời danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không?

- Bạch Thế Tôn, không!

Này Ananda, ***nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt***, thời danh sắc có thể hình thành trạng thái này, trạng thái khác không?

- Bạch Thế Tôn, không!

Này Ananda, ***nếu thức bị đoạn trừ trong đũa con nít***, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thời danh sắc có thể lớn hơn, trưởng thành và thành mãn được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của danh sắc, tức là thức.

22. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, thức sanh**".

Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh sắc thức sanh"?

Này Ananda, *nếu thức không an trú được trong danh sắc, thời trong tương lai, có thể hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử*, khô tập không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thức, tức là danh sắc.

- **Này Ananda, trong giới hạn con người được sanh, con người được già, con người được chết, con người được diệt, hay con người được tái sanh, trong giới hạn ấy là danh mục đạo, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ đạo, trong giới hạn ấy là thi thiết đạo, trong giới hạn ấy là tuệ giới, trong giới hạn ấy là lưu chuyển luân hồi hiện hữu trạng thái này trạng thái khác nghĩa là danh sắc và thức.**

23. **Này Ananda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã?**

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi **không có sắc và vô lượng**".

24. Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai... hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có**

sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Nay Ananda, như vậy, là có bấy nhiêu lời tuyên bố về ngã.

25. **Này Ananda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã?**

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".

Này Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng".

26. Này Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có

sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này.

"Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã.

27. **Nay Ananda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm?**

Này Ananda, **ngã được quan niệm như thọ** trong câu: "*Ngã của tôi là thọ*". Hay trái lại: "*Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ*".

Này Ananda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: "*Ngã của tôi không phải là thọ, cũng không phải là không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ*". Như vậy, này

Ananda, ngã được quan niệm.

28. Này Ananda, **ai nói: "ngã của tôi là thọ"**.

Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ngã?"

Này Ananda, **khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi.**

Này Ananda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một khổ thọ thôi.

Này Ananda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một khổ thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất khổ bất lạc thọ thôi.

29. Lại nữa, này Ananda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp biến hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

Này Ananda, khổ thọ là **vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.**

Này Ananda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi lạc thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Khi cảm giác một khổ thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi khổ thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Vậy những ai nói rằng: "Ngã của tôi là thọ", người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại, cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, này Ananda, không thể chấp nhận quan niệm "Ngã của tôi là thọ".

30. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".** *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là "Tôi có" được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, **không thể chấp nhận quan niệm** "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".

31. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ"**. *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả nếu tất cả mọi loại cảm thọ đều đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả, khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói: "Tôi là như vậy" chăng?"*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, **không thể chấp nhận quan niệm** "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ".

32. Này Ananda, **khi có một vị Tỷ-kheo không quan niệm ngã là thọ**, không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ", **khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt**. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nữa.

Này Ananda, **với vị Tỷ-kheo có tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vị Tỷ-kheo ấy có tà kiến như sau:** "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" **thời thật hoàn toàn phi lý.** Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. **Tại sao vậy? Này Ananda, ví dầu có bao nhiêu danh mục, bao nhiêu danh mục đạo, dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu ngôn ngữ đạo, dầu có bao nhiêu thi thiết, bao nhiêu thi thiết đạo, dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giới, dầu có bao nhiêu luân chuyển, bao nhiêu vận hành, với thắng trí hiểu biết tất cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát.** Với vị Tỷ-kheo thắng trí giải thoát như vậy mà nói rằng vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là một sự phi lý.

33. **Này Ananda, có bảy trú xứ của thức và hai xứ.** Thế nào là bảy?

Này Ananda, có những loại hữu tình, **thân dị loại và tướng dị loại**, như loài Người, một số chư Thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, **thân dị loại nhưng tướng nhất loại**, như các vị **Phạm Chúng**

thiên được sanh vào cõi ấy, nhờ sơ Thiên. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại nhưng tướng dị loại*, như các vị **Quang Âm thiên (Abhassarà)**. Đó là trú xứ thứ ba của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại và tướng cũng nhất loại*, như các vị **Biến Tịnh thiên (Subhakinna)**. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, vượt ra khỏi tất cả sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tượng, không suy tư đến mọi dị loại tướng, chỉ có tướng "Hư không là vô biên", được sanh vào cõi Hư Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tướng "Thức là vô biên", được sanh vào cõi **Thức vô biên xứ**. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Này Ananda, có những loại hữu tình, hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng "Vô sở hữu", được sanh vào cõi **Vô sở hữu xứ**. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Hai xứ là **Vô tướng hữu tình xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ**.

34. Này Ananda, trong thức trú xứ thứ nhất có thân dị loại và tướng dị loại này, như loài Người, một số chư Thiên và một số hữu tình trong địa ngục. *Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được*

*sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị
ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất
ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan
hỷ ưa thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

... (như trước)...

- Nay Ananda, trong thức trú xứ thứ bảy, hoàn toàn
vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng "Vô sở
hữu", được sanh vào cõi Vô sở hữu xứ. *Này*

*Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được
sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được sự
tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt,
hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của
trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa
thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, với Vô tướng hữu tình xứ này, này
Ananda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được
sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị
ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất
ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan
hỷ ưa thích trú xứ này không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, với Phi tướng phi phi tướng xứ này,
này Ananda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu
được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu
được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được

sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, **bởi bảy thức trú xứ và hai xứ này, nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được tập khởi, đoạn trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly của chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát.**

Nay Ananda, **vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát.**

35. Nay Ananda, **có tám giải thoát.** Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc pháp. Đó là giải thoát thứ nhất.

Không biết tự mình có sắc, thấy các sắc ngoài tự thân. Đó là giải thoát thứ hai.

Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh. Đó là giải thoát thứ ba.

Hoàn toàn vượt khỏi mọi sắc tưởng, đoạn diệt mọi hữu đối tượng, không suy tư đến mọi tướng dị biệt, với tư tưởng: "Hư không là vô biên", chứng và an trú Hư không vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ tư.

Hoàn toàn vượt khỏi Hư không vô biên xứ, với tư tưởng: "Thức là vô biên", chứng và an trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.

Hoàn toàn vượt khỏi Thức vô biên xứ, với tư tưởng: "Vô sở hữu" chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Đó là giải thoát thứ sáu.

Hoàn toàn vượt khỏi Vô sở hữu xứ, chúng và an trú
Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là giải thoát thứ
bảy.

Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ,
chúng và an trú Diệt thọ tướng định. Đó là giải
thoát thứ tám. Nay Ananda, như vậy là tám giải
thoát.

36. Nay Ananda, khi một vị Tỷ-kheo thuận thứ thể
nhập tám giải thoát này, có thể nhập và có thể xuất
khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ
nào mình muốn và dài bao lâu mình muốn - và với
các lậu hoặc được đoạn trừ, vị Tỷ-kheo chúng và
an trú trong tám giải thoát và **tuệ** giải thoát, không
còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại, tự mình thấu
đạt và chứng ngộ. Nay Ananda, không còn có một
Câu giải thoát nào khác cao hơn và thù thắng hơn
Câu giải thoát này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda
hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

177 Cây - 4 loại người ví với 4 loại cây - Kinh CÁC CÂY – Tăng II, 21

CÁC CÂY – Tăng II, 21

1.- Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại cây** này. Thế nào là bốn?

- Có giác cây, bao vây với giác cây;
- Có giác cây bao vây với lõi cây;
- Có lõi cây bao vây với giác cây;
- Có lõi cây bao vây với lõi cây.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại cây này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví dụ như bốn loại cây này** có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Hạng người là giác cây, bao vây với giác cây;
- Hạng người là giác cây, bao vây với lõi cây;
- Hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây;
- Hạng người là lõi cây, bao vây với lõi cây.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là giác cây bao vây với giác cây?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, theo ác pháp, hội chúng người ấy cũng ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người giác cây bao vây với giác cây. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại cây là giác cây, bao vây với giác cây ấy. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là giác cây bao vây với lõi cây?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, theo ác pháp, hội chúng người ấy có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người giác cây bao vây với lõi cây. Ví như... giống như ví dụ ấy.

5. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là lõi cây bao vây với giác cây?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo thiện pháp, nhưng hội chúng của người ấy theo ác giới, ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người lõi cây bao vây với giác cây. Ví như... giống như ví dụ ấy.

6. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là lõi cây bao vây với lõi cây?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo thiện pháp, hội chúng người ấy cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có lỗi cây bao vây với lỗi cây. Ví như, này các Tỷ-kheo, là hạng người lỗi cây bao vây với lỗi, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như ví dụ các cây này, có mặt hiện hữu ở đời.

178 Cây - Cây bàng chúa - cây pháp - Kinh DHAMMIKA – Tăng III, 143

DHAMMIKA – Tăng III, 143

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại núi Gijjhakūṭa (Linh Thú).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Dhammika trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tất cả bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng ấy.

Tại đấy, Tôn giả Dhammika đối với các khách Tỷ-kheo, mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận, liền bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ.

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng, suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo Tăng các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm

biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, nã hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi chỗ khác."

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: *"Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này. Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi."*

2. Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một trú xứ khác. Tại đây, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, nã hại, châm biếm, làm cho tức giận với các lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, nã hại, châm biếm, làm cho tức giận với các lời nói, liền bỏ đi, không an trú, và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ? " Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, nã hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy

bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi đến chỗ khác". Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với tôn giả Dhammika: "Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này. Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi".

3. Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một xứ khác . Tại đấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với lời nói. Và các khách tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với lời nói, liền bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú từ bỏ trú xứ? ". Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. *Vậy*

chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng".

Rồi các cư sĩ tại chỗ đất sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, nói với Tôn giả Dhammika: "Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng".

4. Rồi Tôn giả Dhammika suy nghĩ: "Ta đã bị các cư sĩ tại chỗ đất sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng. Nay ta sẽ đi tại chỗ nào? Ta hãy đi đến Thế Tôn". Rồi Tôn giả Dhammika cầm y bát, ra đi, hướng đến Ràjagaha (Vương Xá), dần dần đi đến núi Gijjhakùta (Linh Thú) tại Ràjagaha; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Dhammika đang ngồi xuống một bên:

- Nay Bà-la-môn Dhammika, Ông đi từ đâu đến?

- Bạch Thế Tôn, con bị các cư sĩ tại chỗ đất sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng!

- Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn Dhammika! Sự việc này, đối với ông có hề hấn gì! Dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, ông đã đi đến gần Ta!

5. Trong quá khứ, này Bà-la-môn Dhammika, các nhà buôn đường biển đem theo một con chim để tìm bờ, khi họ đi tàu ra biển. Khi chiếc tàu ra xa, không

thấy bờ, họ thả con chim đi tìm bờ. Con chim bay về hướng Đông, bay về hướng Tây, bay về hướng Bắc, bay về hướng Nam, bay về hướng Trên, bay về hướng Gió. Nếu nó thấy bờ xung quanh, nó liền bay luôn. Nếu nó không thấy bờ xung quanh, nó bay trở lui về tàu. Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, dầu họ có mời Ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, Ông đã đi đến gần Ta.

6. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, vua Koravya có một cây bàng chúa tên là Suppatittha, cây này có năm cành, có bóng mát dịu, rất là khả ý.

Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha tỏa rộng ra đến mười hai do tuần, các rễ mọc lan rộng đến năm do tuần.

Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha có những trái cây to lớn, lớn như những cái nồi con; những trái cây ngọt lịm, trong sáng và ngọt như mật ong.

Này Bà-la-môn Dhammika, vua với các cung nữ hưởng thụ một cành của cây bàng chúa Suppatittha; quân đội hưởng thụ một cành; các dân chúng ở thị trấn và quốc độ hưởng thụ một cành; các Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thụ một cành; các loài thú, loài chim hưởng thụ một cành.

Này Bà-la-môn Dhammika, không có ai phòng hộ các trái của cây bàng chúa Suppatittha, và không có ai hại nhau vì trái cây.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, một người sau khi đã ăn hết cho đến thỏa thích những trái của cây bàng chúa Suppatittha, liền bẻ gãy một cành rồi bỏ đi.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha suy nghĩ như sau: "Thật là vi diệu, thừa Tôn giả! Thật là hy hữu, thừa Tôn giả, con người lại ác cho đến như vậy! Sau khi ăn cho đến thỏa thích các trái của cây bàng chúa Suppatittha, lại bẻ một cành rồi bỏ đi! Vậy cây bàng chúa Suppatittha hãy đừng sanh trái nữa trong tương lai! "Rồi này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa trong tương lai.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vua Koravya đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, thưa với Thiên chủ Sakka: "Tôn giả có biết không? Cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa! "

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông, khiến cho mưa to gió lớn khởi lên, làm cây bàng chúa Suppatittha ngã xuống và bật gốc rễ.

Này Bà-la-môn Dhammika, vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên.

Này Bà-la-môn Dhammika, rồi Thiên chủ Sakka đi đến vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha, sau khi đến, nói với vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha như sau:

"- Vì sao, này vị Thiên kia, Ông lại khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên?

"- Thưa Tôn giả, có cơn mưa to gió lớn khởi lên, và làm cho chỗ trú xứ của con bị ngã xuống và bật gốc rễ lên.

*"- Này vị Thiên kia, có phải ông đang gìn giữ **cây pháp**, nhưng cơn mưa to lớn ấy khởi lên, làm trú xứ của Ông bị ngã xuống và bật gốc rễ lên?*

"- Làm thế nào, thưa Tôn giả, một cây... được gìn giữ như một **cây pháp?**

"- Ở đây, này vị Thiên kia, những người cần rễ đến lấy rễ cây đi, những người cần vỏ đến lấy vỏ cây đi. Những người cần lá đến lấy lá đi. Những người cần bông đến lấy bông đi. Những người cần trái đến lấy trái đi. Như vậy, không có gì để khiến cho một vị Thiên phải không hoan hỷ, không vui vẻ. Như vậy, là một cây được gìn giữ như một cây pháp.

"- Thưa Tôn giả, con không gìn giữ một cây pháp, khi cơn mưa to lớn ấy khởi lên, làm chỗ trú xứ của con ngã xuống và bật gốc rễ lên!

"- Nay vị Thiên kia, nếu ông gìn giữ cây pháp, thời trú xứ của ông sẽ trở lại như xưa.

"- Thừa Tôn giả, con sẽ gìn giữ cây pháp, mong rằng trú xứ của con trở lại như xưa."

Rồi Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to gió lớn đến dừng đứng lại cây bàng chúa và chữa lành những rễ cây

Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, Ông có gìn giữ **Sa-môn pháp**, khi các người cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời ông đi khỏi bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng không?

- Như thế nào, thưa Thế Tôn, là một Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp?

- Như thế này, này Bà-la-môn Dhammika, ở đây, một Sa-môn không có mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc mình, không có tức giận người đã tức giận mình, không có quở trách người đã quở trách mình. Như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, là vị Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp.

- Thừa Thế Tôn, con không gìn giữ Sa-môn pháp khi những người cư sĩ ở tại chỗ sanh trưởng mời con đi khỏi hoàn toàn bảy trú xứ trong chỗ được sanh trưởng.

7. - Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có một ngoại đạo sư tên là Sunetto (Diệu Nhân) đã viễn ly các dục.

Này Bà-la-môn Dhammika, ngoại đạo sư Sunetto có hàng trăm đệ tử. Ngoại đạo sư Sunetto thuyết pháp về cộng trú tại Phạm thiên giới cho các người đệ tử. Những ai nghe ngoại đạo sư Sunetto thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới mà tâm không được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn những ai, này Bà-la-môn Dhammika, nghe ngoại đạo sư Sunetto thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, tâm được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có ngoại đạo sư tên là Mugapakkha... có ngoại đạo sư tên là Aranemi... có ngoại đạo sư tên là Kuddàlaka... có ngoại đạo sư tên là Hatthipàla... có ngoại đạo sư tên là Jotipàla đã viễn ly các dục... được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn Dhammika? Đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy có sanh khởi ra nhiều vô phước không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

8. - *Thật vậy, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, có sanh khởi ra nhiều vô phước. Còn ai, đối với vị đầy đủ chánh kiến, với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy sanh khởi ra nhiều vô phước hơn nữa.*

Vì có sao? Ta tuyên bố rằng, này Bà-la-môn Dhammika, sự tổn hại đối với các ngoại đạo sư như vậy không bằng sự tổn hại nếu đối xử với các vị đồng Phạm hạnh.

Do vậy, này các Bà-la-môn Dhammika, cần phải học tập như sau:

"Chúng tôi sẽ không có tâm uế nhiễm đối với vị đồng Phạm hạnh". Này Bà-la-môn Dhammika, các ông cần phải học tập như vậy.

Các vị Bà-la-môn,
Như Sư Sunetto,
Sư Mugapakkha,
Và Aranemi,
Sư Kuddalaka,
Và Hatthipàla,
Sư Jotipàla,
Và Sư Govinda,

Là quốc sư thứ bảy.
Sáu Sư bạn vị này,
Là những vị danh tiếng,
Quá khứ không hại ai,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Và các hàng đệ tử,
Con số lên hàng trăm,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
- Ấn sĩ ngoại đạo ấy,
Ly tham, tâm Thiền định,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng nhiếc họ,
Người như vậy tạo ra,
Rất nhiều sự vô phước.
- Đối một đệ tử Phật,
Tỷ-kheo có chánh kiến,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng vị ấy,
Người như vậy tạo ra,
Nhiều vô Phước hơn nữa.
Chớ phật lòng bậc thiện,

*Hãy từ bỏ kiến xứ,
Tối thượng trong Thánh chúng,
Vị ấy được gọi vậy.
Ai chưa ly các dục,
Năm căn còn mềm dịu,
Tín, niệm và tinh tấn,
Vớỉ chỉ và vớỉ quán,
Nếu phật ý vị ấy,
Trước hết tự hại mình,
Sau khi tự hại mình,
Lại hại đến người khác,
Ai tự bảo vệ mình,
Bề ngoài cũng bảo vệ,
Do vậy, bảo vệ mình,
Bậc trí không tổn hại.*

179 Cây - Cây gậy quăng lên hư không... - Kinh Cái Gậy – Tương V, 638

Cái Gậy – Tương V, 638

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, ***một cây gậy được quăng lên hư không***, khi thì rơi xuống đầu gốc, khi thì rơi xuống chặng giữa, khi thì rơi xuống đầu ngọn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, dòng ruồi, luân chuyển, khi thì đi từ thế giới này đến thế giới kia, khi thì đi từ thế giới kia đến thế giới này. Vì sao? Vì rằng **không thấy bốn Thánh đế**.

3) Này các Tỷ-kheo, bốn Thánh đế ấy là gì?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần

phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng
cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến
Khổ diệt".

180 Cây - cây Kimsukà - Kinh Phải Gọi Là Gì – Tương IV, 312

Phải Gọi Là Gì – Tương IV, 312 (Kimsukà)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến một Tỷ-kheo khác, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

-- Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

*-- Này Hiền giả, Tỷ-kheo khi nào như thật rõ biết **sự tập khởi và sự đoạn diệt của sáu xúc xú**; cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

3) Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác và nói:

-- Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

*-- Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết **sự tập khởi và sự đoạn diệt của năm thủ uẩn**; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

4) Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác nữa và nói:

-- Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

-- *Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chủng; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

5) Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn...

-- *Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết rằng, phạm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều phải đoạn diệt; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

6) Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến một Tỷ-kheo và nói với Tỷ-kheo ấy: "*Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?*" Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói với con: "*Khi nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của sáu xúc xứ; khi*

ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh". Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời của Tỷ-kheo kia nên đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi đến, con nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của một Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?" Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào, này Hiền giả, Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của năm thủ uẩn... như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chủng... như thật tuệ tri rằng, phàm có pháp gì được tập khởi, tất cả pháp ấy bị đoạn diệt, cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh ".

Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia nên con đi đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: "Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?"

7) -- Ví như, này Tỷ-kheo, một người chưa từng thấy cây kimsuka, người ấy đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka và nói: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?". Người ấy đáp như sau: "Này Bạn, cây kimsuka màu đen, như một khúc cây bị cháy". Như vậy, này Tỷ-kheo, **trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.**

Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến, hỏi người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này Bạn, cây kimsuka màu đỏ, giống như một đồng thít". Và này Tỷ-kheo, như vậy trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.

Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến nói với người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này Bạn, cây kimsuka bị lột vỏ, vỏ bị nứt nẻ ra như cây keo (siriso)". Này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.

Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến, nói với người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia nói như sau: "Này Bạn, cây kimsuka có lá rậm rạp, bóng của nó dày và rậm, như cây bàng". Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, tùy theo sự thấy của Chân nhân ấy khéo thanh tịnh, tùy thuộc theo đấy, họ đã trả lời.

8) Ví như, này Tỷ-kheo, có ngôi thành của vua ở biên giới được xây dựng với pháo đài kiên cố, với tường và tháp canh kiên cố và có đến sáu cửa thành. Tại đây có người giữ cửa thành, là bậc thông minh, có kinh nghiệm và có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Từ phương Đông, hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: "Này Bạn, **vị chủ thành trì này ở đâu?**" Người giữ cửa thành ấy nói: "Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường". Hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục đi theo con đường họ đến. Từ phương Tây, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến... từ phương Bắc, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: "Này Bạn, **vị chủ thành trì này ở đâu?**" Người giữ cửa thành ấy nói: "Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường". Rồi hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục theo con đường họ đến.

9) Này Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ để giải thích ý nghĩa, và đây là ý nghĩa:

- Ngôi thành, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **thân** do bốn đại chủng tạo thành này, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, tiêu mòn, tiêu hao, hủy hoại, hủy diệt.
- Sáu cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- Người giữ cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **niệm**.
- Hai vị sứ giả cấp tốc, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **chỉ và quán**.
- Người chủ ngôi thành là đồng nghĩa với **thức**.
- Ở giữa tại ngã tư đường là đồng nghĩa với **bốn đại chủng**: địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới.
- Lời như thật ngữ, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **Niết-bàn**.
- Theo con đường họ đến là đồng nghĩa với con đường **Thánh đạo Tám ngành**. Như chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

181 Căn - 3 căn là nam căn, nữ căn, mạng căn - Kinh Mạng – Tương V, 319

Mạng – *Tương V*, 319

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba?
Nữ căn, nam căn, mạng căn.

3) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

182 Căn - 5 căn khác - Kinh PHÚNG TỤNG

– 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– *Bài kinh số 33* – Trường II, 567

(Trích đoạn)

Năm căn:

Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

Lại năm căn khác:

Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Lại năm căn khác:

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

183 Căn bản - Căn bản của sự tu tập - Kinh ĐẠI-CA-CHIÊN-DIÊN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ – 133 Trung III, 453

KINH ĐẠI-CA-CHIÊN-DIÊN NHỨT DẠ HIỀN
GIẢ

(Kaccana Bhaddekaratta sutta)

– Bài kinh số 133 – Trung III, 453

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại
Tịnh xá Tapoda. Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi,
thức dậy vừa lúc bình minh đi đến Tapoda để tắm
rửa tay chân. Tắm rửa tay chân ở Tapoda xong, sau
khi lên khỏi (nước), vị ấy đứng mặc một y để tay
chân cho khô. Rồi sau khi đêm vừa mãn, **một Thiên
thần**, chói sáng với dung sắc thù thắng cả vùng
Tapoda, đi đến Tôn giả Samiddhi, sau khi đến, liền
đứng một bên. Đứng một bên, Thiên Thần ấy thưa
Tôn giả Samiddhi:

- Này Tỷ-kheo, Ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt
thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không?
- Này Hiền giả, tôi không có thọ trì tổng thuyết và
biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nhưng này Hiền

giả, Hiền giả có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không?

– Nay Tỷ-kheo, tôi cũng không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nhưng nay Tỷ-kheo, Ngài có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả không?

– Nay Hiền giả, tôi không có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nhưng nay Hiền giả, Hiền giả có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả không?

– Nay Tỷ-kheo, tôi không có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nay Tỷ-kheo, hãy học tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nay Tỷ-kheo, hãy học cho thuần thục tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nay Tỷ-kheo hãy thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Vì rằng, nay Tỷ-kheo, tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả là liên hệ đến mục đích và căn bản của Phạm hạnh.

Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi nói vậy, vị ấy biến mất ở đấy. Rồi Tôn giả Samiddhi sau khi đếm ấy đã mãn, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con thức dậy vừa lúc bình minh đi đến Tapoda để tắm rửa tay chân. Tắm rửa tay chân ở Tapoda xong, sau khi lên khỏi (nước), con đứng mặc một y để tay chân cho khô. Rồi bạch

Thế Tôn, sau khi đêm vừa mãn một Thiên thần..
(như trên).. "... và là căn bản Phạm hạnh". Thiên
thần ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, vị ấy
biến mất ở đấy. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế
Tôn thuyết giảng cho tổng thuyết và biệt thuyết về
Nhứt Dạ Hiền Giả!

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta
sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói
như sau:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.*

*Không động, không rung chuyển,
Biết vậy nên tu tập
Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,*

Bậc an tịnh, trầm lặng.

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá, Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền suy nghĩ: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi thuyết giảng phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các đồng Phạm hạnh có trí kính trọng; Tôn giả Mahakaccana có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này".

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến nói lên với Tôn giả Mahakaccana những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thưa Hiền giả Kaccana, Thế Tôn sau khi đọc tụng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ hiện,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tụng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi. Rồi này Hiền giả Kaccana, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana này đã được Thế Tôn tán thán... (như trên).. chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích cho.

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây. Cũng vậy, là việc làm của chư Tôn giả...

Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc Trí giả, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc Tuyên thuyết giả, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thừa Hiền giả Kaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... (như trên)... Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích một cách rộng rãi tông thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahakaccana giải thích cho nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– Vậy chư hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói:

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana.

Tôn giả Mahakaccana nói như sau:

– Nay Hiền giả, phân tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

Về phân tổng thuyết này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi, nay chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

Nay chư Hiền, thế nào là *truy tìm quá khứ*? "**Mắt của tôi trong thời quá khứ là như vậy. Các sắc pháp là như vậy**", và **thức ở đây bị ái và dục trói chặt.**

Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ. "**Tai** của tôi trong quá khứ là như vậy.

Các tiếng là như vậy... (như trên)... **Mũi** của tôi trong quá khứ là như vậy, các hương là như vậy... (như trên)... **Lưỡi** của tôi trong quá khứ là như vậy, các vị là như vậy... (như trên)... **Thân** của tôi trong quá khứ là như vậy, các xúc là như vậy.. (như trên)... **Ý** của tôi trong quá khứ là như vậy. Các pháp là như vậy", và thức ở đây, bị dục và ái trói chặt. Vì rằng thức bị dục và ái trói chặt, vì ấy hân

hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ.

Và này chư Hiền, thế nào là không truy tìm quá khứ? "Mắt của tôi trong thời quá khứ là như vậy. Các sắc pháp là như vậy", và **thức ở đây không bị dục và ái trói chặt**. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. "Tai của tôi trong quá khứ là như vậy, các tiếng là như vậy... (như trên)... Mũi của tôi trong quá khứ là như vậy, các hương là như vậy.. (như trên)... Lưỡi của tôi trong quá khứ là như vậy, các vị là như vậy... (như trên)... Thân của tôi trong quá khứ là như vậy, các xúc là như vậy, ... (như trên) ... Ý của tôi trong quá khứ là như vậy. các pháp là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. Như vậy, này chư Hiền, là không truy tìm quá khứ.

Và này chư Hiền, thế nào là ước vọng tương lai? "Mong rằng mắt của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các sắc pháp là như vậy", và **vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được**. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. "Mong rằng tai của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các

tiếng là như vậy... (như trên)... Mong rằng **mũi** của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các hương là như vậy... (như trên)... Mong rằng **lưỡi** của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các vị là như vậy... (như trên)... Mong rằng **thân** của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các xúc là như vậy... (như trên)... Mong rằng **ý** của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, **các pháp** là như vậy", và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. Như vậy, này chư Hiền là ước vọng tương lai.

Và này chư Hiền, thế nào là **không ước vọng tương lai**? "**Mong rằng mắt của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các sắc pháp là như vậy". **Vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai.****

"Mong rằng tai của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các tiếng là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng mũi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các hương là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng lưỡi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các vị là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng thân của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các xúc là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng ý của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các pháp là như vậy". Vị ấy không hướng

tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. Như vậy, này chư Hiền, là không ước vọng tương lai.

*Và này chư Hiền, thế nào là **bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại**?* Này chư Hiền, nếu mắt và các sắc pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và **thức** của vị ấy **bị dục** và **ái** trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy bị **lôi cuốn trong các pháp hiện tại**. Này chư Hiền, nếu tai và các tiếng... (như trên)... nếu mũi và các hương ... (như trên)...; nếu lưỡi và các vị... (như trên)...; nếu thân và các xúc... (như trên)... Này chư Hiền nếu ý và các pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Như vậy, này chư Hiền, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

*Và này chư Hiền, thế nào là **không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại**?* Này chư Hiền, nếu mắt và các sắc pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy **không** bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy không bị dục

và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Nay chư Hiền, nếu tai và các tiếng.. (như trên).. Nay chư Hiền, nếu mũi và các hương.. (như trên)... Nay chư Hiền, nếu lưỡi và các vị ... (như trên)... Nay chư Hiền, nếu thân và các xúc ... (như trên)... Nay chư Hiền, nếu ý và các pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Như vậy, nay chư Hiền là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Nay chư Hiền, phân tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Phân tổng thuyết này, nay chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; nay chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu chư Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế

Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahakaccana giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tinh xá:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tinh xá:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca chiên diên) này... (như trên)... chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này. "Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những (chữ) ấy đã được Tôn giả Mahakaccana giải thích cho chúng con với những phương pháp này, các những câu này, với những chữ này.

– Nay các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Hiền trí. Nay các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Đại trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy, như Mahakaccana đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

184 Căn bản - Căn bản của tất cả pháp - 8 pháp - Kinh CỘI RỄ CỦA SỰ VẬT – Tăng IV, 47

CỘI RỄ CỦA SỰ VẬT – Tăng IV, 47

1. - Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi: "Thưa Hiền giả:

1. Tất cả pháp lấy gì làm căn bản?
2. Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi?
3. Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi?
4. Tất cả pháp lấy gì làm chỗ tụ hội?
5. Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ?
6. Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng?
7. Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng?
8. Tất cả này pháp lấy gì làm lõi cây?"

Được hỏi vậy, nay các Tỷ-kheo, các Thầy trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào?

2. - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết ý nghĩa lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3. - Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo có hỏi như sau: "Thưa Hiền giả, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ tụ hội? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả này pháp lấy gì làm lõi cây?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy trả lời như sau: "Này chư Hiền:

1. Tất cả pháp lấy **dục** làm căn bản.
2. Tất cả pháp lấy **tác ý** làm sanh khởi.
3. Tất cả pháp lấy **xúc** làm tập khởi.
4. Tất cả pháp lấy **thọ** làm chỗ tụ hội.
5. Tất cả pháp lấy **định** làm thượng thủ.
6. Tất cả pháp lấy **niệm** làm tăng thượng.
7. Tất cả pháp lấy **tuệ** làm tối thượng.
8. Tất cả pháp lấy **giải thoát** làm lõi cây".

Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

185 Căn bản - Căn bản tu tập - Kinh MAHÀNÀMA 1 – Tăng IV, 665

MAHÀNÀMA 1 – Tăng IV, 665

*(Cư sĩ nên an trú với an trú nào; Cư sĩ Mahànàma;
Cư sĩ – 6 tùy niệm, nguyên nhân - lợi ích)*

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi". Họ Thích Mahànàma được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi". Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

- Con nghe như sau, bạch Thế Tôn: Có nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi". Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào?

2. Lành thay, lành thay, này Mahànàma! Như vậy thật xứng đáng cho thiện nam tử các người, sau khi

đến Thế Tôn đã hỏi, đã thưa như vậy: "Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào? " Này Mahànàma:

- "Hãy nhập cuộc với lòng **tin**, không phải với không lòng tin.
- Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh **tần**, không với biếng nhác.
- Hãy nhập cuộc với trú **niệm**, không với thất niệm.
- Hãy nhập cuộc với **định**, không với không định.
- Hãy nhập cuộc với trí **tuệ**, không với liệt tuệ".

Sau khi an trú trong năm pháp này, này Mahànàma, hãy tu tập thêm **sáu** pháp nữa.

6. Ở đây, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Như Lai**: "*Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".

- Này Mahànàma, **trong khi Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không**

bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Như Lai.

- Vị Thánh đệ tử, này Mahànàma với tâm chánh trực, có được **nghĩa tín thọ**, có được **pháp tín thọ**, có được hân hoan liên hệ đến pháp.
- Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

→ Này Mahànàma, như vậy gọi là **bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Phật tùy niệm.**

4. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Pháp:**
"Khéo thuyết là pháp Thế Tôn thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu". Này Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực, nhờ duyên Pháp. Vị Thánh đệ tử, này Mahànàma, với tâm chánh trực có được nghĩa tín thọ có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp; khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an,

cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh. Nay Mahànàma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Pháp tùy niệm.

5. Lại nữa, nay Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Tăng:** *"Thiện hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tịnh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay là ruộng phước vô thượng ở đời".* Nay Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Tăng. Vị Thánh đệ tử, nay Mahànàma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Nay Mahànàma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Tăng tùy niệm.

6. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Giới của mình**: *"Không có bề vụn, không có cắt xén, không có vết nhơ, không có chấm đen, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp trước, đi đến Thiên định"*. Này Mahànàma, khi nào bậc Thánh đệ tử tùy niệm Giới... trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Giới... nhập được pháp lưu, tu tập Giới tùy niệm.

7. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Thí của mình**: *"Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! (Vì rằng) với quần chúng bị cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình, với tâm không bị cấu uế của xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng, để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí"*. Này Mahànàma, khi nào bậc Thánh đệ tử tùy niệm Thí... Trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Thí... nhập được pháp lưu tu tập tùy niệm Thí.

8. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Thiên**: *Có bốn Thiên vương thiên, có chư Thiên cõi Trời Ba-mươi-ba, có chư Thiên Yàma, có chư Thiên Tusita (Đâu-suất), có chư Thiên Hóa lạc, có chư Thiên Tha hóa Tự tại, có chư Thiên Phạm chúng, có chư Thiên cao hơn nữa.*

- Đầy đủ với lòng **tin** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.
- Đầy đủ với **giới** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.
- Đầy đủ với **nghe pháp** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe Pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.
- Đầy đủ với **thí** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.
- Đầy đủ với **tuệ** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta".
- Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư Thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư Thiên... nhập được pháp lưu, tu tập chư Thiên tùy niệm.

MAHÀNÀMA 2 – Tăng IV,670

(Cư sĩ nên an trú với an trú nào; Cư sĩ Mahànàma; Cư sĩ – 6 tùy niệm, nguyên nhân - lợi ích; Tu tập tùy niệm này trong mọi oai nghi)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, họ Thích Mahànàma mới khỏi bệnh, khỏi bệnh không bao lâu. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, Thế Tôn sẽ ra đi, bộ hành..." (Tới đây, kinh này giống như kinh số 12 trước, từ số 1 đến số 2, số 3 cho đến câu...) "Khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Tùy niệm Phất này, này Mahànàma, Ông cần phải tu tập khi đi, Ông cần phải tu tập khi đứng, Ông cần phải tu tập khi ngồi, Ông cần phải tu tập khi nằm, Ông cần phải tu tập khi chú tâm vào các công việc, Ông cần phải tu tập, khi Ông sống tại trú xứ đầy những con nít".

4. Lại nữa, này Mahànàma, Ông cần phải tu tập tùy niệm Pháp... tùy niệm Tăng... tùy niệm Giới của mình... tùy niệm Thí của mình... tùy niệm chư Thiên. Có bốn Thiên vương Thiên, có chư Thiên cõi trời Ba mươi ba; có chư Thiên Dạ ma, có chư Thiên Đâu suất đà, có chư thiên Hóa Lạc, có chư Thiên Tha hóa Tự tại, có chư Thiên Phạm chúng, có chư Thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy chư Thiên ấy, sau

khi thân hoại mạng chung được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy, cũng có đầy đủ nơi Ta. Đầy đủ với nghe Pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia, nghe Pháp như vậy cũng có đầy đủ ở nơi Ta. Đầy đủ với trí như vậy... đầy đủ với trí tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh tại chỗ kia. Trí tuệ như vậy cũng có đầy đủ ở nơi Ta. Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp thí, tuệ của tự mình và chư Thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị ám ảnh; trong khi ấy, tâm không bị sân ám ảnh; trong khi ấy, tâm không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư Thiên. Nay Mahànàma, vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tùy niệm chư Thiên này, này Mahànàma, Ông cần phải tu tập khi đi, Ông cần phải tu tập khi đứng, Ông cần phải tu tập khi ngồi, Ông cần phải tu tập khi nằm, Ông cần phải tu tập khi người chú tâm vào các công việc, Ông cần phải tu tập, khi Ông sống tại trú xứ đầy những con nít.

NANDIYÀ – *Tăng IV,672*

(Cư sĩ tu tập tùy niệm; nhờ vào tùy niệm để làm gì)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, Thế Tôn muốn an cư vào mùa mưa tại Sàvatthi. Họ Thích Nandiya được nghe: "Thế Tôn muốn an cư vào mùa mưa tại Sàvatthi". Họ Thích Nandiya suy nghĩ như sau: "Ta hãy đến trú ở Sàvatthi vào mùa mưa. Tại đây, ta sẽ chăm lo công việc, và thỉnh thoảng có dịp được yết kiến Thế Tôn". Rồi Thế Tôn đến trú ở Sàvatthi trong mùa mưa và họ Thích Nandiya cùng đến trú ở Sàvatthi vào mùa mưa, và tại đây chăm lo công việc, và thỉnh thoảng có dịp được yết kiến Thế Tôn.

2. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra đi". Họ Thích Nandiya được nghe: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra đi". Họ Thích Nandiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ Thích Nandiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con có nghe, nhiều Tỷ-kheo làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra đi". *Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú của ai?*

3. Lành thay, lành thay, này Nandiya. Như vậy thật xứng đáng cho thiện nam tử các Ông, sau khi đi đến Thế Tôn đã hỏi như vậy: "Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với các an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú của ai? ".

Này Nandiya,

- Hãy nhập cuộc với lòng **tin**, không với không có lòng tin.
- Hãy nhập cuộc với có **giới**, không phải với không giới.
- Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh **tấn**, không với biếng nhác.
- Hãy nhập cuộc với trú **niệm**, không với thất niệm.
- Hãy nhập cuộc với **định**, không với không định.
- Hãy nhập cuộc với trí **tuệ**, không với liệt tuệ.

Sau khi an trú trong sáu pháp, này Nandiya, hãy tu tập thêm nữa năm pháp này.

4. Ở đây, này Nandiya, Ông hãy tùy **niệm Như Lai**:
"Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,

Phật, Thế Tôn". Như vậy, này Nandiya, duyên vào Như Lai, ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

5. Lại nữa, này Nandiya, Ông phải tùy **niệm Pháp**: *"Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".* Như vậy, này Nandiya, duyên vào Pháp, Ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

6. Lại nữa, này Nandiya, cần phải tùy **niệm bạn lành**: *"Thật có lợi cho ta! Thật khéo có lợi cho ta, rằng ta có các bạn lành biết thương mến ta, muốn ta được lợi ích, giáo giới giảng dạy".* Như vậy, này Nandiya, duyên vào bạn lành, Ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

7. Lại nữa, này Nandiya, cần phải tùy **niệm thí của mình**: *"Thật có lợi cho ta! Thật khéo có lợi cho ta, rằng ta sống an trú với tâm ly cấu uế, xan tham, cùng với quần chúng bị xan tham ám ảnh, bố thí rộng rãi, với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí".* Này Nandiya, như vậy duyên vào thí, Ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

8. Lại nữa, này Nandiya, hãy tùy **niệm chư Thiên**: *"Các chư Thiên ấy, vượt qua sự cộng trú với chư*

Thiên dùng các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý tác thành, các chư Thiên ấy quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm". Ví như, này Nandiya, Tỷ-kheo được phi thời giải thoát quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm. Cũng vậy, này Nandiya, các chư Thiên ấy vượt qua sự cộng trú với chư Thiên dùng các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý tác thành, các chư Thiên ấy quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm. Như vậy, này Nandiya, duyên mạnh vào chư Thiên, Ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

Thành tựu với mười một pháp này, này Nandiya, vị Thánh đệ tử từ bỏ các ác bất thiện pháp, không chấp thủ chúng.

- Ví như, này Nandiya, một cái ghè bị chúc ngược, nước đã đổ ra, không thể đem hốt lại.
- Ví như ngọn lửa đốt một khóm rừng đầy cỏ khô đã được cháy lan tới, không có trở lui đốt lại vật đã bị cháy.
- Cũng vậy, này Nandiya, thành tựu với mười một pháp này, vị Thánh đệ tử từ bỏ các ác bất thiện pháp không có chấp thủ chúng.

186 Căn bản - Căn bản tu tập - Kinh PHÂN BIỆT SÁU XỨ – 137 Trung III, 499

KINH PHÂN BIỆT SÁU XỨ
(*Salayatanaṭṭhāna sutta*)
– Bài kinh số 137 – Trung III, 499

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông **phân biệt sáu xứ**. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có **sáu nội xứ cần phải biết**. Có **sáu ngoại xứ cần phải biết**. Có **sáu thức thân cần phải biết**. Có **sáu xúc thân cần phải biết**. Có **mười tám ý hành cần phải biết**. Có **ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết**. Tại đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này. Có **ba niệm xứ** mà một bậc Thánh phải thực hành, và

có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng. Trong các bậc Huân luyện sư, vị ấy được gọi là bậc **Vô thượng Điều ngự sư**, điều phục các hạng người đáng được điều phục. Đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ.

Khi được nói đến "**Sáu nội xứ** cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? **Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ**. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Sáu ngoại xứ** cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? **Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ**. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Sáu thức thân** cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy? **Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức**. Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Sáu xúc thân** cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy? **Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc**. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Mười tám ý hành** cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy?

Sau khi mắt thấy sắc, (ý) chạy theo sắc trú xứ của
hỷ, chạy theo sắc trú xứ của ưu, chạy theo sắc trú
xứ của xả;

Sau khi tai nghe tiếng.. (như trên)...;
sau khi mũi ngửi hương... (như trên)...

Sau khi lưỡi nếm vị... (như trên)...

Sau khi thân cảm xúc.. (như trên)...

Sau khi ý nhận thức pháp, ý chạy theo pháp khởi
lên hỷ, chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp
khởi lên xả.

Như vậy, có **sáu hỷ hành, có sáu ưu hành, có sáu
xả hành**. Khi được nói đến "Mười tám ý hành cần
phải biết", chính do duyên này, được nói đến như
vậy.

*Khi được nói đến "**Ba mươi sáu loại hữu tình cần
phải biết**", do duyên gì, được nói đến như vậy?*

Sáu hỷ liên hệ tại gia,
Sáu hỷ liên hệ xuất ly,
Sáu ưu liên hệ tại gia,
Sáu ưu liên hệ xuất ly,
Sáu xả liên hệ tại gia,
Sáu xả liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ tại gia? Có hỷ
khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được
các sắc do con mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả
lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được
những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã

biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ tại gia. Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức ... (như trên) ... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức.. (như trên)... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến thể vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến tại gia. Sáu hỷ này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ đến xuất ly? Sau khi biết các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên.** Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)...; các hương... (như trên)... các vị.. (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sáu hỷ này liên hệ đến xuất ly.

*Ở đây, thế nào là sáu **ưu liên hệ tại gia**? Có ưu khởi lên; hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ tại gia. Có ưu khởi lên, hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức.. (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức ... (như trên) ... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ đến tại gia. Sáu ưu này liên hệ đến tại gia.*

*Ở đây, thế nào là sáu **ưu liên hệ đến xuất ly**? Sau khi biết được các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng*

giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.... (như trên)... các hương.. (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi sự thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sáu ưu này liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ tại gia? Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu thấy sắc với con mắt, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không chinh phục được quả dị thực, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi sắc pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu nghe tiếng với tai... (như trên)...; ngửi hương với mũi.. (như trên)...; nếm vị với lưỡi.. (như trên)...; cảm xúc với thân... (như trên)...; nhận thức pháp với ý, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không

chinh phục được quả dị thực, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi các pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Sáu xả này liên hệ tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ xuất ly? Sau khi biết sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên.** Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.. (như trên)...; các hương... (như trên).. các vị... (như trên).. các xúc.. (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến, hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sáu xả này liên hệ xuất ly.

Khi được nói đến "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "***Ở đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này***", do duyên gì, được nói đến như vậy? Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ tại

gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu ưu liên hệ xuất ly; đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu xả liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu **hỷ liên hệ xuất ly**, đoạn tận, vượt qua sáu **ưu liên hệ xuất ly**. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên **xả liên hệ xuất ly**, đoạn tận, vượt qua sáu **hỷ liên hệ xuất ly**. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Này các Tỷ-kheo, có xả đa diện, y cứ đa diện; có xả nhứt diện, y cứ nhứt diện.

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là **xả đa diện, y cứ đa diện**?* Này các Tỷ-kheo, có xả đối với các sắc pháp, có xả đối với các tiếng, có xả đối với các hương, có xả đối với các vị có xả đối với các xúc. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả đa diện, y cứ đa diện.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **xả nhứt diện, y cứ nhứt diện**?* Có xả y cứ Hư không vô biên xứ, có xả

y cú Thức vô biên xứ, có xả y cú Vô sở hữu xứ, có xả y cú Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả nhứt diện, y cú nhứt diện.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do y cú, do duyên xả nhứt diện, xả y cú nhứt diện, đoạn tận vượt qua xả đa diện, xả y cú đa diện. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này.

Này các Tỷ-kheo, do y cú không tham dục, do duyên không tham dục, đoạn tận, vượt qua xả nhứt diện, xả y cú nhứt diện ấy. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này. Khi được nói đến "Tại đây do y cú cái này, đoạn tận cái này", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến: "**Có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng**", do duyên gì, được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Một số đệ tử của bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lắng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, nhưng sống không có dao động, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-

kheo, đây là niệm xứ thứ nhất, một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Một số đệ tử bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lắng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Có một số đệ tử khéo nghe, lắng tai, an trú tâm vào chánh trí, và không hành động ngược lại lời dạy của

bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, không có không hoan hỷ, không có cảm giác không hoan hỷ; sau khi đoạn bỏ cả hai, hoan hỷ và không hoan hỷ, Như Lai trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này

các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ hai, một bậc Thánh phải thực hành... (như trên).. diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có bậc Đạo Sư thuyết pháp cho các đệ tử ... (như trên) ... "... đây là an lạc cho các Ông". Đệ tử của bậc Đạo Sư ấy khéo nghe, lắng tai, an trú tâm vào chánh trí và không đi ngược lời dạy của bậc Đạo Sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như lai hoan hỷ, và cảm giác hoan hỷ, sống không dao động, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo,

đây là niệm xứ thứ ba, một bậc Thánh phải thực hành ... (như trên) ... diễn giảng cho đồ chúng. Khi được nói đến "Có ba niệm xứ, một bậc Thánh phải thực hành, và có (thực hành) niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng đáng là bậc Đạo sư diễn giảng cho đồ chúng", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Trong các vị Huân luyện sư, vị ấy được gọi là vị Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng được điều phục**", do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, một con voi được điều phục do một vị điều ngự tượng sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... phương Đông, phương Tây, phương Bắc hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con ngựa được điều phục do một vị điều ngự mã sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con bò được điều phục do một vị điều ngự sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương ... hay phương Nam.

Này các Tỷ-kheo, **một người được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp cả tám phương:**

Có sắc, thấy các sắc pháp; đó là phương thứ nhất. Không có tướng nội sắc, thấy các ngoại sắc; đó là phương thứ hai.

Nghĩ đến thanh tịnh, chú tâm trên ấy; đó là phương thứ ba.

Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tướng, diệt trừ đối ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng; và nghĩ rằng "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ; đó là phương thứ tư.

Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ; đó là phương thứ năm.

Vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có gì cả", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu.

Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô sở hữu xứ; chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ; đó là phương thứ bảy.

Vượt qua một cách hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tướng (định); đó là phương thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, **một người đáng được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp tám phương này.** Khi được nói đến "Trong các vị Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng điều phục", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

187 Căn bản - Căn bản địa của bậc Hiền trí - Kinh AJITA – Tăng IV, 553

AJITA – Tăng IV, 553

1. Bấy giờ có du sĩ Ajita đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Ajita nói với Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, chúng tôi có người đồng Phạm hạnh là vị Hiền trí, vị này có nghĩ đến năm trăm tâm xứ. Với những tâm xứ ấy, các người ngoại đạo khi bị cật nạn, biết rằng: "Chúng tôi đang bị cật nạn".

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, các Thầy có thọ trì **những căn bản địa của bậc Hiền trí** không?

- Bạch Thế Tôn, nay đến thời, bạch Thiện Thệ, nay đến thời Thế Tôn thuyết. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp và lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời đúng pháp bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la

cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

6. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết;
- Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết;
- Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

7. **Tà kiến**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp, chánh kiến là pháp, do duyên tà kiến, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh kiến, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy là phi pháp, chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp, chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp, chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp, chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp, chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm, là phi pháp, chánh niệm là pháp...

Tà định, là phi pháp, chánh định là pháp...

Tà trí, là phi pháp, chánh trí là pháp...

Tà giải thoát, là phi pháp, chánh giải thoát là pháp. Do duyên tà giải thoát, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích. Do duyên chánh giải thoát, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

188 Căn bản - Căn được thành tựu là gì - Kinh Căn – Tương IV, 233

Căn – Tương IV, 233

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Các căn được thành tựu", như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, các căn được thành tựu?*

4) -- Nếu Tỷ-kheo **quán sanh diệt** trong nhãn căn, vị ấy **nhàm chán** đối với nhãn căn... trong nhĩ căn... trong tỷ căn... trong thiệt căn... trong thân căn... Nếu Tỷ-kheo quán sanh diệt trong ý căn, vị ấy **nhàm chán** đối với ý căn. Do nhàm chán, vị ấy **ly tham**. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

5) Cho đến như vậy, Tỷ-kheo thành tựu các căn.

189 Căn bản - Kinh PHÁP MÔN CĂN BẢN

– 1 Trung I, 9

KINH PHÁP MÔN CĂN BẢN (**Mulapariyaya sutta**)

– Bài kinh số 1 – *Trung I, 9*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại (tự lạc) Ukkattha, trong rừng Subhaga (rừng Hạnh phúc), dưới gốc cây Sa la vương. Tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– "Này các Tỷ-kheo. Ta sẽ giảng cho các Người **"Pháp môn căn bản tất cả pháp"**. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

➤ Này các Tỷ-kheo, ở đây, có **kẻ phàm phu ít nghe**,

không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhân, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân, **tưởng tri địa đại là địa đại**. Vì tưởng tri địa đại là địa đại, người ấy nghĩ đến địa đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, người ấy nghĩ: "Địa đại là của ta" - **dục hỷ địa đại**. *Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri địa đại.*

- Người ấy **tưởng tri thủy đại là thủy đại**. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại, người ấy nghĩ đến thủy đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với thủy đại, nghĩ đến (tự ngã) như là thủy đại, người ấy nghĩ: "Thủy đại là của ta" - dục hỷ thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại.
- Người ấy **tưởng tri hỏa đại là hỏa đại**. Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với hỏa đại, nghĩ đến (tự ngã) như là hỏa đại, người ấy nghĩ: "Hỏa đại là của ta" - dục hỷ hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại.
- Người ấy **tưởng tri phong đại là phong đại**. Vì tưởng tri phong đại là phong đại, người ấy nghĩ

đến (tự ngã) đối chiếu với phong đại, nghĩ đến (tự ngã) như là phong đại, người ấy nghĩ: "Phong đại là của ta"- dục hỷ phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.

- Người ấy tưởng tri Sanh vật là Sanh vật...
- Người ấy tưởng tri chư Thiên là chư Thiên...
- Người ấy tưởng tri Sanh chủ là Sanh chủ...
- Người ấy tưởng tri Phạm Thiên là Phạm Thiên...
- Người ấy tưởng tri Quang âm thiên là Quang âm thiên...
- Người ấy tưởng tri Biên tịnh thiên là Biên tịnh thiên...
- Người ấy tưởng tri Quảng quả thiên là Quảng quả thiên...
- Người ấy tưởng tri Abhibhù (Thắng Giả) là Abhibhù...
- Người ấy tưởng tri Không vô biên xứ là Không vô biên xứ...
- Người ấy tưởng tri Thức vô biên xứ là Thức vô

biên xứ...

- Người ấy tưởng tri Vô sở hữu xứ là Vô sở hữu xứ...
- Người ấy tưởng tri Phi tướng phi phi tướng xứ là Phi tướng phi phi tướng xứ...
- Người ấy tưởng tri sở kiến là sở kiến...
- Người ấy tưởng tri sở văn là sở văn...
- Người ấy tưởng tri sở tư niệm là sở tư niệm...
- Người ấy tưởng tri sở tri là sở tri...
- Người ấy tưởng tri đồng nhất là đồng nhất...
- Người ấy tưởng tri sai biệt là sai biệt...
- Người ấy tưởng tri tất cả là tất cả...
- Người ấy tưởng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì tưởng tri Niết-bàn là Niết-bàn, người ấy nghĩ đến Niết-bàn, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn. Nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, người ấy nghĩ: "Niết-bàn là của ta" - **dục hỷ Niết-bàn, Vì sao vậy? Ta nói: Người ấy không liễu tri Niết-bàn.**

➤ Nay các Tỷ-kheo, có **Tỷ-kheo hữu học** tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn, khỏi khổ ách. Vị ấy **thắng tri địa đại là địa đại**. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy đã không nghĩ đến địa đại, đã không nghĩ (tự ngã) đối chiếu với địa đại, đã không nghĩ (tự ngã) như là địa đại, đã không nghĩ: "Địa đại là của ta", - **không dục hỷ địa đại**. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy có thể liễu tri địa đại. ... Thủy đại... hỏa đại... phong đại... Sanh vật... chư Thiên Sanh chủ... Phạm thiên... Quang âm thiên... Biến tịnh thiên... Quảng quả thiên... Abhibhù (Thắng Giả)... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ... sở kiến... sở văn... sở tư niệm... sở tri... đồng nhất... sai biệt... tất cả...

– Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn; vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy đã không nghĩ đến Niết-bàn, đã không nghĩ (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, đã không nghĩ (tự ngã) như là Niết-bàn, đã không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy có thể liễu tri Niết-bàn.

▪ Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống,

đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy **thắng tri địa đại là địa đại**. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại**. **Vì sao vậy? Ta nói vị ấy đã liễu tri địa đại...** thủy đại... hỏa đại... phong đại... sanh vật... chư Thiên... Sanh chủ... Phạm thiên... Quang âm thiên... Biến tịnh thiên... Quảng quả thiên... Abhibhù (Thắng Giả)... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ... sở kiến... sở văn... sở tư niệm... sở tri... đồng nhất... sai biệt... tất cả...

– Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy đã liễu tri Niết-bàn".

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh

trí giải thoát. Vì ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vì ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại.** Vì sao vậy? Vì vì ấy không có tham dục, nhờ tham dục đã được đoạn trừ... thủy đại... hỏa đại... Vì ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vì ấy không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vì ấy không có tham dục, nhờ tham dục đã được đoạn trừ.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bạc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vì ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vì ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại.** Vì sao vậy? Vì vì ấy không có sân hận, nhờ sân hận đã được đoạn trừ... thủy đại... hỏa đại... Vì ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-

bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có sân hận, nhờ sân hận đã được đoạn trừ.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại**. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có si mê, nhờ si mê đã được đoạn trừ.

- ◎ Này các Tỷ-kheo, **Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thắng tri địa đại là địa đại**. Vì thắng tri địa đại là địa đại, Ngài không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại**. **Vì sao vậy? Ta nói vì Như Lai đã liễu tri địa đại.**

– ... thủy đại... hỏa đại...

- ...Nhu Lai thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, Nhu Lai không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vì Nhu Lai đã liễu tri Niết-bàn.

◎ Nay các Tỷ-kheo, **Nhu Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thắng tri địa đại là địa đại.** Vì thắng tri địa đại là địa đại, Nhu Lai không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – không dục hỷ địa đại. **Vì sao vậy? Vì Nhu Lai biết rằng: "Dục hỷ là căn bản của đau khổ, từ hữu, sanh khởi lên, và già và chết đến với loài sinh vật"**. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói Nhu Lai, với sự diệt trừ hoàn toàn các ái, sự ly tham, sự đoạn diệt, sự xả ly, sự từ bỏ hoàn toàn các ái, đã chơn chánh giác ngộ vô thương chánh đẳng chánh giác"

– ... thủy đại... hỏa đại...

- ... Như Lai thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, Như Lai không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của Ta" – không dục hỷ Niết-bàn. ***Vì sao vậy? Vì Như Lai biết rằng: "Dục hỷ là căn bản của đau khổ, từ hữu, sanh khởi lên, và già chết đến với loài sinh vật"***. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Như Lai, với sự diệt trừ hoàn toàn các ái, sự ly tham, sự đoạn diệt, sự xả ly, sự trừ bỏ hoàn toàn các ái, đã chơn chánh giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Như vậy, Thế Tôn thuyết giảng. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

190 Căn cơ - 4 hạng người có căn cơ - Kinh GÂY THỨC NGỰA – Tăng II, 31

GÂY THỨC NGỰA – Tăng II, 31

1. - Có bốn loài ngựa hiền thiện thuần thực này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thức ngựa liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loại ngựa hiền thiện thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa hiền thiện thuần thực thứ nhất, có mặt, hiện hữu ở đời.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thức ngựa, không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị gây thức ngựa đâm vào lông, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực thứ hai, có mặt, hiện hữu ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Khi bị gây thúc ngựa đâm vào lông, nó không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gây thúc ngựa đâm vào thịt, liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực thứ ba, có mặt, hiện hữu ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào lông, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào thịt, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào xương, bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực thứ tư, có mặt, hiện hữu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loài ngựa hiền thiện, thuần thực, có mặt, hiện hữu ở đời.

5. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người hiền thiện, thuần thực này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thực nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mạng chung; người ấy do vậy bị dao động, kích thích.

- Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần.
- Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được tối thắng sự thật; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.
- *Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện, thuần thực ấy, thấy bóng cây gây thúc ngựa, bị dao động kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ nhất có mặt, hiện hữu ở đời.*

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện thuần thực, không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị đau khổ hay bị mệnh chung, nhưng khi tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay

mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ hai có mặt, hiện hữu ở đời.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện, thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung. Nhưng, khi có một người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào thịt, bị

dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ ba có mặt, hiện hữu ở đời.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay bị mệnh chung, không có người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung. Nhưng khi tự mình cảm xúc những cảm thọ về thân khổ đau, nhói đau, chói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không phải khả hỷ, không khả ý, doat mang sống, vì ấy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vì ấy như lý tình cần. Do tình cần, với thân, vì ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vì ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thực ấy, khi bị dây gậy thúc ngựa đâm vào xương mới bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là

hạng người hiền thiện thuần thực thứ tư có mặt, hiện hữu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người hiền thiện thuần thực này có mặt, hiện hữu ở đời.

191 Căn cơ - Căn trí của con người - Kinh LỜI CẢM HỨNG – Tăng III, 197

LỜI CẢM HỨNG – Tăng III, 197

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Dandakappaka.

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, ngồi xuống chỗ đã được sửa soạn dưới một gốc cây; còn các Tỷ-kheo ấy đi vào Dandakappaka để tìm chỗ ở.

Bấy giờ Tôn giả Ananda cùng với một số đông Tỷ-kheo, đi đến sông Aciravatì để rửa tay chân, sau khi rửa tay chân ở sông Aciravatì xong, ra khỏi sông, đứng trên bờ đắp một y để phơi tay chân cho khô.

2. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda, sau khi đến, thưa với Tôn giả Ananda:

- Có phải Thế Tôn tập trung tất cả tâm, thưa Tôn giả Ananda, để tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu hộ được" hay có phải nhờ một Thiên nhân?

- Thật đúng như Thế Tôn đã tuyên bố.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, với một số đông Tỷ-kheo, con đi đến sông Aciravatì để rửa tay chân, sau khi rửa tay chân ở sông Aciravatì xong, ra khỏi sông, đứng trên bờ đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô. Rồi bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo đi đến con, sau khi đến thưa với con: "Có phải Thế Tôn tập trung tất cả tâm, thưa Tôn giả Ānanda, để tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu hộ được" hay có phải nhờ một Thiên nhân? "

Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời Tỷ-kheo ấy: "Thưa Hiền giả, thật đúng như Thế Tôn đã tuyên bố".

-Này Ānanda, hoặc Tỷ-kheo ấy là vị tân nhập, xuất gia chưa được bao lâu, hay vị ấy là Tỷ-kheo trưởng lão ngu si, không thông minh. Làm sao khi ta đã tuyên bố một chiều, ở đây lại có thể có trường hợp thứ hai được? Ta không thấy về một người nào khác, này Ānanda, sau khi tập trung tất cả tâm, Ta đã tuyên bố như vậy, trừ với Devadatta!

Cho đến khi nào, này Ānanda, Ta thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, thời Ta đã không tuyên bố về Devadatta như sau:

"Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu hộ được".

Cho đến khi nào, này Ànanda, Ta không thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, cho nên Ta đã tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu hộ được".

Ví như, này Ànanda, một hồ phân cao hơn đầu người, đầy cả phân, và một người rơi vào hồ phân cho đến cả đầu. Rồi một người khác đi đến, muốn lợi ích, muốn hạnh phúc, muốn người ấy an ổn khỏi các khổ ách, muốn kéo người ấy ra khỏi hồ phân ấy. Người này đi vòng quanh hồ phân và không thấy cho đến một điểm nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở người ấy mà không bị dính phân, để có thể nắm lấy chỗ ấy và kéo lên.

Cũng vậy, này Ànanda, cho đến khi nào, Ta thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, thời Ta đã không tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu hộ được".

Nếu thầy muốn nghe, này Ànanda, Như Lai sẽ phân tích về căn trí của con người.

- Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thiện Thế, để Thế Tôn phân tích các căn trí của

con người, sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

Vậy này Ànanda, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3. - *Ở đây, này Ànanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện hữu, nhưng còn có cội gốc thiện chưa bị cắt đứt. Và pháp thiện sẽ khởi lên từ cội gốc thiện ấy". Như vậy người này sẽ không bị thoái đọa trong tương lai.*

Ví như, này Ànanda, các hạt giống chưa bị bể vụn, chưa bị hư thối, chưa bị gió và sức nóng phá hoại, còn giữ được sức sống bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất khéo sửa soạn. Này Ànanda, Thầy có thể biết những hạt giống này sẽ được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này Ānanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện hữu. Nhưng còn có cội gốc của thiện chưa bị cắt đứt. Và thiện pháp sẽ khởi lên từ cội gốc thiện ấy". Như vậy người này sẽ không bị thối đọa trong tương lai.

→ *Như vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài Người.*

→ *Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được các căn trí của người.*

→ *Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.*

4. Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện đang hiện hữu, nhưng còn có cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt và các pháp bất thiện sẽ khởi lên từ cội gốc bất thiện ấy". Như vậy người này sẽ bị thối đọa trong tương lai.

Ví như, này Ānanda, các hạt giống chưa bị bể vụn, chưa bị hư thối, chưa bị gió và sức nóng phá hoại,

còn giữ được sức sống, được bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất đầy sỏi đá. Nay Ànanda, Thầy có thể rõ biết những hạt giống này sẽ không có thể được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này Ànanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện đang hiện hữu, nhưng cội gốc của pháp bất thiện chưa được cắt đứt và các pháp bất thiện sẽ khởi lên từ cội gốc bất thiện ấy. Như vậy người này sẽ bị thoái đọa trong tương lai".

Như vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình, đã biết được tâm của loài Người. Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình biết được các căn trí của người. Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

5. Ở đây, này Ànanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người

ấy: "Người này không có pháp trắng cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp bất thiện, chỉ một mặt màu đen, sau khi thân hoại mạng chung sẽ bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Ví như, này Ànanda, các hột giống bị bể vụn, bị hư thối, bị gió và sức nóng phá hoại, được bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất khéo sửa soạn. Này Ananda, Thầy có thể rõ biết những hột giống này không thể được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này Ànanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Người này không có pháp trắng cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp bất thiện, chỉ một mặt màu đen, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài Người. Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của người. Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai

với tâm của mình, biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có thể tuyên bố ba hạng người khác đồng loại với ba người này hay không?

- Có thể được, này Ānanda.

Thế Tôn nói như sau:

6. - Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: *"Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện khởi; và cội gốc thiện chưa bị cắt đứt và nhưng đi đến hoàn toàn bị nhỏ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ đi đến thối đạo trong tương lai".*

- Ví như, này Ānanda, các cục than cháy đỏ, rực cháy, cháy lửa ngọn, được quăng trên đất sỏi. Này Ānanda, Thầy có biết không, đồng than này không có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Ví như, này Ānanda, vào buổi chiều, mặt trời đang lặn, Thầy có thể biết được chăng, này Ānanda, biết rằng: *"Ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện"*?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.
- *Ví như, này Ananda, khi đêm đã qua một phần, trong thời gian ăn cơm, Thầy có biết chăng, này Ananda, biết rằng: "Ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện"?*
- Thừa có, bạch Thế Tôn.
- Cũng vậy, này Ananda, ở đây với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy, biết rằng: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đã hiện khởi. Và cội gốc thiện chưa bị cắt đứt, đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ đi đến thối đạo trong tương lai".

Cũng vậy, này Ananda, Như Lai biết được tâm của loài Người, với tâm của mình. Cũng vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của người. Cũng vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của mình, biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

7. Ở đây, này Ananda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp bất

thiện đã biến mất, các pháp thiện hiện khởi; cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt, nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ không phải bị thối đạo trong tương lai".

- Ví như, này Ànanda, đồng than cháy đỏ, rực cháy, cháy lửa ngọn, quăng trên một đồng cỏ khô, hay trên đồng củi khô. Này Ànanda, Thầy có biết chăng, đồng than này sẽ được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh?
- Thưa có, bạch Thế Tôn.
- Ví như, này Ànanda, đêm đã gần mãn, mặt trời đang mọc; này Ànanda, Thầy có biết chăng bóng tối sắp sửa biến mất, ánh sáng sẽ hiện ra"?
- Thưa có, bạch Thế Tôn.
- Ví như, này Ànanda, trong một thời gian sau, vào giữa trưa, vào giờ ăn cơm, Thầy có biết chăng, này Ànanda, bóng tối đã biến mất, ánh sáng sẽ hiện ra"?
- Thưa có, bạch Thế Tôn.
- Cũng vậy, này Ànanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện". Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện được hiện khởi;

cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt, nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ không phải bị thối đọa trong tương lai".

Cũng vậy, này Ananda, Như Lai biết được tâm của loài Người với tâm của mình. Cũng vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của người. Cũng vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của mình, biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

8. Ở đây, này Ananda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, cũng có những pháp bất thiện". Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: *"Trong người này không có pháp bất thiện cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp thuần túy trắng, những pháp không có lỗi lầm, ngay trong hiện tại, sẽ được nhập Niết-bàn"*.

Ví như, này Ananda, những cục than nguội lạnh, đã dập tắt, bị quăng trên đồng cỏ hay trên đồng củi khô. Này Ananda, Thầy có biết chăng, đồng than này không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy, này Ananda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, cũng có những pháp bất thiện".

Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này không có pháp bất thiện cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp thuần túy trắng, những pháp không có lỗi lầm, ngay trong hiện tại, sẽ được nhập Niết-bàn".

→ Như vậy, này Ànanda, **Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài Người.**

→ Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình đã **biết được các căn trí của người.**

→ Cũng vậy, này Ànanda, Như Lai với tâm của mình **biết được pháp sanh khởi trong tương lai.**

Ở đây, này Ànanda, ba hạng người trước, một trong ba người ấy không phải bị thối đạo, một phải bị thối đạo, một bị rơi vào đạo xứ, địa ngục.

Ở đây, này Ànanda, trong ba hạng người sau, một trong ba hạng người này không phải bị thối đạo, một phải bị thối đạo, một được nhập Niết-bàn.

192 Căn cơ - Căn tánh sai khác - ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA – 64 Trung II, 205

ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA (Mahamalunkya sutta)

– Bài kinh số 64 – Trung II, 205

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn".

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ

phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Nay Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết này do Ta giảng dạy?

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vấn Ông với ví dụ này về đũa con nít? Nay

Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có tự thân, thời đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ, đang nằm ngửa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có các loài hữu tình, thời từ đâu

nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vắn Ông với ví dụ này về đứa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:
– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Ở đây, này Ananda, **có kẻ vô văn phạm phu**, không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân:

Vị ấy sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với tâm bị nghi hoặc triền phược, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị

ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị giới cấm thủ triền phược**, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị dục tham triền phược**, bị dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị sân triền phược**, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Và này Ananda, **có vị Đa văn Thánh đệ tử**, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân:

Vị này sống với tâm không bị thân kiến triền phược, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị này sống với **tâm không bị nghi hoặc triền phược**, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như

thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị ấy sống với **tâm không bị giới cấm thủ triền phược**, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị này sống với **tâm không bị dục tham triền phược**, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị này sống với **tâm không bị sân triền phược**, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra. Cũng vậy này

Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết

sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, **nếu thực hành** con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, **sự tình như vậy xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẽo vỏ trong, sau khi đẽo giác cây, thời sẽ đẽo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con qua có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn".

Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.**

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia**

Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự **đoạn trừ năm hạ phần kiết sử?**

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Vị này **chánh quán** mọi **sắc** pháp, **thọ** pháp, **tưởng** pháp, **hành** pháp, **thức** pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. **Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy.**

Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy **tập trung tâm vào bất tử giới** (Amatadhatu) và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*".

Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm...

...**Thiền thứ ba**...

...chứng và trú **Thiền thứ tư**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý

đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Hư không vô biên xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**... (như trên)...

... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cuc bướng, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào **bất tử giới** và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, **đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.**

Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng tâm giải thoát, một số chứng tuệ giải thoát?

– Ở đây, này Ananda, **Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

193 Cạn và sâu - 4 hạng người - Kinh CÁI GHÈ – Tăng II, 14

CÁI GHÈ – Tăng II, 14

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại ghè** này. Thế nào là bốn?

- Trống và bịt;
- Đầy và mở;
- Trống và mở;
- Đầy và bịt.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại ghè này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví như các loại ghè này có mặt, hiện hữu ở đời**. Thế nào là bốn?

- Trống và bịt,
- Đầy và mở,
- Trống và mở,
- Đầy và bịt.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và bịt?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có thái độ khả ái, khi đi tới đi lui**, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, bình bát và y,
- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè trống và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và mở?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có thái độ dễ thương**, khi đi tới đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, bình bát và y,
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và mở. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè đầy và mở ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và mở?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có thái độ dễ thương**, khi đi tới đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, bình bát và y,
- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và mở, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

6. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và bịt?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có thái độ dễ thương**, khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo tăng-già-lê, mang y bát.
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè đầy và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người giống như các loại ghè này có mặt, hiện hữu ở đời.

HỒ NƯỚC 1 – Tầng II, 16

❖ Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn?

- Cạn nhưng có vẻ sâu,
- Sâu nhưng thấy cạn,
- Cạn và thấy cạn,
- Sâu và thấy sâu.

Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này...

CÁC HỒ NƯỚC 2 – Tầng II, 17

1. - Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn?

- Cạn có vẻ sâu,
- Sâu có vẻ cạn,
- Cạn có vẻ cạn,
- Sâu có vẻ sâu.

Đây các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này.

2. Cũng vậy, đây các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với hồ nước này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Cạn có vẻ sâu,
- Sâu có vẻ cạn.
- Cạn có vẻ cạn,
- Sâu có vẻ sâu.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cạn có vẻ sâu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ khả ái... (như kinh 103, từ số 3 cho đến số 6).

CÁC TRÁI XOÀI – Tăng II, 17

1. - Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại xoài** này. Thế nào là bốn?

- Chưa chín có vẻ chín,
- Chín có vẻ chưa chín,
- Chưa chín có vẻ chưa chín,
- Chín có vẻ chín,

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại xoài này.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với bốn loại xoài này. Thế nào là bốn (như kinh 103, từ số 3 đến số 6).

CÁC LOẠI CHUỘT – Tăng II, 18

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại chuột này. Thế nào là bốn?

- Đào hang không ở,
- Ở không đào hang,
- Không đào hang không ở,
- Có đào hang có ở.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại chuột này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại chuột này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Đào hang không ở,
- Ở không đào hang,
- Không đào hang không ở,
- Có đào hang có ở.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có đào hang, nhưng không ở?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thuộc lòng Pháp** như Khê kinh... Quảng thuyết.
- Vị ấy **không như thật quán tri: "Đây là Khổ"**... "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đào hang, nhưng không ở. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại chuột có đào hang, nhưng không ở ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có ở, không đào hang? (xem như kinh 102).

MÂY MƯA 2 – *Tăng II, 11*

1. - Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại mây mưa** này. Thế nào là bốn?

- Có sấm, không có mưa;
- Có mưa, không có sấm;
- Không có sấm không có mưa;
- Có sấm và có mưa.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví dụ như các loại mây mưa này, có mặt, hiện hữu ở đời**. Thế nào là bốn?

- Hạng người có sấm, không có mưa;
- Hạng người có mưa, không có sấm;
- Hạng người không có sấm, không có mưa;
- Hạng người có sấm và có mưa.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm, không có mưa?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thuộc lòng Pháp**, Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Quảng thuyết.
- Vị ấy **không như thật quán tri: "Đây là Khổ"**..., không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có học thuộc lòng Pháp**, như Khế kinh, Ứng tụng, ... Quảng thuyết.
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

5. Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người không có sấm và không có mưa?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không học thuộc lòng Pháp** như Khế kinh... Quảng thuyết.
- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sấm, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây không có sấm, không có mưa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

6. Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có sấm và có mưa?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **học thuộc lòng Pháp** như Khế kinh... Quảng thuyết.

- Người ấy như thật quán tri: "Đây là Khô"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khô diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như loại mây này có mặt, hiện hữu ở đời.

194Cả hai phương diện đều có lợi - Kinh KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG – 60 Trung II, 145

KINH KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG (*Apannaka sutta*)

– *Bài kinh số 60 – Trung II, 145*

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala với Đại chúng Tỷ-kheo và đến tại Sala, một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Sala được nghe tiếng đồn như sau: "Sa-môn Gotama, giòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành giữa dân chúng Kosala với Đại chúng Tỷ-kheo, đã đến Sala". Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: *"Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời, loài Người. Khi đã chứng ngộ. Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp,*

sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ.

Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở

Sala đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người yên lặng ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Bà-la-môn gia chủ ở tại Sala đang ngồi xuống một bên:

– *Này các Gia chủ, các Ông có vị Đạo sư khả ý nào mà các Ông có lý do đặt được lòng tin không?*

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có vị Đạo sư khả ý nào để chúng con có lý do đặt được lòng tin.

Này các Gia chủ, nếu các Ông không có một vị Đạo sư khả ý nào, thời hãy lấy pháp không gì chuyển hướng này mà thực hành. Này các Gia chủ, pháp không gì chuyển hướng này được khéo thọ trì, khéo thành tựu, sẽ đưa đến hạnh phúc an lạc lâu dài cho các Ông.

Và này các Gia chủ, thế nào là pháp "không gì chuyển hướng"?

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những lập thuyết như sau, có những quan điểm như

sau: "**Không có (kết quả của) bồ thí**, không có (kết quả của) lễ hy sinh, không có (kết quả của) tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thực hành, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí".

Nhưng này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói đối nghịch với các vị Sa-môn, Bà-la-môn kia, những vị này nói như sau: "**Có (kết quả của) bồ thí**, có (kết quả của) lễ hy sinh, có (kết quả của) tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thực hành, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào, có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói những lời đối nghịch với nhau?

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

— Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có (kết quả của) bồ thí, không có (kết quả của) lễ hy sinh, không có (kết quả của) tế tự,

không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". => Đối với những vị này sự kiện này sẽ chờ đợi xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo.

Vì sao vậy? Vì những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng không có đời sau, thời đó là một tà kiến.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng không có đời sau, thời đó là tà tư duy.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời đó là tà ngữ.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là không có đời sau, thời sự thuyết phục ấy

chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người. Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.

Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy các ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, **vị có trí suy nghĩ như sau:**

"Nếu không có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn. Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại bị những người có trí quở trách: **"Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương hư vô luận".**

Còn **nếu có** đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau:

"Có (kết quả của) bố thí, có (kết quả của) lễ hy sinh, có (kết quả của) tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". =>

Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng có đời sau, thời đó là một chánh kiến.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng có đời sau, thời đó là chánh tư duy.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời đó là chánh ngữ.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là có đời sau, thời sự thuyết phục ấy thuận với

diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người.

Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì.

Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, **vị có trí suy nghĩ như sau:**

Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn cho đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: **"Người này theo**

thiện giới, có chánh kiến, chủ trương hữu luận".

Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, "pháp không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn bởi vị này chấp nhận cả hai phía, bỏ qua hai phía bất thiện pháp.

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người

chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây
phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây
áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây ra
sợ hãi, hay khiến người gây ra sợ hãi, sát sanh, lấy
của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc,
đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư
thông vợ người, nói láo, **hành động như vậy
không có tội ác gì**. Nếu lấy một bánh xe sắc bén
giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một
đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy
có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có
người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn
sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu,
khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác,
có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi
trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ
thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng **không vì vậy có
phước báo**, có tạo thành sự tiếp tục của phước
báo".

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói
những lời dối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn
kia. Các vị này nói như sau: "Tự làm hay khiến
người làm, chém giết hay khiến người chém giết,
đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn
hay khiến người gây phiền muộn, gây ác não hay
khiến người gây ác não, tự mình gây sợ hãi, hay
khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho,

phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giết, tư thông vợ người, nói láo, **hành động như vậy là có tội ác**. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu khiến người đốt nấu, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng, bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, thì do nhân duyên này, có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo. Bỏ thí, điều phục, tự chế, nói thật, đều **có phước báo**, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo".

Và này các Gia chủ, các ông nghĩ thế nào, có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói lời đối nghịch với nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, có những Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm,... (như trên)... không đưa đến phước báo". => Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác

hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng không có tác dụng, thời đó là một tà kiến.

Vì rằng có tác dụng, nếu ai có suy tư rằng không có tác dụng, thời đó là tà tư duy.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời đó là tà ngữ.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là không có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.

Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.

Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy những ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau: Nếu không có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn.

Nếu có tác dụng, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nếu muốn không có tác dụng đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách: "Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không tác dụng". Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ qua phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm... (như trên)... có đưa đến phước báo". Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thật hành theo. Vì sao vậy? Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng có tác dụng, thời đó là **chánh kiến**.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai suy tư rằng có tác dụng, thời đó là chánh tư duy.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng, thời đó là chánh ngữ.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người.

Như vậy trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì.

Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau:

Nếu có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn tác dụng không có đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: "Người này theo thiện giới, có

chánh kiến, chủ trương có tác dụng". Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, pháp "không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía, và bỏ qua phía bất thiện pháp.

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "**Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô**"; vô nhân vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, vô nhân vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ. Các chúng sanh ấy hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ".

Này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn đối nghịch với những Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Những vị này đã nói như sau: "**Có nhân có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô**"; không có nhân, không có duyên các loài hữu tình bị

nhiễm ô. Có nhân, có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Có lực, có tinh tấn, có nhân lực, có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không phải không tự tại, không có lực, không có tinh tấn. (Không phải) các chúng sanh ấy bị dẫn dắt, chi phối bởi định mệnh bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ. (Không phải) họ hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của họ".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào? Có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói lên những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có nhân, không có duyên... (như trên)... họ cảm thọ khổ lạc..". Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này sẽ thực hành theo. Vì sao vậy? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có nhân, nếu có quan điểm nào nói rằng không có nhân, thời đó là một tà kiến.

Vì rằng có nhân, nếu có ai suy tư rằng không có nhân thời đó là tư duy.

Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng không có nhân, thời đó là tà ngữ.

Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng không có nhân, thời tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có nhân.

Vì rằng có nhân, nếu có ai thuyết phục người khác là không có nhân, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.

Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.

Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy những ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau: Nếu không có nhân, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự cảm thấy an toàn. Nếu có nhân thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn không có nhân đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách.

"Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không nhân". Còn nếu có nhân, thời vị này, cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, pháp "không có chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ qua phía thiện pháp. Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau:

"Có nhân, có duyên... (như trên)... họ cảm thọ hưởng lạc". Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có nhân, nếu có quan điểm nào nói rằng có nhân, thời đó là chánh kiến.

Vì rằng có nhân, nếu có ai suy tư rằng có nhân, thời đó là chánh tư duy.

Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng có nhân, thời đó là chánh ngữ.

Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng có nhân, thời không tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có nhân.

Vì rằng có nhân, nếu có ai thuyết phục người khác là có nhân, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người.

Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc

Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau:

Nếu có nhân, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn không có nhân đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn; Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, được những người có trí tán thán: "Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương có nhân". Còn nếu có nhân thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người có trí tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, pháp "không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng

đấn, bởi vì này chấp nhận cả hai phía và bỏ qua phía bất thiện pháp.

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như sau, có quan điểm như sau:

"Không thể có một vô sắc toàn diện".

Lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn, đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.

Các vị này đã nói như sau: **"Có thể có một vô sắc toàn diện".**

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào? Có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan niệm như sau: "Không thể có một không sắc toàn diện", ta không có thấy như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một không sắc toàn diện", ta không có biết như vậy. Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: "Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm," thì như vậy không xứng đáng với ta. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một không sắc toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này

xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sinh tại chỗ các chư Thiên có sắc do ý sở thành. Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một không sắc toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sinh tại chỗ các chư Thiên không sắc, do tưởng sở thành. Do duyên với cái gì có sắc, chấp gậy, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ đều được thấy. Nhưng sẽ không có những sự việc này trong một không sắc toàn diện". Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yếm ly, sự ly tham, sự diệt tận các sắc pháp.

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn. Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "**Không thể có một sự hữu diệt (Bhavanirodha) toàn diện**".

Này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn. Các vị này đã nói như sau: "**Có thể có một sự hữu diệt toàn diện**".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào? Có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn đối nghịch nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập

thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có sự hữu diệt toàn diện", ta không có thấy như vậy.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện", ta không có biết như vậy. Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên

và tuyên bố: "Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm", thời như vậy không xứng đáng với ta. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thời sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh chỗ các chư Thiên không sắc do tướng sở thành. Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thời sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ nhập Niết-

bàn ngay trong hiện tại. Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt toàn diện", thời quan điểm này của các vị ấy gần với tham ái, gần với kiết sử, gần với ái lạc, gần với chấp trước, gần với chấp thủ. Còn những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có sự hữu diệt toàn diện", thời quan điểm này của những vị ấy là gần với ly tham, gần với

không kiết phược, gần với không ái lạc, gần với không chấp trước, gần với không chấp thủ". Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yểm ly, sự vô tham, sự diệt tận đối với các hữu.

Này các Gia chủ, có bốn hạng người này có mặt ở trong đời.

Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Gia chủ, có người tự hành khổ mình chuyên tâm tự hành khổ mình.

Ở đây, này các Gia chủ, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này các Gia chủ, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này các Gia chủ, có người vừa tự không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị này không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại, không có tham dục, không có khao khát, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Và này các Gia chủ, thế nào là người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình?

Ở đây, này các Gia chủ, có người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay cho sạch...

(như kinh Kandarakasuttam số 51)... Như vậy người ấy dưới nhiều hình thức, sống chuyên tâm

hành khổ thân mình. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

Và này các Gia chủ, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?

Ở đây, này các Gia chủ, có người là người đồ tể giết trâu bò, là người đồ tể giết heo... (như trên)... và những người làm các nghề ác độc khác. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Và này các Gia chủ, thế nào là người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?

Ở đây, này các Gia chủ, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh... (như trên)... vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Và này các Gia chủ, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; ngay trong hiện tại không có tham dục, không có khao khát, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, thân trú vào Phạm thế?

Ở đây, này các Gia chủ, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như trên)... sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ... Thiền thứ hai.... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... như vậy vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm

đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: Đây là khổ,... (như trên)... biết như thật: Đây là con đường đưa đến sự đoạn trừ các lậu hoặc. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm, đã làm sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa".

Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; ngay trong hiện tại, không có tham dục, không có khao khát, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể. Khi được nói vậy, các Bà-la-môn, gia chủ trú ở Sala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận cho chúng

con làm những người cư sĩ. Từ nay cho đến mạng
chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng.

195 Cả thế giới được giải thoát phải không - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502

UTTIYA – Tăng IV, 502

*(Thế Tôn thuyết pháp để làm gì; ngoại đạo chất vấn;
con đường đưa đến khổ diệt; Thế Tôn - có bao nhiêu
người được giải thoát)*

1. Bấy giờ có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Uttiya nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

- Nay Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau chết... Như Lai không có tồn tại sau khi

chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

2- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường? ... có phải thế giới là có biên tế? ... có phải thế giới không có biên tế? ... có phải sinh mạng và thân thể là một? ... có phải sinh mạng và thân thể là khác? ... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng."

- *Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên?*

- **Với thẳng trí, này Uttiya, Ta thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để chánh lý được chứng đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.**

- *"Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngộ", thời do vậy, cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba?*

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.

3. **Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ như sau:** "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: "Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ư quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lời" và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya." Rồi Tôn giả Ananda nói với du sĩ Uttiya:

4.- Vậy này Uttiya, Ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy thác canh vững chắc, và chỉ có một cửa vào. Tại

đây, người giữ cửa là người sáng suốt, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy, người ấy có thể không thấy một kẻ hở trong thành hay lỗ trống trong thành lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biết được: "Từng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này, nhưng điều này nó biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này", tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cửa thành này.

Cũng vậy, này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng (câu hỏi này của Thầy) là có phải toàn thể giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thể giới, hay là một phần ba? Những điều Như Lai nói là như sau: "**Những ai đã được thoát ra khỏi thể giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên Bốn niệm xứ; sau khi như thật tu tập Bảy giác chi, như vậy các vị ấy đã thoát khỏi, đang thoát khỏi, sẽ thoát khỏi thể giới**".

Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà Thầy đã hỏi Thế Tôn đứng trên một lập trường khác. Đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho Thầy.

196 Cảm hoá là sức mạnh của bậc Hiền trí - Kinh SỨC MẠNH 1 – Tăng III, 587

SỨC MẠNH 1 – Tăng III, 587

1.- Này các Tỷ-kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám?

2. Này các Tỷ-kheo,

- *Sức mạnh của con nít là khóc.*
- *Sức mạnh của con đàn bà là phấn nỏ.*
- *Sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí.*
- *Sức mạnh của các vua chúa là uy quyền.*
- *Sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo.*
- *Sức mạnh của bậc Hiền trí là cảm hoá.*
- *Sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát.*
- *Sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục.*

Này các Tỷ-kheo, đây là tám sức mạnh.

197Cảm thọ - Kinh MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH – Tăng III, 209

MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH – *Tăng III,*
209

1. - **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý, Ta sẽ giảng.**

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn thể nhập (quyết trạch), pháp môn pháp?*

- Này các Tỷ-kheo, cần phải biết **các dục**, cần phải biết duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt.
- Này các Tỷ-kheo, cần phải biết **cảm thọ**, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dị thực, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt.

- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết **các tướng**, cần phải biết các tướng duyên khởi, cần phải biết các tướng sai biệt, cần phải biết các tướng dị thực, cần phải biết các tướng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt.
- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết các **lậu hoặc**, cần phải biết các lậu hoặc duyên khởi, cần phải biết các lậu hoặc sai biệt, cần phải biết các lậu hoặc dị thực, cần phải biết các lậu hoặc đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt.
- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết **nghiệp**, cần phải biết duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt, cần phải biết các nghiệp dị thực, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.
- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết **khổ**, cần phải biết khổ duyên khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

3. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết các dục**, cần phải biết các dục duyên khởi, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì được nói như vậy?

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **dục**?

- Đây các Tỷ-kheo, **có năm dục trưởng dưỡng này**: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do nhận thức... các hương do nhận thức... các vị do nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Đây các Tỷ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

*- Các tư duy tham ái,
 Là dục của con người,
 Các hoa mỹ ở đời,
 Chúng không phải là dục,
 - Các tư duy tham ái
 Là dục của con người,
 Các hoa mỹ an trú
 Như vậy ở trên đời,
 Ở đây những bậc Trí,
 Niếp phục được lòng dục.*

4. Đây các Tỷ-kheo, thế nào là các **dục duyên khởi**?

- **Xúc**, đây các Tỷ-kheo, là các dục duyên khởi.

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là các **dục sai biệt**?

- Đây các Tỷ-kheo, **dục trên các sắc là khác**, dục trên các **tiếng** là khác, dục trên các **hương** là khác, dục trên các **vị** là khác, dục trên các **xúc** là khác. Đây các Tỷ-kheo, đây là các dục sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục dī ṭṭhacā?

- Này các Tỷ-kheo, khi muốn một cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các dục dī ṭṭhacā.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục đọa diệtā?

- Này các Tỷ-kheo, Xúc đọa diệt là dục đọa diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đọa diệt. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy, rõ biết các dục sanh khởi như vậy, rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dī ṭṭhacā như vậy, rõ biết các dục đọa diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các dục đọa diệt như vậy, khi ấy, vì ấy được rõ biết Phạm hạnh thế nhập này như là các dục đọa diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục... cần phải biết con đường đưa đến dục đọa diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

5. Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các cảm thọ, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dī ṭṭhacā,

cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ?

- Đây các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này: lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

6. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho sanh khởi?

- Đây các Tỷ-kheo, **Xúc** là các cảm thọ sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho sai biệt?

- Đây các Tỷ-kheo, có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khổ thọ liên hệ đến vật chất, có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất, có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho di thực?

- Đây các Tỷ-kheo, khi nào cảm thọ cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ di thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho đoạn diệt?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc đoạn diệt, là các cảm thọ đoạn diệt**. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

Và khi nào, nay các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các cảm thọ như vậy, rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy, rõ biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thực như vậy, rõ biết các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt.

Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

7. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết các tướng**... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các tướng?

Nay các Tỷ-kheo, **có sáu tướng này: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng.**

8. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tướng sanh khởi?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc là các tướng sanh khởi.**

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các tướng sai biệt?

- Đây các Tỷ-kheo, các tướng trong các sắc là khác, các tướng trong các tiếng là khác, các tướng trong các hương là khác, các tướng trong các vị là khác, các tướng trong các xúc là khác, các tướng trong các pháp là khác. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các tướng sai biệt.

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là các tướng dị thực?

- Đây các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố rằng các Tướng là kết quả của thói quen**, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: "Như vậy tôi tưởng". Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các tướng dị thực.

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là các tướng đoạn diệt?

- Xúc đoạn diệt, đây các Tỷ-kheo, là tướng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tướng đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

Khi nào đây các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tướng như vậy, rõ biết các tướng sanh khởi như vậy, rõ biết các tướng sai biệt như vậy, rõ biết các tướng dị thực như vậy, rõ biết các tướng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tướng đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các tướng... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

9. Này các Tỷ-kheo, **cần phải biết các lậu hoặc**... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên nào đã được nói như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc**?

- Này các Tỷ-kheo, **có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.**

10. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc sanh khởi**?

- Này các Tỷ-kheo, **Vô minh** là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc sai biệt**?

- Này các Tỷ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến **địa ngục**, có các lậu hoặc đưa đến **bàng sanh**, có các lậu hoặc đưa đến **ngạ quỷ**, có các lậu hoặc đưa đến thế giới **loài người**, có các lậu hoặc đưa đến thế giới **chư Thiên**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc di thục**?

- Này các Tỷ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt?

- Này các Tỷ-kheo, Vô minh đoạn diệt là các lậu đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc....*cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt*, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

11. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết các nghiệp**... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy?

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp**?

- Nay các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.**

12. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp sanh khởi**?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc** là các nghiệp sanh khởi.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp sai biệt**?

Nay các Tỷ-kheo,

- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ ở địa ngục**,
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ loài bàng sanh**,
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ cõi naga quý**,
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ thế giới loài Người**,
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ thế giới chư Thiên**.

Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp di thực**?

- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp di thực: Ở ngay **đời hiện tại**, hay ở **đời sau**,

hay ở một đời sau nữa. Nay các Tỷ-kheo, đây là các nghiệp dị thực.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ngiệp đoạn diệt?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc đoạn diệt là nghiệp đoạn diệt.**
- Đây là **Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt.** Đó là chánh tri kiến... chánh định.

Khi nào, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy, rõ biết các nghiệp dị thực như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thế nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.

Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

13. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết Khổ**, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được

nói như vậy. Chính do duyên gì đã được nói như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

14. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi?

- **Ái**, này các Tỷ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sai biệt?

- Này các Tỷ-kheo có khổ lớn, có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ di thực?

- Này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh. Do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này.
- Này các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ di thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

- Ái đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt. Đó là chánh kiến... chánh định.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thực như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vì ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là thể nhập pháp môn, pháp pháp môn.

198Cảm thọ quả dị thực - Kinh HẠT MUỐI

– Tăng I, 451

HẠT MUỐI – Tăng I, 451

1. - *Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào, người ấy cảm thọ như vậy, như vậy". Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau khổ, được chọn chánh đoạn diệt.*

Và này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào, người ấy cảm thọ quả dị thực như vậy, như vậy". Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ, được chọn chánh đoạn diệt.

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.*
- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.*

2. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **thân** không tu tập, **giới** không tu tập, **tâm** không tu tập, **tuệ** không tu tập, hạn hẹp, **tự ngã** nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **thân** được tu tập, **giới** được tu tập, **tâm** được tu tập, **tuệ** được tu tập, không có hạn hẹp, **tự ngã** to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một nắm muối vào trong một chén nước nhỏ. Các Thầy nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, nước trong chén ấy có

vì năm muối trở thành mặn và không uống được phải không?

- Thừa đúng vậy, bạch Thế Tôn. Vì có sao? Nước trong chén nhỏ này là ít, do năm muối này, nước trở thành mặn, không uống được.

- **Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một năm muối vào sông Hằng.** Các Thầy nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, sông Hằng ấy có vì năm muối này trở thành mặn và không uống được, phải không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn. Vì có sao? Lớn là cả khối nước sông Hằng. Khối nước ấy không vì năm muối này trở thành mặn và không uống được.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

4. *Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít

oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, nói gì là nhiều.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nghèo khổ, ít sở hữu, ít tài sản. Người như vậy, này các Tỷ-

kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu có, có tiền của lớn, có tài sản lớn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

6. *Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **thân** được tu tập, **giới** được tu tập, **tâm** được tu tập, **tuệ** được tu tập, không có hạn hẹp, **tự ngã** to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

7. Ví dụ một người đồ tể hay người giết dê, này các Tỷ-kheo, đối với một số người đánh cắp dê, có thể giết hay trói, hay tịch thu tài sản, hay làm như ý muốn. Đối với một số người cũng đánh cắp dê, không có thể giết, không có thể trói, không có thể tịch thu tài sản, hay không có thể làm như ý muốn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, người đồ tể hay người giết dê, đối với một số người đánh cắp dê, có thể giết, có thể trói, có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có **người nghèo khổ, ít sở hữu, ít tài sản.** Kẻ đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy có thể giết, hay trói, hay có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, người đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê, không có thể giết, không có thể trói, không có thể tịch thu tài sản, hay không có thể làm như ý người ấy muốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu có, có sở hữu lớn, có tài sản lớn, hay nhà vua, hay đại thần của nhà vua. Người đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy không có thể giết, không có thể trói, *không có thể tịch thu tài sản, hay không có thể làm như ý người ấy muốn. Không có gì phải làm khác hơn là chấp tay và cầu xin như sau:* "Thưa ngài, hãy cho con lại con dê hay giá tiền con dê".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, đối với một số người có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một số người, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

8. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống

chịu khổ ít ỏi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

*Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp ác như thế nào, như thế nào người ấy sẽ **cảm thọ (quả) như vậy**, như vậy". Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt.*

*Và này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: "Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào, người ấy sẽ **cảm thọ quả dị thực như vậy**, như vậy". Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống*

*Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chọn
chánh đoạn diệt.*

199 Cảm thọ tham ái được đoạn tận... - Kinh NIẾT BÀN – Tăng I, 283

NIẾT BÀN – Tăng I, 283

Rồi Bà-la-môn Jānussoṇi đi đến Thế Tôn ... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jānussoṇi bạch Thế Tôn:

- **Thiết thực hiện tại là Niết bàn**, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Nay Bà-la-môn,

- Bị **tham** ái **làm say đắm**, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, **cảm** thọ tâm khổ, tâm ưu.
- Tham ái **được đoạn trừ**, thời không nghĩ đến tự hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, **không** cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.

Như vậy, nay Bà-la-môn, **Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả**

năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Bị **sân** làm uế nhiễm, ...
- Bị **si** làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ đến hại mình ... nên suy nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại ... không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.

Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Khi vì ấy, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà-la-môn, **Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, ... được người trí tự mình giác hiểu.**

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

200Cảm thọ tâm khổ, tâm ưu - Kinh VI BÀLAMÔN – Tăng I, 280

VI BÀLAMÔN – Tăng I, 280

Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm ...
Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- *Pháp là thiết thực hiện tại, thừa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thừa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?*

→ **Bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.** Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

→ **Bị sân làm uế nhiễm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, ... tâm khổ, tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không**

ngĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

→ **Bị si làm cho mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, ... tâm khổ, tâm ưu.** Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

BÀLAMÔN CƯ SĨ – Tăng I, 281

Rồi một Bà-la-môn du sĩ đi đến; Thế Tôn, sau khi đến, ... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn du sĩ bạch Thế Tôn:

➔ *Pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại,*

không có thời gian, đến đẽ mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.
- Bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, vị ấy làm ác hạnh về thân... ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý. Tham ái được đoạn trừ, vị ấy không làm ác hạnh về thân ... ác hạnh về lời nói..., ác hạnh về ý.
- Bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, vị ấy không như thật rõ biết lợi ích của mình, không như thật rõ biết lợi ích của người, không như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Tham ái được đoạn trừ, vị ấy như thật rõ biết lợi ích của mình, như thật rõ biết lợi ích của người, như thật rõ biết lợi ích của cả hai

Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến đẽ mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Bị sân làm uế nhiễm, ...

- Bị si làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ đến hại mình ... nên suy nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại ... không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.
- Bị si làm cho mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên làm ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý. Si được đoạn trừ, thời không làm ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý.
- Bị si làm cho mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên không như thật rõ biết lợi ích của mình, không như thật rõ biết lợi ích của người, không như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Si được đoạn trừ, thời như thật rõ biết lợi ích của mình, như thật rõ biết lợi ích của người, như thật rõ biết lợi ích của cả hai.

Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

NIẾT BÀN – Tăng I, 283

Rồi Bà-la-môn Jànussoni đi đến Thế Tôn ... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànussoni bạch Thế Tôn:

- Thiết thực hiện tại là Niết bàn, thừa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thừa Tôn giả Gotama, **Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy**, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

→ **Bị tham ái làm say đắm**, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ đến hại mình, suy nghĩ đến hại người, suy nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

→ Bị **sân** làm uế nhiễm, ...

→ Bị **si** làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ đến hại mình ... nên suy nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại ... không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.

Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Khi vị ấy, **cảm thọ** tham ái được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà-la-môn, **Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, ... được người trí tự mình giác hiểu.**

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama..... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

201 Cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh nên.. - Kinh Pàrileyya – Tương III, 174

Pàrileyya – *Tương* III, 174

- 1) Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.
- 2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.
- 3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.
- 4) - Nay Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi

theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

5) Rồi Thế Tôn tuân tự du hành, đi đến Pàlileyya. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pàlileyya, dưới gốc cây bhaddasàla.

6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:

- Đã lâu lắm, này Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pàlileyya, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

10) *Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

11) Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, pháp đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn niệm xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh cần đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyết giảng. Bảy bồ-đề phần đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo Tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

12) Dầu cho, nay các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: *"Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

13-16) Nay các Tỷ-kheo, **biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?**

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ** các bậc Thánh, **không thuần thục pháp** các bậc Thánh, **không tu tập pháp** các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành.**

Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?

Đối với kẻ vô văn phạm phu, nay các Tỷ-kheo, **cảm xúc bởi thọ** sanh ra do **xúc chạm** với **vô minh, khát ái** sanh. Từ khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, **hành** ấy là **vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái** ấy là **vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ** ấy... **xúc** ấy là **vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh** ấy là **vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể **quán tự ngã như là có sắc**. Sự quán ấy, nay các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối

với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, do

cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23). .. có thể quán tưởng... có thể quán các hành...

24). .. có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. **Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành.** Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, **do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh** ấy là vô thường, hữu vi,

do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. *Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại".* Nhưng **thường kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ". *Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".*

27) **Đoạn kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh

ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: "*Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại*"; có thể không có (tà) kiến như sau: "*Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta*". Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, **sự nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là hành.** *Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* **Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy**

là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Này các Tỷ-kheo, **do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

202 Cảm xúc không có tổn hại.. - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tầng II, 259

VỚI CHI TIẾT – Tầng II, 259

1. Có bốn nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen quả đen;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp trắng quả trắng;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng,
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen quả đen?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại, làm ý hành có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại.

- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại, các **cảm xúc** có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại, nên **cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ**, như những **chúng sanh trong địa ngục**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen quả đen.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng quả trắng?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người làm **thân hành không có tổn hại**, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành không có tổn hại, do làm khẩu hành không có tổn hại, do làm ý hành không có tổn hại, **sanh ra ở thế giới không có tổn hại**.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có không tổn hại, các **cảm xúc** không có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc không có tổn hại, nên **cảm thọ** những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc, như **chư Thiên ở Biến Tịnh Thiên**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng quả trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng quả đen trắng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại, các cảm xúc có tổn hại và không tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, xen lẫn, pha trộn lặc và khổ. Ví như một số người và chư Thiên, một số chúng sanh ở các đạo xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng quả đen trắng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt?

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, **phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen quả đen này;** phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp trắng quả trắng này; phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng quả đen trắng này; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng.

203Cát chứa như khi còn tại gia - Kinh DU SĨ SUTAVÀ – Tăng IV, 90

DU SĨ SUTAVÀ – Tăng IV, 90

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại núi Gijjhakùta. Rồi du sĩ Sutavà đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sutavà bạch Thế Tôn;

2. - Bạch Thế Tôn, có một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Giribbaja. Tại đây, bạch Thế Tôn, con có nghe từ miệng Thế Tôn, con có chấp nhận từ miệng Thế Tôn:

"Này Sutavà, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát; vị ấy không có thể làm năm sự:

- *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể có ý đoạt mạng sống của loài hữu tình;*

- *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho được gọi là ăn trộm;*
- *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục;*
- *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo;*
- *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ cất chứa đem lại, như trước còn làm gia chủ".*

Bạch Thế Tôn, như vậy không biết con có khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì lời Thế Tôn dạy hay không?

3. - Thật vậy, này Sutavà, như vậy Thầy đã khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì. Xưa kia, và cả nay nữa, này Sutavà, Ta đã nói như sau:

"Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm năm sự:

1. *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của các loài hữu tình.*
2. *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm.*

3. *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục.*
 4. *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo.*
 5. *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ ăn cất chứa đem lại, như trước còn làm gia chủ.*
- *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến dục;*
 - *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến sân;*
 - *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến si;*
 - *Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến sợ hãi".*

Xưa kia và cả nay nữa, Ta nói như sau: "Tỷ-kheo đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát; vị ấy không có thể vi phạm năm sự".

204 Cầu nhiễm - tham cầu nhiễm, sân cầu nhiễm, si cầu nhiễm - Kinh Phẩm Tàm Cầu – Tương V, 86

Thánh Đạo Tám Ngành này được tu tập với mục đích đoạn tận:

1. Ba **tâm cầu**: dục tâm cầu, hữu tâm cầu, phạm hạnh tâm cầu.
2. Ba **kiêu mạn**: tôi hơn, tôi bằng, tôi thua.
3. Ba **lậu hoặc**: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.
4. Ba **hữu**: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.
5. Ba **khổ tánh**: khổ khổ tánh, hành khổ tánh, hoại khổ tánh.
6. Ba **hoang vu**: tham hoang vu, sân hoang vu, si hoang vu.
7. Ba **cầu nhiễm**: tham cầu nhiễm, sân cầu nhiễm, si cầu nhiễm.
8. Ba **dao động**: tham dao động, sân dao động, si dao động.
9. Ba **thọ**: lạc thọ, khổ thọ, thọ không khổ không lạc.
10. Ba **khát ái**: dục khát ái, hữu khát ái, phi hữu khát ái.
11. Bốn **bộc lưu**: dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu.
12. Bốn **ách phược**: dục ách phược, hữu ách phược, kiến ách phược, vô minh ách phược.
13. Bốn **chấp thủ**: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.

14. Bốn **hệ phược**: tham thân hệ phược, sân thân hệ phược, giới cấm thủ thân hệ phược, chấp đây là sự thực thân hệ phược.
15. Bảy **tùy miên**: dục tham tùy miên, hận tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên.
16. Năm **dục công đức**:
17. Năm **triền cái**:
18. Năm **uẩn**:
19. Năm **hạ phần kiết sử**:
20. Năm **thượng phần kiết sử**:

Phẩm Tầm Cầu – *Tương V*, 86

Thắng Trí – *Tương V*, 86

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba?

- Tầm cầu về **dục**,
- Tầm cầu về **hữu**,
- Tầm cầu về **Phạm hạnh**.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu. Chính do thắng tri ba tâm cầu này mà **Thánh đạo tám ngành** này được tu tập.

Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính do thắng tri ba tâm cầu này mà **Thánh đạo Tám ngành** này được tu tập.

4-5) ... Tu tập chánh định, với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si.

6-7) ... Tu tập chánh định, thể nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử.

8-9) ... Tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Liễu Tri – Tương V, 87 (Parinnà)

10-17) -- Này các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba?

- Tâm cầu về **dục**,
- Tâm cầu về **hữu**,
- Tâm cầu về **Phạm hạnh**.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu.
Chính vì liễu tri ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

Đoạn Diệt – *Tương V*, 87 (Parikkaya)

18-25) -- Này các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba

- Tâm cầu **dục**,
- Tâm cầu **hữu**,
- Tâm cầu **Phạm hạnh**.

Chính vì mục đích đoạn tận ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

Đoạn Tận – *Tương V*, 87 (Pahàna)

26-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này. Thế nào là ba?

- Tâm cầu **dục**,
- Tâm cầu **hữu**,
- Tâm cầu **Phạm hạnh**.

Chính vì mục đích đoạn tận ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

Kiêu Mạn – *Tương V, 88 (Vidhà)*

1) ... Sàvatthi...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba kiêu mạn. Thế nào là ba?

- Kiêu mạn: "Tôi hơn";
- Kiêu mạn: "Tôi bằng";
- Kiêu mạn: "Tôi thua".

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba kiêu mạn này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.**

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành được tu tập?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Lậu Hoặc – *Tương V*, 88

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba?

- Dục lậu,
- Hữu lậu,
- Vô minh lậu.

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba lậu hoặc này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba lậu hoặc* này mà Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Hữu – *Tương V*, 89

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba hữu này. Thế nào là ba?

- Dục hữu,
- Sắc hữu,
- Vô sắc hữu.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận **ba hữu** này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Khổ Tánh – *Tương V*, 89 (Dukkhatà)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khổ tánh này. Thế nào là ba?

- Khổ khổ tánh,
- Hành khổ tánh,
- Hoại khổ tánh.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận **ba khổ tánh** này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Hoang Vu – *Tương V*, 89 (Khilà)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba hoang vu này. Thế nào là ba?

- Tham hoang vu,
- Sân hoang vu,
- Si hoang vu.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba hoang vu này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Cấu Nhiễm – *Twong* V, 90 (Malam)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba cấu nhiễm này. Thế nào là ba?

- Tham cấu nhiễm,
- Sân cấu nhiễm,
- Si cấu nhiễm.

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba cấu nhiễm này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba cấu**

nhiệm này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Dao Động – *Tương V*, 90

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba dao động này. Thế nào là ba?

- Tham giao động,
- Sân dao động,
- Si dao động.

Này các Tỷ-kheo, đó là ba dao động này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba dao động này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Thọ – *Tương V*, 91

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba?

- Lạc thọ,
- Kkhồ thọ,
- Phi khô phi lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo, đó là ba thọ này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba thọ* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Khát Ái – *Twong* V, 91 (Tanhà)

1) ...

2-3) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba?

- Dục khát ái,
- Hữu khát ái,
- Phi hữu khát ái.

Này các Tỷ-kheo, đó là ba khát ái này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba khát ái* này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hướng đến từ bỏ.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Khát Ái – *Tương V*, 92 (Tasinà hay Tanhà)

1-2-3) ...

4-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba?

- Dục khát ái,
- Hữu khát ái,
- Phi hữu khát ái.

Này các Tỷ-kheo, đó là ba khát ái này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ

đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... tu tập chánh định với mục đích là thể nhập bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử... tu tập chánh định thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn...

Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

VIII. Phẩm Bộc Lưu

1) Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi...

Bộc Lưu – *Tương V*, 93 (Ogha).

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn?

- Dục bộc lưu,
- Hữu bộc lưu,

- Kiến bộc lưu,
- Vô minh bộc lưu.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn bộc lưu này. Chính vì mục đích muốn thắng tri, muốn liễu tri, muốn đoạn diệt, muốn đoạn tận *bốn bộc lưu* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

3-33) (Như đoạn về Tâm cầu...)

Ách Phược – *Tương V, 93 (Yogo)*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn ách phược này. Thế nào là bốn?

- Dục ách phược,
- Hữu ách phược,
- Kiến ách phược,
- Vô minh ách phược.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn ách phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bốn ách phược* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Chấp Thủ – *Tương V*, 94

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn?

- Dục thủ,
- Kiến thủ,
- Giới cấm thủ,
- Ngã luận thủ.

Nay các Tỷ-kheo, đó là bốn chấp thủ này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bốn chấp thủ* này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Hệ Phược – *Tương V*, 94 (Ganthà)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn hệ phược này. Thế nào là bốn?

- Tham thân hệ phược,
- Sân thân hệ phược,
- Giới cấm thủ thân hệ phược,

- Chấp đây là sự thực thân hệ phược.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn hệ phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bốn hệ phược* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

Tùy Miên – *Tương V*, 94

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên này. Thế nào là bảy?

- Dục tham tùy miên (kàmaràgānusaya),
- Hận tùy miên,
- Kiến tùy miên,
- Nghi tùy miên,
- Mạn tùy miên,
- Hữu tham tùy miên (bhavaràgānusaya),
- Vô minh tùy miên.

Này các Tỷ-kheo, đó là bảy tùy miên này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bảy tùy miên* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Dục Công Đức – *Tương V*, 95

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm?

- Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.
- Các tiếng do tai nhận thức...
- Các hương do mũi nhận thức...
- Các vị do lưỡi nhận thức...
- Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm dục công đức này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm dục công đức này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này phải được tu tập.**

Các Triền Cái – *Tương V*, 95

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm triền cái này. Thế nào là năm?

- Dục tham triền cái (kàmacchandaniivaranà),
- Sân triền cái,
- Hôn trầm thùy miên triền cái,
- Trạo hối triền cái,
- Nghi triền cái.

Nay các Tỷ-kheo, đó là năm triền cái này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm triền cái này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Uẩn – *Tương* V, 96

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là:

- Sắc thủ uẩn,
- Thọ thủ uẩn,
- Tưởng thủ uẩn,
- Hành thủ uẩn,
- Thức thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm thủ uẩn này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thủ uẩn này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Hạ Phần Kiết Sử – *Tương V, 96*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này. Thế nào là năm?

- Thân kiến,
- Nghi,
- Giới cấm thủ,
- Dục tham,
- Sân.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm hạ phần kiết sử này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm hạ phần kiết sử này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.**

Thượng Phần Kiết Sử – *Tương V, 97*

1) ...

2) -- Có năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

- Sắc tham,
- Vô sắc tham,
- Mạn,
- Trạo cử,
- Vô minh.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

3-17) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con sông Hằng...

18) Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

19-33) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... thể nhập vào bất tử, hướng đến bất tử, với cứu cánh là bất tử... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

205 Cầu uest - 4 hạng người biết và không biết cầu uest - Kinh KHÔNG UEST NHIỄM – 5 Trung I, 59

KINH KHÔNG UEST NHIỄM

(*Anangana sutam*)

– Bài kinh số 5 – *Trung I*, 59

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở tại đây, Tôn giả Sariputta (Xá lợi Phất) gọi các Tỷ-kheo. "Chư Hiền Tỷ-kheo". - "Thưa Hiền giả", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

Này chư Hiền, ở đời có **bốn hạng người**. Thế nào là bốn?

- Chư Hiền, ở đây, có hạng người *có cầu uest, nhưng không như thật tuệ tri*: "Nội thân ta có cầu uest".
- Có hạng người *có cầu uest, và như thật* tuệ tri: "Nội thân ta có cầu uest".

- Có hạng người *không có cấu ứ, nhưng không* như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ".
- Có hạng người *không có cấu ứ và như thật tuệ tri*: "Nội thân ta không có cấu ứ".

Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu ứ nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu ứ". Trong hai hạng người có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là **hạng người hạ liệt**.

Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu ứ và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu ứ". Trong hai hạng người có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là **hạng người ưu thắng**.

Chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu ứ nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ". Trong hai hạng người không có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt.

Chư Hiền, ở đây, hạng người không có cấu ứ và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu ứ". Trong hai hạng người không có cấu ứ, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng.

Được nói như vậy, Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên) nói với Tôn giả Sariputta như sau:

– Tôn giả Sariputta, do nhân gì, do duyên gì, trong hai hạng người có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng? Tôn giả Sariputta, do nhân gì, do duyên gì trong hai hạng người không có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng?

– Ở đây, Hiền giả, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm". Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian càng ô nhiễm hơn, càng đầy bụi bặm hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này

sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn nhiễm".

Ở đây, này Hiền giả, hạng người có cấu uế, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm". Này Hiền giả, giống như cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian được thanh tịnh hơn, được sạch sẽ hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với hạng người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn, để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi

không còn cầu uest, trong khi tâm không còn ô nhiễm".

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cầu uest nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cầu uest". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cầu uest, trong khi tâm còn ô nhiễm". *Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ. Và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng ô nhiễm hơn, càng bụi bặm hơn.*

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người không có cầu uest nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cầu uest". Với người này có thể chờ đợi sau: "Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cầu uest, trong khi tâm còn ô nhiễm".

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi không có tham, không có sân, không có si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm". *Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng được thanh tịnh hơn, càng được sạch sẽ hơn.*

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người không có cấu uế, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm người này. Người này sẽ từ trần, không có tham, không có sân, không có si, không còn cấu uế, tâm không còn ô nhiễm".

Này Hiền giả Moggallana, do nhân này, do

duyên này, trong hai người có cầu uest này, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng. Nay Hiền giả Moggallana, do nhân này, do duyên này, trong hai người này không có cầu uest, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng.

Này Hiền giả, cầu uest gọi là cầu uest, danh từ gì là đồng nghĩa cái gọi là cầu uest?

- Này Hiền giả, **các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục là đồng nghĩa cái gọi là cầu uest.**

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo chớ có biết về ta rằng là đã phạm giới tội"*. Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo có thể biết được các Tỷ-kheo ấy đã phạm giới tội. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo đã biết được ta đã phạm giới tội". Do đó, **vi này trở thành phần nộ và bất mãn. Phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cầu uest.**

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo hãy quả trách ta ở chỗ kín đáo, không phải ở giữa Tăng chúng"*. Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo quả trách Tỷ-kheo ấy ở giữa Tăng chúng, không phải

ở chỗ kín đáo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo quở trách ta ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ, và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng một Tỷ-kheo đồng đẳng hãy quở trách ta, chớ không phải một vị không đồng đẳng"*. Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách Tỷ-kheo ấy, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách ta, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng bậc Đạo Sư hãy hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo! Mong rằng bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo!"*. Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo ấy nhiều lần trong

khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Bậc Đạo Sư không hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo". Do đó, vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng các Tỷ-kheo hãy để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm! Mong rằng các Tỷ-kheo không để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm!"* Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để Tỷ-kheo ấy đi trước trong khi vào làng để dùng cơm. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm". Do đó vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng tại chỗ ăn, ta được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ*

ăn khát thực tốt nhất! Mong rằng Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất!" Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất; còn Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tại chỗ ăn, ta không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng tại chỗ ăn sau khi ăn xong, ta sẽ thuyết tùy hỷ pháp, không phải Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, sẽ thuyết pháp tùy hỷ pháp!"* Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp; Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp. Ta tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả,

phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, chứ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá!"* Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, còn ta không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni tụ tập tại ngôi tịnh xá,... (như trên)... ta sẽ thuyết pháp cho các Nam cư sĩ... ta sẽ thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá, chứ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá!"* Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Nữ

cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn ta không thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta; các vị Tỷ-kheo chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!"* Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Tỷ-kheo không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác chớ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng các Tỷ-kheo-ni... (như trên)... các Nam cư sĩ... (như trên)... các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái,*

cúng dường một Tỷ-kheo khác!" Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác; các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng ta nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các y phục tối thắng!"* Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo ấy không nhận được các y phục tối thắng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng; ta không nhận được các y phục tối thắng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng ta nhận được các đồ ăn khát thực tối thắng... (như trên)... các sàng tọa tối thắng, các được phẩm trị*

bệnh tối thắng. Tỷ-kheo khác không nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng!" Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng, còn Tỷ-kheo ấy không nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng". Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng; còn ta không nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, **các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là đồng nghĩa cái gọi là cấu uế.**

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này **còn được thấy và nghe là chưa được diệt trừ**, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khát thực, thứ lớp khát thực từng nhà một, theo hạnh mang phần tảo y, mặc y phục thô xấu, *thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy*. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới dục của Tỷ-kheo chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, ví như một bát bằng đồng, mang từ chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh

tịnh, sạch sẽ. Nhưng người chủ của bát ấy đựng đầy bát với xác rắn, xác chó hay xác người, đẩy lại với một cái bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Có người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp để ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì với người ấy, không ưa thích khởi lên, sự ghê tởm khởi lên, và sự yếm ố khởi lên. Những người đói còn chưa muốn ăn các thứ ấy, huống nữa là những người đã no.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và được nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khát thực, thứ lớp khát thực từng nhà một, theo hạnh mang phần tảo y, mặc y phục thô xấu, *thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy.* Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này **được thấy và được nghe là đã diệt trừ**, nếu Tỷ-kheo ấy sống gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, *thời các đồng phạm hạnh cung kính,*

tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục của vị Tỷ-kheo ấy đã được diệt trừ.

Này Hiền giả, ví như một bát đồng, mang từ hàng chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Người chủ cái bát ấy đựng đầy với gạo ngon, cơm lành, các hột đen đã lấy ra, các loại đồ ăn, đặt lại với một bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Các người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp để ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì đối với người ấy, ưa thích khởi lên, sự không ghê tởm khởi lên, sự không yếm ó khởi lên. Người no còn muốn ăn các thứ ấy huống nữa là người đói.

Này Hiền giả, cũng vậy, đối với vị Tỷ-kheo nào, mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống ở biên giới gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng lễ bái cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp cảnh giới của dục này đã được diệt trừ.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana thừa với Tôn giả Sariputta:

– Hiền giả Sariputta, một ví dụ khởi lên cho tôi!

– Hiền giả Moggallana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Hiền giả, một thời tôi ở thành Vương Xá, tại Giribbaja. Ngày Hiền giả, rồi tôi đắp y vào buổi sáng, mang theo y bát, vào thành Vương Xá để khát thực. Lúc bấy giờ, Samiti, con một người làm xe, đang đeo một vành xe, và tà mạng ngoại đạo Panduputta, trước là con của một người làm xe, đang đứng một bên. Rồi tà mạng ngoại đạo Panduputta trước là con một người làm xe, khởi lên ý nghĩ như sau: *"Mong rằng Samiti, con người thợ xe, hãy đeo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này, để vành xe này không có cong, không có đường méo, không có mắt gỗ, được tron tru và được đặt vào trong trục chính"*. Ngày Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Panduputta, trước là con một người làm xe suy nghĩ như thế nào, thời đúng như vậy, Samiti, con người làm xe, đeo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này của vành xe ấy. Ngày Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Panduputta trước là con người làm xe, hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ như sau: *"Hình như người này đang đeo (vành xe ấy) như là với tâm của anh ta, anh ta*

biết tâm ta vậy".

Này Hiền giả, những ai không có lòng tin, vì mục đích sinh sống, không phải vì lòng tin mà xuất gia, sống đời sống vô gia đình, những vị gian nguy, xảo trá, khi cuống, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lăm lòi, tạp thoại, không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không tha thiết với hạnh Sa-môn, không nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, ưa sống sung túc, biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, chối bỏ trọng trách sống viễn ly, giải đãi không tinh tấn, lãng quên không chú niệm, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, đần độn. Tôn giả Sariputta với pháp môn này, như là với tâm của Tôn giả, *Tôn giả biết tâm của những hạng người ấy.*

Những kẻ Thiện nam tử, do lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; những vị nào không gian nguy, không xảo trá, không khi cuống, không trạo cử, không kiêu mạn, không dao động, không lăm lòi, không tạp thoại, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, tha thiết với hạnh Sa-môn, nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, không sống trong sung túc, không biếng nhác, bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc, dẫn đầu về viễn ly, tinh cần, tinh tấn, nỗ lực, chú tâm cảnh giác, định tâm, nhất tâm, có trí tuệ, không đần độn. *Những vị này sau khi nghe pháp môn*

này của Tôn giả Sariputta, hình như đang uống, hình như đang nếm với lời nói và tâm ý. Thật lành thay, một vị Tôn giả đồng phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!

Này Hiền giả, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ sanh hoa, hay một vòng thiện tư hoa, dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt trên đỉnh đầu. Này Hiền giả, cũng vậy những Thiện nam tử vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, không gian nguy... (như trên)... Thật lành thay một Tôn giả đồng phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!

Như vậy hai vị cao đức ấy cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

206 Cầu uế - 8 cầu uế - Kinh CÁC CẦU UẾ – Tăng III, 553

CÁC CẦU UẾ – Tăng III, 553

1. - Nay các Tỷ-kheo, có tám cầu uế này.

2. Thế nào là tám?

Nay các Tỷ-kheo,

- Không đọc tụng là cầu uế của Thánh điển
- Không thức dậy là cầu uế của nhà
- Biếng nhác là cầu uế của dung sắc;
- Phóng dật là cầu uế của phòng hộ
- Ác hạnh là cầu uế của đàn bà;
- Xan tham là cầu uế của bố thí;
- Các pháp ác, bất thiện, là cầu uế của đời này và đời sau.
- Nhưng nay các Tỷ-kheo, còn có cầu uế lớn hơn các cầu uế: **Vô minh là cầu uế lớn nhất.**

Nay các Tỷ-kheo, đây là tám loại cầu uế.

*Không tụng làm nhóp kinh
Không dậy làm nhóp nhà
Biếng nhác nhóp dung sắc*

*Phóng dật nhóp phòng hộ
Ác hạnh nhóp mỹ nhân
Xan tham nhóp bố thí
Các pháp ác làm nhóp
Đời này và đời sau
Nhưng có loại cầu uế
Hơn tất cả cầu uế
Đấy chính là **vô minh**
Là cầu uế lớn nhất.*

207 Cầu uế - Cầu uế của tâm - Kinh VÍ DỤ TẮM VẢI – 7 Trung I, 87

KINH VÍ DỤ TẮM VẢI
(*Vatthupatna sutta*)
– Bài kinh số 7 – *Trung I*, 87

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Bạch Thế Tôn", các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cầu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím - vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **cõi ác chờ đợi một tâm cầu uế.**

Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy

vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Đây các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, đây các Tỷ-kheo, **cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu uế.**

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là những **cấu uế của tâm?**

- Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm,
- Sân là cấu uế của tâm,
- Phẫn là cấu uế của tâm,
- Hận là cấu uế của tâm,
- Hư ngụy, nã hại, tật đố, xan tham, mạn trá, khi cuống, ngoan cố, cấp tháo, quá mạn, kiêu, phóng dật là cấu uế của tâm.

Đây các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào **nghĩ rằng**: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm" và sau khi biết vậy, **vị ấy đoạn trừ tham dục, tà tham cấu uế của tâm**; nghĩ rằng: "Sân là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm; phẫn... hận... hư ngụy... nã hại, tật đố, xan tham, mạn trá, khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; nghĩ rằng: "Phóng dật là cấu uế của tâm" thì

sau khi biết vậy, **vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm.**

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo **biết được**: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm", tham dục, tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, ... sân... phẫn... hận... hư nguy... não hại... tật đồ... xan tham... mạn trá... khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; khi nào Tỷ-kheo biết được: "Phóng dật là cấu uế của tâm", phóng dật, **cấu uế của tâm được diệt trừ.**

- Tỷ-kheo ấy **thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Phật**: Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn;
- Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí chứng hiểu;
- Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với chúng Tăng: Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh

là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Đến giai đoạn này, đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly.

- *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Thế Tôn", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*
- *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*
- *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan hỷ sanh; từ hỷ, thân được*

khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

- *Vị ấy tự nghĩ: "Đến giai đoạn này, đối với Ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh; từ hỷ, thân khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, **giới** như vậy, **pháp** như vậy, **tuệ** như vậy - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. *Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món canh, với các món ăn khác, cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

Vị ấy an trú, **biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy biết: *"Có cái này, có cái hạ liệt, có cái cao thượng, có sự giải thoát vượt qua các tưởng"*. Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát, sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabharadvaja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có đi đến sông Bahuka để tắm rửa không?

– Nay Bà-la-môn, sông Bahuka là gì? Sông Bahuka có làm được lợi ích gì?

– Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gội sạch các ác nghiệp trong sông Bahuka.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarikabharadvaja:

*Trong sông Bāhukà
Tại Adhikakkà,
Tại cả sông Gayà
Và Sundarikà,
Tại Sarassatì
Và tại Payàna,
Tại Bāhumatì,
Kẻ ngu dầu thường tắm,
Ác nghiệp không rửa sạch.
Sông Sundarikà
Có thể làm được gì?
Payàga làm gì?
Cả sông Bāhukà?*

*Không thể rửa nghiệp đen
Của kẻ ác gây tội.*

*Đối kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày tốt,
Với kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày lành,
Các tịnh nghiệp thanh tịnh,
Luôn thành tựu (thiện) hạnh.
Này vị Bà-la-môn,
Chỉ nên tắm ở đây,
Khiến mọi loài chúng sanh,
Được sống trong an ổn.
Nếu không nói dối trá,
Nếu không hại chúng sanh,
Không lấy của không cho,
Có lòng tín, không tham,
Đi Gayà làm gì,
Gayà một giếng nước?*

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn
Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi
diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như
người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống,

phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ đại giới!

Bà-la-môn Sundarikabharadvaja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ đại giới, Tôn giả Bharadvaja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại, vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Như vậy, Tôn giả Bharadvaja trở thành một vị A-la-hán nữa.

208Cầu uest - Kinh KHÔNG UẾ NHIỄM – 5

Trung I, 59

KINH KHÔNG UẾ NHIỄM
(*Anangana sutta*)
– Bài kinh số 5 – *Trung I*, 59

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở tại đây, Tôn giả Sariputta (Xá lợi Phất) gọi các Tỷ-kheo. "Chư Hiền Tỷ-kheo". - "Thưa Hiền giả", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

Này chư Hiền, ở đời có **bốn hạng người**. Thế nào là bốn?

- Chư Hiền, ở đây, có hạng người *có cầu uest, nhưng không như thật tuệ tri*: "Nội thân ta có cầu uest".
- Có hạng người *có cầu uest, và như thật* tuệ tri: "Nội thân ta có cầu uest".
- Có hạng người *không có cầu uest, nhưng không*

nếu thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế".

- Có hạng người *không có cấu uế và như thật tuệ tri*: "Nội thân ta không có cấu uế".

Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Trong hai hạng người có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là **hạng người hạ liệt**.

Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Trong hai hạng người có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là **hạng người ưu thắng**.

Chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Trong hai hạng người không có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt.

Chư Hiền, ở đây, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Trong hai hạng người không có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng.

Được nói như vậy, Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên) nói với Tôn giả Sariputta như sau:

– Tôn giả Sariputta, do nhân gì, do duyên gì, trong hai hạng người có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng? Tôn giả Sariputta, do nhân gì, do duyên gì trong hai hạng người không có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng?

– Ở đây, Hiền giả, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm". Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian càng ô nhiễm hơn, càng đầy bụi bặm hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này

sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn nhiễm".

Ở đây, này Hiền giả, hạng người có cấu uế, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm". Này Hiền giả, giống như cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian được thanh tịnh hơn, được sạch sẽ hơn.

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta có cấu uế". Với hạng người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn, để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ từ trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi

không còn cầu uest, trong khi tâm không còn ô nhiễm".

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cầu uest nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cầu uest". Với người này, có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cầu uest, trong khi tâm còn ô nhiễm". *Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ. Và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng ô nhiễm hơn, càng bụi bặm hơn.*

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người không có cầu uest nhưng không như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cầu uest". Với người này có thể chờ đợi sau: "Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cầu uest, trong khi tâm còn ô nhiễm".

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ từ trần, trong khi không có tham, không có sân, không có si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm". *Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng được thanh tịnh hơn, càng được sạch sẽ hơn.*

– Này Hiền giả, sự thật là vậy.

– Này Hiền giả, như vậy hạng người không có cấu uế, và như thật tuệ tri: "Nội thân ta không có cấu uế". Với người này có thể chờ đợi như sau: "Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm người này. Người này sẽ từ trần, không có tham, không có sân, không có si, không còn cấu uế, tâm không còn ô nhiễm".

Này Hiền giả Moggallana, do nhân này, do

duyên này, trong hai người có cầu uest này, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng. Nay Hiền giả Moggallana, do nhân này, do duyên này, trong hai người này không có cầu uest, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng.

Này Hiền giả, cầu uest gọi là cầu uest, danh từ gì là đồng nghĩa cái gọi là cầu uest?

- Này Hiền giả, **các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục là đồng nghĩa cái gọi là cầu uest.**

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo chớ có biết về ta rằng là đã phạm giới tội"*. Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo có thể biết được các Tỷ-kheo ấy đã phạm giới tội. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo đã biết được ta đã phạm giới tội". Do đó, **vi này trở thành phần nộ và bất mãn. Phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cầu uest.**

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo hãy quả trách ta ở chỗ kín đáo, không phải ở giữa Tăng chúng"*. Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo quả trách Tỷ-kheo ấy ở giữa Tăng chúng, không phải

ở chỗ kín đáo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo quở trách ta ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ, và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng một Tỷ-kheo đồng đẳng hãy quở trách ta, chớ không phải một vị không đồng đẳng"*. Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách Tỷ-kheo ấy, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách ta, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng bậc Đạo Sư hãy hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo! Mong rằng bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo!"*. Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo ấy nhiều lần trong

khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Bậc Đạo Sư không hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo". Do đó, vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng các Tỷ-kheo hãy để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm! Mong rằng các Tỷ-kheo không để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm!"* Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để Tỷ-kheo ấy đi trước trong khi vào làng để dùng cơm. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm". Do đó vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng tại chỗ ăn, ta được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ*

ăn khát thực tốt nhất! Mong rằng Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất!" Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất; còn Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tại chỗ ăn, ta không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng tại chỗ ăn sau khi ăn xong, ta sẽ thuyết tùy hỷ pháp, không phải Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, sẽ thuyết pháp tùy hỷ pháp!"* Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp; Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp. Ta tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp". Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả,

phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, chứ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá!"* Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, còn ta không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni tụ tập tại ngôi tịnh xá,... (như trên)... ta sẽ thuyết pháp cho các Nam cư sĩ... ta sẽ thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá, chứ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá!"* Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Nữ

cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn ta không thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá". Do đó, vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta; các vị Tỷ-kheo chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác!"* Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Tỷ-kheo không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác chớ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nô và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng các Tỷ-kheo-ni... (như trên)... các Nam cư sĩ... (như trên)... các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái,*

cúng dường một Tỷ-kheo khác!" Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác; các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nô và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng ta nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo khác không nhận được các y phục tối thắng!"* Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng, Tỷ-kheo ấy không nhận được các y phục tối thắng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng; ta không nhận được các y phục tối thắng". Do đó vị này trở thành phần nô và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nô và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng ta nhận được các đồ ăn khát thực tối thắng... (như trên)... các sàng tọa tối thắng, các được phẩm trị*

bệnh tối thắng. Tỷ-kheo khác không nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng!" Đây Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng, còn Tỷ-kheo ấy không nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng". Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Một Tỷ-kheo khác nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng; còn ta không nhận được các được phẩm trị bệnh tối thắng". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Đây Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Này Hiền giả, **các ác bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là đồng nghĩa cái gọi là cấu uế.**

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này **còn được thấy và nghe là chưa được diệt trừ**, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khát thực, thứ lớp khát thực từng nhà một, theo hạnh mang phần tảo y, mặc y phục thô xấu, *thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy*. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới dục của Tỷ-kheo chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, ví như một bát bằng đồng, mang từ chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh

tịnh, sạch sẽ. Nhưng người chủ của bát ấy đựng đầy bát với xác rắn, xác chó hay xác người, đẩy lại với một cái bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Có người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp để ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì với người ấy, không ưa thích khởi lên, sự ghê tởm khởi lên, và sự yếm ố khởi lên. Những người đói còn chưa muốn ăn các thứ ấy, huống nữa là những người đã no.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và được nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khát thực, thứ lớp khát thực từng nhà một, theo hạnh mang phần tảo y, mặc y phục thô xấu, *thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy.* Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này **được thấy và được nghe là đã diệt trừ**, nếu Tỷ-kheo ấy sống gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, *thời các đồng phạm hạnh cung kính,*

tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục của vị Tỷ-kheo ấy đã được diệt trừ.

Này Hiền giả, ví như một bát đồng, mang từ hàng chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Người chủ cái bát ấy đựng đầy với gạo ngon, cơm lành, các hột đen đã lấy ra, các loại đồ ăn, đặt lại với một bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Các người thấy vậy bèn hỏi: "Bạn mang cái gì có vẻ đẹp để ngon lành vậy?" Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì đối với người ấy, ưa thích khởi lên, sự không ghê tởm khởi lên, sự không yếm ó khởi lên. Người no còn muốn ăn các thứ ấy huống nữa là người đói.

Này Hiền giả, cũng vậy, đối với vị Tỷ-kheo nào, mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống ở biên giới gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng lễ bái cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp cảnh giới của dục này đã được diệt trừ.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana thừa với Tôn giả Sariputta:

– Hiền giả Sariputta, một ví dụ khởi lên cho tôi!

– Hiền giả Moggallana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Hiền giả, một thời tôi ở thành Vương Xá, tại Giribbaja. Ngày Hiền giả, rồi tôi đắp y vào buổi sáng, mang theo y bát, vào thành Vương Xá để khát thực. Lúc bấy giờ, Samiti, con một người làm xe, đang đeo một vành xe, và tà mạng ngoại đạo Panduputta, trước là con của một người làm xe, đang đứng một bên. Rồi tà mạng ngoại đạo Panduputta trước là con một người làm xe, khởi lên ý nghĩ như sau: *"Mong rằng Samiti, con người thợ xe, hãy đeo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này, để vành xe này không có cong, không có đường méo, không có mắt gỗ, được tron tru và được đặt vào trong trục chính"*. Ngày Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Panduputta, trước là con một người làm xe suy nghĩ như thế nào, thời đúng như vậy, Samiti, con người làm xe, đeo đường cong này, đường méo này và các mắt gỗ này của vành xe ấy. Ngày Hiền giả, tà mạng ngoại đạo Panduputta trước là con người làm xe, hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ như sau: *"Hình như người này đang đeo (vành xe ấy) như là với tâm của anh ta, anh ta*

biết tâm ta vậy".

Này Hiền giả, những ai không có lòng tin, vì mục đích sinh sống, không phải vì lòng tin mà xuất gia, sống đời sống vô gia đình, những vị gian nguy, xảo trá, khi cuống, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lăm lòi, tạp thoại, không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không tha thiết với hạnh Sa-môn, không nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, ưa sống sung túc, biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, chối bỏ trọng trách sống viễn ly, giải đãi không tinh tấn, lãng quên không chú niệm, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, đần độn. Tôn giả Sariputta với pháp môn này, như là với tâm của Tôn giả, *Tôn giả biết tâm của những hạng người ấy.*

Những kẻ Thiện nam tử, do lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; những vị nào không gian nguy, không xảo trá, không khi cuống, không trạo cử, không kiêu mạn, không dao động, không lăm lòi, không tạp thoại, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, tha thiết với hạnh Sa-môn, nhiệt thành tôn trọng Phật pháp, không sống trong sung túc, không biếng nhác, bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc, dẫn đầu về viễn ly, tinh cần, tinh tấn, nỗ lực, chú tâm cảnh giác, định tâm, nhất tâm, có trí tuệ, không đần độn. *Những vị này sau khi nghe pháp môn*

này của Tôn giả Sariputta, hình như đang uống, hình như đang nếm với lời nói và tâm ý. Thật lành thay, một vị Tôn giả đồng phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!

Này Hiền giả, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ sanh hoa, hay một vòng thiện tư hoa, dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt trên đỉnh đầu. Này Hiền giả, cũng vậy những Thiện nam tử vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, không gian nguy... (như trên)... Thật lành thay một Tôn giả đồng phạm hạnh đã khiến cho vượt khỏi bất thiện và an trú vào chánh thiện!

Như vậy hai vị cao đức ấy cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

209 Cần nhiệt tình làm mạnh - Kinh NHIỆT TÌNH TINH TẤN – Tăng I, 273

NHIỆT TÌNH TINH TẤN – *Tăng I, 273*

❖ Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Thế nào là ba?

- Các ác bất thiện pháp chưa sanh, cần **nhiệt tình làm mạnh** đừng cho sanh.
- Các Thiện pháp chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh để cho sanh.
- Để chịu đựng các thân thọ khổ đã sanh, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, cần nhiệt tình làm mạnh.

Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh.

Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh đừng để cho sanh, đối với các pháp thiện chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh để cho sanh khởi. Để chịu đựng các thân thọ khổ đã sanh, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, nhiệt tình làm mạnh. Tỷ-kheo ấy, được

gọi là vị có nhiệt tình, thận trọng, chánh niệm để
chọn chánh đoạn tận khổ đau.

210 Cần phải - 5 sự kiện cần phải quan sát - KINH SỰ KIỆN CẦN PHẢI QUAN SÁT – Tầng II, 421

SỰ KIỆN CẦN PHẢI QUAN SÁT – Tầng II, 421

1.- Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên **quán sát** bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

2. Thế nào là năm?

- "*Ta phải bị già, không thoát khỏi già*" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.
- "*Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh*" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.
- "*Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết*" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.
- "*Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác sẽ phải biến diệt*", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.
- "*Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến*

thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

→ *Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?*

3. Có những loài hữu tình, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ, say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, **sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu**. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

→ *Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, ta không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?*

4. Có những loài hữu tình khỏe mạnh, kiêu mạn trong khỏe mạnh. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên

quán sát sự kiện này, **sự kiêu mạn khỏe mạnh trong khỏe mạnh** được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

→ Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, **"Ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết"**, là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

5. Có những loài hữu tình đang sống, kiêu mạn trong sự sống. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, **sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận** hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

→ Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, **"Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt"** là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

6. Có những loài hữu tình, có lòng tham dục đối với các vật khả ái. Do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên **tham dục đối với các vật khả ái** được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

→ Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của **nghiệp**, là thừa tự của **nghiệp**, **nghiệp** là thai tạng, **nghiệp** là quyến thuộc, **nghiệp** là điểm tựa. Phàm **nghiệp** nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự **nghiệp** ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

7. Có những loài hữu tình, **thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác**. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy, **ác hạnh** được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của **nghiệp**, là thừa tự của **nghiệp**, **nghiệp** là thai tạng, **nghiệp** là quyến thuộc, **nghiệp** là điểm tựa. Phàm **nghiệp** nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự **nghiệp** ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên

quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

8. Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau:

- *"Không phải chỉ một mình ta **già**, không thoát khỏi già, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi già".*
Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.
- *"Không phải chỉ một mình ta bị **bệnh**, không thoát khỏi bệnh, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh".* Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

- "Không phải chỉ một mình ta bị chết, không thoát khỏi chết, nhưng phàm có những loài hữu tình nào, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy phải bị chết, không thoát khỏi chết..." ...
- "Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một mình ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, các pháp khả ái, khả ý của tất cả loài hữu tình ấy sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt..." .
- "Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy." Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Bị bệnh và bị già,
Lại thêm phải bị chết,
Pháp yếu là như vậy,
Hữu tình là như vậy.
Phàm phu sanh nhàm chán,
Thật không hợp cho Ta,
Nếu Ta cũng nhàm chán,
Đối với các chúng sanh,
Cùng chung một số phận.
Trong khi đời sống Ta,
Không khác gì đời họ,
Ta được sống như vậy,
Kiêu mạn trong không bệnh,
Trong tuổi trẻ sinh mạng,
Tất cả Ta nhiếp phục
Phát xuất từ an ổn,
Ta thấy hạnh viên ly,
Ta phát tâm đồng mãnh,
Thấy được cảnh Niết-bàn.
Nay Ta không có thể,
Hưởng thọ các dục vọng,
Ta sẽ không thói đọa,
Chứng cứu cánh Phạm hạnh.

211 Cần phải - Cần phải biết - Kinh PHÂN BIỆT SÁU XỨ – 137 Trung III, 499

KINH PHÂN BIỆT SÁU XỨ
(*Salayatanaṭṭhāna sutta*)
– Bài kinh số 137 – Trung III, 499

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông **phân biệt sáu xứ**. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có **sáu nội xứ cần phải biết**. Có **sáu ngoại xứ cần phải biết**. Có **sáu thức thân cần phải biết**. Có **sáu xúc thân cần phải biết**. Có **mười tám ý hành cần phải biết**. Có **ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết**. Tại đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này. Có **ba niệm xứ** mà một bậc Thánh phải thực hành, và

có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng. Trong các bậc Huân luyện sư, vị ấy được gọi là bậc **Vô thượng Điều ngự sư**, điều phục các hạng người đáng được điều phục. Đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ.

Khi được nói đến "**Sáu nội xứ cần phải biết**", do duyên gì, được nói đến như vậy? **Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ**. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Sáu ngoại xứ cần phải biết**", do duyên gì, được nói đến như vậy? **Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ**. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Sáu thức thân cần phải biết**", do duyên gì, được nói đến như vậy? **Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức**. Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Sáu xúc thân cần phải biết**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc**. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Mười tám ý hành cần phải biết**", do duyên gì được nói đến như vậy?

Sau khi mắt thấy sắc, (ý) chạy theo sắc trú xứ của
hỷ, chạy theo sắc trú xứ của ưu, chạy theo sắc trú
xứ của xả;

Sau khi tai nghe tiếng.. (như trên)...;
sau khi mũi ngửi hương... (như trên)...

Sau khi lưỡi nếm vị... (như trên)....

Sau khi thân cảm xúc.. (như trên)...

Sau khi ý nhận thức pháp, ý chạy theo pháp khởi
lên hỷ, chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp
khởi lên xả.

Như vậy, có **sáu hỷ hành, có sáu ưu hành, có sáu
xả hành**. Khi được nói đến "Mười tám ý hành cần
phải biết", chính do duyên này, được nói đến như
vậy.

*Khi được nói đến "**Ba mươi sáu loại hữu tình cần
phải biết**", do duyên gì, được nói đến như vậy?*

Sáu hỷ liên hệ tại gia,
Sáu hỷ liên hệ xuất ly,
Sáu ưu liên hệ tại gia,
Sáu ưu liên hệ xuất ly,
Sáu xả liên hệ tại gia,
Sáu xả liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ tại gia? Có hỷ
khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được
các sắc do con mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả
lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được
những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã

biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ tại gia. Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức ... (như trên) ... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức.. (như trên)... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến thể vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến tại gia. Sáu hỷ này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ đến xuất ly? Sau khi biết các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên.** Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)...; các hương... (như trên)... các vị.. (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sáu hỷ này liên hệ đến xuất ly.

*Ở đây, thế nào là sáu **ưu liên hệ tại gia**? Có ưu khởi lên; hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thể vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ tại gia. Có ưu khởi lên, hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức.. (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức ... (như trên) ... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thể vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ đến tại gia. Sáu ưu này liên hệ đến tại gia.*

*Ở đây, thế nào là sáu **ưu liên hệ đến xuất ly**? Sau khi biết được các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng*

giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.... (như trên)... các hương.. (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi sự thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sáu ưu này liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ tại gia? Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu thấy sắc với con mắt, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không chinh phục được quả dị thực, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi sắc pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu nghe tiếng với tai... (như trên)...; ngửi hương với mũi.. (như trên)...; nếm vị với lưỡi.. (như trên)...; cảm xúc với thân... (như trên)...; nhận thức pháp với ý, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không

chinh phục được quả dị thực, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi các pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Sáu xả này liên hệ tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ xuất ly? Sau khi biết sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên.** Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.. (như trên)...; các hương... (như trên).. các vị... (như trên).. các xúc.. (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến, hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sáu xả này liên hệ xuất ly.

Khi được nói đến "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "***Ở đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này***", do duyên gì, được nói đến như vậy? Tại đây, này các Tỷ-kheo, **do y cứ do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ tại**

gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **do y cứ, do duyên sáu ưu liên hệ xuất ly; đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ tại gia.** Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **do y cứ, do duyên sáu xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu xả liên hệ tại gia.** Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu **hỷ liên hệ xuất ly**, đoạn tận, vượt qua sáu **ưu liên hệ xuất ly**. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên **xả liên hệ xuất ly**, đoạn tận, vượt qua sáu **hỷ liên hệ xuất ly**. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Này các Tỷ-kheo, có xả đa diện, y cứ đa diện; có xả nhứt diện, y cứ nhứt diện.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là xả đa diện, y cứ đa diện? Này các Tỷ-kheo, có xả đối với các sắc pháp, có xả đối với các tiếng, có xả đối với các hương, có xả đối với các vị có xả đối với các xúc. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả đa diện, y cứ đa diện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện? Có xả y cứ Hư không vô biên xứ, có xả

y cú Thức vô biên xứ, có xả y cú Vô sở hữu xứ, có xả y cú Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả nhứt diện, y cú nhứt diện.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do y cú, do duyên xả nhứt diện, xả y cú nhứt diện, đoạn tận vượt qua xả đa diện, xả y cú đa diện. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này.

Này các Tỷ-kheo, do y cú không tham dục, do duyên không tham dục, đoạn tận, vượt qua xả nhứt diện, xả y cú nhứt diện ấy. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này. Khi được nói đến "Tại đây do y cú cái này, đoạn tận cái này", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến: "**Có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng**", do duyên gì, được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Một số đệ tử của bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lắng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, nhưng sống không có dao động, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-

kheo, đây là niệm xứ thứ nhất, một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Một số đệ tử bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lắng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Có một số đệ tử khéo nghe, lắng tai, an trú tâm vào chánh trí, và không hành động ngược lại lời dạy của

bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, không có không hoan hỷ, không có cảm giác không hoan hỷ; sau khi đoạn bỏ cả hai, hoan hỷ và không hoan hỷ, Như Lai trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này

các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ hai, một bậc Thánh phải thực hành... (như trên).. diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có bậc Đạo Sư thuyết pháp cho các đệ tử ... (như trên) ... "... đây là an lạc cho các Ông". Đệ tử của bậc Đạo Sư ấy khéo nghe, lắng tai, an trú tâm vào chánh trí và không đi ngược lại lời dạy của bậc Đạo Sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như lai hoan hỷ, và cảm giác hoan hỷ, sống không dao động, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo,

đây là niệm xứ thứ ba, một bậc Thánh phải thực hành ... (như trên) ... diễn giảng cho đồ chúng. Khi được nói đến "Có ba niệm xứ, một bậc Thánh phải thực hành, và có (thực hành) niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng đáng là bậc Đạo sư diễn giảng cho đồ chúng", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Trong các vị Huân luyện sư, vị ấy được gọi là vị Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng được điều phục**", do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, một con voi được điều phục do một vị điều ngự tượng sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... phương Đông, phương Tây, phương Bắc hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con ngựa được điều phục do một vị điều ngự mã sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con bò được điều phục do một vị điều ngự sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương ... hay phương Nam.

Này các Tỷ-kheo, **một người được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp cả tám phương:**

Có sắc, thấy các sắc pháp; đó là phương thứ nhất. Không có tướng nội sắc, thấy các ngoại sắc; đó là phương thứ hai.

Nghĩ đến thanh tịnh, chú tâm trên ấy; đó là phương thứ ba.

Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tướng, diệt trừ đối ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng; và nghĩ rằng "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ; đó là phương thứ tư.

Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ; đó là phương thứ năm.

Vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có gì cả", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu.

Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô sở hữu xứ; chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ; đó là phương thứ bảy.

Vượt qua một cách hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tướng (định); đó là phương thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, **một người đáng được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp tám phương này.** Khi được nói đến "Trong các vị Huân luyện sư, vị ấy được gọi là Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng điều phục", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

212 Cần phải - Cần phải chứng ngộ bằng thân, niệm, mắt, trí tuệ - Kinh CHỨNG NGỘ – Tăng II, 167

CHỨNG NGỘ – *Tăng II, 167*

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này cần phải chứng ngộ. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo,

- Có pháp cần phải chứng ngộ bằng thân;
- Có pháp, cần phải chứng ngộ bằng niệm;
- Có pháp, cần phải chứng ngộ bằng mắt;
- Có pháp, cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng thân?

- **Tám giải thoát**, cần phải chứng ngộ bằng thân.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng niệm?

- **Đời sống trước**, cần phải chứng ngộ bằng niệm.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng con mắt?

- **Sanh tử của chúng sanh**, cần phải chứng ngộ bằng con mắt.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ?

- **Sự đoạn diệt các lậu hoặc**, cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này cần phải chứng ngộ.

213Cần phải - Cần phải trọn đời ghi nhớ - Kinh BA CHỖ – Tăng I, 189

BA CHỖ – Tăng I, 189

❖ Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

- Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh được sanh ra; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.
- Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly được làm lễ quán đánh; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh sau khi chiến thắng một trận, tại chỗ vị ấy chiếm như là cầm đầu trong cuộc chiến thắng; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.

❖ Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

- *Tại chỗ nào, một Tỷ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.*
- *Lại nữa, tại chỗ nào, Tỷ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến khổ diệt"; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.*
- *Lại nữa, tại chỗ nào, một Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.*

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

214 Cầu bắt đắc khổ - Định nghĩa - Kinh PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT – 141 Trung III, 559

KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT (*Saccavibhangacitta sutta*) – Bài kinh số 141 – Trung III, 559

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Baranasi (Ba la nại), Isipatana (chỗ chur Tiên đạo), tại Migadaya (Lộc Uyển). Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chur Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-là-môn, chur Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, **tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh-đế.**

Thế nào là bốn? Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết.. về Tập khổ Thánh đế; sự

khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt đạo Thánh đế. Vô thượng Pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba la nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn .. hay một ai ở đời có thể chận đứng.. tức là sự khai thị, tuyên thuyết.. bốn Thánh đế.

Này các Tỷ-kheo, hãy thân cận Sariputta và Moggallana, Này các Tỷ-kheo, hãy gần gũi Sariputta và Moggallana; các vị ấy là những Tỷ-kheo hiền trí (pandita), là những vị sách tấn các đồng Phạm hạnh. **Như một sanh mẫu**, này các Tỷ-kheo, như vậy là Sariputta! **Như một dưỡng mẫu**, như vậy là Moggallana! Này các Tỷ-kheo, ***Sariputta hướng dẫn đến quả Dự lưu, còn Moggallana hướng dẫn đến tối thượng nghĩa.*** Này Tỷ-kheo, Sariputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt hiển lộ một cách rộng rãi bốn Thánh đế.

Thế Tôn nói như vậy; nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá.

Tại đây, Tôn giả Sariputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

– "Này chư Hiền".

– "Thưa vâng, Hiền giả". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba la nại...

sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ diệt đạo Thánh đế.

*Và này chư Hiền, thế nào là **Khổ Thánh đế**?*

Sanh là khổ, già là khổ, (bệnh là khổ), chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ.

Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

Này chư Hiền, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủ hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi.

Này chư Hiền như vậy gọi là chết.

Này chư Hiền, thế nào là sầu? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ

khác, sự sầu của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là sầu.

*Nay chư Hiền, thế nào là **bi**?* Nay chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là bi.

*Nay chư Hiền, thế nào là **khổ**?* Nay chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Nay chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

*Nay chư Hiền, thế nào là **ưu**?* Nay chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Nay chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

*Nay chư Hiền, thế nào là **não**?* Nay chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là não.

*Nay chư Hiền, thế nào là **cầu bất đắc khổ**?* Nay chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất

đắc khổ. Nay chư Hiền, chúng sanh bị già chi phôi... chúng sanh bị bệnh chi phôi... chúng sanh bị chết chi phôi... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phôi, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phôi!" Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu não!" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư Hiền, như thế nào là tóm lại, năm thủ uẩn là khổ? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nay chư Hiền, như vậy tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là **Khổ tập Thánh đế**? Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Nay chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

Này chư Hiền, và thế nào là **Khổ diệt Thánh đế**? Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Nay chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là **Khổ diệt đạo Thánh đế**? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? **Tự chế** không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiến. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? **Tự chế** không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với cái ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết

tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đây chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đây chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm, (Tỷ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba (Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khô diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế. Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

215 Cầu bắt đắc khổ là gì - Kinh PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT – 141 Trung III, 559

KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT (*Saccavibhangacitta sutam*) – Bài kinh số 141 – Trung III, 559

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Baranasi (Ba la nại), Isipatana (chỗ chur Tiên đạo), tại Migadaya (Lộc Uyển). Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chur Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-là-môn, chur Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, **tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh-đế.**

Thế nào là bốn? Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết.. về Tập khổ Thánh đế; sự

khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt đạo Thánh đế. Vô thượng Pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba la nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn .. hay một ai ở đời có thể chặn đứng.. tức là sự khai thị, tuyên thuyết.. bốn Thánh đế.

Này các Tỷ-kheo, hãy thân cận Sariputta và Moggallana, Này các Tỷ-kheo, hãy gần gũi Sariputta và Moggallana; các vị ấy là những Tỷ-kheo hiền trí (pandita), là những vị sách tấn các đồng Phạm hạnh. **Như một sanh mẫu**, này các Tỷ-kheo, như vậy là Sariputta! **Như một dưỡng mẫu**, như vậy là Moggallana! Này các Tỷ-kheo, ***Sariputta hướng dẫn đến quả Dự lưu, còn Moggallana hướng dẫn đến tối thượng nghĩa.*** Này Tỷ-kheo, Sariputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt hiển lộ một cách rộng rãi bốn Thánh đế.

Thế Tôn nói như vậy; nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá.

Tại đây, Tôn giả Sariputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

– "Này chư Hiền".

– "Thưa vâng, Hiền giả". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba la nại...

sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ diệt đạo Thánh đế.

*Và này chư Hiền, thế nào là **Khổ Thánh đế**?*

Sanh là khổ, già là khổ, (bệnh là khổ), chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ.

Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

*Này chư Hiền, thế nào là **sanh**?* Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

*Này chư Hiền, thế nào là **già**?* Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủ hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

*Này chư Hiền, thế nào là **chết**?* Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi.

Này chư Hiền như vậy gọi là chết.

*Này chư Hiền, thế nào là **sầu**?* Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ

khác, sự sầu của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là sầu.

*Nay chư Hiền, thế nào là **bi**?* Nay chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là bi.

*Nay chư Hiền, thế nào là **khổ**?* Nay chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Nay chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

*Nay chư Hiền, thế nào là **ưu**?* Nay chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Nay chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

*Nay chư Hiền, thế nào là **não**?* Nay chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là não.

*Nay chư Hiền, thế nào là **cầu bất đắc khổ**?* Nay chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất

đắc khổ. Nay chư Hiền, chúng sanh bị già chi phôi... chúng sanh bị bệnh chi phôi... chúng sanh bị chết chi phôi... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phôi, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phôi!" Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não!" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư Hiền, như thế nào là tóm lại, năm thủ uẩn là khổ? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nay chư Hiền, như vậy tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là **Khổ tập Thánh đế**? Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Nay chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

Này chư Hiền, và thế nào là **Khổ diệt Thánh đế**? Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Nay chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là **Khổ diệt đạo Thánh đế**? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? **Tự chế** không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiến. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? **Tự chế** không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với cái ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết

tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đây chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đây chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm, (Tỷ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba (Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khô diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương),

Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

216 Cầu mong - 5 pháp thành tựu ước nguyện - Kinh ƯỚC NGUYỆN – Tăng IV, 412

ƯỚC NGUYỆN – Tăng IV, 412

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn Anàthapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bốn Pàtimokkha. Hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta được các đồng Phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và bắt chước"*. Tỷ-kheo ấy phải:

6. Thành tựu viên mãn giới luật.
7. Kiên trì nội tâm tịch tĩnh.
8. Không gián đoạn Thiền định.
9. Thành tựu quán hạnh.
10. Thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh"*, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta hưởng thọ các vật dụng như y áo, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh. Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn"*, Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung nghĩ (đến ta) với tâm hoan hỷ, (và nhờ vậy) được quả báo lớn, được lợi ích lớn". Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta **biết đủ** với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh"*,

Tỷ-kheo ấy phải sống đầy đủ giới... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta kham nhẫn với lạnh, nóng, đói khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, của loài bò sát, kham nhẫn những cách nói mạ ly phi báng, kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người", thời Tỷ-kheo ấy phải sống đầy đủ giới... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta nhhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không để lạc, bất lạc nhhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhhiếp phục lạc, bất lạc được khởi lên", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên).... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta nhhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên". Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được **bốn Thiền**, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú"*. Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Với sự **đoan tâm các lậu hoặc**, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát"*. Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống trong các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp**. Như vậy được nói đến, chính do duyên này được nói đến như vậy.

217 Cầu mong - 6 pháp đưa đến chứng đắc - Kinh CHỨNG ĐẮC – Tăng III, 243

CHỨNG ĐẮC – Tăng III, 243

1. - Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **không có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc**, hay không có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không thiện xảo khi đi vào,
- Không thiện xảo khi đi ra,
- Không thiện xảo khi đến gần,
- Không khởi lên ý muốn đạt được những thiện pháp chưa đạt được,
- Không phòng hộ các thiện pháp đã được chứng đắc,
- Không có cố gắng để kiên trì tiếp tục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. Thế nào là sáu?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo thiện xảo khi đi vào,
- Thiện xảo khi đi ra,
- Thiện xảo khi đến gần,
- Khởi lên ý muốn đạt được những thiện pháp chưa đạt được,
- Phòng hộ các thiện pháp đã được chứng đắc,
- Có cố gắng để kiên trì tiếp tục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc.

218 Cầu mong - 7 thù diệu sự - Kinh SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295

SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bảy sự thù diệu** này.
2. Thế nào là bảy?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo:

- Tha thiết **hành trì học pháp** và **khát vọng** hành trì học pháp trong tương lai.
- Tha thiết **quán Pháp** và khát vọng quán Pháp trong tương lai.
- Tha thiết **niếp phục lòng dục** và khát vọng nhiếp phục lòng dục trong tương lai.
- Tha thiết **Thiền tịnh** và khát vọng Thiền tịnh trong tương lai.
- Tha thiết **tinh cần** tinh tấn và khát vọng tinh cần tinh tấn trong tương lai.
- Tha thiết **niệm tuệ** và khát vọng niệm tuệ trong tương lai.
- Tha thiết **thể nhập tri kiến** và **khát vọng** thể nhập tri kiến trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy căn bản để được tán
thán.

219 Cầu mong - Thánh cầu, phi Thánh cầu - Kinh THÁNH CẦU – 26 Trung I, 361

KINH THÁNH CẦU (Ariyapariyesanasuttam)

– Bài kinh số 26 – *Trung I*, 361

Tôi nghe như vậy:

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika, (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát Savatthi để khát thực. Có một số đông Tỷ-kheo đến chỗ Tôn giả Ananda ở, sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

– Hiền giả, đã lâu chúng tôi chưa được tận mắt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Lành thay, Hiền giả Ananda, nếu chúng tôi được tận mắt nghe Thế Tôn thuyết pháp!

– Các Tôn giả hãy đến chỗ Bà-la-môn Rammaka ở, và các Tôn giả sẽ được tận mắt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda . Rồi Thế Tôn, khát thực ở Savatthi xong, sau buổi ăn trên con đường đi khát thực trở về, cho gọi Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbarama (Đông viên), ngôi lâu của Migaramatu (Lộc Mẫu Giảng Đường) để nghỉ trưa!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ananda đi đến vườn Pubbarama, ngôi lâu của Migaramatu để nghỉ trưa. Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbakotthaka để rửa tay, rửa chân.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ananda đi đến Pubbakotthaka để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakotthaka xong, Thế Tôn leo đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô. Rồi Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka không xa; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả ái; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả lạc; bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn vì lòng từ bi đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang hội họp tại tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka để thuyết pháp. Thế Tôn đứng chờ ngoài cửa cho đến khi thuyết pháp xong. Thế Tôn biết cuộc thuyết pháp đã xong, liền đảnh hăng và gõ vào thanh cửa. Các Tỷ-kheo ấy mở cửa cho Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bước vào tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka và ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các Người nay hội họp bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các Người bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, câu chuyện giữa chúng con thuộc về Thế Tôn và câu chuyện ấy bị gián đoạn khi Thế Tôn đến.

– Này các Tỷ-kheo, lành thay khi Thiện nam tử các Người, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống

không gia đình, cùng nhau hội họp để luận bàn đạo pháp. **Này các Tỷ-kheo, khi các Người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: luận bàn đạo pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.**

Này các Tỷ-kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu và phi Thánh cầu.

Chư Tỷ-kheo, và thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sanh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sanh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tầm cầu cái bị sanh.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị già? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị già; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm,

mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị bệnh? Đây các Tỷ-kheo, vợ con là bị bệnh; đây tứ nam, đây tứ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh. Đây các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì các Người nói là bị chết? Đây các Tỷ-kheo, vợ con là bị chết; đây tứ nam, đây tứ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Đây các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sầu? Đây các Tỷ-kheo, vợ con là bị sầu; đây tứ nam, đây tứ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu, gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Đây các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị ô nhiễm? Đây các Tỷ-kheo, vợ con là bị ô

nhiễm; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sâu... cái không sâu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, như vậy, gọi là Thánh cầu.

Này các Tỷ-kheo, Ta cũng vậy, trước khi Giác Ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già, lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sâu"... tự mình bị ô

nhiệm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. *Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau:* "Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... (như trên)... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta, tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ **Alara Kalama** ở, khi đến xong liền thưa với Alara Kalama: "Hiền giả Kalama, tôi muốn sống phạm hạnh trong pháp luật này". Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Alara Kalama nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống (và an trú). Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bôn sư của mình (chỉ dạy), tự

tri, tự chứng, tự đạt và an trú". Nay các Tỷ-kheo, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và nay các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Nay các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Alara Kalama tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, Ta mới an trú". Chắc chắn Alara Kalama biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú". Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Alara Kalama ở, sau khi đến Ta nói với Alara Kalama: "Hiền giả Kalama, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố pháp này?" Nay các Tỷ-kheo, được nói vậy, Alara Kalama tuyên bố về **Vô sở hữu xứ**. Rồi nay các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Alara Kalama có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Alara Kalama tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú". Rồi nay các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an

trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Alara Kalama ở, sau khi đến, Ta nói với Alara Kalama: "Này Hiền giả Kalama, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?" - "Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy". - "Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy". - "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!" Như vậy này các Tỷ-kheo, Alara Kalama là Đạo Sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: *"Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng*

đạt Vô sở hữu xứ". Như vậy này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ **Uddaka Ramaputta**, khi đến xong Ta nói với Uddaka Ramaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống phạm hạnh trong pháp luật này. Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Ramaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống (và an trú), pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bôn sư của mình (chỉ dạy) tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú". Này các Tỷ-kheo, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí, và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng Tọa), và Ta tự cho rằng Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Rama tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú". Chắc chắn Rama thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú". Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta ở, sau khi đến Ta nói với Uddaka Ramaputta: "Hiền giả Rama, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo được nghe nói vậy, Uddaka Ramaputta tuyên bố về **Phi tướng phi phi tướng xứ**.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rama mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rama mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rama mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rama mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rama tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, tự an trú". Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta ở, sau khi đến, Ta nói với Uddaka Ramaputta: "Này Hiền giả Rama, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?" - "Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy". - "Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy." Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi, tự tri tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như

vậy; Hiền giả như thế nào, Tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!" Như vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Ramaputta-là Đạo Sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ". Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

Này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chỉ thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma kiệt đà) và đến tại tụ lạc Uruvela (Ưu lâu tân loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khát thực. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khát thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một Thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh

tấn". Và này các Tỷ-kheo, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tỉnh tấn".

Rồi này các Tỷ-kheo, *Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn*; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái vô sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm,

vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Và trí và kiến khởi lên nơi Ta: Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sinh nữa.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau:

"Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Idapaccàyata Paticcasamuppada (Y Tánh Duyên Khởi Pháp); sự kiện này thật khó thấy; tức là sự tịch chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bức mình cho Ta!" Này các Tỷ-kheo, rồi những kẻ bất khả tư nghĩ, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta:

*Sao Ta nói Chánh pháp,
Được chứng ngộ khó khăn?
Nhưng ai còn tham sân,
Khó chứng ngộ pháp này.
Đi ngược dòng, thâm diệu,
Khó thấy, thật tế nhị,*

*Kẻ ái nhiễm vô minh,
Không thấy được pháp này.*

Rồi này các Tỷ-kheo, với những suy tư như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp.

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ Phạm thiên Sahampati khi biết được tâm tư của Ta; với tâm tư của mình, liền suy nghĩ: *"Than ôi, thế giới sẽ tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp"*. Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati, như một nhà lực sĩ đuổi cánh tay đang co, hay co cánh tay đang duỗi; cũng vậy, vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên, và hiện ra trước mặt Ta. Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai chấp tay hướng vái Ta và bạch với Ta: *"Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp"*. Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói vậy, lại nói thêm như sau:

*Xưa tại Magadha,
Hiện ra pháp bất tịnh,*

Pháp do tâm cấu uest,
Do suy tư tác thành.
Hãy mở tung mở rộng,
Cánh cửa bát tử này.
Hãy để họ nghe Pháp,
Bậc Thanh tịnh Chứng Ngộ.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi (tột cao)
Có người đứng nhìn xuống,
Đám chúng sanh quây quần.
Cũng vậy, ôi Thiện Tuệ,
Bậc Biến Nhãn cùng khắp,
Leo lên ngôi lâu đài,
Xây dựng bằng Chánh pháp
Bậc Thoát Ly sâu muện,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị sâu khổ áp bức,
Bị sanh già chi phối,
Đứng lên vị Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng chiến
trường.
Vị trưởng đoàn lữ khách,
Bậc Thoát Ly nợ nần.
Hãy đi khắp thế giới,
Bậc Thế Tôn Chánh Giác!
Hãy thuyết vi diệu pháp,
Người nghe sẽ thâm hiểu!

Này các Tỷ-kheo, sau khi biết được lời Phạm thiên yêu cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhãn, Ta nhìn quanh thế giới. Này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay hồ sen trắng có một số hoa sen xanh, sen hồng, hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước đắm ướt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Và này các Tỷ-kheo, Ta nói lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sahampati:

**Cửa bất tử rộng mở,
Cho những ai chịu nghe.**

Hãy từ bỏ tín tâm,
Không chính xác của mình.
Tự nghĩ đến phiền toái,
Ta đã không muốn giảng,
Tối thượng vi diệu pháp,
Giữa chúng sanh loài Người.
(Ôi Phạm
thiên)

Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati tự nghĩ: "Ta đã tạo cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng (về Ta) rồi biến mất tại chỗ.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: "*Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?*" Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Nay có Alara Kalama là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Alara Kalama, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này". Này các Tỷ-kheo, rồi chư Thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, **Alara Kalama đã mệnh chung bảy ngày rồi**". Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Alara Kalama đã mệnh chung bảy ngày rồi". Này các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Alara Kalama: Nếu nghe pháp này,

Alara Kalama sẽ mau thâm hiểu".

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này? Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay có Uddaka Ramaputta-là bậc tri thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Uddaka Ramaputta. Vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Rồi chur Thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, *Uddaka Ramaputta đã mệnh chung ngày hôm qua*". Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Uddaka Ramaputta đã mệnh chung hôm qua". Nay các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Uddaka Ramaputta. Nếu nghe pháp này, Uddaka Ramaputta sẽ mau thâm hiểu".

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "*Nhóm năm Tỷ-kheo này đã hầu hạ Ta khi Ta còn nỗ lực tinh cần, nhóm ấy thật giúp ích nhiều. Vậy ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho nhóm năm Tỷ-kheo!*" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay nhóm năm Tỷ-kheo ở tại đâu?" Này các Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy *nhóm năm Tỷ-kheo hiện ở Baranasi (Ba la nại), tại Isipatana, vườn Lộc Uyển.* Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi ở tại Uruvela lâu cho

đến khi mãn ý, Ta lên đường đi đến Baranasi.

Này các Tỷ-kheo, một tà mạng ngoại đạo tên là Upaka, đã thấy Ta khi Ta còn đi trên con đường giữa Gaya và cây Bò-đề.

Sau khi thấy, vị ấy nói với Ta:

"– Các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết. Này Hiền giả, vì mục đích gì, Hiền giả xuất gia? Ai là bậc Đạo Sư của Hiền giả? Hiền giả hoan hỷ thọ trì pháp của ai?"

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với tà mạng đạo Upaka bài kệ như sau:

"– Ta, bậc Thắng tất cả,
Ta, bậc Nhất thiết Trí.
Hết thấy pháp, không nhiễm,
Hết thấy pháp, xả ly.
Ta sống chân giải thoát,
Đoạn tận mọi khát ái.
Như vậy Ta tự giác,
Còn phải y chỉ ai?
Ta không có Đạo Sư,
Bậc như Ta không có.
Giữa thế giới Nhơn, Thiên,

*Không có ai bằng Ta.
Bậc Ứng Cúng trên đời,
Bậc Đạo Sư vô thượng.
Tự mình Chánh Đẳng Giác,
Ta an tịnh, thanh thoát.
Để chuyển bánh xe Pháp.
Ta đến thành Kàsi.
Giống lên trống bát tử,
Trong thế giới mù lòa.*

"– Như Hiền giả đã tự xưng, Hiền giả xứng đáng là bậc Chiến thắng Vô tận.

*"– Như Ta, bậc Thắng giả,
Những ai chứng lậu tận,
Ác pháp, Ta nhiếp phục,
Do vậy, Ta vô địch".
(Này Upaka)*

Này các Tỷ-kheo, sau khi được nói vậy, tà mạng ngoại đạo Upaka nói với Ta:

"– Này Hiền giả, mong rằng sự việc là vậy".

Nói xong, Upaka lắc đầu rồi đi theo một ngã khác.

– Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tuần tự đi đến Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển, đi đến chỗ nhóm năm Tỷ-kheo ở.

Này các Tỷ-kheo, nhóm năm Tỷ-kheo khi thấy Ta từ xa đi đến, đã cùng nhau thỏa thuận như sau: *"Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đang đi đến; vị này sống trong sự sung túc, đã từ bỏ tình cần, đã trở lui đời sống đầy đủ vật chất. Chúng ta chớ có đánh lễ, chớ có đứng dậy, chớ có lấy y bát. Hãy đặt một chỗ ngồi, và nếu vị ấy muốn, vị ấy sẽ ngồi".*

Này các Tỷ-kheo, nhưng khi Ta đi đến gần, năm Tỷ-kheo ấy không thể giữ đúng điều đã thỏa thuận với nhau. Có người đến đón Ta và cầm lấy y bát, có người sắp đặt chỗ ngồi, có người đem nước rửa chân đến. **Nhưng các vị ấy gọi Ta bằng tên với danh từ Hiền giả (Avuso).** Này các Tỷ-kheo khi ta nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo, chớ có gọi Ta bằng tên và dùng danh từ Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Hãy lắng tai, **Pháp bất tử đã chứng được**, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các Ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, mục đích vô thượng của phạm hạnh mà các Thiện nam tử, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, nhóm năm

Tỷ-kheo nói Ta:

"– Hiền giả Gotama, với nếp sống này, với đạo tu này, với khổ hạnh này, Hiền giả đã không chứng được Pháp siêu nhân, tri kiến, thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thì này làm sao Hiền giả, với nếp sống sung túc, với sự từ bỏ tinh cần, với sự trở lui đời sống vật chất đầy đủ, lại có thể chứng được Pháp siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tinh cần, không trở lui đời sống vật chất đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, hãy lóng tai, Pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyên giáo, các Ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như

trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc... (như trên)... các Ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ ba, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"– Này các Tỷ-kheo, từ trước đến nay, các Ông có chấp nhận là Ta chưa bao giờ nói như vậy chăng?

"– Bạch Thế Tôn chưa bao giờ như vậy.

"– Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. **Hãy lóng tai, Pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp.** Sống đúng theo lời khuyến giáo, các Ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt được ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của phạm hạnh mà các Thiện

nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông sẽ an trú".

Này các Tỷ-kheo, Ta đã làm cho nhóm năm Tỷ-kheo chấp nhận. *Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho hai Tỷ-kheo, thì ba Tỷ-kheo kia đi khát thực. Đồ ăn mà ba Tỷ-kheo này khát thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho ba Tỷ-kheo, thì hai Tỷ-kheo kia đi khát thực. Đồ ăn mà hai Tỷ-kheo này khát thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.*

Này các Tỷ-kheo, chúng năm Tỷ-kheo, sau khi được Ta thuyết giảng, sau khi được Ta khuyến giáo, tự mình bị sanh, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chúng Niết-bàn và đã chúng được cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chúng Niết-bàn, tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái không chết... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chúng Niết-bàn, và đã chúng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chúng Niết-bàn. Tri và kiến khởi lên nơi họ: "*Sự giải*

thoát của chúng ta không bị dao động, đây thức gì được hiện khởi như vậy đều quy là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa".

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trường dưỡng. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy, là năm dục trường dưỡng.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn".

Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn."

Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn

hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn".

Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn". Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Chư Tỷ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chúng và trú Thiền thứ nhất,

một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các vị Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chương ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm

mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú **Thức Vô biên xứ**. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú **Vô sở hữu xứ**. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú **Diệt thọ tướng** (định). Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tầm

tay của Ác ma.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo
hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

220 Cầu nguyện - Cầu nguyện có được gì không - Kinh BỐN NGHIỆP CÔNG ĐỨC – Tăng I, 676

BỐN NGHIỆP CÔNG ĐỨC – Tăng I, 676

1. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

2. - Có bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?

- "Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp". Đây là pháp thứ nhất, khả lạc ... khó được ở đời.
- "Tài sản đã được đúng pháp, mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy". Đây là pháp thứ hai, khả lạc ... khó được ở đời.
- "Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy, mong rằng ta sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài". Đây là pháp thứ ba, khả lạc ... khó được ở đời.

- "Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy, sau khi được sống lâu, họ trì thọ mạng kéo dài, mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta **sanh lên cõi thiện**, cõi Trời, cõi đời này". Đây là pháp thứ tư, khả lạc ... khó được ở đời.

Bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

3. Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có **bốn pháp đưa đến chứng được những pháp ấy**. Thế nào là bốn?

- Đầy đủ lòng **tin**,
- Đầy đủ **giới**,
- Đầy đủ bố **thí**,
- Đầy đủ trí **tuệ**.

4. Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ lòng tin?

- Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: Vị này là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Này Gia chủ, đây gọi là đầy đủ lòng tin.

5. Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ giới?

- Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh ... từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Này Gia chủ, đây gọi là đầy đủ giới.

6. Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ bố thí?

- Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử sống ở gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích san sẻ vật bố thí. Này Gia chủ, đây gọi là đầy đủ bố thí.

7. Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ trí tuệ?

- Này Gia chủ, sống với tâm bị dục tham chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm. Do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc.
- Này Gia chủ, sống với tâm vị sân hận chinh phục ... sống với tâm bị hôn trầm thụy miên chinh phục ... sống với tâm bị trạo hối chinh phục ... sống với tâm bị nghi chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc đáng làm; do làm việc không nên làm, không làm việc đáng làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc.

8. Nay Gia chủ, Thánh đệ tử ấy:

- Sau khi biết được **dục tham** là uế nhiễm của tâm, từ bỏ dục tham uế nhiễm của tâm;
- Sau khi biết được **sân hận** là uế nhiễm của tâm, từ bỏ sân hận, uế nhiễm của tâm;
- Sau khi biết được **hôn trầm** thụy miên là uế nhiễm của tâm;
- Sau khi biết được **trạo hối** là uế nhiễm của tâm;
- Sau khi biết được **nghi** là uế nhiễm của tâm, từ bỏ nghi, uế nhiễm của tâm;

Này Gia chủ, đây gọi là vị Thánh đệ tử có đại trí tuệ, có trí tuệ rộng lớn, bước vào giới vực minh kiến, đầy đủ trí tuệ. Đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp này đưa đến chứng được những pháp ấy.

9. Vị Thánh đệ tử ấy, này Gia chủ, với tài sản thâm hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra, đúng pháp, thâm hoạch đúng pháp, là người đã làm **bốn hành động**. Thế nào là bốn?

10. Ở đây, này Gia chủ, Thánh đệ tử, với tài sản thâm hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức

mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâm hoạch đúng pháp, tự làm mình an lạc, hoan hỷ, chơn chánh đem lại an lạc, giúp cha mẹ được an lạc hoan hỷ, giúp vợ con, người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hỷ, chơn chánh đem lại an lạc, giúp bạn bè thân hữu được an lạc hoan hỷ, là người chơn chánh đem lại an lạc. Đây là trường hợp thứ nhất, vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

11. Lại nữa, này Gia chủ, Thánh đệ tử, với tài sản thâm hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâm hoạch đúng pháp, với tài sản ấy, tự làm cho mình được an toàn, chống lại những tai họa từ lửa đến, từ nước đến, từ vua đến, từ ăn trộm đến, từ các thù nghịch đến. Đây là trường hợp thứ hai vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

12. Lại nữa, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản ... thâm hoạch đúng pháp. Với tài sản ấy, *vị ấy tổ chức năm loại lễ hiến cúng:*

- Hiến cúng cho bà con,
- Hiến cúng cho khách,
- Hiến cúng cho các vong linh quá khứ,
- Hiến cúng cho vua,

- **Hiến cúng cho chư Thiên.**

Này Gia chủ, đây là trường hợp thứ ba vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

13. Lại nữa, này Gia chủ, Thánh đệ tử với tài sản ...
thâu hoạch đúng pháp, đối với những vị Sa-môn, Bà-la-môn sống từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, an trú trên
nhẫn nhục, nhu hòa, an tịnh tự mình, nhiếp phục tự
mình, làm lắng dịu tự mình; đối với những Sa-môn,
Bà-la-môn như vậy, vị ấy tổ chức sự cúng dường tối
thượng, thuộc về cõi Trời, đem đến quả lạc dị thực,
đưa đến Thiên giới. Này Gia chủ, đây là trường hợp
thứ tư vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng
phương xứ.

14. Vị Thánh đệ tử ấy, này Gia chủ, với tài sản thâu
hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức
mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu
hoạch đúng pháp; với tài sản ấy, vị ấy là người đã
làm được bốn hành động này.

- *Nếu tài sản của ai, được tiêu dùng không đúng với
bốn hành động này, những tài sản này được gọi
là **tài sản đi đến không lợi ích**, đi đến không
thành đạt, đạt được sự hưởng thọ không đúng
phương xứ.*

- Nếu những tài sản của ai, được tiêu dùng với bốn hành động này, những tài sản này được gọi là những **tài sản đi đến lợi ích**, đi đến thành đạt, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

Tài sản ta thọ hưởng,
Gia nhân được nuôi dưỡng,
Chính nhờ các tài sản,
Do ta tránh tai họa,
Ta cúng dường tối thượng,
Làm năm loại hiến vật,
Hộ trì bậc trì giới,
Bậc tự điều, Phạm hạnh,
Mục đích gì bậc trí,
Trú nhà, cầu tài sản,
Mục đích ấy Ta đạt,
Được làm không hối hận.
Người nào nhớ nghĩ vậy,
An trú trên Thánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau được hoan hỷ,
Trên cảnh giới chư Thiên.

221 Cầu nguyện - Cầu nguyện có được gì không - Kinh PHÁP LUỘC THUYẾT – Tăng III, 683

PHÁP LUỘC THUYẾT – *Tăng III, 683*

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay! bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Như vậy, ở đây, một số người ngu si, thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, **họ nghĩ Ta là người họ cần phải đi theo.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thành phố vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

2.- Vậy này Tỷ-kheo, **Thầy cần phải học tập như sau:**

"Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

3. Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của Thầy được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi xâm chiếm tâm và có chân đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Từ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

4. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Bi tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Hỷ tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Xả tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

5. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

6. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán tho trên các cảm thọ ... quán tâm trên các tâm ... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

7. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào Thầy đi, chỗ ấy Thầy đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ đứng, chỗ ấy Thầy đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ ngồi, chỗ ấy Thầy ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ nằm, chỗ ấy Thầy sẽ nằm được an ổn.

8. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, thanh tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đây là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những

việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

222 Cầu nguyện - Hộ nghi Ta là người họ cần phải đi theo - Kinh PHÁP LUỘC THUYẾT – Tăng III, 683

PHÁP LUỘC THUYẾT – *Tăng III, 683*

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay! bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Như vậy, ở đây, một số người ngu si, thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, **hộ nghi Ta là người họ cần phải đi theo.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thành phố vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

2.- Vậy này Tỷ-kheo, **Thầy cần phải học tập như sau:**

"Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

3. Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của Thầy được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi xâm chiếm tâm và có chân đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Từ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

4. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Bi tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Hỷ tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Xả tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

5. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tâm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tâm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

6. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán tho trên các cảm thọ ... quán tâm trên các tâm ... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

7. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tâm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tâm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào Thầy đi, chỗ ấy Thầy đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ đứng, chỗ ấy Thầy đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ ngồi, chỗ ấy Thầy ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ nằm, chỗ ấy Thầy sẽ nằm được an ổn.

8. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, thanh tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đây là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những

việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

223 Cầu nguyện - Không có thần lực nào để ra lệnh.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh):** "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".
- ➔ Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng **giới**, để học tập tăng thượng **tâm**, để học tập tăng thượng **tuệ**, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

224 Cầu nguyện - Không phải do cầu xin mà được - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379

KHẢ LẠC – Tăng II, 379

1. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

2. - Có năm pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

Thế nào là năm?

- **Tuổi thọ** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Dung sắc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **An lạc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Tiếng đồn tốt** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Cõi trời** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp này, khả lạc, khả ý khó tìm được ở đời.

→ **Này Gia chủ, năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được.**

3. Này Gia chủ, nếu năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, **thời ai ở đời này lại héo mòn vì một lẽ gì?**

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng, không có thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. *Vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

4. Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc, không có thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc. *Vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc cần phải thực hành con đường dẫn đến dung sắc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến dung sắc, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được dung sắc, vị

ấy nhận lãnh được dung sắc hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

5. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không có thể cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. *Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc hoặc chư Thiên, hoặc loài Người.

6. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt, không có thể do cầu xin tiếng tốt hay tán thán để làm nhân đem đến tiếng tốt. *Vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt cần phải thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt, vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt hoặc chư Thiên, hoặc loài Người

7. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có được Thiên giới, không có do cầu xin Thiên giới hay tán thán để làm nhân đem đến Thiên giới. *Vị thánh đệ tử muốn có Thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến Thiên giới.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến Thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được Thiên giới, vị ấy nhận lãnh được Thiên giới.

*Thọ mạng và dung sắc,
Tiếng tốt và danh vọng,
Thiên giới và quý tộc,
Được người đời ngày đêm,
Luôn luôn và rộng mở,
Cầu xin và cầu nguyện.
Còn bậc Hiền tán thán,
Không phóng dật phước hành,
Bậc Hiền không phóng dật,
Chúng được hai lợi ích,
Lợi ích ngay hiện tại,
Và lợi ích đời sau,
Vị nào thực hiện được,
Lợi ích và mục đích,
Vị ấy đáng được gọi,
Bậc Trí giả, Hiền giả.*

225 Cầu nguyện - Không phải do cầu xin mà được - Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401

KINH TEVIJJA (KINH TAM MINH) – Bài kinh số 13 – Trường I, 401

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasàkata. Tại đây, ở Manasàkata, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati (A-trí-la-phạt-đề), phía Bắc làng Manasàkata.
2. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào ở tại Manasàkata như Bà-la-môn Canki (Thường -già), Bà-la-môn Tàrukkha (Đa-lê-xa) Bà-la-môn Pokkharasàti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jànussoni (Sanh Lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào khác.
3. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa Vàsettha (Bà-tát-sá) và Bhàradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tỉnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ tư duy.

4. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy.

5. Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy.

6. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja, cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vàsettha.

7. Khi ấy thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja:

- Nay Bhàradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở

Manasàkata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati, phía Bắc làng Manasàkata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama:

"Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Nay Bhàradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và

Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Tôn giả, xin vâng!

Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vāsettha.

8. Lúc bấy giờ hai thanh niên Bà-la-môn Vāsettha và Bhàradvāja đến Thế Tôn, khi đã đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy.

Tôi nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy". Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy". Tôn giả Gotama, đó là sự tranh luận, sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

9. Nay Vāsettha, Người nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy".

Còn thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy". Này Vāsettha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

10. - Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo. Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhāriyā, các vị Bà-la-môn Tittiriya, và các vị Bà-la-môn Chandokā, các vị Bà-la-môn Chandavā, các vị Bà-la-môn Brāhmacariyā - tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần trị trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng. Cũng vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác - như các Bà-la-môn Addhāriyā, các vị Bà-la-môn Tittiriya, các vị Bà-la-môn Chandokā, các vị Bà-la-môn Chandavā, các vị Bà-la-môn Brāhmacariyā. Tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

- Này Vāsettha, có phải Người nói: "Chúng dẫn đến?"

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vasettha, có phải Người nói: "Chúng dẫn đến".
- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".
- Nay Vasettha, có phải Người nói: "Chúng dẫn đến".
- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

12. - Thế nào Vasettha? Có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà tận mắt đã thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.
- Thế nào Vasettha? Có tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên?
- Tôn giả Gotama, không có vị nào.
- Thế nào Vasettha? Có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt nhìn thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

13. - Thế nào, nay Vasettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A-sá-ca) Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Angirasa

(Ương-kỳ-sá), Bhàradvaja (Bạt-la-đà-phan-xà), Vàsettha (Bà-tát-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cữ), những vị này có nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?"

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

14. - Nay Vàsettha, như vậy Người nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà và đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmita, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các bà Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà

đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, **nhưng chúng tôi thuyết dạy** con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vasettha, Ngươi nghĩ thế nào? **Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?**

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

15. - Này Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy. *Này Vasettha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.* Như vậy, này

Vasettha lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, người đầu không thấy, giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tương, là lời nói trống rỗng.

16. - Nay Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác - có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn?

- Thưa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác có thể thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

17. - Nay Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà - như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng mặt trời mọc và lặn, những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời không? Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo?

- Tôn giả Gotama, không thể được!

18. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác, thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn,

những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo".

Người cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị

Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Anigirasa, Bhàradvàja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực

đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Này Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?"**

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, này Vasettha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Thật không có sự kiện ấy.**

19. Này Vasettha, như có người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-lý, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, ấp nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và đã ái luyến một người Ông

không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh xác, hợp lý.

20. - Cũng vậy, này Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy

con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". *Này Vasettha, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?*

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không có sự kiện ấy.

21. Này Vasettha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?". Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?". Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy,

thời có phải lời nói người kia không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

22. - Cũng vậy, này Vasettha. Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên.

Người cũng nói trong những ẩn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được bình tán và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vamaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu?" Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên

nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chính xác hợp lý.

23. - Lành thay, Vasettha. Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Thật không có sự kiện ấy.

24. *Này Vasettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây**". Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?***

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

25. - Cũng vậy, này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, những vị này đã nói: "Chúng tôi cầu khấn Indra (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khấn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khấn Vanena (Bà-lư-va), chúng tôi cầu khấn Isàna (Y-sa-na), chúng tôi cầu khấn Pajàpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khấn Brahmà (Phạm thiên), chúng tôi cầu khấn Mahiddhi (Ma-hi-đề), chúng tôi cầu khấn Yama (Dạ-ma). **Này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà ấy, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn - vì kêu gọi, vì cầu khấn, vì hy vọng, vì tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không có sự kiện ấy.**

26. - *Này Vàsettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tiến đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia, và muốn lội qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!**" Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khấn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?*

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

27. - Cũng vậy, này Vàsettha, **có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh.** Năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận.. những xúc do thân cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc. Này Vàsettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Này Vàsettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

28. - Này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.

29. - *Này Vàsettha, như sông Acivarati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. **Người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ.** Này Vàsettha, nhà Ngươi nghĩ thế nào? **Người ấy có thể từ bên này của sông Aciravati đến bờ bên kia không?***

- Tôn giả Gotama, không có thể được.

30. - Cũng vậy, này Vàsettha, **có năm triền cái được gọi là chướng ngại**, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục cái, sân cái, hôn trầm thuy miên cái, trao hồi cái, nghi cái. Này Vàsettha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược. Này Vàsettha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đây, bị trói buộc bởi năm triền cái này, Này Vàsettha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đây, bị trói buộc bởi năm triền cái, **sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.**

31. Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà-la-môn niên cao lập trường, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không? **Phạm**

thiên có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không sân tâm?

- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, có tự tại.

32. - Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, có hận tâm.

- Có sân tâm hay không có sân tâm?

- Tôn giả Gotama, có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, không có tự tại.

33. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, Phạm thiên

không có tham ái. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

34. - Lành thay, Vàsettha. Này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái ấy sau khi thân hoại mang chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

35. - Này Vàsettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

36. - Lành thay, Vàsettha. Này Vàsettha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà sau khi thân hoại mang chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

Này Vàsettha, ở đời các Bà-la-môn đều có tinh thông ba tập Vedà, khi các vị này ngồi (với sự tư

tín), thật sự đang chìm (trong bùn lầy), và khi đang chìm (trong bùn lầy) phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy đối

với những Bà-la-môn tinh thông Vedà **sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.**

37. Khi nghe vậy, thanh niên Bà-la-môn Vàsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

- Nay Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Ở đây có người sinh trưởng ở Manasàkata, nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasàkata. Nay Vàsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng ở Manasàkata, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải?

- Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó khăn. Vì có sao? Tôn giả Gotama, người ấy sinh trưởng ở Manasàkata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasàkata.

38. - Nay Vàsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng Manasàkata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn hỏi đến con đường đưa đến Manasàkata **nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường**

đưa đến Phạm thiên giới! Nay Vasettha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới.

39. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vasettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: "Sa-môn Gotama, giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Lành thay, nếu Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la-môn!
- Nay Vasettha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ? Ta sẽ nói:

40. Nay Vasettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tin ngưỡng ấy, vị này

suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp, thanh tịnh. Mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc.

43. Nay Vasettha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, này Vasettha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh... (như kinh Sa-môn Quả, số 43 - 75) do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (như kinh Sa-môn Quả số 75-98).

76. **Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ,** cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy

cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

77. Nay Vasettha, **như người lực sĩ thối tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn.** Cũng vậy này Vasettha, **đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, câu hữu với từ.** Nay Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

78. Lại nữa, này Vasettha, vị Tỷ-kheo an trú, **biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

79. Nay Vasettha, như người lực sĩ thối tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vasettha, **đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, cùng khởi với xả.** Nay Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

80. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không có hận tâm?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.
- Có sân tâm hay không có sân tâm?
- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại?
- Tôn giả Gomata, có tự tại.

81. Này Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.
- Lành thay, Vasettha. Này Vasettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

Này Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm. Tỷ-kheo có tự tại, Phạm Thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.

- Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

82. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vàsettha và Bharadvàja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama,! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

226 Cầu nguyện - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565

KINH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ (*Bodhirajakumara sutta*)

– *Bài kinh số 85 – Trung II, 565*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, tại Sunsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển.

Lúc bấy giờ, vwang tử Bodhi có một ngôi lâu đài tên Kokanada dựng lên không bao lâu và chưa được một Sa-môn, một Bà-la-môn hay một hạng người nào ở cả. Rồi vương tử Bodhi gọi thanh niên

Sanjikaputta và nói:

– Này Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít ñảo, khinh an, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít ñảo, khinh an, lạc trú, và bạch như sau: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Sanjikaputta vâng đáp vương tử Bodhi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Sanjikaputta đang ngồi một bên và bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thanh niên Sanjikaputta, sau khi biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến vương tử Bodhi, sau khi đến, thưa với vương tử Bodhi:

– Chúng tôi đã nhân danh Tôn giả, bạch lên Thế Tôn Gotama như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo". Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

Rồi vương tử Bodhi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xá của mình cho sửa soạn các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và cho trải vải trắng lâu đài

Kokanada cho đến tầm cấp thấp nhất (pacchima),
rồi gọi thanh niên Sanjikaputta:

– Này Thanh niên Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy báo giờ cho Thế Tôn được biết: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng". Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xá của vương tử Bodhi. Lúc bảy giờ, vương tử Bodhi chờ đón Thế Tôn đến, đang đứng ở cửa ngoài. Vương tử Bodhi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền tiến đến đón, đánh lễ Thế Tôn, đi đầu hướng dẫn đến lầu đài Kokanada. Rồi Thế Tôn đứng sát vào tầm cấp thấp nhất. Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng. Lần thứ hai, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để cho con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn im lặng. Lần thứ ba, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ... (như trên)... an lạc lâu dài.
Rồi Thế Tôn nhìn Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda thưa với vương tử Bodhi:

– Thừa vương tử, hãy cho cuộn lại tấm vải, Thế Tôn không có đi bộ trên vải, Như Lai còn nghĩ đến những người thấp kém.

Rồi vương tử Bodhi cho cuộn lại tấm vải, cho sửa soạn các chỗ ngồi tại tầng trên lầu Kokanada. Rồi Thế Tôn bước lên lầu đài Kokanada, và ngồi trên ghế đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Rồi vương tử Bodhi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Bodhi, khi Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ".

– Nay Vương tử, **trước khi giác ngộ, thành bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là vị Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ.** Và Ta, nay Vương tử, sau một thời gian, khi còn niên thiếu, non trẻ, tóc đen nhánh...(như Tập I, Kinh Thánh Cầu, từ trang 367 đến trang 373, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn".

Nhưng nay Vương tử, có thí dụ khởi lên nơi Ta..., (như Tập I, Đại Kinh Saccaka, từ trang 529 đến

trang 543, thay thế "Này Aggivesana" với "Này Vương tử")... sống nhiệt tâm, tinh cần".

Rồi này Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được thật thâm sâu... (như Tập I, Kinh Thánh Cầu từ 374 đến trang 386, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... Sáu người sống, với các đồ ăn mà hai Tỷ Kheo này khát thực đem về. Như vậy, này Vương tử, chúng năm vị Tỷ-kheo được Ta giáo giới như vậy, giáo huấn như vậy, không bao lâu chúng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà con cháu các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến.

Khi được nói vậy, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– ***Độ bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được mục đích tối cao... (như trên)... và an trú?***

– Này Vương tử, ở đây, Ta sẽ hỏi Vương tử. Tùy theo Vương tử có thể kham nhẫn, Vương tử hãy trả lời. Này vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? **Vương tử có thiện xảo trong nghề cưỡi voi và trong kỹ thuật dùng câu móc không?**

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn, con thiện xảo trong nghề cưỡi voi và kỹ thuật dùng câu móc.

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây **có người đến và nói:** "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật

cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".

Nếu người ấy không có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.

Nếu người ấy hiều bệnh, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.

Nếu người ấy gian trá, xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy không đạt được.

Nếu người ấy biếng nhác, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy không đạt được.

Nếu người ấy có liệt tuệ, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy không đạt được.

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu thành tựu chỉ một đức tánh, người ấy cũng không có thể học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh!

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây, **có người đến và nói**: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".

Nếu người ấy có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **ít bệnh**, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **không gian trá, không xảo trá**, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **tinh tấn, cần mẫn**, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy đạt được.

Nếu người ấy **có trí tuệ**, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy đạt được.

Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu cho thành tựu chỉ một đức tánh, cũng có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh.

– Cũng vậy, này Vương tử, **có năm tinh tấn chi này**. Thế nào là năm?

Ở đây, này Vương tử, vị Tỷ-kheo **có lòng tin**, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Vị ấy **ít bệnh**, ít nã, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn.

Vị ấy **không gian trá**, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đời với bậc Đạo sư, đời với các vị có trí hay đời với các vị đồng Phạm hạnh.

Vị ấy **sống tinh cần**, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đời với các thiện pháp.

Vị ấy **có trí tuệ** thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt (của các pháp), với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Này Vương Tử, như vậy là **năm tinh cần chi**. Này Vương tử, vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy năm.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy năm, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)...

và an trú sáu năm... (như trên)... năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm. Này Vương tử, đừng nói chi một năm, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú bảy tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú ngay trong sáu tháng... (như trên)... trong

năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi nửa tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú trong bảy đêm ngày. Này Vương tử, đừng nói chi bảy đêm ngày, Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này sáu đêm ngày... (như trên)... năm đêm ngày, bốn đêm ngày, ba đêm ngày, hai đêm ngày, một đêm ngày.

Này Vương tử, đừng nói chi một đêm ngày, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng, thời sẽ chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! Nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng thời chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Sanjikaputta thưa với Vương tử Bodhi:

– Như vậy, Tôn giả Bodhi này đã nói: "Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! " Nhưng Vương tử không nói thêm: "Tôi quy

y Tôn giả Gotama này, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng".

– Nay Sanjikaputta, chớ có nói như vậy! Nay Sanjikaputta, chớ có nói như vậy!

Này Sanjikaputta, mặt trước mặt đối diện với mẫu thân của ta, ta tự nghe như sau: "Một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại tu viện Ghosita. Mẫu thân ta đang mang thai, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, mẫu thân ta bạch với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, đưa con này của con, dù là con trai hay con gái, cũng xin quy y với Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận nó làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, nó trọn đời quy ngưỡng*".

Lại một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại Sumsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Rồi người vú của ta, ẵm ta bên hông, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, người vú của ta bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận vương tử này làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, xin trọn đời quy ngưỡng*".

Và nay, này Sanjikaputta, lần thứ ba ta quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. "*Mong*

*Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng
chung, con trọn đời quy ngưỡng".*

227 Cầu nguyện - Như Lai chỉ là Người chỉ đường - Kinh GANAKA MOGGALLANA – 107 Trung III, 107

KINH GANAKA MOGGALLANA (*Ganaka Moggallana sutta*)

– Bài kinh số 107 – Trung III, 107

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Pubbarama, nơi
lâu đài của Migaramatu (Đông Viên Lộc Mẫu
Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Gananka Moggallana
đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời
chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào
đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ganaka
Moggallana bạch Thế Tôn:

Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài
Migaramatu này, có thể thấy được một học tập tuần
tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là
những tầng cấp của lâu thượng cuối cùng.

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị
Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần tự, một
công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học
hỏi (các tập Veda).

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị
bần cung này, được thấy một học tập tuần tự, một
công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghề
thuật bần cung.

Cũng vậy, Thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng
con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số,
cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình
tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thưa
Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử,
trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau:
"Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần,
năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám
lần, chín, chín lần, mười, mười lần". Và thưa Tôn
giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.

*Có thể trình bày chẳng, thưa Tôn giả Gotama,
trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học
tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như
vậy?*

– Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và
luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự
công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa
thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện,
trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương,
rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác.

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một
người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện

người ấy như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy giữ giới hạnh**, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới"*.

Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy hộ trì các căn**, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.. thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn"*.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chọn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui*

đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như đang nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác**, khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát,

thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "*Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng rom*". Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng rom. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt:

Vị ấy *từ bỏ tham ái ở đời*, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.

Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.

Từ bỏ trạo cử hồi tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếc.

Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Sau khi đoạn trừ năm triền cái ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt:

Vị ấy *ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất*, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, đối với những *Tỳ-kheo nào là bậc hữu học*, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.

Còn đối với những vị *Tỳ-kheo là bậc A-la-hán*, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallana
bạch Thế Tôn:

– *Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn
Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy,
có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích
Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?*

– Này Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được
khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chứng
được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng
được.

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì
trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con
đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả
Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả
Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như
vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu
cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?

– Này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông
kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Này Bà-la-môn,
Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến
Rajagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến
Rajagaha.

– Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một
người, muốn đi đến Rajagaha, người này đến Ông
và nói như sau: "*Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến
Rajagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến*

Rajagaha". Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian.

*Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". **Dầu cho người ấy được khuyên giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.***

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rajagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi". Rồi Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao

hồ mỹ diệu". Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rajagaha một cách an toàn.

– Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rajagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rajagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rajagaha một cách an toàn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, ***Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.***

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggalana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thẳng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn

uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đâu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đâu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhứt tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng. Cũng vậy **là lời khuyến giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời khuyến giáo hiện nay.**

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

228 Cầu nguyện - Tu đúng cách mới có kết quả, cầu xin làm sao được - Kinh Cán Búa – Tương III, 272

Cán Búa – Hay Chiếc Thuyền – *Tương III, 272*

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - **Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy.**

4) Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi, đây là các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Do **biết** như vậy, do **thấy** như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

5) Này các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: "*Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu, hoặc không có chấp thủ!*". Tuy vậy, tâm của vị ấy cũng **không** giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

6) Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì?

- Không có tu tập **Bốn niệm xứ**.
- Không có tu tập **Bốn chánh cần**.
- Không có tu tập **Bốn như ý túc**.
- Không có tu tập **Năm căn**.
- Không có tu tập **Năm lực**.
- Không có tu tập **Bảy bồ đề phần**.
- Không có tu tập **Thánh đạo Tám ngành**.

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà**, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.*

8) Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "*Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và*

đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

9) Vì sao? *Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

11) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

12) *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

13) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy **có** tu tập. Có tu tập cái gì?

- **Có** tu tập **Bốn niệm xứ.**
- Có tu tập **Bốn chánh cần.**
- Có tu tập **Bốn như ý túc.**
- Có tu tập **Năm căn.**
- Có tu tập **Năm lực.**
- Có tu tập **Bảy giác chi.**
- Có tu tập **con đường Thánh đạo Tám ngành.**

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà**. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

15) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

16) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

17) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

18) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **người thợ đá** hay **đẽ tể người thợ đá**, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy". **Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.***

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập **không** có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". **Nhưng vị ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).**

20) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **chiếc thuyền** đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn*

sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát (?).

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

229 Cầu nguyện - Tu đúng cách mới có kết quả, cầu xin làm sao được - Kinh PHÙ–DI – 126 Trung III, 353

KINH PHÙ–DI (*Bhùmija sutam*)

– *Bài kinh số 126 – Trung III, 353*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhumija vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhumija, sau khi đến nói lên với Tôn giả Bhumija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử

Jayasena thưa với Tôn giả Bhumija:

– Thưa Tôn giả Bhumija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không

đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị". Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhumija có nói gì, và có lập luận gì?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mắt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, **Thế Tôn có giải thích như sau:**

**"Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (ayoniso), thời không đạt được quả vị;
Nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
Nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng thời không đạt được quả vị.**

**Còn nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
Nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
Nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị".**

Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhumija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường.

Rồi vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhumija, dùng với bát ăn (thalipaka) của mình.

Rồi Tôn giả Bhumija, sau bữa ăn khát thực trở về đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhumija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, bạch Thế Tôn, vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn vương tử Jayasena nói với con như sau:

"Thưa Tôn giả Bhumija, một số Sa-môn, Bà-la-môn, ... bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với vương tử Jayasena, như sau: "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... ". , ... Tôi nghĩ

rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường". *Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc lời Thế Tôn với điều không đúng sự thực, nhưng con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích?*

– Thật vậy, này Bhumija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, Ông nói đúng lời Thế Tôn nói, Ông không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, Ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có **tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định**, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời không đạt được quả vị. **Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.**

*Ví như, này Bhumija, một người cần dầu, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu. Sau khi **đổ cát***

vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu).

*Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. **Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được dầu.***

Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thì họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **một người cần sữa**, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa, **nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa**. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện...*

Nếu người ấy có và không có ước nguyện... Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, nó không lấy được sữa. Vì sao vậy? Đây Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sữa. Cũng vậy, này

Bhumija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm cầu sanh tô, sau khi đổ nước vào một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi

đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô.

Vì sao vậy? Đây Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô. Cũng vậy, này

Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định, nếu họ có ước

nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa. Người ấy **đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa**, nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện, nếu người ấy không có và không không có ước nguyện đem phần trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được lửa.*

Cũng vậy, này Bhumija, có những Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không thể đạt được quả vị. Vì có sao? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. **Vì có sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.**

Ví như, này Bhumija, một người cần dầu, cầu tìm dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu). Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được dầu.

Cũng vậy, này Bhumija những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không

không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp có thể đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa. Và người ấy **vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ**. Nếu người ấy có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sữa.*

Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... (như trên)... có chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô; **sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh, thời người ấy lấy được*

sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy, đánh, người ấy lấy được sanh tô. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sanh tô. Cũng vậy, này Bhumija, những Samôn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị. Ví như, này Bhumija, có một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa. Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhumija,

những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt kết quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây là phương pháp đưa đến quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, này Bhumija, khởi đến từ nơi Ông cho vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhumja hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

230 Cầu nguyện - Tu đúng cách mới có kết quả, cầu xin làm sao được - Kinh SỰ TU TẬP – Tăng III, 454

SỰ TU TẬP – Tăng III, 454

1. - *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!". Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

*Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? - Không có tu tập **Bốn niệm xứ**, không có tu tập **Bốn chánh cần**, không có tu tập **Bốn như ý túc**, không có tu tập **Năm căn**, không có tu tập **Năm lực**, không có tu tập **Bảy Bồ-đề phần**, không có tu tập **Thánh đạo tám ngành**.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được

sanh ra một cách an toàn", tuy vậy, các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn! Vì có sao? - Nay các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy không được con gà mái nằm ấp một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

2. *Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.*

Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần, có tu tập Bốn như ý túc, có tu tập Năm căn, có tu tập Năm lực, có tu tập Bảy Bồ-đề phần, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!", tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay từng ấy cán búa của

ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, có đầy đủ cột buồm và dây buồm bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông, các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng. Rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát.**

231 Cầu nguyện - Đức Phật có độ được cả thế giới không - Kinh Người Đất Phương Tây hay Người Đã Chết – Tương IV, 488

Người Đất Phương Tây hay Người Đã Chết –
Tương IV, 488

1) Một thời Thế Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvārikamba.

2) Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), **nhờ nước được thanh tịnh**. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhấc bổng và mang vị ấy ra ngoài (uyyāpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể

thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

4) -- **Vậy, này Thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn hãy trả lời.**

5) *Này Thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

6) -- *Ví như, này Thôn trưởng, có người lấy một **tảng đá lớn** ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này*

Thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

7) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu

khẩn của quần chúng đông đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

8) -- *Ví như, này Thôn trưởng, có người nhận chìm một **ghè sữa đông** (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thì nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!". Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ

nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Nhưng người này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

9) Khi nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

232 Cầu nguyện - Đức Phật có độ được hết thế giới không - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502

UTTIYA – Tăng IV, 502

*(Thế Tôn thuyết pháp để làm gì; ngoại đạo chất vấn;
con đường đưa đến khổ diệt; Thế Tôn - có bao nhiêu
người được giải thoát)*

1. Bấy giờ có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Uttiya nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

- Nay Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai

có tồn tại sau chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

2- Thừa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

- Thừa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường? ... có phải thế giới là có biên tế? ... có phải thế giới không có biên tế? ... có phải sinh mạng và thân thể là một? ... có phải sinh mạng và thân thể là khác? ... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau chết? ... có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Như Lai không tồn

tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng."

- Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên?

- Với thắng trí, này Uttiya, Ta thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để chánh lý được chứng đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.

- "Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngộ",
thời do vậy, cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba?

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.

3. **Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ như sau:** "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: "Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ư quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lời" và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya." Rồi Tôn giả Ananda nói với du sĩ Uttiya:

4.- Vậy này Uttiya, Ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy thác canh vững chắc, và chỉ có một cửa vào. Tại đây, người giữ cửa là người sáng suốt, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy, người ấy có thể không thấy một kẻ hở trong thành hay lỗ trống trong thành lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biết được: "Tùng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này, nhưng điều này nó biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này", tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cửa thành này.

Cũng vậy, này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng (câu hỏi này của Thầy) là có phải toàn thể giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thể giới, hay là một phần ba? Những điều Như Lai nói là như sau: "**Những ai đã được thoát ra khỏi thể giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên Bốn niệm xứ; sau khi như thật tu tập Bảy giác chi, như vậy các vị ấy đã thoát khỏi, đang thoát khỏi, sẽ thoát khỏi thể giới**".

Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà Thầy đã hỏi Thế Tôn đứng trên một lập trường khác. Đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho Thầy.

233 Cầu phước cho gia đình - Kinh UJJAYA – Tăng I, 629

UJJAYA – Tăng I, 629

1. Rồi Bà-la-môn Ujjaya đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ujjaya bạch Thế Tôn:

- Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?

2. - Này Bà-la-môn, Ta không tán thán tất cả loại tế đàn. Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn.

- Trong loại tế đàn nào, này Bà-la-môn, bò bị giết, dê cừu bị giết, gà heo bị giết, các loài sinh vật khác đi đến bị giết hại, loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn, liên hệ đến sát sanh; **Ta không tán thán loại tế đàn ấy**. Vì có sao? Tế đàn có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán, và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán không có đi đến.
- Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn, trong ấy không có bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị

giết, này Bà-la-môn, Ta tán thán tể đàn không có sát sanh như vậy, tức là **bố thí thường làm từ lâu, tể đàn cầu hạnh phúc cho gia đình**. Vì có sao? Tể đàn không có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán có đi đến.

*3. Lễ tể ngựa, tể người,
Lễ uống nước thắng trận,
Lễ ném cầu may rủi,
Lễ rút lui khóa cửa,
Lễ ấy nhiều sát sanh,
Không đem lại quả lớn.*

*Chỗ nào giết dê cừu,
Bò và sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tể đàn như vậy
Họ không có đi tới.*

*Tể đàn không sát sanh,
Thường cầu phước gia đình,
Không giết dê, cừu, bò,
Không giết sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,*

*Tại tế đàn như vậy,
Họ đến tế đàn ấy.*

*Lễ ấy bậc trí làm,
Tế đàn ấy quả lớn,
Tế đàn vậy tốt lành,
Không đem đến ác hại,
Tế đàn càng to lớn,
Chư Thiên càng hoan hỷ.*

234 Cầu tịch tịnh - Kinh Thời Gian Trôi Qua – Tương I, 12

Thời Gian Trôi Qua – *Tương I, 12*

... (Nhân duyên ở (Sàvatthi), đứng một bên, vị Thiên
ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Thời gian (lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến (chơn) an lạc.*

(Thế Tôn):

*(Thời gian lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

235 Cầu tịch tịnh - Kinh Đưa Đến Đoạn Tận – Tương I, 11

Đưa Đến Đoạn Tận – *Tương I, 11*

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.*

(Thế Tôn):

*Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

Thời Gian Trôi Qua – *Tương I, 12*

... (Nhân duyên ở (Sàvatthi)), đứng một bên, vị Thiên
ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Thời gian (lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến (chơn) an lạc.*

(Thế Tôn):

*(Thời gian lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

236Cẩn thận khen chê - Con người được sinh ra với búa trong miệng - Kinh Kokàlika – Tương I, 329

Kokàlika – Tương I, 329

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi **Tỷ-kheo Kokàlika** đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

4) Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

- Nay Kokàlika, chớ có nói như vậy. Nay Kokàlika, chớ có nói như vậy. Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

5) Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn đáng tin tưởng, rất đáng tin cậy; nhưng Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

6) Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Này Kokàlika, chớ có nói như vậy. Này Kokàlika, chớ có nói như vậy. Này Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

7) Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

--.. Họ bị ác dục chi phối.

8) Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tỷ-kheo Kokàlika:

--.. Sariputta và Moggallàna thật là hòa ái.

9) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên phải hướng về Ngài, rồi ra đi.

10) Tỷ-kheo Kokàlika ra đi **không** được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụn nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh (mugga). Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn (kalàya). Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng rolatthi (hột cây jujube, cây táo?). Từ hột rolatthi, chúng lớn lên bằng hột kolama. Từ hột kolama,

chúng lớn lên bằng hột amala (a-ma-la quả). Từ quả amala, chúng lớn lên bằng quả beluva chưa chín. Từ quả beluva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả billa. Từ hình lớn bằng quả billa, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mủ.

11) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokàlika sanh trong *địa ngục Sen hồng*, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

12) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên.

13) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, sau khi mệnh chung Tỷ-kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

14) Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

15) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

-- Nay các Tỷ-kheo, hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Và bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika sau khi mệnh chung đã sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm thù hận đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna*". Nay các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

16) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, bao nhiêu lâu là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?

17) -- Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng. Không dễ gì tính được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm.

18) -- *Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng một ví dụ?*

19) Thế Tôn đáp:

-- Có thể được, này Tỷ-kheo.

Này Tỷ-kheo, *ví như có một bao hạt mè, nặng hai mươi khàrika, theo đo lường ở nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hạt mè.*

Này Tỷ-kheo, *còn mau hơn là bao hạt mè, nặng hai mươi khàrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh (với tuổi thọ) ở địa ngục **Abhuda**.*

Này Tỷ-kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Abhuda** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Nirabbuda**.*

Này Tỷ-kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Nirabbuda** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ababa**.*

Này-Tỷ kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Ababa** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Atata**.*

Này Tỷ-kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Atata** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ahaha**.*

Này Tỷ-kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Ahaha** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda**.*

Này Tỷ-kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Sogandhika**.*

Này Tỷ-kheo, *hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Sogandhika** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Uppala** (**Sen xanh**).*

Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pundarika (Sen trắng)**.

Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sen trắng bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pudumà (Sen hồng)**.

Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokàlika sanh tại địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

20) Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thế lại nói thêm:

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do nơi miệng của mình,
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Bị tan hoang tài sản,*

Trong giờ phút đỏ đen.

*Lớn hơn sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình.*

*Ai đối xử ác ý,
Vớ chữ Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai vớ lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

237Cẩn thận khen chê - Con người được sinh ra với búa trong miệng - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327

Tudu brahmà – *Tương I*, 327

1) Tại Sàvatthi.

2) Lúc bảy giờ Tỷ-kheo Kokàlika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi **Bích-chi Phạm thiên Tudu** khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokàlika.

4) Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa nhã.

5) -- Ông là ai, này Hiền giả?

6) -- Ta là Bích-chi Phạm thiên Tudu.

7) -- *Này Hiền giả, phải chăng Ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng quả **Bất lai**. Vậy Ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của Ông như thế nào?*

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với **bú** trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình;
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc,*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc (rủi may),
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!*

*Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình!*

*Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,*

*Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

238Cẩn thận khen chê - Con người được sinh ra với búa trong miệng - Kinh TỖ KHEO KOKÀLIKA – Tăng IV, 467

TỖ KHEO KOKÀLIKA – Tăng IV, 467

1. Bấy giờ có Tỳ-kheo Kokàlika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, **Tôn giả Kokàlika** bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ hai, Tỳ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.*"

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: ... Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

2. Rồi Tỷ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi đi ra.

Tỷ-kheo Kokàlika ra đi không bao lâu, toàn thân của Tỷ-kheo Kokàlika nổi lên **những mụn to bằng hạt cải**; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng **hột đậu**; sau khi lớn lên bằng hột đậu, chúng lớn lên bằng **hạt đậu lớn**; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng **hòn sỏi**; sau khi lớn bằng hòn sỏi Kolatthi, chúng lớn lên bằng **hột táo**; sau khi lớn lên bằng hột táo, chúng lớn lên bằng **trái Àmala**, chúng lớn lên bằng **trái dừa** (trái vilva); sau khi lớn lên bằng trái dừa vilva, chúng lớn lên bằng **trái billa** (trái dừa đã chín); sau khi lớn lên bằng trái billa, **chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra**. Tại đây, nó nằm trên lá chuối, như con cá ăn phải đồ độc.

3. Lúc ấy có **độc giác Phạm thiên Tudu** đi đến Tỷ-kheo Kokàlika, sau khi đến, đứng trên hư không và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

- Này Kokàlika, hãy đặt tâm tịnh tín nơi Sàriputta và Moggallàna! Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

- Ông là ai?

- **Ta là độc giác Phạm thiên Tudu.**

- Thừa Hiền giả, có phải Hiền giả là người được Thế Tôn trả lời là đã **chứng Bất lai**? Sao người lại đến đây? Hãy xem như thế nào người đã lầm lạc trong vấn đề này.

Rồi độc giác Phạm thiên Tudu nói lên với Tỷ-kheo Kokàlika bài kệ này:

*-Con người được sanh ra,
Sanh với bú trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*-Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*-Nhỏ thay, bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

-Bất hạnh này lớn hơn,

*Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý
Đối với chư Thiện Thệ.*

*-Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Với ni-rab-bu-đa,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm a-bu-đa,
Phải sanh vào địa ngục
Chịu khổ đau tại đây.*

4. Rồi Tỷ-kheo Kokàlika, do chứng bệnh ấy mệnh chung. Sau khi chết, Tỷ-kheo Kokàlika sanh vào địa ngục sen hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên, đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn: "***Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna***". Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ

Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay Phạm thiên Sahampati khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên, đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thưa với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo, Kokàlika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàripuuta và Moggallàna*". Nay các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

6. Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lâu dài bao nhiêu, là tuổi thọ ở địa ngục sen hồng?

- Nay Tỷ-kheo, tuổi thọ ở địa ngục sen hồng, rất khó mà tính được. Có chừng ấy năm, hay có chừng ấy trăm năm, hay có chừng ấy ngàn năm, hay có chừng ấy trăm ngàn năm.

- *Bạch Thế Tôn, có thể cho một ví dụ được chăng?*

- Có thể được, này Tỷ-kheo, một cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè. Rồi một người cứ sau một trăm năm, một trăm năm lấy lên một hột mè. Mau hơn này Tỷ-kheo là cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè, do phương pháp này, đi đến tận sạch, không còn gì nữa, cũng chưa đủ là **một Abbuda địa ngục**.

1. *Địa ngục **Abbuda**.*
2. *Ví như, hai mươi abbuda địa ngục là bằng một **Nirabbuda** địa ngục.*
3. *Ví như, hai mươi Nirabbuda địa ngục là bằng một **Ababà** địa ngục.*
4. *Ví như, hai mươi ababà địa ngục bằng một **Ahaha** địa ngục.*
5. *Ví như, hai mươi ahaha địa ngục là bằng một **Atato** địa ngục.*
6. *Ví như, hai mươi atato địa ngục bằng một **Kumodo** địa ngục.*
7. *Ví như, hai mươi kumodo địa ngục là bằng một **Sogandhika** địa ngục.*
8. *Ví như, hai mươi sogandhika địa ngục bằng một **Uppalako** địa ngục.*
9. *Ví như, hai mươi uppalako địa ngục bằng một **Pundarika** địa ngục.*

10. Ví như, hai mươi pundarika địa ngục bằng một **Paduma** địa ngục.

Này Tỷ kheo, Tỷ kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Paduma (sen hồng), vì khởi lên ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Con người được sanh ra
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

*Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình.*

*Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện thế.*

*Ai chỉ trích bậc Thánh,
Vớ lời, vớ ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Vớ **Ni-rab-bu-da**,
Còn thêm ba mươi sáu,
Vớ năm **A-bu-đa**,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.*

239Cẩn thận khen chê - Kinh GANH TỊ – Tăng II, 536

GANH TỊ – Tăng II, 536

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Ganh tị;
- Xan tham;
- Bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

4. Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thẩm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Có** suy xét, có thẩm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Không có ganh tị;
- Không có xan tham;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

-

TRI KIẾN – *Tăng II, 537*

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- **Không** suy xét, không thẩm sát, **tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Không** suy xét, không thẩm sát, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Có tà kiến;
- Có tà tư duy;
- Bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thâm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Có** suy xét, có thâm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Có chánh tri kiến;
- Có chánh tư duy;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

LỜI NÓI – *Tăng* II, 538

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: **tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy** và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

TINH TẤN – Tǎng II, 538

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

240Cẩn thận khen chê - Kinh KHÔNG TÁN THÁN TƯƠNG XÚNG – Tăng II, 736

KHÔNG TÁN THÁN TƯƠNG XÚNG – *Tăng II*, 736

1. - Thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không có suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin (làm rõ ràng) vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Không suy xét, không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Làm rơi rớt các vật tín thí.

Do thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

4. Thế nào là năm?

- Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Có suy xét, có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Không làm rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

241Cẩn thận khen chê - Kinh MẬT GỐC – Tăng I, 552

MẬT GỐC – Tăng I, 552

1. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu**, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là bốn?

- **Không** có suy xét, không có cứu xét, **tán thán** người không đáng tán thán;
- **Không** có suy xét, không có cứu xét, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **tín nhiệm** tại những chỗ không đáng tín nhiệm;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **bất tín** nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

2. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nào là bốn?

- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tán thán những người không đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tán thán những người đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự bất tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều điều phước đức.

*Ai khen người đáng chê
Ai chê người đáng khen
Kẻ ấy với miệng lưỡi
Chứa chấp điều bất hạnh
Do vì bất hạnh ấy*

Không tìm được an lạc.

*Nhỏ nhen không đáng kể
Là loại bất hạnh này
Bất hạnh do cò bạc
Phá hoại các tài sản*

*Lớn hơn, lớn hơn nhiều
Là loại bất hạnh này
Cho tất cả mọi người
Và cả với riêng mình
Những ai với ác ý
Đối với bậc Thiện thế
Trải qua một trăm ngàn
Thời **Nirabbudà**
Và cộng ba mươi sáu
Với năm **Abbudà**
Bị sanh vào địa ngục
Trong suốt thời gian ấy
Nếu mắng nhiếc bậc Thánh
Với lời, ý, nguyện ác.*

242Cẩn thận khen chê - Kinh SÁT SANH – Tăng I, 546

SÁT SANH – Tăng I, 546

❖ **Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba?**

- **Tự mình** sát sanh,
- **Khích lệ** người khác sát sanh,
- **Tùy hỷ** sự sát sanh.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục.

❖ **Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh thiên giới. Thế nào là ba?**

- Tự mình từ bỏ sát sanh,
- Khích lệ người khác từ bỏ sát sanh,
- Tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới.

LẤY CỬA KHÔNG CHO – Tăng I, 547

(Giống như kinh trên, chỉ khác đây là *lấy của không cho*) ...

TÀ HẠNH TRONG DỤC VỌNG – Tăng I, 547

(Giống như kinh trên, chỉ khác đây là *tà hạnh trong dục vọng*) ...

156-162 ...

... (Giống như kinh trên, chỉ khác tuần tự các pháp sau này: *nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham, san, tà kiến*) ...

243Cẩn thận khen chê - Kinh TRI KIẾN – Tăng II, 537

TRI KIẾN – Tăng II, 537

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Có tà kiến;
- Có tà tư duy;
- Bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thẩm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Có** suy xét, có thẩm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Có chánh tri kiến;
- Có chánh tư duy;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

LỜI NÓI – *Tăng II, 538*

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: **tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy** và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

TINH TẤN – *Tăng II, 538*

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: **tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy** và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

244Cẩn thận khen chê - Kinh TÁN THÁN – Tăng I, 713

TÁN THÁN – Tăng I, 713

1. - Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn?

- **Không** suy tư, không thẩm sát, **tán thán** người không xứng đáng được tán thán;
- **Không** suy tư, không thẩm sát, **không tán thán** người xứng đáng được tán thán;
- Không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy **tin tưởng** đối với những chỗ không đáng tin tưởng
- Không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy **không tin tưởng** đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

- **Có** suy tư, có thẩm sát, **không tán thán** người không xứng đáng được tán thán;

- Có suy tư, có thẩm sát, tán thán người xứng đáng được tán thán;
- Có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không xứng đáng được tin tưởng;
- Có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

PHẦN NỘ – Tăng I, 714

(Như kinh trên, (83), chỉ khác về bốn pháp:

- **Tôn trọng** phần nộ, không tôn trọng **diệu pháp**;
- Tôn trọng gièm pha, không tôn trọng diệu pháp;
- Tôn trọng lợi dưỡng, không tôn trọng diệu pháp;
- Tôn trọng cung kính, không tôn trọng diệu pháp).

245Cẩn thận khen chê - Kinh TÁN THÁN – Tăng II, 534

TÁN THÁN – Tăng II, 534

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni tương xứng như vậy bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Không suy xét, không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Bác bỏ các vật dụng tín thí.

Do thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni tương xứng như vậy được sanh lên cõi Trời.

Thế nào là năm?

- Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Có suy xét, có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Không bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

246Cẩn thận khen chê - Kinh XAN THAM

1 – Tăng II, 738

XAN THAM 1 – Tăng II, 738

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- **Không** suy xét, không thẩm sát, **tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Không** suy xét, không thẩm sát, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Xan tham trú xứ, tham đắm trú xứ;
- Xan tham gia đình, tham đắm gia đình;
- Làm cho rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

4. Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thẩm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;

- Có suy xét, có thẩm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Không xan tham trú xứ, không tham đắm trú xứ;
- Không xan tham gia đình, không tham đắm gia đình;
- Không làm cho rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

XAN THAM 2 – Tăng II, 739

(Nnhư kinh trước #237, bỏ "tham đắm trú xứ", bỏ "tham đắm gia đình", thay thế "làm cho rơi rớt vật thí" bằng "xan tham lợi dưỡng". Phần sau có những thay đổi cần thiết.)

XAN THAM 3 – Tăng II, 739

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.
2. Thế nào là năm?

- Xan tham chỗ ở,
- Xan tham gia đình,
- Xan tham lợi dưỡng,
- Xan tham tán thán,
- Làm cho các vật tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

4. Thế nào là năm?

- Không xan tham chỗ ở,
- Không xan tham gia đình,
- Không xan tham lợi dưỡng,
- Không xan tham tán thán,
- Không làm cho vật tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

XAN THAM 4 – *Tăng II, 739*

(Hoàn toàn giống như kinh #239, chỉ khác pháp thứ năm là "xan tham pháp", thế cho "làm cho vật tín thí rơi rớt".)

247Cầu thả - Kinh CHỨNG NHÂN – Tăng III, 235

CHỨNG NHÂN –Tăng III, 235

1- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thối đạo",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến hay thù thắng",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- Làm việc không chu toàn
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thời đoạn",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến"
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

248Cầu thả - Kinh SỨC MẠNH – Tăng III, 237

SỨC MẠNH –Tăng III, 237

1. - Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong Thiên định.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không thiện xảo đạt được thiên định,
- Không thiện xảo an trú được Thiên định,
- Không thiện xảo xuất khỏi thiên định,
- Làm việc không chu toàn,
- Làm việc không kiên trì,
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong Thiên định.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong Thiên định. Thế nào là sáu?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo thiện xảo đạt được Thiên định,

- Thiện xảo an trú được Thiền định,
- Thiện xảo xuất khỏi Thiền định,
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có kiên trì,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định.

249 Cậ tử nghiệp - Kinh PHAGGUNA – Tăng III, 163

PHAGGUNA –Tăng III, 163

1. Lúc bấy giờ, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn đi đến Tôn giả Phagguna, vì lòng từ mẫn.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Phagguna. Tôn giả Phagguna thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, muốn rời khỏi giường. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Thôi được rồi, Phagguna! Thầy chớ có rời khỏi giường. Đã có những chỗ ngồi đã soạn từ trước, Ta sẽ ngồi tại các chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Nay Phagguna, mong rằng Thầy có thể kham nhẫn! Mong rằng Thầy có thể chịu đựng! Mong rằng các

khô thọ được giảm thiểu, không tăng trưởng! Mong rằng triệu chứng giảm thiểu được thấy rõ, không tăng trưởng!

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn. Con không có thể chịu đựng. Khô thọ của con tăng trưởng, không có giảm thiểu. Triệu chứng tăng trưởng được thấy rõ, không có giảm thiểu!
- Bạch Thế Tôn, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, những ngon gió kinh khủng thổi lên, đau nhói trong đầu con. Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Khô thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, như một người lực sĩ lấy một dây nit bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng, khô thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, như một người đồ tể thiên xảo hay đê tử người đồ tể cắt ngang bung với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một

ngon gió kinh khủng cắt ngang bụng của con.

Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

- Bạch Thế Tôn, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nường người ấy, đốt người ấy trên một hố than hồng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

Rồi Thế Tôn, với pháp thoại, nói lên cho Tôn giả Phaggunā biết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi.

2. Rồi Tôn giả Phaggunā, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền mệnh chung. *Trong khi Tôn giả lâm chung, các căn được sáng chói.* Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phaggunā, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, đã mệnh chung. *Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói.*

- Nay Ànanda, tại sao các căn của Tôn giả Phagguna lại không sáng chói chứ? Nay Ànanda, với Tỷ-kheo Phagguna, tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử.

❖ Có sáu lợi ích này, nay Ànanda, nếu nghe pháp đúng thời, và thâm sát ý nghĩa đúng thời.

Thế nào là sáu?

3. Ở đây, nay Ànanda, Tỷ-kheo tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mạng chung, được thấy Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ nhất, nay Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời.

4. Lại nữa, nay Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Thế Tôn, nhưng chỉ được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Nay Ànanda, đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời.

5. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai. Nhưng với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt; do vị ấy, với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt, nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ ba khi *thẩm sát ý nghĩa đúng thời.*

6. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời.

7. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mạng chung không được thấy Như Lai, chỉ được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh

tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Nay Ànanda, đây là lợi ích thứ năm khi được **nghe pháp đúng thời.**

8. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử Như Lai. Nhưng với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suốt, do vị ấy với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này.* Nay Ànanda, đây là lợi ích thứ sáu khi **thẩm sát ý nghĩa đúng thời.**

Có sáu lợi ích này, này Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời, và khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

250 Cậ tử nghiệp - Kinh ĐẠI NGHIỆP PHÂN BIỆT – 136 Trung III, 483

KINH ĐẠI NGHIỆP PHÂN BIỆT (Mahakammavibhanga sutta)

– Bài kinh số 136 – Trung III, 483

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Samiddhi trú tại một cái cốc trong rừng. Rồi **du sĩ ngoại đạo Potaliputta** tiêu dao tản bộ, tuần tự du hành, đi đến **Tôn giả Samiddhi**; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Samiddhi những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potaliputta thưa với Tôn giả Samiddhi:

– Này Hiền giả Samiddhi, trước mặt Thế Tôn, tôi tự thân nghe, tự thân ghi nhận như sau: "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Và có một Thiên chứng (samapatti), do thành tựu Thiên chứng này, sẽ không có cảm giác gì".

– Này Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy. Này Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy. Chớ có phỉ

báng Thế Tôn; phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy: "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật". Và Hiền giả, có một Thiên Chứng, do thành tựu thiên chứng này, sẽ không có cảm giác gì.

– Ngài xuất gia đã bao lâu, thưa Hiền giả Samiddhi?

– Không lâu, thưa Hiền giả. Có ba năm.

– Nay ở đây chúng tôi còn hỏi các Tỷ-kheo trưởng lão làm gì khi một tân Tỷ-kheo nghĩ rằng cần phải bảo vệ vị Đạo sư như vậy. Thưa Hiền giả Samiddhi, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thì người ấy có cảm giác gì?

– Nay Hiền giả Potaliputta, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thì người ấy cảm giác khổ đau.

Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta, không tán thán cũng không phản đối lời nói của Tôn giả Samiddhi.

Không tán thán, không phản đối, du sĩ ngoại đạo Potaliputta từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi du sĩ ngoại đạo Potaliputta ra đi không bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi kể lại cho Tôn giả Ananda tất cả cuộc đàm thoại với du sĩ

ngoại đạo Potaliputta. Sau khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Tôn giả Samiddhi:

– Này Hiền giả Samiddhi, đây là đề tài một câu chuyện cần phải yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Samiddhi, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến hãy trình bày lên Thế Tôn rõ ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Ananda và Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda, trình lên Thế Tôn tất cả câu chuyện giữa Tôn giả Samiddhi với du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, **Ta chưa từng thấy du sĩ ngoại đạo Potaliputta**, thời câu chuyện này từ đây xảy ra? Này Ananda, câu hỏi đáng lý phải trả lời phân tích rõ ràng cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta, lại được kẻ ngu si Samiddhi này trả lời theo một chiều.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udayi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nếu đây là ý nghĩa của Tôn giả Samiddhi nói lên, thời cảm giác gì người ấy cảm thọ là cảm giác khổ đau.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, hãy xem con đường sai lạc của kẻ ngu si Samiddhi này. Này Ananda, Ta biết rằng, nếu nay kẻ ngu si Samiddhi này mở miệng ra (để cập vấn đề gì), ông ấy sẽ mở miệng đề cập một cách không như lý (ayoniso). **Này Ananda, thật sự chỗ khởi thủy của du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi là về ba cảm thọ.**

Này Ananda, nếu kẻ ngu si Samiddhi này được du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi như vậy và trả lời như sau:

"Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác lạc thọ.

« Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến khổ thọ, người ấy sẽ cảm giác khổ thọ.

"Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến bất khổ bất lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác bất khổ bất lạc thọ".

Nếu trả lời như vậy, này Ananda, kẻ ngu si Samiddhi đã trả lời một cách chơn chánh cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Và lại nữa, này Ananda, những kẻ du sĩ ngoại đạo ngu si, kém học, họ sẽ hiểu được đại phân biệt về

nghiệp của Như Lai, này Ananda, nếu Ông nghe Như Lai phân tích **Đại phân biệt về nghiệp**".

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời; bạch Thiện Thế nay đã đến thời, Thế Tôn hãy phân tích đại phân biệt về nghiệp! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– **Này Ananda, có bốn loại người này có mặt ở đời.**
Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ananda, có người **sát sanh**, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sanh vào cõi dữ**, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng ở đây, này Ananda, có người **sát sanh**... (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sanh vào thiện thú**, Thiên giới, cõi đời này.

Ở đây, này Ananda, có người **từ bỏ sát sanh**, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân

tâm, có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được **sanh vào thiện thú**, Thiên giới, cõi đời này.

Nhưng ở đây, này Ananda, có người **từ bỏ sát sanh**, ... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sanh vào cõi dữ**, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ở đây, này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vị ấy nói như sau: **"Thật sự có những ác nghiệp, có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho... nói hai lưỡi... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục"**. Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho ... (như trên) ... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc

tà trí. Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, ... (như trên).. vị ấy thấy có người sát sanh, lấy của không cho... (như trên).. có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: *"Thật sự không có những ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho... (như trên).... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này"*. Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến; "sau khi thân hoại mạng chung, họ đều được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến". Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, ... (như trên).. vị ấy thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không

cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: **"Thật sự có những thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh.** Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí". Như vậy, điều này vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, có Sa-môn ... (như trên) ... vị ấy thấy có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vị ấy nói như sau: **"Thật sự không có những thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh.** Và Ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Vị

ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến". Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau:

"Chắc chắn có ác nghiệp, có quả báo ác nghiệp".

Như vậy, Ta **chấp nhận** cho vị ấy.

Vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Như vậy, Ta cũng **chấp nhận** cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho (như trên)....; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai

biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến"; như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy. Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy. Vì có sao? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp. Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau:

"Chắc chắn không có ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh". Như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy. Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... có ta kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta **chấp nhận** cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến"; như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố:

"Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy. Vì có sao? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau:

"Chắc chắn có thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh". Như vậy Ta **chấp nhận** cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta cũng **chấp nhận** cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho ... (như trên) ... tất cả sau khi thân hoại mạng chung; họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến", như vậy, Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố:

"Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy. Vì có sao? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp. Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau:

"Chắc chắn không có thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh ". Như vậy, Ta **không chấp nhận** cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Như vậy, Ta **chấp nhận** cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)... có chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục"; như vậy, Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến"; như vậy, Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư

vọng". Như vậy, Ta cũng **không chấp nhận** cho vị ấy. Vì có sao? **Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.**

1. Ở đây, này Ananda, người nào **sát sanh**, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục....** **Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm lúc trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.** Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.** **Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.**

2. Ở đây, này Ananda, người nào **sát sanh**, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị **sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này...** **Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.** Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.** **Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có**

tà kiến, người ấy **phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.**

3. Ở đây, này Ananda, người nào **từ bỏ sát sanh**, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sinh vào thiện thú**, Thiên giới, cõi đời này... **Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.** Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sinh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.** **Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại, hay trong một đời khác.**

4. Ở đây, này Ananda, người nào **từ bỏ sát sanh**, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **bị sanh vào cõi dữ**, ác thú, đọa xứ, địa ngục... **Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.** Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy **sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.** **Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không**

cho... (như trên)... có chánh kiến, người ấy phải
lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay
trong một đời khác.

*Như vậy, này Ananda,
Có nghiệp vô hữu tợ vô hữu,
Có nghiệp vô hữu tợ hữu,
Có nghiệp hữu tợ hữu,
Có nghiệp hữu tợ vô hữu.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.